

*Michael Scott*

Thanh Tuyên dịch  
In lần thứ 7

THE SORCERESS

# NỮ PHÙ THỦY

Bí mật của Nicholas Flamel bất tử



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



# Kindle Kobo Vietnam

[www.facebook.com/groups/yeukindlevietnam](http://www.facebook.com/groups/yeukindlevietnam)

Keep Calm  
and  
Read a Book



Tên sách

**Bí Mật Của Nicholas Flamel Bất Tử - Nữ Phù Thủy - Tập 3**

Nguyên tác

**The Secrets of the Immortal Nicholas Flamel - The Sorceress - Vol 3**

Tác giả

**Michael Scott**

Dịch giả

**Hoàng Dạ Thi**

Nhà Xuất Bản

**NXB Trẻ**

Năm

**2020 [thuvien-ebook.com](http://thuvien-ebook.com)**

—★—

The Alchemyst - The Magician -★ **The Sorceress** ★- The Necromancer -  
The Warlock - The Enchantress



[Lời dẫn](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)



## SỞ HỮU NỘI DUNG

—ooOoo—

Chúng tôi hoạt động và muốn lan tỏa tình yêu với sách, dù vậy chúng tôi luôn khuyến khích độc giả mua sách giấy và chỉ tải ebook khi không tìm thấy ở nơi nào khác.

Bản quyền thuộc về tác giả và đơn vị phát hành.

Nội dung trong ebook này hoàn toàn lấy từ nguồn dữ liệu của bên thứ ba. Vì vậy, nếu phát sinh tranh chấp, làm ơn cố gắng liên lạc với họ, đồng thời gửi kèm email cho chúng tôi, chúng tôi sẽ có gỡ bỏ đường dẫn tải sách ngay khi được yêu cầu.



ebook © fb.com/groups/yeukindlevietnam



Giờ thì tôi thấy mình thật mệt mỏi, quá sức mệt mỏi.

Và tôi đang già đi rất nhanh. Các khớp xương cứng nhắc, thị lực không còn tinh tường và tai phải căng ra mới nghe rõ được. Hơn năm ngày qua tôi buộc phải sử dụng năng lượng của mình, và điều đó đã làm quá trình già nua của tôi tăng tốc đáng kể. Tính ra tôi đã già đi ít nhất cả thập kỷ - có lẽ còn hơn thế - chỉ mới tính từ thứ năm tuần trước. Nếu tôi muốn sống, tôi phải lấy lại kỳ được Cuốn sách của Abraham, và tôi không thể - thật tình là không dám - liều lĩnh sử dụng năng lượng của mình nữa.

Tuy nhiên, Dee đang giữ cuốn Codex, và tôi biết mai một đây, buộc lòng tôi lại phải sử dụng luồng điện đang dần dần suy yếu của mình nữa rồi.

Tôi phải làm như vậy thôi, nếu vợ chồng chúng tôi muốn tồn tại.

Cứ mỗi lần sử dụng năng lượng là mỗi lần tôi tiến gần đến cái chết hơn ... và một khi tôi chết đi, cả Perenelle cũng chết, thì không còn ai đứng lên đấu tranh chống lại Dee và các Elder đen tối nữa hết. Khi chúng tôi chết rồi, thế giới sẽ phải giống lên hồi chuông kết thúc.

Nhưng chúng tôi chưa chết được đâu.

Và lại chúng tôi còn có cặp sinh đôi kia mà. Lần này là cặp sinh đôi thật, cặp song sinh đúng như huyền thoại với luồng điện tinh khiết vàng và bạc. Chẳng nào cặp song sinh này còn sống được, tức là vẫn còn hy vọng.

Chúng tôi sẽ vào London. Tôi sợ thành phố này hơn mọi thành phố khác, vì đó chính là trung tâm quyền lực của Dee. Lần gần đây nhất tôi và Perenelle ở trong thành phố này là tháng Chín năm 1666, tay Pháp sư gần như đã thiêu rụi thành phố ra đất để cố bắt chúng tôi cho bằng được. Từ ấy đến nay, chúng tôi chưa bao giờ trở lại đây. London thu hút các Elder từ khắp nơi trên địa cầu: họ quy tụ về thành phố này nhiều hơn bất cứ nơi nào khác trên trái đất. Ở đây, các Elder, Thế hệ Kế tiếp, và những người bất tử tha hồ di chuyển tự do trên khắp mọi nẻo đường mà không bị ai để ý, và tôi biết ít nhất có đến hơn một chục Vương quốc Bóng tối nằm rải rác trên khắp Quần đảo Anh.

Những đường năng lượng gặp nhau và cùng đổ về đây, trên vùng đất của người Celt cổ, nhiều hơn ở bất kỳ đất nước nào khác, và tôi cầu xin rằng với năng

lượng được Đánh thức của cặp song sinh, chúng tôi có thể dùng những đường tuyến này để quay trở về San Francisco, quay về với Perenelle của tôi.

Và nơi đây cũng còn có sự hiện diện của Vua Gilgamesh, người bất tử già nhất thế giới. Kiến thức của ông hăng hà sa số và có thể sánh ngang với những bộ bách khoa toàn thư. Người ta cho rằng đã có lần ông từng là người canh giữ cuốn Codex, thậm chí ông còn biết cả Abraham thần thoại, người đã tạo nên cuốn sách ấy. Truyền thuyết kể rằng Gilgamesh biết tất cả các ma thuật cơ bản - mặc dù, thật kỳ lạ, ông không bao giờ sở hữu năng lượng để sử dụng chúng. Nhà Vua không hề có luồng điện. Tôi thường băn khoăn tự hỏi không biết điều đó giống như cái gì đây nữa: hiểu rõ quá nhiều thứ đến mức không thể tin được, có quyền truy cập kho tàng khôn ngoan thông thái của những người cổ xưa, biết nhiều mặt khẩu và thần chú có sức mạnh biến thế giới này thành thiên đường như trước đây... song lại không thể sử dụng những thứ ấy.

Tôi đã nói với Sophie và John rằng tôi cần Gilgamesh huấn luyện Pháp thuật Nước cho hai đứa và tìm được một đường tuyến sẽ đưa chúng tôi về nhà. Nhưng hai đứa không hề biết rằng quyết định này thật sự là một canh bạc liều mạng: nếu Nhà Vua từ chối, có nghĩa là chúng tôi sẽ bị mắc kẹt ngay giữa lãnh địa của Dee, không cách gì trốn thoát được.

Một điều nữa tôi cũng chưa nói cho hai đứa biết, đó là Gilgamesh hết sức, hết sức điên khùng... và lần gần đây nhất khi chúng tôi có dịp gặp nhau, lúc ấy ông ta đã nghĩ rằng tôi đang cố giết chết ông ta.

Trích từ Nhật ký của Nicholas Flamel, Nhà Giả kim

Viết vào hôm nay, thứ Hai, ngày 4 tháng Sáu,

tại London, thành phố của những kẻ thù địch với tôi.

Thứ Hai

Ngày 4 , tháng Sáu

"Có lẽ em trông thấy đúng bọn họ rồi".

Người thanh niên mặc chiếc áo parka (1) màu xanh lục, đứng ngay bên dưới chiếc đồng hồ tròn khổng lồ trong nhà ga St.Pancras, đang đưa chiếc điện thoại cầm tay ra xa khỏi tai và xem xét một tập tin .jpeg lóa nhòa hiện ra trên màn hình chữ nhật. Tay Pháp sư người Anh đã gửi tấm hình này một hai tiếng đồng hồ trước đây: ghi ngày 04/06, 11h 59 phút 00 giây, màu sắc nhợt nhạt và mờ cảm, bức ảnh lấm tấm nhiều hạt này trông giống như được lấy ra từ một camera an ninh đặt ở tầm cao khỏi đầu, cho thấy một ông già với mái tóc xám cắt ngắn, đi cùng với hai đứa nhỏ tuổi thiếu niên, đang trèo lên một chiếc xe lửa.

Vừa nhón chân, tên thanh niên vừa dôi mắt khắp nhà ga để tìm kiếm bộ ba mà hắn ta vừa thoáng thấy. Trong chốc lát, hắn ta nghĩ chắc mình đã để lạc mất họ trong đám đông như cám nghiền này, nhưng thậm chí nếu hắn ta có để mất, thì họ cũng không thể đi xa được: một trong những bà chị của hắn ta đã ở dưới cầu thang: một người khác ở ngoài đường phố, đang canh chừng lối ra vào.

Bây giờ, ông già và hai đứa thiếu niên kia đi đâu được nhỉ?

Cánh mũi nhỏ, hẹp nở rộng ra khi tên thanh niên cố phân loại giữa không biết bao nhiêu thứ mùi trong nhà ga. Hắn ta nhận ra và loại bỏ những mùi pha trộn của nhiều nôi giống người, vô số mùi nước hoa và chất khử mùi, dưới dạng chất keo hay sền sệt, mùi dầu mỡ béo ngậy của thức ăn chiên xào bay ra từ các tiệm ăn trong nhà ga, mùi hương đậm đặc của cà phê và mùi đặc trưng của dầu bôi trơn dùng cho động cơ và các toa xe lửa. Hắn ta nhắm mắt và ngửa đầu ra sau, hai cánh mũi nở rộng một cách khác thường. Mấy mùi hương hắn ta đang tìm kiếm phải cũ kỹ hơn, hoang dại hơn, phải khác thường...

Ba!

Mùi bạc hà: khuấy gợn lên trong thoáng chốc.

Mùi cam: thoang thoảng hết sức mơ hồ

Mùi vanilla: quện vương thành dấu vết vô cùng mờ nhạt

Giấu đằng sau cặp kính râm hình chữ nhật, đôi đồng tử màu đen ngả xanh lơ của hắn ta giãn rộng ra. Hắn ta hít hít trong không khí, lần bám theo những mùi hương mỏng manh như những sợi tơ giăng qua khắp nhà ga bao la này. Giờ thì hắn ta bắt được rồi!

Người đàn ông đứng tuổi nơi bức hình trong điện thoại đang sải bước xuống phòng đợi của nhà ga sờ sờ ngay đằng trước hắn ta. Ông mặc quần jeans đen cùng với áo khoác da đầy vết trầy xước, tay trái xách một chiếc va li nhỏ. Và hết như trong bức ảnh đã chụp lúc này, theo sau ông là hai đứa nhỏ độ tuổi thiếu niên tóc vàng hoe, đủ giống nhau để được cho là anh em hay chị em gì đó. Đứa con trai cao hơn đứa con gái, và cả hai đều đeo ba lô.

Tên thanh niên lấy điện thoại di động của hắn ta chụp ngay một tấm hình và gởi cho Tiến sĩ John Dee. Dù hắn ta không có gì ngoài sự khinh miệt dành cho tay Pháp sư người Anh này, nhưng không có lý do gì để hắn ta khiến mình trở thành kẻ thù của ông ta cả. Dee là tay chân của một người nhiều quyền chức hơn và chắc chắn là kẻ nguy hiểm nhất trong hết thảy các Elder đen tối.

Kéo cái mũ parka lên đầu, tên thanh niên quay người đi khi bộ ba kia tiến sát đến gần bên hắn ta, đồng thời hắn ta bấm số gọi người chị đang chờ dưới cầu thang: “Dứt khoát là Flamel và cặp sinh đôi rồi”, hắn ta lầm bầm trong điện thoại, nói bằng một thứ tiếng cổ xưa mà sau này rốt cuộc đã trở thành ngôn ngữ Gael. “Bọn chúng đang hướng về phía chị đó. Chúng ta sẽ bắt trọn ổ khi bọn chúng lên đến đường Euston”.

Khảy tay đóng nắp điện thoại, tên thanh niên trong chiếc áo parka có mũ trùm bắt đầu cất bước theo sau Nhà Giả kim và cặp sinh đôi người Mỹ. Hắn ta di chuyển dễ dàng qua đám đông đầu giờ buổi chiều, trông giống hệt như những cậu thiếu niên khác, không tên tuổi và không gây sự chú ý nào trong chiếc quần jeans nhếch nhác, đôi giày mềm mòn vẹt và áo khoác rộng rinh, đầu và mặt hắn ta giấu trong cái mũ trùm, đôi mắt không sao thấy được nằm ẩn sau cặp kính râm tối thui.

Mặc dù hình dạng như vậy, nhưng tên thanh niên này không bao giờ có mấy may gì là con người. Hắn ta và những bà chị của mình đã đến vùng đất này lần đầu tiên từ khi vùng đất còn dính vào lục địa châu Âu, và trải qua nhiều thế hệ được tôn kính như những vị thần. Hắn ta vô cùng phẫn nộ trước việc phải chạy như cừ lông công dưới sự sai bảo của Dee - cái thứ mà rốt cuộc chẳng có gì hơn là một giống người. Nhưng tay Pháp sư người Anh đã hứa với tên con trai đội mũ trùm một chiến lợi phẩm khoái khẩu: Nicholas Flamel, Nhà Giả kim huyền thoại. Chỉ thị của Dee thật rõ ràng: hắn ta và mấy bà chị sẽ có Flamel, nhưng cặp song sinh thì không được đụng tới. Đôi môi mỏng của tên con trai vận vẹo. Mấy bà chị hắn ta sẽ dễ dàng bắt lấy cặp song sinh, trong khi hắn ta có vinh dự ra tay giết

chết Flamel. Cái lưỡi đen trũi như than chì của hắn ta phóng ra khỏi khóe miệng, liếm láp cặp môi ngay khi ý tưởng này vừa ập đến. Hắn ta và mấy bà chị sẽ đánh chén đến hết sạch Nhà Giả kim trong suốt cả mấy tuần liền. Và, tất nhiên, chúng phải để dành những miếng ngon nhất cho Mẹ.

Nicholas Flamel bước chậm lại để Sophie và Josh bắt kịp ông. Gượng cười, ông chỉ tay vào bức tượng bằng đồng cao đến hơn chín mét bên dưới chiếc đồng hồ, khắc họa một cặp nam nữ đang ôm nhau: “Nó được đặt tên là Nơi Gặp gỡ”, ông nói lớn, và rồi nói thêm bằng một giọng thầm thì: “Chúng ta đang bị theo dõi”. Vẫn mỉm cười, ông nghiêng người vào Josh và lẩm bẩm “không được quay nhìn chung quanh nghe chưa, chỉ nghĩ đến thôi cũng không được”.

“Ai?” Sophie hỏi.

“Cái gì?” Josh nói chắc nịch. Cậu đang cảm thấy buồn nôn và hoa mắt choáng váng; các giác quan vừa mới được Đánh thức của cậu bị các mùi hương và âm thanh của nhà ga áp đảo dữ dội. Một cơn nhức đầu nhói lên từng cơn bên dưới phần xương sọ cậu, còn ánh sáng lại quá gay gắt đến nỗi cậu ước gì mình có được một cặp kính râm.

“Ừ - ‘Cái gì?’ mới là câu hỏi đúng hơn”, Nicholas nói dứt khoát. Ông giơ một ngón tay chỉ lên chiếc đồng hồ, ra vẻ như đang nói về nó. “Chú không rõ thật sự có cái gì ở đây”, ông thú nhận. “Một cái gì đó cổ xưa lắm. Chú cảm thấy nó ngay khi vừa bước ra khỏi xe lửa”.

“Cảm thấy nó?”. Josh hỏi, đầu óc quay cuồng, và càng lúc cậu lại càng thấy một sự lộn xộn khuấy đảo lung tung trong người. Lâu rồi cậu đã không bị cảm giác buồn nôn thế này kể từ lần say nắng ở Hoang mạc Mojave.

“Một cảm giác râm ran giống như bị ngứa. Luồng điện của chú phản ứng với luồng điện của ai đó - một cái gì đó - ở ngay đây, Khi tụi cháu kiểm soát được luồng điện của mình hơn chút nữa, tụi cháu cũng sẽ có thể cảm thấy như vậy”.

Ngựa đầu ra sau, vờ như thể chiêm ngưỡng công trình làm bằng những thanh sắt bắt chéo nhau trên khoảng trần kết hợp giữa kim loại và kính, Sophie quay người chậm chậm. Đám đông cuộn xoáy quanh bọn họ. Phần lớn có vẻ như người địa phương - những người sống ở ngoại ô vào làm việc trong thành phố - tuy vậy cũng có rất nhiều khách du lịch, nhiều người dừng lại để nhờ bạn bè chụp cho những tấm ảnh đứng trước bức tượng Nơi Gặp gỡ hoặc lấy chiếc đồng hồ khổng lồ làm ảnh nền. Dường như không ai có bất cứ sự chú ý đặc biệt nào đến cô bé và những người cùng đi với cô bé cả.

“Chúng ta sẽ làm gì?” Josh hỏi. Cậu chợt cảm thấy hoang mang sợ hãi. “Cháu có thể đẩy năng lượng của Sophie mạnh lên”, cậu nói lắp bắp, “giống y như cháu đã làm ở Paris ấy –”

“Không”, Flamel vừa gắt lên, vừa chộp lấy cánh tay Josh bằng những ngón tay cứng như sắt. “Từ nay trở đi, cháu chỉ có thể dùng năng lượng của mình thuần túy như một phương sách bắt buộc cuối cùng thôi. Ngay khi cháu kích hoạt năng lượng của mình, là cháu sẽ báo động cho từng Elder, Thế hệ Kế tiếp và người bất tử trong phạm vi bán kính mười sáu kilômét về sự hiện diện của cháu. Mà ở đây, tại nước Anh này, hầu như mọi người bất tử tụi cháu chạm trán đều là đồng minh của những Elder đen tối. Cũng vậy, trong vùng đất này, năng lượng ấy còn có thể đánh thức những thứ khác nữa, những sinh vật mà tốt nhất là nên để cho chúng ngủ yên”.

“Nhưng chú nói chúng ta đang bị theo dõi mà”, Sophie cãi. “Điều đó có nghĩa là Dee đã biết chúng ta đang ở đây rồi còn gì”.

Flamel đẩy cặp song sinh qua bên trái, rời khỏi bức tượng, hối thúc chúng tiến về phía cửa ra. “Chú hình dung trong mỗi phi trường, cảng biển và ga xe lửa xuyên khắp châu Âu đều có những con mắt quan sát theo dõi. Mặc dù hẳn Dee đã nghi ngờ chúng ta đang hướng về London; nhưng ngay khi bất cứ đứa nào trong hai đứa tụi cháu kích hoạt luồng điện của mình, thì lúc đó hẳn mới biết chắc chắn”.

“Rồi sau đó hẳn sẽ làm gì ạ?”, Josh vừa hỏi, vừa quay người nhìn Flamel. Trong ánh sáng gay gắt trên đầu, những đường hằn mới trên trán Nhà Giả kim và quanh mắt ông sắc nét hẳn.

Flamel nhún vai: “Ai biết được hẳn có khả năng làm tới chuyện gì? Hẳn rất liều lĩnh, và những con người liều lĩnh thường làm những chuyện kinh khủng. Nhớ lại đi, hẳn đã ở tuốt trên nóc nhà thờ Notre Dame. Hẳn sẵn sàng phá hủy tòa công trình cổ xưa này chỉ để chặn tụi cháu lại... sẵn sàng giết chết tụi cháu để ngăn không cho tụi cháu rời Paris”.

Josh lắc đầu, bối rối: “Nhưng đó mới chính là những gì cháu không hiểu nổi - cháu cứ tưởng hẳn muốn tụi cháu sống chứ.”

Flamel thở dài: “Dee là một thầy đồng gọi hồn. Đó là một thuật rất tởm lợm và kinh khiếp liên quan đến việc khiến cho luồng điện của một xác chết hoạt động và làm cho thân xác đó sống trở lại”.

Một cơn buốt lạnh lan khắp người Josh khi cậu nghĩ đến điều đó: “Chú bảo hẳn sẽ giết tội cháu rồi làm cho tội cháu sống trở lại sao?”

“Đúng. Như một hành động bắt buộc cuối cùng”. Flamel với tay nhẹ nhẹ siết vai cậu con trai. “Tin chú đi, đó là một sự tồn tại kinh khủng, là cái bóng mờ nhạt nhất của cuộc sống. Và hãy nhớ, Dee đã trông thấy những gì tội cháu làm, vì thế bây giờ hẳn đã có một ý niệm mơ hồ nào đó về năng lượng của hai đứa. Nếu có bất cứ nghi ngờ nào trong đầu hẳn vì không rõ tội cháu có phải là cặp song sinh được nhắc đến trong huyền thoại không, thì những nghi ngờ ấy ắt đã tan biến hết rồi. Hẳn phải có được hai đứa tội cháu. Hẳn cần tội cháu”. Nhà Giả kim huých vào ngực Josh. Tiếng giấy kêu sột soạt. Bên dưới lớp áo thun của cậu, trong cái túi vải đeo quanh cổ, Josh đang mang hai trang sách cậu đã kịp xé ra khỏi cuốn Codex. “Và, trên hết thấy mọi thứ khác, hẳn phải có được những trang sách đó”.

Cả nhóm đi theo mấy tấm bảng chỉ dẫn để đến lối ra bên phía đường Euston và cuốn theo dòng người ở ngoại ô vào thành phố làm việc cũng đang xuôi về cùng một chiều: “Cháu tưởng chú nói sẽ có người nào đó đến gặp chúng ta chứ ạ”. Sophie vừa nói, vừa nhìn quanh.

“Saint - Germain nói cậu ấy sẽ cố bắt liên lạc với một người bạn cũ”, Flamel lầm bầm. “Có thể là cậu ấy không liên lạc được”.

Họ bước ra khỏi nhà ga lát gạch đỏ được trang trí công phu để đi lên đường Euston và chợt đứng sững lại vì ngạc nhiên. Khi họ rời Paris chỉ mới cách đây hai tiếng rưỡi, khắp bầu trời không gợn chút mây, nhiệt độ lên đến khoảng hai mươi mốt độ Celcius; nhưng ở London cảm giác như ít nhất phải lạnh hơn như thế đến trên mười độ, mà trời lại đang mưa dữ dội. Gió quật xuống đường từng cơn như những ngọn roi vun vút đủ lạnh để làm cặp sinh đôi run lập cập. Chúng quay người cúi đầu trở lại vào mái che của nhà ga.

Và đó chính là lúc Sophie nhìn thấy hẳn ta.

“Một tên con trai mặc parka màu xanh lục, mũ kéo trùm đầu”, cô bé chợt nói, quay người sang Nicholas và tập trung hết sức vào đôi mắt nhàn nhạt của ông. Cô bé biết rằng nếu nhìn đi chỗ khác, mình sẽ vô tình lướt phải người thanh niên đang vội vã theo sau. Cô bé vẫn có thể nhìn thấy hẳn ta nơi khóe mắt. Hẳn ta đang đi loanh quanh gần một thân cột, nhìn chăm chăm vào chiếc điện thoại di động trong tay, nghịch vớ vẩn gì đó. Có cái gì không ổn trong cách hẳn ta đứng. Một cái gì không tự nhiên. Và cô bé nghĩ mình bắt được thoáng trong không khí một thứ mùi hôi thối của thịt ươn. Cô bé nhăn mũi. Nhắm mắt lại, cô bé tập trung

vào mùi ấy. “Nghe như thứ gì thối rữa, giống như xác thú bị cán chết trên đường ấy.”

Nụ cười trên gương mặt Nhà Giả kim căng ra. “Trùm cái mũ hả? Đúng rồi, đó là người đang theo dõi chúng ta”. Cặp sinh đôi bắt gặp một chút run run rất nhẹ trong tiếng nói của ông.

“Chỉ có điều hăn không phải con trai, phải vậy không chú?” Sophie hỏi.

Nicholas lắc đầu: “Gần giống thôi cũng không”.

Josh hít một hơi thật sâu: “Vậy thì, chú có muốn cháu nói với chú là bây giờ đang có hai người nữa cũng mặc parka màu xanh lục có mũ trùm đầu, và cả hai đều đang hướng cùng chiều với chúng ta không?”

“Ba tên lặn hả?”, Flamel thì thào với vẻ đầy khiếp sợ. “Mình phải đi thôi”. Túm lấy cánh tay cặp sinh đôi, ông kéo chúng dẫn vào cơn mưa tuyết, rẽ sang phải và lúi chúng xuống phố.

Cơn mưa quá lạnh đến nỗi làm Josh không thở được. Nước như những viên đạn nhỏ cứng ngắc châm chích vào mặt cậu. Cuối cùng, Flamel kéo cả hai đứa vào một con hẻm, thoát khỏi cơn mưa đang dội xuống như trút. Josh đứng lấy lại hơi thở. Cậu vượt ngược tóc ra khỏi mắt và nhìn Nhà Giả kim. “Bọn chúng là ai vậy chú?”, cậu gặng hỏi.

“Bọn Trùm Đầu”, Nhà Giả kim nói với vẻ bực bội. “Dee thật liều lĩnh hết sức, và nếu hăn có thể ra lệnh được cho chúng thì quả là hăn quyền lực hơn chú nghĩ. Chúng là Genii Cucullati”.

“Tuyệt”, Josh nói. “Bây nhiêu đó đủ nói cho cháu mọi chuyện cháu cần biết”. Cậu nhìn cô chị gái. “Chị có từng nghe nói...”, vừa mới mở lời, cậu đã nín bật ngay khi trông thấy vẻ mặt cô bé. “Chị biết rồi sao?”

Sophie run bắn người khi ký ức của Bà Phù thủy Endor chợt lung linh nơi bờ rìa tâm thức mình. Cô bé cảm thấy có cái gì chưa lết đặng sau cổ họng, và dạ dày cô xoắn vặn đầy kinh tởm. Bà Phù thủy Endor đã biết Genii Cucullati - và bà ấy ghét chúng ghê gớm. Sophie quay người sang cậu em trai và giải thích. “Bọn ăn thịt người”.

(1): Áo ấm dài tới đùi hoặc đầu gối, có mũ trùm đầu, thường lót da lông thú bên trong.

Đường phố trống trơn, cơn gió giật đi kèm với mưa tuyết đã lừa mọi người vào nhà ga hay các cửa hiệu chung quanh. Lưu thông trên đường Euston dừng lại hết, chỉ còn mấy cái cần gạt nước ở kính chắn gió xe hơi là đập vô diên cuồng. Những tiếng còi hụ inh ỏi, và thiết bị báo động trong một chiếc xe hơi gần đó chọt gào rú lên.

“Bám sát chú”, Nicholas ra lệnh, rồi quay người lao thẳng qua bên kia đường, len lỏi xuyên qua hàng xe cộ đang đứng cứng ngắc. Sophie theo sát đằng sau ông. Josh ngừng lại một chút trước khi bước khỏi lề đường, nhìn ngược lại phía nhà ga. Ba hình dáng kia đã tụ lại với nhau nơi lối vào, đầu và mặt chúng giấu trong mũ trùm của mấy chiếc áo khoác. Khi làn nước mưa nhuộm những chiếc parka của chúng thành màu xanh lá tối sẫm, Josh ắt hẳn đã có thể khẳng định rằng bọn chúng vừa khoác lên người những chiếc áo choàng không tay. Cậu run lấy bầy, và lần này cơn lạnh cóng không chỉ đến từ cơn mưa tê buốt đang xối xả ào tuôn xuống như trút. Cậu quay người lao vọt sang bên kia đường.

Chúi đầu xuống tránh nước mưa tạt, Nicholas dẫn hai đứa trẻ song sinh đi giữa làn xe cộ. “Nhanh lên. Nếu tạo được một khoảng cách vừa đủ giữa ta với chúng thì mùi của xe cộ và nước mưa có thể sẽ gột sạch được mùi hương của chúng ta đó”.

Sophie liếc nhìn ra đằng sau. Ba tên trùm mũ đã rời khỏi chỗ trú mưa nơi nhà ga và đang tiến đến gần khá nhanh. “Bọn chúng đang ở sau mình kìa”, cô bé nói hốt hển, giọng hốt hoảng.

“Mình làm cái gì bây giờ chú?”, Josh hỏi.

“Không biết nữa”, Flamel nói gọn ơ. Ông nhìn chăm chăm xuống con đường dài thẳng tắp. “Nhưng nếu ở lại đây, chúng ta sẽ chết mất. Hoặc ít nhất thì cũng là chú”. Hàm răng ông lóe sáng khi ông nhoẻn cười không chút đùa cợt. “Dee sẽ vẫn để cả hai đứa tụi cháu sống, chú bảo đảm”. Flamel liếc nhìn quanh, rồi chọt thấy một con hẻm phía bên trái và ra hiệu cho hai đứa sinh đôi đi theo ông. “Đường này. Chúng ta sẽ cố cắt đuôi chúng”.

“Cháu ước gì có Scatty ở đây”, Josh lầm bầm, thật sự nhận ra tầm quan trọng trong nỗi mất mát của họ. “Thế nào chị ấy cũng trị được bọn chúng”.

Trời tạnh ráo trong con hẻm hẹp có tường cao ngút hai bên. Những thùng rác nhựa màu xanh lơ, xanh lá, và nâu xếp thành hàng sát vào một bên tường, còn những mảnh gỗ thừa thẹo còn lại của mấy tấm nâng hàng và những túi nhựa đen thui nhét rác căng cứng chất thành đống dựa vào bên bờ tường còn lại. Mùi hôi thối xông lên, và một con mèo lông bù xù đang ngồi trên miệng một túi rác cần thận lấy móng vuốt xé nhỏ túi rác ra. Thậm chí con mèo còn không thèm ngẩng lên nhìn khi Flamel và cặp song sinh chạy ngang qua. Tuy vậy, chỉ một tích tắc sau, khi cả ba dáng người đội mũ trùm đầu bước vào con hẻm, con mèo ấy liền gò cái lưng cong vòng, lông dựng đứng, và biến mất dạng vào vùng tối.

“Chú có biết con hẻm này dẫn đi đâu không ạ?”, Josh hỏi khi họ phóng vụt qua một dãy cửa ra vào bên tay trái, rõ ràng đó là lối sau dẫn vào những cửa hiệu buôn bán trên con đường chính.

“Không biết gì hết trơn”, Flamel thú nhận. “Nhưng miễn là nó mang chúng ta xa khỏi Bọn Trùm Đầu, còn thì mọi chuyện đều không quan trọng”.

Sophie nhìn lui. “Cháu không thấy chúng nữa”, cô bé loan báo. “Có lẽ chúng ta cắt đuôi được chúng rồi”. Cô bé bám theo Nicholas vòng quanh một góc phố sát đến nỗi chỉ chực đâm thẳng vào ông khi ông đột ngột dừng lại.

Rồi đến lượt Josh vòng quanh góc phố ấy, suýt chút nữa mất dấu hai người kia. “Cứ đi thôi”, cậu vừa thờ hồn hển, vừa chạy lắt léo vượt qua hai người và dẫn đầu. Nhưng rồi cậu chợt hiểu ra tại sao hai người kia dừng lại: con hẻm tận cùng bằng một bức tường gạch đỏ quạch sừng sững, mút trên đầu bờ tường là mớ dây kẽm gai quấn lòng vòng.

Nhà Giả kim xoay người lại và đặt ngón tay lên môi. “Đừng nói gì cả. Biết đâu có thể là bọn chúng đã xúm nhau băng qua con hẻm này mất rồi...”. Một cơn gió mạnh cuốn những giọt mưa lạnh lẽo rơi lộp độp xuống đất mang theo một thứ mùi ôi thiu thum thum khác thường: mùi hôi thối của thịt ươn. “Mà cũng có thể là không”, ông nói thêm khi cả ba tên Genii Cucullati nhún nhảy nhẹ vòng quanh góc phố ấy. Nicholas kéo hai đứa sinh đôi ra phía sau ông, nhưng ngay lập tức hai đứa bung ra chọn lấy hai vị trí bên cạnh ông. Theo bản năng, Sophie di chuyển sang bên phải và Josh bên trái. “Đứng vào sau lưng ấy chứ”, Flamel nói.

“Không”, Josh nói.

“Tụi cháu sẽ không để chú một mình đương đầu với ba tên này đâu”, Sophie nói thêm.

Bọn Trùm Đầu đi chậm lại, rồi dàn ra chốt lấy con hẻm và dừng hẳn lại. Chúng đứng yên một cách khác thường, mặt giấu trong mấy cái mũ trùm rộng rinh.

“Chúng chờ đợi cái gì vậy cà?”, Josh lẩm bẩm, giọng cậu chỉ vừa vắn lớn hơn tiếng thì thầm một chút. Có cái gì đó trong cách chúng đứng, cách chúng giữ thẳng người: cái gì đó gợi cho người ta nghĩ đến một loài thú. Cậu đã từng xem một bộ phim tài liệu trong chương trình truyền hình National Geographic, trong đó, một chú cá sấu châu Mỹ đang nằm trên một con sông chờ hươu nai băng qua. Hoàn toàn trong trạng thái lặng im phăng phắc - mãi cho đến khi có cơ hội nổ bùng ra thành hành động chớp nhoáng.

Đột nhiên, một âm thanh nghe như tiếng gỗ lách tách bật tiếng kêu răng rắc cực kỳ lớn vang khắp con hẻm yên ắng, theo sau là những âm thanh như thể tiếng quần áo bị xé toạc ra.

“Chúng đang biến hình”, Sophie thở dồn dập.

Bên dưới lớp áo khoác màu xanh lục, cơ bắp của chúng dợn sóng cuộn cuộn và co thắt từng cơn, uốn cong cột xương sống của những sinh vật ấy thành hình vòng cung, đẩy đầu chúng nhô hẳn tới phía trước. Những cánh tay vụt dài ra thấy rõ, đẩy bàn tay thò khỏi ống tay áo vốn đã dài quá khổ, những bàn tay bây giờ mọc đầy lông lá và mút cuối là những móng vuốt đen dài quăn chìa lung tung.

“Sói à?”, Josh hỏi giọng run run.

“Giống gấu hơn là sói”, Nicholas vừa trả lời nhè nhẹ, vừa nhìn quanh con hẻm khắp lượt, đôi mắt ông nheo lại. “Và nhiều chất sói hơn gấu”, ông nói thêm khi nghe thoảng trong không khí mùi hương vanilla.

“Và không gì đe dọa được chúng ta”, Sophie tuyên bố, đồng thời vụt đứng thẳng người hơn. Giơ bàn tay phải lên cao, cô bé ấn ngón cái tay trái vào vòng tròn màu vàng ánh kim ăn sâu vào da thịt nơi cổ tay mình.

“Không”, Nicholas vừa gắt lên, vừa đưa tay đẩy bàn tay cô gái nhỏ xuống. “Chú đã nói với cháu rồi, cháu không thể dùng năng lượng của mình trong thành phố này kia mà. Luồng điện của cháu quá đặc biệt đi”.

Sophie lắc đầu phần nộ: “Cháu biết mấy thứ này là gì mà”, cô bé nói chắc nịch. Rồi một cơn rung mình len vào giọng nói cô bé. “Cháu biết chúng làm gì nữa kìa. Chú không thể mong đợi tụi cháu chỉ đứng yên đây trong khi mấy thứ đó ăn thịt chú được. Hãy để cháu xử lý bọn chúng - cháu có thể nướng bọn chúng thành lát khoai tây giòn rụm cho xem”. Cơn giận dữ của cô bé nhanh chóng biến

thành nỗi phẫn khích trước viễn cảnh đó, và cô mím môi cười. Trong thoáng chốc đôi mắt sáng màu xanh lơ của cô bé lấp lánh bạc còn khuôn mặt lại hóa nên cứng cỏi và góc cạnh, khiến cô bé trông già hơn rất nhiều so với tuổi mười lăm của mình.

Nụ cười của Nhà Giả kim thật tàn nhẫn: “Cháu có thể làm điều đó. Và đến lúc ấy, chú ngờ rằng chúng ta chỉ kịp chạy xuống đường chừng hơn một cây số rưỡi thì đã có thứ gì đó còn chết người hơn những sinh vật này bắt được chúng ta. Cháu không ý thức nổi những gì đang dạo qua dạo lại trên những đường phố này đâu, Sophie. Chú xử lý chuyện này được mà”, ông cứ nằng nặc. “Chú không đến nỗi hoàn toàn không có khả năng tự vệ đâu”.

“Bọn chúng sắp tấn công kìa”, Josh nói gấp gáp, diễn dịch lại ngôn ngữ thân thể của đám sinh vật, quan sát xem chúng di chuyển thành một kiểu mẫu đột kích như thế nào. Đâu đó sâu tận trong tâm thức, cậu bắt gặp mình đang bắn khoản tự hỏi không biết làm thế nào mà cậu lại biết được điều này. “Nếu bạn sắp sửa làm một việc, bạn cần phải làm việc đó ngay bây giờ”.

Bọn Genii Cucullati đã dàn quân ra, mỗi con đóng giữ một vị trí trước Flamel và cặp song sinh. Các sinh vật này gập người tới trước, lưng chúng uốn cong vòng, mấy chiếc áo parka căng cứng bó qua những bộ ngực rộng, vai u phồng và những cánh tay đầy cơ bắp. Trong vùng tối của mấy cái mũ trùm, những cặp mắt đen ngả xanh lơ chiếu sáng rực phía trên hàm răng lờm chờm. Chúng nói chuyện với nhau bằng một thứ âm thanh hết như những tiếng ăng ăng the thé và gầm gừ cắn nhai.

Nicholas vén ống tay áo khoác da lên, để lộ ra quanh cổ tay phải của ông chiếc vòng mắt xích bằng bạc và hai chiếc vòng tay tình bạn đơn giản làm bằng chỉ sợi nhiều màu đã cũ sờn. Vặn tháo một trong hai chiếc vòng kết bằng sợi đơn giản ấy, ông lăn tròn nó giữa lòng bàn tay mình, đưa lên môi và thổi phù vào đó.

Sophie và Josh chăm chú nhìn ông quăng chiếc vòng bằng chỉ cuộn lại như trái banh nhỏ xuống đất ngay trước mặt Bọn Trùm Đầu. Hai đứa trông thấy những sợi dây đủ màu sắc ấy rơi vào vũng bùn ngay trước mặt sinh vật lớn nhất trong đám và dốc hết tâm trí đón chờ một cú nổ. Thậm chí cả những sinh vật kinh khiếp kia cũng bò lùi khỏi vũng nước nhỏ ấy, móng vuốt trượt trên vỉa hè.

Ấy vậy mà chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Con vật to lớn nhất kia phát ra một thứ âm thanh có lẽ là tiếng cười.

“Cháu đã nói tụi cháu phải ra tay kia mà”, Josh nói đầy thách thức, dù trước thất bại của Nhà Giả kim, cậu thấy mình cũng hơi bị run. Cậu đã từng trông thấy Flamel ném ra những ngọn giáo năng lượng thuần khiết, đã từng chăm chú nhìn ông tạo ra một khu rừng từ một lớp gỗ lót sàn - bây giờ cậu đang kỳ vọng được chiêm ngưỡng một pha ngoạn mục. Josh liếc nhìn cô chị gái và biết rằng cô bé cũng nghĩ đúng như cậu. Cùng với thể trạng ngày càng già yếu của Flamel, năng lượng ông cũng đang mất dần. Josh gật đầu rất nhẹ và thấy đầu Sophie cũng nghiêng nghiêng đáp trả, rồi cô bé cong gập mấy ngón tay mình lại. “Chú Nicholas, chú đã trông thấy tụi cháu làm gì với bọn đầu máng xối gargoyles rồi đó”, Josh nói tiếp, tin chắc về năng lượng của cô chị gái và của chính mình. “Cùng nhau, cháu và Sophie có thể chống cự bất kỳ ai ... và bất kỳ thứ gì”.

“Ranh giới giữa lòng tự tin và tính kiêu căng ngạo mạn rất mỏng manh, Josh”, Flamel nói khẽ. “Và ranh giới giữa tính cao ngạo với sự ngu dại ngớ ngẩn thậm chí còn tinh vi hơn, Sophie ạ”, ông nói thêm mà không hề nhìn vào cô bé. “Nếu tụi cháu sử dụng năng lượng của mình, tức là tụi cháu đã buộc tất cả chúng ta vào bản án tử hình”.

Josh lắc đầu. Cậu rất phẫn nộ trước sự yếu đuối quá lộ liễu của Flamel. Bước tách khỏi người đàn ông luống tuổi, cậu gỡ ba lô của mình xuống và giật mạnh cho nó mở bung ra. Ló lên khỏi một bên ba lô là cái ống làm bằng giấy bồi, thường dùng để đựng tranh poster và bản đồ cuộn lại. Bóc toạc cái nắp nhựa màu trắng ra, cậu thò tay vào, tóm lấy một vật ở bên trong được gói bằng giấy bao ép bong bóng và kéo nó ra.

“Chú Nicholas...”, Sophie cất tiếng.

“Kiên nhẫn”, Flamel thì thầm “Kiên nhẫn nào...”

Con vật to lớn nhất trong Bọn Trùm Đầu thả xuống cả bốn chân và bước tới, những cái vuốt có móng dài bắn thiu gõ lách cách trên vỉa hè. “Ông đã được tặng cho tôi”, con thú dữ nói bằng một giọng cao éo the thé đến mức đáng kinh ngạc - gần như giọng trẻ con.

“Dee thật là hào phóng”, Flamel điềm tĩnh nói. “Tuy tôi có hơi ngạc nhiên không hiểu sao giống loài Genii Cucullati lại đi hạ cố làm tay sai cho một nòi giống người vậy nhỉ”.

Sinh vật ấy dẫn thêm một bước lách cách tiến đến gần hơn. “Dee đâu phải là con người thường tình. Tay Pháp sư Bất tử này rất nguy hiểm, mà ông ta lại được

bao che bảo vệ bởi một chủ nhân có rất nhiều quyền sinh sát trong tay hay còn hơn thế nữa”.

“Có lẽ anh nên sợ tôi mới phải”, Flamel gợi ý cùng với một nụ cười rất nhẹ. “Tôi còn già hơn cả Dee, và tôi không hề có chủ nhân nào bảo vệ - mà tôi cũng chưa từng cần đến một người nào bảo vệ cả!”

Sinh vật phá ra cười và rồi, không hề có một động tác báo trước, nhảy xổ thẳng vào cổ họng Flamel.

Một thanh kiếm đá rút lên xuyên màn không khí, lạng cái mũ trùm của chiếc áo parka một nhát gọn lỏn, ngọt xót cắt đứt lìa một miếng vải màu xanh lá. Sinh vật ấy hét lên thất thanh và uốn éo toàn thân giữa không trung, cuộn người tránh khỏi lưỡi kiếm đang vung trở lại, lưỡi kiếm chém thẳng ra đằng trước chiếc áo khoác, phạt ngang mấy hột nút và bút phanh luôn dây khóa kéo.

Josh Newman bước thẳng tới phía trước Nicholas. Bằng cả hai tay, cậu đang cầm thanh kiếm đá vừa rút ra khỏi cái ống làm từ giấy bồi. “Tôi không biết mấy người là ai, hoặc là cái gì”, cậu nói qua hàm răng khít rịt, tiếng nói rung rung do hormon adrenaline tiết ra cùng với nỗ lực giữ chắc món vũ khí. “Nhưng tôi cho rằng chắc mấy người đều biết đây là gì rồi chứ?”

Con thú dữ quay người trở lại, đôi mắt màu đen ngả xanh lơ dán chặt vào lưỡi kiếm xám xịt như đất sét. Cái mũ trùm thường dùng để giấu mặt biến đâu mất, do đã bị cắt ra thành từng mảnh rách tả tơi, những mảnh còn lại treo lủng lẳng quanh vai nó, để lộ nguyên phần đầu. Không có gì là của con người nơi những chỗ bằng phẳng và góc cạnh của bộ mặt ấy, thậm chí một chút cũng không. Josh lưu ý thấy vậy, nhưng khuôn mặt lại xinh đẹp một cách lạ lùng. Cậu tưởng mình sẽ phải nhìn thấy một con quỷ, nhưng cái đầu này nhỏ đến ngạc nhiên, với cặp mắt thật lớn màu tối sẫm chìm sâu trong một gợn chân mày hẹp, xương gò má nhô cao và nhọn. Chiếc mũi thẳng, cánh mũi loe ra. Phần miệng là một đường xẻ nằm ngang bây giờ hơi mở hé để lộ hàm răng vàng vàng đen đen méo mó chẳng ra hình thù gì.

Ánh mắt Josh đảo sang trái rồi sang phải nhìn vào hai sinh vật kia. Bọn chúng cũng tập trung hết sức vào thanh kiếm đá. “Đây là thanh Clarent”, cậu nói nhỏ. “Tôi đã chiến đấu với Nidhogg ở Paris bằng chính vũ khí này đây”, cậu nói tiếp. “Và tôi từng trông thấy những gì nó đã làm cho giống loài của các người”. Cậu di chuyển thanh kiếm nhẹ nhàng và có cảm giác như nó kêu ù ù, chuôi kiếm bỗng nghe thật ấm trong đôi tay cậu.

“Dee chưa hề nói với chúng tôi chuyện này”, sinh vật kia nói bằng một giọng hết như tiếng trẻ con. Qua vai Josh, nó nhìn đến Nhà Giả kim. “Thật vậy chứ?”

“Thật”, Flamel nói.

“Nidhogg”, sinh vật này hầu như lập bập ra từng lời. “Và chuyện gì đã xảy ra cho Kẻ Nuốt chừng Tử thi huyền thoại ấy?”

“Nidhogg chết rồi”, Flamel nói ngắn gọn. “Bị thanh Clarent tiêu diệt”. Ông bước ra phía trước và đặt bàn tay trái lên vai Josh. “Josh đã giết chết thứ đó”.

“Bị giết chết dưới tay một giống người ư?” nó nói đầy vẻ ngờ vực.

“Dee đã lợi dụng anh, lừa dối phản bội anh. Hẳn không nói với các anh rằng chúng tôi có thanh kiếm này. Hẳn còn chưa nói với các anh những điều gì khác nữa chứ: hẳn có nhắc đến số phận của bọn Disir ở Paris không? Hẳn có kể qua cho các anh nghe về vị Thần Ngủ chưa nào?”

Cả ba sinh vật trượt lùi trở lại cùng với thứ ngôn ngữ riêng của chúng, kêu ăng ăng the thé và gầm gừ càu nhàu gì đó giữa chúng với nhau; rồi con to lớn nhất quay ra chăm chú nhìn Josh một lần nữa. Cái lưỡi đen thui nhảy múa trong không khí. “Những thứ này chỉ mang lại chút kết quả chẳng đáng là bao. Ta thấy đứng trước ta là một đứa con trai thuộc giống người đang rất sợ hãi. Ta có thể nghe được những cơ bắp của cậu bé con căng ra khi cố gắng hết sức mình giữ cho thanh kiếm được vững chắc. Ta có thể cảm nếm nỗi sợ hãi lan tỏa trong không khí”.

“Vậy đó, nhưng dù anh có thể nghĩ thấy được nỗi sợ hãi đó, thì cậu ấy vẫn tấn công anh kìa”, Flamel nói nhỏ nhẹ. “Điều đó có gợi ra được chút gì không?”

Đôi vai của sinh vật đó chuyển động theo một kiểu rùng mình rất kỳ quặc. “Gợi cho người ta thấy rằng cậu bé ấy hoặc là một tên ngu ngốc đại dột hoặc là một anh hùng”.

“Và anh cùng với giống loài của anh luôn luôn bị tổn thương bởi cả hai loại người đó”, Flamel nói.

“Đúng, nhưng thế giới này không còn anh hùng nữa rồi. Không còn ai để tấn công chúng tôi. Loài người không còn lòng tin dành cho giống loài của chúng tôi. Điều đó khiến chúng tôi trở thành vô hình và không thể bị tổn thương được”.

Josh và lùn bầu vừa dựng mũi kiếm lên trời. “Đối với Clarent thì không”.

Sinh vật đó nghiêng nghiêng đầu rồi gật gù. “Đối với Lưỡi kiếm Hèn nhát thì không, đúng vậy. Nhưng chúng ta có ba người và chúng ta nhanh nhẹn, rất

nhANH NHẸN”, nó nói thêm cùng với một nụ cười rộng đến mang tai phơi bày ra hàm răng nhọn hoắt lởm chởm. “Ta nghĩ chúng ta có thể bắt được cậu, cậu bé trai ạ; tước lấy thanh kiếm khỏi tay cậu thậm chí còn trước cả khi cậu biết là...”

Bản năng Josh đang sở hữu mà cậu không hề biết đã mách bảo với cậu rằng sinh vật đó sắp sửa tấn công đúng ngay vào lúc nó vừa nói xong. Rồi tất cả sẽ chấm dứt. Không suy nghĩ gì cả, cậu thọc mạnh thanh kiếm ra theo cú đâm Joan Arc đã dạy cậu. Lưỡi kiếm kêu o o khi đầu mũi đâm thẳng vào cổ họng đang giương ra của con quái thú. Josh biết rằng tất cả những gì cậu cần phải làm là xóa tan nỗi sợ hãi bằng chính thanh kiếm này: chỉ một cú duy nhất đã hầu như tiêu diệt được Nidhogg.

Cười phá lên, sinh vật ấy nhảy lùi xa khỏi tầm kiếm đâm chĩa tới. “Quá chậm mất rồi, giống người ời, chậm quá đi thôi. Mắt ta đã bắt chớp được mấy khớp đốt ngón tay của cậu căng ra và trắng bệch ngay trước khi cậu đâm đấy”.

Và đúng giây phút đó Josh biết phe của cậu sẽ thua. Bọn Genii Cucullati quả thật là cực kỳ nhanh nhẹn.

Nhưng ở phía trên vai trái mình, cậu nghe rõ tiếng Flamel khúc khích cười.

Josh trừng trừng nhìn thẳng vào sinh vật ấy. Cậu biết rằng điều cuối cùng cậu có thể làm là xoay người, nhưng cậu băn khoăn tự hỏi không biết chuyện gì lại làm cho Nhà Giả kim vui vẻ như vậy chứ. Cậu nhìn sát vào Kẻ Trùm Đầu kia. Nhưng đâu có gì thay đổi... ngoại trừ một việc là khi con quái vật ấy nhảy lùi khỏi tầm kiếm, đã dẫm chân vào vũng nước bẩn khi này.

“Nỗi sợ hãi làm ông phát điên rồi hả, Nhà Giả kim?”, sinh vật ấy hỏi gằn.

“Hẳn nhiên là anh biết Elder Iris chứ, con gái của Electra ấy?”, Flamel vừa hỏi như thể đang chuyện trò, vừa bước quanh qua người Josh. Khuôn mặt hẹp của Nhà Giả kim bỗng đánh lại, không hề biểu cảm, môi ông mỏng dính như một đường kẻ, đôi mắt nhàn nhạt khép ti hí chỉ nhìn hơn hai đường rãnh một chút.

Đôi mắt màu đen ngả sang xanh lơ của sinh vật kia trợn trừng đầy vẻ khiếp đảm. Nó cúi nhìn xuống.

Nước bẩn đang cuộn xoáy quanh bàn chân nó thành linh nở bung ra như một khoảng cầu vồng đầy màu sắc tràn cả ra ngoài những tao dây tả tơi của chiếc vòng tay đan kết bằng chỉ của Flamel. Tên Genii Cucullati cố nhảy lùi lại, nhưng hai chân trước của nó đã nhanh chóng dính chặt vào vũng nước. “Thả tôi ra, giống người kia”, nó hét lên thất thanh, cung giọng cao ré như trẻ con của nó chứa đầy nỗi khiếp đảm. Sinh vật ấy điên cuồng cố giật người thoát khỏi đó. Ấn

sâu những móng vuốt xuống, nó cố vận dụng lực kéo, nhưng rút đầu một cái căng chân sau của nó chạm phải rìa vũng nước và một lần nữa nó lại gào rú tru tréo lên. Nó giật mạnh cái chân trở lại và một cái móng quăn tớn bị bóc toạc ra, dính cứng vào rìa vũng nước kia. Con vật sủa ran và hai tên đồng hành cùng lao mình tới trước túm đỡ giữ nó lại, cố sức kéo nó ra khỏi thứ chất lỏng đầy màu sắc đang uốn éo xoáy vặn.

“Nhiều thập kỷ trước đây”, Flamel nói tiếp, “tôi và Penerelle đã giải cứu Iris khỏi mấy người chị của bà ấy và để đáp lại, bà ấy đã tặng tôi những chiếc vòng này. Tôi chăm chú quan sát trong lúc bà ấy đan kết chúng từ luồng điện có màu sắc cầu vồng của bà. Bà bảo tôi rằng một ngày nào đó chúng sẽ mang lại một chút sắc màu cho cuộc sống của tôi”.

Những luồng nước xoáy đủ màu đang xoăn vặn bắt đầu bò trườn lên căng chân tên Genii Cucullati. Những móng chân màu đen bỗng hóa thành màu xanh lá, rồi đỏ, rồi lớp lông màu tím rậm bần thiêu biến đổi thành màu tím tím phớt xanh mờ mờ lung linh.

“Ông sẽ chết vì chuyện này”, sinh vật ấy gầm gừ cắn nhai, thậm chí còn cất giọng eo éo với cung giọng cao hơn trước nữa, đôi mắt xanh lơ sáng quắc mở lớn vì khiếp sợ.

“Một ngày nào đó tôi sẽ chết”, Flamel đồng ý, “nhưng không phải hôm nay, và càng không phải chết bởi tay anh”.

“Ông cứ chờ đó đi cho tới khi tôi méc với Mẹ!”

“Anh cứ việc”.

Một tiếng nổ bộp vang lên, nghe như tiếng bong bóng vỡ, và đột nhiên những dải màu sắc cầu vồng vọt thẳng lên thân hình con quái thú, dẫm mình nó trong ánh sáng. Ngay chỗ hai tên kia nắm giữ nó, màu sắc loang ra đến tận mấy cái móng vuốt và thấm lên khắp lớp da chúng, biến những chiếc áo parka màu xanh lá thành những chiếc áo khoác đầy màu sắc thật đẹp mắt. Như thể vết dầu loang trên mặt nước, màu sắc kia biến chuyển thành nhiều kiểu mẫu hoa văn đầy mê hoặc, hình thành nên những sắc thái mới và những nền màu sáng rực trông thật kỳ quái. Cả ba sinh vật kia chỉ thốt lên được duy nhất một tiếng hú kinh hãi, nhưng tiếng kêu của chúng cũng bị tắt lịm và chúng ngã nhào một đồng bên vệ đường. Khi chúng nằm bất động trên mặt đất, mớ màu sắc lộn xộn nhanh chóng tan chảy trên da thịt chúng, trả những chiếc áo khoác của chúng về với màu xanh lá buồn tẻ trước đây, và sau đó thân mình chúng bắt đầu biến đổi, xương nứt gãy,

cơ bắp và gân cốt định hình trở lại. Lúc này màu sắc đã thấm ngược vào vũng nước, các sinh vật hồi phục lại vẻ bề ngoài của hình người.

Mưa tạt xuống dọc theo chiều dài con hẻm, bề mặt vũng nước nhiều màu sắc ấy nhảy múa và vỡ tan theo những giọt nước mưa. Trong chỉ duy một giây ấy, chiếc cầu vòng thu nhỏ hoàn hảo xuất hiện bên trên rồi thoát nhạt nhòa tan biến mất, để lại trong vũng nước một màu nâu như bùn giống hệt lúc ban đầu.

Flamel cúi người giật phắt phần còn lại của chiếc vòng tay tình bạn đang nằm trên mặt đường. Những sợi chỉ được bện tết vào nhau giờ biến thành màu trắng nhạt, đã bị lọc hết mọi màu sắc. Ông kéo thẳng sợi dây ra và nhìn ngoái lại hai đứa nhỏ sinh đôi. Flamel mỉm cười: “Chú không đến nổi bất lực như vẻ ngoài của chú nhỉ. Tụi cháu không bao giờ được phép đánh giá thấp đối thủ của mình nhé”, ông dặn dò. “Nhưng chiến thắng này là của cháu, Josh ạ. Cháu đã cứu chúng ta. Một lần nữa. Thật đã trở thành một thói quen ra trò: Ojai, Paris, và giờ thì ở đây nữa”.

“Cháu không nghĩ ...”, Josh cất tiếng.

“Em chẳng bao giờ nghĩ”, Sophie vừa chen ngang, vừa siết chặt cánh tay cậu.

“Cháu đã hành động”, Flamel nói. “Vây là đủ rồi. Đi thôi, hãy ra khỏi đây trước khi người ta phát hiện ra chúng”.

“Bọn chúng không chết chứ ạ?”, Sophie vừa hỏi, vừa rảo quanh đám sinh vật kia.

Josh nhanh nhẹn gói thanh Clarent trong tấm giấy ép bong bóng và nhét nó trở lại vào ống giấy bồi. Rồi cậu đẩy cái ống giấy vào ba lô và nhấc túi lên vai. “Đã xảy ra chuyện gì vậy chú?”, cậu hỏi. “Cái thứ nước nhiều màu sắc ấy. Đó là cái gì vậy ạ?”

“Món quà của một Elder”, Flamel giải thích trong khi vội vã lao xuống con hẻm. “Iris được mệnh danh là nữ thần cầu vòng bởi vì luồng điện đủ màu sắc của bà. Bà ấy cũng có quyền thâm nhập vào những vùng sông nước thuộc Vương quốc Bóng tối trên dòng sông Styx”, ông kết thúc với vẻ đắc thắng.

“Mà điều đó có ý nghĩa gì ạ?”, Josh hỏi.

Nụ cười rộng hoác của Flamel sao mà độc địa. “Sinh vật sống không thể chạm vào nước sông Styx được. Cú sốc làm quá tải toàn bộ phủ tạng và đánh chúng bất tỉnh”.

“Trong bao lâu lận chú?”, Sophie vừa hỏi, vừa liếc trở lại những thứ trông như thể một đồng quần áo vải vóc nằm chình ình giữa con hẻm.

“Theo truyền thuyết bảo thì - một năm và một ngày”.

Phòng học rộng mênh mông ánh rực trong ánh mặt trời chiếu muện. Nhữn tia sáng chiếu xiên chạy đường kẻ vàng óng trên những khung cửa gỗ bóng loáng và nảy bật ra khỏi sàn nhà được đánh sáp, làm lóa lên những chỗ sáng nhất nơi bộ áo giáp nguyên người được đặt đứng trong góc nhà và phân biệt rõ những đốm màu sắc phát ra từ nơi trưng bày những hộp tiền xu từng ghi lại vết tích lịch sử loài người hơn hai thiên niên kỷ qua. Trọn cả một bức tường phủ đầy những chiếc mặt nạ và nón bảo hiểm trải qua mọi thời kỳ đến từ khắp các châu lục, những hốc mắt trống rỗng nhìn xuống căn phòng. Một vài chiếc mặt nạ bao quanh bức sơn dầu của Santi di Tito, đã bị đánh cắp khỏi điện Palazzo Vecchio treo ở Florence chỉ là một bức giả mạo nhưng ở một mức độ rất hoàn hảo. Chiếm lĩnh ngay giữa phòng là một cái bàn khổng lồ có nhiều vết sẹo trước đây từng có lần thuộc về gia đình Borgia. Mười tám chiếc ghế lưng cao cổ xưa được xếp quanh một chiếc bàn bị thời gian làm cho đổi màu. Chỉ có hai cái ghế là có người ngồi, còn mặt bàn hầu như trống trơn ngoại trừ một cái điện thoại màu đen thật lớn, trông như bị đặt sai chỗ, lạc long giữa một căn phòng chứa đầy đồ cổ.

Tiến sĩ John Dee ngồi bên cạnh bàn. Dee là một người Anh nhỏ nhắn gọn gàng, nước da xanh xao và đôi mắt xám. Hằn mặc bộ vét ba mảnh thông thường đen tuyền như than chì, chỉ thoáng chút màu sắc điểm nơi những mẫu hoa văn hình vương niệm tí xúu trên chiếc cà-vạt nơ xám xám là có màu vàng kim mà thôi. Thường thì hăn hay kéo ngược mái tóc màu xám xin xin như sắt của mình ra sau lưng và cột chặt kiểu đuôi ngựa, nhưng hôm nay mái tóc ấy lại được thả phủ vai, quần thành lọn rơi lòa xòa chạm vào chòm râu dê hình tam giác của hăn. Đôi tay đeo găng màu xám sẫm tựa hồ hững trên mặt bàn gỗ.

Niccolo Machiavelli ngồi đối diện với John Dee. Sự khác biệt về vóc dáng thân hình giữa hai người đàn ông này thật đáng chú ý. Trong khi Dee thấp bé và xanh xao, Machiavelli lại cao ráo, nước da rám nắng đậm màu, nhấn mạnh nét tiêu biểu cả hai cùng có chung: đôi mắt màu xám lạnh lùng. Machiavelli giữ cho mái tóc trắng nhu tuyết của mình luôn ngắn sát và lúc nào cũng cạo râu sạch sẽ, sở thích của y có thiên hướng nghiêng về một phong cách lịch thiệp tao nhã. Bộ vét màu đen cùng với chiếc áo sơ-mi lụa trắng rõ ràng là được cắt may theo đơn đặt hàng riêng, và chiếc cà-vạt màu đỏ thẫm kia còn được dệt xen vào những sợi

chỉ bằng vàng ròng. Bức chân dung của y treo trên khoảng tường ngay đằng sau lưng y, bây giờ trông y có vẻ hơi già hơn một chút so với chính mình vào thời điểm bức hình được họa ra, phải đến hơn năm trăm năm trước. Niccolo Machiavelli sinh năm 1469; theo ngữ nghĩa thì y lớn hơn tay người Anh năm mươi tám tuổi. Thật ra thì y chết vào năm Dee sinh ra, 1527. Cả hai người đàn ông đều bất tử, và là hai trong số những nhân vật quyền lực nhất trên hành tinh này. Trải qua nhiều thế kỷ trong cuộc đời dài đằng đẳng của mình, hai người bất tử này đều biết rằng họ căm ghét lẫn nhau, mặc dù hoàn cảnh hiện nay đòi hỏi cả hai phải trở thành những đồng minh không hề dễ chịu.

Hai người đang ngồi nơi phòng ăn trong căn nhà phố to lớn của Machiavelli gần Place du Canada ở Paris suốt ba mươi phút qua. Vào lúc đó, cả hai không ai nói với ai một lời nào. Mỗi người đều nhận được cùng một lệnh triệu tập hiện ra trên màn hình điện thoại cầm tay của mình: hình ảnh một con sâu đang nuốt chính cái đuôi của nó – mật hiệu Ouroboros – một trong những biểu tượng cổ xưa của các Elder Đen tối. Giữa tâm vòng tròn là con số ba mươi. Mấy năm trước bọn chúng thường nhận được những lệnh triệu tập như thế này qua đường fax hoặc thư tín, nhiều thập kỷ trước thì bằng đường điện tín và người đưa tin, còn sớm hơn nữa thậm chí là những mảnh rời làm bằng giấy hay giấy da, và cả hai được phép có hàng mấy tiếng đồng hồ hoặc cả mấy ngày để chuẩn bị cho một buổi họp. Giờ thì lệnh triệu tập được gửi đến qua điện thoại và khả năng đáp ứng mệnh lệnh được tính bằng phút.

Mặc dù bọn chúng không hề mong đợi cuộc gọi này, nhưng ai nấy đều nhảy dựng khi chiếc điện loa đang đặt chính giữa bàn reo lên. Machiavelli với tay xoay tròn chiếc điện thoại kiểm tra danh tính người gọi trước khi trả lời. Một dãy số dài nhằng bắt đầu bằng những con số 31415 – y nhận ra ngay đó là một phần của dãy số pi – lướt cuộn khỏi màn hình. Khi y nhấn nút trả lời, tiếng tĩnh điện rít lên và nổ lộp bộp một hồi rồi mới nhạt dần thành một tiếng thì thầm khe khẽ nhẹ như gió thoảng.

“Chúng tôi rất thất vọng.” Tiếng nói trong điện thoại sử dụng một dạng rất cổ xưa của tiếng La-tinh được dùng vào những thế kỷ cuối cùng trước thời Julius Caesar. “Thật sự thất vọng.” Không thể nào khẳng định đó là tiếng nói của người nam hay nữ, và có nhiều lúc thậm chí có thể hình dung như thể có hai người đang cùng nói.

Machiavelli ngạc nhiên; y những tưởng sẽ nghe giọng nói rin rít từ chủ nhân Elder Đen tối của mình chứ - trước nay y chưa từng nghe tiếng nói nào thế này bao giờ. Nhưng Dee thì đã từng. Dù gương mặt Dee giữ nguyên không nao núng, nhưng tay người Ý quan sát thấy cơ mặt nơi quai hàm của tay Pháp sư người Anh bạnh ra và hấn làm cho chúng bình thường trở lại đâu vào đấy nhanh đến nỗi hầu như không thể nhận thấy được. Như vậy, đây chính là chủ nhân Elder Đen tối bí mật của Dee.

“Chúng tôi được bảo đảm rằng tất cả đều đã sẵn sàng... chúng tôi được cam đoan rằng Flamel sẽ bị bắt và bị giết chết... chúng tôi được nghe quả quyết rằng Perenelle sẽ bị xử lý dứt điểm, còn cặp song sinh sẽ bị tóm lấy và giao vào tay chúng tôi...”

Giọng nói kéo dài hào vào tiếng tĩnh điện.

“VẬY mà Flamel vẫn đang tự do... Perenelle không còn bị nhốt trong xà-lim nữa, cho dù bà ta vẫn bị giam hãm trên hòn đảo. Cặp song sinh trốn thoát mất rồi. Và chúng tôi vẫn chưa có được trọn vẹn cuốn Codex. Chúng tôi thật sự thất vọng,” giọng nói kỳ quái lặp đi lặp lại.

Dee và Machiavelli nhìn nhau. Người nào làm cho các Elder Đen tối thất vọng đều có chiều hướng sẽ bị tan biến mất. Một chủ nhân Elder có quyền ban tặng tay chân bộ hạ thuộc loài người của mình đặc ân bất tử, nhưng đó là một món quà có thể rút lại chỉ bằng một cú chạm duy nhất. Tùy thuộc vào việc con người ấy đã bất tử trong thời gian bao lâu, mà tuổi già thâm khốc lao đến trên thân thể người đó đột ngột và mau chóng như thế nào, khoảng thời gian hàng bao nhiêu thế kỷ dẫn đến làm da thịt và các cơ quan nội tạng già đi rồi bị phá hủy. Trong chừng vài tích tắc, một người trông khỏe mạnh cường tráng có thể biến thành một đồng da dai nhách và xương cốt nát nhuyễn thành bột.

“Các anh đã làm chúng tôi thất vọng,” những giọng nói thì thầm.

Không ai trong hai người phá vỡ bầu không khí im lặng kéo dài ngay sau đó, cả hai hoàn toàn ý thức rằng cuộc sống rất lâu dài của họ đến giờ này hết như sợi chỉ mảnh treo chuông. Cả hai đều đầy quyền lực và quan trọng, nhưng chẳng ai là người không thể thay thế được cả. Các Elder Đen tối có những tên tay sai khác cũng thuộc loài người và họ có thể cử mấy người đó đi truy lùng Flamel và cặp song sinh. Còn đây đây những người khác kia mà.

Tiếng tĩnh điện kêu sột soạt và nổ lộp bộp trên đường dây, và rồi một giọng mới cất lên. “Tuy nhiên, tôi có ý kiến rằng chúng ta chưa đến nỗi thua trắng đâu.”

Hàng thế kỷ luyện tập đã giữ cho gương mặt của Machiavelli không hề biểu cảm. Đây chính là giọng nói y đang mong đợi, giọng nói chủ nhân Elder của y, nhân vật đã thống trị đất nước Ai Cập trong một thời gian ngắn cách đây hơn ba ngàn năm trước.

“Cho phép tôi trình bày, hiện giờ chúng ta đã đi gần đến đích lắm rồi, trước nay chưa bao giờ gần đến thế. Chúng ta có lý do để hy vọng. Chúng ta đã xác nhận rằng bọn trẻ loài người kia đích thực là cặp song sinh được nhắc đến trong huyền thoại; thậm chí chúng ta đã từng chứng kiến một số cuộc biểu dương năng lượng của chúng. Nhà Giả kim đang nguyên rửa và mục vợ Nữ Phù thủy của hắn ta đang bị giam hãm và hấp hối sắp chết rồi. Tất cả những gì chúng ta phải làm là chờ đợi, và thời gian, người bạn tuyệt vời nhất của chúng ta, sẽ xử lý bọn chúng giúp chúng ta. Scathach đã mất tích và Hekate đã bị tiêu diệt. Mà chúng ta lại đang giữ cuốn Codex.”

“Nhưng chưa có đủ mà,” giọng nói nam-nữ thăm thì. “Chúng ta vẫn còn thiếu hai trang cuối.”

“Đồng ý. Nhưng chúng ta đã lấy được nhiều như thế bao giờ đâu. Chắc chắn đủ đủ để khởi sự quá trình kêu gọi các Elder trở lại từ những Vương quốc Bóng tối xa xăm.”

Machiavelli cau mày, tập trung cao độ. Nghe đâu chủ nhân Elder của Dee là người quyền lực nhất trong tất cả các Elder, vậy mà ở đây chủ nhân của mình lại dám tranh luận và bàn cãi với ông hay bà gì đó. Đường đây kêu lớp bắp, và giọng nói nam-nữ kia nghe thoáng vẻ hờn dỗi.

“Nhưng cái chúng ta thiếu lại chính là Lời Hiệu triệu Cuối cùng. Không có nó, các anh chị em của chúng ta sẽ không thể áp dụng biện pháp cuối cùng để từ Vương quốc Bóng tối đi vào thế giới này được.”

Chủ nhân của Machiavelli điềm tĩnh trả lời. “Chúng ta vẫn đang quy tụ lực lượng của mình lại. Một số an hem chúng ta đã liệu mình bỏ ra xa khỏi trần gian này; thậm chí họ đã mất hút ở tận bên kia các Vương quốc Bóng tối để đi vào những Thế giới Khác. Phải có ngày rộng tháng dài cho họ quay về. Bây giờ chúng ta cần phải kêu gọi họ trở lại, lôi kéo họ trở vào các Vương quốc Bóng tối tiếp giáp với cõi trần gian, để khi đến thời buổi thích hợp, họ chỉ cần áo dụng một biện pháp duy nhất để bước vào thế giới và chúng ta có thể hành động như một hệ thống nhất để giành lại hành tinh này.”

Machiavelli nhìn Dee. Cái đầu của tay pháp sư người Anh nghiêng nhẹ qua một bên, đôi mắt khép hờ trong lúc đang lắng nghe các Elder nói chuyện. Hầu như cảm nhận được ánh nhìn của Machiavelli nơi mình, Dee mở mắt và nhướn mày ngấm ngấm nêu một câu hỏi. Tay người Ý khẽ lắc đầu; y không nhận thức được câu chuyện đang diễn ra theo chiều hướng nào.

“Đây là thời buổi đã được Abraham tiên báo khi lần đầu tiên ông ta tạo nên cuốn Codex,” chủ nhân của Machiavelli nói tiếp. “Ông ấy có Tâm nhìn, ông ấy có thể trông thấy những dòng cuộn xoáy của thời gian. Ông ấy báo trước rằng thời kỳ này sẽ phải đến – và gọi đó là Thời Biến đổi, khi mà trật tự sẽ quay trở lại trên thế giới này. Chúng ta đã phát hiện ra cặp song sinh, chúng ta đều biết nơi có thể tìm thấy Flamel và hai trang cuối của cuốn Codex. Một khi chúng ta lấy được các trang sách ấy rồi, chúng ta có thể dùng năng lượng của cặp song sinh để cung cấp nhiên liệu cho Lời Hiệu triệu Cuối cùng.”

Đường dây lại nổ lộp bộp đầy tĩnh điện, và ở âm thanh nền, Machiavelli rõ ràng nghe thấy tiếng xì xào tán thành. Y nhận ra rằng có nhiều người khác nữa đang lắng nghe trên đường dây này, và y bắn khoản tự hỏi không biết có bao nhiêu Elder Đen tối tụ tập về. Y cắn chặt bên trong má để tự ngăn không cho mình mỉm cười trước hình ảnh của các Elder trong đủ loại lột vỏ và diện mạo bề ngoài – người và không thuộc loài người, thú vật và quái thú – đang chăm chú lắng nghe câu chuyện nơi những chiếc điện thoại. Machiavelli đã chọn đúng thời điểm khi có một khoảng dừng giữa những giọng nói xì xào và y nói một cách cẩn thận, cởi bỏ hết mọi cảm xúc ra khỏi giọng nói của mình, sao cho nó nghe có vẻ trung dung và chuyên nghiệp.

“VẬY TÔI CÓ THỂ ĐỀ NGHỊ CÁC VỊ CHO PHÉP CHÚNG TÔI HOÀN TẤT NHIỆM VỤ CỦA MÌNH ĐƯỢC KHÔNG. HÃY ĐỂ CHÚNG TÔI ĐI TÌM FLAMEL CÙNG CẶP SONG SINH.” Y BIẾT BÂY GIỜ MÌNH ĐANG THAM GIA MỘT TRÒ CHƠI NGUY HIỂM, NHƯNG RÕ RÀNG LÀ CÓ SỰ BẤT ĐỒNG Ý KIẾN GIỮA HÀNG NGŨ CÁC ELDER, VÀ MACHIAVELLI LUÔN LÀ CHUYÊN GIA TRONG VIỆC THAO TÚNG CÁC TÌNH THẾ NHƯ VẬY. Y NGHE RÕ SỰ ĐÒI HỎI TRONG GIỌNG NÓI CỦA CHỦ NHÂN Y. CÁC ELDER CỰC KỲ MUỐN CẶP SONG SINH VÀ CUỐN CODEX: KHÔNG CÓ NHỮNG THỨ ẤY, CÁC ELDER ĐEN TỐI CÒN LẠI KHÔNG SAO CÓ THỂ QUAY VỀ TRẦN GIAN NÀY. VÀ NGAY LÚC ĐÓ Y NHẬN RA RẰNG CẢ HAI NGƯỜI, Y VÀ DEE, VẪN CÒN LÀ VẬT CÓ ÍCH ĐẦY GIÁ TRỊ. “ÔNG TIẾN SĨ VÀ TÔI ĐÃ VẠCH MỘT KẾ HOẠCH,” Y NÓI, RỒI ĐỂ BẦU KHÍ RƠI VÀO IM LẶNG, CHỜ XEM BỌN HỌ CÓ MẮC MỒI HAY KHÔNG.

“Nói đi, giống người kia,” giọng nói nam-nữ sôi ùng ục.

Machiavelli nắm hai tay vào nhau, không nói một lời. Chân mày Dee nhướng nhướng lên và hấn chí tay vào chiến điện thoại. Nói đi, hấn bật thành tiếng.

“Nói đi!” giọng nói kia gầm lên, tiếng tĩnh điện rin rít và nổ lộp bộp.

“Ngài không phải là chủ nhân của tôi,” Machiavelli nói rất nhỏ nhẹ. “Ngài không thể ra lệnh cho tôi.”

Một âm thanh xì xì thật dài phát ra, giống như tiếng hơi nước thoát ra khỏi ấm. Machiavelli quay đầu nhè nhẹ, cổ nhấn định tiếng ồn. Rồi y gật đầu: đó là tiếng cười. Các Elder khác thấy buồn cười vì câu trả lời của y. Y đoán đúng; có sự bất đồng ý kiến trong hàng ngũ các Elder, và mặc dù có thể chủ nhân của Dee có đầy đủ quyền lực, nhưng điều đó không có nghĩa là ông ta được hết mọi người yêu thích. Đây là một điểm yếu mà Machiavelli có thể khai thác để tạo lợi thế cho mình.

Dee đang nhìn chăm chăm vào y, đôi mắt xám xịt mở lớn kinh hãi và thậm chí có lẽ còn thoáng một chút ngưỡng mộ.

Đường dây kêu lách tách, tiếng ồn làm nền bao quanh thay đổi và rồi chủ nhân của Machiavelli cất tiếng, rõ ràng có thể nghe được vẻ thích thú trong giọng nói rồn rảng của ông. “Người đề nghị điều gì nào? Và hãy cẩn thận đó, giống người kia,” ông ta nói thêm. “Anh cũng khiến ta thất vọng. Chúng ta từng nghe quả quyết rằng Flamel và cặp song sinh sẽ không thể rời Paris kia đấy.”

Tay người Ý chồm về phía chiếc điện thoại, nở nụ cười đắc thắng. “Thưa chủ nhân. Tôi được căn dặn rằng bao lâu Pháp sư người Anh chưa đến thì tôi không được làm gì cả. Thời giờ quý báu đã vượt mất. Flamel đã kịp có cơ hội liên lạc với đồng bọn, tìm chỗ ẩn nấp và trú tạm.” Machiavelli vừa nói vừa quan sát Dee cẩn thận. Y biết tay người Anh đã liên lạc với chủ nhân Elder của mình, và đến lượt chủ nhân đó ra lệnh cho chủ nhân của Machiavelli buộc tay người Ý phải ở yên không làm gì chờ cho tới khi Dee đến. “Tuy vậy,” y nhấn mạnh, làm cho vấn đề sáng rõ ra, “việc trì hoãn này lại làm cho chúng ta có lợi thế. Đứa con trai đã được một người trung thành với chúng ta đánh thức. Chúng tôi đã có một ít khái niệm về năng lượng của hai đứa sinh đôi và bây giờ chúng tôi biết bọn chúng đã đi đâu.” Y có thể vừa vắn tránh được cảm giác tự mãn trong giọng nói của mình. Y nhìn Dee đang ngồi bên kia bàn và gật đầu nhanh. Tay Pháp sư người Anh hiểu ý.

“Bọn chúng đang ở London,” John Dee tiếp lời. “Và nước Anh, hơn bất kỳ vùng đất nào trên trái đất này, là đất nước của chúng ta,” hắn nhấn mạnh. “Không như ở Paris, ở đó chúng ta có nhiều đồng minh: các Elder, Thế hệ Kế tiếp, những người bất tử và những bầy tôi thuộc giống người sẽ giúp đỡ chúng ta. Và ở Anh còn có những người khác nữa, không trung thành với ai ngoài chính bản thân họ, những người có các dịch vụ mà chúng ta có thể mua được. Có thể điều khiển tất cả những nguồn này để tìm kiếm Flamel và hai đứa nhỏ sinh đôi.” Hắn nói xong, và chồm người tới trước, hết sức chú ý nhìn chăm bẵm vào chiếc điện thoại, chờ đợi câu trả lời.

Đường dây kêu lách tách rồi tắt lịm. Rồi một tín hiệu báo máy đang bận vang khắp phòng.

Dee nhìn trừng trừng vào chiếc điện thoại với một cảm giác trộn lẫn giữa bàng hoàng và giận dữ. “Chúng ta bị đứt kết nối hay họ tự gác máy ngang không nói chuyện với chúng ta nữa vậy?”

Machiavelli nhấn vào nút Loa, tiếng ồn im bặt. “Bây giờ thì ông đã biết tôi cảm thấy thế nào khi ông dập máy nửa chừng lúc đang nói chuyện với tôi,” y nói nhỏ nhẹ.

“Vậy bây giờ chúng ta làm gì?” Dee hỏi gằn.

“Chờ thôi. Tôi hình dung bọn họ đang bàn luận về tương lai của chúng ta đấy.”

Dee khoanh tay trước vòng ngực hẹp. “Họ cần chúng ta mà,” hắn nói, cố gắng làm cho giọng nói nghe có vẻ tự tin – và đã thất bại.

Nụ cười của Machiavelli đầy cay đắng. “Họ sử dụng chúng ta. Nhưng họ không hề cần chúng ta. Tôi biết được là chỉ riêng ở Paris đã có ít nhất đến hơn một chục người bất tử có thể làm những công việc tôi đang làm.”

“Đúng, đúng, ông có thể thay thế được,” Dee nói kèm theo một cái nhún vai đầy tự mãn. “Nhưng tôi đã mất cả đời để truy đuổi Nicholas và Perenelle rồi kìa.”

“Ý ông là ông đã mất cả đời mà không sao bắt được họ ấy chứ,” Machiavelli nói, giọng y lưng chừng, và rồi kèm thêm một nụ cười ranh mãnh, “Quá gần, song lúc nào cũng lại quá xa.”

Nhưng mọi câu đối đáp Dee định dành cho y đều bị cắt đứt khi tiếng chuông điện thoại reo lên.

“Đây là quyết định của chúng tôi.” Chính chủ nhân Elder của Dee đang nói, những giọng nói nam-nữ trộn lẫn vào nhau thành một thứ âm thanh nghe hơi chối

tai. “Pháp sư sẽ theo Nhà Giả kim và cặp song sinh vào nước Anh. Chỉ thị dành cho anh đã rõ ràng: tiêu diệt Flamel, bắt hai đứa sinh đôi và lấy lại cho kỳ được hai trang sách bị mất. Hãy sử dụng bất kể phương tiện gì cần thiết để đạt được mục tiêu này; chúng ta có những đồng minh ở Anh là những người ừng hằm ơn chúng ta. Chúng tôi sẽ yêu cầu những người đó trả nợ. Và Tiến sĩ... nếu lần này anh còn làm chúng tôi thất vọng, thì tạm thời chúng tôi sẽ lấy đi món quà bất tử và để cho thân xác loài người của anh già đến một giới hạn nhất định... rồi ở thời điểm ngay trước khi chết, chúng tôi sẽ làm cho anh bất tử một lần nữa.” Có âm thanh soàn soạt như thể tiếng cười thầm hoặc xuýt xoa gì đó. “Hãy tưởng tượng xem cảm giác sẽ thế nào: đầu óc thông minh lỗi lạc của anh bị giam hãm trong một thân xác già cỗi yếu ớt, không thể nhìn rõ hoặc nghe rõ, không thể đi tản bộ hay di chuyển tới lui, vì những cơn đau liên miên dai dẳng do vô số những lần ốm đau vặt vãnh gây ra. Anh sẽ già cỗi mãi mãi song lại bất tử. Cứ việc làm cho chúng tôi thất vọng nữa đi, thì viễn cảnh này sẽ là số phận của anh. Chúng tôi sẽ giam giữ anh trong lớp vỏ thân xác già nua cho đến vĩnh viễn muôn đời.”

Dee gật đầu, khó nhọc nuốt nước bọt xuống, rồi nói với vẻ tự tin tối đa mà hẳn có thể tập trung được, “tôi sẽ không làm chủ nhân thất vọng.”

“Còn anh, Niccolo...” chủ nhân của Machiavelli lên tiếng nói. “Anh sẽ đi một chuyến đến Mỹ. Nữ Phù thủy hiện đang tự do thoải mái ở Alactraz. Hãy làm bất kể những gì anh phải làm để bảo vệ hòn đảo.”

“Nhưng tôi không có mối liên hệ nào ở San Francisco cả,” Machiavelli nhanh nhẩu phản đối, “không có đồng minh nào. Châu Âu luôn là lãnh địa của tôi.”

“Chúng tôi có tay chân thuộc hạ trên khắp nước Mỹ. Bây giờ thậm chí họ còn đang đi về hướng tây để chờ anh tới nữa kia. Chúng tôi sẽ bảo một tên hướng dẫn và phụ trợ cho anh. Ở Alactraz, anh sẽ tìm thấy một đạo quân đủ loại đang ngủ thiếp trong các xà-lim, những sinh vật mà nòi giống người sẽ nhận ra từ những cơn ác mộng tối tăm nhất và những chuyện hoang đường kinh tởm nhất của bọn chúng. Chúng tôi không dự định sử dụng đạo quân này sớm thế, nhưng bây giờ các biến cố đã xoay chuyển quá nhanh, nhanh hơn nhiều so với dự tính. Chẳng bao lâu nữa sẽ đến Thời Litha, điểm hạ chí. Vào giữa mùa hạ, luồng điện của cặp song sinh sẽ đạt đến thời kỳ mạnh nhất trong khi những rào cản giữa thế giới này với vô số Vương quốc Bóng tối lại ở vào thời điểm yếu nhất. Chúng tôi dự định sẽ giành lại thế giới này khỏi tay con người đúng vào ngày ấy.”

Ngay cả Machiavelli cũng không tài nào giữ được cho gương mặt mình không biểu lộ cảm xúc. Y nhìn Dee và thấy tay Pháp sư cũng trợn tròn mắt vì sốc. Cả hai người đàn ông đều làm việc cho các Elder Đen tối trong nhiều thế kỷ và luôn ý thức việc họ dự định quay trở lại thế giới mà họ từng có lần thống trị. Vậy mà, thật sững sốt khi khám phá ra rằng sau bấy nhiêu năm chờ đợi và theo đuổi kế hoạch, mơ ước ấy lại sắp sửa xảy ra chỉ trong một thời gian khoảng hơn ba tuần lễ nữa thôi.

Tiến sĩ John Dee chồm đến gần chiếc điệt thoại hơn nữa. “Các chủ nhân – và tôi biết là tôi nhân danh cả Machiavelli khi thừa điều này – chúng tôi rất vui mừng vì Thời Biến đổi hầu như đã ở trên chúng tôi và chẳng bao lâu nữa các ngài sẽ trở lại.” Hắn nuốt nước bọt một cách khó khăn và thở nhanh. “Nhưng xin các ngài cho phép chúng tôi được nói lời cảnh báo rằng: thế giới các ngài đang trở lại không còn là thế giới mà ngày trước các ngài đã rời bỏ. Nòi giống người hiện đang có trong tay nền kỹ thuật công nghệ, hệ thống thông tin liên lạc, vũ khí... họ sẽ kháng cự lại,” hắn nói thêm với vẻ do dự ngập ngừng.

“Đích thị họ sẽ kháng cự, Tiến sĩ ạ,” chủ nhân của Machiavelli nói. “Vì thế chúng tôi sẽ cho con người một thứ để chúng dồn sức tập trung vào, một thứ làm cạn kiệt tài nguyên của chúng và tiêu hao hết sự chú ý của chúng. Niccolo,” giọng nói lại tiếp tục, “khi anh chiếm được Alactraz, vực dậy những con quái thú trong các xà-lim rồi thả chúng vào thành phố San Francisco. Khả năng tàn phá và nỗi kinh hoàng ấy sẽ không thể diễn tả nổi. Và khi thành phố biến thành một đồng tàn tích đổ nát bốc khói mịt mù rồi, thì hãy cứ để các sinh vật ấy đi lang thang đến đâu tùy ý chúng. Chúng sẽ tàn phá tận bên kia châu Mỹ. Loài người luôn luôn sợ hãi bóng tối: chúng ta sẽ nhắc nhở hắn ta vì sao lại thế. Những chỗ cất giữ các sinh vật tương tự như vậy đã được giấu kín trong hết mọi châu lục rồi; bọn chúng sẽ được thả ra vào cùng một thời điểm. Thế giới này sẽ nhanh chóng phân rã thành sự điên loạn và trạng thái hỗn mang. Toàn bộ quân đội đều sẽ bị xóa sạch, để rồi sẽ không còn ai đứng lên đấu tranh chống lại chúng ta khi chúng ta trở lại. Và hành động đầu tiên của chúng ta là gì nào? Này nhé, chúng ta sẽ tiêu diệt những con quái thú kia và nòi giống người sẽ hoan nghênh chúng ta như đấng giải cứu họ.”

“Vậy ra những con quái thú hiện đang ở trong các xà-lim của Alactraz sao?” Machiavelli hỏi, thật sự kinh sợ. “Làm thế nào tôi vực chúng dậy được?”

“Anh sẽ được chỉ dẫn khi đến nước Mỹ. Nhưng trước hết, anh phải đánh bại được Perenelle Flamel trước đã.”

“Làm sao chúng ta biết bà ta vẫn còn ở đó? Nếu bà ta đã trốn thoát khỏi xà-lim của mình được, thì chắc chắn sẽ bỏ trốn khỏi hòn đảo được chứ?” Tay người Ý nhận thức rõ trái tim y đột nhiên đập thành thịch; ba trăm năm trước y đã thề sẽ báo thù Nữ Phù thủy. Bây giờ chẳng phải y sắp sửa được cho một cơ hội trả thù đó sao?

“Bà ta vẫn còn ở trên hòn đảo. Chính bà ta đã thả Areop-Enap, còn gọi là Lão Nhện. Đó là một kẻ thù nguy hiểm, nhưng không đến nỗi không thể bị đánh bại. Chúng tôi đã áp dụng các biện pháp để vô hiệu hóa mụ già ấy và chắc chắn rằng Perenelle sẽ ở lại đó cho tới khi anh đến nơi. Và Niccolo” – giọng nói của Elder trở nên cứng cỏi và đe dọa – “đừng lặp lại sai lầm của Dee.”

Tay Pháp sư thẳng đứng người lên.

“Đừng cố gắng bắt giữ hoặc bỏ tù Perenelle làm gì. Không được chuyện trò, không được mặc cả hoặc cố tranh luận đàm phán với bà ta. Phải giết chết bà ta ngay khi vừa trông thấy. Hãy nhớ Nữ Phù thủy còn nguy hiểm hơn Nhà Giả kim gấp bội.”

Bầu trời tinh mơ trên Alactraz nhuộm một thứ màu kim loại lem luồn dơ bẩn. Những hạt mưa lạnh như nước đá kêu rin rít tạt từ bên này sang bên kia hòn đảo, mặt biển nổi sóng dữ tợn, từng cơn sóng vỗ đập liên hồi vào ghềnh đá làm văng tung tóe những bọt muối mặn chát nảy bật lên cao, vệt biển tan vào không trung.

Perenelle Flamel cúi đầu trở lại vào căn chòi đồ nát trong Khu nhà ở của Cai tù. Bà xoa hai bàn tay lên lên xuống xuống chỗ cánh tay để trần, gạt sạch đi những giọt hơi ẩm chứa đầy muối. Bà vẫn mặc chiếc áo đầm mùa hè mỏng nhẹ không tay, bây giờ đã vấy bẩn lấm lem toàn bùn đất và gỉ sét, thế nhưng người phụ nữ cao ráo thanh lịch này không hề thấy lạnh. Mặc dù sử dụng nguồn năng lượng đang dần cạn kiệt của mình là điều hoàn toàn miễn cưỡng, nhưng bà vẫn phải điều chỉnh luồng điện, làm cho nhiệt độ cơ thể dâng cao vừa đến một mức dễ chịu. Bà biết nếu bà để mình bị nhiễm lạnh, bà sẽ không thể suy nghĩ mọi chuyện minh bạch được, và bà có cảm giác là sắp sửa phải cần đến tất cả nguồn năng lượng của mình trong vài giờ sắp tới đây.

Bốn ngày trước, Perenelle Flamel đã bị Tiến sĩ John Dee bắt cóc và giam vào Alactraz. Tên lính canh bà, một con nhân sư, đã được chọn vì khả năng đặc biệt là có thể ngốn sạch luồng điện của người khác – luồng điện là những trường năng lượng bao quanh lấy mọi sinh vật sống. Tay Pháp sư người Anh hy vọng con nhân sư này sẽ uống cạn luồng điện của Perenelle và ngăn không cho bà trốn thoát, nhưng cũng như từng xảy ra quá thường xuyên trong quá khứ, lần này hawson lại đánh giá thấp khả năng và năng lượng của Perenelle. Với sự giúp đỡ của bóng ma cai quản hòn đảo, Nữ Phù thủy đã trốn thoát khỏi tay con nhân sư kia. Đúng ngay giây phút ấy, bà khám phá ra bí mật kinh khủng của hòn đảo này: Dee đã quy tụ những loài quái thú. Các xà-lim trong nhà tù đầy những sinh vật kinh khiếp đến từ khắp mọi nơi trên trái đất này, những sinh vật mà hầu hết mọi người đều tin rằng chỉ có thể hiện hữu trong những góc ngách tối tăm nhất của những câu chuyện hoang đường và thần thoại. Nhưng khám phá gây ngạc nhiên nhất lại nằm trong những đường hầm ẩn giấu sâu hun hút dưới lòng hòn đảo này. Ở đó bị giam cầm dưới những biểu tượng ma thuật thậm chí còn già hơn các Elder nữa, bà đã tìm thấy một sinh vật có tên là Areop-Enap, Lão Nhện. Cả hai hình thành nên một khối liên minh miễn cưỡng và đã đánh bại Morrigan, Nữ thần

Quạ, cùng với đạo quân chim chóc của mẹ ta. Nhưng họ biết rằng có điều tệ hại hơn đang đến.

“Thời tiết này không bình thường,” Perenelle khe khẽ nói, có thể nghe được thoáng âm hưởng tiếng Pháp trong giọng nói của bà. Bà hít thở sâu và nhắm mắt. Đối với khứu giác đã được nâng cao của bà, làn gió thổi vào gần Vịnh San Francisco nghe như bị ô nhiễm bởi mùi máu của thứ gì đó hôi thối và chết rũ lâu ngày, một dấu hiệu chắc chắn rằng đang có chuyện bất thường.

Areop-Enap ngồi cao ngất trên bức tường của tòa nhà bỏ không. Bà nhện khổng lồ húp híp căng phồng mài miết bao lấy vỏ bọc của tòa nhà bằng thứ mạng màu trắng dính dính. Hàng triệu con nhện, một số con lớn bằng chiếc đĩa, số khác còn nhỏ hơn hạt bụi, chạy lon ton qua bên kia tấm mạng đồ sộ đi vào vùng bóng tối u ám nhấp nhô dập dờn, dệt thêm những lớp tơ riêng của chúng vào tấm mạng ướt sũng. Không quay đầu lại, bà Elder xoay hai trong tám con mắt của bà tập trung vào người phụ nữ. Bà giở một trong mấy cái chân to mập của mình đưa thẳng lên không trung, lớp lông màu tím tím đầu ngả sang xám vẩy vẩy trong cơn gió. “Ừ, có cái gì đang đến... nhưng không phải Elder, mà cũng không phải con người,” bà ta nói ngọng ngịu.

“Một thứ gì đó đã từng ở đây rồi,” Perenelle nói dứt khoát.

Areop-Enap quay người xuống nhìn Perenelle. Tám con mắt nhỏ xíu đậu trên đỉnh đầu giống cái đầu người một cách quái dị của bà. Không có mũi mà cũng chẳng có tai, và cái miệng là một đường vạch nằm ngang chằng đầy những chiếc răng nanh cực độc dài nhằng. Hàm răng dữ tợn này khiến cho giọng nói của bà ngọng ngịu cách kỳ lạ. “Đã xảy ra chuyện gì?” bà hỏi bất thành hình, trong lúc đu thả mình rơi xuống đất trên một sợi tơ nhện.

Perenelle thận trọng đi từng bước qua bên kia khoảng sàn nhà lát đá, cố tránh những sợi tơ nhện thắt gút hể cứ chạm đến đâu là dính chặt đến đó. Chúng có một độ dai chắc như kẹo cao su. “Lúc này tôi đi xuống rìa nước,” bà nói nhẹ. “Tôi muốn xem thử chúng ta cách đất liền bao xa.”

“Sao?” Areop-Enap vừa hỏi, vừa bước tới gần người phụ nữ hơn, thân hình vượt cao hẳn trên bà.

“Cách đây nhiều năm trước, tôi học được một câu thần chú của một pháp sư người Eskimo. Nó làm thay đổi tính bền của dòng nước chảy, biến dòng nước thành một thứ giống như bùn dính dính. Thật hiệu quả, nó cho phép bà đi được trên nước. Những người Eskimo dùng câu thần chú này khi họ đi săn những con

gấu Bắc cực bò ra trên những tảng băng nổi. Tôi muốn xem thử nó có tác dụng đối với làn nước muối ấm áp thế này không.”

“Rồi sao?” Areop-Enap hỏi.

“Tôi không có cơ hội thử.” Perenelle lắc đầu. Gom hết mái tóc dài đen nhánh của mình bằng cả hai bàn tay, bà hất tóc ra sau vai. Thường thường, bà thắt tóc thành một bím dày, nhưng giờ đây bà để tóc xõa, và thậm chí bà còn bắt gặp nhiều sợi ánh bạc và xám xám hơn ngày hôm trước nữa. “Nhìn này.”

Areop-Enap bước đến gần hơn. Mỗi cẳng chân của bà ta điều to mập hơn cả thân hình của người phụ nữ, và ở mút đầu chân có một que nhọn hình móc câu, nhưng khi di chuyển lại không hề gây ra một tiếng động nào.

Perenelle đưa ra một nùi tóc. Một khúc dài khoảng một tấc được cắt gọn bằng. “Tôi đang cúi người trên mặt nước, tập hợp luồng điện của tôi lại để thử câu thần chú xem, thì có thứ gì đó vọt ra khỏi mặt nước chỉ vừa vụn như một gợn sóng lăn tăn. Quai hàm của nó đã lạng thẳng qua mớ tóc của tôi.”

Lão Nhện kêu xì xì nhè nhẹ. “Bà có nhìn thấy nó không?”

“Chỉ một thoáng thôi, ngoài ra không có gì hết. Tôi lo tập trung hết sức bươn mình bò trở lên bờ biển.”

“Một con rắn à?”

Perenelle đổi sang thứ tiếng Pháp thời tuổi trẻ của bà. “Không. Một người đàn bà. Da màu xanh lá, với hàm răng... nhiều cái răng nhỏ tí ti. Tôi bắt gặp lóe lên một cái đuôi cá khi nó nhúng mình trở lại vào làn nước.” Perenelle lắc đầu và thả tóc xuống, để yên chúng trên vai mình, rồi ngược nhìn bà Elder. “Nó có phải là con nhân ngư không nhỉ? Tôi chưa từng gặp một người nào sống ngoài biển.”

“Không phải đâu,” Areop-Enap lẩm bẩm. “Dù có thể đó là một trong số những Nữ thần biển đi lạc đường.”

“Những nữ thần của biển khơi... nhưng thế thì họ đang ở xa nhà họ lắm.”

“Đúng. Chúng thích những làn nước ấm hơn của vùng biển Địa Trung Hải, nhưng các đại dương trên thế giới này đều là nhà của chúng cả. Tôi đã chạm trán với chúng ở khắp nơi, thậm chí trong cả những tảng băng của vùng Antarctic. Có đến năm mươi Nữ thần biển, và chúng luôn du hành đây đó chung với nhau... một điều khiến tôi nghĩ rằng hòn đảo này rất có thể đã hoàn toàn bị bao vây rồi. Chúng ta sẽ không trốn thoát bằng đường biển được. Nhưng điều đó không phải là mối quan tâm lớn nhất của chúng ta,” Areop-Enap lọng ngọng. “Nếu thần biển ở đây, thì có thể điều đó có nghĩa là cha của chúng, Nereus, cũng đang ở rất gần.”

Mặc dù đã kiểm soát được hơi ấm của mình, một cơn lạnh run vẫn chạy dọc ngược lên cột sống của Perenelle. “Ông Già Biển ư? Nhưng ông ta đang sống trong Vương quốc Bóng tối dưới lòng nước xa xôi nào đó kia mà và chỉ những việc liêu lĩnh rất hiếm hoi mới đưa ông ta đến địa hạt này thôi. Ông đã không đến thế giới của chúng ta kể từ năm 1912 lặn kia. Cái gì có khả năng mang ông ta trở lại vậy cà?”

Areop-Enap cười toe đầy ác ý để lộ cả hàm răng. “Tại sao à, bà đấy, Quý bà Perenelle ạ. Bà là phần thưởng. Bọn chúng muốn kiến thức và ký ức của bà. Bà và chồng bà nằm trong số hiếm hoi nhất của loài người: các người là những người bất tử mà không hề bị chủ nhân Elder nào sai khiến. Và giờ bà đang bị giam giữ trên Alactraz, các Elder Đen tối sẽ làm hết sức mình để bảo đảm là bà không thể rời khỏi đây mà còn sống sót.”

Tĩnh điện màu xanh lơ và trắng nổ lộp bộp dọc theo chiều dài mái tóc Perenelle, chậm chậm dâng lên và tỏa ra phía sau bà kết thành một vòng sáng lung linh đen tuyền. Đôi mắt bà chiếu sáng rực một màu xanh lá lạnh lẽo, rồi một luồng điện trắng như nước đá nở bung quanh người bà, lấp đầy bên trong ngôi nhà đổ nát một luồng ánh sáng mạnh mẽ. Một làn sóng các con nhện sẫm màu vồ vãi chạy trốn vào những vùng bóng tối. “Bà biết có bao nhiêu Elder Đen tối và bạn bè họ hàng của họ đã ra sức cố giết chết tôi không?” Perenelle hỏi gần.

Areop-Enap nhún vai, một chuyển động của tất cả mấy cái chân đáng sợ. “Nhiều hả?” bà ta gợi ý.

“Và bà có biết bao nhiêu tên vẫn còn sống không?”

“Một ít?” Areop-Enap hỏi dò.

Perenelle mỉm cười. “Rất ít.”

“Chờ đã cháu có điện thoại.”

Sophie vừa cúi đầu vào một ô cửa, thò tay vào trong túi lôi ra cái điện thoại di động. Pin điện thoại đã cạn sạch hồi ở Vương quốc Bóng tối của Hekate, nhưng Comte de Saint-Germain đã tìm cho cô một bộ sạc còn chạy được. Lật nghiêng nghiêng màn hình, cô bé nhìn chăm soi vào một dãy số khác thường. “Cháu không biết là ai đây,” cô bé vừa nói, vừa nhìn cậu em trai rồi nhìn sang Nicholas.

Josh nhìn qua vai chị gái cậu. “Em không nhận ra số này,” cậu nói thêm.

“Bắt đầu bằng số mấy?” Nicholas vừa hỏi, vừa liếc sang, cố tập trung vào màn hình.

“Không, không, ba, ba...”

“Mã vùng của Pháp đó,” Flamel nói. “Trả lời đi; đó chỉ có thể là Francis.”

“Hoặc là Dee hay Machiavelli,” Josh nói ngay. “Có lẽ chúng ta nên...”

Nhưng cậu chưa nói xong thì Sophie đã nhấn vào nút trả lời. “Xin chào?” cô bé nói với vẻ thận trọng.

“Tôi đây!” Giọng Saint-Germain nhẹ và không có trọng âm, và Sophie có thể khẳng định ông ta đang ở ngoài đường vì tất cả mọi thứ tiếng ồn trong âm thanh nền. “Cho tôi nói chuyện với ông già. Mà đừng nói với thầy là tôi gọi thế nhé!”

Sophie nín nhịn không dám cười toe toét và trao điện thoại cho Nhà Giả kim. “Chú nói đúng; Francis đó. Ông ấy muốn nói chuyện với chú.”

Nicholas áp điện thoại lên một tai và lấy bàn tay còn lại bịt tai bên kia, cố ngăn bớt tiếng ồn của xe cộ. “A-lô?”

“Thầy đang ở đâu ạ?” Saint-Germain hỏi bằng tiếng La-tinh.

Nicholas nhìn quanh, cố định hướng. “Trên đường Marylebone, vừa lên khỏi trạm xe điện ngầm Regent’s Park.”

“Xin chờ máy chút; con có điện thoại bên đường đây kia.” Saint-Germain rời khỏi điện thoại và nghe tiếp âm thông tin được nói bằng một thứ tiếng Pháp cổ liền thoảng. “OK,” một lúc sau ông nói. “Thầy cứ đi thẳng xuống con đường rồi chờ bên ngoài Nhà thờ St. Marylebone. Sẽ có người cho xe đón thầy.”

“Làm sao tôi biết người tài xế ấy đang làm việc cho anh?” Nicholas hỏi.

“Ý tưởng hay. Thầy có lý do gì để tin rằng cuộc nói chuyện này không bị giám sát không ạ?”

“Chắc chắn cả hai tay người Ý và người Anh kia đều có các đầu mối cung cấp thông tin,” Nhà Giả kim nói một cách cẩn thận.

“Đúng vậy.”

“Và có cả một ủy ban không được hoan nghênh đang chờ đợi chúng tôi. Tôi hình dung bọn này đã báo cáo trước cả khi chúng tiến hành theo dõi chúng tôi lận kìa.”

“Chà.” Saint-Germain dừng lại một chút và rồi cẩn thận nói, “con cho rằng thầy đã xử lý vấn đề một cách kín đáo dè dặt kia mà.”

“Rất kín đáo. Nhưng...”

“Nhưng sao ạ?” Saint-Germain hỏi.

“Mặc dù tôi không sử dụng luồng điện của mình, nhưng một số năng lượng nhất định vẫn bị giải phóng ra. Việc đó chắc chắn đã thu hút sự chú ý, đặc biệt là trong thành phố này.”

Lại một đoạn dừng nữa; rồi Saint-Germain nói, “OK, con vừa gọi cho tài xế một tin nhắn. Cho phép con nhắc thầy nhớ lại một bữa tiệc con đã tổ chức ở Versailles vào tháng Hai năm 1758. Đó là sinh nhật của con, và thầy đã tặng cho con một cuốn sách bìa đóng bằng giấy da mịn lấy từ thư viện riêng của thầy để làm quà.”

Đôi môi Nicholas nhếch lên thành một nụ cười. “Tôi nhớ.”

“Con vẫn còn giữ cuốn sách đó. Anh tài xế sẽ nói với thầy tựa sách là gì,” ông ta nói tiếp, giọng cất cao lên khỏi tiếng khua lốp cộp như búa nện trong âm thanh nền.

“Tiếng ồn gì ghê thế?” Flamel vừa hỏi, vừa đổi trở lại tiếng Anh.

“Mấy người công nhân đó ạ. Tụi con đang dựng lại cột nhà. Hình như đúng là nó nguy hiểm thật sự sắp làm đổ sập các hầm rượu bên dưới, và có lẽ kéo theo nó cả đến nửa con phố.”

Nicholas hạ giọng. “Anh bạn cũ. Tôi không thể nói với anh là tôi tiếc như thế nào vì những rắc rối tôi đã mang lại cho nhà anh. Tất nhiên tôi sẽ bù đắp phần thiệt hại cho anh.”

Saint-Germain cười khúc khích. “Xin thầy đừng dẫn vật mình nữa. Con chẳng tốn kém gì cả. Con đã bán bản quyền về câu chuyện này cho một tờ tạp chí. Phí thu được còn cao hơn tiền sửa sang lại ngôi nhà, và tin tức báo chí đưa ra

thật vô giá; album mới của con đang tăng vọt trong các biểu đồ thống kê số lượt tải về... nếu không thì ắt hẳn đó phải là điều ngược lại,” ông nói thêm rồi phá lên cười.

“Câu chuyện nào vậy?” Nicholas vừa hỏi, vừa liếc qua hai đứa nhỏ sinh đôi.

“Sao, tất nhiên và vụ nổ khí gas đã làm hư hại nhà con ấy chứ gì nữa,” Saint-Germain nói nhẹ nhàng. “Con phải đi đây. Con sẽ giữ liên lạc. Và ông bạn cũ ời” – ông ấy dừng một chút – “hãy cẩn thận. Nếu có cần bất cứ gì – con nói là bất cứ đấy nhé – thì thầy biết làm thế nào để liên lạc với con rồi đó.”

Nicholas nhấn nút Tắt và trao lại điện thoại cho Sophie mà không nói gì. “Cậu ấy nói...”

“Tụi cháu nghe hết rồi.” Các giác quan được Đánh thức của cặp song sinh đã cho phép chúng nghe rõ cả hai bên trong cuộc nói chuyện vừa rồi. “Một vụ nổ khí gas hả chú?” Sophie hỏi.

“Đúng rồi, chẳng lẽ ông ấy lại bảo thiệt hại gây ra do một loài khủng long nguyên thủy nào đó, phải không nào?” Josh chọc ghẹo. “Ai thèm tin ông ấy kia chứ?” Thọc tay vào túi, cậu vội vã bước theo Flamel, lúc này đã sải chân xuống phố. “Đi thôi, chị.”

Sophie gật đầu. Thăng em cô bé có lý. Nhưng cô bé cũng bắt đầu hiểu ra các Elfer đã thu xếp thế nào để giữ sự tồn tại của họ trong vòng bí mật lâu như vậy. Đơn giản loài người không muốn tin rằng có ma thuật trên thế giới này. Không hề có trong thời đại khoa học kỹ thuật này. Những quái thú và phát thuật luôn thuộc về thời quá khứ chưa được khai hóa hồi nguyên thủy cổ xưa mà thôi, vậy mà trong mấy ngày qua, ngày nào cô bé cũng được trông thấy bằng cứ chứng minh là có pháp thuật. Người ta vẫn thường thuật lại những điều không thể xảy ra; họ đã nhìn thấy những vật kỳ lạ nhất, những sinh vật quái dị nhất... mà không một ai tin họ hết. Hết thấy họ không thể nhất loạt sai lầm, nói dối, lẫn lộn hoặc là bị lạc lối được, phải vậy không? Nếu các Elder Đen tối và bè lũ tay sai của họ chiếm giữ những vị trí quyền lực, thì đã hẳn tất cả những gì bọn họ phải làm là vứt bỏ các bản báo cáo, phớt lờ chúng hoặc là – như vừa xảy ra ở Paris – chế nhạo chúng trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Chẳng bao lâu thậm chí chính những người đã viết ra các bản tường thuật ấy, những người đã từng trông thấy một thứ gì đó bất bình thường, sẽ bắt đầu thấy nghi ngờ những bằng chứng từ chính các giác quan của bản thân họ. Chỉ mới hôm qua đây, Nidhogg, một sinh vật được cho là chỉ tồn tại trong truyện huyền thoại, đã điên cuồng nổi cơn thịnh

nộ xuyên khắp các đường phố chật hẹp Paris, để lại đằng sau nó vết tích của sự tàn phá. Nó đã đập phá tan tành sang tận phía bên kia Champs-Élysées và xé toạc nguyên một phần bến cảng nổi tiếng thành từng mảnh rồi mới lao mình xuống dòng sông. Chắc hẳn phải đến hàng chục người đã trông thấy nó; nhưng những câu chuyện kể của họ, những câu tuyên bố khẳng định của họ đã đi đâu mất rồi? Báo chí đều tường thuật biến cố này như một vụ nổ khí gas trong những hầm rượu cổ xưa.

Và rồi còn những tên gargoyle và grotesque trên Notre Dame đã sống dậy và trườn bò xuống công trình ấy nữa. Josh đã sử dụng luồng điện của nó để tăng cường cho luồng điện của bản thân cô bé, Sophie đã dùng pháp thuật Lửa và Không khí để biến những sinh vật ấy thành những thứ còn nhỏ hơn những vụn đá... vậy mà báo chí đã tường thuật chuyện đó như thế nào?

Những hiệu ứng của mưa acid.

Khi hai đứa chạy xuyên qua vùng ngoại ô nước Pháp trên chuyến xe lửa Eurostar, chúng đã đọc thấy những tin tức trực tuyến trên máy tính xách tay của Josh. Mọi hang thông tấn cung cấp tin tức ra công chúng trên thế giới này đều có một câu chuyện nào đó kể về các biến cố, nhưng tất cả các phiên bản họ kể ra đều đối trá.

Mặc dù Nhà Giả kim có nhìn ngoái lại đằng sau, nhưng ông không hề ngừng lại. “Chúng ta không thể chậm trễ được,” ông cáu, và vẫn tiếp tục một nhịp bước nhanh nhẹn.

Sophie dừng lại ngay giữa đường và kéo cậu em trai đứng sững lại với cô. Nicholas đã đi thêm được khoảng năm bảy bước rồi mới nhận thấy hai đứa nhỏ sinh đôi không còn ở đằng sau ông nữa. Ông dừng lại và quay người, vẫy chúng bước tới. Cả hai đứa đều làm như không thấy ông, và khi ông sai bước quay trở lại về phía chúng, có một vẻ gì tối tăm và khó chịu nơi bộ mặt ông. “Tôi không có thì giờ cho những chuyện vớ vẩn thế này.”

“Chúng cháu cần cặp kính râm cho Josh, và cho cháu nữa,” Sophie nói, “và nước.”

“Chúng ta sẽ mua sau.”

“Chúng cháu cần chúng ngay bây giờ kia,” cô bé nói quả quyết.

Nicholas mở miệng định vọt ra câu trả lời, nhưng Josh đã bước tới trước một bước, đứng sát vào Nhà Giả kim. “Tụi cháu cần ngay bây giờ.” Có cái gì đó như vẻ ngạo mạn trong giọng nói cậu. Đứng trên khoảng sân ở đằng trước ngôi thánh

đường ở Paris, cảm nhận được nguồn năng lượng thô chảy xuyên qua thân thể cậu, quan sát những tên gargoyle bằng đá được làm cho sống dậy bi vỡ tan thành bụi, ông nhận ra ngay sức mạnh của cậu và cô chị gái mạnh mẽ đến dường nào. Ngay lúc này có thể chúng cần đến Nhà Giả kim, nhưng ông cũng cần đến chúng kia mà.

Nicholas nhìn vào đôi mắt xanh lơ sáng quắc của cậu con trai, và bất kể ông đã nhìn thấy gì trong đó đều khiến ông phải gật đầu và quay trở lại đến một dãy cửa hàng. “Nước và mắt kính,” ông nói. “Mắt kính có cần phải có màu đặc biệt gì không?” ông hỏi với vẻ mỉa mai.

“Màu đen ạ,” hai đứa nhỏ sinh đôi đồng thanh trả lời.

Sophie đứng với Josh bên ngoài cửa tiệm. Cô bé mệt lả người, nhưng cố biết thậm chí Josh còn cảm thấy tệ hại hơn. Bây giờ mưa đã ngớt, đường phố bắt đầu đông đúc. Những người thuộc cả chục quốc tịch khác nhau đi bộ qua lại, tán gẫu với nhau bằng đủ mọi thứ ngôn ngữ.

Thình lình Sophie nghiêng đầu qua một bên, chân mày nhướng lên cau lại.

“Có chuyện gì không ổn à?” Josh hỏi ngay.

“Đâu có gì không ổn,” cô nói chậm chậm, “chỉ là...”

“Cái gì vậy?”

“Chị nghĩ chị có thể nhận ra một số trong những lời người ta đang nói.”

Cậu em trai quay người theo dõi ánh mắt cô. Hai người phụ nữ đang tán gẫu sôi nổi với nhau, họ mặc áo a-ba dài mềm rũ của các nước Trung Đông, đầu che kín và khuôn mặt họ giấu đằng sau những chiếc áo burka.

“Họ là hai chị em... Họ sắp đi thăm bác sĩ ngay nơi khúc quanh nơi góc phố ở đường Harley...” Sophie nói với vẻ ngạc nhiên.

Josh quay người và vén tóc cậu ra khỏi tai để nghe rõ hơn. Tập trung cao độ, cậu tách ra được tiếng nói của hai người phụ nữ. “Sophie, em không thể nhận ra từ nào trong số những từ họ đang nói; em nghĩ họ đang nói tiếng Ả Rập mà.”

Hai doanh nhân ăn mặc lịch sự đi ngang qua, hướng về phía ga tàu điện Regent’s Park. Cả hai người họ đều đang nói chuyện qua điện thoại di động.

“Người bên trái đang nói chuyện với vợ ông ta ở Stockholm,” Sophie nói tiếp, giọng cô bây giờ chỉ nhỉnh hơn tiếng thì thầm một chút. “Ông ta xin lỗi vì đã bỏ lỡ mất bữa tiệc sinh nhật con trai mình. Còn người bên phải đang nói chuyện với văn phòng chính, cũng ở Thụy Điển. Ông ấy muốn một vài bảng tính được gửi qua đường e-mail.”

Josh quay đầu lại lần nữa, bỏ qua dòng xe cộ và vô số tiếng ồn khác của thành phố. Bất chợt, cậu thấy rằng bằng cách tập trung vào hai doanh nhân kia, cậu có thể phân biệt riêng từng lời. Khả năng nghe của cậu sắc sảo đến nỗi cậu có thể nghe những tiếng nói nhỏ xíu ở đầu bên kia của chiếc điện thoại di động. Nhưng không ai trong hai người đó nói tiếng Anh cả. “Làm sao chị có thể hiểu được?” cậu hỏi.

“Chính là kiến thức của Bà Phù thủy Endor,” Nicholas nói. Ông vừa bước ra khỏi cửa tiệm đúng vào lúc nghe câu hỏi của Josh. Ông kéo cặp kính râm rẻ tiền giống hệt nhau từ trong một cái túi giấy ra và trao cho hai đứa. “E rằng không phải là hàng thiết kế riêng.”

Sophie trượt cặp kính râm lên mắt. Sự dễ chịu đến ngay tức thì, và cô bé có thể thấy qua vẻ mặt của cậu em trai, là cậu cũng cảm thấy y như vậy. “Nói nghe coi,” cô nói. “Chị nghĩ đó chỉ là quá nhiều thứ cổ xưa bà ấy đã để lại cho chị. Chị không nhận thấy bất kỳ điều nào trong chúng là có ích cả.”

Nicholas trao hai chai nước, và cặp song sinh cùng bước phía sau khi ông đi xuống con đường hướng về nhà thờ St. Marylebone. “Bà Phù thủy đã chuyển tất cả kiến thức của bà cho cháu khi bà bọc cháu trong tấm liệm không khí. Chú thừa nhận thật là quá nhiều, cháu không thể xử lý hết được. Nhưng chú không biết bà ấy sẽ làm như vậy,” ông nói thêm thật nhanh, khi nhìn thấy vẻ cau có hiện ra trên mặt Josh. “Hoàn toàn ngoài sự mong đợi của chú và hoàn toàn không phù hợp với tính cách của bà ấy. Các thế hệ trước đây, các nữ thầy cúng học với Bà Phù thủy cả đời họ để được thưởng chỉ một mảnh nhỏ nhất kiến thức của bà mà thôi.”

“Tại sao bà ấy lại cho cháu tất cả?” Sophie hỏi, cảm thấy thật bối rối.

“Đó vẫn còn là điều bí ẩn,” ông thú nhận. Len qua một khoảng hở giữa làn xe cộ, Nhà Giả kim lùn hai đứa nhỏ sinh đôi qua bên kia đường Marylebone. Họ đã đến gần đủ để nhìn thấy mặt chính tao nhã của ngôi nhà thờ ngay trước mắt. “Chú biết Joan đã giúp cháu sàng sảy chọn lọc hết các kiến thức của Bà Phù thủy đã cho cháu.”

Sophie gật đầu. Ở Paris, trong khi cô bé đang ngủ, Joan Arc đã dạy cô các kỹ thuật kiểm soát mớ lộn xộn thần bí và những thông tin mơ hồ khó hiểu chảy lan khắp cả trí não cô.

“Chú tin rằng những gì bây giờ đang diễn ra là ký ức và kiến thức Bà Phù thủy Endor đang dần dần thấm vào ký ức riêng cháu. Không chỉ đơn giản biết

những gì Bà Phù thủy biết, mà cháu cũng sẽ biết làm thế nào bà ấy biết được nữa kia. Thực ra mà nói, ký ức của bà ấy đang dần trở thành của cháu đó.”

Sophie lắc đầu. “Cháu không hiểu.”

Cuối cùng họ cũng đến được nhà thờ. Nicholas leo lên hai bậc và nhìn lên nhìn xuống con đường, nhanh chóng đảo mắt qua những người khách bộ hành, vặn người nhìn ra phía Regent’s trước khi quay trở lại bên hai đứa nhỏ song sinh. “Điều đó cũng giống như sự khác biệt giữa việc xem người ta chơi trò với việc chính mình tham gia vào trò chơi. Khi cháu gặp Saint-Germain,” ông nói thêm, “ngay lập tức cháu biết được những gì Bà Phù thủy biết về cậu ấy, đúng không nào?”

Sophie gật đầu. Một ý tưởng đến với cô bé như một ánh sáng lóe lên trong đầu rằng Bà Phù thủy Endor không thích mà cũng không tin tưởng Comte de Saint-Germain.

“Bây giờ hãy nghĩ đến Saint-Germain đi,” Nhà Giả kim gợi ý.

Cô bé đưa mắt nhìn cậu em trai, cậu gật đầu, đôi mắt không thể thấy được ẩn đằng sau cặp kính tối hù. Sophie lật giờ cổ tay phải của mình. Trên mặt dưới cánh tay cô bé là một vòng tròn màu vàng ánh kim với một chấm màu đỏ ngay chính giữa. Khi dạy Pháp thuật Lửa cho cô, Saint-Germain đã đốt vết xăm này vào da thịt nơi cổ tay cô mà không hề gây đau đớn. Việc nghĩ đến Saint-Germain đã mang lại một dòng cuộn cuộn những ký ức bất ngờ: những ký ức tự nhiên mãnh liệt thật sáng chói. Sophie nhắm mắt lại và trông chốc lát cô bé nhìn thấy mình đang ở một thời kỳ khác, một nơi chốn khác.

London, năm 1740.

Cô đang đứng trong một phòng khiêu vũ rộng lớn, mặc một chiếc áo đầm dài nặng nề đến nỗi cảm thấy như nó ấn cô xuống đất. Thật là khó chịu đến ngạc nhiên, nhức nhối và bức bối, siết chặt, co khít và dồn nén o ép khắp mọi chỗ. Bầu không khí trong phòng khiêu vũ nồng nặc mùi sáp nến và quá nhiều mùi dầu thơm, hương thơm tràn ngập, mùi thức ăn nấu chín, và những thân thể không hề tắm rửa. Một đám đông xoay quanh cô, nhưng khi cô tiến về phía trước, một cách không có ý thức họ đều tránh đường cho cô, làm thông thoáng lối cô tiến đến phía người đàn ông trẻ ăn mặc trang phục màu tối với đôi mắt màu xanh lơ rất đáng chú ý. Đó là Francis, Comte de Saint-Germain. Anh ta đang nói tiếng Nga với một nhà quý tộc đến từ triều đình của ngài hoàng đế vị thành niên, Ivan VI. Cô thấy mình hiểu được những gì anh ta đang nói. Nhà quý tộc gợi ý rằng cô con

gái út của Đại đế Peter, Elizabeth, có thể chẳng bao lâu nữa sẽ lên nắm quyền và chắc sẽ có những cơ hội làm ăn dành cho các kỹ năng của Saint-Germain ở St. Petersburg. Vị bá tước chậm chậm quay người nhìn cô. Cầm lấy tay cô trong tay mình, anh ta cúi người xuống và nói bằng tiếng Ý, “Thật là vinh dự, cuối cùng tôi cũng được diện kiến, thưa quý cô.”

Đôi mắt Sophie hấp háy mở ra và người cô bé lão đảo. Cánh tay Josh vụt phóng ra chụp lấy và giữ cô lại. “Chuyện gì vậy?” cậu gắng hỏi.

“Chị đã ở đó...” Sophie thì thầm. Cô bé lắc đầu nhanh. “Ở đây, London này. Hơn hai trăm năm mươi năm trước. Chị nhìn thấy mọi chuyện.” Cô bé giơ tay siết nhẹ cánh tay cậu. “Chị có thể cảm thấy quần áo chị đang mặc, mùi hương tràn ngập căn phòng. Khi Saint-Germain nói bằng tiếng Nga, chị đã hiểu được, và rồi, khi ông ấy nói chuyện với chị bằng tiếng Ý, chị cũng hiểu được nữa. Chị đã ở đó,” cô bé lặp lại cho tới khi cảm thấy sợ hãi bởi những ký ức mới của mình.

“Ký ức của Bà Phù thủy Endor đang trở thành ký ức của cháu,” Nicholas nói. “Kiến thức của bà ấy đang trở thành kiến thức của cháu. Rốt cuộc lại, tất cả những gì bà ấy biết, cháu sẽ biết.”

Sophie Newman rùng mình. Rồi đột nhiên cô nghĩ đến một điều thật đáng phải lo lắng. “Những chuyện gì đang xảy ra với cháu?” cô bé hỏi. “Bà Phù thủy có hàng ngàn năm ký ức và kinh nghiệm; cháu chỉ mới có mười lăm năm rưỡi, mà cháu không nhớ được hết thấy chúng nữa. Ký ức của bà ấy có thể đẩy ký ức của cháu ra mất không?”

Nicholas chớp mắt một cách khó khăn. Rồi ông gật đầu từ từ. “Chú chưa nghĩ đến điều đó, nhưng đúng, cháu nói đúng, có thể lắm,” ông nói rất nhanh. “Chúng ta phải bảo đảm rằng chuyện đó không được xảy ra.”

“Tại sao ạ?” cặp song sinh cùng hỏi một lần.

Nicholas bước xuống mấy bậc thềm và đứng cạnh bên chúng. “Bởi vì con người chúng ta không có gì hơn ngoài toàn bộ ký ức và kinh nghiệm của chúng ta. Nếu ký ức của Bà Phù thủy Endor đẩy ký ức của cháu ra, vậy thì thật tình mà nói, cháu đã trở thành chính Bà Phù thủy Endor mất rồi.”

Josh kinh hãi. “Vậy chuyện gì xảy đến với Sophie?”

“Nếu chuyện đó xảy ra, sẽ không còn Sophie nữa. Sẽ chỉ có Bà Phù thủy thôi.”

“Vậy là bà ta đã cố tình làm thế,” Josh nói, cơn giận dữ dâng lên trong giọng nói cậu đủ để lôi kéo sự chú ý của một nhóm khách du lịch đang chụp ảnh mặt

đồng hồ nhà thờ. Cô chị song sinh thúc nhẹ vào cậu và cậu hạ giọng xuống thành một tiếng thì thào khàn khàn. “Đó là lý do tại sao mẹ ta tặng cho Sophie toàn bộ kiến thức của mình!” Nicholas chột lắc đầu, nhưng Josh cứ nhấn mạnh. “Một khi ký ức của mẹ ta hoàn toàn chiếm trọn, mẹ ta sẽ có thêm một thân thể mới hơn, trẻ hơn, hơn hẳn cái thân xác đui mù của mẹ ta. Chú không thể chối cãi chuyện này được.”

Nicholas im như thóc và quay người đi chỗ khác. “Chú phải... chú phải suy nghĩ thêm về chuyện này mới được,” ông nói. “Từ trước tới nay chú chưa bao giờ nghe nói đến bất cứ thứ gì giống chuyện này.”

“Nhưng trước giờ chú chưa bao giờ nghe nói Bà Phù thủy cho toàn bộ kiến thức của mình cho một người nào, phải vậy không?” Josh hỏi gằn.

Sophie chớp lấy cánh tay Nhà Giả kim và bước tới đứng ngay trước mặt ông. “Chú Nicholas, tụi cháu phải làm gì?” cô be hỏi.

“Chú không biết nữa,” ông thú nhận cùng với một tiếng thở dài mệt mỏi. Và đúng ngay lúc đó, trông ông thật già cỗi, với những đường lằn hằn sâu trên vầng trán và quanh khóe mắt, những vết nhăn chạy dọc theo hai bên mũi, những rãnh sâu nhấn giữa cặp lông mày.

“Vậy thì ai mới là người biết?” cô bé cúi kính, giọng có vẻ sợ hãi.

“Perenelle,” ông nói, và rồi gật đầu mạnh mẽ. “Perenelle của chú sẽ biết phải làm gì. Chúng ta phải đưa cháu trở về với cô ấy. Cô ấy chắc chắn có thể giúp được. Trong khi chờ đợi, cháu phải tập trung vào việc mình là Sophie. Cháu phải tập trung vào danh phận của chính mình.”

“Làm thế nào bây giờ?”

“Hãy nghĩ đến quá khứ của cháu, ba mẹ cháu, các trường nơi cháu đã học, những người cháu đã gặp gỡ, những bạn bè, những kẻ thù nghịch, nhưng nơi cháu từng tham quan.” Ông quay sang Josh. “Cháu phải giúp mới được. Hãy hỏi chị cháu những câu hỏi về chuyện quá khứ, về mọi thứ tụi cháu đã cùng làm với nhau, những nơi tụi cháu đã sống. Và Sophie,” ông vừa nói thêm, vừa quay người sang nhìn đứa con gái nhỏ, “mỗi lần cháu bắt đầu trải nghiệm một trong những ký ức của Bà Phù thủy Endor, thì hãy cố tình tập tủng vào một chuyện khác, một kỷ niệm của chính cháu. Cháu phải chiến đấu để ngăn không cho ký ức của Bà Phù thủy áp đảo ký ức của cháu cho tới khi chúng ta tìm được cách kiểm soát chuyện này.”

Bất chợt một chiếc taxi London rà sát lề đường và cánh cửa sổ phía bên hành khách cuốn xuống. “Mời vào,” một giọng nói như ra lệnh phát ra từ vùng bóng tối bên trong xe.

Không ai nhúc nhích gì.

“Chúng ta không có suốt cả ngày đâu. Vào đi.” Có một thoáng chất Nam Mỹ trong âm sắc phong phú của giọng nói ấy.

“Chúng tôi đâu có gọi taxi,” Flamle nói, thất vọng liếc lên liếc xuống con đường. Saint-Germain đã nói sẽ gọi một ai đó đến với họ, nhưng Nhà Giả kim không bao giờ hình dung đó sẽ là một thứ bình thường như một chiếc taxi ở London. Đây có phải là một cái bẫy không? Có phải Dee đã sẵn lòng được họ không? Ông nhìn ngoái lại phía nhà thờ. Cửa ra vào đang mở. Bọn họ có thể chạy lao lên mấy bậc thang đâm thẳng vào giữa gian thánh của nhà thờ, nhưng một khi đã vào được bên trong rồi, thì họ lại sẽ bị bắt giữ thôi.

“Chiếc xe này đặc biệt được đặt riêng cho ông, thưa ông Flamel.” Dừng lại một chút, giọng nói ấy bồi thêm, “Tác giả của một trong những cuốn sách buồn chán nhất tôi từng đọc phải, cuốn Triết học Sơ lược.”

“Buồn chán ư?” Nicholas giật mạnh cho cánh cửa mở bung ra và đẩy hai đứa nhỏ sinh đôi vào bóng tối. “Nó được công nhận hàng thế kỷ là một tác phẩm của thiên tài đấy!” Bước vào trong, ông đập mạnh cánh cửa. “Có lẽ Francis bảo anh nói vậy phải không?”

“Ông nên thắt đai an toàn lại thì hơn,” tay tài xế ra lệnh. “Chúng tôi đã có đủ loại khách hàng kiểu này rồi, không hề thân thiện và tất cả đều khó ưa.”

Tầm vóc to lớn của người đàn ông chiếm hết trọn băng ghế trước. Anh ta xoay người nhìn họ qua tấm kính ngăn tài xế với hành khách, và cặp song sinh nhận ra rằng không phải lớp mỡ làm cho anh ta to bự như thế, nhưng chính là những cơ bắp. Một chiếc áo sơ-mi sọc đen trắng không tay căng cứng bọc quanh bộ ngực đồ sộ, anh ta cao đến nỗi cái đầu cạo láng bóng của anh ta chạm lướt lên tận nóc buồng lái của chiếc xe. Nước da anh ta nâu sậm đen, hợp với màu mắt, và hàm răng trông có vẻ quá trắng đến độ mất tự nhiên. Có ba đường sẹo ngắn nằm ngang trên mỗi bên má ngay dưới mắt anh ta. “Các bạn sống thật buồn tẻ trong đất nước này và bạn phải cố chọc cho được một ổ kiến lửa nó đó thì mới vui,” anh ta nói, giọng trầm trầm ồm ồm. “Trên đường xuống đây, tôi bắt gặp một vài thứ đã không còn lang thang trên trái đất này trong vòng nhiều thế hệ rồi.” Anh ta cười toe. “Nhân tiện, xin giới thiệu tôi là Palamedes,” rồi anh ta lắc đầu. “Mà đừng bao giờ gọi tôi là Pally nhé.”

“Palamedes à?” Flamle hỏi đầy vẻ kinh ngạc, chồm người ra đằng trước để nhìn anh tài xế cho rõ hơn. “Palamedes? Hiệp sĩ Saracen\* sao?”

“Giống, giống vậy,” anh tài xế vừa nói, vừa quay đi chỗ khác, không đưa ra một tín hiệu nào, anh ta ghì chặt tay lái và chiếc xe kêu lên những tiếng ken két chói tai hòa trở lại vào dòng xe cộ. Những tiếng còi xe hơi om sòm và tiếng bánh xe kêu rít ré phía sau anh. Anh ta giơ điện thoại di động của mình lên. “Francis cho tôi vừa đúng những chi tiết ít ỏi nhất. Thường thường tôi không hay dính dáng vào những vụ bất đồng giữa những xung đột nội bộ của giống loài Elder – đó là cách an toàn hơn cả - nhưng một khi anh ấy bảo với tôi rằng chuyện này liên quan đến cặp song sinh huyền thoại,” – đôi mắt anh ta chăm chú nhìn hai đứa nhỏ trong kính chiếu hậu – “vậy là tôi biết mình không còn chọn lựa nào khác.”

Josh thò tay xuống siết bàn tay cô chị gái thật chặt. Cậu muốn làm cô bé phân tâm; cậu không muốn cô nghĩ đến Palamedes. Cho dù cậu chưa bao giờ nghe nói về anh ta, nhưng cậu chắc chắn rằng kiến thức của Bà Phù thủy sẽ mách bảo Sophie về anh tài xế của bọn họ. Người đàn ông khổng lồ, thể hình tầm vóc như một cầu thủ hậu vệ trong sân bóng đá hoặc là một tay đô vật chuyên nghiệp, và anh ta nói tiếng Anh với một giọng rất lạ lùng. Thậm chí Josh nghĩ có thể anh ta là người Ai Cập. Bốn năm trước, cả gia đình Newman đã đi đến Ai Cập. Họ đã

đi một vòng khắp các địa điểm lịch sử cổ đại hết cả tháng trời, và trọng âm du dương của anh chàng này rất giống với những người mà cậu đã nghe hồi đó. Josh chồm người tới trước để nhìn người đàn ông này gần hơn. Hai bàn tay với những ngón tay đồ sộ cầm chặt tay lái – và rồi cậu để ý thấy rằng hai cổ tay của anh ta dày lên, những khớp đốt ngón tay phình ra và cứng ngắc đầy những vết chai sần. Josh đã từng trông thấy những bàn tay giống như vậy nơi một vài võ sư huấn luyện cho cậu; đó thường là dấu hiệu của những người học karate, kung fu hoặc quyền Anh trong nhiều năm.

“Xin chờ chút.” Palamedes đánh một vòng chữ U không theo luật lệ gì cả và quặt ngược trở về lối họ vừa đi qua. “Cứ ngồi lại và ở yên trong bóng tối,” anh ta cảnh báo. “Có quá nhiều xe taxi trên đường phố đến nỗi thực tế chúng khó có thể bị ai trông thấy được; thậm chí còn không ai nhìn đến chúng. Và hơn nữa, chúng sẽ không ngờ là ông quay trở lại lối này đâu.”

Josh gật đầu. Đó là một chiến lược thông minh. “Mà ‘chúng’ là ai vậy ạ?” cậu hỏi.

Trước khi Palamedes trả lời, thành lính Nicholas vươn thẳng người, nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ.

“Ông thấy chúng không?” Palamedes nói bằng một giọng trầm trầm ồm ồm.

“Tôi vừa nhìn thấy chúng,” Nhà Giả kim thì thào.

“Cái gì vậy?” Sophie và Josh cùng nói một lượt, hai đứa vừa ngồi thẳng lên, vừa nhìn theo ánh mắt của Nhà Giả kim.

“Ba tên đàn ông ở phía đối diện con đường này,” ông nói ngắn gọn.

Một bộ ba tên thanh niên đầu trọc, xỏ lỗ tai và xăm nhiều hình thù đi nghênh ngang xuống giữa đường. Mặc những chiếc quần jeans bạc màu, áo thun dơ bẩn và những đôi giày ống kiểu công nhân xây dựng, chúng trông có vẻ đe dọa, nhưng không có vẻ gì đặc biệt của những người đến từ một thế giới khác.

“Nếu tụi cháu hé mắt nhìn,” Flamel giải thích, “tụi cháu có thể trông thấy luồng điện của chúng.”

Hai đứa nhỏ sinh đôi khép mắt lại chỉ còn hơi ti hí, và ngay tức thì hai đứa trông thấy những tua xoắn ánh sáng màu khói xám xịt xấu xí bay dập dờn khỏi thân hình bộ ba ấy. Một màu xám óng ánh ngả sang tím.

“Bọn Cucubuth,” Palamedes giải thích.

Nhà Giả kim gật đầu. “Rất hiếm. Bọn chúng là kết quả giữa một mụ ma cà rồng với một tên Torc Madra,” Flamel nói với hai đứa nhỏ. “Bọn chúng thường

có đuôi. Chúng là những tên lính đánh thuê, những tay chuyên đi săn lùng. Bọn hút máu.”

“Và lằm lì như đất.” Palamedes dừng lại bên cạnh một chiếc xe buýt, chiếc xe để lại bọn cucubuth không nhìn thấy. “Bọn chúng sẽ lần theo mùi hương của các người cho đến tận nhà thờ; rồi mùi hương biết mất. Điều đó sẽ làm chúng bối rối. Nếu may mắn, cuối cùng sẽ đưa chúng đến việc cãi nhau rồi bắt đầu đánh nhau cho xem.”

Chiếc xe rà chậm lại, rồi ngừng hẳn khi đèn giao thông đổi màu.

“Đó, ngay nơi đèn giao thông kia,” Nicholas thầm thì.

“Vâng, tôi đã đi ngang qua chúng trên đường xuống đây,” Palamedes nói.

Cặp song sinh đảo mắt khắp giao lộ nhưng không thấy gì ngoài những thứ rất bình thường. “Ai vậy ạ?” Sophie hỏi.

“Mấy cô nữ sinh,” Palamedes ồm ồm.

Hai cô gái trẻ nước da xanh xao và tóc đỏ quạch đang chuyện trò trong lúc chờ đèn đổi màu. Họ khá giống nhau đủ để người ta nghĩ là hai chị em và có vẻ như đang mặc đồng phục đi học. Cả hai đều đeo những chiếc túi xách xem ra khá đắt tiền.

“Thậm chí còn không được nhìn vào chúng nữa kia,” Palamedes cảnh báo. “Bọn chúng giống như những con thú dữ; có thể cảm nhận được khi ai đó nhìn chúng chăm chú.”

Sophie và Josh nhìn dán mắt xuống sàn xe, tập trung dữ dội để không nghĩ đến hai cô gái trẻ. Nicholas cầm lên tờ báo mà ông tìm thấy ở hàng ghế sau và mở bung ra ngay trước mắt ông, tập trung vào một mẫu tin nhằm chán nhất ông vừa tìm thấy được, tỷ giá tiền tệ quốc tế.

“Chúng đang đi qua ngay trước xe,” Palamedes vừa lằm bằm, vừa nhìn trở lại vào buồng lái, giấu mặt đi. “Tôi chắc chắn chúng sẽ không nhận ra tôi được, nhưng tôi không muốn liều lĩnh.”

Đèn đổi màu và Palamedes thoát thân, hòa vào dòng xe cộ trên đường phố.

“Dearg Due,” Flamel nói, trước cả khi cặp song sinh đặt câu hỏi. Ông xoay người nhìn kỹ cửa sổ phía sau xe. Mái tóc đỏ của hai cô gái vẫn còn thấy thấp thoáng ngay cả khi chúng đã lẩn vào đám đông. “Loài ma cà rồng thống trị những lãnh địa mà sau biến cố Nhấn chìm của Danu Talis đã trở thành vùng đất Celt.”

“Giống Scatty vậy hả chú?” Sophie hỏi.

Nicholas lắc đầu. “Không có chút gì giống Scatty cả. Hầu như chắc chắn bọn này không thuộc giới ăn chay rồi.”

“Bọn chúng cũng đang hướng về phía nhà thờ,” Palamedes nói, rồi tặc lưỡi. “Nếu bọn chúng chạm trán với bọn cucubuth, có thể đó sẽ là một cuộc gặp gỡ đầy thú vị. Bọn chúng ghét nhau ghê lắm.”

“Ai sẽ thắng ạ?” Sophie hỏi.

“Dearg Due, lúc nào cũng vậy,” Palamedes nói với một nụ cười vui vẻ. “Tôi từng đánh nhau với chúng ở Ireland. Bọn chúng là những chiến binh ác liệt, không thể giết chết được.”

Họ tiếp tục đi xuống đường Marylebone rồi mới rẽ trái đi vào đường Hampstead. Xe cộ đi chậm như rùa bò, rồi cuối cùng tắc tị. Đâu đó phía trước họ những tiếng còi xe inh ỏi, và tiếng rền rĩ của một chiếc xe cứu thương bắt đầu cất lên om sòm. “Có lẽ chúng ta phải ở đây một lúc rồi.” Palamedes kéo thắng dự phòng và một lần nữa xoay người trong chỗ mình để nhìn thẳng vào cặp song sinh và Flamel. “Vậy ra ông chính là Nicholas Flamel huyền thoại, Nhà Giả kim. Tôi từng nghe nói rất nhiều về ông qua bao nhiêu năm,” anh ta nói. “Không có gì tốt cả. Ông có biết có những Vương quốc Bóng tối mà ở đó chính tên ông được dùng như một lời nguyện rửa không?”

Cặp song sinh giật mình vì sự dữ dội trong giọng nói của người đàn ông này. Hai đứa nhỏ không chắc có phải anh ta đang nói đùa hay không nữa.

Palamedes tập trung vào Nhà Giả kim. “Ông đi đến đâu là chết chóc và phá hủy theo liền ngay sau gót chân ông đến đó...”

“Các Elder Đen tối không ngừng cố công ngăn chặn tôi,” Flamel nói chậm rãi, vẻ lạnh lùng nổi rõ trong giọng nói của ông.

“... cùng với hỏa hoạn, đói kém, lũ lụt và động đất,” Palamedes cứ tiếp tục nói ồm ồm, không quan tâm đến lời chen ngang vừa rồi.

“Anh có ý gì?” Nicholas hỏi thẳng thừng, và trong thoáng chốc một luồng bạc hà tỏa ra nơi băng ghế sau của chiếc taxi. Ông chồm người về phía trước, tựa cùi chỏ lên đầu gối mình, hai bàn tay đan lại thành một nút gút thật chặt.

“Tôi đang muốn nói rằng có lẽ ông nên chọn những nơi ít ai biết đến để sống nốt cuộc đời dài dằng dặc của mình thì hơn. Ở Alaska ấy, có thể là vậy, hoặc Mông Cổ, Siberia, vùng xa xôi hẻo lánh của nước Úc hoặc những khúc sông xa xôi của dòng Amazon. Những nơi không có người ở. Như vậy sẽ không có nạn nhân.”

Một bầu không khí im lặng lạnh lẽo bao trùm phía sau chiếc xe. Hai đứa nhỏ sinh đôi nhìn nhau, và Josh nhướn mày buông một câu hỏi thăm, nhưng Sophie lắc đầu thật nhẹ không để ai nhận thấy. Cô bé ấn ngón trỏ vào vành tai; Josh hiểu ngay thông điệp: im lặng, không được nói gì hết.

“Anh đang buộc tội tôi đã gây ra cái chết cho những người vô tội ư?” Flamel hỏi rất khê khàng.

“Vâng, đúng là như vậy.”

Khuôn mặt xanh xao của Flamel ửng đỏ. “Tôi chưa bao giờ...” ông mở lời.

“Lẽ ra ông đã có thể biến mất khỏi thế giới này rồi,” Palamedes nhấn mạnh, giọng nói trầm rền làm chiếc xe taxi như rung rung. “Ông đã giả chết một lần, hẳn ông có thể làm lại như vậy một lần nữa, rồi sau đó ông cứ việc dựng nhà ở một nơi nào đó thật xa xôi và không ai lui tới. Thậm chí ông còn có thể lên vào một trong những Vương quốc Bóng tối kia mà. Nhưng ông lại không làm thế; ông cứ thích chọn ở lại thế giới này. Tại sao vậy chứ?” Palamedes hỏi.

“Tôi có bốn phận phải bảo vệ cuốn Codex,” Nhà Giả kim cúi kính, nỗi giận dữ đích thực âm vang trong giọng nói của ông, mùi bạc hà giờ đã mạnh lên nhiều, lan khắp trong không khí.

Những tiếng còi xe hơi lại bắt đầu kêu inh ỏi, Palamedes xoay người lại trong chỗ mình, nhả thẳng và tiếp tục lái xe đi.

“Bốn phận phải bảo vệ cuốn Codex,” anh ta vừa lặp lại, vừa nhìn trừng trừng phía trước. “Không ai buộc ông phải trở thành Người canh giữ quyển sách ấy cả. Ông cứ nhận lấy vai trò đó một cách vui vẻ và không hề thắc mắc... cứ như tất cả những Người canh giữ khác trước ông vậy. Nhưng ông lại cư xử khác với các vị tiền bối của mình. Họ tìm chỗ lẩn trốn cùng với nó. Nhưng ông thì không. Ông cứ nhất định không chịu ra khỏi thế giới này. Và chính vì vậy, nhiều giống người đã phải chết: chỉ riêng ở Ireland đã đến cả triệu, rồi hơn một trăm bốn mươi ngàn ở Tokyo.”

“Đã bị Dee và các Elder Đen tôi giết chết!”

“Dee đã truy đuổi ông.”

“Và nếu tôi dâng nộp Cuốn sách của Abraham,” Flamel điềm tĩnh nói, “thì các Elder Đen tối sẽ trở lại thế giới này và trái đất hẳn sẽ biết được ý nghĩa thật sự của cụm từ Cuộc Chiến Quyết liệt\*\*. Việc mở toạc các Vương quốc Bóng tối ra chắc hẳn sẽ làm dấy lên những làn sóng bàng hoàng khắp trái đất, mang theo cùng nó là cuồng phong, động đất và sóng thần. Hàng triệu người sẽ chết.

Pythagoras\*\*\* từng tính toán rằng sẽ có lẽ toàn bộ dân số của một nửa thế giới sẽ bị tiêu diệt chỉ bởi biến cố ban đầu. Và rồi các Elder Đen tối hẳn sẽ đổ xô trở lại vào thế giới này. Anh đã từng gặp một vài người trong số họ, Palamedes; anh biết họ trông giống cái gì, anh biết họ có khả năng gì. Nếu họ trở lại hành tinh này, đó thực sự sẽ là thảm họa trên quy mô toàn cầu.”

“Người ta nói biến cố đó sẽ báo hiệu một Thời Hoàng kim mới,” anh tài xế trả lời ôn tồn.

Josh chăm chú nhìn mặt Flamel để xem phản ứng của ông; Dee cũng đã đưa ra những lời khẳng định như vậy.

“Đó là những gì họ nói, nhưng không đúng. Anh đã từng trông thấy những gì họ đã làm khi họ cố giành lấy Cuốn Sách khỏi tay tôi. Nhiều người đã phải chết. Dee và các Elder Đen tối không quan tâm gì đến sinh mạng con người,” Flamel cãi lại.

“Nhưng ông thì quan tâm chắc, thưa ông Nicholas Flamel?”

“Tôi không thích lối nói của anh.”

Trong kính chiếu hậu, nụ cười của Palamedes thật dữ tợn. “Tôi không quan tâm việc ông có thích hay không. Bởi thật sự tôi không hề thích ông, mà cũng không thích những kẻ giống như ông, những kẻ cho rằng họ biết điều gì là tốt nhất cho thế giới này. Ai chỉ định ông làm người canh giữ loài người vậy chứ?”

“Tôi không phải là người đầu tiên; đã có những người khác trước tôi kia mà.”

“Luôn có những người giống như ông, Nicholas Flamel. Những người nghĩ rằng họ biết đâu là điều tốt nhất, những người quyết định người ta nên thấy, nên đọc và nên lắng nghe cái gì, những người rút cục muốn định hình cho phần còn lại của thế giới này tư duy và hành động ra sao. Tôi đã mất trọn cả cuộc đời mình chiến đấu chống lại những kiểu người giống như ông rồi đấy.”

Josh chồm người tới trước. “Ông ủng hộ các Elder Đen tối phải không?”

Nhưng chính Flamel lại là người trả lời. Giọng ông tỏ ra khinh miệt. “Hiệp sĩ Saracen Palamedes không đứng về phe nào hàng thế kỷ nay rồi. Về khía cạnh đó, ông ấy giống hệt Hekate.”

“Cũng là một nạn nhân khác của ông,” Palamedes bồi thêm vào. “Ông đã làm cho thế giới của bà ấy tan tành.”

“Nếu anh ghét tôi đến thế,” Flamel nói lạnh tanh, “thì anh đang làm gì ở đây vậy?”

“Francis nhờ tôi giúp, và mặc cho cậu ta đã phạm phải nhiều lỗi lầm, hoặc có lẽ chính vì như vậy, tôi luôn xem cậu ấy là bạn.” Anh tài xế chìm vào im lặng, và rồi đôi mắt nâu của anh ta lung linh trong tấm kính chiếu hậu để nhìn tận mặt Sophie và Josh. “Và, tất nhiên, bởi vì cặp sinh đôi cuối cùng này,” anh ta nói thêm.

Sophie nói xen vào và thốt ra một câu hỏi cũng đang mấp máy trên môi cậu em trai. “Ý ông là sao, cặp cuối cùng hả?”

“Các người nghĩ mình là cặp đầu tiên sao?” Palamedes nổ bung ra một tràng cười lớn. “Nhà Giả kim và vợ ông ấy đã đi lòng kiếm những cặp sinh đôi huyền thoại hàng bao nhiêu thế kỷ nay rồi. Họ đã mất cả năm trăm năm qua để tập hợp những cô cậu trẻ y như các bạn vậy.”

Sophie và Josh nhìn nhau, bàng hoàng. Josh lão đảo đồ người về phía trước. “Chuyện gì đã xảy ra với những người kia?” cậu hỏi dồn.

Palamedes phớt lờ câu hỏi này, vì thế cậu con trai quay sang Nicholas. “Chuyện gì đã xảy ra với những người kia?” cậu lặp lại, giọng cậu vỡ ra khi cất cao gần như thành một tiếng hét. Chỉ chưa đầy một tích tắc, đôi mắt cậu thấp thoáng một màu vàng ánh kim.

Nhà Giả kim cúi nhìn xuống, rồi chậm rãi và thong thả gỡ những ngón tay của Josh đang túm chặt nơi cánh tay ông.

“Nói tôi nghe xem nào!” Josh có thể nhìn thấy lời nói dối dâng lên đằng sau đôi mắt của người bất tử và cậu lắc đầu. “Chúng tôi xứng đáng được nói thật.” Cậu cáu kỉnh: “Nói đi chứ.”

Flamel hít thở sâu. “Được rồi,” cuối cùng ông ta nói. “Đã từng có những người khác, đó là sự thật, nhưng họ không phải cặp song sinh huyền thoại.” Rồi ông ngồi trở lại vào chỗ mình và khoanh tay trước ngực. Ông nhìn từ Josh sang Sophie, khuôn mặt ông như một chiếc mặt nạ không hề biểu cảm. “Còn hai đứa thì đúng.”

“Thế chuyện gì đã xảy ra cho những cặp song sinh kia?” Josh hỏi gần, giọng cậu rung rung, một cảm giác kết hợp giữa giận dữ và sợ hãi.

Nhà Giả kim quay mặt đi chỗ khác và nhìn trần trần ra cửa sổ.

“Tôi nghe nói họ đã chết,” từ hàng ghế trước, Palamedes nói vọng ra sau. “Chết hoặc hóa ra điên loạn.”

\*Tín đồ Hồi giáo đánh nhau với Thập tự quân Cơ-đốc thời Trung cổ.

**\*\*Tiếng Anh là Armageddon, theo Kinh thánh, đây là cuộc chiến quyết liệt giữa thiện và ác, kết quả là tận thế và bắt đầu ngày phán xét cuối cùng.**

**\*\*\*Nhà triết học và toán học của Hy Lạp cổ đại.**

Trên tấm biển bong tróc kia ban đầu ghi hàng chữ PHỤ TÙNG XE HƠI, nhưng chữ H thứ hai đã rơi đầu mất mà không thấy ai thay chữ khác vào. Đằng sau bức tường bằng bê-tông phía trên đầu cắm những mảnh kính vỡ và dây kẽm gai quấn lòng vòng là những ngọn tháp làm bằng hàng trăm triếc xe hơi gỉ sét cái này nằm chồng chênh vênh trên cái kia. Bờ tường vây lấy bãi đỗ xe phủ kín mít những tấm poster bị lột ra từng mảng trên đó in quảng cáo những buổi hòa nhạc đã qua lâu lắm rồi, những album “mới ra” cả năm nay và những nhóm trượt indy\* thì không đếm xuể. Những tờ quảng cáo được dán đè lên nhau tạo thành một lớp dày cộp đủ thứ màu sắc, rồi lại được những hình vẽ trên tường phủ chồng lên một lần nữa. Hầu như không thể nào nhìn thấy được những tấm biển ghi NGUY HIỂM – CẤM VÀO và CẤM XÂM NHẬP.

Palamedes rà xe sát vào lề đường cách cổng vào được mắc dây xích nặng trĩch khoảng một khu nhà và tắt máy.

Ghi cả hai cánh tay trên vô-lăng, anh ta chồm người ra phía trước và cẩn thận xem xét khắp xung quanh.

Flamel đã chìm vào giấc ngủ, và Sophie như lạc vào vùng tư duy của riêng mình sao đó mà thỉnh thoảng con người trong mắt cô bé lại lấp lánh ánh bạc. Josh đã ra khỏi chỗ ngồi của mình và thu mình dưới sàn xe đằng sau tấm kính chắn. “Ông mang chúng tôi đi đâu thế này?” Josh vừa hỏi, vừa hất đầu về phía bãi xe.

“Tạm thời.” Hàm răng Palamedes lóe sáng trong vùng tối bên trong chiếc xe. “ Xem ra có vẻ không giống lắm, nhưng có lẽ đây là nơi an toàn nhất London.”

Josh nhìn quanh. Những căn nhà bằng gạch đỏ ở cả hai phía của con đường hẹp này đều ọp ẹp xiêu vẹo hết cách sửa chữa, còn nhìn chung toàn bộ khu vực thì thật tồi tàn và hư nát. Hầu hết các cửa ra vào và cửa sổ đều bị bịt kín bằng ván, thậm chí một số còn bị vây bít lại bằng gạch. Ô cửa kính nào cũng vỡ toang. Một chiếc xe hơi bị cháy rụi nằm lù lù thành một đồng gỉ sét trên những khoảng bê-tông cạnh con đường, và cả khu phố không hề có một chuyển động nào hết. “Tôi ngạc nhiên tại sao khu vực này không được quy hoạch lại hay là làm cái gì đó đại khái như vậy nhì.”

“Rốt cuộc cũng sẽ làm thôi,” Palamedes nói với vẻ sâu thẳm. “Nhưng người chủ đất hiện nay đang sẵn sàng bỏ mặc vùng đất này chờ đến khi nào nó lên giá.”

“Chuyện gì xảy ra nếu ông ta bán đứt nó đi nhỉ?” Josh hỏi.

Palamedes cười toe. “Tôi sẽ không bao giờ bán đứt nó đâu.” Ngón tay trở bên phải của anh ta di chuyển, chỉ thẳng ra đằng trước. “Trước kia từng có một xưởng xe hơi ở đây, và công nhân đi đầy trên đường phố. Khi nhà máy đóng cửa vào những năm 1970, mấy căn nhà bắt đầu bị bỏ trống vì người ta chết đi hoặc di chuyển đến nơi khác để tìm việc làm. Thế là tôi bắt đầu mua lại toàn bộ vùng này.”

“Ông sở hữu từ đâu đến tận đâu?” Josh hỏi, đầy ấn tượng.

“Hết thảy khoảng hơn một cây số rưỡi mỗi chiều. Một hai trăm căn nhà gì đó.”

“Một hai trăm căn nhà! Nhưng chắc hẳn ông phải chi cho khu đất này cả một gia tài.”

“Tôi đã sống trên trái đất này từ trước thời vua Arthur. Tôi đã làm ra và đã mất đi biết bao nhiêu gia tài. Sự giàu có của tôi thay đổi thất thường... khó khăn nhất là làm sao che giấu được sở thuế vụ!”

Josh chớp mắt ngạc nhiên; cậu không bao giờ hình dung nổi một người bất tử lại có vấn đề với chính phủ. Rồi cậu nhận ra rằng trong thời đại máy tính cùng những công nghệ giám sát khác, để che giấu được nhà cầm quyền cái gì đó hẳn càng ngày phải càng mất nhiều công sức hơn. “Có ai sống ở đây không?” cậu hỏi. “Tôi không thấy ai hết...”

“Cậu sẽ không thấy đâu. Mấy người ta ấy” – anh ta sử dụng từ một cách cẩn thận – “những người sống trong căn nhà của tôi chỉ ra ngoài vào ban đêm.”

“Ma cà rồng,” Josh lầm bầm.

“Không phải ma cà rồng,” Palamedes nói nhanh. “Tôi không có thì giờ cho bọn hút máu ấy đâu.”

“Vậy thì là cái gì?”

“Ấu trùng và vượn cáo... những thứ không chết và không chết được.”

“Mà chúng là cái gì mới được?” Josh hỏi. Cậu đang cho rằng ấu trùng ở đây chắc không phải là loài côn trùng non và vượn cáo chắc không phải là loài động vật linh trưởng đuôi dài mà cậu trông thấy trong sở thú đâu.

“Chúng là...” Palamedes ngập ngừng, rồi mỉm cười. “Chúng là những sinh vật siêu tự nhiên sống về đêm.”

“Chúng có thân thiện không?”

“Chúng rất trung thành.”

“Vậy tại sao chúng ta phải chờ đợi?” Josh hỏi. Rõ ràng là Palamedes chưa nói hết với cậu những thứ khác nữa. “Ông đang tìm kiếm cái gì vậy?”

“Một thứ không bình thường.”

“Vậy bây giờ chúng ta làm gì?”

“Chúng ta chờ. Chúng ta quan sát. Hãy kiên nhẫn một chút đi mà.” Anh ta liếc lui về phía Josh. “Cho đến lúc này thì đã có nhiều người trong giới bất tử biết rằng Nhà Giả kim đã phát hiện ra cặp song sinh huyền thoại.”

Josh ngạc nhiên trước sự thẳng thắn bộc trực mà người hiệp sĩ này dành cho cậu. “Có vẻ như ông không chắc chắn về những điều xảy ra nãy giờ. Ông có nghĩ chúng tôi như thế không?” cậu hỏi nhanh. Cậu cần phải tìm ra xem Palamedes biết gì về cặp song sinh và, quan trọng hơn, là về Nhà Giả kim.

Nhưng Palamedes không quan tâm đến câu hỏi này. “Không quan trọng các bạn có phải là cặp song sinh huyền thoại hay không. Điều quan trọng là Flamel đã tin như thế. Quan trọng hơn nữa, Dee cũng tin như vậy. Chính vì thế, một loạt những biến cố khác thường đã diễn ra: một lần nữa Bastet lại ra ngoài, Morrigan trở lại trái đất, Disir mang Nidhogg vào Paris. Ba Vương quốc Bóng tối đã bị phá hủy. Những chuyện đó chưa từng xảy ra trong nhiều thiên niên kỷ nay.”

“Ba lặn sao? Tôi nghĩ chỉ có một mình vương quốc của Hekate bị phá hủy thôi chứ.” Scathach đã nói đến những Vương quốc Bóng tối khác, nhưng Josh không hề ý thức chính xác có bao nhiêu vương quốc tồn tại.

Palamedes thở dài, rõ ràng là anh ta chán ngán không muốn giải thích. “Hầu hết các Vương quốc Bóng tối đều nối kết hoặc giao nhau qua một cánh cổng duy nhất. Nếu có chuyện gì xảy ra cho một Vương quốc Bóng tối thì cánh cổng đó sẽ đổ sập. Nhưng Yggdrasill, Cây Thế giới, lại trải dài suốt từ vương quốc của Hekate đến Asgard và xuống sâu vào tận Niflheim, Thế giới Tối tăm. Tất cả ba vương quốc này đều chộp nháy tan biến khi Dee phá hủy cái cây ấy, và tôi biết rằng những cánh cổng dẫn tới hơn nữa chục vương quốc khác đều bị đổ sập, thực sự phong tỏa cô lập thế giới đó và những cư dân sống trong đó. Dee vừa ghi thêm vài kẻ thù nữa vào bảng danh sách vốn đã rất dài – cả những con người lẫn không phải con người – gồm những ai từng căm ghét và kinh sợ hãi trước đây rồi.”

“Vậy chuyện gì sẽ xảy đến với ông ta?” Josh hỏi. Mặc cho tất cả những gì cậu đã nghe nói về tay Pháp sư này, cậu vẫn thấy mình có một chút cảm phục đối với ông ta... còn hơn cảm giác mà cậu có đối với Nhà Giả kim người Pháp lúc này.

“Không sao cả. Dee được những chủ nhân đây quyền lực bảo vệ. Hẳn chỉ việc hoàn toàn tập trung vào việc mang các Elder quay trở lại trái đất này bằng mọi phương tiện có thể.”

Josh vẫn chưa hiểu được điều đó. “Nhưng tại sao mới được chứ?” cậu hỏi.

“Bởi vì hẳn là kẻ thù nguy hiểm nhất: hẳn hoàn toàn tin tưởng rằng những gì hẳn đang làm là đúng.”

Có một chuyển động lóe lên nơi khóe mắt Josh và cậu quay người lại vừa lúc nhìn thấy một con chó màu nâu xám rảo bước xuống giữa con đường, chạy trên đường kẻ trắng. Nó trông giống như một con vật lai giữa loài sói xứ Ireland với loài Borzoi, giống chó chuyên săn sói ở Nga. Nó lao nhanh qua chiếc taxi, chạy thẳng đến những cánh cổng của bãi xe, rồi nhẹ bước đi tới đi lui hít hít ngửi ngửi mặt đất.

“Flamel đến đã làm khuấy động lên nhiều thứ cổ xưa,” Palamedes vừa nói tiếp, vừa chăm chú quan sát con chó. “Hôm nay tôi đã trông thấy những sinh vật mà tôi tưởng đã biến mất hoàn toàn khỏi trái đất này rồi, những con quái thú đã sản sinh ra những truyện thần thoại đen tối nhất của nòi giống người. Cậu cũng nên biết rằng Dee đã treo một khoản tiền thưởng trên đầu các người. Các gián điệp của tôi bảo tôi rằng hẳn muốn cậu và cô chị gái của cậu phải còn sống. Thật thú vị, hẳn không muốn có được Flamel còn sống nữa; hẳn sẽ chấp nhận bằng cứ chứng minh Flamel đã chết. Đó là một thay đổi rất lớn. Các Elder, Thế hệ Kế tiếp, những người bất tử và các tay sai loài người của họ tất cả đều cùng đổ về London. Chỉ nguyên việc giữ cho đám đông nhốn nháo ấy không ngọam vào cổ nhau đã là một công việc nặng nhọc rồi; tôi không sao hình dung được Dee sẽ làm chuyện này như thế nào.” Đột nhiên Palamedes bật động cơ lên lại, rồi nhích lần lần chiếc xe lên phía trước. “Chúng ta không có trở ngại gì,” anh ta thông báo.

“Làm sao ông biết được?”

Palamedes chỉ về hướng chú chó ngồi trước cánh cổng, đối diện với họ. Anh ta nhấn một các nút trên bảng đồng hồ và cánh cổng bắt đầu trượt mở ra.

“Con chó,” Josh trả lời câu hỏi của chính mình. “Ngoại trừ nó thật sự không phải là một chú chó, phải vậy không?”

Palamedes nhe răng cười. “Đó không phải là chó.”

\*Một kiểu trượt trên không.

Hết thảy nào là lông nào là tóc trên thân hình khổng lồ của Areop-Enap đều bất chợt dựng đứng lên hết, từng sợi một đều rung rung. “Quý bà Perenelle ời,” bà ta nói. “Tôi có thể đề nghị một chuyện có vẻ như rất sốc.”

Perenelle quay người về phía bà Elder. Đằng sau bà ta, vô số những con nhện không sao đếm xuể chạy tán loạn từ bên này sang bên kia bức tường đồ sộ làm bằng những tấm mạng do chính những sinh vật ấy tạo ra. “Khó làm tôi sốc được lắm đó nghe.”

“Bà có tin tôi không?” Areo-Enap hỏi.

“Tin chứ,” Perenelle nói không chút chần chừ. Bà đã từng có lần xem bà Lão Nhện này là một kẻ thù triệt để, nhưng bây giờ bà đã biết lòng trung thành của bà ta đặt vào đâu – nơi con người. Và điều đó đã được chứng minh trong cuộc chiến đấu với Morrigan và lũ chim chóc của mụ ta. “Bà muốn làm gì nào?”

“Cứ bình tĩnh và đừng hốt hoảng,” Areo-Enap nói kèm theo một nụ cười nghe hết cả răng ra. “Việc này là vì lòng tốt của bà đấy nhé.” Bất ngờ, một tấm mền bằng mạng nhện rơi ụp xuống Nữ Phù thủy, bao phủ bà từ đầu đến chân. Một làn sóng nhện chảy lan trên nền đất qua mình người phụ nữ, nhanh chóng bọc lấy bà trong một làn vải, buộc chặt những sợi vải dính dính sát vào thân hình bà như một tấm áo choàng. “Hãy tin tôi đi,” Areo-Enap lại nói vậy một lần nữa.

Perenelle vẫn đứng yên không nhúc nhích, mặc dù mọi bản năng trong người bà đều muốn chiến đấu chống lại tấm mạng ấy, xé nó ra thành từng mảnh, muốn để cho luồng điện của bà tỏa ra và nướng chúng thành bụi cháy đen. Miệng bà mím chặt. Bà đã từng đánh nhau với những con quái thú và từng trông thấy những sinh vật đến từ những bờ rìa tăm tối nhất trong những truyện thần thoại của loài người, những bà vẫn thấy ý tưởng để cho một con nhện bò vào miệng mình hoàn toàn là một điều đáng kinh tởm.

Cái đầu Lão Nhện xoay xoay, và một cái chân dài giơ lên, những sợi lông mềm xòe ra kiểm tra không khí. “Hãy chuẩn bị tinh thần,” Areo-Enap nói. “Chúng đang đến. Bao lâu tấm mạng vẫn chưa bị rách ra, bấy lâu bà vẫn được bảo vệ.”

Lúc này Perenelle đã hoàn toàn được bọc trong một cái kén dày làm bằng mạng nhện màu trắng bóng mượt. Trước đây bà đã từng mặc những mình lụa mịn

màng nhất, nhưng thứ này thì khác hẳn. Giống hệt như được quấn chặt trong một tấm chăn mềm mại, thoải mái không thể tin được nhưng lại hơi co khít vào người. Một tấm mạng mỏng hơn bao quanh miệng và mắt bà, để bà có thể thở và nhìn thấy được, nhưng như thể nhìn qua một bức màn sương mù. Bà cảm thấy một cú lắc mạnh, rồi đột nhiên bà bị nhấc bổng lên không trung và bị đút vào một góc. Một là sóng những con nhện đen thui ngay lập tức bò lên mình bà, buộc chặt cứng cái kén ấy vào hai bên tường và thanh xà chống đỡ của ngôi nhà. Từ vị trí thuận lợi mới của mình, bà có thể nhìn xuống căn phòng đến tận nơi Areop-Enap ngồi chồm hổm ngay giữa sàn. Perenelle nhận ra rằng tấm thảm tối om bên dưới bà Elder là một khối có đến hàng ngàn – thậm chí có thể lên đến hàng triệu – những con nhện. Sàn nhà gợn sóng lặn nổi và dao động bên dưới Areop-Enap, đang ngồi đối diện với hướng bắc, quay mặt về phía Đảo Thiên Thần, lúc này đang chìm trong màn sương buổi sáng sớm tinh khôi. Xoay chuyển người trong chiến kén, Perenelle rướn mình cũng nhìn về phía đó. Từ chỗ trú của mình, bà có thể nhìn ra mặt trước. Có những đám mây báo bão tập trung nơi đường chân trời, dày đặc và nhuộm màu đen ngả sang xanh lơ; bà tưởng như trông thấy chúng xoắn và bắn tung tóe ra cùng với ánh chớp. Nhưng qua màn lụa bao phủ lấy mặt mình, bà lại thấy đám mây này xoắn vặn, xoay cuộn vào trong chính nó... và càng lúc càng lao tới gần hơn. Chỉ mới khoảng một chục lần chớp mắt, nó đã bay đến đầu phía bắc của Alcatraz.

Và rồi trời chợt đổ mưa.

Không có mái che trên Khu nhà ở của Cai tù đã vô cùng đổ nát. Những giọt nước đen nặng hạt rơi ra khỏi đám mây và vỗ bẹp lên chiếc kén bằng mạng nhện của Perenelle... rồi dính luôn vào đó.

Và Nữ Phù thủy bất ngờ nhận thấy rằng đây không phải là những giọt mưa – chúng là những con ruồi.

Những con ruồi xanh cùng với những con ruồi nhà khổng lồ, những con ruồi giấm lùn bè bè, những con ruồi trâu mình hẹp, những con ruồi như anh lính ra trận, những con ruồi như tên cướp đổ mưa xuống hòn đảo, vụt đập và dính vào chiếc kén làm bằng mạng nhện của bà.

Thậm chí cả khi Perenelle chưa kịp kêu lên vì ghê tởm, thì từng con nhện một đã phóng qua bên kia tấm mạng và bắt đầu bọc lấy những con ruồi đang vùng vẫy trong bức màn lụa.

Perenelle ngược nhìn lên. Đám mây khổng lồ ấy gần như đang ở ngay phía trên đầu. Nhưng bây giờ bà có thể thấy đó chẳng phải là một đám mây gì cả. Con mưa côn trùng mới vừa rồi chỉ là một chút khởi đầu của những gì sắp đến. Khối lúc nhúc khuấy đục cả bầu trời ấy chính là những con ruồi, hàng triệu con, những con ruồi to với thân và chân rất dài cùng những con muỗi mắt hút máu màu sẫm sẫm, những con muỗi thường và những con ruồi giấm bụng đen mắt đỏ.

Các loài côn trùng xòa xuống trên Alcatraz thành một tấm phủ tối sẫm kêu vo vo. Làn sống đầu tiên bị bắt bởi những mạng nhện bóng mượt màu trắng trắng, nhanh chóng hóa ra đen thui và trĩu nặng dưới trọng lượng của những con côn trùng lăn qua lộn lại. Perenelle chăm chú nhìn những tấm mạng quấn quanh bà nhanh chóng bị đứt toạc và xé rách khi càng lúc càng có nhiều con ruồi bị mắc bẫy và nhanh chóng ghì chặt lấy chúng theo một thể trận đã cố xưa lắm rồi. Những bức tường bọc trong lớp lụa nhấp nhô phập phồng với những con nhện ngọ nguậy và những con ruồi vùng vẫy trong tuyệt vọng, cho tới khi trông như thể toàn bộ các bề mặt của tòa nhà sống dậy, thở theo nhịp và đập rộn ràng.

Những con ruồi xoay tít quanh Areop-Enap, và một số đã thấy Perenelle được giữ trong tấm mạng nhện bảo vệ quấn quanh bà. Rất khế, bà có thể nghe được tiếng vo vo của chúng khi chúng cố thoát thân.

Ngày càng nhiều làn sống ruồi cuốn giạt vào hòn đảo, và những con nhện – Perenelle không hình dung nổi là có quá nhiều như vậy – trèo lên mình chúng. Những con ruồi đông đen không sao kể xiết dán chặt mình vào Areop-Enap, hoàn toàn bao phủ lấy Lão Nhện, cho tới khi chúng giống như một trái banh khổng lồ kêu vo vo rì rầm. Cái chân đồ sộ của Bà Elder phát mạnh vào khối nhấp nhô ấy, vãi một đợt vỏ khô của xác côn trùng chết tung rắc khắp nơi, nhưng lại có nhiều con lao vào thế chỗ hơn. Bà Elder nhảy lên và rồi đâm sầm xuống nền đất, nghiền nát hàng ngàn con nữa bên dưới thân mình khổng lồ của bà.

Và làn sống ghê tởm ấy vẫn cứ dâng lên dâng lên thêm mãi cho đến vô cùng vô tận.

Rồi, bất thành linh, Perenelle để ý thấy những bức tường và sàn nhà không còn chuyển động và gợn lăn tăn nữa. Tập trung một cách khó khăn xuyên qua tấm màn như phủ sương ngay trước mắt mình, bà trông thấy một thứ làm bà rất đổi bàng hoàng: những con nhện sắp chết. Bà quan sát một con nhện mình sọc đen trắng thật lúc hai cái răng nanh màu xanh lơ óng ánh ngũ sắc vào một con ruồi to lớn có thân và chân dài nhằng đang bị kẹt vào tấm mạng dính dính của

con nhện ấy. Con ruồi quấy đập, cố chạy thoát trong tuyệt vọng, nhưng rồi, bất ngờ con nhện run bắn người và đông cứng lại. Cả hai sinh vật đều chết cùng một lúc. Và sự việc đó cứ diễn đi diễn lại: ngay lúc con nhện cắn vào con ruồi, nó liền chết cứng. Phải khó khăn lắm mới có thể làm cho Nữ Phù thủy sợ hãi, nhưng giờ thì bỗng dưng bà bắt đầu cảm nhận những cơn nhức nhối đầu tiên của sự bất an.

Phải có ai hoặc cái gì đã khiến cho những con ruồi kia đánh thuốc độc mấy con nhện.

Và nếu duy chỉ một con ruồi có thể giết chết một con nhện, vậy thì một khối khổng lồ ruồi kia sẽ làm gì Areop-Enap?

Perenelle phải ra tay mới được. Khắp chung quanh bà, hàng triệu con nhện đang ngắc ngư gần chết, do bị trúng độc của những con ruồi. Areop-Enap đã biến mất dưới đồng ghê tởm kia. Vẫn còn những đợt nhấp nhô phập phồng khi Lão Nhện vật lộn và quấy đập, nhưng khi Nữ Phù thủy quan sát kỹ hơn, bà nhận ra rằng những đợt chiến đấu đang yếu dần đi. Areop-Enap cổ xưa và rất nguyên sơ nhưng không phải là hoàn toàn không thể bị tổn thương được. Không có gì – Elder, Thế hệ Kế tiếp, người bất tử hoặc con người bình thường – hoàn toàn không thể bị hủy hoại được. Thậm chí cả Areop-Enap cũng không. Bản thân Perenelle đã từng có lần làm sụp đổ cả một ngôi đền cổ xuống đầu của Bà Nhện và bà ta đã xem cuộc tấn công ấy chẳng ra gì – song liệu bà ta có sống sót nổi trước hàng tỷ con ruồi chứa đầy chất độc không?

Nhưng Perenelle đã bị giữ chặt mất rồi. Areop-Enap đã nhét bà tít trên cao trong hốc tường, xa khỏi vùng nguy hiểm. Nếu bà định cắt đứt cái kén làm bằng mạng nhện, bà sẽ rơi ít nhất là sáu mét xuống mặt sàn bên dưới. Có lẽ cú va chạm đó sẽ không giết chết bà đâu, nhưng có sẽ làm trật mắt cá chân hoặc gãy cẳng chân bà.

Và bà sẽ phải làm thế nào để đánh bại được một trận dịch ruồi?

Nhìn xa xa phía ngoài hòn đảo. Bà trông thấy một dòng mạch xoắn cuộn khác toàn những con côn trùng lao vào theo cơn gió. Một khi chúng đến được Alcatraz, tất cả sẽ kết thúc. Gió đưa vọng vào những tiếng vo ve kêu rền thật yếu ớt, như âm thanh của một cái cửa máy nghe từ xa lắm.

Gió.

Gió đã mang côn trùng lên hòn đảo này... vậy Perenelle cũng có thể dùng gió để xua chúng đi chứ?

Nhưng ngay khi ý tưởng đó xẹt ngang tâm trí mình thì cũng là lúc Perenelle nhận ra rằng bà không nắm đủ toàn bộ sự hiểu biết về gió để kiểm soát yếu tố này một cách chính xác. Có lẽ nếu bà có đủ thời gian để chuẩn bị và luồng điện của bà được nạp đầy, chắc hẳn bà đã cố dựng lên một số loại gió – một cơn bão nhiệt đới dữ dội, có thể, hoặc một cơn lốc xoáy nho nhỏ - ngay giữa lòng đảo và quét sạch hết loài ruồi, và cũng có thể là cả loài nhện nữa không chừng. Bà cần phải làm một thứ gì đó đơn giản thôi... và bà cần phải làm thật nhanh. Tất cả những con nhện đều không chuyển động nữa. Hàng triệu con ruồi đã chết, nhưng hàng triệu con nữa vẫn còn, và chúng đang tụ lại trên mình Areop-Enap.

Vậy nếu bà không thể xua đuổi những con ruồi ra khỏi hòn đảo, thì bà có thể dẫn dụ cho chúng đi khỏi đây được không? Một ai đó đang kiểm soát loài côn trùng này – một Elder đen tối hoặc một người bất tử nào đó, chắc hẳn đầu tiên họ phải đầu độc chúng trước đã, rồi kích cho những con côn trùng đại đột bé xíu ấy lên hòn đảo. Ở đây có cái gì đã thu hút chúng. Nhận thức rõ như vậy, đôi mắt Perenelle choàng mở. Vậy chắc hẳn phải có một thứ gì đó thu hút chúng. Cái gì có thể thu hút hàng triệu con ruồi như thế?

Ruồi thích cái gì vậy cà?

Đằng sau tấm mạng mờ, Perenelle mỉm cười. Nhân sinh nhật năm trăm tuổi của bà vào ngày 13 tháng Mười năm 1820, Scathach đã tặng bà một mặt dây chuyền rất đẹp để làm quà, chỉ là một mảnh ngọc bích chạm hình một con bọ hung. Hơn ba ngàn năm trước đó, Bóng tối đã mang nó từ Nhật Bản về cho ông vua trẻ Tutankhamen, Ankhesenamen, nên không muốn cô ta chiếm giữ nó, vì thế cô đột nhập vào cung điện hoàng gia vào một đêm rất khuya ngay trước khi vị vua trẻ ấy được ướp xác rồi lấy lại món quà ấy. Khi Scathach tặng cho bà mặt ngọc bích, Perenelle đã nói đùa, “Cô đang tặng cho tôi một con bọ phân đấy.”

Scathach gật đầu nghiêm túc. “Phân có giá trị hơn bất cứ kim loại quý hiếm nào. Bà làm sao có thể nào trồng lương thực trong vàng được kia chứ.”

Mà ruồi bị hấp dẫn bởi phân.

Nhưng không có đồng phân nào trên hòn đảo này cả, mà để thu hút sự chú ý của bầy ruồi, có lẽ bà phải tạo ra một thứ mùi hôi thối một cách khác thường. Ngay lập tức Perenelle nghĩ đến những loài cây xinh đẹp thuộc họ cây chân bê. Một số trong chúng có mùi hôi thối rất đáng ghê tởm của phân. Có những loài hoa thân thảo giống như xương rồng hoang nhưng mùi rất hôi thối: ngửi thì rất đẹp, nhưng sắc mùi xác chết thối rữa lâu ngày. Và có những giống rau như bắp

cải lại có mùi kinh khủng của chồn hôi, và bông hoa to lớn nhất thế giới, hoa rafflesia khổng lồ, hoa loa kèn xác chết thối, đều mang thứ mùi tồi tệ của thịt thối rữa. Nếu bà có thể tái hiện các thứ mùi ấy, có lẽ bà sẽ có thể chiêu dụ được bọn ruồi cút khỏi đây.

Perenelle biết rằng giữa lòng mọi ma thuật và phép phù thủy là khả năng tưởng tượng. Chính món quà này mang lại sự tập trung mãnh liệt đặc trưng cho những pháp sư quyền lực nhất; trước khi thử bất kỳ một pháp thuật vĩ đại nào, họ đều phải nhìn thấy rõ ràng kết quả cuối cùng. Vì thế trước khi tập trung vào việc tạo ra mùi hương này, bà cần phải nghĩ đến một địa điểm lung linh nơi bờ rìa tâm thức của Perenelle. Những nơi mà bà đã từng sống, những nơi bà đã từng đến. Trong cuộc đời dài đằng đẵng của mình bà đã có dịp tham quan rất nhiều nơi trên thế giới. Nhưng những gì bà cần bây giờ là một nơi nào đó gần gũi ở một mức vừa phải, một nơi bà biết rõ, và một nơi không có dân cư đông đúc.

Bãi rác ở San Francisco.

Bà chỉ mới đến bãi rác nhân một dịp gần đây. Vài tháng trước, bà giúp một trong những nhân viên tại tiệm sách dời nhà đến một căn hộ mới. Sau đó, họ lái xe xuống miền nam đi về phía công viên Monster và bãi rác trên đường Recycle. Luôn nhạy cảm với các thứ mùi, Perenelle bắt được ngay một thứ mùi hăng hăng rất rõ – mặc dù không hoàn toàn khó chịu – thứ mùi của bãi rác khi họ rẽ vào đại lộ Tunnel. Khi họ tiến gần hơn, mùi hôi thối làm chảy cả nước mắt và không gian tràn ngập âm thanh do tiếng kêu của vô số loài ruồi nặng.

Bây giờ Perenelle khơi gợi ký ức đó ra. Cố định bãi rác ấy rõ ràng trong trí tưởng tượng của bà, bà tưởng tượng ra một đồng thối tha khổng lồ, những bông hoa có mùi xác chết nằm ngay giữa đồng rác thải và rồi bà hình dung một cơn gió mang thứ mùi thối tha kinh khủng ấy theo hướng bắc tiến về phía Alcatraz.

Mùi hôi hám của những thứ thối rữa lâu ngày thoảng nhẹ đến hòn đảo và một làn sóng nhỏ và nhẹ chạy xuyên qua khối ruồi đang tụ tập kia.

Perenelle tập trung ý chí. Bà tưởng tượng một bãi rác ngổn ngang, lác đác chỗ này chỗ kia là những bông hoa nở rộ: những đóa hoa calla và carrion nhú lên khỏi đồng rác rưởi, hoa rafflesia khổng lồ điểm những đốm trắng và đỏ lớn rất nhanh giữa những đồ tạp nhạp vứt đi, và không khí tràn ngập những mùi độc hại, trộn lẫn với thứ mùi hôi hám riêng của bãi rác. Rồi bà hình dung ra một cơn gió đẩy tất cả những thứ mùi ấy bay về phương bắc.

Mùi hôi thối tràn vào hòn đảo là một thứ mùi khó chịu làm người ta chảy nước mắt. Một làn sóng dao động xuyên qua tấm thảm ruồi giày cộp. Một số đã cất mình lên kêu vo ve trong không trung, bay lòng vòng không định hướng nhưng rồi lại đậu xuống trên Areop-Enap.

Perenelle mệt mỏi, và bà biết rằng nỗ lực này đang làm bà già đi. Hít thở thật sâu, bà cố gắng thực hiện một nỗ lực cuối cùng. Bà phải kích động được lũ ruồi này trước khi bày ruồi thứ hai đến nhập bọn với chúng. Bà tập trung hết sức vào mùi hôi thối kinh khủng ấy đến nỗi luồng điện màu trắng tinh như nước đá không mùi của bà tỏa sáng lung linh và hơi thoang thoảng một mùi thối rửa.

Mùi hôi thối đáng kinh tởm ủa vào hòn đảo là hỗn hợp giữa mùi phân tươi trộn lẫn với thịt thối rửa lâu ngày cùng với mùi ôi thiu của sữa bị chua, tất cả làm người ta phát buồn nôn.

Những con ruồi bay lên khỏi Alcatraz thành một tấm mền đen cứng ngắc. Chúng kêu rền và phát ra tiếng o o như một trạm phát điện và rồi, cùng nhau muôn con như một, bắt đầu lên đường hướng về phía nam đi thẳng đến nguồn phát ra mùi hôi thối khó chịu ấy. Đám côn trùng vừa khởi hành đụng độ với đám ruồi khổng lồ thứ hai ngay khi bọn này vừa định đáp xuống hòn đảo và cả hai nhóm hòa lẫn vào nhau thành một trái banh màu đen dày đặc vô cùng to lớn; rồi toàn bộ khối ruồi đó đổ về phương nam, bay theo mùi hương nồng đượm.

Trong chốc lát, không còn một con ruồi sống nào trên hòn đảo.

Areop-Enap lắc mình cho những xác ruồi li ti rơi ra rồi chậm chậm và khó nhọc trèo lên bức tường, rạch tấm mạng giữ Perenelle đúng chỗ và hạ bà nhẹ nhàng xuống đất trên một sợi tơ hình xoắn ốc hẹp. Perenelle để cho luồng điện của mình lóe sáng trong một phần ngàn giây và chiếc kén làm bằng tơ nhện, giờ đã lấm tấm và lốm đốm đầy những con ruồi bị mắc bẫy, giòn tan thành bụi. Bà quay đầu trở lại, hất mái tóc âm ẩm khỏi trán và cổ rồi hít thở thật sâu. Hơi ẩm ngọt ngào tỏa ra trong tấm mạng.

“Bà có sao không?” bà vừa hỏi, vừa giơ tay đánh vào mấy cái chân to đùng của bà Elder.

Areop-Enap lắc lư tới tới lui lui. Chỉ có một trong mấy con mắt của bà ta mở ra thôi, và khi nói, những lời ngọng nghịu bình thường của bà ấy líu nhíu hầu như không sao hiểu được. “Có độc hả?” bà ấy hỏi.

Perenelle gật đầu. Bà nhìn quanh. Đồng hồ nát giờ dày thêm bởi xác những con ruồi và nhện. Bất chợt bà nhận ra rằng mình đang đứng trong mớ xác chết

nhỏ li ti ngấp sâu đến mắt cá chân. Khi hết thấy mọi chuyện này qua đi, bà phải đem đốt đôi giày của mình đi mới được, bà quyết định thế. “Những con ruồi là những thứ gây chết người. Mấy con nhện của bà bị chết sạch khi cắn vào mấy con ruồi kia. Bọn ruồi được sai đến đây để giết đạo quân của bà đó.”

“Và chúng đã thành công,” Areop-Enap nói với vẻ buồn buồn. “Chết quá nhiều, quá là nhiều...”

“Những con ruồi tấn công bà cũng chứa độc,” Perenelle nói tiếp. “Từng con một, vết cắn của chúng không thể nhận ra, nhưng Lão Nhện ạ, bà đã bị cắn cả triệu lần – thậm chí có lẽ đến cả tỷ.”

Con mắt duy nhất đang mở của Areop-Enap nhấp nháy từ từ khép lại. “Quý bà Perenelle, tôi phải tự chữa lành cho mình. Điều đó có nghĩa là tôi phải ngủ.”

Perenelle bước tới gần bên bà nhện khổng lồ và gạt những các xác khô của con ruồi chết ra khỏi lớp lông màu tím tím của bà ấy. Chúng vỡ tan thành bụi khi bà chạm đến. “Ngủ đi, Lão Nhện,” bà nói dịu dàng. “Tôi sẽ canh gác cho bà.”

Areop-Enap bước đi loạng choạng vụng về vào góc phòng. Hai cái chân khổng lồ của bà ta quét một phần sàn nhà cho sạch xác nhện và ruồi, và rồi bà ta cố quay ra một cái mạng. Nhưng sợi tơ rất mỏng, bé xíu như cọng chỉ và hơi bạc màu. “Bà đã làm gì mấy con ruồi vậy?” Areop-Enap vừa hỏi, vừa ráng sức tạo ra nhiều mạng nhện hơn.

“Đưa chúng về phương nam, đuổi theo một mùi hương tàn khốc.” Perenelle mỉm cười. Bàn tay phải của bà lóe sáng, luồng điện của bà chiếu sáng rực và cái mạng nhện mỏng dính của Areop-Enap đột nhiên lớn ra và dày lên. Lão Nhện đặt mình vào góc phòng trong cái tổ của bà ta và bắt đầu quay tơ quấn quanh chính người mình.

“Về đâu vậy?” Areop-Enap chột hỏi. Con mắt mở ra duy nhất của bà ta gần như nhắm lại khít rịt, và Perenelle có thể nhìn thấy vô số những vết thương đang rỉ nước xuất hiện trên thân mình sinh vậy ấy do những vết cắn chứa độc.

“Bãi rác San Francisco.”

“Không mấy con sẽ đến được đó...” Areop-Enap triệu triệu, “vì có nhiều thứ sẽ làm chúng sao lãng. Bà đã cứu mạng tôi, Quý bà Perenelle.”

“Thì bà cũng cứu mạng tôi mà, Lão Nhện.” Trái banh khổng lồ làm bằng mạng đã gần hoàn thành. Tơ đã bắt đầu hóa cứng như đá rồi, chỉ còn một cái lỗ nhỏ trên đỉnh thôi. “Bây giờ ngủ đi,” Perenelle ra lệnh, “ngủ và mau khỏe nhé.

Chúng ta sẽ cần đến sức mạnh và sự thông thái của bà trong những ngày sắp tới đây.”

Với một nỗ lực lớn lao, Areop-Enap mở hết thủy những con mắt mình. “Rất tiếc vì phải để bà lại một mình không có gì bảo vệ.”

Perenelle niêm phong bà nhện Elder vào cái kén khổng lồ bằng mạng, rồi quay người, bà sải bước qua bên kia căn phòng. Cơn gió thoảng rất nhẹ quét sạch mặt sàn phía trước bà. “Tôi là Perenelle Flamel, Nữ Phù thủy,” bà nói lớn, không chắc Areop-Enap có nghe thấy được không. “Và tôi chẳng bao giờ ở trong tình trạng không có gì bảo vệ cả.”

Nhưng ngay khi đang nói những lời ấy, bà lại nghe rõ ràng có chút hơi hướm nghi ngờ nhẹ nhàng len lỏi vào giọng nói của chính mình.

Trên bờ biển phía tây của hòn đảo Treasure ở Vịnh San Francisco, một người đàn ông trông còn khá trẻ đang ngồi trên nắp ca-pô của chiếc xe Thunderbird 1960 màu đỏ tươi, mũi di động. Thấp người và mảnh khảnh, anh ta đang mặc một chiếc quần jeans màu xanh lơ gấu tã tơi xơ xác và bên đầu gối mòn trơ sợi vải. Hình cái đầu sói in trên áo thun của anh ta bị phai mờ hóa thành một kiểu mẫu có đôi chút ma quái hơn cả khi còn mới, và đôi giày ống cao-bồi mòn vẹt đã đến lúc cần phải đi đóng lại gót và dán thêm đế. Nhìn bề ngoài anh ta trông có vẻ nhách nhác, tóc dài, râu ngắn và dày, hoàn toàn tương phản với chiếc xe bóng loáng mà anh ta đang ngồi lên, chiếc xe trông như thể vừa được lái ra từ phòng trưng bày vậy. Người thanh niên có hai mươi chín đô-la Mỹ và ít tiền lẻ trong ví mình; còn chiếc xe hơi mang giá trị ít nhất gấp một ngàn lần số tiền kia.

Bên cạnh anh ta, trên nắp ca-pô của chiếc xe hơi là một cái tô cổ bằng gốm Anasazi, trang trí hoa văn hình học có góc cạnh tao nhã với hai màu đen và trắng. Một thứ chất lỏng đặc quánh đổ đầy trong tô, hỗn hợp giữa mật ong, dầu hạt lanh với nước, và phản chiếu trong thứ chất lỏng ấy là dáng người của Perenelle đang sải chân bước qua phía bên kia Alcatraz, tấm mền đen làm bằng xác chết của nhện và ruồi mở ra trước bà như một làn dợn sóng.

Vậy đây chính là Perenelle Flamel huyền thoại. Anh thanh niên di chuyển ngón tay theo chiều kim đồng hồ trên thứ chất lỏng ấy và đôi mắt sáng màu xanh lơ của anh ta rực lên, hơi ngả một chút màu đỏ thắm, thoáng mùi ớt bột cay xé tràn ngập trong không khí. Hình ảnh Perenelle được phóng lớn. Anh ta chăm chú nhìn bà ngừng lại và cau mày, những đường nhăn hằn sâu trên trán, và bà nhìn quanh rất nhanh, gần như thể bà biết có người nào đó đang quan sát mình. Anh ta vẫy tay, chất lỏng rung rung, hình ảnh tan ra. Khoanh tay trước một bộ ngực lép kẹp, người đàn ông quay mặt về hướng đông, nơi Alcatraz đã bị che giấu trong bóng tối âm trầm. Có vẻ như mọi thứ anh ta nghe nói về người phụ nữ này đều là sự thật: Perenelle là sự kết hợp tai hại nhất, giữa vẻ xinh đẹp lẫn sự chết người.

Ngay bây giờ anh ta đang thua cuộc. Anh ta có nên tấn công lần nữa không, hay là nên chờ đợi? Đưa bàn tay lên mặt, anh ta hít thở sâu và luồng điện anh ta lóe sáng thành một màu đỏ tím sẫm, tối hơn cả màu của chiếc Thunderbird một chút, và bầu không khí đượm muối biển giờ lại nhuốm mùi ớt bột cay xé. Anh ta

vẫn còn đủ năng lượng để làm... mà làm gì bây giờ mới được chứ? Việc kêu gọi bầy ruồi tương đối dễ dàng; một pháp sư người Ấn Độ đã dạy anh ta thủ thuật này, và nó đã cứu anh ta hơn một lần trong đời. Tẩm thuốc độc vào mấy con ruồi là gợi ý từ chủ nhân Elder của anh ta, và chủ nhân anh ta thậm chí còn cung cấp cả một ao nước đã đánh thuốc độc ở hạt Solano, phía bắc thành phố. Kế hoạch là phá tan đạo quân của Areop-Enap và giết chết bà Elder này. Gần như đã thành công. Cả khối nhện đã ngã lăn quay ra, và Lão Nhện đã rất gần với vái chết. Nhưng ngay vào phút chót, một thứ gì đó đã lôi cuốn bầy ruồi kết thành một đám mây to lớn rập rờn ồ ạt rời khỏi Alcatraz. Trong chất dầu sóng sánh của cái tô bói cầu, người thanh niên đã nhìn thấy luồng điện của Perenelle lung linh màu trắng ánh bạc, và anh ta biết là bà chịu trách nhiệm về chuyện này. Khuôn mặt gầy gò nhăn nhó thành một vẻ đanh ác và anh ta bồn chồn lo lắng cắn vào môi dưới. Anh ta được bảo đảm rằng bà đã yếu bớt đi rồi, không có khả năng biểu dương chút năng lượng nào nữa. Rõ ràng là thông tin đó thật chẳng đáng chút nào.

Chất lỏng sóng sánh kia bắt đầu sôi sùng sục và vẫn đục, rồi kêu lên xì xì và bốc hơi hết sạng; câu thần chú bói cầu chỉ có một quãng thời gian sống giới hạn thôi. Tụt xuống khỏi nắp ca-pô, người thanh niên hất đồ thứ dinh dính còn thừa xuống đất, rồi cẩn thận lấy chai nước rửa sạch cái tô và lấy tấm vải bằng da sơn dương lau khô nó rồi mới cất vào trong thùng xe, đặt nó vào trong một chiếc hộp kim loại nhỏ chất đầy bột biển. Cái tô là một trong những vật quý giá nhất mà anh ta đang sở hữu, và ngay cả khi anh ta cực kỳ nghèo khổ, anh ta chưa bao giờ nghĩ đến việc mang bán nó cả. Ngồi trong nội thất bọc da màu đỏ của chiếc xe, hắn ta mở một bì thư bằng giấy làm từ cây chuối sợi và đọc kỹ tập tin gửi kèm thư điện tử đã được mã hóa. Một người đàn ông tóc trắng trông có vẻ nghiêm khắc hiện ra rành rành trên tấm ảnh trắng đen. Tấm hình chụp lúc ông ta đang sải chân băng qua đường. Tháp Eiffel hiện ra lơ lửng vượt lên những mái nhà nơi phần hình nền, và ngày tháng ghi bên dưới tấm ảnh cho biết hình được chụp vào ngày lễ Giáng sinh, sáu tháng trước. Nghĩ vẫn vợ, người thanh niên bắn khoản tự hỏi không biết tại sao các Elder Đen tối lại theo dõi một trong những tay sai tín cẩn nhất của họ. Đây là người đàn ông họ gởi đến làm việc với hắn ta: người châu Âu bất tử Niccolo Machiavelli. Chỉ thị của các Elder không hề mập mờ - hắn ta sẽ hỗ trợ Machiavelli trong mọi việc. Hắn ta tự hỏi không biết tay người Ý này có chút gì giống với John Dee hay không nữa. Hắn ta đã gặp Dee trong một thời gian ngắn và không thấy thích ông ta tí nào; ông ta là một trong số những

người bất tử châu Âu cao ngạo cho rằng họ giỏi hơn bất cứ người nào khác, chỉ bởi vì một lý do duy nhất là họ còn già hơn cả nước Mỹ. Nhưng đọc kỹ hồ sơ của Machiavelli, càng lúc hắn ta càng thấy khoái người đàn ông này hơn. Tàn nhẫn thay, với bản chất xảo quyệt và mưu mô, ông ta lại được mô tả là người đàn ông nguy hiểm nhất châu Âu.

Hắn ta sẽ giúp đỡ Machiavelli, tất nhiên rồi. Hắn ta thật sự không có chọn lựa nào khác; chống lại các Elder Đen tối là đồng nghĩa với ước muốn được chết. Theo ý kiến cá nhân, hắn ta không tin rằng mình sẽ phải cần đến tay người Ý này. Quăng tập hồ sơ xuống sàn xe, hắn ta vặn khóa khởi động, đạp mạnh chân ga và quay vòng tay lái, chiếc xe hơi lượn thành nửa vòng tròn, bụi và cát cuộn lên ngay sau đuôi nó.

Billy the Kid không bao giờ cần đến bất cứ người nào cả.

Bãi phế liệu thật là cả một mê cung.

Những lối đi hai bên chông chất những đồ kim loại gỉ sét, với khoảng không gian chỉ vừa vịn đủ cho chiếc xe chạy xuyên qua, trải dài từ lối vào mở ra mọi hướng. Một rào chắn nhét cứng ngắc những chiếc vỏ xe, hàng trăm chiếc vỏ bấp bênh ngã dựa trên khoảng không gian chật hẹp. Một bức tường kết toàn bằng những cánh cửa xe, một bức tường khác làm toàn bằng những nắp ca-pô và thùng đựng hành lý sau xe. Những khối động cơ vấy bẩn dầu mỡ ướt lẹp nhẹp chất chông thành một ngọn tháp nằm kế bên một ụ ống xả gom thành đồng dưới đất, khiến chúng trông như một tác phẩm điêu khắc theo trường phái trừu tượng.

Palamedes đưa chiếc xe taxi London màu đen vào sâu hơn đến khu vực có nhiều ngõ hẹp gồm toàn những chiếc xe móp mép chất cao như núi. Bây giờ Sophie đã hoàn toàn tỉnh táo. Cô bé ngồi trong chỗ của mình mặt hướng ra phía trước, nhìn qua cửa sổ, đôi mắt mở lớn. Trên lối vào, bãi phế liệu giống Vương quốc Bóng tối của Hekate lạ thường. Mặc dù nó trông rất lộn xộn, nhưng theo bản năng, cô bé biết rằng có lẽ nó tuân theo một thiết kế nào đó. Có một thứ gì đập dờn bên phía tay phải và cô bé quay người trở lại thì nhìn thấy một cái bóng khác vừa dời chỗ và lẩn đi mất. Họ đang bị theo dõi, song mặc cho những giác quan đã được nâng cao, cô vẫn không tài nào nhìn thấy được hình dáng của những sinh vật kia, tuy nhiên cô bé có cảm tưởng rằng chúng di chuyển thẳng đứng giống người. “Đây và Vương quốc Bóng tối phải không ạ?” cô bé hỏi lớn tiếng.

Bên cạnh cô, Flamel cựa quậy thức dậy. “Không có Vương quốc Bóng tối ngay giữa trung tâm London đâu,” ông lầm bầm. “Vương quốc Bóng tối nằm ở vùng ven của các thành phố ấy chứ.”

Sophie gật đầu – tất nhiên chuyện đó cô đã biết rồi.

Palamedes ngoặt chiếc xe theo một vòng rẽ trái rất gắt hướng vào một con hẻm nhỏ thậm chí còn hẹp hơn con hẻm vừa rồi nữa. Những bức tường kim loại gồ ghề lởm chởm quá sát đến nỗi hầu như muốn cạ vào mấy cánh cửa xe. “Chúng ta không còn ở trung tâm thành phố nữa đâu, Nhà Giả kim ạ,” anh ta nói bằng chất giọng bass rất trầm của mình. “Chúng ta đang ở trong vùng ngoại ô hơi bị nhiều thành tích bất hảo đấy. Và ông cũng sai mất rồi; tôi biết hai Elder có các

Vương quốc Bóng tối nhỏ tọa lạc ngay giữa lòng thành phố London, và có cả các lối vào dẫn đến ít nhất ba Vương quốc khác mà tôi biết được, kể cả Vương quốc nổi tiếng nhất, ở bề bơi đằng sau Traitor's Gate kia.”

Josh rước cổ nhìn lên những bức tường như những ngọn tháp kim loại. “Trông giống như một...” Cậu ngừng không nói nữa. Đâu đó sâu tận trong tâm trí cậu, bản thiết kế vòng vèo này biến thành một vị trí quân sự và ngay lập tức cậu nhận ra những gì cậu đang nhìn thấy. “Chính là một lâu đài,” cậu thì thào. “Một lâu đài làm bằng những tấm kim loại bị đè nghiêng và những chiếc xe hơi bị đập dẹp ra.”

Tràng cười lớn của Palamedes, đúng hơn là một tiếng gầm vang, làm hai đứa nhỏ sinh đôi giật cả mình. “A ha. Tôi thấy thật ấn tượng. Không mấy người còn sống ngày nay có thể nhận ra nó được đâu. Quy hoạch này dựa trên một thiết kế do chính tay Sebastien Le Prestre de Vauban vẽ nên đó.”

“Sao nghe có vẻ như tên một loại rượu vang vậy,” Josh lẩm bẩm, vẫn còn như bị mê hoặc trước những gì cậu vừa khám phá ra.

“Tôi đã có dịp được gặp ông ấy một lần,” Flamel lơ đãng nói. “Ông ấy là một kỹ sư quân đội người Pháp rất nổi tiếng.” Ông vặn vẹo người trong chỗ ngồi của mình để nhìn ra cửa sổ phía sau. “Đối với tôi chúng trông chỉ như là những chiếc xe hơi phế liệu thôi,” ông nói, hầu như là nói với chính mình.

Sophie nhìn cậu em với vẻ tò mò – làm sao nó có thể biết được mớ bong bóng này thực ra là một lâu đài? Nhưng rồi, nhìn lên những bức tường kết bằng những chiếc xe hơi, mẫu thiết kế cô bé thoáng thấy trước đây biến thành một nơi chốn rõ ràng và cô bé có thể thấy hình dạng của một tòa lâu đài, tường có lỗ châu mai và những ngọn tháp, những khoảng trống nhỏ hẹp nơi những người canh giữ bảo vệ có thể nã đạn vào bất cứ tên tấn công nào. Một hình thù chuyển động đằng sau một trong những khoảng trống đó và biến mất.

“Qua nhiều năm chúng tôi đã dựng những chiếc xe hơi lên thành những bức tường của một tòa lâu đài,” Palamedes nói tiếp. “Những người xây dựng lên tòa lâu đài thời Trung cổ này hiểu biết rất nhiều về công tác phòng thủ, và Vauban đã kết hợp tất cả mọi kiến thức vào với nhau để tạo nên những hàng rào phòng thủ vững mạnh nhất thế giới. Sau đó, trong hết thảy mọi kiểu dáng, chúng tôi đã chọn được một kiểu dáng tốt nhất. Có những chiến hào và những khoảng sân bên trong, những khu lộ thiên bên ngoài và bên trong, một tường lũy bên ngoài, những tháp canh và tháp phòng ngự. Chỉ có lối vào là đi xuyên qua lối đi nhỏ hẹp

và độc nhất này, và nó được thiết kế để có thể được chống giữ được một cách dễ dàng.” Bàn tay đồ sộ của anh ta chỉ thẳng ra phía những chiếc xe hơi hư hỏng trầm trọng. “Đằng sau, ở giữa và bên trong những bức tường đó đủ các loại bầy vô cùng độc địa đang sẵn chờ.”

Chiếc xe rung lên bần bật khi chạy lên tấm kim loại. Hai đứa nhỏ sinh đôi nhào người qua cửa sổ, nhìn ra và phát hiện thấy bọn họ đang chạy trên một thứ trông giống như một cái cầu hẹp làm bằng những cái ống kim loại treo phía trên một thứ chất lỏng sóng sánh đen thui đang sủi bọt.

“Đường hào,” Josh nói.

“Phiên bản hiện đại của một đường hào,” Hiệp sĩ Saracen tán thành. “Được đổ đầy dầu thay vì là nước. Nó sâu hơn về ngoài của chính nó và có những que nhọn cắm dàn ra bên dưới. Nếu có bất kỳ thứ gì rơi xuống... hừm, xin nói ngay rằng chúng sẽ không bao giờ trèo lên được. Và tất nhiên chúng tôi có thể đốt cháy nó chỉ bằng một cú bật nhẹ công tắc.”

“Chúng tôi à?” Josh vừa hỏi nhanh, vừa liếc sang cô chị gái của cậu.

“Chúng tôi chứ sao,” Hiệp sĩ xác nhận.

“Vậy ở đây có nhiều người nữa cũng giống ông à?” Josh hỏi.

“Tôi không ở một mình,” Palamedes đồng ý cùng với một nụ cười rộng nở thoáng qua rất nhanh, hàm răng trắng bóc tương phản với khuôn mặt sạm màu của anh ta.

Anh ta tiếp tục lái xe, đi qua hết cây cầu, và một lối đi khác uốn cong rồi kết thúc nơi một bức tường kim loại vững chắc làm bằng những chiếc xe hơi đã bị đè nghiền và đập dẹp ra. Bức tường dày lên vì gỉ kim loại và có màu đỏ quạch như máu. Palamedes rà xe chậm chậm nhưng không dừng hẳn. Anh ta nhấn một cái nút trên bảng điều khiển trong buồng lái của chiếc xe và toàn bộ bức tường rung lắc mạnh rồi khẽ khàng trượt sang một bên, chừa một khoảng trống vừa đủ cho chiếc xe trườn qua. Khi họ đã vào bên trong rồi, cánh cổng gỉ sét dày cộp kia nhẹ nhàng trượt trở lại vào vị trí cũ.

Đằng sau cánh cổng là một vùng đất rộng bị quật tung lên và đầy bùn lầy lem, điểm lắc rắc những cái ổ gà đọng đầy nước. Ngay giữa biển bùn là một căn nhà chòi hình chữ nhật bằng kim loại dựng tạm trên những khối bê-tông. Căn nhà chòi hư nát và bẩn thỉu, mấy cánh cửa sổ của nó phủ đầy những mắt lưới làm bằng dây kim loại, và từng đám gỉ sét lốm đốm khắp bức tường kim loại khiến nó trông có vẻ như buồn bã – một lá quốc kỳ Anh và một lá cờ có hình con rồng đỏ

trên nền xanh lá và trắng – vỗ đập phần phật vào những cây cột hơi cong cong. Cả hai lá cờ đều xơ xác và đã đến lúc cần phải được giặt giũ.

Sophie phải cắn vào bên trong má mình để giữ cho khuôn mặt ngay ngắn. “Tôi tưởng phải là cái gì đó...”

“... đẹp dễ hơn?” Josh hoàn tất câu nói. Cô chị gái cậu giơ bàn tay dựng đứng lên và cậu đập bàn tay mình vào đó.

“Đẹp dễ hơn,” cô bé tán thành. “Trông có đôi chút thất vọng nhỉ.”

Josh để ý thấy một bầu chó hoang khăng khiu ẩn nấp trong vùng tối bên dưới căn chòi. Chúng có màu sắc và dòng giống hết như con chó màu nâu xám khổng lồ mà cậu bất chợt trông thấy lúc nãy, nhưng những con này nhỏ hơn, lông rối và có màu xám xịt. Một ánh sáng mà đỏ vụt lóe lên và cậu liếc xéo: mắt mấy con chó có màu đỏ chẳng?

Nicholas đuổi thẳng người. Ông ngáp và vừa vờn vai vừa nhìn quanh khắp lượt, rồi ông lăm bắm, “Tại sao tất cả đều phải được bảo đảm an toàn, Palamedes? Anh sợ cái gì à?”

“Ông không biết đâu,” Palamedes nói đơn giản.

“Nói tôi nghe xem nào.” Nicholas chà xát mặt mình và ngồi chồm ra phía trước, cùi chỏ chống lên đầu gối. “Rốt cuộc thì chúng ta cùng một phe mà.”

“Không, không đâu,” Palamedes nói ngay. “Có thể chúng ta có cùng kẻ thù, nhưng chúng ta không ở cùng một phe. Mục đích của chúng ta khá là khác nhau.”

“Khác như thế nào?” Flamel hỏi. “Các anh cũng chống lại các Elder Đen tối mà.”

“Chỉ khi chúng tôi bị buộc phải làm vậy thôi. Ông tìm cách ngăn ngừa không cho các Elder Đen tối quay trở lại thế giới này, trong khi tôi, và các anh em hiệp sĩ của tôi, đi vào các Vương quốc Bóng tối và mang về lại những con người bị giam giữ ở đó.”

Josh nhìn từ Flamel rồi nhìn sang Palamedes, bối rối. “An hem hiệp sĩ là gì ạ?” cậu hỏi. “Ai vậy?”

Flamel hít thở sâu. “Chú nghĩ Palamedes đang có ý nói đến các Hiệp sĩ Áo xanh,” ông nói.

Palamedes gật đầu. “Đúng vậy đó.”

“Tôi nghe đồn...” Nhà Giả kim thì thầm.

“Những tin đồn đó đều có thật,” Palamedes nói ngắn gọn. Anh ta rà sát chiếc xe vào bên cạnh căn nhà chòi dài có mái kim loại và tắt máy. “Đừng bước vào

mấy cái ồ gà kia,” anh ta cảnh báo trong lúc đẩy cánh cửa xe mở ra. “Các người không muốn biết cái gì sống trong đó đâu.”

Sophie bước ra đầu tiên, nhấp nháy mạnh đôi mắt đằng sau cặp kính râm trong ánh mặt trời buổi chiều muộn. Đôi mắt cô bé có cảm giác thô ráp và nhừng nhức, và có gì như thể một miếng băng dán khô queo khó chịu nằm tận trong cổ họng. Cô bé băn khoăn tự hỏi không biết có phải mình mệt vì bị cảm lạnh không. Mặc dù cô bé cố gắng hết sức không nghĩ đến Palamedes, nhưng một số trong các ký ức của Bà Phù thủy cứ thấm tràn qua vùng ký ức của cô, và cô nhận thấy là cô đã biết chút ít về anh ta. Anh ta là một người bất tử được ban tặng khả năng đặc biệt có thể di chuyển tự do xuyên qua các Vương quốc Bóng tối mà vẫn không bị chúng gây ảnh hưởng gì. Ít người đi vào những thế giới nhân tạo do các Elder dựng nên mà lại có thể trở về được. Lịch sử loài người – cả cổ đại lẫn hiện đại – đều đầy dẫy những người đơn giản tự nhiên biến mất. Trong số đó rất ít người không biết làm sao lại quay về, hoặc được mang về, thường thấy rằng cả hàng trăm năm đã trôi qua trên trái đất mặc dù trong các Vương quốc Bóng tối chỉ mới qua một vài đêm. Nhiều người quay về đã hóa điên khùng hoặc tin rằng Vương quốc Bóng tối mới là thế giới thực trong khi trái đất này không là gì ngoài một giấc mơ thôi. Họ sống cả cuộc đời lúc nào cũng trong tình trạng muốn quay về với những gì họ nghĩ là thế giới thật.

“Chị lại nghĩ ngợi nữa rồi.” Josh thúc vào cùi chỏ cô bé, làm cho cô bé phân tâm.

Sophie mỉm cười. “Lúc nào chị cũng nghĩ ngợi.”

“Ý em là chị đang nghĩ đến những thứ linh tinh mà chị không nên. Những thứ linh tinh của Bà Phù thủy ấy.”

“Làm sao em có thể khẳng định vậy được?”

Nụ cười của Josh nghiêm nghị. “Trong chốc lát, chỉ chốc lát thôi, con người trong mắt chị hóa thành bạc. Thấy ghê lắm.”

Sophie quấn cánh tay quanh người mình và run cầm cập. Cô bé nhìn khắp lượt những bức tường làm bằng xe hơi vây quanh căn nhà chòi gi sét lổm đổm. “Hơi thất vọng, phải không? Chị tưởng tất cả các Elder và người bất tử đều sống trong những cung điện hết chứ.”

Josh quay một vòng, nhưng khi cậu nhìn trở lại cô bé thì mặt cậu cười toe. “Thật ra, em nghĩ nó phần nào cũng tuyệt đấy chứ. Giống như một tòa lâu đài

bằng kim loại. Và cũng có vẻ như an toàn đến độ khó tin. Thậm chí không cách gì tiến sát vào nơi này mà không chạm trán những lính canh.”

“Chị thoáng thấy cái gì đó di chuyển khi mình lái xe xuyên qua mê cung này,” Sophie nói.

Josh gật đầu. “Hồi này, Palamedes bảo em rằng những căn nhà trong hết thảy khu phố bao quanh nơi này đều trống không. Anh ta sở hữu tất cả chúng đó. Anh ta nói có thứ gì gọi là ấu trùng và vượn cáo sống trong đó.”

“Những người canh giữ.”

“Em nhìn thấy một con chó khổng lồ...” Cậu hất đầu về phía bầy chó đang hoàn toàn nằm yên dưới căn nhà chòi. “Nó giống mấy con chó kia, chỉ là to hơn, sạch sẽ hơn. Có vẻ như đang đi tuần tra đường phố vậy. Còn chị lại nhìn thấy những hàng rào phòng thủ,” cậu nói thêm với vẻ phấn khích. “Chỉ có duy nhất một lối vào được canh gác nghiêm ngặt tạo cho mọi chỗ đều có dạng hình phễu dẫn vào một lối đi nhỏ hẹp. Vậy không quan trọng là đạo quân trong tay chị to lớn đông đúc như thế nào, bất cứ khi nào vẫn chỉ có hai hoặc ba người lính có thể tấn công vào một lúc thôi. Và người bên ngoài cũng dễ bị tấn công từ trên cao bởi những lỗ châu mai.”

Sophie giơ tay ra và siết lấy cánh tay cậu em mình thật chặt. “Josh,” cô bé gắt lên, đôi mắt mở lớn đầy vẻ quan tâm. Trước nay cô bé chưa bao giờ nghe thấy cậu em mình nói chuyện kiểu thế này bao giờ. “Thôi đi. Làm thế nào mà em biết nhiều về những tư thế phòng thủ trong các tòa lâu đài như vậy chứ...?” Giọng cô bé kéo dài rồi tắt ngấm, một ý tưởng đáng lo ngại thoáng lung linh nơi một góc tâm trí cô.

“Em không biết nữa,” Josh thú nhận. “Em chỉ... phần nào... biết vậy thôi. Giống hệt như hồi mình ở Paris – em biết rằng Dee và Machiavelli phải ở trên khu đất cao mới có thể điều khiển được bọ gargoyle vậy. Và rồi, mới sớm hôm nay, khi ba sinh vật kia định tấn công...”

“Bọn Genuii Cucullati,” Sophie vừa lơ đãng thì thầm, vừa quay người chăm chú nhìn Nicholas khó nhọc bước ra khỏi chiếc taxi. Khi cô bé trông thấy ông ta thò tay vào kéo ba-lô của Josh ra, cô để ý các khớp đốt ngón tay của ông hơi phình ra. Dì Agnes, ở Pacific Heights trong vùng San Francisco, bị chứng viêm khớp, và các khớp đốt ngón tay của dì cũng phình ra như vậy. Nhà Giả kim đang già đi nhanh quá.

“Ừ, bọn chúng đó. Em biết chúng sắp sửa tấn công bởi em nhìn thấy ngôn ngữ cử chỉ của chúng. Em biết thoát tiên tên ở giữa sẽ tấn công và nhào thẳng vào chúng ta, trong khi hai tên kia sẽ cố tấn công bên sườn. Em biết nếu em có thể ngăn hẳn ta lại, thì việc đó sẽ làm phân tâm mấy tên kia và chúng ta có cơ hội thoát thân.” Josh đột ngột dừng lại, chợt nhận ra những gì cậu đang nói. “Làm sao em biết như vậy kia chứ?” cậu thắc mắc thốt lên.

“Mars,” Sophie thì thầm. Cô bé gật đầu. “Chuyện đó phải từ Vị thần Chiến tranh mà ra thôi.” Cô gái rùng mình; cô bé và cậu em trai đang dần thay đổi. Rồi cô lắc đầu nhẹ nhẹ: cả hai đứa đã thay đổi thật rồi.

“Mars. Em... em nhớ rồi,” Josh thì thào. “Khi ông ta Đánh thức em, ông ta nói cái gì ở khúc cuối, một cái gì đó về chuyện tặng em một món quà mà em sẽ thấy là rất hữu ích trong những ngày sắp tới. Và rồi ông ta để bàn tay mình lên đỉnh đầu em và em cảm thấy luồng hơi nóng lạ thường chảy xuyên khắp thân người mình.” Cậu nhìn cô chị sinh đôi. “Ông ta đã tặng cho em cái gì vậy chứ? Em không có bất kỳ ký ức nào khác lạ cả, giống như những thứ Bà Phù thủy đã cho chị ấy.”

“Chị nghĩ có lẽ em nên mừng vì em không có những ký ức của ông ta mới phải,” Sophie nói nhanh. “Bà Phù thủy từng biết Mars và rất khinh thường ông ta. Chị hình dung rằng hầu hết những ký ức của ông ta đều rất kinh tởm. Josh, chị nghĩ ông ta đã tặng cho em kiến thức về điều binh khiển tướng của ông ta.”

“Ông ta biến em thành một chiến binh sao?” Dù ý tưởng nghe qua thật đáng sờn gai ốc, nhưng Josh không thể giấu được vẻ vui thích trong giọng nói của cậu.

“Thậm chí có lẽ tốt hơn thế,” Sophie nói, giọng cô bé dịu dàng mà xa vắng. “Chị nghĩ ông ta muốn biến em thành một nhà chiến lược.”

“Chuyện đó tốt không?” Cậu nói nghe có vẻ thất vọng.

Sophie gật đầu nhanh. “Trận đánh mà thắng được là nhờ quân lính. Chiến tranh mà thắng được là do những nhà chiến lược.”

“Ai nói vậy?” Josh hỏi, đầy kinh ngạc.

“Mars nói chứ ai,” Sophie vừa nói, vừa lắc đầu xua đi những ký ức bất chợt ủa đến. “Em không thấy sao? Mars là nhà chiến lược quân sự tối thượng; ông ta không bao giờ để thua một trận đánh nào. Đó là một món quà đáng kinh ngạc.”

“Nhưng tại sao ông ta lại đem nó cho em chứ?” Josh hỏi đúng câu hỏi mà Sophie đang suy nghĩ.

Cô bé chưa kịp trả lời, thì cánh cửa dẫn vào căn nhà chòi kim loại dài thành linh cốt kết mở ra và một dáng người mặc bộ đồ bảo hộ lao động dơ bẩn của thợ máy hối hả bước xuống mấy bậc thềm. Nhỏ nhắn và mảnh khảnh, với dáng lom khom và khuôn mặt hình bầu dục dài nhằng, người đàn ông hấp háy như người bị cận thị nhìn vào chiếc xe taxi. Ông ta có râu mép lưa thưa, và dù đỉnh đầu hói, nhưng tóc vẫn phủ qua tai và ở phía sau đầu, tóc xõa dần đến tận vai.

“Palamedes hả?” ông ta căn cẩu, rõ ràng là đang phát cáu. “Chuyện này có nghĩa là gì kia chứ?” Tiếng Anh của ông ta giòn giã và chính xác, từng từ một đều được phát âm rõ ràng. Ông ta trông thấy cặp song sinh và bất thành linh ngưng bật. Rút từ trong túi trên ra một cặp kính to quá khổ có gọng đen, ông ta đẩy nó lên mặt mình. “Mấy người này là ai vậy?” Và rồi ông ta quay đi và chợt nhận ra Nicholas Flamel gần như đúng lúc Nhà Giả kim cũng nhìn ra ông ta.

Cả hai người đàn ông phản ứng cùng một lúc.

“Flamel!” Người đàn ông nhỏ nhắn kêu thét lên. Ông ta quay người lao trở lại về phía căn nhà chòi, bò toài và ngã nhào trên mấy bậc thềm kim loại.

Nicholas vừa làu bàu thốt ra điều gì bằng thứ tiếng Pháp cổ xưa, vừa xé mở toạc cái ba-lô của Josh và giật mạnh thanh Clarent ra khỏi ống đựng bản đồ bằng giấy bồi. Giữ chặt thanh kiếm bằng cả hai tay, ông vung vẩy nó quanh đầu mình, lưỡi kiếm rít lên và kêu o o trong không khí. “Chạy đi,” ông hét to với hai đứa nhỏ sinh đôi, “chạy đi cho toàn mạng! Đây là một cái bẫy!”

Cả khi Sophie hoặc Josh chưa kịp phản ứng gì, thì Pamlamedes đã từ phía sau Nhà Giả kim áp tới và hai cánh tay khổng lồ của anh ta đã khóa trên vai Flamel. Luồng điện của hai người bắt tử lóe sáng và nổ răng rắc, luồng điện của Nhà Giả kim màu xanh lá nhạt trộn lẫn với màu xanh ô-liu sẫm hơn của chàng hiệp sĩ. Mùi cay sè của kim loại và cao su nhuộm khắp bầu khí của bãi xe tràn ngập với mùi hương bạc hà tinh khiết và hơi ấm có mùi gia vị đinh hương. Flamel cố gắng vung thanh kiếm lên, nhưng tay hiệp sĩ siết chặt cổ tay ông và đẩy mạnh, ấn Nhà Giả kim khuỵu xuống, những ngón tay quắp vào da thịt, bó chặt đến tận xương tủy. Thanh kiếm rơi ra khỏi tay Flamel.

Sophie xòe rộng ngón tay trên bàn tay phải và chuẩn bị giơ lên gọi yếu tố lửa, nhưng Josh nắm lấy cánh tay cô bé kéo xuống. “Đừng,” cậu vội nói, vừa lúc bấy chó sục sôi phóng ra từ bên dưới căn chòi và tụ lại chung quanh hai đứa nhỏ. Các con thú di chuyển trong sự im lặng hoàn toàn, miệng he hé nhe hàm răng vàng chạch man rợ và cái lưỡi lè ra chề nhánh như lưỡi rắn. “Đừng nhúc nhích,” cậu vừa thầm thì, vừa siết chặt bàn tay cô chị song sinh của mình. Những con chó đã tiến đến gần đủ để cậu trông thấy những con mắt của chúng hoàn toàn một màu đỏ, không hề có chút tròng trắng mà cũng không có con ngươi. Tiếng răng kêu kích thích, và cậu cảm thấy cái miệng ươn ướt chạm lướt qua những ngón tay cậu. Những con thú tiết ra thứ mùi ẩm mốc cũ kỹ giống như mùi lá mục. Dù những con chó không to lớn, nhưng chúng có sức lực mạnh mẽ lạ thường – một con đụng phải cẳng chân Josh, đẩy cậu ngã nép vào người Sophie. Luồng điện của cặp song sinh tóe lửa và con chó đang ép sát chân cậu bị ngã đổ nhào, lông dựng đứng.

“Đủ rồi!” Giọng Palamedes oang oang vang vọng qua tận bên kia bãi đỗ xe. “Không có cạm bẫy gì ở đây hết.” Chàng hiệp sĩ chồm lên người Nicholas, bàn tay khổng lồ của anh ta vẫn khóa chặt hai bên vai ông, đẩy ông ngã xuống. “Có thể tôi không phải là đồng minh của ông, Nhà Giả kim ạ,” Palamedes cất tiếng âm âm. “Nhưng tôi cũng không phải là kẻ thù của ông. Bây giờ tất cả những gì tôi còn giữ là danh dự của tôi, và tôi đã hứa với anh bạn Saint-Germain là tôi sẽ chăm sóc cho ông. Tôi sẽ không phản bội lòng tin nhiệm ấy.”

Flamel cố lắc mình thoát ra, nhưng bàn tay nắm chặt của Palamedes vô phương bẻ gãy. Luồng điện của Nhà Giả kim tóe lửa và rực sáng lên, rồi thành linh xù xuống và ông kiệt quệ ngồi thụp xuống.

“Ông có tin tôi không?” Palamedes gặng hỏi.

Nicholas gật đầu. “Tôi tin anh – nhưng, tại sao hẳn ta lại ở đây?” Với vẻ đầy ghê tởm hiện rõ trên gương mặt, Nhà Giả kim ngẩng đầu nhìn người đàn ông nhỏ nhắn ngồi co rúm người trong căn nhà chòi, đang nhìn sẫm soi đầu đó trong góc cửa.

“Ông ấy sống ở đây,” Palamedes nói một cách đơn giản.

“Ở đây! Nhưng hẳn ta là...”

“Bạn tôi,” tay hiệp sĩ nói ngắn gọn. “Đã thay đổi nhiều lắm rồi.” Nói lỏng tay, Palamedes nắm lấy hai vai Nicholas nhắc ông đứng dậy. Xoay tròn người ông, tay hiệp sĩ kéo chiếc áo khoác da nhàu nát của ông lại cho thẳng thớm; rồi anh ta thốt ra lời gì đó bằng một thứ ngô ngữ không thể hiểu nổi và mấy con thú đang vây quanh cặp song sinh nhanh chóng rút lui vào căn chòi trú ẩn.

Josh liếc xống thanh kiếm nằm dưới đất và bắn khoản tự hỏi không biết liệu cậu có đủ nhanh để với lấy nó hay không. Cậu nhìn lên và thấy đôi mắt màu nâu sẫm của Palamedes đang chăm chú nhìn cậu. Chàng hiệp sĩ mỉm cười hàm răng trắng toé sáng và cúi xuống giật phắt thanh Clarent ra khỏi đám bùn đất. “Lâu quá tôi mới nhìn thấy lại thứ này,” chàng hiệp sĩ nói rất dịu dàng, âm giọng phức tạp, lại thoảng nghe trong đó chút nguồn gốc Trung Đông. Ngay lúc anh ta chạm thanh kiếm, luồng điện của anh ta nổ bung đầy sinh lực bao quanh lấy toàn thân và chỉ trong giây lát anh ta đã được bọc trong lớp áo giáp dài thời Trung cổ làm bằng chuỗi dây xích, kết thành nguyên bộ cùng với cái mũ trùm vừa khít phủ từ cánh tay cho đến đầu ngón tay và kết thúc phía bên dưới bắp đùi. Mỗi chỗ nối của áo giáp xích đều phản chiếu lấp lánh. Khi luồng điện anh ta nhạt dần đi, lưỡi kiếm của thanh Clarent lung linh màu đen ngả sang màu đỏ, loang loáng như dầu trên mặt nước, và một âm thanh, như gió thổi qua bãi cỏ dài, vi vu rì rào từ bên này sang bên kia lưỡi kiếm.

“Không!” Lưỡi kiếm đã đen lại lung linh một màu đỏ sóng sánh như máu, và Palamedes rùng mình hít thật sâu rồi đột nhiên thả rơi thanh kiếm, mồ hôi rịn ra lấp lánh trên làn da sạm. Món vũ khí ấy cắm phập mũi xuống khoảng đất bùn, đứng lắc lư. Palamedes chà xát hai bàn tay vào với nhau thật mạnh, sau đó chùi miết vào ống quần mình. “Tôi tưởng nó là thanh Excal...” Anh ta quay lại nhìn

Flamel. “Ông đang làm gì với cái... thứ này vậy? Chắc ông phải biết đó là cái gì chứ?”

Nhà Giả kim gật đầu. “Tôi đã giữ nó an toàn suốt bấy nhiêu thế kỷ.”

“Ông giữ nó à?” Chàng hiệp sĩ siết chặt bàn tay mình thành hai nắm đấm khổng lồ. Gân máu nổi hằn lên dọc cánh tay và hiện rõ cả trên phần cổ. “Nếu ông đã biết đó là cái gì, tại sao ông không phá hủy nó đi kia chứ?”

“Nó còn già hơn cả nhân loại này,” Flamel từ tốn nói, “thậm chí còn già hơn cả các Elder hoặc Danu Talis. Sao tôi có thể phá hủy nó đi được?”

“Nhưng nó là thứ đồ ghê tởm,” Palamedes cau kỉnh. “Ông biết nó đã gây ra chuyện gì không nào?”

“Nó là một thứ công cụ; không có gì hơn. Nó chỉ bị kẻ xấu lợi dụng thôi.”

Palamedes chột lắc đầu.

“Chúng tôi cần đến nó để thoát thân,” Nhà Giả kim kiên quyết nói. “Và hãy nhớ lại đi, không có nó, Nidhogg sẽ vẫn sống nhăn mà tung hoành khắp Paris cho xem.”

Josh bước tới, rút thanh kiếm ra khỏi đất và lau đầu mũi kiếm dính bùn vào cạnh giày cậu. Một thoáng rất nhẹ mùi hương cam thoảng trong không khí, nhưng mùi hương này nghe đắng đắng và hơi chua. Ngay lúc cậu con trai chạm vào cán kiếm, một luồng cảm xúc và hình ảnh đập vào cậu:

Palamedes, Hiệp sĩ Saracen, đứng đầu mười hai hiệp sĩ tất cả trong trang phục ác giáp và giáp xích. Họ đang bị đánh như tử, áo giáp của họ đầy dấu sẹo và bung bể, vũ khí nứt gãy, khiến thuần sắt mẻ. Họ đang chiến đấu mở đường xuyên thủng một đạo quân gồm những binh lính trông như những con quái thú thời nguyên sơ, cố gắng chiếm được quả đồi nhỏ nơi có một chiến binh đơn lẻ mình mặc áo giáp vàng đang ra sức chiến đấu chống lại các sinh vật lai tạp kinh khủng giữa con người và loài thú hoang.

Palamedes hét lớn lời cảnh báo khi một sinh vật đồ sộ vươn mình đứng dậy phía sau người chiến binh đơn độc kia, một sinh vật hình thù giống như một con người nhưng có những cái sừng hươu đực uốn cong vòng trên đầu. Tên đàn ông có sừng giờ cao một thanh đoản kiếm bằng đá và người chiến binh mặc giáp vàng ngã xuống.

Palamedes đứng bên trên người chiến binh đã ngã xuống, nhẹ nhàng tước thanh kiếm Excalibur ra khỏi tay ông ta.

Palamedes lao thẳng qua một bãi lầy sền sệt, truy đuổi theo sinh vật trông giống loài hươu này. Bọn quái thú tiến sát đến anh ta – bọn người lợn lòi, người gấu, người sói và người dê – nhưng anh ta lấy thanh Excalibur phất ngang qua mình chúng, thanh kiếm chiếu sáng rực, còn vương lại những vòng cung ánh sáng màu xanh lơ lạnh lẽo trong không trung.

Palamedes đứng dưới đáy một vách đá dựng đứng đến mức tối đa, chăm chú nhìn tên người đàn ông có sừng thoăn thoắt trèo tuốt lên đỉnh một cách dễ dàng.

Và ngay tại đỉnh, sinh vật kia quay người giơ cao một thanh kiếm hắt ta từng dòng để giết chết nhà vua. Thanh kiếm ấy ướt đẫm và bốc lên luồng khói màu đen trộn lẫn màu đỏ thẫm. Và hầu như đó là một tấm gương phản chiếu của thanh kiếm trong tay Hiệp sĩ Saracen.

Josh hít sâu vào và rùng mình khi những hình ảnh ấy nhòa dần đi. Người đàn ông có sừng đang giữ thanh Clarent, thanh kiếm song sinh của Excalibur. Mở choàng mắt, cậu nhìn thứ vũ khí ấy, và đúng ngay lúc đó, cậu biết tại sao Palamedes đã chộp lấy thanh kiếm này. Hai thanh kiếm gần như giống hệt nhau; chỉ có những khác biệt rất nhỏ nơi cán kiếm. Hiệp sĩ Saracen đã tưởng nhầm thanh kiếm đá này là thanh Excalibur. Tập trung mãnh liệt vào thanh kiếm xám xịt ấy, Josh cố dồn sức vào những gì cậu vừa trông thấy – người chiến binh mặc áo giáp vàng. Đó có phải là...?

Một thứ mùi cũ kỹ lâu ngày không giặt rửa sạch vào mũi Josh và cậu quay người lại vừa lúc bắt gặp người đàn ông đầu hói mà hồi nãy hai đứa vừa thoáng thấy đang đứng gần sát cậu, hấp háy đôi mắt như bị cận thị đằng sau cặp kính dày cộp có gọng đen. Đôi mắt ông ta màu xanh lơ nhạt thếch. Và người ông ta toát ra một thứ mùi khó chịu. Josh bật ho rồi bước lùi lại, chảy nước mắt.

“Ông, ông phải tắm đi thôi!”

“Josh!” Sophie kêu lên, cảm thấy thật sốc.

“Tôi không mấy tin tưởng vào việc tắm tấp dẫu,” người đàn ông nói bằng chất giọng rõ ràng và nhanh, một giọng nói hoàn toàn trái hẳn với vẻ bề ngoài của ông ta. “Việc đó làm tổn hại đến lớp dầu tự nhiên bên trên cơ thể người ta đấy. Ở dơ sống lâu.”

Người đàn ông nhỏ thó chuyển từ Josh sang Sophie và nhìn cô bé từ đầu đến chân. Josh để ý thấy cô chị cậu chớp mắt thật mạnh và chun mũi. Rồi cô mím chặt môi và bước lùi lại.

“Thấy em nói chưa?” Josh nói. “Ông ấy cần phải đi tắm mà.” Cậu phải dắt ra khỏi lưỡi kiếm và bước đến gần cô chị mình hơn. Người đàn ông trông có vẻ không làm hại ai, nhưng Josh có thể khẳng định rằng có cái gì đó cho thấy ông đang giận – hoặc là sợ hãi? – Nhà Giả kim.

“Ừ,” Sophie cố không hít thở bằng mũi. Mùi hôi thối từ người đàn ông này phát ra thật không thể tả nổi: một sự pha trộn giữa mùi hôi nơi thể lâu ngày không tắm, quần áo không giặt và tóc khét nắng.

“Tôi sẽ đánh cuộc xem hai bạn có phải là cặp sinh đôi không nào,” người đàn ông vừa ướm lời, vừa nhìn từ đứa này sang đứa kia. Ông ta gật đầu, tự trả lời cho câu hỏi của chính mình. “Đúng là sinh đôi.” Ông ta giơ mấy ngón tay bần thiêu ra định chạm vào tóc Sophie, nhưng cô bé gạt tay ông ta đi. Luồng điện của cô bé tóe lửa và mùi hôi thối quanh người đàn ông thoát mạnh thêm lên.

“Đừng động vào tôi!”

Flamel bước đến đứng giữa người đàn ông đang mặc bộ quần áo bảo hộ của người thợ máy với hai đứa nhỏ song sinh. “Ông đang làm gì ở đây?” ông hỏi gằn. “Tôi tưởng ông chết rồi chứ.”

Người đàn ông mỉm cười, để lộ hàm răng xấu một cách tồi tệ. “Tôi chết y hệt như cách của ông vậy thôi, Nhà Giả kim ạ. Dù tôi có nổi tiếng hơn tí chút.”

“Rõ ràng là hai người trước đây đã từng gặp nhau rồi,” Josh nói.

“Chú đã quen biết người –” Nicholas ngập ngừng những đường hằn và nếp nhăn hiện rõ trên gương mặt ông – “người này từ khi ông ấy còn là một cậu bé con. Thật ra, đã có lần chú từng rất kỳ vọng vào ông ấy.”

“Có người nào muốn nói cho chúng tôi biết người này là ai không?” Josh vừa hỏi gặng, vừa nhìn từ Nhà Giả kim sang Palamedes rồi nhìn trở lại một vòng như vậy lần nữa, chờ đợi câu trả lời.

“Ông ấy là học trò của chú, cho tới khi ông ấy phản bội,” Flamel cắn càu, gằn như là khắc thành lời. “Ông ấy đã trở thành cánh tay phải của John Dee.”

Ngay lập tức cặp song sinh lùi xa khỏi người đàn ông. Và tay Josh nắm chặt thanh kiếm.

Người đàn ông tóc hói nghiêng đầu sang một bên, vẻ mặt ông ta bối rối và buồn không thể tả. “Đó là chuyện đã lâu lắm rồi, Nhà Giả kim. Tôi đã không kết giao với tay Pháp sư ấy hàng mấy thế kỷ nay.”

Flamel bước về phía trước. “Cái gì đã làm anh thay đổi tâm tính của mình vậy? Hẳn đã chẳng trả cho anh đủ để anh phản bội vợ, gia đình, và bạn bè mình

sao?”

Nỗi đau thoáng qua trong đôi mắt màu xanh lơ thật nhạt của người đàn ông. “Tôi đã phạm sai lầm, Nhà Giả kim ạ, đó là sự thật. Tôi đã dùng cả đời mình để chuộc lỗi với mọi người. Người ta ai cũng có thể thay đổi... Vâng, hầu hết mọi người,” ông ta nói thêm rất khẽ khàng.

Nhà Giả kim từ người đàn ông quay ngoắt sang nhìn trực diện với hai đứa nhỏ song sinh. “Đây,” ông nói, cánh tay vẫy vẫy về phía người đàn ông nhỏ thó trong bộ đồ bảo hộ lao động đầy bùn đất, “nguyên là người học việc của Dee, người bất tử William Shakespeare.”

Đứng như được đóng khung bên dưới ô cửa căn nhà phố nguy nga của mình, Niccolo Machiavelli chăm chú nhìn Tiến sĩ Josh Dee bước vào chiếc limousine màu đen bóng loáng. Người tài xế ăn vận lịch sự đóng cánh cửa xe, cúi đầu chào Machiavelli, rồi ngồi vào chỗ tài xế. Một tích tắc sau chiếc xe hơi trườn mình tách khỏi lề đường, và, hệt như dự đoán của tay người Ý, Dee không hề ngoái nhìn lui mà cũng chẳng hề vẫy tay chào. Đôi mắt xám như màu đá của Machiavelli dõi theo chiếc xe cho đến lúc nó hòa lẫn vào dòng xe cộ trong buổi chiều tà. Hầu như cùng một lượt, chiếc xe này vừa rời khỏi Place du Canada thì một chiếc Renault không tên tuổi liền len vào chiếm lấy vị trí cách sát đuôi nó ba chiếc xe. Machiavelli biết rằng chiếc Renault này sẽ bám theo chiếc xe hơi chở Dee đến hết ba khối nhà và một chiếc thứ hai rồi đến chiếc thứ ba nữa sẽ thay thế vai trò đó. Camera được đặt trên bảng điều khiển trong xe sẽ tiếp sóng những bức ảnh sống động của Dee đến máy tính của Machiavelli. Bao lâu còn ở lại Paris này, chắc hẳn Dee sẽ bị theo dõi từng giây từng phút. Bản năng đã được mài giũa suốt bấy nhiêu thế kỷ sống còn đang mách bảo y rằng Dee còn phải làm một nhiệm vụ gì đó nữa. Tay Pháp sư người Anh quá nôn nóng muốn ra đi, bất chấp lời mời nghỉ lại một đêm của Machiavelli, lý do đưa ra là hẳn buộc phải đến nước Anh ngay tức khắc để tiếp tục công việc truy lùng Flamel.

Cố đẩy đóng lại cánh cửa gian tiền sảnh nặng nề dày cộp làm bằng kính chống đạn, Machiavelli mới chợt nhận ra rằng chính những việc nhỏ nhặt như thế này mới làm y nhớ đến Dagon.

Dagon đã ở với y gần bốn trăm năm nay, kể từ khi Machiavelli tìm thấy nó ở Grotta Azzurra trên đảo Capri, lúc nó đang bị thương sắp chết. Y đã chăm sóc cho Dagon khỏe trở lại, và để đền đáp, sinh vật này đã trở thành một tên đầy tớ trai, kiêm thư ký, là vệ sĩ và, cuối cùng, là bạn của y. Hai người đã du hành trên khắp thế giới và thậm chí đã cùng nhau liều lĩnh xông vào một số các Vương quốc Bóng tối được cho là an toàn. Dagon đã cho y thấy những điều kỳ diệu, và đến lượt mình, y đã giúp sinh vật ấy bước đầu quen với nghệ thuật và âm nhạc. Mặc dù tính chất vô biên của tên học việc này, nhưng nó có một chất giọng rất đẹp và trong trẻo. Chỉ đến nửa sau của thế kỷ hai mươi, khi lần đầu tiên Machiavelli nghe được những nốt nhạc buồn sâu thẳm trong những bài hát của

loài cá voi, lúc ấy y mới nhận ra những âm thanh mà sinh vật này có khả năng cất lên.

Hầu như cả nửa thiên niên kỷ nay Machiavelli không cho phép một ai được đến gần y. Y chỉ mới bước vào những năm đầu của tuổi ba mươi khi cưới Marietta Corsini và năm 1502, và qua hai mươi lăm năm sau đó họ có với nhau cả thảy sáu người con. Nhưng trước khi y trở thành người bất tử, y đã bị buộc phải “chết” để giấu nhem một sự thật là y không bao giờ bị già đi. Elder Đen tối là người đã ban sự bất tử cho y đã không hề nói với y đến thời điểm nào thì mưu mẹo ấy mới cần thiết. Rời xa Marietta và các con là một trong những việc khó khăn nhất mà y phải làm, nhưng y đã luôn trông chừng vợ con y trong suốt phần còn lại của cuộc đời họ. Y cũng đã nhìn thấy họ già đi, yếu đau bệnh tật và lui tàn: đây là một khía cạnh đau xót của món quà bất tử. Cuối cùng khi Marietta chết, y đã cải trang để đến dự đám tang của bà ấy rồi đến viếng mộ bà ấy vào giữa đêm khuya thanh vắng để bày tỏ lòng kính trọng cuối cùng của y và thề rằng y sẽ luôn tôn trọng lời tuyên thệ trong cuộc hôn nhân của mình và không bao giờ tái hôn nữa. Y đã giữ lời hứa ấy.

Machiavelli sai bước xuống một hành lang hai bên tường được nẹp gỗ và ấn lòng bàn tay y vào một bức tượng bán thân của Cesare Borgia đặt trên một chiếc bàn tròn nho nhỏ. “Dell’ arte della Guerra,” y nói lớn tiếng, giọng vang vang trong gian tiền sảnh trống trải. Một tiếng tách kêu lên và một phần của bức tượng trượt lui để lộ ra văn phòng riêng của Niccolo. Khi y bước vào phòng, cánh cửa rin rít đóng lại và những ngọn đèn âm tường vụt bừng sáng. Y có một căn phòng giống y như thế này – một nơi riêng tư, bí mật – trong mọi ngôi nhà y đã sống. Đây là lãnh địa của y. Trong suốt thời gian chung sống, Marietta không được phép vào những phòng riêng thế này trong bất kỳ ngôi nhà nào của họ, và qua hàng mấy thế kỷ thậm chí Dagon cũng chưa bao giờ đặt chân vào một căn phòng nào. Trong nhiều năm trước, căn phòng được thiết kế những lối đi bí mật để ra vào và được bảo vệ bằng những bẫy chông nhọn vào lưỡi kiếm, rồi sau đó là bằng rất nhiều ổ khóa và những chiếc chìa khóa đục đẽo rồi ren phức tạp. Ngày nay, trong thế kỷ hai mươi mốt, căn phòng an toàn trong một lớp vỏ bọc chống bom và được bảo mật bằng kỹ thuật nhận dạng chỉ tay và nhận giọng bằng đồ thị sóng âm.

Căn phòng là một hình khối hoàn toàn cách âm. Không có cửa sổ, hai mặt tường phủ đầy những quyển sách y từng sưu tập xuyên suốt nhiều thế kỷ. Những

bìa sách bằng da đứng bên cạnh những trang giấy da ố vàng và cứng ngắt được chắt lên kệ hướng mặt ra cùng một phía. Giấy da cuộn lại và da sống may khâu nằm dọc theo những cuốn sách bìa mềm hiện đại đầy màu sắc tươi sáng. Và tất cả những cuốn sách này, cách này cách khác, đều có liên quan đến các Elder. Với vẻ lơ đãng, y vuốt phẳng lại một phiến ngà khắc ngôn ngữ Xê-mít ở vùng Lưỡng Hà bốn ngàn năm tuổi, đặt nó trở lại trên chóp mớ tài liệu in ra từ một trang Web chuyên bàn về các chủ đề thần thoại. Trong khi Flamel bị ám ảnh bởi việc ngăn chặn không cho các Elder Đen tối quay trở lại thế giới này, và đổi lại, Dee quyết tâm làm cho thế giới trở lại với các chủ nhân của hẳn, thì Machiavelli tập trung vào việc khám phá ra sự thật ẩn giấu đằng sau những nhà cai trị trái đất thời Cổ đại. Một trong những bài học y đã nhận ra dưới triều Medici là quyền lực đến từ kiến thức, vì thế y nhất quyết không ngừng khám phá những bí mật của các Elder.

Bức tường đối diện với ô cửa hoàn toàn bị choán hết chỗ bởi một loạt các màn hình máy tính. Machiavelli nhấn vào một cái nút và tất cả đều bật sáng, mỗi cái cho thấy một hình ảnh khác nhau. Có đủ các quang cảnh của Paris và hình ảnh đến từ hơn một chục thủ đô trên khắp thế giới, và một nhóm bốn màn hình đang phát trực tiếp phần tin tức quốc nội và quốc tế từ khắp nơi trên trái đất. Một màn hình, rộng hơn hết thảy, cho thấy một hình ảnh lấm tấm đầy hạt màu xám xám đang chuyển động. Machiavelli ngồi vào một cái ghế bọc da có lưng tựa cao và nhìn chăm chăm vào màn hình ấy, cố khoác lên những gì y đang xem một ý nghĩ nào đó.

Đó là một đoạn băng trực tiếp lấy từ chiếc xe hơi đang bám đuôi Dee.

Machiavelli không quan tâm đến chiếc limousine đen nằm giữa khung hình mà tập trung vào đường phố. Dee sẽ đi đâu vậy cà?

Tay pháp sư đã bảo với y rằng hẳn định sẽ hướng thẳng đến phi trường, nơi chiếc máy bay phản lực riêng của hẳn đang tiếp nhiên liệu. Hẳn sẽ bay thẳng đến Anh và lại tiếp tục săn tìm Nhà Giả kim. Machiavelli nhếch khóe miệng cong lên thành một nụ cười. Rõ ràng là Dee đâu có hướng về phía phi trường; hẳn đang quay ngược vào hướng thành phố kia kìa. Bản năng của tay người Ý đã đúng: Pháp sư đang có một nhiệm vụ gì đó.

Vừa ngó chừng lên màn hình, Machiavelli vừa mở máy tính xách tay của y ra, bật nguồn và đưa đầu ngón tay trở vào bộ phận đọc dấu vân tay tích hợp. Chiếc máy tính hoàn tất chuỗi khởi động. Nếu y sử dụng bất kỳ một ngón nào

khác để đăng nhập vào hệ thống, một loại virus phá hủy sẽ ghi đè lên toàn bộ ổ cứng.

Y nhanh chóng đọc kỹ các e-mail đã được mã hóa đến từ các tay chân và gián điệp của y trên địa bàn London. Một nụ cười mỉa uốn vắn đôi môi mỏng dính; tin tức không tốt rồi. Mặc cho bao nhiêu thứ Dee đã làm, Flamel và cặp song sinh vẫn biến mất tăm mất dạng, và người ta phát hiện ra nhóm ba tên Genii Cucullati trên một con phố ngang nằm gần ga xe lửa. Cả ba đều đang hôn mê sâu, và tay người Ý ngờ rằng phải đến 366 ngày nữa chúng mới tỉnh dậy được. Có vẻ như tay tiến sĩ người Anh này một lần nữa đã đánh giá thấp Nhà Giả kim mất rồi.

Machiavelli ngồi trở lại vào ghế và áp hai bàn tay vào nhau, thoáng trông như một tư thế cầu nguyện. Hai đầu ngón trỏ tì vào môi. Lúc nào y cũng biết rằng hình ảnh mà Flamel tự khoác lên người – một ông già lóng ngóng lập dị, vụng về, khá là đãng trí – chính là một tấm bình phong tung hỏa mù mà thôi. Suốt nhiều thế kỷ, các Elder Đen tối đã tung vào Nicholas và Perenelle đủ mọi thứ, thế mà họ vẫn sống sót nhờ vào khả năng kết hợp giữa sự xảo quyệt, kỹ năng khéo léo, kiến thức khôn lường và một chuỗi may mắn bất tận. Machiavelli tin rằng Flamel thông minh hiểu biết, nguy hiểm và hoàn toàn tàn nhẫn.

Tuy nhiên, nếu như Nicholas mưu mô xảo quyệt, thì thậm chí y phải thừa nhận rằng Perenelle khôn ngoan lanh lợi hơn ông ta nhiều. Nụ cười của Machiavelli ngập ngừng: đây là người phụ nữ y được giao phải giết, người phụ nữ mà chủ nhân Elder Đen tối của chính y đã mô tả là nguy hiểm hơn Nhà Giả kim gấp bội. Y thờ dài. Giết chết một người mạnh mẽ như Nữ Phù thủy sẽ không phải là chuyện dễ dàng. Nhưng y hoàn toàn không chút nghi ngờ rằng mình có thể thực hiện được việc đó. Trước đây y đã thất bại một lần, nhưng đó là bởi vì y đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng như Dee vừa mắc phải: đánh giá thấp kẻ thù của mình.

Lần này Machiavelli hẳn đã sẵn sàng với Nữ Phù thủy. Lần này y sẽ giết chết bà ta.

Nhưng trước hết y phải đến được nước Mỹ. Những ngón tay của Machiavelli lướt qua bàn phím để đăng nhập vào một trang Web lữ hành. Không như Dee đi đâu cũng thích sử dụng chiếc máy bay phản lực riêng của mình, còn Machiavelli lại quyết định sẽ mua vé bay đến Mỹ. Y có thể dùng một trong mấy chiếc phi cơ phản lực của chính phủ Pháp, nhưng chuyện đó sẽ lôi kéo sự chú ý, và Machiavelli luôn ưa thích hoạt động kín đáo phía sau hậu trường.

Y cần một chuyến bay thẳng đến San Francisco. Chọn lựa của y không được đáp ứng, nhưng có một chuyến bay liên tục không ngừng sẽ rời Paris vào 10 giờ 15 sáng hôm sau. Chuyến bay này mất hơn mười một giờ bay, nhưng vì có sự chênh lệch múi giờ chín tiếng nên y sẽ đến vùng Bờ Tây vào khoảng 12 giờ 30 phút trưa tính theo giờ địa phương.

Chuyến bay Air France không còn chỗ Hạng Nhất vì thế y đành đặt vé l'Espace Affaires – Hạng Thương nhân. Chắc chắn là thích hợp. Rút cục thì chuyến bay này là một thương vụ mà. Machiavelli nhấp chuột vào mục đồng ý mua và chọn ghế số 4A. Vị trí đó nằm ngay cuối khoang Hạng Thương nhân, nhưng khi máy bay hạ cánh và cánh cửa bật mở, y có thể là người bước ra đầu tiên. Khi e-mail xác nhận bất chợt hiện ra trong hộp thư đến, y chuyển tiếp một bản sao chi tiết chuyến bay cho trạm liên lạc chính của các Elder Đen tối trên vùng Bờ Tây của nước Mỹ: người bắt tử Henry Mc.Carty.

Machiavelli đã nghiên cứu về người đàn ông này khá kỹ lưỡng. Suốt cuộc đời ngắn ngủi của Mc.Carty được biết đến nhiều hơn với cái tên William H. Bonney hay còn gọi là Billy the Kid. Sinh năm 1859, bắt tử vào tuổi hai mươi hai – hoặc chết, theo các sách lịch sử mô tả. Machiavelli lắc đầu băn khoăn tự hỏi. Thật sự là rất bất thường đối với một người bình thường lại trở thành bắt tử ở vào lứa tuổi quá trẻ như thế; hầu hết những người bắt tử y có dịp gặp qua suốt bấy nhiêu thế kỷ đều lớn tuổi hơn thế cả. Mặc dù đã nhiều năm nghiên cứu, nhưng Machiavelli vẫn không thể hiểu ra được tại sao một số người nào đó lại được các Elder chọn để nhận món quà này. Phải có một kiểu mẫu hoặc một lý do nào đó, nhưng y đã tình cờ gặp những ông vua, hoàn tử, những người lang thang lê lững và những kẻ trộm cắp không hề có điểm gì chung cả, ngoại trừ việc họ đã được ban tặng sự bắt tử - và vì thế trở thành người làm thuê cho các Elder. Rất ít người trở nên bắt tử trước khi họ bước vào độ tuổi bốn mươi. Vì thế, để được ban cho sự bắt tử ở tuổi hai mươi hai, quả thực Billy the Kid chắc phải rất đặc biệt.

Một thoáng chuyển động lóa lên làm Machiavelli chú ý và nhìn lên màn hình này giờ đang theo dõi Dee.

Mấy chiếc xe dừng lại, và đúng lúc Machiavelli chăm chú nhìn, thì Dee bước ra khỏi hàng ghế phía sau của chiếc limousine mà không để cho tài xế có thì giờ hồi hả đi vòng ra mở cửa. Tay Pháp sư đi vài bước cách xa chiếc limousine, rồi dừng lại một chút và quay người nhìn vào chiếc xe ngay phía sau hẳn. Trong tích tắc Dee trừng trừng nhìn thẳng vào chiếc camera, Machiavelli nhận thấy rằng

hắn biết mình đang bị theo dõi. Pháp sư mỉm cười, rồi biết mất khỏi khung hình, và tay người Ý liền bấm vào một số điện thoại gọi nhanh kết nối y với tên tài xế của chiếc thứ hai. “Chuyện gì?” y căn cầu. Không cần tự giới thiệu gì cả.

“Chúng tôi đã dừng lại, thưa ngài. Đối tượng vừa thoát ra khỏi phương tiện.”

“Đi đâu?”

“Chúng tôi đang ở trên cầu Pont au Double. Đối tượng đang hướng về Notre Dame.”

“Notre Dame!” Machiavelli nói khẽ. Chỉ mới hôm qua, y đã đứng trên mái của ngôi thánh đường vĩ đại ấy với Dee, và cùng nhau, cả hai đã vực bọn gargoyle và grotesque sống dậy thật khiếp sợ và quan sát thấy chúng bò lê xuống bờ tường nơi Flamel, cặp song sinh Saint-Germain và một người phụ nữ bí ẩn đang néo mình nơi khoảng sân trước nhà thờ. Đáng lẽ những sinh vật bằng đá bồng bồng sức sống ấy đã nghiền nát những con người kia, nhưng cuộc chiến lại không diễn ra theo đúng kế hoạch.

Flamel và đồng bọn đã đánh trả. Bất giác, tay người Ý xoa vào cẳng chân nơi y đã bị một mũi tên bạc đầy năng lượng của luồng điện thuần khiết bắn trúng vào. Một vết thâm tím hình ngôi sao phủ khắp đùi y, từ đầu gối đến hông, và y biết mình sẽ phải khập khiễng cả mấy tuần nữa cho xem. Chính cặp song sinh đã cứu cả nhóm, hai đứa nhỏ đã phá hủy bọn gargoyle và grotesque của Notre Dame.

Machiavelli đứng yên lặng, tự thấy bản thân mình chính là nhân chứng sống xác nhận rằng Sophie và Josh đích thực là cặp song sinh huyền thoại. Thật là một cuộc biểu dương lực lượng đầy kinh ngạc. Mặc dù đứa con gái chỉ mới học những gì rất cơ bản về hai yếu tố ma thuật – Gió và Lửa – nhưng rõ ràng là kỹ năng tự nhiên của con bé thật phi thường. Và khi cặp song sinh kết hợp luồng điện của chúng lại và nâng năng lượng của con bé ấy lên cao hơn, mạnh hơn, lúc đó y mới nhận ra rằng Sophie và Josh Newman thật đặc biệt hiếm có.

Bộ phận quan hệ công chúng của Machiavelli đã tung ra một câu chuyện rằng hiện tượng phá hủy những công trình bằng đá của ngôi thánh đường này là do hiệu ứng từ mưa acid và sự nóng lên toàn cầu gây ra. Và thậm chí bây giờ các nhóm người khảo cổ và các sinh viên từ các đại học ở Paris vẫn đang làm việc để dọn sạch khoảng sân trước nhà thờ. Khu vực ấy đã bị niêm phong bằng những dải băng và những rào chắn kim loại.

Tay người Ý nhìn trân trân vào màn hình, nhưng nó chẳng hé lộ ra điều gì. Tại sao Dee lại quay trở lại nơi đó kia chứ?

“Chúng ta có nên bám theo không?” Giọng người tài xế nổ lốp bốp vì tĩnh điện.

“Có,” Machiavelli nói nhanh. “Hãy bám sát, nhưng không được áp quá gần và không được để lộ tung tích. Phải giữ đường dây này luôn kết nối.”

“Vâng, thưa ngài.”

Machiavelli nóng lòng chờ đợi, đôi mắt dán chặt vào những hình ảnh đầy tĩnh điện của chiếc xe hơi trên màn hình. Tay tài xế gấp gáp nói với những người khác trong hai chiếc xe kia, ra lệnh cho họ vào vị trí cạnh những lối vào ngôi đại thánh đường. Những cánh cửa chính mở ra quảng trường đã bị đóng. Người bất tử chăm chú quan sát thấy người tài xế đi ngang qua trước camera ở bảng điện tử và biến mất ở bên trái, điện thoại áp sát vào tai. “Ông ta đang hướng vào ngôi thánh đường,” người tài xế nói không kịp thở. “Ông ta đã đi vào bên trong. Không có lối nào ra được,” anh ta lại nói thêm ngay sau đó.

Âm thanh chung quanh thay đổi khi người đàn ông chạy vào bên trong nhà thờ. Tiếng bước chân vang vang, tiếng những cánh cửa sập mạnh; rồi Machiavelli nghe những âm thanh nhỏ xíu của những giọng nói lao xao lo lắng. Y lắng nghe tiếng người tài xế càng lúc càng lớn hơn, khắt khe hơn, đòi hỏi hơn, nhưng y không thể nghe ra chính xác được lời nào. Một lúc sau, tiếng người tài xế trở lại trên điện thoại. “Thưa ngài: có một số kiến trúc sư và nhà quy hoạch ở đây đang phân tích thiệt hại. Đáng lẽ ra đối tượng phải đi thẳng qua họ, nhưng họ nói họ không nhìn thấy ai vào nhà thờ suốt một tiếng đồng hồ qua.” Một thoáng sợ hãi nổi rõ trong giọng nói người đàn ông; sự nhần tâm nổi tiếng của Machiavelli ai cũng biết, và không ai muốn báo cáo một thất bại. “Tôi biết điều này không thể được, nhưng tôi nghĩ... chúng tôi – chúng tôi đã mất dấu ông ta rồi.” Tiếng người đàn ông ấp a ấp úng. “Tôi... bây giờ tôi không biết sao, nhưng có vẻ như... ông ta không có bên trong nhà thờ. Chúng tôi sẽ niêm phong công trình này và điều thêm người lục soát...”

“Vô ích. Cứ để hẵn đi. Quay trở về căn cứ,” Machiavelli nói rất nhẹ nhàng, rồi cúp máy. Y đã biết Dee đang ở đâu. Tay Pháp sư không ở trong ngôi thánh đường ấy. Hẳn đang ở bên dưới kia. Hẳn đã trở lại khu hầm mộ nằm sâu bên dưới lòng thành phố. Nhưng chỉ có duy nhất một thứ trong Thành phố Kẻ chết rất cổ xưa ấy mà thôi, đó là Elder Mars Ultor.

Và mới hôm qua đây, Dee đã chôn vùi Elder này lún ngập trong những kết cấu bằng xương.

Mùi khó chịu của thức ăn chiên xào phảng phất bay từ bên này qua bên kia kho phế liệu, hoàn toàn xua tan mùi kim loại và dầu máy cùng với mùi ẩm mốc ướt át của mấy con chó.

Flamel đang đứng trên bậc thềm cuối cùng của căn nhà chòi. Thậm chí có chiều cao vượt hơn mức bình thường, nhưng ông vẫn phải ngước lên mới nhìn vào mặt chàng hiệp sĩ được. Người đàn ông mà Nhà Giả kim giới thiệu là William Shakespeare đã đi vào bên trong và đóng sập cánh cửa bằng một lực đủ mạnh để làm rung rinh cả căn chòi. Ít phút sau khói đen bắt đầu bay lọt ra khỏi ống khói. “Ông ấy thường nấu ăn mỗi khi có chuyện bối rối,” Palamedes giải thích.

Josh nuốt nước bọt một cách khó khăn, rồi bịt kín lỗ mũi lại, ép mình phải thở bằng miệng khi làn khói từ trong căn nhà cuốn giạt ra lảng vảng vây quanh chỗ hai đứa. Đã thấy trong người khó chịu rồi bởi các giác quan đã được Đánh thức, cậu biết mình phải chạy thoát khỏi các mùi khói và dầu mỡ này nếu không thì chắc đến phát ói ra mất. Trông thấy cô chị đang nhìn mình với đôi mắt mở lớn đầy vẻ quan tâm, cậu liền hét mạnh đầu về một phía. Cô bé gật đầu, rồi ho lên, nước mắt ràn rụa khi làn khói ngày càng dày xoáy tít như cơn lốc vòng quanh chúng. Bước cẩn thận, tránh những ổ gà nằm đánh bẫy những kẻ vụng về trên khoảng đất đầy bùn, hai đứa nhỏ sinh đôi nhanh chóng rời khỏi căn nhà đổ nát bằng kim loại. Josh lấy cùi tay chùi mạnh lên môi. Cậu thực sự có thể ném được vị dầu mỡ nấu ăn trên đầu lưỡi mình. “Bất kể nó là cái thứ gì,” cậu lầu bàu, “em cũng không ăn đâu.” Cậu liếc qua cô chị gái đi bên cạnh. “Em thấy có đôi chút bất tiện khi các giác quan bị Đánh thức.”

“Chỉ đôi chút thôi.” Cô bé mỉm cười. “Chị nghĩ chị đang dần quen với việc đó,” cô bé nói thêm.

“Hừm, em chẳng thấy vậy,” Josh thờ dãi. “Dù sao đi nữa, chắc là chưa,” Elder Mars chỉ mới Đánh thức cậu ấy ngày hôm trước – và mà cậu cảm thấy như thể đã kéo dài cả đời – và cậu vẫn còn hoàn toàn bị áp đảo bởi các giác quan của mình bị công kích gay gắt quá. Mọi thứ đều chói chang hơn, lớn tiếng hơn và nặng mùi hơn rất nhiều so với trước đây. Cậu có cảm giác như áo quần thô ráp xù

xì và nặng nề đè lên da cậu, ngay cả không khí cũng để lại vị đắng đắng trên môi cậu.

“Joan bảo chị là sau một lúc, chúng ta sẽ có thể xóa đi hầu hết cảm giác và chỉ tập trung vào những gì chúng ta cần biết thôi,” Sophie nói. “Có nhớ chị đã phát bệnh đến thế nào khi lần đầu tiên bà Hekate Đánh thức chị không?”

Cậu gật đầu. Sophie rất yếu đến nỗi hồi đó cậu đã phải ẵm cô chị mình.

“Có vẻ như em không bị quật mạnh đến thế,” cô bé nói. “Dù vậy, trong em vẫn xanh xao lắm.”

“Em thấy buồn nôn,” Josh nói. Cậu hất đầu về phía căn chòi, ở đó có một chum khói đen ngả màu xanh xám đang uốn éo thoát ra khỏi luồng ống khói quanh co, rỉ vào không khí cái mùi khó chịu của dầu ăn bị ôi và mỡ sôi khé cổ. “Vậy chuyện này đâu có giúp ích gì đâu. Em tự hỏi không biết mùi nghe có tệ đến mức này không nếu giác quan của em chưa được Đánh thức?”

“Có lẽ là không.” Cô bé rang nói đùa. “Có thể đây là lý do tại sao các giác quan của con người ta luôn cứ cùn nhụt qua mọi thời. Tất cả chỉ vì quá nhiều thứ phải xử lý.”

Flamel bất chợt nhìn qua hai đứa nhỏ sinh đôi và giơ cao cánh tay. “Loanh quanh gần đây thôi; đừng lang thang xa quá như vậy,” ông gọi. Rồi, có Palamedes theo sau, ông leo thêm mấy bậc còn lại và giật mở tung cánh cửa. Hai người bất tử biến mất vào vùng tối tăm bên trong và đóng sập cánh cửa sau lưng họ.

Sophie liếc sang cậu em trai. “Trông có vẻ như tụi mình không được mời.” Dù cô bé cẩn thận giữ cho giọng mình trung dung, nhưng Josh có thể khẳng định rằng cô bé đang giận; cô luôn cắn vào môi dưới khi cáu tiết hay bực bội.

“Chắc là không rồi.” Josh kéo cổ áo thun lên che mũi và miệng. “Chị nghĩ cái gì diễn ra trong đó? Chị có nghĩ là nếu lại gần hơn thì tụi mình có thể nghe được họ đang nói gì không?”

Sophie nhìn cậu thật nhanh. “Chị chắc chắn là mình nghe được, nhưng bộ em thật sự muốn tới gần cái mùi thấy ghê đó hả?”

Đôi mắt Josh nheo lại khi một ý tưởng chợt đến với cậu. “Em tự hỏi...”

“Cái gì?”

“Có thể đó là lý do tại sao cái mùi ấy ghê như vậy,” cậu nói chậm rãi. “Chắc họ biết tụi mình sẽ không chịu nổi và cái mùi đó sẽ ngăn không cho tụi mình đến gần.”

“Em thật sự nghĩ rằng họ cố tình gây ra thứ phiền phức này sao? Cái gì – như vậy có thể là họ đang nói về tội mình đó phải không ta?” Sophie lại nhìn cậu em mình lần nữa và đôi mắt cô bé thoáng lấp lánh ánh bạc. “Đó không phải là suy nghĩ của em, Josh.”

“Chị có ý gì khi bảo đó không phải là suy nghĩ của em?” cậu hỏi gặng. “Em tự nghĩ ra đó chứ.” Cậu ngưng một chút rồi nói thêm, “Không phải vậy sao?”

“Đối với một người, phải nhanh trí mưu mẹo lắm mới nghĩ ra được như vậy,” Sophie cãi lại. “Và nghe có vẻ như đó là một ý tưởng đến từ Mars. Từ những điều chị có thể khẳng định do ký ức của chị - hay đúng ra là của Bà Phù thủy – đã có lần ông ta nghĩ rằng mọi người bám theo ông ta.”

“Mà họ có bám theo thật không?” Josh hỏi. Mặc dù ông Elder ấy rất khủng khiếp, nhưng cậu không thể nguôi đi cảm giác tiếc xót lạ thường cho ông ta. Khi Mars Ultor chạm vào cậu, Josh đã cảm thấy lằng đặng một chút nỗi đau không dứt của người chiến binh ấy. Thật là không thể chịu đựng nổi.

“Có,” Sophie nói, đôi mắt lung linh ánh bạc, giọng cô bé bây giờ chỉ nhỉnh hơn lời thầm thì một chút. “Đúng là họ làm chuyện đó. Vào hồi ông ta trở thành Mars Ultor – Kẻ Báo thù – ông ta là một trong những người bị căm ghét nhất và khiến người ta kinh sợ nhất hành tinh này.”

“Đó là những ký ức của Bà Phù thủy,” Josh nói. “Cố gắng đừng nghĩ đến mấy thứ đó nữa mà.”

“Chị biết.” Cô bé lắc đầu. “ Nhưng chị không thể nào ngăn nổi. Tất cả sao cứ bò loanh quanh nơi bờ rìa tâm thức chị.” Cô bé rung mình và quấn hai cánh tay ô quanh thân mình. “Điều đó làm chị sợ lắm. Chuyện gì xảy ra... chuyện gì xảy ra nếu các ý tưởng của bà ta lẫn lộn ý tưởng của chị chứ? Chuyện gì xảy ra với chị bây giờ?”

Josh lắc đầu. Cậu không biết. Chỉ mới nghĩ đến việc mất người chị song sinh của mình thôi, cậu đã thấy khiếp sợ. “Nghĩ tới cái gì khác đi,” Josh van vỉ. “Cái gì mà Bà Phù thủy không thể biết được ấy.”

“Chị đang cố đây, nhưng bà ta biết quá nhiều,” Sophie nói với vẻ khốn khổ. Cô bé xoay quanh, cố tập trung vào mọi thứ chung quanh hai đứa và phớt lờ những ý tưởng kỳ dị và xa lạ đang ở đằng sau vùng tâm thức của cô bé. Cô biết cô nên mạnh mẽ, cô cần phải mạnh mẽ vì cậu em trai mình, nhưng cô không thể vượt qua ký ức của Bà Phù thủy. “Mọi người chị nhìn đến, mọi thứ chị trông thấy, đều gợi nhắc cho chị rằng mọi chuyện đã thay đổi thế nào. Làm sao chị có

thể nghĩ đến những điều thường ngày được khi tất cả chuyện này cứ diễn ra? Thử nhìn tụi mình xem, Josh: nhìn nơi tụi mình đang ở, nhìn những gì đã xảy đến cho tụi mình. Mọi thứ đã thay đổi hết rồi... thay đổi hoàn toàn.”

Josh gật đầu. Cậu chuyển cái ông đựng bản đồ lên vai, thanh kiếm nặng nặng kêu lách kích bên trong. Chính từ giây phút đầu tiên quay lại tiệm sách khi cậu thò đầu lên khỏi mép căn hầm và trông thấy Famel và Dee đánh nhau bằng những ngọn giáo năng lượng màu xanh lá và vàng khè, cậu đã biết thế giới này sẽ không bao giờ còn có thể giống như trước được nữa. Mà chỉ mới – cái gì ta? – mới bốn ngày nay thôi chứ mấy, nhưng trong bốn ngày đó, thế giới đã hoàn toàn đảo lộn. Mọi thứ mà cậu từng nghĩ là mình biết, thì nay hết thảy đều là dối trá. Hai đứa đã gặp những nhân vật hoang đường, đã đánh nhau với những nhân vật thần thoại; hai đứa đã đi hết nửa vòng trái đất chỉ trong chớp mắt để chiến đấu với một con quái thú thời nguyên sơ và nhìn thấy những vật chạm khắc bằng đá rùng rùng sống dậy.

“Em biết không,” đột nhiên Sophie cất tiếng, “lẽ ra hôm thứ Năm tuần trước là ngày nghỉ của tụi mình.”

Josh không thể nhịn cười. “Ừ, lẽ ra là vậy.” Cậu đã mất cả tuần cố thuyết phục Sophie lấy một ngày nghỉ để hai đứa có thể tham quan Exploratorium, viện bảo tàng khoa học gần Cầu Golden Gate. Từ khi nghe nói về viện bảo tàng này, cậu đã cực kỳ muốn xem tác phẩm nổi tiếng Sun Painting của Bob Miller, một tác phẩm kết hợp giữa ánh sáng mặt trời, gương soi, và lăng kính. Rồi nụ cười của cậu nhạt đi. “Nếu mình nghỉ, thì không xảy ra chút gì liên quan đến chuyện này cả.”

“Chính xác,” Sophie nói. Cô bé nhìn mấy bức tường như ngọn tháp bằng kim loại kết từ những chiếc xe hơi gỉ sét, nhìn cảnh quang lấm lem bùn đất và những con chó mắt đỏ quạch. “Josh, chị muốn mọi thứ trở về đúng với bản chất của chúng. Bình thường thôi.” Cô bé quay người trở lại với cậu em trai, ánh mắt cô bắt gặp ánh mắt nó và giữ lại một chút. “Nhưng em lại không muốn vậy,” cô bé nói thẳng thừng.

Thậm chí Josh còn không bận tâm tìm cách phủ nhận lời khẳng định ấy. Cô chị gái của cậu sẽ biết là cậu nói dối ngay; cô bé lúc nào cũng vậy. Và cô bé nói đúng, mặc dù cậu kiệt sức và chỉ mới có thể đương đầu với các giác quan bị Đánh thức của mình, nhưng cậu không muốn trở về lại với đời thường. Cậu đã sống những ngày bình thường cả đời rồi – và khi đúng là người ta lưu ý đến cậu, thì

ngay lúc ấy họ chỉ thấy cậu là phân nửa của một cặp song sinh. Lúc nào cũng là Josh và Sophie. Hai đứa cùng nhau đi trại hè, cùng nhau đi nghe hòa nhạc và xem phim, và không bao giờ có những kỷ niệm riêng rẽ cả. Thiệp sinh nhật luôn đề địa chỉ người gửi cho cả hai đứa; thiệp mời đi dự tiệc được gửi đến với tên cả hai đứa ghi trên đó. Thường thường, chuyện này thật tình không gây phiền hà gì cho cậu, nhưng hơn mấy tháng qua, cậu bắt đầu phát điên lên vì nó. Sẽ ra sao nếu mình được xem là một cá nhân riêng lẻ? Sẽ như thế nào nếu không có Sophie? Sẽ như thế nào nếu cậu chỉ là Josh Newman thôi, hoàn toàn không phải là phân nửa của một cặp song sinh nhà Newman?

Cậu yêu mến cô chị gái của cậu, nhưng đây là cơ hội để cậu được khác đi, được là một cá thể.

Cậu từng ghen tị với Sophie khi giác quan của cô bé đã được Đánh thức rồi, còn cậu thì không. Cậu từng sợ hãi chính chị gái mình khi nhìn thấy cô bé chiến đấu, điều khiến những nguồn năng lượng không thể tin được. Cậu từng phải khiếp sợ cho cô bé khi nhìn thấy nỗi đau đớn và cơn bắn loạn do việc Đánh thức gây ra. Nhưng bây giờ các giác quan của riêng cậu đã được Đánh thức và thế giới này đã trở nên sắc sảo hơn và chói lóa hơn, thì trong thoáng chốc nào đó cậu đã biết được khả năng tiềm ẩn của mình và cậu bắt đầu hiểu cậu có thể trở thành người thế nào. Cậu đã trải nghiệm qua những ý tưởng của Nidhogg và những ẩn tượng của thanh Clarent, cậu đã bắt chộp được những thoáng rất nhanh của các thế giới vượt xa hơn trí tưởng tượng của cậu. Cậu biết – không chút bóng tối nghi ngờ – rằng cậu muốn vươn tới giai đoạn kế tiếp và được huấn luyện về những pháp thuật cơ bản. Cậu chỉ không chắc là cậu có muốn thực hiện việc đó với Nhà Giả kim hay không thôi. Có cái gì đó không ổn với Nicholas Flamel. Khám phá ra rằng đã từng có nhiều cặp song sinh khác xuất hiện trước hai đứa đã làm cậu rất sốc và lòng dạ rối bời, đồng thời Josh đã đặt ra những câu hỏi – hàng trăm câu hỏi – nhưng cậu biết sẽ không có được câu trả lời thẳng thắn từ Nhà Giả kim đâu. Ngay lúc này cậu không biết ai là người nói thật – ngoại trừ Sophie – và việc nhận thức rõ rằng cô bé đang muốn chẳng thà mình đừng có năng lượng còn hơn lại trở nên là một nỗi sợ hãi nho nhỏ của cậu. Mặc dù những giác quan được Đánh thức đã gây cho cậu từng cơn nhức đầu bưng bưng và dạ dày chua lét cứ xôn xao cồn cào buồn nôn, đã khiến cổ họng cậu thô ráp và mắt cậu như có sạn, nhưng cậu sẽ không từ bỏ chúng. Không giống cô chị sinh đôi, cậu nhận ra rằng, cậu rất vui vì cậu đã không nghỉ làm vào hôm thứ Năm ấy.

Josh ấn bàn tay vào ngực mình. Tiếng giấy sột soạt bên dưới lớp áo thun, ở đó cậu vẫn để hai trang sách cậu đã giật xé khỏi cuốn Codex. Một ý tưởng chợt đến với cậu. “Chị biết không,” cậu nói dịu dàng, “nếu tụi mình đi Exploratorium, thì Dee đã bắt cóc Nicholas với Perenelle và đã lấy được trọn cuốn Codex mất rồi. Có thể hẳn đã mang các Elder Đen tối trở lại từ các Vương quốc Bóng tối của họ. Thế giới hẳn đã chấm dứt rồi. Không trở lại bình thường được đâu, Soph,” cậu kết thúc bằng một lời thì thầm đầy sợ hãi.

Cặp song sinh đứng yên lặng, cố hiểu ra tất cả mọi thứ. Chính ý tưởng này mới thật kinh khiếp: hầu như không thể hiểu được rằng thế giới mà hai đứa đã biết từ hồi nào tới giờ lại có thể chấm dứt. Nếu có cách gì cho thời gian quay trở lại vào hôm thứ Tư, chắc hẳn chúng sẽ cười nhạo vào ý nghĩ này ngay. Nhưng bây giờ thì sao? Bây giờ cả hai đều biết rằng lẽ ra chuyện đó đã xảy đến. Và còn tệ hại hơn – chúng biết điều đó vẫn còn có thể xảy ra.

“Hoặc chí ít thì đó cũng là những gì Flamel nói,” Josh nói thêm, không thể đẩy được nỗi cay đắng ra khỏi giọng nói của cậu.

“Vậy em có tin chú ấy không?” Sophie hỏi, hơi tò mò. “Chị tưởng em không tin chú ấy chứ?”

“Em không tin,” Josh nói dứt khoát. “Chị đã nghe những gì Palamedes nói về chú ấy rồi đó. Bởi vì Flamel, bởi vì những gì chú ấy đã làm và đã không làm, mà hàng trăm ngàn người phải chết.”

“Nicholas đâu có giết chết họ,” Sophie nhắc nhở cậu. “Ông bạn của em,” cô bé nói với vẻ mỉa mai, “chính John Dee, mới là người đã làm chuyện đó mà.”

Josh quay người đi chỗ khác và nhìn vào căn nhà chòi bằng kim loại. Cậu không có câu trả lời cho vấn đề này bởi vì đó là sự thật. Bản thân Dee từng thú nhận chính mình đã nổi lửa và gieo dịch bệnh trên thế giới khi cố công ngăn chặn nhà Flamel. “Tất cả những gì em biết là Flamel đã nói dối tụi mình ngay từ giây phút đầu tiên hết thảy. Thế chuyện gì xảy đến cho các cặp song sinh kia?” cậu hỏi. “Palamedes nói Flamel và Perenelle đã sưu tầm các cặp sinh đôi hàng mấy thế kỷ nay.” Thậm chí chỉ mới nhắc đến từ sưu tầm thôi đã khiến cậu buồn nôn và khó chịu. “Có thể xảy ra chuyện gì cho bọn họ mới được chứ?”

Một luồng gió lạnh như nước đá quất ngang qua bãi phế liệu, và Sophie rùng mình, nhưng không phải vì không khí lạnh. Nhìn chăm chăm vào căn nhà chòi kim loại, không nhìn đến cậu em trai mình, cô bé nói rất chậm rãi, lựa chọn từng từ một rất cẩn thận. “Vì Flamel vẫn còn đang lùng kiếm những cặp sinh đôi, điều

đó có nghĩa là tất cả những người khác... làm sao?” Cô bé xoay người nhìn cậu em trai và thấy là cậu đã gật đầu đồng ý rồi.

“Tụi mình cần phải biết chuyện gì đã xảy ra cho các cặp song sinh kia,” cậu nói kiên quyết, giọng cậu biểu lộ chính xác những gì cậu đang suy nghĩ. “Em ghét phải hỏi, nhưng liệu Bà Phù thủy có biết không vậy?” cậu thận trọng hỏi. “Ý em là, chị có biết là Bà Phù thủy có biết hay không thôi?” Cậu vẫn thấy rất khó để hiểu được rằng Bà Phù thủy Endor bằng cách này cách khác đã chuyển hết thấy kiến thức của bà vào người của chị gái cậu.

Sophie ngưng một chút, rồi lắc đầu lần nữa. “Bà Phù thủy có vẻ như không biết nhiều về thế giới hiện đại. Bà ta biết về các Elder, Thế hệ Kế tiếp và một số người bất tử già nhất. Chẳng hạn như bà ta đã từng nghe nói đến Flamel, nhưng chưa bao giờ gặp chú ấy cho tới khi Scatty mang chú đến đó cùng với tụi mình. Tất cả những gì chị biết là bà ta đang sống tại Ojai và loanh quanh đâu gần đó trong nhiều năm, không có điện thoại, không có ti-vi hoặc radio gì hết ráo.”

“OK, vậy thì quên chuyện này đi, thậm chí đừng nghĩ đến bà ta nữa.” Josh nhặt một viên đá cuội lên và ném nó vào bức tường làm bằng những chiếc xe hơi bị nghiền nát. Viên đá kêu một tiếng cạch vang và bật nảy lên rồi một hình thù thấp thoáng lộ ra đằng sau tấm kim loại. Mấy con chó mắt đỏ ngẩng đầu nhìn cậu chăm chú với vẻ thận trọng. “Chị biết không, em chỉ có một ý nghĩ...” cậu nói chậm chậm.

Sophie chăm chú nhìn cậu, yên lặng.

“Làm thế nào cuối cùng em lại làm việc cho nhà Flamel, một cặp vợ chồng đang sưu tầm các cặp song sinh, và rồi cuộc chị lại làm trong quán cà-phê bên kia đường? Đó chắc không thể là sự trùng hợp đâu, phải vậy không nào?”

“Chị cho là không đâu.” Sophie gật đầu, một chuyển động nhỏ nhất thoáng qua trong đầu cô. Cô chợt nghĩ đến một cảm giác y như vậy đúng vào lúc Palamedes đề cập đến các cặp song sinh khác. Không thể là sự trùng hợp được. Bà Phù thủy không tin vào sự trùng hợp, mà cũng không tin vào Flamel, và thậm chí Scatty nói rằng bà ta tin vào số phận. Và rồi tất nhiên là có lời tiên tri nữa... “Em có nghĩ là em kiếm được việc làm là bởi vì ông ấy đã biết em có một người cùng sinh đôi không?” cô bé hỏi.

“Sau trận chiến trong Vương quốc Bóng tối của Hekate, Flamel đã nói với em rằng chú ấy chỉ mới bắt đầu nghi ngờ rằng tụi mình là cặp song sinh được nhắc đến trong lời tiên tri vào ngày hôm trước đó thôi.”

Sophie lắc đầu. “Chị khó mà nhớ nổi mọi thứ diễn ra trong ngày hôm đó.”

“Chị buồn ngủ mà,” Josh nói nhanh, “hoàn toàn kiệt sức sau trận chiến đấu.” Ký ức về trận đánh ấy làm cậu ớn lạnh; đó là lần đầu tiên cậu trông thấy người chị song sinh của mình trở nên xa lạ như thế nào. “Scatty đã nói rằng Flamel là một người biết giữ lời và bảo em nên tin vào chú ấy.”

“Chị không nghĩ Scatty sẽ nói dối tụi mình đâu,” Sophie nói nhưng thậm chí khi đang nói, cô bé vẫn băn khoăn tự hỏi không biết đây có phải là những ý nghĩ của Bà Phù thủy hay không nữa.

“Có thể chị ấy không nói dối.” Ấn cả hai bàn tay lên mặt mình, Josh lấy mấy ngón tay chà xát vào trán, hất ra sau mái tóc vàng hoe nay đã quá dài rồi. Cậu đang cố nhớ chính xác những gì đã diễn ra vào hôm thứ Năm tuần trước. “Chị ấy đã không đồng ý với chú ấy khi chú ấy nói không biết tụi mình là ai. Chú ấy đã nói rằng mọi chuyện ông làm là để bảo vệ tụi mình: em nghĩ là chị ấy đồng ý với việc đó,” cậu dứt lời: “Và điều cuối cùng Hekate nói với em trước khi Cây Thế giới bị thiêu rụi là ‘Nicholas Flamel không bao giờ nói với bất cứ người nào về mọi chuyện.’”

Sophie nhắm mắt, cố xóa đi quang cảnh và âm thanh của bãi phế liệu, bây giờ tập trung thật khó, nghĩ ngược lại hồi đầu tháng Tư, khi cả hai mới bắt đầu làm những công việc bán thời gian. “Tại sao em lại đi làm công việc đặc biệt đó?” cô bé hỏi.

Josh chớp mắt ngạc nhiên, rồi cau mày, nhớ lại. “Ừ, ba xem thấy một quảng cáo trong tờ báo của trường đại học. Tiệm Sách Cần Người Phụ. Chúng tôi không muốn tìm người đọc sách, chúng tôi muốn tìm người đến làm việc. Em đã không muốn làm việc đó, nhưng ba bảo ba đã từng làm việc trong một tiệm sách khi ở tuổi tụi mình và điều đó làm em thấy thích. Em đã gửi một bản lý lịch trích ngang và hai ngày sau được gọi đến phỏng vấn.”

Sophie gật đầu nhớ lại. Trong khi Josh đang ở trong tiệm sách, cô đi qua bên kia đường để chờ cậu trong một tiệm cà-phê. Bernice, chủ tiệm Tách Cà-phê, lúc ấy đang ở đó nói chuyện với một người phụ nữ trông rất ấn tượng mà bây giờ Sophie mới biết đó là Perenelle Flamel. “Perenelle,” Sophie bất chợt thốt lên đến nỗi Josh phải đưa mắt nhìn khắp chung quanh, tưởng như nếu có trông thấy được người phụ nữ đang đứng sau lưng cậu, chắc hẳn cậu cũng sẽ không ngạc nhiên.

“Cô ấy thế nào?”

“Vào ngày tụi mình có được việc làm. Em đang được phỏng vấn trong tiệm sách còn chị đang uống nước. Lúc ấy Bernice đang nói chuyện với Perenelle Flamel. Trong khi Bernice đang làm món chailatte cho chị, thì Perenelle chợt đến bắt chuyện với chị. Chị nhớ cô ấy nói trước kia đã từng trông thấy chị quanh quần đầu gần đó, và chị nói với cô ấy là chị đến đây vì em được gọi phỏng vấn trong tiệm sách.” Sophie nhắm mắt, nghĩ lại. “Cô ấy không hề nói mình cũng là chủ tiệm sách, nhưng chị nhớ cô ấy hỏi chị cái gì đó đại loại như, ‘Ồ, cô đã nhìn thấy cháu đi cùng với cậu trai trẻ ở ngoài kia. Đó là bạn trai của cháu à?’ Chị bảo rằng không phải, đó là em trai cháu. Rồi cô ấy nói, ‘Trông các cháu rất giống nhau.’ Khi chị nói tụi mình là chị em song sinh, cô ấy mỉm cười, rồi nhanh chóng uống xong phần nước của cô ấy và bỏ đi. Cô ấy băng qua đường và đi vào tiệm sách.”

“Em nhớ khi cô ấy bước vào,” Josh nhất trí. “Em có cảm tưởng buổi phỏng vấn đang diễn ra theo chiều hướng không mấy sang sủa. Cảm giác như Nicholas – đang kiếm một người lớn tuổi hơn cho công việc này. Rồi Perenelle bước vào, mỉm cười với em, rồi gọi ông ra phía sau cửa tiệm. Em thấy hai người đó nhìn em. Sau đó cô ấy rời cửa tiệm nhanh như lúc cô ấy bước vào vậy.”

“Cô ấy quay trở lại tiệm Tách Cà-phê,” Sophie lẩm bẩm. Rồi nín bặt khi ký ức và các sự kiện tra khớp vào đúng chỗ. Khi nói trở lại, giọng cô bé chỉ vừa vắn hơn lời thì thầm một chút. “Josh, chị vừa nhớ lại một chuyện. Cô ấy hỏi Bernice xem bà có còn muốn tìm nhân viên phụ việc không. Cô ấy gợi ý rằng nếu em trai chị làm việc bên kia đường, sẽ rất hoàn hảo nếu chị làm việc ở tiệm Tách Cà-phê. Bernice đồng ý và nhận chị vào làm ngay tức thì. Nhưng em biết chuyện gì xảy ra không, khi chị trở lại làm việc vào ngày hôm sau, có một chuyện rất kỳ lạ. Chị có thể thề rằng Bernice trông có vẻ hơi ngạc nhiên khi thấy chị ở đó. Thậm chí chị còn phải nhắc cho bà nhớ rằng ngày hôm trước bà đã nhận chị vào làm việc nữa kia.”

Josh gật đầu. Cậu nhớ cô chị gái đã kể cho cậu nghe chuyện này. “Chị có nghĩ bằng cách nào đó Perenelle đã khiến bà ấy phải nhận chị vào làm không? Cô ấy có thể làm chuyện đó không?”

“Ồ, có chứ.” Đôi mắt Sophie lấp lánh ánh bạc. Thậm chí Bà Phù thủy Endor còn phải công nhận Perenelle là một Nữ Phù thủy quyền lực phi thường nữa kia mà. “Vậy em có nghĩ tụi mình kiếm được việc làm bởi tụi mình là cặp song sinh không?” cô bé lại hỏi.

“Em chắc chắn là vậy rồi,” Josh nói một cách giần dữ. “Tụi mình chỉ là một cặp song sinh khác được thêm vào trong bộ sưu tập của nhà Flamel mà thôi. Tụi mình đã bị chơi khăm một vố.”

“Mình sẽ làm gì, Josh?” Sophie hỏi, giọng cô bé đánh lại y như giọng của cậu em trai. Ý tưởng cho rằng cách nào đó Flamel đã lợi dụng hai đứa khiến cô bé cảm thấy xốn xang trong dạ dày đến phát buồn nôn. Nếu Dee không xuất hiện trong tiệm sách, thì chuyện gì sẽ xảy đến cho hai đứa đây? Nhà Flamel sẽ làm gì hai đứa nhỉ?

Nắm lấy bàn tay Sophie, Josh lôi cô chị gái theo sau cậu đi về phía căn nhà chòi kim loại có mùi hôi khó chịu, cẩn thận bước né tránh những vũng ố gà. Mấy con chó ngồi dựng lên, đầy xoay xoay dõi theo hai đứa, những con mắt đỏ quạch sáng rực. “Không cách gì quay trở lại được. Tụi mình không có chọn lựa, Soph: tụi mình phải nhìn thấy chuyện này kết thúc ra sao.”

“Nhưng kết cục là gì, Josh? Kết thúc ở đâu... kết thúc như thế nào?”

“Em không biết,” cậu nói. Cậu ngừng lại và quay người nhìn thẳng vào đôi mắt màu xanh lơ của cô chị mình. Cậu hít thở thật sâu, nuốt giận. “Nhưng chị có biết em biết gì không? Tất cả chuyện này đều nói về tụi mình.”

Sophie gật đầu. “Em nói đúng. Lời tiên tri nói về tụi mình, chúng ta là vàng và bạc, chúng ta thật đặc biệt.”

“Flamel muốn có tụi mình,” Josh tiếp lời, “Dee muốn có tụi mình. Đã đến lúc phải moi ra cho được vài câu trả lời.”

“Tấn công,” Sophie vừa nói, vừa nhảy qua một vũng bùn. “Khi chị biết Mars – ý chị là khi Bà Phù thủy biết – ông ấy luôn nói rằng tấn công là hình thức tốt nhất của phòng thủ.”

“Huấn luyện viên bóng đá của em cũng nói y như vậy.”

“Và đội em đã không thắng được một trận nào vào mùa trước,” Sophie nhắc nhở cậu.

Hai đứa gần như tiến sát đến căn nhà chòi thì William Shakespeare với đôi mắt dữ dội xuất hiện, hai tay nắm chặt chiếc chảo chiên đang nóng rực.

Không một giây suy nghĩ, Josh nâng ống dung để đựng bản đồ ra khỏi vai mình và xóc thanh kiếm ra. Thanh kiếm ổn định dễ dàng trong bàn tay, các ngón tay cậu khép vòng quanh chuôi kiếm bọc da đã vấy bẩn, đổi màu. Cậu tiến tới trước một bước, chen mình vào giữa Shakespeare với cô chị gái.

Thậm chí người bất tử còn không hề nhìn hai đứa. Ông ta lật ngược cái chảo nóng rực xuống và lắc đổ hết những thứ bên trong ra. Có thứ gì trông gần giống như nước sốt cháy đen rơi xuống trên nền đất đầy bùn. Chúng sùi lên và kêu xèo xèo nhưng vẫn cháy tiếp, tàn lửa cuộn thành hình tròn ốc bay vào không trung. Một trong số mấy con chó mắt đỏ quạch từ bên dưới căn nhà chòi tiến ra, và một cái lưỡi thè ra dài nhằng vồ lấy miếng thịt vẫn còn đang cháy và nướng. Ngọn lửa làm mắt nó đỏ rực như những viên hồng ngọc, và khi nó liếm môi, những cuộn khói rỉ ra nơi khoe miệng nó.

Shakespeare cúi xuống và vỗ mạnh vào đầu con chó. Ông ta định quay người trèo lên bậc thềm thì chợt trông thấy cặp song sinh. Ánh sáng chiều mờ đục phản chiếu nơi cặp kính to quá khổ của ông ta, biến chúng thành hai miếng gương soi màu bạc. “Có một chút rủi ro với bữa ăn chiều của chúng ta,” ông ta nói, nụ cười lóe lên để lộ hàm răng thật tẻ của ông.

“Không sao ạ. Chúng tôi không muốn ăn món ấy,” Sophie nói nhanh. “Tôi đang cố bỏ không ăn thịt.”

“Ăn chay à?” Shakespeare hỏi.

“Phần nào thôi,” Sophie nói, và Josh gật đầu tán thành.

“Có lẽ có ít rau trong đây,” người bất tử nói áng chừng. “Cả tôi và Palamedes đều không phải là người ăn chay. Có trái cây nữa đó,” ông ta nói thêm. “Nhiều trái cây lắm.”

Josh gật đầu. “Trái cây là tuyệt rồi.” Thậm chí chỉ mới nghĩ đến thịt, dạ dày cậu đã cảm thấy không yên.

Dường như lần đầu tiên Shakespeare để ý thấy thanh kiếm trong tay Josh. “Phải giữ kiếm cho sáng loáng lên chứ,” ông ta lầu bàu. Bước tới, ông rút ra một chiếc khăn tay màu trắng sạch tinh thật đáng ngạc nhiên, rồi cởi cặp mắt kính ra và bắt đầu lau sạch bóng. Sophie để ý thấy, không có cặp kính dày, trông ông ta

giống với tấm hình của nhà soạn kịch cô bé nhìn thấy trong sách giáo khoa của mình hơn. Ông đeo kính vào lại và nhìn Josh. “Thanh Clarent hả?”

Josh gật đầu. Cậu có thể cảm thấy nó rung nhè nhẹ trong tay cậu và cảm nhận một luồng hơi ấm chậm chậm ngấm vào da thịt mình.

Shakespeare chồm người tới, chiếc mũi dài của ông ta dịch lần lần xa khỏi đầu mũi kiếm, nhưng ông ta không định chạm vào nó. “Tôi đã thấy thanh kiếm sinh đôi với nó nhiều lần,” ông lơ đãng nói. “Lưỡi kiếm thì y hệt nhau, nhưng chuôi kiếm hơi khác một chút.”

“Ấy là khi ông ở bên Dee phải không?” Sophie hỏi nghe nhức nhối.

Shakespeare gật đầu. “Khi tôi ở bên tay tiến sĩ ấy,” ông đồng ý. Ông giơ tay ra và ngập ngừng lấy ngón trỏ chạm vào đầu mũi kiếm. Thân đá màu tối sẫm bóng lánh và gợn song một họa tiết hình mảng màu vàng nhạt, như có thể một thứ chất lỏng nào đó đã đổ tràn xuống lưỡi kiếm, và nghe có mùi chanh thoảng trong không khí. “Dee thừa hưởng thanh Excalibur từ người tiền nhiệm, Roger Bacon, nhưng đây mới thật sự là thứ vũ khí hãn muộn tìm. Hai thanh kiếm song sinh này còn già hơn các Elder và đã rất xa xưa lâu lắc từ trước cả khi Danu Talis trôi lên từ biển khơi lặn kìa. Đứng riêng lẻ, hai thanh kiếm đã rất mạnh mẽ rồi, nhưng huyền thoại kể rằng nếu cùng hợp vào với nhau thì sức mạnh của chúng có thể phá hủy chính kết cấu bản thân trái đất.”

“Tôi ngạc nhiên không hiểu sao Dee không đi tìm nó,” Josh nói không kịp thở chút nào. Cậu có thể cảm thấy thanh kiếm kêu o o trong tay mình, và những hình ảnh kỳ lạ nổi lên trên bờ rìa ý thức cậu. Bằng cách nào đó cậu biết rằng đây là những ký ức của Shakespeare.

Một tòa nhà hình tròn đang rục rữa...

Một phần một nhỏ bé đến đáng thương, và một cô gái trẻ đang đứng trên lỗ trống, ném vào đó một vốc tay đầy đất...

Và Dee. Hơi trẻ hơn so với hình ảnh Josh nhớ được về hắn; khuôn mặt không nếp nhăn, tóc sẫm và dày, chòm râu dê không pha chút màu xám xám nào.

“Tay pháp sư luôn tin rằng thanh kiếm đã bị mất dưới đáy hồ sâu trong vùng núi Welsh,” Shakespeare nói tiếp. “Hắn mất cả mấy thập kỷ lùng sục thanh kiếm ở đó.”

“Flamel đã tìm thấy nó trong một hang động ở Andorra,” Sophie nói. “Chú ấy tin rằng Charlemagne đã giấu nó ở đó hồi thế kỷ mười chín.”

Shakespeare mỉm cười. “Và pháp sư nhầm rồi. Thật là phần khởi khi biết rằng tay tiến sĩ này không phải lúc nào cũng đúng.”

Sophie từ phía sau Josh bước ra và đẩy cánh tay cậu xuống. Cơn gió thoảng qua lưỡi kiếm kêu rền rền. “Ông có thật... thật là William Shakespeare không? Đại thi hào ấy?” cô bé hỏi. Mặc dù sau mọi chuyện cô bé đã nhìn thấy và trải nghiệm hơn mấy ngày qua, cô bé vẫn thấy ý tưởng này thật vô cùng đáng kinh ngạc.

Người đàn ông bước lùi lại và trình diễn một kiểu cúi chào chung chung thanh lịch đến ngạc nhiên, chân duỗi ra, đầu cúi xuống gần chạm đến mức ngang thắt lưng. “Tôi tớ của bà, thưa bà chủ của tôi.” Toàn bộ hiệu ứng hơi bị phá hỏng bởi thứ mùi hôi khó chịu của thân hình cũ kỹ quện khỏi người ông ta. “Xin gọi tôi là Will.”

Sophie không biết phải xử sự như thế nào cho đúng. “Trước giờ tôi chưa bao giờ gặp bất cứ người nào nổi tiếng cả...” cô bé chợt nói, và rồi ngừng bật khi nhận ra mình đang nói gì.

Shakespeare thẳng người lên. Josh ho và bước lùi lại, nước mắt ứa ra. “Hai người đã gặp Nicholas và Perenelle Flamel,” Shakespeare nói bằng loại tiếng Anh chính xác của ông, “Tiến sĩ John Dee, Comte de Saint-Germain và, tất nhiên là, cả Niccolo Machiavelli,” ông nói tiếp. “Và chắc chắn các người đã gặp gỡ Jeanne d’Arc duyên dáng.”

“Vâng ạ,” Sophie nói cùng với một nụ cười e lệ, “chúng tôi đã gặp hết thầy họ. Nhưng không ai trong họ nổi tiếng như ông.”

William Shakespeare ngẫm nghĩ một lúc, rồi ông ta gật đầu. “Tôi chắc chắn Machiavelli và nhất định là Dee sẽ không tán thành đâu. Nhưng đúng vậy, tất nhiên là hai bạn nói đúng. Không ai trong số họ có” – ông ngừng một chút – “tiểu sử sơ lược như của tôi. Công việc của tôi phát triển và tiếp tục tồn tại, trong khi công việc của họ không phổ biến lắm.”

“Mà có phải ông phục vụ Dee thật không?” Josh hỏi bất thành linh, nhận ra rằng đây là cơ hội để lấy được vài câu trả lời.

Nụ cười của Shakespeare nhạt hẳn. “Tôi mất hai mươi năm phục vụ Dee.”

“Tại sao ạ?” Josh hỏi.

“Các bạn đã từng gặp hẳn chưa?” Shakespeare đáp.

Josh gật đầu.

“Vậy các bạn sẽ biết rằng Dee là loại kẻ thù nguy hiểm nhất: hắn thật sự tin rằng những gì hắn đang làm luôn đúng.”

“Đó là những gì Palamedes nói,” Josh lẩm bẩm.

“Và đó chính là sự thật. Dee là một tên dối trá, nhưng rồi dần hiểu ra rằng hắn tin vào những lời dối trá của mình. Bởi vì hắn muốn tin, hắn cần phải tin.”

Một cơn mưa nặng hạt bất chợt rơi lộp bộp khắp bãi phế liệu, gõ những âm thanh sắc gọn lên những chiếc xe kim loại bị nghiền bẹp.

“Nhưng ông ta có đúng không?” Josh hỏi liên, đầu cúi xuống khi từng giọt mưa lớn đập vào một bên cửa căn nhà chòi kim loại. Cậu giơ tay chụp lấy cánh tay người đàn ông, và ngay tức khắc luồng điện của cậu sáng lóe lên một màu da cam nhạt lấp lánh, trong khi một luồng điện màu vàng nhạt viền quanh thân mình người đàn ông. Mùi cam và chanh trộn lẫn, và đáng lẽ ra kết quả sẽ rất dễ chịu, thì trái lại, hai mùi hương này bị chua đi và bị hỏng bởi mùi lâu ngày không tắm rửa của Shakespeare.

Dee, trẻ hơn, khuôn mặt không vết nhăn, tóc và râu sậm màu, đang nhìn chăm chăm vào một khối pha lê khổng lồ, William Shakespeare trẻ trung với đôi mắt to đứng bên cạnh hắn.

Những hình ảnh trong khối cầu...

Những cánh đồng xanh mướt căng tròn nhựa sống...

Những vườn cây ăn quả cành nào cũng trĩu nặng những trái...

Biển khơi nổi sóng đầy cá...

“Khoan đã – ông có nghĩ Dee sẽ mang các Elder trở lại thế giới này không?”

William Shakespeare bắt đầu bước lên mấy bậc thềm. “Có chứ,” ông ta nói mà không hề quay lại. “Nghiên cứu riêng của tôi đã dẫn tôi đến niềm tin rằng có thể đó là một quyết định đúng đắn.”

“Tại sao ạ?” cặp sinh đôi cùng hỏi dồn.

Đại Thi hào xoay người lại với hai đứa nhỏ. “Hầu hết các Elder đều đã từ bỏ thế giới này. Thế hệ Kế tiếp đùa nghịch với loài người và sử dụng trái đất vừa là một sân chơi vừa là một chiến trường, nhưng nguy hiểm nhất trong hết thảy lại chính là loài người chúng ta. Chúng ta đang phá hủy thế giới này. Tôi tin rằng chúng ta cần các Elder Đen tối trở lại để họ có thể cứu trái đất khỏi sự phá hoại của chính chúng ta.”

Hoàn toàn sửng sốt, hai đứa nhỏ sinh đôi quay nhìn nhau, bây giờ thật sự thấy bối rối. Josh mở lời trước hết. “Nhưng Nicholas bảo rằng các Elder Đen tối

muốn ăn thịt loài người mà.”

“Một số thôi. Nhưng đâu phải tất cả mọi Elder Đen tối đều ăn thịt; một vài người ăn ký ức và cảm xúc. Dường như đó là một cái giá nho nhỏ phải trả cho một thiên đường không đói kém, không dịch bệnh.”

“Tại sao chúng ta lại cần đến các Elder Đen tối?” Sophie hỏi. “Nhà Giả kim với Dee cùng những người khác giống như họ, chung nhau chắc chắn họ phải sở hữu đủ quyền lực và kiến thức để cứu thế giới này chứ?”

“Tôi không tin như thế.”

“Nhưng Dee rất mạnh...” Josh chột nói.

“Cậu không thể hỏi tôi bất cứ thứ gì về Dee đâu; tôi không có câu trả lời nào cả.”

“Ông đã có đến hai mươi năm sống bên ông ta kia mà, ông phải biết ông ta rõ hơn bất kỳ người nào trên trái đất này chứ,” Sophie cãi lại.

“Không ai thật sự biết Pháp sư cả. Tôi yêu quý ông ta như một người cha, như một người anh lớn. Ông ta là tất cả những gì tôi khâm phục ngưỡng mộ, là tất cả những gì tôi mơ ước được trở thành.” Một giọt nước mắt chột hiện ra dưới cặp kính dày cộp của người bất tử và lăn dài xuống má ông. “Nhưng rồi, ông ta đã phản bội tôi và giết chết đứa con trai thân yêu của tôi.”

Trong khu hầm mộ nằm sâu bên dưới thành phố Paris, Tiến sĩ John Dee kỹ lưỡng phủi bụi khỏi cánh tay áo vét, kéo mạnh cổ tay áo xuống và chỉnh cái cà vạt nơ lại cho thẳng. Hắn bật ngón tay tanh tách và một trái banh lưu huỳnh màu vàng nổ bung ra trước mặt, nhảy nhót ngang đỉnh đầu. Mùi trứng thối rỉ ra, nhưng thứ mùi khó chịu này lại quá quen thuộc đến nỗi Dee thậm chí còn không nhận ra đó là mùi hôi thối nữa. Ánh sáng màu vàng đất lan tỏa sang tít bên kia hai cây cột vòm gồm những bộ xương bóng lờng được định dạng giống như một khung cửa. Phía sau khoảng trống đó là sự tối tăm tuyệt đối.

Dee bước vào gian phòng nằm âm dưới đất, đối diện là một vị thần đã đông cứng.

Trong quãng đời dài đằng đằng của mình, Pháp sư đã trải qua nhiều chuyện đáng kinh ngạc. Hắn đã dần đi đến việc chấp nhận những sự việc khác thường như những điều bình thường, chấp nhận những sự việc kỳ lạ và phi thường như những điều tầm thường. Dee đã từng trông thấy những nhân vật huyền thoại trong truyện Nghìn Lẽ Một Đêm vụt sống dậy, đánh nhau với những con quái thú bước ra từ thần thoại Hy Lạp và Babylone, hắn đã tu hành xuyên qua các vương quốc mà người ta tin đó là những lời nói dối do các nhà du hành Marco Polo và Ibn Battutah bịa đặt ra. Hắn biết rằng những truyện thần thoại của người Celt và La Mã, người xứ Gaul và Mông Cổ, người Ru, người Viking và thậm chí cả người Maya\*, không chỉ đơn thuần là những câu chuyện kể - mà chúng hoàn toàn dựa trên những truyện có thật. Các vị thần linh của Hy Lạp và Ai Cập, những sinh vật siêu tự nhiên của vùng đồng bằng châu Mỹ, những vật tổ to-tem trong rừng già và Myo-o của Nhật Bản đã từng sống thật. Hiện nay những gì người ta con nhớ đến họ chỉ là những mảnh rời rạc của các truyện thần thoại và những trích đoạn ngắn của truyện cổ tích, nhưng John biết rằng họ đã từng đặt những bước chân đi trên thế giới này. Họ là thành phần của một giống loài Elder, người đã thống trị thế giới suốt nhiều thiên niên kỷ.

Một trong những Elder vĩ đại nhất là Mars... và chưa đầy hai mươi bốn giờ trước, Dee đã nhốt ông ta trong một ngôi mộ bằng xương cứng.

Tay Pháp sư bước vào một gian phòng và hắn nhìn quanh, gian phòng hình tròn rộng mênh mông nhưng khoảng trần lại rất thấp, ánh sáng nổi lênh bênh to

phết lên mọi thứ một màu vàng vọt, nhàn nhạt giống như bơ. Dù đã biết nơi ở của ông ta nhiều thập kỷ nay, nhưng trước giờ hắn chưa bao giờ có lý do gì để liều lĩnh xuống đối mặt với Vị thần Ngủ, và hôm qua mọi thứ diễn ra nhanh quá đến nỗi hắn không có cơ hội xem xét ngôi mộ này. Hắn rà rà bàn tay vào một phần của bức tường bên cạnh cửa ra vào, nhà khoa học bên trong con người hắn nhận định được chất liệu: sợi collagen\*\* và calcium phosphate. Những bức tường ở đây đều không làm bằng đá – mà làm bằng xương. Dee chợt nhìn thấy hai vết mẻ trên bức tường ở mút đầu kia. Giữa chúng là hai vết mẻ trũng xuống, và hắn chợt biết rằng hắn đang nhìn thấy cái gì và nhận ran gay là hắn đang ở đâu. Hắn đang nhìn cào một cặp mắt với một cái mũi. Gian phòng không được khoét rỗng từ một mảnh xương duy nhất, như hắn tưởng – vậy là hắn đang ở bên trong một cái đầu lâu khổng lồ. Thật kinh khiếp, cái đầu lâu này trông gần giống như con người. Dee cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc xương cột sống; hắn chưa bao giờ chạm trán với họ, nhưng hắn đã từng nghe kể những câu chuyện về những Vương quốc Bóng tối nơi sinh sống của những người khổng lồ ăn thịt người. Mới hôm qua, những bức tường này láng mượt và bóng lờng; hôm nay đây chúng đã trông như một thân nền đặt quá gần lò sưởi. Những dòng thạch nhũ bằng xương đông đặc từ lâu giờ chảy như kẹo bơ lính dính từ khoảng trần rỉ xuống; những bọt bong bóng khổng lồ bị đông lại và đóng băng ngay lúc chúng nổ vọt ra; những giòng chảy nhỏ giọt và những giòng chất lỏng sóng sánh uốn éo cuộn theo các mẫu hoa văn trang trí.

Ngay giữa gian phòng nhô lên một bệ tượng bằng phiến đá dài hình chữ nhật bắn lên tung tóe những giọt gì trông như sáp ong màu vàng chạch. Phiến đá cổ xưa đã bị nứt ra làm hai.

Và ngay trên sàn nhà trước bệ đá là bức tượng xám xịt một phần đã bị nhúng vào chất sáp màu vàng kia. Bức tượng mô tả một người đàn ông khổng lồ bàn tay chống vào đầu gối, trong tư thế đang định đứng lên. Hình nhân ấy ăn mặc như một chiến binh, khoác áo giáp bằng kim loại và da thuộc của quá khứ xa xưa, cánh tay trái duỗi ra, những ngón tay mở rộng, trong khi cánh tay phải bị chôn xuống sàn ngập đến tận cổ tay. Thân mình ông ta từ thắt lưng trở xuống cũng biến mất vào trong nền đất. Trên lưng bức tượng, hai sinh vật gớm ghiếc kích thước chỉ bằng đứa trẻ con đã bị đông cứng trong tư thế chúng cố nhảy ra phía trước trên những bàn chân móng guốc như chân dê. Có thể thấy được xương sườn và nguyên bộ xương ốm như cây sậy, miệng chúng há ra để lộ những cái

điều này rằng lởm chởm, và mút đầu những bàn tay duỗi thẳng của chúng là những cái móng vuốt nhọn hoắt.

Vén áo khoác để không bị quét trên sàn, và kéo ống quần xách dựng lên, Dee ngồi chồm hổm sát mặt đất để có thể nhìn bức tượng gần hơn. Tác phẩm này trông giống như một thứ trông viện bảo tàng, một tác phẩm điêu khắc cổ điển của Michelangelo hoặc của Bernini, có lẽ vậy – Phobos và Deimos trên lưng của Mars Ultor. Dee di chuyển bàn tay mình và trái banh ánh sáng nổi lên trên hai cái đầu của vị thần rừng. Chi tiết đến không thể tin được; mỗi sợi tóc đều không bị bỏ qua, cảm chúng trĩu xuống, và một trong hai – hẳn hễ chắc là Phobos – thậm chí còn có một vết nứt nơi móng. Nhưng những thứ này đâu chỉ là mấy bức tượng; mới hôm qua đây, chúng còn là những sinh vật hung dữ sống sờ sờ, và Mars đã thả chúng ra trên ông ta kia mà. Đó chắc hẳn phải là một cái chết kinh khủng lắm. Những vị thần rừng được nuôi sống bằng nỗi hoảng loạn và sợ hãi... và qua hàng mấy thế kỷ Dee đã biết được rằng có rất nhiều nỗi sợ hãi. Am hiểu sâu sắc về những gì các Elder có thể làm cho mình luôn đẩy lên những đợt sợ hãi đến buồn nôn qua dạ dày hẳn. Đến lúc ấy hẳn Phobos và Deimos sẽ được đánh chén đến cả mấy tháng trời.

Tay Pháp sư chồm người ra phía trước nhìn vào cái mũ bảo hiểm hoàn toàn che phủ đầu Mars. Bên dưới lớp phủ màu vàng của xương đã cứng lại, vẫn có thể nhìn thấy được mặt đá xám xịt. Lóng lánh như đá granite, nhưng đây không phải là đá tự nhiên. Chỉ trong một thoáng, Dee cảm thấy có gì đó như sự thương cảm tội nghiệp cho Elder Đen tối này. Bà Phù thủy Endor đã làm cho luồng điện của ông ta hiện hình và đông đặc lại, cứng như đá, bao quanh thân mình ông ta, giam giữ ông ta trong một lớp vỏ nặng trĩu không thể tưởng tượng. Nếu vị thần lột gỡ được lớp vỏ này ra, luồng điện của ông ta sẽ sùng sục sủi tăm như dung nham và cứng trở lại ngay tức khắc. Mars, người đã từng rong ruổi khắp thế giới và được hơn cả chục quốc gia tôn kính như một vị thần dưới nhiều tên gọi, đã hầu như bất động suốt nhiều thiên niên kỷ. Dee thấy mình đang tự hỏi không biết Vị thần Chiến tranh này đã phạm tội gì xúc phạm đến Bà Phù thủy tới nỗi bà ấy đã xử phạt ông dờ sống dờ chết kéo dài thế này. Thực vậy, hẳn là rất kinh khủng. Rồi đôi môi Pháp sư giật giật như mỉm cười khi một ý tưởng đến với hẳn. Giơ tay ra, hẳn gõ mấy khớp đốt ngón tay lên cái đầu đang đội mũ bảo hiểm. Âm thanh đục đục và phẳng bẹt ra lan khắp gian phòng làm bằng xương. “Tôi biết ông có thể nghe được tôi,” Dee nói như đang chuyện trò. “Tôi cứ nghĩ có vẻ như chuyện này

là số phận của ông,” hắn nói tiếp. “Thoạt tiên là Bà Phù thủy giam ông trong luồng điện của chính ông, và rồi tôi lại bọc ông trong lớp xương cứng ngắc.”

Một làn khói mỏng màu đen thành hình cuộn ra từ bên trong chiếc mũ bảo hiểm của Elder Đen tối.

“À, hay,” Dee lẩm bẩm. “Trong giây phút đó, tôi tưởng tôi đã mất ông rồi chứ.”

Đôi mắt lóe lên màu đỏ thẫm trong vùng tối bên dưới chiếc mũ bảo hiểm. “Tôi không bị giết chết dễ dàng vậy đâu.” Giọng nói của Mars ken kết như nghiền sỏi, thoáng nghe những trọng âm mơ hồ không định rõ được.

Dee đứng thẳng người lên và phỉ bụy khỏi hai đầu gối không chút vấy bẩn. “Ông biết đó, mỗi Elder tôi đã giết đều nói như thế. Nhưng có máu trong mạch máu của ông kìa. Và những gì sống đều có thể bị giết chết.” Hắn cười rất nhẹ, hé mấy cái răng nhỏ xíu. “Mà phải thừa nhận rằng, ông thật khó – thực tế, gần như không thể - giết chết được, nhưng điều đó có thể thực hiện được. Tôi biết mà. Chính tôi sẽ làm. Sao, mới chưa đầy một tuần trước đây, tôi đã giết chết Hekate đấy.”

Bên trong chiếc mũ bảo hiểm lóe lên ánh sáng màu đỏ tươi trong tích tắc rồi mờ mờ nhạt dần đi. Bị giam giữ trong một nơi toàn là đá granite và xương, Mars không thể nào nhúc nhích được, song Dee vẫn có thể cảm thấy rõ ràng ánh mắt của ông ta bây giờ lại là hai trái banh màu đỏ thẫm chen lẫn những đốm xanh lơ. “Ông trở lại để hả hê như thế sao, Pháp sư?”

“Không chủ ý như vậy đâu.” Dee đi vòng ra phía sau bức tượng bộ ba, xem xét chúng từ mọi góc độ. “Nhưng bây giờ tôi đang ở đây, bằng cách này cách khác có lẽ tôi cũng có chút hả hê.” Hắn di hai bàn tay qua bên kia vai của ông Elder, và Dee có cảm giác luồng điện của chính hắn lung linh khi tiếng o o nhỏ nhất của năng lượng nổ lộp bộp xuyên qua người hắn. Dù đã bị chôn dưới lớp đá và xương, luồng điện của Elder này vẫn rất mạnh mẽ.

“Khi tôi thoát ra được,” Mars nói ầm ầm như sấm, “mà chắc chắn là tôi sẽ thoát được, thì ông sẽ là ưu tiên thứ nhất của tôi đấy. Thậm chí khi chưa phát hiện ra chỗ ở của Bà Phù thủy Endor, tôi sẽ tìm ông trước, và sự báo thù của tôi sẽ vô cùng khủng khiếp.”

“Tôi sợ lắm,” Dee nói, vẻ mỉa mai hiện rõ trong giọng hắn. “Bà Phù thủy đã khóa ông trong đá suốt bấy nhiêu thiên niên kỷ. Song ông không sao tổng khứ lớp vỏ ấy được. Mà ông đã biết rằng nếu có chuyện gì không hay xảy ra với Bà

Phù thủy, thì lời nguyện đó sẽ chết cùng với bà ta, để ông bị giam giữ thế này mãi mãi cho xem.” Tay Pháp sư lại đi vòng ra phía trước ông Elder. “Có lẽ tôi nên giết quách Bà Phù thủy. Vậy là ông sẽ không bao giờ thoát ra được.”

Có một âm thanh kỳ lạ như tiếng hít người hay tiếng thổi gì đó bên trong chiếc nón bảo hiểm, và phải mất một lúc tay Pháp sư mới nhận ra rằng Elder này đang cười. “Ông ấy à! Giết chết Bà Phù thủy ư? Tôi được gọi là Thần Chiến tranh; sức mạnh của tôi rất kinh khủng. Vậy mà tôi còn không giết nổi bà ta. Nếu ông muốn chống lại bà ta, Pháp sư ạ, bà ta sẽ làm chuyện gì đó thật kinh khiếp cho ông – và chắc chắn rằng nỗi đau đớn của ông sẽ kéo dài đến mấy thiên niên kỷ. Bà ta đã từng thu nhỏ toàn bộ một quân đoàn La Mã thời cổ đại có đến mấy ngàn người thành những hình nhân có kích thước chỉ bằng móng tay, rồi xâu họ vào với nhau bằng một sợi dây bạc để bà ta có thể đeo như chiếc vòng cổ. Bà ta đã làm cho họ sống suốt nhiều thế kỷ.” Ông Elder cười thầm, một thứ âm thanh nghe như đá nghiền. “Bà ta thường sưu tầm những cái chặn giấy bằng hồ phách; cứ mỗi cái bà lại đặt vào một người làm bà bức mình. Thế thì, ừ, cứ việc đi mà tấn công Bà Phù thủy! Tôi chắc chắn bà ta sẽ đặc biệt sáng tạo trong việc xử phạt ông đó.”

Dee cúi mình xuống trước đầu ông Elder. Hắn đan mấy ngón tay vào với nhau và nhìn chăm chăm vào phía bên trong chiếc nón bảo hiểm bằng đá đầy khói sạm đen. Hai chấm đỏ thắm sáng rực nhìn trả lại hắn. Tay Pháp sư di chuyển những ngón tay mình và khối cầu ánh sáng màu vàng chạch hạ xuống và cố định phía sau đầu ông ta. Hắn hy vọng ánh sáng gay gắt sẽ làm mù mắt Mars, nhưng hai khối cầu đỏ lừng cứ trờ trờ nhìn hắn, không hề chớp. Với một cú búng nhẹ cổ tay, Dee gạt bỏ nguồn ánh sáng kia, đưa nó bập bênh lên gần sát trần nhà, ở đó ánh sáng dịu bớt và nhạt dần đi, tô vẽ lên căn phòng một màu nâu đỏ. “Tôi phải đến đây để đề nghị ông giúp cho một việc,” Dee nói sau khi im lặng hồi lâu.

“Ông không thể đề nghị gì ở tôi cả.”

“Có một việc,” Dee nói rất tự tin.

“Ông đến vì tự nguyện, hay là các chủ nhân của ông sai ông tới đây?” Mars hỏi.

“Không ai biết tôi ở đây hết.”

“Thậm chí cả tay người Ý sao?”

Dee nhún vai. “Có thể là y sẽ nghi ngờ đó, nhưng lại không thể làm gì được.” Hắn ngừng không nói nữa và chờ đợi. Theo kinh nghiệm của hắn, người

ta thường nói để lấp đầy sự yên tĩnh.

“Ông muốn gì?” Cuối cùng Mars hỏi.

Pháp sư cúi đầu xuống giấu nụ cười. Chỉ với duy một câu hỏi, Dee biết rằng Elder này sẽ cho hắn chính xác điều hắn muốn. Tay người Anh luôn tự hào về khả năng tưởng tượng của chính bản thân mình – đó là một phần khiến hắn trở thành một trong những pháp sư và thầy đồng gọi hồn quyền lực nhất trên thế giới – nhưng thậm chí hắn vẫn không thể hiểu được nếu bị giam suốt mấy thế kỷ trong một lớp vỏ bằng đá cứng ngắt thì cảm giác sẽ thế nào. Hắn nghe được vẻ tuyệt vọng trong giọng nói của Thần Chiến tranh vào ngày hôm trước khi ông ta nài xin Sophie cắt đi lời nguyền, và điều đó đã mang lại cho hắn một ý tưởng.

“Ông biết tôi là người trước sau như một,” Dee chột nói.

Mars không nói gì.

“Thật ra, tôi đã nói dối, lừa đảo, ăn cắp và giết người, nhưng tất cả đều quy về một mục đích duy nhất: mang các Elder về lại với thế giới này.”

“Cứu cánh biện minh cho phương tiện,” Mars càu nhàu.

“Đúng vậy. Và ông biết rằng nếu tôi thề hoặc hứa gì với ông, thì tôi sẽ thực hiện lời hứa của mình. Hôm qua đây, ông đã nói ông có thể đọc được ý định của tôi một cách rõ ràng mà.”

“Tôi biết rằng đầu những lỗi lầm của ông – hoặc thậm chí có thể chính vì như vậy – mà ông là một người đáng được kính trọng, cho dù đó là một định nghĩa kỳ cục về lòng kính trọng,” Mars nói. “Ừ thì, nếu ông hứa, tôi sẽ tin ông.”

Dee nhanh nhẹn đứng lên và đi vòng quanh ra phía sau bức tượng, để Mars không thể trông thấy nụ cười toe toét đầy vẻ đắc thắng trên khuôn mặt hắn. “Bà Phù thủy Eldor sẽ không bao giờ cắt đi lời nguyền của ông, phải không nào?”

Mars Ultor yên lặng hồi lâu, nhưng Dee không làm gì để phá tan sự yên lặng đó. Hắn muốn cho ông Elder có thời gian suy nghĩ kỹ những gì hắn vừa nói; hắn cần ông ta phải thừa nhận rằng ông ta đang bị bắt chịu đọa đày là phải khoác lấy lớp vỏ này đến vô tận.

“Không,” cuối cùng vị thần thừa nhận bằng một tiếng thì thào rùng rợn. “Bà ta sẽ không cắt đâu.”

“Có lẽ một ngày nào đó tôi sẽ biết được ông đã làm gì mà phải nhận hình phạt thế này.”

“Có thể. Nhưng không phải từ tôi.”

“Vậy ông bị giam giữ... hay có thể là không?”

“Tự giải thích đi, Pháp sư.”

Dee bắt đầu rảo bước ngược chiều kim đồng hồ quanh Elder đã bị đông cứng. Hắn giữ cho giọng nói thấp và không cảm xúc như hắn đã phác thảo kế hoạch của mình. “Hôm qua, ông đã Đánh thức Josh, đứa nhỏ sinh đôi mặt trời. Ông đã chạm đến thằng bé; ông đã kết nối với thằng bé ấy.”

“Đúng, có một sự kết nối,” Mars đồng ý.

“Bà Phù thủy đã chạm đến đứa nhỏ sinh đôi mặt trăng, đã tặng cho con bé ấy Pháp thuật Không khí, và cũng đổ hết toàn bộ kiến thức vào con bé,” Dee nói tiếp. “Hôm qua, ông nói rằng chắc con bé biết được câu thần chú có thể trả tự do cho ông.”

“Và con bé có nói là nó đã nhớ ra,” Mars thì thào.

Dee nhắc tay ra khỏi vai của bức tượng khi hắn xoay người cúi xuống phía trước. Năng lượng điện bật tanh tách quanh phòng. “Vậy mà con bé đã từ chối ông! Nhưng liệu con bé có từ chối ông được không nếu mạng sống của thằng nhỏ em nó – khoan đã, thậm chí còn ngon lành hơn, mạng sống của cha mẹ nó – đang trong vòng nguy hiểm? Con bé có từ chối được không? Có thể từ chối nữa không?”

Khói quện lên từ đằng sau tấm che mặt của ông Elder biến thành màu trắng, rồi màu đen ngả xám. “Thậm chí khi biết tôi, biết tôi là ai, tôi đã làm gì, khả năng tôi ra sao, con bé vẫn đánh bại tôi để giải cứu cậu em,” Mars nói rất chậm rãi. “Tôi tin rằng con bé sẽ làm mọi chuyện để cứu em trai và gia đình mình.”

“Vậy thì đây là lời thề của tôi với ông,” Dee nói tiếp. “Hãy tìm thằng nhỏ đó cho tôi, và tôi thề rằng tôi sẽ mang đứa con gái, cũng với thằng em nó, và ba mẹ chúng đến đây đứng trước mặt ông. Khi con bé đối mặt với các chết của họ, tôi bảo đảm nó sẽ giải thoát cho ông khỏi lời nguyền kinh khủng này.”

\* Celt: người thuộc dân tộc sinh sống ở Trung Âu và Tây Âu thời tiền La Mã. Gaul: người sống ở vùng đất Tây Âu thời cổ đại, bao gồm Pháp, Bỉ, một phần nước Ý, Hà Lan và Đức ngày nay. Ru: người Trung cổ, định cư ở vùng Scandinavia, thường hay cướp bóc trên biển và xâm chiếm nhiều vùng thuộc miền Tây Bắc Âu châu từ thế kỷ 8 đến thế kỷ 11. Maya: người thuộc một dân tộc thịnh vượng từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 8 ở Trung Mỹ và miền nam Mexico.

\*\* Protein liên kết dạng sợi tìm thấy ở biểu bì, xương, sụn, gân và một số mô liên kết khác.



Nhìn từ bên ngoài, nằm giữa một khu đất đã trống trải bùn lầy, công trình bằng kim loại có hình dạng dài dài này trông thật hư nát và ọp ẹp tồi tệ, nhưng cũng như mọi thứ khác trong bãi phế liệu này, đó chỉ là vẻ giả tạo bề ngoài thôi. Bên trong thật gọn gàng ngăn nắp và sạch sẽ, không chút bụi bặm. Một đầu căn phòng được dùng để nấu nướng và dọn ăn; một bồn rửa chén bát, một tủ lạnh và một bếp lò đặt sát một cái bàn. Phần giữa của căn nhà chòi có một bàn làm việc xếp thành tầng trên đó là một máy tính để bàn nối vào hai màn hình tương hợp, trong khi ở đầu xa của căn nhà chòi, một chiếc ti-vi màn hình phẳng lớn đặt đối diện với hai chiếc trường kỷ bọc da. Một hình tháp kim loại ba mặt đặt thấp xuống đất đang đựng mấy chục đĩa DVD.

Khi hai đứa nhỏ song sinh theo Shakespeare vào bên trong, chúng nhận ra ngay tức thì rằng chúng đã tham gia vào một cuộc cãi vã gì đó. Flamel và Palamedes hai người đang đứng ở hai đầu của chiếc bàn bếp nhỏ bằng gỗ, chàng hiệp sĩ vòng tay trước bộ ngực đồ sộ, Flamel lại siết chặt bàn tay thành hai nắm đấm. Không khí chưa lết với những luồng điện của họ trộn lẫn vào với nhau.

“Chú nghĩ tụi cháu nên chờ bên ngoài thì hơn,” Nicholas vừa bình thản nói, vừa nhìn Josh sang Sophie, rồi quay người lại với chàng hiệp sĩ. “Chút nữa chúng ta sẽ bàn chuyện này tiếp.”

Sophie định rời khỏi đó, nhưng Josh đẩy cô bé ra phía trước tiến vào căn nhà chòi. “Không. Tôi nghĩ chúng tôi nên chờ ở đây,” cậu nói chắc nịch. Cậu hết nhìn Palamedes rồi lại nhìn Nhà Giả kim. “Nếu các người có bất cứ chuyện gì cần phải nói, các người nên nói hết trước mặt chúng tôi. Rốt cuộc thì đây là chuyện bàn về chúng tôi, đúng không?” Cậu liếc xéo sang cô chị mình. “Chúng tôi là... nói sao nhỉ?” cậu hỏi.

“Chất xúc tác,” cô bé mớm cho.

Josh gật đầu. “Chất xúc tác,” cậu nói, dù cho đó chưa phải là từ ngữ cậu đang muốn tìm. Cậu nhìn quanh phòng, ánh mắt đọng lại trên chiếc máy tính, và rồi quay sang cô chị sinh đôi. “Chỉ là em rất ghét bị người lớn đuổi ra khỏi phòng khi họ đang nói chuyện về mình, phải không nào?”

Sophie gật đầu. “Ghét như vậy lắm.”

“Bọn chú đâu nói gì về hai đứa,” Flamel nói nhanh. “Không có gì liên quan đến tội cháu cả, thật đó. Chuyện này liên quan đến một vụ nhỏ nhỏ chưa giải quyết xong giữa ông Shakespeare đây với chú thôi mà.”

“Ngay bây giờ đây,” Josh vừa nói, vừa bước vào phòng, tập trung cao độ để giữ cho giọng nói mình đều đều và ngăn không cho nó bị rung rung, “chỉ nói đến những gì xảy ra liên quan đến tội cháu.” Cậu nhìn thẳng vào Nhà Giả kim. “Suýt nữa thì chú giết chết tội cháu. Chú đã thay đổi cuộc sống của tội cháu... kh... khô... khô...”

“Không sửa lại được,” Sophie nói.

“Không sửa lại được,” Josh nói. “Và nếu cả hai người đang có vấn đề, thì đó là vấn đề của chúng tôi và chúng tôi cần phải biết.”

Sophie đặt tay lên vai Josh và siết chặt để khích lệ cậu.

Palamedes cười toe, vụt lóe màu răng trắng bóng. “Anh con trai này khí khái lắm. Tôi thích vậy đó.”

Khuôn mặt Flamel như một chiếc mặt nạ dừng dừng, nhưng đôi mắt màu nhạt của ông tối sầm. Một đường gân máu đập mạnh trên trán. Khoanh tay trước ngực, ông hất đầu về phía Palamedes. “Nếu cháu phải biết, vậy thì, chú không có tranh cãi gì với Hiệp sĩ Saracen cả.” Ông lắc đầu nhẹ nhẹ, hướng về người đàn ông nhỏ thó mặc bộ đồ bảo hộ lao động lem luốc, đứng trước cái tủ lạnh để mở, đang kéo mấy túi trái cây ra. “Chú có một vấn đề với người này. Một vấn đề lớn đấy.”

Shakespeare phớt lờ. “Hai bạn trẻ sẽ ăn gì nào?” ông vừa hỏi, vừa nhìn cặp sinh đôi. “Tôi biết các bạn không muốn chút thịt nào, chúng tôi có nhiều trái cây, mới sáng nay. Và hồi này Palamedes đã chọn được mấy con cá tươi ở Siêu thị Cá Billingsgate.” Ông ném phịch mấy túi trái cây vào bồn rửa, rồi vặn nước vòi cho chảy hết cỡ. Nước giội ầm ầm vào cái bồn rửa bằng kim loại.

“Chỉ trái cây thôi ạ,” Sophie nói.

Palamedes nhìn hai đứa song sinh. “Cuộc tranh luận này không liên quan gì đến hai bạn cả,” anh ta nói. “Chuyện này từ hồi mấy thế kỷ trước. Nhưng đúng, tôi đồng ý rằng các bạn cũng bị ảnh hưởng. Tất cả chúng ta đây đều bị.” Anh ta quay trở lại với Nhà Giả kim. “Nếu chúng ta sống sót được, vậy thì chúng ta – tất cả chúng ta – phải dẹp qua một bên những tranh chấp cũ, những lễ thói cũ chứ. Tuy nhiên,” anh ta găm lên, “hãy cho phép tôi đề nghị rằng chúng ta sẽ tiếp vào sau bữa ăn đi.”

“Chúng tôi muốn có câu trả lời ngay bây giờ,” Josh nói. “Chúng tôi đã quá mệt mỏi khi bị đối xử như mấy đứa con nít rồi.”

Chàng hiệp sĩ cúi người nhìn Nhà Giả kim. “Các bạn trẻ đây có quyền nhận được câu trả lời.”

Nicholas Flamel xoa bàn tay lên mặt mình. Những túi mắt thâm quầng bên dưới đôi mắt ông, và những vết nhăn trên trán đã hằn sâu thêm nữa. Sophie để ý thấy những lấm tẩm nhỏ xíu bắt đầu xuất hiện trên lưng bàn tay ông. Nhà Giả kim đã bảo rằng ông sẽ già đi với tốc độ ít nhất là một năm trong chỉ một ngày trôi qua, nhưng cô bé nghĩ ông trông già đi ít nhất mười năm so với chỉ một tuần trước. “Trước khi chúng ta đi xa hơn,” Nicholas nói, trọng âm tiếng Pháp của ông càng cho thấy rõ ràng là ông đang rất mệt, “tôi phải thừa nhận là tôi không thoải mái chút nào khi bàn luận mọi thứ trước mặt...” Ông ngẩng đầu nhìn Shakespeare. “Người kia.”

“Nhưng tại sao vậy chứ ạ?” Sophie hỏi, đầy thất vọng. Cô bé kéo một cái ghế gỗ ra và ngồi thụp vào đó. Josh lấy cái ghế bên cạnh. Chàng hiệp sĩ vẫn đứng thêm chút nữa, rồi anh ta cũng ngồi xuống. Chỉ có Nhà Giả kim và Đại Thi hào là cứ đứng ngậy ra đó.

“Ông ta đã phản bội tôi và Perenelle,” Flamel hăm hè. “Ông ta đã bán đứng chúng tôi cho Dee.”

Cặp song sinh quay nhìn vào Đại Thi hào đang sắp nào nho, táo, lê và anh đào vào đĩa. “Điều này thì đúng,” ông ta nói.

“Chính vì ông ta, Perenelle đã bị thương và suýt chết,” Nhà Giả kim phát cáu.

Hai đứa nhỏ sinh đôi lại nhìn Đại Thi hào lần nữa. Ông ta gật đầu. “Hồi đó là năm 1576,” Shakespeare nói bình thản, từ ở bàn nhìn lên, đôi mắt xanh lơ nhàn nhạt của ông ta mở to đằng sau cặp kính, đôi mắt thật lớn với những giọt nước mắt doanh tròng.

Josh ngồi trở lại với vẻ đầy kinh ngạc. “Mọi người đang bàn cãi về chuyện gì xảy ra hơn bốn trăm năm trước sao?” cậu hỏi mà không thể tin được.

Shakespeare quay người lại để nói trực tiếp với Sophie và Josh. “Hồi đó tôi chỉ mới mười hai tuổi, còn nhỏ hơn cô cậu bây giờ.” Đôi môi ông mấp máy, để lộ hàm răng vàng chạch. “Tôi đã phạm một sai lầm – một sai lầm khủng khiếp – và tôi phải mất đến mấy thế kỷ để trả giá cho việc làm đó.” Ông ta liếc trở lại

Flamel. “Tôi được nhận vào học việc với Nhà Giả kim. Ông ấy đang điều hành một tiệm sách nhỏ ở Stratford, nơi tôi lớn lên.”

Josh quay sang nhìn Nicholas.

Đầu Flamel vụt rướn thẳng lên và ông há miệng định trả lời, nhưng Shakespeare cứ nói tiếp.

“Tôi không phải là không được giáo dục; tôi đã vào học tại New School của Nhà vua, và tôi có thể đọc và viết tiếng Anh, tiếng La-tinh và tiếng Hy Lạp. Ấy thế, vào lứa tuổi nhỏ như vậy, và tôi đã thuyết phục cha tôi xin cho tôi một chân trong tiệm sách của Flamel.” Đôi mắt Shakespeare giờ lại dán chặt vào Nhà Giả kim, và ngôn ngữ, thậm chí cả trọng âm của ông ta cũng thay đổi dần, trở nên trang trọng, gần như cổ xưa. “Tôi muốn đọc và học viết; nhưng ông Fleming lại bảo tôi lau chùi sàn nhà, chạy việc vặt, mang giao những túi sách khắp thị trấn.”

Nhà Giả kim lại mở miệng nhưng rồi ngậm trở lại, không nói một lời nào.

“Và rồi Tiến sĩ Dee xuất hiện ở Stratford. Các bạn biết hồi ấy ông ta nổi tiếng cỡ nào. Ông ta phục vụ cho cả hai triều nữ hoàng, Mary và Elizabeth, mà sống sót được với cái đầu vẫn ở trên vai, đó là một thành công lớn vào thời bấy giờ. Ông ta rất thân với Elizabeth – nghe nói rằng thậm chí chính ông ta là người đã chọn ngày đăng quang cho bà ta nữa kìa. Người ta đồn ông ta có một thư viện rộng lớn nhất nước Anh,” Shakespeare nói tiếp, “vì thế hoàn toàn tự nhiên khi ông ta ghé tạt qua tiệm sách của nhà Fleming. Thật ngạc nhiên, nhà Fleming thường rất hiếm khi nào rời cơ ngơi của mình và không bao giờ xuống phố, lại không có ở nhà ngày hôm ấy. Cửa tiệm do một trong mấy người trợ lý trông coi, một người đàn ông có cái mặt dài như mặt ngựa mà tên ông ta tôi không bao giờ nhớ được.”

“Sebastian,” Flamel nói khẽ.

Đôi mắt ươn ướt của Shakespeare dán vào mặt Nhà Giả kim và ông ta gật đầu. “À, đúng rồi, Sebastian. Nhưng Dee không quan tâm đến ông ấy. Ông ta nói chuyện với tôi thôi, thoát tiên là nói bằng tiếng Anh, rồi tiếng La-tinh, rồi tiếng Hy Lạp. Ông yêu cầu tôi giới thiệu một cuốn sách – tôi đề nghị cuốn Medea\* của Ovid, và ông ta đã mua – và rồi ông ta hỏi tôi xem tôi có hạnh phúc với vị trí hiện tại của mình không.” Đôi mắt màu xanh lơ nhạt của Shakespeare cứ khóa chặt vào đôi mắt Flamel. “Tôi nói với ông ta là tôi không hạnh phúc. Vì thế ông ta đã cho tôi một chân học việc. Có quyền chọn lựa giữa một vị trí thấp kém là phụ

việc cho một người bán sách so với được học việc với một trong những người quyền lực nhất nước Anh, làm sao tôi có thể từ chối cơ chứ?”

Josh gật đầu. Chắc hẳn bản thân cậu cũng sẽ có cùng một chọn lựa như vậy.

“Vì thế tôi trở thành người học việc của Dee. Hơn thế nữa, có lẽ: tôi đã đi đến chỗ tin rằng thậm chí ông ta còn coi tôi là con trai nữa kia. Một điều không thể phủ nhận đó là ông ta đã tạo ra tôi.”

Sophie chồm người lên bàn, đầy bối rối. “Ý ông là sao ạ, hẳn tạo ra ông hả?”

Đôi mắt Shakespeare tối sầm buồn bã. “Dee đã nhìn ra một điều gì trong con người tôi – một người thèm khát cảm xúc, một sự khao khát phiêu lưu mạo hiểm – và đã tỏ ý muốn đào tạo và giáo dục tôi theo những cách mà những người nhà Fleming – nhà Flamel – đã không hoặc không thể áp dụng. Đúng như lời hứa, Pháp sư đã cho tôi thấy nhiều điều kỳ diệu. Ông ta mang tôi đến với các thế giới vượt ra ngoài tầm hiểu biết, ông ta nuôi dưỡng trí tưởng tượng của tôi, cho phép tôi được vào thư viện lạ thường ấy, đã giúp tôi có thể dùng ngôn ngữ của mình diễn đạt mọi chuyện một cách rõ ràng và mô tả được những thế giới tôi đã có dịp trải nghiệm. Chính nhờ Tiến sĩ John Dee tôi mới trở thành văn hào William Shakespeare được.”

“Anh đã bỏ sót một chút ở đoạn hẳn xúi anh bò vào nhà chúng tôi vào giữa đêm khuya và đánh cắp cuốn Codex,” Nicholas Flamel lạnh lùng nói. “Và khi việc đánh cắp thất bại, hẳn đã cáo buộc chúng tôi làm gián điệp cho Tây Ban Nha. Năm mươi binh lính của Nữ hoàng bao vây tiệm sách và tấn công không hề báo trước. Sebastian bị thương và Perenelle bị sung hỏa mai bắn trúng vai đến suýt chết.”

Shakespeare lắng nghe từng lời và gật đầu rất chậm. “Dee và tôi không có mặt ở Stratford khi biến cố đó xảy ra, và đến mãi rất lâu sau này tôi mới biết,” ông ta nói bằng một giọng thì thầm thô ráp. “Và tất nhiên đến lúc ấy thì đã quá trễ mất rồi. Tôi đã lún sâu vào sức quyến rũ của Dee: ông ta thuyết phục tôi rằng tôi có thể trở thành nhà văn mà tôi từng ao ước. Mặc dù chuyện đó nghe có vẻ không khả thi, nhưng tôi vẫn tin ông ta. Cha tôi là người làm găng tay và buôn bán len; không có nhà văn, nhà thơ, nhà soạn kịch, hoặc thậm chí một nghệ sĩ nào trong gia đình tôi cả.” Ông ta lắc đầu nhẹ. “Có lẽ tôi nên theo cha tôi tham gia vào công việc làm ăn của gia đình thì hơn.”

“Lúc ấy thế giới chắc hẳn là một nơi còn tội nghiệp hơn,” Palamedes nói khẽ. Hiệp sĩ Saracen nhìn sát vào Shakespeare và Nhà Giả kim.

“Tôi lập gia đình. Tôi có con,” Shakespeare kể tiếp, bây giờ thì nói rất nhanh, chỉ tập trung vào Flamel thôi. “Đầu tiên là một đứa con gái, Susanna xinh đẹp của tôi, rồi hai năm sau, đến một cặp sinh đôi, Hamnet và Judith.”

Sophie và Josh rướn thẳng người, liếc nhau thật nhanh; hai đứa chưa bao giờ nghe nói đến hai người con song sinh của Shakespeare hết.

Ngưng một lúc khá lâu và cuối cùng Đại Thi hào bất tử hít thở sâu và rung mình. Ông ta xòe bàn tay với những ngón tay dài trên mặt bàn gỗ và nhìn chết trân vào đó. “Rồi tôi đã khám phá ra tại sao Dee quan tâm đến tôi như vậy. Bằng cách nào đó hắn đã biết rằng tôi sẽ có một cặp song sinh, và hắn tin rằng chúng là cặp song sinh huyền thoại được tiên báo trong cuốn Codex. Vào năm 1596, tôi đang ở London, không còn sống tại nhà ở Stratford nữa. Dee đến thăm vợ tôi và đề nghị được huấn luyện cho cặp song sinh. Cô ấy đồng ý một cách ngốc nghếch, dù rằng vào thời đó, những tin đồn xấu xa về ông tiến sĩ này bắt đầu được loan ra. Một vài ngày sau, hắn cố nhờ người Đánh thức Hamnet. Quá trình Đánh thức đã giết chết thằng bé,” ông ta kết thúc câu chuyện một cách đơn giản. “Con trai tôi chỉ mới mười một tuổi.”

Trong sự im lặng kéo dài tiếp theo đó, không ai nói gì, chỉ có tiếng mưa đập chan chát trên mái nhà bằng kim loại.

Cuối cùng, Shakespeare ngược lên nhìn chăm chăm vào Flamel. Đôi mắt ông ta ràn rụa và nước mắt lăn dài xuống hai bên má. Ông ta đi vòng quanh chiếc bàn cho tới khi đối diện ngay trước Nhà Giả kim. “Một thằng bé con ngốc nghếch đã phản bội ông vì không hiểu biết và ngu dại. Rốt cuộc, tôi đã trả giá cho hành động ấy bằng chính mạng sống của con trai tôi. Tôi căm ghét Dee theo cách mà thậm chí ông không thể nào hiểu được.” Shakespeare nắm chặt cánh tay của Nhà Giả kim, các ngón tay bấu lại. “Tôi đã phải chờ rất lâu mới gặp được ông. Giữa chúng ta đây, không một ai khác trên hành tinh này có thể biết nhiều về tay Pháp sư này như chúng ta cả. Tôi quá mệt mỏi vì cứ phải chạy đông dài và trốn chui trốn nhủi. Đã đến lúc phải góp chung sự hiểu biết vào với nhau, làm việc cùng với nhau. Đã đến lúc phải đánh trả lại Dee và các Elder Đen tối của hắn. Ông bảo sao?” ông ta hỏi dồn.

“Đó là một chiến lược tốt,” Flamel chưa kịp trả lời thì Josh đã nói. Ngay cả khi đang nói, cậu vẫn ý thức được rằng cậu không biết mình nói gì. Chính là Mars đang nói trong cậu. “Các người đã mất cả đời để chạy lòng vòng: Dee sẽ không ngờ các người lại thay đổi chiến thuật đâu.”

Palamedes từ cánh tay lực lưỡng trên bàn. “Cậu con trai nói đúng đó,” anh ta thở dài. “Tay Pháp sư này đã làm cho các ông bị kẹt ở đây, tại London này. Nếu các ông chạy trốn, hắn sẽ bắt các ông.”

“Và nếu chúng ta ở lại đây, hắn cũng sẽ bắt chúng ta,” Josh nói ngay.

Nicholas Flamel nhìn quanh khắp bàn một lượt, rõ ràng là ông bối rối trước những gì vừa nghe được. “Tôi không rõ...” cuối cùng ông nói. “Giá mà tôi có thể nói chuyện được với Perenelle; cô ấy sẽ biết phải làm gì.”

Lần đầu tiên kể từ khi Flamel và hai đứa nhỏ sinh đôi đến đây, Shakespeare toét miệng cười. “Tôi nghĩ chúng ta có thể thu xếp chuyện này được mà.”

\*Medea: công chúa Medea trong thần thoại Hy Lạp, người đã giúp Jason trộm được Huân chương Hiệp sĩ, và khi Jason bỏ rơi, bà đã giết chết hai người con của mình với Jason để trả thù.

Perenelle đứng như đóng khung trong ô cửa và nhìn chăm bẵm vào bóng tối u ám. Cánh cửa ra vào bằng kim loại đã từng niêm phong khoảng trống này bây giờ nằm chổng chơ trên mặt đất ngay phía sau bà, móp méo và trật trẹo, bị bung toạc ra khỏi bản lề do sức nặng của mấy con nhện trào lên khỏi các xà-lim của nhà tù bên dưới kia. Cùng với việc Areop-Enap rút lui, chui vào cái kén của bà ta, mấy con nhện sống sót cũng biến đâu mất, và tất cả những gì còn lại trên bề mặt Alcatraz chỉ là lớp vỏ khô như bị nướng quá lửa của đám ruồi chết và những lớp vỏ bọc của bầy nhện. Bà băn khoăn tự hỏi không biết ai – hoặc cái gì – đã xua lũ ruồi nặng đến đây. Một người nào đó phải rất mạnh mẽ, chắc chắn rồi; một cái gì đó có thể thậm chí bây giờ đang rắp tâm âm mưu tính toán cho những hành động sắp tới.

Perenelle nghiêng nghiêng đầu, vén mái tóc dài đen nhánh ra sau tai, nhắm mắt lại và lắng nghe. Khả năng nghe của bà rất tinh nhạy, vậy mà bà không thể bắt được bất cứ một thứ gì đang chuyển động. Dù vậy, Nữ Phù thủy biết rằng các xà-lim không hề trống rỗng. Nhà tù của hòn đảo này đầy dẫy những kẻ uống máu và ăn thịt người, bọn vetala, minotaur, Windigo và oni, bọn troll và cluricaun – và tất nhiên, cả con nhân sư chết người kia nữa. Ánh sáng mặt trời đã nạp lại luồng điện cho Perenelle, và bà biết bà có thể xử lý các sinh vật yếu kém hơn – tuy rằng bọn minotaur và mấy con quỷ Windigo có thể vẫn mang lại cho bà chút vấn đề nhỏ - nhưng bà hoàn toàn ý thức rằng mình không thể đương đầu với con nhân sư nổi. Con sư tử mang cánh đại bàng ấy đã ăn sạch năng lượng ma thuật của bà; chỉ mỗi việc ở gần bên nó thôi luồng điện của bà cũng cạn kiệt, bỏ mặc bà hoàn toàn không có khả năng tự vệ.

Perenelle ấn bàn tay mình vào dạ dày đang sôi lên. Bà cảm thấy đói. Nữ Phù thủy ít khi nào phải ăn, nhưng bà nhận ra mình đã đốt đi quá nhiều năng lượng và cần phải nạp calorie vào. Nếu có Nicholas ở đây thì không vấn đề gì; nhiều lần đang trên đường họ đi, ông đã sử dụng kỹ năng hóa học của mình để chuyển hóa đá thành bánh mì, và nước thành súp. Bà biết một hai câu thần chú sừng-dê-kết-hoa-quả mà bà đã học được ở Hy Lạp sẽ cung cấp đủ thức ăn cho bà, nhưng đọc lên lời thần chú ắt đồng nghĩa với việc sử dụng luồng điện, một dấu hiệu đặc trưng lôi kéo con nhân sư đến với bà.

Bà đang phải đối đầu với việc không có con người trên hòn đảo này – bà ngờ rằng không có bất kỳ ai có thể sống sót được chỉ qua một đêm trên Alcatraz mà còn tỉnh táo hoặc thể chất nguyên vẹn. Bà nhớ đã đọc được một bản tin trên báo mới gần đây – khoảng sáu tháng trước thôi – rằng Alcatraz đã được một công ty cổ phần mua lại và sẽ có cơ hội gần gũi với công chúng hơn. Công viên quốc gia này sẽ được biến thành một viện bảo tàng lịch sử sống động đa phương tiện. Giờ thì khi biết chính Dee đã sở hữu hòn đảo này, bà lại ước gì nguồn tin đó không phải là thật. Tuy nhiên, còn tệ hơn nữa một khi không có người nào trên hòn đảo này suốt ít nhất sáu tháng nay, có vẻ như càng lúc càng ít khả năng bà có thể tìm được còn sót lại thứ gì đó có thể ăn được. Đây không phải lần đầu tiên bà thấy đói trong suốt cuộc đời dài thăm thẳm của bà.

Tay Pháp sư đã quy tụ một đạo quân trong các xà lim, những sinh vật đến từ mọi quốc gia và mọi câu chuyện thần thoại của hết thảy mọi chủng tộc. Không có ngoại lệ, chúng là những con quái thú từng là căn nguyên những cơn ác mộng của con người qua hàng mấy thiên niên kỷ. Và nếu có một đạo quân, thì có nghĩa là chiến tranh sắp đến. Đôi môi đầy đặn của Perenelle cong lên thành một nụ cười chế giễu. Vậy xem ra như thế chỉ có mình bà là con người trên Alcatraz... cùng với đủ loại quái vật trong thần thoại, những con quỷ khủng khiếp, loài ma cà rồng hút máu và những con ma thú. Còn có mấy Nữ thần Biển ngoài khơi, một Nữ thần Quạ luôn nuôi ý chí trả thù đã bị nhốt trong một xà-lim sâu tít bên dưới lòng hòn đảo, và một Elder hay Thế hệ Kế tiếp mạnh không thể tưởng lúc nào cũng sẵn sàng tấn công bà từ đâu đó trên lục địa.

Nụ cười của Perenelle nhạt đi; bà chắc chắn mình đang ở trong một tình huống còn tồi tệ hơn bất cứ một giai đoạn nào đó trong quá khứ mà bất chợt ngay lúc này bà không thể nhớ ra đó là khi nào. Nhưng những lúc ấy bà luôn có Nicholas ở cùng với mình. Bên nhau, họ trở thành những người không thể bị đánh bại.

Một cơn gió thoảng rất nhẹ thổi từ bên dưới lên, làm xôn xao mái tóc bà, và rồi những hạt bụi đất xoay tít và một hình dáng chập chờn trong vùng tối u ám. Perenelle lao trở lại ra dưới ánh mặt trời, nơi bà mạnh mẽ nhất. Bà tưởng đó là con nhân sư; bà nghĩ thấy mùi hương không thể nhầm lẫn vào đâu được của nó: mùi xạ của sư tử, chim và rắn.

Hình dáng ấy hiện rõ dần dưới ô cửa, bắt đầu có chiều sâu và trở thành vật chất thật khi ánh sáng mặt trời chạm vào, một hình thù kết hợp giữa những phân

tử gỉ sét màu đỏ đỏ với những mảnh tơ nhện lấp lánh: đó chính là hồn ma, là Juan Manuel de Ayala, người khám phá và canh giữ Alcatraz. Bóng ma ấy cúi chào rất sâu. “Thật vui khi thấy bà sung sức và khỏe mạnh, thưa quý bà,” ông ta nói bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha cổ xưa và trang trọng.

Perenelle mỉm cười. “Sao, bộ ông nghĩ chỉ khi thành một linh hồn thì tôi mới gặp được ông thôi ư?”

De Ayala nửa trong suốt nửa mờ mờ lơ lửng trong không trung, ông ta cân nhắc câu hỏi ấy với vẻ thận trọng; rồi lắc đầu: “Tôi biết rằng nếu bà ngã xuống trên hòn đảo này, bà sẽ không còn ở đây. Linh hồn bà sẽ đi lang thang vô định.”

Perenelle gật đầu đồng ý, đôi mắt bà tối sầm vì buồn bã. “Ắt hẳn tôi sẽ đi tìm Nicholas.”

Hàm răng hoàn hảo mà hồn ma thủy thủ chưa bao giờ sở hữu khi còn sống lóe lên lúc ông ta cười toe. “Lại đây đi, thưa quý bà, lại đây: tôi nghĩ có cái này bà nên xem đó.” Ông ta quay người và lại trôi lênh bênh xuống cầu thang. Perenelle chần chừ; bà tin tưởng de Ayala, nhưng những bóng ma không phải là những sinh vật sáng suốt và họ rất dễ bị lừa. Và rồi, thật yếu ớt và mỏng manh, Perenelle bắt được thoang thoảng mùi hương bạc hà – chỉ trong một thoáng mơ hồ - trong bầu không khí đượm muối ẩm ướt này. Không do dự một giây nào, Nữ Phù thủy bước theo hồn ma vào sâu trong mảng tối âm u.

Nicholas Flamel ngồi trước một trong hai cái màn hình tinh thể lỏng đồng bộ với chiếc máy tính. William Shakespeare ngồi bên trái ông trong khi Josh lảng vảng phía trên vai hai người, cố giữ một khoảng cách vừa đủ với ông người Anh bất tử và chỉ thở bằng miệng. Khi Shakespeare động đậy, ông ta kéo theo một thứ mùi hương sát bên mình, nhưng khi ông ta ngồi yên, mùi khó chịu kia tụ lại quanh mình ông ta thành một đám mây dày đặc. Palamedes và Sophie đã đi ra ngoài cho chó ăn.

“Tin tôi đi; việc này khá đơn giản,” Shakespeare kiên nhẫn giải thích, đôi mắt mở to ẩn sau cặp kính, “chỉ là một biến đổi rất nhỏ của câu thần chú bói cầu mà Dee đã dạy cho tôi hơn bốn trăm năm trước thôi mà.”

“Vào lúc này tôi có nên nhắc rằng máy tính đang tắt nguồn không nhỉ?” Josh xen vào, chợt nhận ra điều mà hình như không ai thấy. “Chỉ có màn hình là bật lên rồi.”

“Nhưng chúng ta chỉ cần có màn hình thôi mà,” Shakespeare nói một cách bí ẩn khó hiểu. Ông ta nhìn Nhà Giả kim. “Dee luôn sử dụng một bề mặt phản chiếu để bói cầu...”

“Bói cầu à?” Josh cau mày. Cậu đã nghe Flamel dùng từ ngữ giống như vậy. “Ý ông là sao ạ?”

“Bắt nguồn từ chữ *descrier* trong tiếng Pháp cổ,” Shakespeare lầm bầm, “có nghĩa là ‘công bố’ hoặc là ‘cho thấy’. Trong trường hợp của Dee, nó có nghĩa là ‘để lộ ra’. Khi tôi còn ở với hã, đi đâu hã cũng mang theo cái gương soi.”

Flamel gật đầu. “‘Phiến đá thông tỏ’ nổi tiếng của hã, hay còn gọi là thấu kính ma thuật. Tôi đã đọc thấy chuyện đó.”

“Hã đã chứng minh cho bản thân Nữ hoàng Elizabeth ngay tại nhà hã ở Mortlake,” Shakespeare nói. “Bà ta đã vô cùng sợ hãi khi nhìn thấy chính mình chạy khỏi ngôi nhà và không bao giờ trở lại nữa. Tay tiến sĩ có thể nhìn vào các thấu kính và dồn sự chú ý vào mọi người và mọi nơi khắp thế giới này.”

Flamel gật đầu. “Tôi thường ngạc nhiên không biết đó là cái gì.”

“Nghe giống như nguyên tắc của chiếc ti-vi ấy,” Josh buột miệng. Và rồi cậu nhận ra rằng mình đang nói về một thứ gì đó trong thế kỷ mười bảy.

“Đúng, rất giống hệ thống các chương trình trên truyền hình, nhưng không có một máy quay nào ở đầu bên kia để truyền tín hiệu hình ảnh. Đó là một phần nhỏ trong công nghệ của giống loài Elder,” Shakespeare nói thêm, “một món quà từ chủ nhân của hắc. Tôi tin rằng đó là những thấu kính hữu cơ được kích hoạt bởi năng lượng từ luồng điện của hắc.”

“Vậy chuyện gì xảy ra?” Flamel ngạc nhiên thốt lên.

Shakespeare mỉm cười, môi mím chặt. “Tôi đã đánh cắp vật đó của hắc vào đêm tôi chạy trốn mất biệt. Tôi có ý giữ nó cho riêng mình và biết đâu thậm chí có thể dùng nó chống lại hắc. Nhưng rồi tôi nhận ra rằng nếu vật đó nối kết Dee với chủ nhân của hắc, thì rất có thể cũng kết nối chủ nhân của hắc với tôi. Tôi bèn vất nó xuống dòng sông Thames ở Southwark, gần nơi mà sau này tôi xây dựng nên nhà hát Globe.”

“Không biết liệu bây giờ nó có còn ở đó không vậy cà,” Flamel lẩm bẩm.

“Chắc chắn nó đã biến mất bên dưới hàng thế kỷ phù sa và bùn đất. Nhưng đừng bao giờ bận tâm đến chuyện đó nữa; Dee có thể - và đã - dùng bề mặt có độ bóng cao hơn để bói cầu - gương soi, kính bên cửa sổ, mắt kính, đồ pha-lê được chà bóng - nhưng rồi hắc khám phá ra rằng chất lỏng hoạt động tốt hơn. Bằng cách tác động luồng điện vào một thứ chất lỏng ấy, làm cho nó phản chiếu được và sử dụng nó để nhìn vào người hoặc nơi chốn nào đó từ bên kia quả địa cầu hoặc từ những thời kỳ và nơi chốn khác. Nếu đủ thời gian và sự chuẩn bị, thậm chí hắc còn có thể nhìn vào các Vương quốc Bóng tối gần nhất. Hắc cũng có thể sử dụng nó để nhìn thấy xuyên qua mắt của các loài thú hoặc loài chim. Lúc ấy những con vật này trở thành các thám tử của hắc.”

“Hắc thật là lạ lùng.” Flamel vừa tán thành, vừa lắc đầu kinh ngạc. “Giá mà hắc chịu làm việc với chúng ta, chống lại các Elder Đen tối.”

“Tay tiến sĩ thường sử dụng nước suối tinh khiết, dù tôi từng biết hắc có lần dùng tuyết, nước đá, rượu vang hoặc ngay cả bia nữa. Bất kỳ chất lỏng nào cũng sẽ làm được.” Chồm người tới trước, Shakespeare vỗ vỗ vào cái khung nhựa màu đen bọc quanh màn hình máy tính. “Và ở đây chúng ta có gì... ngoài cái chất thể lỏng này?”

Đôi mắt nhàn nhạt của Nhà Giả kim mở rộng ra và ông từ từ gật đầu. Từ bên dưới cổ áo thun của mình, ông rút ra một cặp kính kẹp mũi mà ông vẫn mang trên một sợi dây đeo quanh cổ rồi gắn nó ngay lên mũi. “Tất nhiên rồi,” ông thì thầm. “Và thuộc tính của chất tinh thể lỏng này có thể được biến đổi bằng việc nạp vào

một dòng điện hoặc một từ trường. Việc đó làm thay đổi định hướng của các tinh thể.” Ông bật tanh tách các ngón tay mình và một tia lửa màu xanh lá không lớn hơn đầu kim gút xuất hiện trên ngón tay trỏ. Căn nhà chòi ám mùi khó chịu thoảng chốc thơm mùi cay gắt của bạc hà, và một mẫu hoa văn cuộn xoắn như khói ngay lập tức lăn tròn xuống cả hai chiếc màn hình. Flamel di chuyển ngón trỏ và cả hai màn hình sáng lóe một màu trắng tinh, rồi đến màu xanh lá, rồi ngay tức thì hóa thành những tấm gương soi mờ đục phản chiếu gương mặt ông, hai bên là Shakespeare và Josh. “Tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc này. Thật là thiên tài!”

“Cám ơn,” Shakespeare lẩm bẩm, nghe như thoảng chút bối rối vì lời khen ngợi, đôi má xanh xao hơi ửng hồng.

“Ông sẽ dùng cái gì làm tấm gương soi ở đâu bên kia?” Flamel hỏi.

“Mạng nhện,” Đại thi hào nói, khá ngạc nhiên. “Tôi đã phát hiện ra rằng dù trong một cung điện hay một nơi tồi tàn bẩn thỉu, ở đâu cũng có mạng nhện cả. Những sợi tơ luôn dính chất lỏng, và chúng là những tấm gương soi ma thuật xuất sắc.”

Flamel lại gật đầu, rõ ràng là rất ấn tượng.

“Bây giờ tất cả những gì chúng ta cần là một thứ nối kết ông với quý bà Perenelle.”

Nicholas tháo chiếc vòng bạc nặng nặng đeo quanh cổ tay phải của mình. “Perenelle đã tự tay làm cái này cho tôi,” ông vừa giải thích, vừa đặt nó xuống bàn. “Hơn một thế kỷ trước một chút, một tay săn tội phạm để lĩnh thưởng mang mặt nạ đã truy đuổi theo chúng tôi khắp châu Mỹ. Khẩu súng của hắn nạp đầy những viên đạn bằng bạc. Tôi nghĩ hắn tưởng chúng tôi là ma sói chắc.”

“Ma sói và những viên đạn bằng bạc sao!” Shakespeare phá ra cười lớn nghe như một tràng ho và lắc đầu. “Chúa ơi, những con người này sao mà ngốc thế!”

“Tôi tưởng đạn bằng bạc có tác dụng chống lại ma sói thật chứ,” Josh nói, “nhưng không phải vậy đâu hả?”

“Không,” Flamel nói. “Tôi lúc nào cũng thích giẫm hơn.”

“Hoặc là chanh,” Shakespeare nói, “và tiêu cũng là một lựa chọn rất hợp lý đấy.” Ông ta nhìn thấy ánh mắt bối rối ngơ ngác của Josh nên nói thêm, “Xịt lên người chúng hoặc ném vào mắt mũi chúng. Chúng sẽ dừng lại và hắt hơi, và như thế là anh bạn có thì giờ thoát thân rồi.”

“Giấm, chanh, và tiêu,” Josh lẩm bẩm. “Tôi sẽ ghi nhớ để bổ sung vào bộ dụng cụ đi săn ma sói của mình. Và nếu tôi không tìm được con ma sói nào, thì tôi có thể làm một món rau trộn,” Josh nói đầy vẻ châm biếm.

Shakespeare lắc đầu nguầy nguậy. “Không, không, cậu cần phải có dầu ô-liu ngon để làm món rau trộn chứ,” ông ta nói nghiêm túc, “mà dầu ô-liu không làm nên tích sự gì với mấy con Ma thuộc nhóm này đâu nhé.”

“Cho dù chúng cực kỳ hữu ích để chống lại bọn bruxa và strega,” Flamel lơ đãng nói thăm trong khi đang tạo ra những mẫu hoa văn uốn éo như dạng hình học được lặp đi lặp lại trên chiếc màn hình LCD.

“Tôi không biết chuyện đó,” Shakespeare nói. “Và làm sao người ta dùng –”

“Mà chuyện gì xảy ra với tay săn tội phạm linh thường kia vậy ạ?” Josh cắt ngang, vẻ thất vọng, cố lái cuộc nói chuyện trở về mạch cũ.

“Ồ, rốt cuộc Perenelle đã giải cứu hẳn khỏi bộ tộc Oh-mah.”

“Oh-mah?” cả Josh và Shakespeare đều hỏi một lượt.

“Sasquatch... Saskehavis,” Flamel nói, và trong tích tắc, hình ảnh một người cao lớn, có tầm vóc mạnh mẽ, trông rất nguyên sơ xuất hiện trên màn hình. Toàn thân bao phủ trong lớp lông màu hung đỏ và mang một cặp chùy làm bằng khúc rễ cây có nhiều mắt. “Còn gọi là Big Foot,” ông nói thêm.

“Big Foot. Tất nhiên rồi. Josh lắc đầu. “Vậy chú đang nói là có Big Foot – Big Feet gì đó - ở châu Mỹ sao?”

“Dĩ nhiên,” Flamel nói với vẻ xem thường. “Khi Perenelle giải cứu được tay thợ săn tội phạm để linh thường kia thoát khỏi bộ tộc Oh-mah,” ông vừa nói tiếp, vừa vuốt ve chiếc vòng, “anh ta tặng cho cô ấy mấy viên đạn bằng bạc để làm quà.” Một tia lửa màu xanh lá lan qua bên kia dải kim loại. “Tôi đã chăm chú xem cô ấy nung chảy các viên đạn làm bằng bạc này bằng luồng điện của cô ấy và tạo hình từng mắt nổi một...” Mùi hương bạc hà một lần nữa lại tràn ngập căn nhà chòi. Cầm chiếc vòng lên, Nhà Giả kim khép năm tay mình quanh xâu kim loại. “Lúc nào cô ấy cũng bảo rằng một phần nhỏ con người cô ấy luôn ở trong chiếc vòng này.”

Và ngay lập tức hai chiếc màn hình LCD nhấp nháy và cả ba người đều nhận thấy rằng họ đang nhìn vào Perenelle Flamel.

Thậm chí không có de Ayala dẫn đường, mùi hương bạc hà vẫn có thể lôi léo Perenelle dẫn sâu vào dãy xà-lim. Tươi nguyên và tinh sạch, mùi hương ấy bao trùm lên thứ mùi hôi thối khó chịu của tòa nhà mục nát và cả mùi đậm đặc luôn hiện hữu của muối. Bây giờ còn có một thứ mùi khác trong Alcatraz: mùi khó chịu ở sở thú của quá nhiều loài thú dồn vào nhau chật ních.

De Ayala ngừng lại trước lối vào của một xà-lim và trôi giạt người sang một bên, để lộ một tấm mạng nhện rồi beng to tướng lấp đầy khoảng trống. Tấm mạng hình tròn sáng lấp lánh những giọt chất lỏng rung rung. Mùi hương bạc hà mạnh nhất ở đây.

“Nicholas hả?” Perenelle thì thầm, lúng ta lúng túng. Đó là mùi hương quen thuộc tuyệt vời rất dễ phân biệt từ luồng điện của chồng bà... nhưng mùi hương ấy sao lại ở đây? Bà cố sẫm soi đằng sau tấm mạng, nhìn thẳng vào xà-lim. “Nicholas?” bà lại thì thầm một lần nữa.

Ngay tức khắc, mỗi giọt riêng lẻ trong tấm mạng lung linh tỏa sáng mờ mờ và kết thành một khối. Tấm mạng nhện nhanh chóng có khả năng phản chiếu, nhờ vậy mà như thể bà đang nhìn vào một tấm gương soi rất lớn, rồi toàn bộ mờ dần và tối sầm lại, để lộ ra lớp hoa văn phức tạp bên dưới. Một sợi dây màu xanh lá kêu rảng rắc uốn vặn lan khắp từng sợi tơ mỏng manh và bà nghe rõ giọng nói của Nicholas – “Lúc nào cô ấy cũng bảo rằng một phần nhỏ con người cô ấy luôn ở trong chiếc vòng này.” – rồi một tích tắc sau đó tấm mạng dần chiếu sáng sống động trở lại và ba khuôn mặt đầy vẻ ngạc nhiên hiện ran gay trong vùng tối, nhìn chăm bẵm vào bà.

“Nicholas!” Giọng Perenelle ngắt quãng. Bà phải chiến đấu ghê gớm lắm mới giữ cho luồng điện mình không sáng lóe lên. Đây là điều không thể - nhưng mặt khác, đó lại là thế giới nơi bà đang sống. Theo bản năng, bà biết ngay đây là một hình thức bói cầu, sử dụng chất lỏng trên mạng nhện làm nguồn cung cấp hình ảnh... nào làm được như vậy; ông chưa bao giờ nắm vững một ngón nghề đặc biệt nào. Nhưng Nicholas luôn làm bà ngạc nhiên, thậm chí sau hơn sáu trăm năm trong đời sống hôn nhân. “Nicholas,” bà thì thào. “Đúng là mình rồi!”

“Perenelle!Ồ, Perenelle!”

Nỗi vui mừng trong giọng nói của Nicholas làm bà muốn nghẹt thở. Nữ Phù thủy chớp mạnh cho những giọt nước mắt trôi ra, rồi tập trung hết sức vào chồng, bà xem xét ông từng chút một. Những đường hằn trên trán ông đã sâu hơn, có những vết nhăn mới quanh khóe mắt và quanh mũi, túi mắt tím thẫm và tóc ông đã nhuộm bạc, nhưng mọi thứ ấy không thành vấn đề: ông vẫn đang còn sống là tốt rồi. Bà cảm thấy có gì đó tận bên trong người bà giật thót lên rồi lại nói lỏng ra. Con nhân sư đã mắng nhiếc chế giễu bà rằng Nicholas đã tiêu rồi; Morrigan bảo Nicholas đã được thả ra ở Paris. Perenelle hầu như rất sợ, thậm chí không dám nghĩ đến Nicholas và những gì có thể xảy ra cho ông; trông ông có già đi thật, chắc chắn là vậy rồi; đây vẻ mệt mỏi, hằn nhằn; nhưng rất hoạt bát!

Cậu con trai, Josh, cũng ở đó, ngay đằng sau Nicholas. Trông cậu cũng khá mệt mỏi. Vàng trán lấm lem vấy bẩn và tóc tai bù xù, nhưng rõ ràng dường như cậu mạnh mẽ hơn. Bà không thấy bóng dáng Sophie. Còn Scathach đâu nhỉ? Perenelle giữ cho gương mặt mình không biểu lộ cảm xúc khi bà nhìn sang người đàn ông đang ngồi bên cạnh chồng mình. Người này trông hơi quen quen.

“Tôi nhớ mình lắm,” Nicholas nói. Ông giơ bàn tay phải lên, ngón tay xòe ra. Cả nửa thế giới chợt biến đâu mất, Perenelle bất giác làm theo động tác ấy, ngón tay bà vừa khớp với những ngón tay của ông. Bà cẩn thận không chạm vào tấm mạng nhện, ý thức rằng nếu lỡ chạm vào, chắc bà sẽ làm vỡ kết nối mất.

“Mình bình yên vô sự chứ?” Giọng Nicholas chỉ nhỉnh hơn tiếng thì thầm một chút, và hình ảnh ông rung rinh khi tấm mạng dập dờn trong cơn gió thổi vào theo cánh cửa để mở trong ở cuối dãy hành lang.

“Tôi không suy suyển gì và mạnh khỏe,” bà nói.

“Nhanh lên, Perry, không có nhiều thời gian đâu. Mình đang ở đâu đó?”

“Không xa nhà lắm; tôi đang ở Alcatraz. Còn mình?”

“E rằng đang ở ngoài mặt trận xa hơn mình nhiều. Tôi đang ở London.”

“London à! Morrigan bảo tôi rằng mình ở Paris mà.”

Nicholas mỉm cười. “À, nhưng đó là chuyện hôm qua; hôm nay tôi đã ở London rồi, nhưng không lâu đâu, nếu tôi có thể cải thiện được tình hình. Mình có thể rời hòn đảo được không?”

“Rủi thay là không thể.” Bà mỉm cười buồn bã. “Đây là hòn đảo của Dee. Có một con nhân sư được thả ra trong các hành lang nhà tù, nhiều xà-lim đầy rẫy những bọn quái thú, còn biển khơi thì lại bị các Nữ thần Biển canh giữ sát sao.”

“Cứ ở yên đó: tôi sẽ đến cứu mình,” Nicholas nói chắc nịch.

Perenelle gật đầu. Bà hoàn toàn không nghi ngờ gì rằng Nhà Giả kim sẽ cố gắng đến với bà; nhưng đến kịp hay không lại là chuyện khác. “Tôi biết là mình sẽ đến mà.” Họ sống với nhau quá lâu rồi và hầu như trọn thế kỷ này, tương đối khá là dễ chịu và ầm ỹ, không có liên hệ gì đến các Elder hay Thế hệ Kế tiếp, đến nỗi thì thoảng bà đã quên rằng sự hiểu biết của ông là vô kể. “Mình có kế hoạch gì không?”

“Ở Paris, tôi đã tìm lại được tấm bản đồ cũ của chúng ta trên đó vẽ các đường tuyến,” ông nói nhanh, đôi mắt long lanh đầy vẻ tinh quái. “Có một đường tuyến đâu đó trên vùng đồng bằng Salisbury Plain sẽ đưa cả bọn chúng tôi đến thẳng núi Mount Tamalpais. Chúng tôi sẽ hưởng về đó khi...” Ông ngập ngừng.

Perenelle bắt được chút ngập ngừng đó và cảm thấy một thoáng báo động dấy lên. “Khi cái gì? Mình còn phụ thuộc vào cái gì nữa, Nicholas?”

“Có một việc phải làm ở London trước đã,” ông nói. “Tôi muốn bọn trẻ gặp một người.”

Ngay lập tức bà nghĩ đến cả chục cái tên, nhưng không tên nào coi được cả. “Ai vậy?”

“Gilgamesh.” Perenelle há miệng định can, nhưng vẻ lạnh lùng trên gương mặt ông khiến bà dừng lại. Đôi mắt ông lóe lên và gần như không ai có thể nhận ra đầu ông lắc nhẹ về phía Josh. “Tôi sẽ nhờ ông ấy dạy cho bọn trẻ Pháp thuật Nước.”

“Gilgamesh,” bà nhắc lại, “Nhà vua.” Môi nở nụ cười gượng gạo, bà nói thêm, “Cho tôi gợi lời thăm ông ấy.”

“Tôi sẽ chuyển lời.” Flamel gật đầu. “Chắc chắn ông ấy sẽ nhớ mình. Và tôi hy vọng ông ấy sẽ chỉ cho chúng tôi đường tuyến nào sẽ đưa chúng tôi về nhà,” ông nói thêm.

“Nói tôi nghe nhanh lên, Nicholas: tất cả khỏe không? Bọn trẻ an toàn không?”

“Ừ. Hai đứa sinh đôi đang ở đây với tôi,” Nicholas nói. “Cả hai đều được Đánh thức rồi, Sophie đã học được cả Pháp thuật Không khí lẫn Pháp thuật Lửa. Không may, Josh chưa được huấn luyện gì cả.”

Perenelle quan sát Josh trong khi chồng bà đang nói. Thậm chí không có chút nét dao động nào, nhưng bà cảm giác được, chứ không phải trông thấy, vẻ thất vọng của cậu.

“Còn nhiều chuyện để nói lắm.” Flamel nói tiếp.

“Hiển nhiên rồi. Nhưng Nicholas này, ông quên cách cư xử mất rồi,” Perenelle trách nhẹ ông. “Ông chưa giới thiệu tôi với...” Ngay lúc sắp sửa đặt câu hỏi thì bà chợt nhận ra. “Có phải cậu Shakespeare đó không?”

Người đàn ông cạnh bên Nicholas cúi chào sâu hết mức trong tư thế ngồi của mình. “Tên đầy tớ hèn mọn của bà đây, thưa quý bà.”

Perenelle vẫn im lặng. Bà cảm thấy cơn đau nhói trên vai nơi bà bị bắn trúng trong cuộc tấn công diễn ran gay sau sự phản bội của Shakespeare, nhưng không như Nicholas, bà không bao giờ nuôi chút oán hận nào với cậu bé ấy. Bà biết khả năng thuyết phục của Dee nguy hiểm tới mức nào. Cuối cùng, bà cúi đầu xuống. “Cậu Will. Trông cậu khỏe đấy.”

“Cảm ơn, thưa bà. Gần cả bốn trăm năm rồi, tôi đã viết một dòng để tán dương bà – ‘Tuổi tác không thể làm bà tàn tạ, mà các lễ thói cũng không làm mất được trạng thái muôn màu muôn vẻ vô bờ bến của bà’ – có vẻ như dòng chữ này còn giữ được sự thật tinh nguyên. Bà vẫn đẹp như xưa.” Ông ta lấy hơi nhanh và rùng mình. “Tôi nợ bà một lời xin lỗi, thưa bà. Vì những việc tôi đã làm, suýt chút nữa đã giết chết bà. Tôi đã phạm một lỗi lớn.”

“Ông đã chọn sai phía, Will ạ.”

“Tôi biết điều đó, thưa bà.” Vẻ buồn rầu trong giọng nói của người bất tử tưởng như có thể sờ thấy được.

“Nhưng ông không có lỗi: chắc chắn lỗi nằm ở người bên kia, phải không?” bà hỏi nhẹ nhàng.

Đại thi hào mỉm cười và cúi đầu, âm thầm cảm ơn bà.

“Perry, tôi đã hiểu lầm ông Shakespeare đây. Bây giờ ông ta không còn làm bạn với tay Pháp sư đó nữa.” Nicholas vẫy vẫy bàn tay. “Chính ông ấy đã giúp chúng ta có thể liên lạc được với nhau.”

Perenelle cúi đầu. “Cảm ơn, Will. Tôi không thể nói với ông là tôi biết ơn ông ra sao khi được trông thấy Nicholas an toàn và khỏe mạnh thế này.”

Hai má Shakespeare ửng đỏ và lan tỏa lên tận cái đầu hói của ông ta. “Rất hân hạnh, thưa bà.”

“Còn cháu, Josh. Khỏe không?”

Thằng bé trai gật đầu, “Khỏe ạ, cháu cho là thế. Thật sự khỏe ạ.”

“Còn Sophie thì sao?”

“Tốt ạ. Chị ấy đã học được Ma thuật Lửa và Không khí. Giá mà cô thấy được những gì tụi cháu đã làm đối với bọn gargoyle ở Notre Dame.”

Perenelle chuyển đôi mắt màu xanh lá cây day về hướng chồng, và chân mày bà nhướng lên như ngầm hỏi.

“Như tôi mới nói đó, có nhiều chuyện để kể lắm.” Nhà Giả kim chồm người ra phía trước. Ông chợt không nói tiếng Anh nữa mà lại chuyển sang nói tiếng Pháp thời tuổi trẻ của mình. “Chúng tôi đã bị mắc kẹt, bị bao vây, trong lúc đương đầu với Những người Canh giữ của Thành phố. Đứa con trai đã lấy luồng điện của chính mình tiếp thêm vào luồng điện của cô bé gái – bạc và vàng kết hợp với nhau. Năng lượng của chúng mạnh không thể tưởng: chúng đã đánh bại được ma thuật mà Dee và Machiavelli đã kết hợp lại. Perenelle, chúng ta đã có rồi: cuối cùng, chúng ta cũng có được cặp song sinh huyền thoại!”

Tấm mạng nhện bị xé toạc khi một luồng gió mạnh mang mùi hôi thối thối xuống hành lang. Hình ảnh Nicholas tan ra thành cả triệu khuôn mặt nhỏ li ti, mỗi khuôn mặt được phản chiếu trên những giọt nước bên trên tấm mạng. Rồi những giọt nước lại hòa vào nhau và bề mặt phản chiếu kia hiện ra trở lại.

“Thưa bà...,” de Ayala gấp gáp thì thào, “có cái gì đang tiến đến gần.”

“Nicholas,” Perenelle nói mau. “Tôi phải đi rồi.”

“Tôi sẽ đến với mình nhanh hết sức,” Nhà Giả kim đáp lại.

“Tôi biết mình sẽ đến mà. Nhớ cẩn thận, Nicholas. Tôi thấy tuổi già hiện rõ trên mặt mình đó.”

“Perry, xin mình mọi lời khuyên cuối cùng,” Nicholas nói thêm. “Ông Shakespeare nghĩ rằng chúng ta có thể đứng lên chiến đấu. Nhưng chúng tôi đang ở giữa thành phố London của Dee mà bên kia lại đông ghê gớm. Mình nghĩ chúng ta có nên làm vậy không?”

“Ồ, Nicholas,” Perenelle nói dịu dàng bằng thứ tiếng Breton đã bị quên lãng từ thời tuổi trẻ xa xôi lâu ngày dài tháng. Một vẻ gì rất tinh tế đến với khung xương và các góc cạnh trên khuôn mặt bà, làm cho chúng như cứng lại. Đôi mắt màu xanh lá như khoác một lớp kính, và bà chuyển lại thành tiếng Anh. “Có lúc phải trốn chạy và có lúc phải đứng lên đối diện với kẻ thù. Nicholas, tôi thường giục mình hãy dừng lại và chiến đấu. Mình đã có kiến thức về thuật giả kim hàng nửa thiên niên kỷ có thể dùng chống lại Dee và các Elder Đen tối. Nhưng mình luôn bảo tôi rằng mình không thể - mình có ý muốn chờ đợi đến lúc tìm thấy được cặp song sinh. Nào, giờ mình đã có hai đứa nhỏ rồi. Mà mình vừa nói với tôi rằng chúng rất mạnh. Hãy sử dụng chúng đi. Hãy đập một cú ngay giữa trung

tâm để chế của Dee, hãy cho hắn thấy rằng chúng ta hoàn toàn không mất khả năng tự vệ. Đã đến lúc rồi, Nicholas, đã đến lúc đứng lên và chiến đấu.”

Nhà Giả kim gạt đầu. “Còn mình. Mình có thể ở đó an toàn cho tới khi tôi đến với mình được không?”

Perenelle chỉ mới định gạt đầu thì kẻ ghê tởm đã nhảy qua tấm mạng nhện, hàm răng há hoắc và móng vuốt giương xòe ra chĩa sắc lẹm sượt thẳng vào mặt bà.

Nhà Giả kim, Josh và Shakespeare đều nhìn thấy Perenelle định gạt đầu... rồi hình ảnh bị vỡ tan thành từng điểm ảnh, nhưng không kịp để cả ba người nhìn thấy chớp nhoáng những móng vuốt uốn cong vòng. Theo bản năng, cả ba đều nhảy lùi lại xa khỏi màn hình.

“Chuyện gì... chuyện gì xảy ra vậy?” Josh hỏi, rất bối rối. Màn hình bên trái chỉ còn toàn một màu đen, nhưng màn hình bên phải vẫn lốm đốm những chum điểm màu đỏ và xanh lá lấp lánh.

Bàn tay trái của Flamel nắm vòng quanh chiếc vòng bạc chặt đến nỗi các khớp đốt ngón tay trắng bột cả ra. Ngọn lửa màu xanh bạc hà bắn vọt sang tận bên kia dải kim loại khi các đầu ngón tay trong bàn tay phải của ông ấn mạnh vào chiếc màn hình. Trên màn ảnh tinh thể lỏng hiện ra những màu sắc cầu vòng lặp lại theo chu kỳ, và rồi mười dải màu hẹp và không theo quy luật nào xuất hiện trên nền đen, những sợi tơ dài nằm thẳng đứng dao động dập dờn như treu người cho thấy loáng thoáng một dãy hành lang trống trơn ở đầu kết nối bên kia. Nhưng không thấy bóng dáng Perenelle đâu cả.

“Vậy là sao?” Josh hỏi.

Shakespeare lắc đầu. “Tôi không biết nữa.” Rồi ông cuộn bàn tay phải thành hình móc câu và đưa về phía màn hình. Năm dải màu hẹp khớp với năm ngón tay ông ta. “Có cái gì đó nhảy xổ vào Quý bà Perenelle và đập quật vào bà. Chắc khi nhào tới bà, nó đã lao xuyên qua tấm mạng.” Ông ta dùng một cái móng tay gõ nhẹ vào mặt kính. “Có vẻ như chúng ta vẫn còn kết nối được qua những miếng vụn bị xé rách của tấm mạng. Tôi có thể thử lại xem sao.”

“Cô ấy... cô ấy ổn chứ ạ?” Josh hỏi, đầy vẻ lo lắng. Cậu để ý thấy chiếc vòng bạc bây giờ tách thành hai nửa, phần giữa bị chảy thành những giọt bạc nhẵn nhụi. “Chú Nicholas?”

Flamel không nói một lời. Ông đang run rẩy, khuôn mặt ông cắt không còn giọt máu và có vẻ dữ tợn, môi ông vạch thành một đường nét xanh lè. Tên Perenelle lấp má trên môi ông, nhưng không phát thành tiếng.

Hình ảnh trên màn hình chập chờn dao động... và rồi họ nhìn thấy Perenelle.

Bà đang lùi dần khỏi họ, hai bàn tay mở xòe ra phía trước trong tư thế tự vệ. Một đường xước dài chạy ngang qua bờ vai trần xuống tận một bên cánh tay, da thịt đỏ ửng và trông có vẻ sưng tấy lên.

“Perenelle,” Flamel thì thào, âm thanh thoát ra qua tiếng hỗn hển dồn dập.

Và rồi họ nhìn thấy nó. Một sinh vật đang di chuyển chậm chậm xuống dãy hành lang bằng đá, tiến về phía Nữ Phù thủy. Từ trước tới nay Josh chưa bao giờ trông thấy bất cứ thứ gì giống vậy: đó là một giới hạn cân bằng giữa vẻ đẹp và nỗi kinh hoàng. Sinh vật có chiều cao chắc khoảng bằng cậu, trong khi gương mặt phúng phính với hai gò má đỏ au là của một cậu bé, thì thân hình lại như một bộ xương cách trí, xương và cạnh sườn lộ thấy rõ bên dưới lớp da trắng nhợt xanh xao. Móng vuốt là sự lai tạp giữa chân con người với móng loài chim gõ lách cách dưới sàn, mặc dầu có bàn tay của con người, nhưng móng tay rất dài và đen thui, quặp ngược vào, như móng mèo. Đôi cánh dơi phủ lông vũ to vật vờ mọc lên từ cột sống xương xẩu và kéo lết bết phía sau dọc theo mặt sàn.

Và rồi một hình thù thứ hai xuất hiện. Thuộc giống cái. Mái tóc đen nhánh như tờ kẻ khung, bộ mặt xinh đẹp thanh tú. Nhưng thân mình cô ả thậm chí còn gầy gò hơn cả tên con trai kia, nếu có thể nói được như vậy. Cặp cánh của cô ả tối tả và rách bươm, và cô ả lôi sền sệt một cái cánh bên trái ở phía sau.

“Vetala,” Flamel thì thào đầy khiếp hãi. “Bọn uống máu, ăn thịt người.”

Một hình thù khác nữa lại xuất hiện phía trước Perenelle. Mơ hồ và mong manh, sinh vật này trông như con người và là phái nam. Bàn tay hằn ta giờ lên thành những năm đăm đày đe dọa và luôn miệng kêu lên những tiếng rền rĩ.

Luồng điện của Flamel nổ bung ra thành một màu xanh lá nhạt bao quanh lấy người ông, và mùi hương bạc hà chế ngự khắp căn phòng. “Tôi phải giúp cô ấy,” ông nói một cách liều lĩnh.

Bất thành linh, Palamedes xông vọt qua cánh cửa lao thẳng vào căn nhà chòi. “Luồng điện của ông kìa – dập tắt nó ngay!” anh ta nói như ra lệnh.

Mắt mở lớn, Sophie theo sát gót chàng hiệp sĩ, trong khi đằng sau cô bé mấy con chó mắt đỏ quạch tụ thành bầy ngay nơi ngưỡng cửa, bắt đầu gặm gù và sủa ran.

“Cô Perenelle gặp chuyện rồi,” Josh vừa nói, vừa nhìn Sophie. Cậu biết cô chị gái thật sự yêu thích người phụ nữ này.

“Flamel: ngưng ngay!” chàng hiệp sĩ hét lớn.

Nhưng Nhà Giả kim không hề lưu tâm đến anh ta. Lăn tròn hai nửa chiếc vòng bạc đã bị hư hại trong lòng bàn tay phải, ông khép những ngón tay mình lại và ánh sáng màu xanh ngọc lục bảo bùng chói lên phủ ngập năm tay ông. Rồi ông ấn bàn tay phải lên chiếc màn hình LCD. “Perenelle!” ông gọi.

Mùi hương bạc hà của Flamel bị bao phủ bởi mùi gia vị ấm nồng hơn của cây đinh hương khi chàng hiệp sĩ lấy tay mình giữ chặt hai vai của Nhà Giả kim. “Ông phải dừng lại ngay, Nicholas. Ông mang sự hủy diệt đổ xuống đầu chúng tôi mất!”

Ngay tức thì, luồng điện của Nhà Giả kim lóe sáng thậm chí còn chói chang hơn trước nữa, thoát tiên cháy bùng thành màu xanh ngọc lục bảo sáng chói, rồi chuyển sang màu ngọc bích phát ánh quang và cuối cùng thành màu xanh ô-liu sẫm. Chàng hiệp sĩ bị ném ngược ra phía sau khỏi người Nicholas, một bộ giáp xích hình thành khắp thân mình anh ta ngay khi anh ta đổ sầm vào bức tường với một lực đủ mạnh để làm lõm cả lớp kim loại. Ngọn lửa màu xanh lá bò trườn qua bên kia những mắc xích nổi trên bộ áo giáp của anh ta. “Will – ngăn ông ta lại!” Palamese hét toáng lên, trọng âm của anh ta nhấn không rõ ràng vì đầy sợ hãi. “Ngắt kết nối đi!”

“Thầy ơi, làm ơn...” Shakespeare chụp lấy tay áo Nhà Giả kim và giật mạnh. Những ngọn lửa màu xanh gay gắt nhỏ li ti bất chợt chạy ngược lên cánh tay ông ta, hất ông ta lão đảo bật lui, đập mạnh người ông ta va vào lò sưởi lạnh ngắt.

Josh thu mình bên cạnh Nhà Giả kim, nhìn chăm bẵm vào màn hình. “Chú đang cố làm gì vậy?” cậu hỏi gặng.

“Làm mạnh lên luồng điện của Perenelle bằng luồng điện của chính mình,” Nicholas nói liều. “Bọn vetala sẽ xé xác cô ấy ra thành từng mảnh mất. Nhưng chú sợ rằng mình không đủ mạnh.” Nghe rõ ràng rành rõi khiếp đảm trong giọng nói của ông.

Josh nhìn lên cô chị gái, trông thấy đầu cô bé thoáng gật rất nhẹ, cậu quay sang Nicholas. “Để cháu giúp,” cậu nói.

“Để tụi cháu giúp chú,” Sophie nói thêm.

Hai đứa nhỏ song sinh chiếm lấy vị trí hai bên Nhà Giả kim, Sophie bên phải, Josh bên trái, và mỗi đứa đặt một bàn tay lên vai ông. Josh nhìn cô chị gái và hỏi, “Bây giờ mình làm gì?”

Rồi thì hỗn hợp các mùi hương trong căn phòng trở nên áp đảo kinh khủng, gần như phát buồn nôn: cam và vanilla, đinh hương và bạc hà, trộn lẫn với mùi khó chịu của thức ăn chiên xào, mùi cơ thể lâu ngày không tắm và mùi quả chín của mấy con chó ẩm ướt.

Hiệp sĩ Saracen la lớn, nhưng mọi lời của anh ta đều chìm lìm trong tiếng nổ lộp bộp, tiếng kêu xì xì phát ra từ luồng điện bắn tung tóe chung quanh cặp song sinh, bạc và vàng, ngay lúc chạm phải luồng điện màu xanh lá của Nhà Giả kim giờ đã mờ đục, lập tức luồng điện của ông lóe lên và bùng sáng, lấp lánh những hạt bụi vàng anh kim hòa lẫn với những sợi chỉ bạc.

“Nhà Giả kim,” Palamedes la lên trong tuyệt vọng, “ông đã kết tội hết thầy chúng ta rồi!”

“Perenelle!” Nicholas vừa kêu lên, vừa mở rộng các ngón tay đè lên màn hình đang sáng. Những sợi chỉ màu xanh lá, vàng và bạc quấn vào nhau thành hình xoắn ốc lan luống cánh tay ông, bao bọc lấy từng ngón tay và biết mất vào màn ảnh.

Màn ảnh bên phải kêu răng rắc ở giữa, khói đen dày đặc cuộn cuộn xoắn xít bốc lên, và rồi giọng nói của Perenelle nhỏ nhẹ và cao ré, có thể nghe được rõ ràng.

“Nicholas! Ngừng lại! Ngừng lại ngay!” Nghe có vẻ rất kinh khiếp.

Trong màn hình bên trái mọi người trông thấy luồng điện trắng như nước đá tỏa sáng lờ mờ tụ lại quanh người bà và rồi nhanh chóng nhấp nháy tan ra.

“Nicholas!” Perenelle hét thất thanh. “Mình giết tôi mất!”

Và rồi màn ảnh tan chảy thành một vũng nhựa sôi sùng sục quyện lẫn với kính bị nấu chảy nóng nực bốc mùi hôi thối vô cùng khó chịu.

Tiến sĩ John Dee đi bộ vào phòng đợi lớn dành cho khách đến trong phi trường London City. Hắn không ngạc nhiên khi nhìn thấy một người đàn ông mặc bộ vét màu đen, áo sơ-mi trắng và đeo kính đen, đang cầm một tấm bảng in chữ DEE gọn lỏn trên đó. Tay Pháp sư đã điện thoại trước và cho văn phòng ở London của công ty Enoch Enterprises biết là hắn đang đến.

“Tôi là John Dee,” hắn vừa nói, vừa trao cho người đàn ông này cái túi du lịch nhỏ nhưng giữ lại cái túi đựng máy tính xách tay.

“Vâng, thưa ông, tôi đã nhận ra ông. Xin ông đi theo tôi.”

Dee nghĩ hắn có thể nghe một chút âm hưởng miền Trung Đông trong giọng người đàn ông này; hắn gần như có thể khẳng định đó là người Ai Cập. Hắn bước theo người đàn ông tới một chiếc limousine màu đen không rõ xuất xứ đậu ngay bên ngoài cửa dành cho khách đến trong khu vực cấm đậu xe. Người tài xế kéo mở cánh cửa sau và bước lùi lại, và trong tích tắc, hai cánh mũi của Dee bắt được một mùi quen thuộc và ngay lập tức hắn nhận ra rằng chiếc xe và anh tài xế này không do công ty của hắn phái đến. Chỉ trong một giây, hắn nghĩ đến việc quay người lại và bỏ chạy... nhưng rồi hắn nhận thấy hắn đâu có chỗ nào để đi nữa. “Cám ơn,” hắn vừa nói một cách lịch sự, vừa chuôi mình vào khoảng tối tăm bên trong. Cánh cửa đóng lại và một tiếng cạch nhẹ nhàng như được đẩy bằng hơi. Mùi hương bên trong khoang xe kín mít cô đặc đến mức khiến hắn muốn ngạt thở. Hắn ngồi xuống khẽ khàng và nghe một tiếng thụt khi người tài xế đặt chiếc va-li của hắn vào thùng để hành lý đằng sau xe; chốc lát sau, chiếc xe lướt nhẹ và êm ru tách ra khỏi lề đường.

Tay Pháp sư đặt túi đựng máy tính xách tay bên cạnh hắn, rồi quay sang nhìn vào hình dáng đang đội chiếc mũ trùm hắn mà biết đang ngồi ở đầu kia của chiếc ghế bọc da. Một nụ cười gượng ép trên mặt hắn, hắn cúi chào nhẹ. “Thưa bà, phải nói là tôi rất ngạc nhiên - và vui mừng, tất nhiên - khi được gặp bà ở đây.”

Hình dáng ngồi trong bóng tối động đậy và có tiếng quần áo kêu sột soạt. Rồi đèn bên trong lách cách bật lên, và Dee, mặc dù đã được mùi hương báo trước cho biết hắn sắp sửa nhìn thấy gì, vậy mà hắn vẫn nhìn chết trân vào cảnh tượng khủng khiếp của một cái đầu sư tử cái to tướng đang dịch lần lần xa khỏi

đầu hắt. Ánh sáng chiếu lên những chiếc răng cửa trông có vẻ đen ác và lấp lánh trên lớp lông dày. Elder Đen tối Basket ngẩng đầu nhìn hắt bằng đôi mắt to có con ngươi như hai đường rạch màu vàng. “Tôi thật sự bắt đầu thấy không ưa ông, Tiến sĩ John Dee ạ.” Bà ta càu nhàu.

Tay tiến sĩ cười sượng trân, rồi hạ ánh mắt nhìn rời khỏi hàm răng sắc nhọn và phả những hạt bụi vô hình ra khỏi tay áo hắt. “Vậy là ba năm trong đa số rồi; nhiều người không thích tôi lắm. Nhưng công bằng mà nói,” hắt bồi thêm rất nhẹ nhàng, “tôi cũng không thích nhiều người. Thật ra là hầu hết mọi người. Nhưng, tin tôi đi, thưa bà, đối với bà cơ bản tôi không có gì ngoài một mối quan tâm sâu sắc nhất.”

Ánh đèn vụt tắt và Basket lại trở nên tàng hình trong vùng tối.

Mọi ý nghĩ lóe lên trong Dee và hắt hỏi, “Tôi tưởng ác cảm của bà đối với sắt sẽ ngăn cản không cho bà sử dụng phương tiện hiện đại như chiếc xe hơi thế này chứ?”

“Sắt không độc đối với tôi, không như một số các Elder khác. Tôi có thể dung hòa nó trong một thời gian ngắn. Và phần nhiều trong chiếc xe hơi này là carbon mà.”

Dee gật gù, ghi nhớ thông tin là sắt không độc đối với các Elder. Hắt luôn tưởng rằng chính vì sự ra đời của sắt đã dồn các Elder ra khỏi thế giới này chứ. Sau hơn bốn trăm năm phục vụ họ, hóa ra vẫn có rất nhiều điều hắt chưa biết về họ.

Chiếc xe chạy chậm dần, rồi ngừng hắt. Xuyên qua cửa sổ phủ màu tối sẫm, Dee chỉ có thể nhận ra ánh đèn giao thông màu đỏ đang chiếu sáng. Hắt chờ cho đến khi đèn đổi sang màu xanh rồi mới tự cho phép mình nói chuyện trở lại. “Tôi có thể hỏi tôi đã làm gì cho bà giận được không?” Hắt lẩm bẩm, có ý cố giữ được cho giọng nói không bị rung. Basket là một Elder thuộc Thế hệ Thứ nhất và là một trong những nhà cai trị nguyên thủy của Danu Talis. Sau sự nhấn chìm của hòn đảo, bà ta đã được tôn kính qua nhiều thế hệ ở Ai Cập, cũng như các quốc gia và dân tộc suốt từ vùng Inca\* đến Trung Quốc đã thể hiện sự kính trọng đối với loài mèo để tưởng nhớ thời kỳ bà đã đồng hành cùng thế giới loài người cổ đại.

\* Thuộc vùng Nam Mỹ, có đế chế khổng lồ ở Peru và toàn bộ vùng Andes, hưng thịnh từ thế kỷ 12 đến giữa thế kỷ 16. Dân tộc Inca là những kiến trúc sư,

kỹ sư, và nghệ sĩ tài hoa. Hậu duệ người Inca chiếm khoảng 50% người Pera hiện nay.

Dee nghe tiếng sột soạt của những trang giấy lật qua và hần nhận ra rằng bà Elder này đang đọc gì đó trong một khoảng tối hoàn toàn.

“Ông là hiện thân của những mối phiền phức, Tiến sĩ Dee à. Tôi có thể nghĩ thấy nó đang toát ra nơi ông như luồng điện mùi lưu huỳnh lổ bịch mà ông ưa thích hơn cả.” Có tiếng giấy bị xé vụn ra chầm chậm và cẩn thận. “Tôi đã nghiên cứu kỹ hồ sơ của ông. Nó không khiến người ta có chút cảm hứng nào để đọc. Có thể ông là tay chân đầu tiên của chúng tôi trên thế giới này thật, nhưng tôi cho rằng rõ ràng là ông vô dụng. Ông đã thất bại hết lần này đến lần khác trong nhiệm vụ được giao là phải bắt cho được nhà Flamel và để lại một dấu tích toàn là những chết chóc và hủy diệt theo sát gót chân ông. Ông được giao cho việc bảo vệ sự sống còn của các Elder, vậy mà mới ba ngày trước đây ông đã phá hủy không chỉ một mà là đến ba Vương quốc Bóng tối nối liền với nhau. Việc làm táo bạo gần đây nhất ở Paris suýt tí nữa - một cách vô cùng nguy hiểm - đã để lộ ra sự hiện diện của chúng tôi với loài người. Thậm chí ông còn cho phép Nidhogg hoành hành khắp đường phố Paris nữa chứ.”

“Vâng, đó thật ra là ý tưởng của Machiavelli...,” tay Pháp sư vọt miệng.

“Nhiều Elder đã yêu cầu phải tiêu diệt ông,” Bastet nói tiếp bằng một tiếng gầm gừ trầm đục.

Câu nói này đã làm Dee bàng hoàng đến nỗi không nói được gì. “Nhưng tôi đã phục vụ các Elder Đen tối rất trung thành mà. Tôi đã làm như thế suốt mấy thế kỷ nay,” hần chống đỡ đầy ai oán.

“Phương pháp của ông thô bạo, lỗ mãng quá, không hợp thời,” bà Elder đầu mèo nói tiếp. “Hãy em Machiavelli kìa: ý sắc bén, gọn gàng và chính xác; còn ông đao to búa lớn, thô thiển và ngớ ngẩn. Ông từng có lần gần như thiêu đốt chính thành phố này ra tro. Các sinh vật của ông đã giết chết cả một triệu con người ở Ireland. Một trăm ba mươi ngàn người chết ở Tokyo. Và dù cho nó gây ra những tổn thất này cho cuộc sống loài người, ông vẫn thất bại không sao bắt giữ được nhà Flamel.”

“Tôi đã được bảo phải bắt nhà Flamel và chiếm lấy cuốn Codex bằng mọi phương tiện có thể có. Đó là ưu tiên số một kia mà, “Dee cúi kính, cơn giận khiến hần thiếu thận trọng. “Tôi đã làm những gì tôi phải làm để đạt được mục

đích đó. Còn chuyện ba ngày trước, xin để tôi nhắc cho bà nhớ, tôi đã giao Cuốn sách của Pháp sư Abraham rồi đó.”

“Nhưng ngay cả chuyện đó ông làm cũng không xong đâu,” Bastet thầm thì rất lạnh lùng. “Cuốn Codex không hoàn chỉnh, thiếu mất hai trang cuối cùng.” Hơi thở của bà Elder thay đổi và trong bóng tối Dee chợt ý thức rằng hơi thở mùi thịt ôi của bà ta đang gần sát vào mặt hắn rất nguy hiểm. “Pháp sư à, ông được hưởng sự bao bọc bảo vệ của một Elder đầy quyền lực - có lẽ quyền lực nhất trong hết thầy chúng tôi - và điều đó đã giữ cho ông còn được sống lâu đến thế này,” Bastet tiếp tục nhấn mạnh. Đôi mắt vàng khè to tướng sáng lóe vọt ra từ bóng tối âm u, hai con ngươi hẹp như hai lưỡi dao. “Khi những người khác đòi xử phạt ông hoặc là bắt ông phải chết, thì chủ nhân của ông lại bảo vệ ông. Nhưng tôi tự hỏi - và tôi không phải là người duy nhất trong số này - tại sao một Elder lại sử dụng một công cụ đầy vết hồng hóc như thế chứ?”

Những lời nói làm hắn ớn lạnh. “Bà gọi tôi là gì?” Cuối cùng hắn cũng thì thào được. Miệng hắn khô queo và lưỡi hắn như phát phình ra trong miệng.

Đôi mắt Bastet lóe sáng. “Một công cụ đầy vết hồng hóc.”

Dee cảm thấy ghẹt thở. Hắn cố gắng làm dịu xuống trái tim đang giộng thành thạch của mình. Kể từ lần cuối cùng hắn nghe phải bày từ đó đến nay đã hơn bốn trăm năm, nhưng chúng vẫn giữ nguyên cảm giác đau đớn sâu sắc in hằn trong ký ức của hắn. Hắn không bao giờ quên những thứ đó. Về nhiều mặt những từ này đã định hình nên cuộc sống của hắn.

Quay mặt đi tránh hơi thở hôi thối của Bastet, Dee tựa trán lên làn kính lạnh lẽo và nhìn vào màn đêm ngoài kia vụt lóe lên khi đi ngang qua những vệt sáng. Hắn đang chạy xe qua trung tâm London vào thế kỷ hai mươi mốt, song khi hắn nhắm mắt và nhớ lại lần gần đây nhất hắn đã cảm thấy giống hệt như thế này, lần gần đây nhất hắn đã nghe phải đúng những từ này, hắn có cảm giác hắn đang quay lại với thành phố của Vua Henry VIII.

Ký ức, bị chôn vùi đã lâu nhưng không bao giờ quên được, bỗng ập ủa trở lại, và hắn biết việc bà Elder sử dụng bày từ đó chắc không phải do ngẫu nhiên. Bà ta chỉ muốn cho hắn biết bà ta đã biết về hắn nhiều như thế nào thôi.

Vào ngày 23 tháng Tư năm 1542, một ngày mưa rào lạnh lẽo ở London, John Dee đang đứng trước mặt cha mình là Roland, trong ngôi nhà của họ ở Phố Thames. Dee mới mười lăm tuổi - và trông bề ngoài cậu bé có vẻ lớn hơn độ tuổi đó - nhưng vào lúc ấy cậu bé lại cảm thấy thích mình chỉ mười tuổi thôi. Cậu bé

khóa chặt bàn tay mình thành hai nắm đấm giấu sau lưng và cứng người không cử động được, sợ mình sẽ buột miệng nói ra, nên cậu bé nín thở, trái tim nện thình thịch mạnh đến nỗi thật sự làm rung lắc toàn thân cậu bé. Cậu bé biết nếu mình cử động, mình sẽ ngã nhào, hoặc quay người bỏ chạy thoát khỏi căn phòng ấy như một đứa con nít, và nếu cậu bé nói ra một lời nào thì cậu bé sẽ yếu lòng và bật khóc ngay. Nhưng cậu bé đã kiên quyết nhủ lòng không được biểu lộ bất cứ sự yếu đuối nào trước mặt Roland Dee. Qua bên vai phải của cha, xuyên qua ô cửa sổ kẻ ô hình thoi nhỏ xíu, John có thể nhìn thấy đỉnh Tháp London gần đó. Đứng yên không nhúc nhích và im lặng, cậu bé để cho cha mình tiếp tục đọc sách.

John Dee luôn biết mình rất khác biệt.

Khi mới chỉ là một đứa trẻ, và rõ ràng là từ những năm đầu đời cậu bé đã được ban tặng một khả năng đặc biệt về toán học và ngôn ngữ; cậu bé có thể đọc và viết không chỉ tiếng Anh thôi, mà cả tiếng La-tinh và Hy Lạp nữa, ngoài ra còn tự học tiếng Pháp và một chút tiếng Đức. John hoàn toàn tận tụy với mẹ, Jane, và bà ta luôn về phe với cậu chống lại sự độc đoán của người cha. Được mẹ khích lệ, John đã đặt ra viễn cảnh sẽ theo học tại trường St. John's College, Cambridge. Cậu bé đã nghĩ - đã hy vọng - rằng cha sẽ vui mừng, nhưng Roland Dee là một nhà buôn vải dệt, giữ một vị trí nhỏ nhỏ trong triều Vua Henry và hầu như rất sợ một nền giáo dục quá cao. Roland từng trông thấy điều gì đã xảy đến cho những người có giáo dục trong triều: làm phật ý nhà vua thật là một việc quá dễ dàng, và những ai làm như vậy thường có kết cục trong nhà tù hoặc là chết, hoặc bị tước đoạt hết đất đai và tài sản. John biết cha muốn mình thừa kế việc kinh doanh làm ăn của gia đình, và để làm điều đó cậu bé không cần được giáo dục gì hơn là khả năng đọc, viết và cộng một cột số.

Nhưng John Dee lại muốn nhiều hơn.

Vào một ngày tháng Tư năm 1542, cuối cùng cậu bé đã lấy hết can đảm để thưa với cha là mình đang theo học trường này, dù cha có cho phép hay không. Ông ngoại cậu bé William Wild, đã đồng ý chi trả học phí, và Dee đã ghi danh học mà cha không hề hay biết.

“Vậy giả như con đi học tại ngôi trường này, thì sao nữa?” Roland hỏi gằn, chòm râu rậm tua tủa dựng đứng vì cơn thịnh nộ nổi lên đùng đùng. “Người ta sẽ nhồi nhét vào đầu con những điều vô nghĩa chẳng ích lợi gì. Con sẽ học tiếng La-tinh và Hy Lạp, toán học và triết học, lịch sử và địa lý, nhưng những thứ đó ích

lợi gì cho cha, hay là chúng có ích cho con, hả? Con sẽ không bao giờ hài lòng với việc đó. Con sẽ ngày càng tìm kiếm nhiều kiến thức hơn, và điều đó sẽ đẩy con xuống những con đường tối tăm, con trai ạ. Con sẽ không bao giờ thấy thỏa mãn, bởi vì con không bao giờ hiểu biết đủ cả.”

“Xin cứ nói những gì cha muốn,” thằng bé mười lăm tuổi ráng trả lời. “Con sẽ đi.”

“Vậy thì con sẽ như một con dao được mài quá thường xuyên đến độ trở nên cùn nhụt: con sẽ trở thành một công cụ đầy vết hỏng hóc... và ta có một công cụ đầy vết hỏng hóc thì phỏng có ích gì kia chứ?”

Tiến sĩ John Dee mở choàng mắt ra và tập trung trở lại vào đường phố của London hiện đại.

Hắn hiếm khi nói chuyện với cha từ sau ngày đó, ngay cả khi ông già bị tống giam trong Tháp London. Dee đã đi đến Chelmsford, và rồi đến một ngôi trường mới thành lập Trinity College, và nhanh chóng thiết lập được uy tín cho bản thân mình như là một trong những người tài hoa nhất vào thời của hắn. Và đã nhiều lần hắn nhớ lại những lời của cha và nhận ra rằng Roland Dee đã nói rất đúng: sự tìm kiếm kiến thức của hắn không bao giờ có thể thỏa mãn được, và điều đó đã dẫn hắn xuống những con đường rất tối tăm và rất nguy hiểm. Rốt cuộc cũng chính điều đó đã dẫn hắn đến với các Elder Đen tối.

Và đâu đó tận sâu thẳm trong tâm trí hắn, trong vùng tối tăm và bí mật nơi chỉ chôn vùi những ký ức từng làm hắn tổn thương nhất, đã ẩn nấp bảy từ đầy cay đắng xót xa đó.

Một công cụ đầy vết hỏng hóc.

Không đếm xỉa gì đến những gì hắn đã đạt được - những thành công vượt bậc, những khám phá làm mọi người kinh ngạc và những lời tiên đoán chính xác đến kỳ lạ, thậm chí cả sự bất tử của hắn và sự liên tưởng của hắn đến những hình tượng đã được tôn sùng qua nhiều thế hệ như những vị thần và những câu chuyện thần thoại - bảy từ này vẫn nhạo báng hắn, bởi vì một cách bí mật hắn e sợ rằng cha hắn cũng đã đúng khi thốt ra những lời ấy. Biết đâu chừng hắn là một công cụ đầy vết hỏng hóc thật.

Đằng hắng một tiếng, hắn nhấc trán ra khỏi làn kính cửa sổ, gắn lên mặt một nụ cười thách thức giễu cợt và quay lại với bóng tối bên trong chiếc xe. “Tôi không biết là bà có hồ sơ về tôi đấy.”

Tiếng lớp da bọc ghế kêu cọt két khi Bastet thay đổi tư thế. “Chúng tôi có hồ sơ về mọi người bắt tử và người không bắt tử đang phục vụ chúng tôi. Hồ sơ của ông tình cờ lại là hồ sơ dày hơn tất cả các cái khác kết hợp lại.”

“Tôi đang được tăng bốc chằng.”

“Không phải đâu. Đó là, như tôi đã nói, một chuỗi những thất bại thôi.”

“Tôi thật thất vọng rằng bà lại xem xét vấn đề theo cách đó,” Dee nói khê khàng. “Cũng còn may, tôi không có bốn phận phải trả lời bà. Tôi chỉ phải trả lời cho một người có quyền hành cao hơn,” hắn nói tiếp, với một nụ cười vẫn gằn chặt trên khuôn mặt.

Bastet rít lên như một con mèo bị nắm đuôi.

“Nhưng những lời nhận xét hài hước này thế là đủ rồi,” tay Pháp sư vừa nói tiếp, vừa xoa thật nhanh hai bàn tay vào nhau. “Cái gì mang bà đến London thế? Tôi tưởng bà đã quay lại ngôi nhà rộng lớn ở Bel Air sau chuyến phiêu lưu của chúng ta ở Mill Valley rồi chứ.”

“Sáng sớm hôm nay có một người từ quá khứ xa xưa liên lạc với tôi.” Giọng bà Elder Đen tối trầm trầm rền rền đầy giận dữ. “Một người tôi tưởng đã chết lâu lắm rồi, một người tôi không bao giờ muốn nói chuyện một lần nào nữa.”

“Tôi không chắc là chuyện này có liên quan tới tôi...,” tay Pháp sư buột miệng.

“Mars Ultor đã liên lạc với tôi đó.”

Dee rướn thẳng người lên. Bởi chưng đôi mắt hắn đã quen với bóng tối, nên hắn gần như có thể nhận ra được cái đầu mèo của Bastet in bóng màu đen lên ô cửa hình chữ nhật hơi sáng hơn. “Mars nói chuyện với bà à?”

“Lần đầu tiên trong hàng mấy thế kỷ. Và ông ta nhờ tôi giúp đỡ ông.”

Dee gật đầu. Lúc này khi hắn rời khu hầm mộ, Elder này vẫn chưa trả lời cho lời đề nghị của hắn là mang cặp song sinh trở lại Paris và ép buộc Sophie tháo bỏ lời nguyền cho ông ta.

Tiếng quần áo sột soạt và mùi mèo của Bà Nữ thần đột nhiên phà ra mạnh mẽ. “Chuyện đó có thật không?” Bà ta hỏi, đủ gần để khiến Dee phải đội lại tránh hơi thở của bà ta.

Tay Pháp sư quay đi chỗ khác, nhấp nháy cho nước mắt rơi ra khỏi mắt. “Cái...” Hắn ho khan mấy tiếng. “Cái gì thật không?”

“Ông có thể thả ông ấy ra thật không vậy? Bà Phù thủy đã nguyên rủa ông ta; đó là lời nguyền mà bà ấy sẽ không tháo cởi đâu.”

Một trong những lý do khiến tay Pháp sư người Anh sống sót trong triều đại chết người của Nữ hoàng Elizabeth và sau suốt mấy thế kỷ nay là hắn không bao giờ đưa ra một lời hứa khi hắn không thể giữ, hoặc một lời đe dọa khi hắn không có ý định thực hiện. Hắn mất một lúc để cân nhắc cho câu trả lời của hắn, cẩn thận giữ cho khuôn mặt mình một vẻ trung dung. Mặc dù đang ở trong bóng tối ở băng ghế sau của một chiếc xe, hắn biết rằng không có gì khác với các Elder đầu mèò này. Bà ta có thể dễ dàng nhìn thấy trong bóng tối kia mà. “Bà Phù thủy đã chuyển tất cả kiến thức và toàn bộ sự hiểu biết của bà ta cũng như các truyền thuyết vào đứa con gái Sophie, con bé mà bây giờ chúng ta đã biết là một đứa trong cặp song sinh huyền thoại. Thậm chí đứa con gái này còn thừa nhận là mình biết cách làm thế nào để đảo lại câu thần chú, nhưng khi Mars yêu cầu con bé - van nài con bé - hãy làm như vậy, con bé đã từ chối. Tất cả những tôi phải làm là cho con bé một lý do đúng đắn để nó không từ chối nữa khi chúng ta yêu cầu trong lần tới.” Đôi môi tàn ác của Dee vặn thành một nụ cười. “Tôi có thể là người rất có khả năng thuyết phục đấy.”

Elder Đen tối lau bầu.

“Ông đừng làm ra vẻ vui thích về chuyện ấy lắm thế. Tôi hẳn đã tưởng ông phải biết run sợ khi có một người như Mars lại đầu quân vào hàng ngũ của ông chứ.”

Bà Elder phá ra cười, một thứ âm thanh khó chịu. “Ông không biết chút gì về Mars Ultor, kẻ Báo thù, phải không?”

Tay Pháp sư suy nghĩ một lúc rồi mới trả lời. “Tôi biết một số trong những câu chuyện thần thoại này,” hắn thú nhận.

“Có lần ông ta là một anh hùng; rồi ông ta lại trở thành một con quỷ dữ,” Bastet nói chậm rãi. “Một sức mạnh từ bản chất, không thể chế ngự được, không thể đoán trước được và có khả năng gây chết người đến mức không thể tin nổi.”

“Có vẻ như bà không thích ông ta lắm nhỉ.”

“Thích ông ta?” Bastet lặp lại. “Tôi yêu mến ông ấy. Và chính xác bởi vì yêu ông ấy mà tôi không muốn ông ấy sống bên ngoài thế này một lần nữa.”

Lúng túng, Dee lắc đầu. “Tôi cứ tưởng chúng ta cần Mars trong cuộc chiến sắp tới chứ.”

“Cơ thịnh nộ của ông ta có nguy cơ tàn phá thế giới này và mọi Vương quốc Bóng tối tiếp giáp... và rồi hoặc một anh hùng nào đó thuộc giống người hoặc chiến binh Elder nào đó sẽ buộc lòng phải tiêu diệt ông ta hoàn toàn. Ít ra thì

khi ông ta ở trong khu hầm mộ, tôi cũng biết được là ông ta đang ở đó và tôi biết là ông ta đang an toàn.”

Dee cố mặc cho những gì hăn nghe được một ý nghĩa nào đó. “Làm sao bà có thể tuyên bố là yêu ông ta mà lại muốn ông ta bị kết án tử hình trong lúc đang sống sờ sờ như vậy được?”

Dee cảm thấy, chứ không phải nghe được, tiếng sột soạt của mấy cái móng tay khi chugs vung lên thành hình vòng cung xuyên qua không khí trước mặt hăn. Chỗ ngồi bọc da thành hình xếp xuống và kêu xì xì vì bị châm thủng. Khi nói, giọng của bà Elder rung rung đầy cảm xúc. “Các quốc gia loài người đã gọi Mars bằng nhiều tên suốt mọi thời đại. Riêng tôi, tôi gọi ông ta là Horus\*... và ông ta là cậu em bé bóng của tôi.”

\* Thần mặt trời Horus, theo thần thoại Ai Cập.

Kinh ngạc đến sững sờ, Dee ngồi trở lại vào chỗ của mình. “Nhưng vậy thì tại sao Bà Phù thủy lại nguyên rủa ông ta?” Hăn hỏi. “Bà đang có ý nói rằng lời nguyên này thật ra là đang bảo vệ ông ta kia mà.”

“Bởi vì thậm chí bà yêu ông ta còn hơn cả tôi yêu nữa. Bà Phù thủy Endor là vợ ông ấy.”

Vetala.

Nữ Phù thủy nhảy lùi khỏi sinh vật vừa phòng mình xuyên qua tấm mạng và đang nhào tới bà. Rõ ràng nó đang ngủ trong xà-lim bên kia. Bà bắt được thoát chuyển động trong một tích tắc cuối cùng trước khi nó hiện hẳn ra, nhưng bà không nhanh đủ để kịp thoát khỏi những móng vuốt đang vụt lia lịa. Một cái móng tay gồ ghề lởm chởm đã lạng một nhát trên da thịt bà, và cả cánh tay bà đau nhói như bị bỏng. Bà biết bà cần phải ra trở lại ngoài ánh sáng trời càng nhanh càng tốt và rửa sạch vết thương. Perenelle rùng mình khi nghĩ đến những thứ cáu bẩn ghê tởm dính dưới móng tay của con vetala.

Phía sau con ma cà rồng ấy, tấm mạng nhện treo lủng lẳng những mảnh rách toạc tả. Những tia lửa màu xanh lá nhỏ li ti nhảy múa từ bên này qua bên kia tấm mạng, và bà tự hỏi không biết cái gì đã đánh thức sinh vật này. Mỗi mảng mạng nhện vẫn cho thấy một chút hình ảnh của Nicholas, Josh và Shakespeare.

Và rồi thêm một sinh vật thứ hai lại nhảy qua những sợi tơ nhện lòng thòng.

Perenelle nhận thấy hai sinh vật này giống nhau đến mức có thể ngỡ là một cặp sinh đôi. Khuôn mặt chúng xinh đẹp, mang những đường nét sắc sảo của người Ấn Độ, làn da tuyết mịn và đôi mắt to trong trẻo màu nâu. Bà biết rằng chúng thường phủ đôi cánh dơi đen ngòm quấn quanh người chúng, để che giấu thân hình tiêu tụy với làn da xám xịt và bàn tay bàn chân đầy móng vuốt mãi đến giây phút cuối cùng trước khi chúng tấn công.

Lùi xuống dãy hành lang, Perenelle bước từ từ xa khỏi bọn vetala, cố gắng hết sức để nhớ lại những gì bà đã hiểu biết về chúng. Bọn chúng nguyên sơ và giống như loài dã thú, những sinh vật của bóng đêm và vùng tối tăm u ám, và cũng như nhiều dòng giống ma cà rồng sống về đêm, chúng nhạy cảm với ánh sáng và không thể chịu được ánh nắng mặt trời.

Cần phải đến được mấy bậc thang đằng sau bà... nhưng bà không dám quay lưng lại mà chạy.

De Ayala xuất hiện đằng sau hai sinh vật kia. Bóng ma ấy giơ cả hai tay lên và bay dập dờn xuyên qua hai sinh vật. Ông ấy kêu rền rĩ, một tiếng hú kinh khiếp kéo dài đầy tuyệt vọng và cô độc vang lên dội vào những phiến đá ẩm ướt rồi vọng trở lại. Bọn vetala chẳng xem hồn ma ấy ra gì. Những con mắt to tướng

long lanh của chúng cứ tập trung không chớp vào Nữ Phù thủy, hai cái miệng hơi hé ra để lộ hàm răng trắng tinh hoàn hảo, cảm chúng ướt mềm toàn là nước bọt. De Ayala chớp nháy biến mất và rồi những cánh cửa bên trên gióng âm ầm ầm và kêu lạch cạch cách rất mạnh tung bụi đất rớt xuống phủ đầy đầu chúng. Bọn vetala thậm chí còn không thêm phản ứng. Chúng cứ đơn giản nhích từng chút một tiến thẳng ra phía trước.

“Thưa Quý bà, tôi không thể giúp bà được rồi,” de Ayala hiện ra sát bên cạnh Nữ Phù thủy, thốt lên với vẻ thất vọng. “Dường như thể chúng biết tôi chỉ là một hồn ma và hoàn toàn không có khả năng làm hại chúng vậy.”

“Trông chúng có vẻ đói đấy,” Perenelle lầm bầm, “và chúng biết là chúng không thể ăn thịt được ông thôi.” Bà im bật, chợt để ý thấy những miếng tơ nhện dang sau hai con ma cà rồng bắt đầu ánh lên một màu xanh lá dịu dịu mờ mờ. Bà bắt được thoáng hiện rời rạc của chồng bà bằng bạc trong luồng điện của ông.

“Perenelle.”

Giọng Nicholas chỉ là tiếng thì thào mỏng nhẹ như những sợi tơ nhuyền chất. Có hình ảnh gì lung linh chuyển động sát bên ông, và rồi luồng điện của ông sáng lóe bừng sáng đủ để tỏa ra một màu xanh mờ mờ dùng đục chiếu xuyên những mảnh tơ nhện qua đến tận dãy hành lang trên Alcatraz.

Nữ Phù thủy biết hơn cả chục câu thần chú có thể đánh bại bọn ma cà rồng, nhưng sử dụng chúng là đồng nghĩa với việc kích hoạt luồng điện của bà... và điều đó cũng có nghĩa là mang con nhân sư lại đây. Bà cứ tiếp tục bước giạt lùi; một khi bà tới được cầu thang, bà sẽ quay ngoắt người chạy đi và hy vọng thoát ra được đến cánh cửa trước khi bọn chúng đánh gục bà. Bà nghĩ mình có thể làm được. Đây là những sinh vật của rừng, những móng vuốt của chúng được thiết kế phù hợp với nền đất mềm và vỏ cây, lúc này bà đã nhìn thấy những móng tay móng chân của chúng trượt trên nền đá như thế nào rồi. Mấy cái cánh xếp lại của chúng cũng bất tiện và cồng kềnh vướng víu. Perenelle bước lui thêm một bước nữa, di chuyển về phía ô cửa hình chữ nhật đầy ánh sáng ngay phía sau bà. Bây giờ bà có thể cảm thấy hơi nóng ẩm của mặt trời rọi lên lưng, bà biết bà đã gần mấy bậc thang kia lắm rồi.

Và rồi, bên trong những mảng tơ nhện đang đu đưa kia, bà trông thấy Sophie và Josh, hai đứa đang đứng hai bên chồng bà. Tất cả đang nhìn chăm chăm và bà với vẻ rất chú tâm, chân mày cau gắt lại. Luồng điện của Nicholas chiếu ra màu ngọc lục bảo bừng sáng. Bên tay phải ông, Sophie trở ra chùm ánh sáng màu bạc,

và Josh, bên tay trái, nở bung một màu vàng ánh kim. Tấm mạng nhện tỏa sáng như một chiếc đèn lồng và toàn bộ dãy hành lang như được thắp sáng bừng.

“Perenelle.”

Hai con vetala quay người lại, rít ré lên như bầy mèo phản ứng trước âm thanh và ánh sáng ập đến bất thành lình, và Perenelle nhìn thấy chồng đang với tay đến mình, những ngón tay xòe căng ra. Những phân tử ánh sáng nhảy múa ở mút đầu ngón tay ông... và trong tích tắc, bà biết ông sẽ làm gì.

“Nicholas! Ngừng lại! Ngừng lại ngay!” Bà kêu thét lên.

Xoay tròn ra khỏi tấm mạng rách bươm là những hình tròn ốc quẩn cuộn lại và những vòng tròn xoắn vặn thoát ra từ chùm năng lượng nổ lớp lớp màu bạc, màu xanh lá, và màu vàng ánh kim. Kêu lên rin rít và phun ra phì phì, tất cả nảy bật khỏi mấy bức tường và khoảng trần rồi tụ tập lại quanh bàn chân Perenelle, tạo thành một vũng ánh sáng đang dần dần chìm lún vào mặt đá. Nữ Phù thủy thở một cách khó nhọc khi một luồng sóng năng lượng ấm áp chảy ngược lên cẳng chân bà, xuyên qua vùng ngực bà và bất ngờ xuất hiện trong đầu bà. Những hình ảnh nhảy múa tận trong góc xó xinh của tâm trí bà; những ý tưởng và ký ức không phải của bà.

Tháp Eiffle rực sáng chói lọi những ngọn đèn...

Nidhogg hoành hành trên khắp đường phố...

Các Valkyrie trong bộ giáp trắng tinh...

Những người phụ nữ giống hệt nhau bị giam hãm trong khối băng đá...

Bọn gargoyle lao tuột xuống khỏi Notre Dame...

Loài Genii Cucullati góm ghiếc tiến lên phía trước...

Phản xạ tự nhiên, luồng điện của bà tỏa sáng lung linh hiện rõ bao quanh lấy bà, màu trắng như nước đá và băng hà, đồng thời tóc bà căng thẳng ra tạo thành một lớp vỏ bọc màu tối sẫm phía sau lưng.

“Nicholas,” Perenelle hét lên khi tấm mạng đen sạm lại thành bụi đất và luồng điện của bà nhạt dần cho đến khi tan hết ra. “Mình giết tôi mất!”

Và rồi, tiếng kêu ré đặc thảng của con nhân sư hú vang lạnh lạnh xuyên thủng từng phiến đá của Alcatraz.

Thậm chí ngay cả bọn vetala cũng phải quay người bỏ chạy tìm nơi ẩn trốn.

Bằng một cú vỗ cánh kinh khiếp, con nhân sư đã hiện ra nơi cuối dãy hành lang, móng vuốt sư tử to tướng đập chạn chát dọc theo sàn đá. Thu mình thật thấp, bụng sát đất, sinh vật ấy dang rộng đôi cánh điều hòa và kêu thét đầy vẻ đắc thắng bằng một thứ ngôn ngữ đã có từ trước thời pharaoh thứ nhất của người Ai Cập. “Bà là của tôi, Nữ Phù thủy ạ. Tôi sẽ chén sạch ký ức của bà, rồi nhai đến tận xương bà.” Cái đầu con nhân sư mang hình hài của một người phụ nữ xinh đẹp, nhưng đôi mắt mù ta có đôi đồng tử hẹp như hai đường rạch dọc, còn cái lưỡi huơ huơ trong không khí thì dài nhằng, đen thui và chẻ nhánh. Khép hờ đôi mắt, mù ta thụt đầu vào hít một hơi thở sâu và rùng mình. “Nhưng cái gì thế này... cái gì thế này?” Cái lưỡi mù ta lao vụt ra, nê nê không khí. Mù ta bước một hai bước xuống hành lang, móng vuốt gõ lách cách trên mặt đá. “Cái này có thể là cái gì được nhỉ? Bà mạnh mẽ... quả thực là mạnh mẽ... quá sức mạnh mẽ.” Và rồi mù ta dừng phắt lại, bộ mặt tuyệt hảo không chút vết nhăn nhúm thành một vẻ cau có xấu xa. “Và sung sức.” Giọng mù ta chùng xuống. “Mọi lần bà đâu có sung sức tới vậy.”

Perenelle dợm quay bước lao vút lên cầu thang, nhưng rồi đột nhiên và đứng sững và xoay người trở lại đối mặt với con nhân sư. Khóe mắt bà nhú lại cùng với một nụ cười rất nhẹ uốn cong đôi môi bà, khiến khuôn mặt bà trông thật hung ác. Đưa tay lên ngang mặt để có thể nhìn gần hơn, bà ngạc nhiên khi trông thấy có một chiếc găng tay trong như một lớp kính bao bọc từng ngón tay xuống tới lòng bàn tay. Lớp kính này biến từ trạng thái trong suốt sang mờ mờ rồi đến đục hẳn. “Sao, tất nhiên tôi là như thế mà,” bà thì thào. Và rồi bà phá ra cười thật lớn, âm thanh kích động kinh khủng vang dội vào những bức tường. “Cám ơn mình, Nicholas; cảm hơn hai đứa nhé, Sophie và Josh!” Bà hét toáng lên.

Nụ cười của người phụ nữ làm con nhân sư hoảng sợ, nhưng tiếng cười của bà mới thật sự khiến cho mù ta khiếp đảm. Sinh vật đó ngấp ngừng bước tới, rồi lại thu chân về. Mặc cho vẻ ngoài đáng sợ và nổi tiếng là thường làm người ta thất kinh, nhưng con nhân sư lại là con vật nhút nhát, và chính sự sợ hãi cùng với tính nhát gan đã giúp mù ta có thể sống sót suốt nhiều thiên niên kỷ.

Nữ Phù thủy đối diện với sinh vật ấy và áp hai bàn tay vào nhau, ngón cái đè lên ngón cái, các ngón tay chạm nhau. Đột nhiên, luồng điện của bà lóe lên ánh

sáng trắng tinh, phủ trắng xóa toàn bộ dãy hành lang và rồi nổ lộp bộp xung quanh bà thành một hình bầu dục bảo vệ gồm những tinh thể phản chiếu như gương soi. Mọi lớp gạch bể, mọi đường ống gỉ sét, từng khoảng trần rêu mốc vấy bẩn, những tấm mạng nhện rách tả tơi và những rào chắn cửa xà-lim bằng kim loại nát bở hiện rõ ra từng chi tiết tinh tế. Những vùng tối có góc cạnh đã trượt vươn dài xuống hành lang đến tận con nhân sư, mặc dù bản thân Perenelle không hề có bóng.

Người phụ nữ vùng mạnh bàn tay phải ra. Một quả cầu ánh sáng trắng tinh trông gần giống như một trái banh bằng tuyết vọt khỏi lòng bàn tay bà và nảy bật lên một lần, hai lần trên nền nhà, rồi lại nảy lên trở lại và lăn tròn cho tới khi dừng hẳn ngay giữa những móng vuốt bẩn thỉu của con nhân sư.

“VẬY TÔI PHẢI LÀM GÌ VỚI CÁI THỨ NÀY ĐÂY?” Sinh vật ấy càu nhàu. “ĐÓP VÀO MIỆNG RỒI MANG NÓ LẠI CHO BÀ CHẮC?”

Nụ cười của Perenelle thật đáng sợ khi tóc bà dựng đứng lên như một đám mây đen giăng ngay phía sau bà.

Khối cầu kia bắt đầu lớn ra. Xoay tròn, xoắn vặn, lật qua lật lại, nổ lộp bộp văng ra những tinh thể nước đá đọng lại thành từng lớp trên người mục ta. Nhiệt độ không khí đột ngột rơi tụt xuống và hơi thở con nhân sư biến thành những làn khói trắng phà vào không trung.

Con nhân sư là sinh vật của sa mạc. Cả cuộc đời dài dằng dặc của mục, mục chỉ biết sức nóng khô khan và ánh mặt trời nung đốt. Chắc chắn rồi, trong mấy tuần lễ nay kể từ khi mục được giao nhiệm vụ cnah giữ Alcatraz, mục đã dần quen với sự lạnh giá nơi hòn đảo nhà tù này, sự ẩm thấp đến nhức nhối của những dải sương mù cuộn tròn của vùng vịnh, sự ngứa ngáy của mưa, sự rét buốt của gió. Nhưng mục ta chưa trải nghiệm mức độ lạnh thế này bao giờ. Đây là một cơn giá lạnh quá độ đến nỗi cảm giác như bị nung bị đốt. Vô số những tinh thể nhỏ xíu phun ra khỏi khối cầu ngời sáng và đậu xuống trên da thịt mục như than hồng bùng cháy. Một bông hoa tuyết lớn không hơn một hạt bụi đậu trên lưỡi mục: cái lưỡi như thể mút phải một hòn than nóng. Còn trái banh vẫn cứ lớn dần lên.

Perenelle dẫn tới một bước sát vào mục ta. “TÔI NÊN CÁM ƠN BÀ MỚI PHẢI.”

Con nhân sư lùi bước.

“Nếu tôi quay người bỏ chạy, chắc hẳn bà sẽ đuổi theo tôi đến cùng. Nhưng vì bà nhắc cho tôi nhớ rằng tôi đã mạnh mẽ hơn trước, nên tôi liền nhận ra món quà mà chồng tôi và hai đứa nhỏ sinh đôi đã tặng cho tôi.”

Con nhân sư kêu rít lên như một con mèo hoang khi lớp không khí băng giá châm chích và đốt lói nhói trên gương mặt người của mẹ. “Năng lượng của bà sẽ không kéo dài được nữa đâu. Tôi sẽ uống cạn chúng.”

“Cứ thử đi,” Perenelle nói khẽ khàng, gần như êm dịu. “Nhưng để làm được điều đó bà cần phải tập trung và dồn mọi chú ý vào tôi đây. Và về phần tôi, tôi luôn thấy rằng thật khó tập trung khi trời lạnh quá đấy.” Bà lại mỉm cười.

“Luồng điện của bà sẽ yếu đi chứ.” Hàm răng sắc nhọn như kim của con nhân sư bắt đầu gõ lập cập. Những lọn nước đá mỏng mảnh đã hình thành trên tường.

“Thật vậy. Tôi có một chút, có lẽ không lâu đến thế đâu, sau đó thì luồng điện của tôi mới mờ nhạt trở lại thành trạng thái bình thường. Nhưng tôi sẽ có đủ thời gian mà.”

“Đủ thời gian?” Sinh vật rung mình. Sương giá giờ đã bao phủ lên ngực và chân con nhân sư; đôi gò má tái tái của bà ta đỏ bừng, còn môi thì xanh lè.

“Đủ thời gian để làm việc này!”

Trái banh tuyết bây giờ đã có kích thước của một trái bí đỏ lớn. Con nhân sư bất ngờ ra đòn tấn công, một bàn chân sư tử khổng lồ tát ngang các tinh thể bị đông cứng như đá. Khi mẹ ta giật mạnh rút chân về, da và móng đã bị cơn giá lạnh gay gắt đốt cháy đến đen thui.

“Một pháp sư trên Quần đảo vùng Aleut đã dạy cho tôi câu thần chú thú vị này,” Perenelle vừa nói, vừa tiến đến gần con nhân sư hơn. Bất thành linh sinh vật này cố quay người bỏ đi, nhưng sàn nhà trơn trượt đẩy những viên nước đá kêu lên rầm rầm và bàn chân mẹ trượt dài ra phía trước, đẩy mẹ ta đổ ầm xuống đất. “Người Aleut là bậc thầy của ma thuật về tuyết và nước đá. Có nhiều loại tuyết khác nhau lắm,” Nữ Phù thủy nói. “Loại mềm...”

Những hoa tuyết mềm như lông vũ cuộn ra khỏi trái banh đang xoay tròn và xôn xao quanh con nhân sư, kêu xì xì trên làn da mẹ, hễ cứ chạm đến đâu thì lại nung đốt và tan chảy đến đó.

“Loại cứng...”

Những miếng nước đá sắc nhọn như những mảnh đá nhảy múa ra từ trái banh, châm chích vào bộ mặt người của con nhân sư.

“Và rồi đến những trận bão tuyết.”

Trái banh nổ tung. Tuyết dày bắn liên tục lên sinh vật ấy, phủ lên ngực và mặt mẹ ta. Mẹ ho khùng khục khi các tinh thể đông đặc xoáy vào miệng mình.

Bàn chân cào bởi quờ quạng cố rút khỏi đó, nhưng toàn bộ gian sảnh bây giờ là một tấm nước đá. Con nhân sư vươn đôi cánh lên, nhưng chúng trĩu nặng rũ xuống phía dưới vì bị phủ một lớp sương giá dày cộp và chỉ vừa đủ để có thể nhúc nhích được thôi.

“Và đương nhiên rồi, phải có mưa đá...”

Từng mảnh, từng viên nước đã cỡ bằng hạt đậu nã không ngừng vào sinh vật cổ xưa kia. Những viên tuyết và những hòn mưa đá nẩy bật ra khỏi trái banh đang xoay tròn, đâm thủng thành những lỗ nhỏ lỗ chỗ trên đôi cánh của mụ.

Hú lên thảm thiết, con nhân sư quay người bỏ trốn.

Một cơn bão nước đá bám đuổi theo mụ ta, nước đá nẩy bật và bay vèo trên mặt sàn, vỡ tan văng lên đung tới trần nhà, kêu lanh canh khi văng vào mấy cánh cửa xà-lim bằng kim loại. Lớp nước đá này dày cả hai ba phân rải dọc theo chiều dài của dãy hành lang, những rào chắn kim loại bị nát bở dưới cái giá lạnh khắc nghiệt, gạch bể nát thành bụi và toàn bộ khoảnh trần đổ sập xuống dưới sức nặng của lớp nước đá dày cộp.

Con nhân sư gần như đã đến được cuối dãy hành lang thì tất cả đổ ập xuống quanh người mụ, chôn vùi mụ ta dưới hàng tấn đá và kim loại. Và rồi nước đá nứt nẻ kêu răng rắc và bật tanh tách bao trùm trên hết thảy, hàn kín đồng gạch vụn bên dưới lớp băng vĩnh cửu cứng như sắt dày đến gần nửa mét.

Perenelle lao đảo khi luồng điện của bà nhấp nháy tan biến mất.

“Hoan hô, thưa Quý bà,” hồn ma Juan Manuel de Ayala vừa lẩm bầm, bừa hiện ra khỏi vùng u tối.

Nữ Phù thủy dựa vào tường, thở hổn hển rất khó nhọc. Người bà run rẩy vì đã gắng quá sức, và nỗ lực ấy đã để lại cho bà những khớp xương đau nhức và cơ bắp cứng đờ.

“Bà đã giết chết mụ ta mất rồi hả?”

“Hầu như chưa đâu,” Perenelle mệt mỏi nói. “Làm mụ ta chậm lại, chọc tức mụ, làm mụ sợ hãi. Tôi e rằng cần phải mất nhiều hơn thế mới giết chết được một con nhân sư.” Bà quay người và chậm chậm trèo lên cầu thang, người dựa hẳn vào tường.

“Tuyết và nước đá thật ấn tượng,” de Ayala nói, trôi người lên cầu thang trở lại để ông ta có thể chiêm ngưỡng cái nút chặn cứng ngắc bằng băng hà đang nằm ở nút dây hành lang.

“Tôi định thử làm một thứ khác, nhưng không biết vì lý do nào đó, tôi lại có một hình ảnh hai người nữ chiến binh bị giam trong nước đá; họ trông giống như những Valkyrie ấy...”

“Một ký ức hay sao?” de Ayala gợi ý.

“Không phải ký ức của tôi,” Perenelle thầm thì, rồi thở một hơi dài sáng khoái khi bà bước ra được dưới ánh mặt trời rực rỡ buổi sáng. Với một chút luồng điện còn sót lại cuối cùng, bà kéo lê những ngón tay từ bên này qua bên kia các vết thương, rửa sạch chúng. Rồi, nhắm mắt lại, bà nghiêng mặt về phía ánh sáng. “Tôi nghĩ đó là ký ức của Sophie,” bà nói đầy vẻ kinh ngạc. Rồi bà im bật, một ý nghĩ ập đến bất chợt khiến bà lạnh buốt. “Các Valkyrie và Nidhogg lại xuất hiện ngoài thế giới ư,” bà ngạc nhiên nói. Theo bản năng, Nữ Phù thủy quay người về hướng đông và mở choàng mắt. Chuyện gì đang xảy ra cho Nicholas và bọn trẻ? Họ đã gặp phải bao nhiêu rắc rối rồi?

“Nhà Giả kim,” Palamedes la lên đầy tuyệt vọng, “ông đã lên án tử cho tất cả chúng ta đấy!”

Flamel nằm ình xuống trước hai cái màn hình đã bị hư hại nặng nề. Nước da ông có màu vàng khè như màu giấy da dê, thêm những vết nhăn mới quanh khoe mắt ông và những đường hằn nơi trán giờ trông thật sâu. Khi ông quay sang nhìn Saracen, đôi mắt ông đờ đẫn và vô định, trông trắng nhuốm màu xanh lá.

“Tôi đã bảo ông không được sử dụng luồng điện của mình kia mà,” chàng hiệp sĩ càu nhàu. “Tôi đã cảnh cáo ông rồi.” Palamedes đi vòng quanh Shakespeare. “Chuẩn bị chiến đấu. Báo động cho lính canh.” Đại thi hào gật đầu và vội vã lao ra ngoài, những con chó mắt đỏ im lặng, giờ dàn rải ra xếp theo hình rẽ quạt xung quanh ông ta thành một tấm khiên bảo vệ. Bộ áo giáp bằng xích của chàng hiệp sĩ xuất hiện như bóng ma quanh thân hình lực lưỡng của anh ta, rồi đông cứng lại. “Tôi đã nói gì nào, Nhà Giả kim? Sự chết chóc và phá hủy luôn theo sát bên ông. Đêm nay vì ông mà sẽ có bao nhiêu người chết nữa đây?” Anh ta hét toáng lên loạn xạ trước khi phóng ào ra cửa.

Josh nẩy dóm dóm mắt. Nhìn thấy cô chị gái mình lắc lư lão đảo nên cậu vội chụp lấy cánh tay cô bé. “Em mệt rồi,” cậu nói.

Sophie gật đầu tán đồng. “Chị cũng vậy.”

“Em có thể thật sự cảm thấy năng lượng chảy lên khắp thân mình em và xuống cánh tay,” cậu nói đầy vẻ kinh ngạc. Cậu nhìn những ngón tay mình. Lớp da tay đỏ ửng và có những vết bong mọng nước nơi đầu ngón tay. Cậu đỡ cô chị sinh đôi đến một cái ghế và đặt cô bé ngồi xuống, rồi cậu quỳ xuống trước mặt cô bé. “Chị cảm thấy thế nào?”

“Kiệt quệ,” Sophie lầm bầm, và Josh để ý thấy đôi mắt cô bé như hai chiếc đĩa bạc phẳng bẹt, giống hệt tấm gương soi. Cậu lo lắng khi trông thấy một hình ảnh méo mó của chính mình phản chiếu trong đó. Chính một thay đổi nhỏ như thế nơi người cô bé, làm cho khuôn mặt cô bé trông đầy sát khí và gần như có vẻ xa lạ. Đang khi cậu quan sát, lớp bạc dần dần nhòa đi và màu xanh bình thường hiện ra trở lại. “Perenelle?” Cô bé nói, nhưng miệng mồm cô bé khô queo và mọi lời nói hóa ra khó khăn nặng nề. “Chuyện gì xảy ra cho cô ấy nhỉ?” Cô bé thì thào với giọng khàn khàn, rồi cô bé nói thêm, “Cho chị miếng nước.”

Josh đang đứng dậy thì Shakespeare xuất hiện bên cạnh cậu với hai ly nước có màu như bùn. “Uống cái này đi.”

Josh cầm lấy hai ly nhưng hớp một ngụm thăm dò ly của cậu trước khi đưa ly kia cho cô chị gái. Cậu nhăn mặt. “Nghe ngọt ngọt. Cái gì trong này vậy ạ?”

“Chỉ là nước thôi. Tôi đã mạn phép thêm vào mỗi ly một muỗng mật ong thiên nhiên,” người bất tử nói. “Các bạn đã sử dụng một lượng lớn calorie và tiêu thụ rất nhiều lượng đường và muối tự nhiên trong cơ thể mình. Các bạn cần phải bổ sung chúng càng nhanh càng tốt.” Ông ta mỉm cười vắn vẹo, đưa ra hàm răng thật tồi tệ. “Hãy xem đó như cái giá của ma thuật.” Còn ly thứ ba, lớn hơn hai ly trước, lớp mật ong màu nâu đang cuộn xoáy, ông đặt xuống chiếc bàn bên cạnh Nhà Giả kim. “Và ông cũng vậy, Nicholas ạ,” ông ta nói dịu dàng. “Uống nhanh đi. Còn nhiều việc phải làm.” Rồi ông ta quay người vội vã bước vào bóng đêm.

Sophie và Josh chăm chú nhìn Nicholas đưa ly nước lên môi và hớp một chút chất lỏng sóng sánh. Bàn tay phải của ông run run và ông dùng bàn tay trái nắm lấy nó và giữ cho nó yên. Thấy hai đứa nhìn, ông gượng mỉm cười, nhưng nụ cười ấy trông giống một cái nhăn nhó vì đau đớn hơn. “Cám ơn,” ông thều thào, giọng ông thô ráp. “Hai đứa đã cứu cô ấy.”

“Perenelle,” Sophie nhắc lại. “Chuyện gì xảy ra vậy?”

Nicholas lắc đầu. “Chú không biết,” ông thú nhận.

“Những sinh vật đó...” Josh vọt miệng.

“Vetala,” Nicholas nói.

“Còn có cái gì trông giống như một con ma nữa,” Sophie nói thêm.

Nicholas uống hết nước và rùng mình đặt cái ly xuống bàn.

“Thật ra, hình ảnh đó cho chú lý do để hy vọng,” ông nói, và lần này nụ cười của ông mới là nụ cười thật. “Perenelle là con gái thứ bảy của một người cũng là con gái thứ bảy trong gia đình. Cô ấy có thể giao tiếp với những vong hồn người chết; họ giúp cô ấy không cảm thấy sợ. Alcatraz là một hòn đảo đầy những bóng ma và mà thì hầu như vô hại.”

“Hầu như ạ?” Josh nói.

“Ừ” hầu như vậy,” Nicholas đồng ý. “Nhưng không ai có thể làm hại được Perenelle của chú cả,” ông nói thêm với giọng đầy tin tưởng.

“Chú nghĩ có gì xảy ra cho cô ấy không?” Sophie nói, ngay khi Josh mở miệng định hỏi đúng câu đó.

Ngưng một chút, roi Flamel mới trả lời. “Chú không nghĩ vậy đâu. Chúng ta đều thấy luồng điện của bọn mình - đặc biệt của hai đứa - cô ấy sẽ mạnh mẽ ngay thôi.”

“Nhưng cô ấy có ý gì khi nói chú giết chết cô ấy mất?” Sophie hỏi, bây giờ giọng cô bé đã mạnh hơn rồi.

“Chú chả biết nữa,” ông nói khẽ. “Nhưng chú chắc chắn rằng: nếu có bất cứ chuyện gì không hay xảy đến cho cô ấy, thì chú sẽ biết. Chú sẽ cảm thấy điều đó ngay.” Ông đứng lên từ từ và rất khó nhọc, ấn hai bàn tay vào chỗ eo phía sau lưng. Ông nhìn quanh căn nhà chòi trống trải và hất đầu về phía hai cái ba-lô của hai đứa sinh đôi. “Lấy đồ đạc của tụi cháu đi, mình cần phải rời khỏi đây ngay.”

“Rời đi đâu ạ?” Josh gặng hỏi.

“Bất cứ nơi đâu xa chỗ này,” Nicholas nói. “Luồng điện được kết hợp của chúng ta sẽ có tác dụng như một ngọn lửa hiệu người ngày xưa thường phát ra trên một đỉnh đồi. Chú cược là mọi Elder, Thế hệ Kế tiếp, và người bất tử ở London sẽ hướng về con đường này ngay bây giờ cho xem. Đó là điều làm Palamedes rất bức bối.”

Sophie đứng lên. Josh giơ tay ra đỡ chị, nhưng cô bé lắc đầu. “Cháu tưởng là chúng ta sẽ ở lại đây mà chiến đấu chứ,” cô bé nói với Nicholas. “Đó là những gì Perenelle muốn chú làm mà, mà không phải đó cũng là những gì Shakespeare và Palamedes, cả hai đã nói chúng ta nên làm đó sao?”

Flamel leo xuống mấy bậc thềm và chờ cho tới khi hai đứa song sinh cùng ông đi ra ngoài bầu khí đêm mát lạnh rồi ông mới trả lời. Ông nhìn Josh. “Cháu có nghĩ vậy không? Ở lại chiến đấu hay bỏ trốn?”

Josh nhìn ông rất đổi kinh ngạc. “Chú đang hỏi cháu à? Tại sao vậy chứ?”

“Cháu là nhà chiến thuật của chúng ta, cháu đã được bản thân Mars truyền kinh nghiệm cho. Nếu có bất cứ người nào có thể biết phải làm gì trong một trận chiến, thì người đó chính là cháu. Và, như Perenelle đã nhắc chú, cả hai đứa là cặp song sinh huyền thoại: quả thật cháu là người rất mạnh mẽ. Vậy nói chú nghe đi, Josh, tụi chú phải làm gì?”

Josh định cãi lại là cậu không biết gì cả... nhưng thậm chí ngay khi cậu đang lắc đầu, thì tự dưng cậu biết được câu trả lời. “Không biết chuyện gì sẽ đến với chúng ta, thật không thể nói được.” Cậu nhìn quanh. “Một mặt, chúng ta được bảo vệ trong một pháo đài được thiết kế và cài nhiều cạm bẫy rất khôn ngoan. Chúng ta biết có một vùng bảo vệ quanh lâu đài này và những căn nhà kia đã

được chiếm đóng bởi những sinh vật trung thành với hiệp sĩ. Cháu chắc chắn Shakespeare và Palamedes có những chiến thuật phòng thủ khác nữa. Nhưng nếu chúng ta ở lại và cùng chiến đấu, chúng ta sẽ bị mắc kẹt ở đây, và bởi vì đây là đất nước của Dee, sẽ có thì giờ để hã đưa quân tiếp viện đến, hoàn toàn giam hãm chúng ta.” Cậu nhìn cô chị gái. “Em bảo chúng ta phải chạy thôi. Khi chiến đấu, chúng ta cần phải chọn đúng thời điểm.”

“Nói hay lắm.” Nhà Giả kim gật gù. “Chú đồng ý. Chúng ta phải chạy trốn ngay bây giờ và cố giữ toàn mạng để chiến đấu vào một ngày khác.”

Palamedes từ vùng bóng tối bước ra, mùi thơm đinh hương tỏa theo sau. Sự biến đổi của anh ta thành chàng Hiệp sĩ Saracen, người đã cùng chiến đấu bên Vua Arthur, giờ đã hoàn thiện rồi. Anh ta mặc một bộ giáp từ đầu đến chân dát kim loại màu đen trơn láng bên ngoài một bộ giáp xích cũng màu đen. Một chiếc mũ trùm đầu làm bằng những vòng kim loại xâu vào nhau bảo vệ hoàn toàn vùng đầu và cổ và rũ xuống tận vai. Bên ngoài là một chiếc mũ bảo hiểm bascinet thời Trung cổ bằng kim loại trơn láng với một miếng dài ra để bảo vệ mũi. Một thanh kiếm shamshir lưỡi cong treo lưng lửng bên hông và một thanh gươm to bản của người vùng núi Ê-cốt đeo qua vai vòng ra sau lưng anh ta. Bộ giáp khiến người đàn ông vốn đã lực lưỡng nay trông còn khổng lồ hơn nữa. Anh ta chưa kịp nói gì, Shakespeare đã gấp rút chạy đến, năm con chó mắt đỏ im lặng theo sau ông ta. “Tình hình có tệ lắm không?” Palamedes quát vang rền.

“Tệ,” Shakespeare lầu bàu. “Mới vài phút trước đây thôi, một số người riêng lẻ - chủ yếu là những người bất tử, và vài tên thuộc giống người chuyên săn tội phạm để lĩnh thưởng - đã đi vào đường phố do nhóm ấu trùng và vượn cáo tuần tra. Bọn chúng không đi xa.” Luồng điện của Shakespeare nổ lấp bớp một màu vàng đục và không khí thoáng mùi hương chanh. Một bộ giáp nguyên người hiện đại của cảnh sát trùm ra ngoài bộ đồ bảo hộ lấm lem bùn đất của người bất tử ấy. Tay trái ông ta cầm một cái chùy và dây xích thông lòng, một đầu chùy có nạm ngọc bị kéo lê dưới bùn. “Nhóm ấu trùng và vượn cáo là hàng phòng thủ đầu tiên của chúng tôi,” ông ta vừa nói tiếp, vừa nhìn từ Nhà Giả kim sang hai đứa nhỏ. “Họ rất trung thành, nhưng không sáng dạ nhanh trí lắm. Cứ mỗi lần ăn no, là họ sẽ ngủ ngay. Bọn tấn công sẽ đến được những bức tường ấy trước nửa đêm nay.”

“Lâu đài sẽ giữ được mà,” Palamedes nói đầy tự tin.

“Không lâu đài nào hoàn toàn không thể đánh chiếm được hết,” Josh nói đơn giản, và rồi chợt im bặt khi hình thù một con chó đỏ to tướng hiện ra lù lù trong

đêm. Mọi người quay lại nhìn theo hướng mắt cậu. Đó là con chó lớn nhất trong bọn. Lông nó bện lại vì dơ bẩn và một vết đứt dài trên lưng rất nguy hiểm sát nơi cột xương sống của nó.

“Gabriel!” Shakespeare hét lên.

Trong khoảnh khắc chỉ một tích tắc, giữa khoảng cách hai bước chân, con chó biến hình. Cơ bắp rũ xuống, xương thụt vào và kêu răng rắc, con chó đứng lên bằng hai chân sau, cổ ngẩn lại, những chỗ phẳng và góc cạnh trên khuôn mặt nó và đường nét của quai hàm biến chuyển. Con chó trở thành một anh thanh niên trông gần giống như con người với mái tóc màu nâu xám. Những hình xăm xoắn cuộn màu xanh ngả tím xoáy theo hình tròn ốc trên hai má, chạy xuống cổ và nở rộng qua bộ ngực để trần của anh ta. Anh ta đi chân trần, chỉ mặc độc một cái quần vải len xù xì cũ kỹ có mẫu hoa văn kẻ ô vuông hai màu đen đỏ. Đôi mắt đỏ tươi như máu ló ra từ bên dưới những vết đứt khá trầm trọng.

“Gabriel, cậu bị thương rồi,” Đại thi hào nói.

“Một vết cào thôi mà,” người chó trả lời. “Ngoài ra đâu có gì nữa. Mà sinh vật cào vào tôi cũng sẽ không làm gì hơn được nữa.” Anh ta nói với trọng âm ê a trầm bổng mà Sophie nhận ra là của người xứ Wales.

Từng con chó một đứng quanh Shakespeare chớp nhoáng đều biến thành hình dáng con người hết thảy.

“Các người là Torc Allta hả?” Josh vừa hỏi, vừa nhớ lại các sinh vật từng canh giữ Vương quốc Bóng tối của Hekate.

“Bọn họ cùng quan hệ họ hàng với chúng tôi,” Gabriel nói. “Chúng tôi là Torc Madra.”

“Gabriel Hounds,” Sophie nói, đôi mắt cô bé lóe lên ánh bạc. “Loài ratchet.”

Gabriel quay lại nhìn cô gái nhỏ, cái lưỡi chẻ ngọn của anh ta nếm nếm trong không khí như lưỡi rắn. “Lâu lắm rồi tôi mới được gọi lại bằng cái tên đó.” Cái lưỡi lại thè ra. “Nhưng cô hoàn toàn là người mà, phải không, Sophie Newman? Cô là Người Sinh đôi Mặt trắng mà, và còn trẻ, rất trẻ, một người trẻ như thế lại đang mang trong mình một kiến thức già cỗi lâu năm. Cô xem ra rất khó ưa vì cái mụ phù thủy hôi thối Endor ấy,” anh ta vừa nói một cách thô bạo, vừa quay người đi, cánh mũi nhăn nhăn ghê tởm.

“Ở này, ông không thể nói với chị của...” Josh buột miệng, nhưng Sophie giật mạnh cánh tay cậu, kéo cậu trở lại.

Phốt lờ cơn giận ấy, Gabriel quay sang Palamedes. “Nhóm ấu trùng và vượn cáo thất bại mất rồi.”

“Nhanh thế!” Hiệp sĩ Saracen la lên. Cả anh ta và Shakespeare đều run thấy rõ. “Chắc chắn không phải là hết thảy chứ?”

“Hết thảy. Không còn sót một ai.”

“Có đến gần năm ngàn kia...,” Shakespeare nói ngay.

“Dee đang ở đây,” Gabriel nói, giọng anh ta chỉ nhỉnh hơn một tiếng gầm gừ một chút. “Và Bastet cũng có mặt nữa.” Anh ta quay tròn vai và nhả mặt vì vết thương trên lưng bị động.

“Tuy vậy, vẫn phải có một cái gì khác nữa, đúng không nào?” Flamel nói với vẻ mệt mỏi. “Những người đi theo các Elder Đen tối và bọn tay sai của Dee trong thành phố này là một khối liên minh gồm những kẻ cùng đình mặt vận của những phe phái đối lập sẵn sàng chiến đấu cùng nhau cũng được mà đánh nhau tan nát cũng được. Để giết được ấu trùng và bọn vượn cáo cần phải dùng đến một đạo quân, được huấn luyện bài bản và có tổ chức, trung thành với một vị lãnh đạo duy nhất.”

Gabriel hơi cúi xuống. “Bọn Hunt đang ở ngoài kia.”

“Ồ không.” Palamedes rút lên một hơi thở đứt quãng và rùn vai rút thanh trường kiếm ra khỏi lưng.

“Cùng chủ nhân của chúng,” Gabriel nói thêm một cách dứt khoát.

Josh nhìn chị mình, tự hỏi không biết cô bé có biết Torc Madra đang nói về cái gì không. Đôi mắt cô bé lại biến thành hai cái đĩa bạc phẳng lì và gương mặt cô không có vẻ sợ hãi mà gần như là kính sợ.

“Cernunnos đã trở lại,” Gabriel nói, giọng anh ta thoáng một nỗi kinh hãi đích thực. Và rồi, từng con một, tất cả các ratchet đều rụt đầu vào cổ và tru lên thảm thương.

“Thần sừng,” Sophie thều thào và bắt đầu thấy lạnh run. “Thủ lĩnh của đạo quân Wild Hunt.”

“Một Elder hả?” Josh hỏi.

“Một Quan chấp chính.”

“Tôi nghe nói người phụ nữ tên Perenelle này đang bị giam cầm, yếu ớt, và không thể tự bảo vệ được chính mình,” Billy the Kid nói rõ từng tiếng vào chiếc mi-crô Bluetooth thanh mảnh ôm sát theo quai hàm không cạo của hắn ta. “Thông tin đó quả là không thật.” Qua tấm kính chắn gió của chiếc Thunderbird, hắn ta có thể nhìn thấy rõ Alcatraz ở bên kia vịnh. “Và tôi nghĩ chúng ta gặp vấn đề rồi. Một vấn đề gay go.”

Cả nửa thế giới bỗng tan biến, Nicolò Machiavelli cẩn thận lắng nghe tiếng nói trên loa trong khi sắp xếp mọi thứ vào chiếc va-li nhỏ. Y không nhớ nổi lần gần đây nhất y tự thu xếp đồ đạc cho mình là khi nào; luôn có Dagon lo chuyện đó. “Mà tại sao anh gọi tôi?” Machiavelli hỏi. Y bỏ đôi giày thứ ba vào va-li, một đôi giày đóng theo đơn hàng đặt riêng, rồi sau đó y quyết định hai đôi là đủ và lấy đôi thứ ba ấy ra lại.

“Tôi sẽ nói thật với ông,” Billy the Kid miễn cưỡng thú nhận. “Tôi đã từng nghĩ không cần đến ông phải ra tay. Chắc chắn tôi có thể xử lý người phụ nữ này một mình.”

“Một sai lầm từng có giá phải trả bằng nhiều mạng sống,” Machiavelli nói lầm bầm bằng tiếng Ý; rồi y chuyển lại thành tiếng Anh. “Vậy chuyện gì đã làm anh đổi ý?”

“Mới vài phút trước đây thôi, đã có chuyện gì đó xảy ra trên Alcatraz. Cái gì đó kỳ quặc lắm... cái gì đó rất mạnh mẽ.”

“Sao anh biết? Anh đâu có ở trên hòn đảo ấy.”

Tay người Ý nghe rõ ràng nỗi kinh sợ trong giọng nói của anh chàng người Mỹ bất tử này. “Tôi cảm nhận được điều đó - từ cách đây gần năm cây số!”

Machiavelli rướn thẳng người. “Khi nào? Chính xác là khi nào?” Y vừa hỏi dồn, vừa kiểm tra lại đồng hồ. Bỗng qua bên kia gian phòng, y mở chiếc máy tính xách tay và rà ngón trỏ ngang qua đầu đọc vân tay để khởi động máy tính. Y nhận được hơn cả chục e-mail đã được mã hóa từ những tay gián điệp của y ở London, báo cáo rằng có chuyện gì đó rất khác thường đã xảy ra. Những e-mail này đến vào lúc 8 giờ 45 phút chiều nay, chỉ mới cách đây hơn mười lăm phút.

“Cách đây mười lăm phút.” Billy nói.

“Hãy nói cho tôi biết chính xác là chuyện gì,” Machiavelli nói. Y nhấn một cái nút bên cạnh chiếc điện thoại của mình để bắt đầu ghi âm cuộc nói chuyện này.

Billy the Kid bước ra khỏi chiếc xe và nâng cái ống nhòm mòn vẹt màu xanh quân đội lên đôi mắt xanh thẫm của mình. Hắn ta đang đậu xe ở gần Cầu Golden Gate; ngay phía trước và bên phải hắn ta, hòn đảo xa xa trông êm ả và yên bình, đang phơi mình dưới bầu trời buổi trưa không gợn chút mây, nhưng hắn ta biết cảnh tượng đó chỉ là để đánh lừa thôi. Hắn ta cau mày, cố nhớ lại chính xác những gì vừa xảy ra. “Cái đó... cái đó giống như một luồng điện bắt lửa bốc cháy,” hắn ta giải thích. “Nhưng rất mạnh mẽ, mạnh mẽ hơn bất cứ thứ gì tôi từng gặp phải trong đời mình.”

Giọng Machiavelli rõ ràng đến ngạc nhiên trên đường dây xuyên Đại Tây Dương. “Một luồng điện mạnh mẽ...”

“Rất mạnh.”

“Có mùi gì không?”

Billy ngáp ngừng, hít vào theo bản năng, nhưng hắn ta chỉ ngửi thấy mùi muối luôn hiện hữu của nước biển và mùi đậm đặc đặng đặng của không khí ô nhiễm. Hắn lắc đầu, rồi, chợt nhớ ra là Machiavelli đâu có nhìn thấy mình được, hắn ta mới nói. “Nếu có, thì tôi cũng không nhớ nữa. Không, chắc chắn là không có.”

“Làm thế nào anh cảm nhận được?”

“Trời lạnh, thật lạnh. Và nó khiến luồng điện của tôi phát ra tia lửa. Chỉ trong vài phút khi tôi không kiểm soát.” Giọng Billy hơi run. “Tôi tưởng như mình sắp bùng cháy lên mất.”

“Còn gì khác nữa?” Machiavelli hỏi, giữ cho giọng y thật điềm tĩnh, buộc tay người Mỹ này phải tập trung. Mọi người bất tử đều biết rằng một luồng điện không được kiểm soát có thể làm tiêu hao hoàn toàn thân người mà nó bao quanh; quá trình này được gọi là hiện tượng bốc cháy tự phát của con người. “Nói tôi nghe xem.”

“Rất may là khi chuyện đó xảy ra thì xe tôi đang đậu; nếu tôi đang lái xe chắc hẳn sẽ làm hỏng chiếc xe mất thôi. Mắt tôi hoàn toàn mù và tai thì điếc đặc. Thậm chí còn không thể nghe được tiếng đập của tim mình. Và khi có thể nghe lại được, tôi nghe như thể mọi con chó trong thành phố này đều tru lên. Tất cả loài chim cũng kêu thét đầy kinh hãi.”

“Có lẽ đó là con nhân sư đang giết chết Nữ Phù thủy chẳng,” tay người Ý lăm băm, và Billy cau mày, đôi tai nhạy cảm của hắn ta cắt được cái gì đó có thể là một thoáng tiếc nuối trong giọng nói người đàn ông này. “Tôi hiểu là mục ta được phép giết chết người đàn bà này mà.”

“Đó cũng là những gì tôi đã nghĩ,” Billy nói. “Tôi có một cái tô bói cầu. Gốm sứ Anasazi, rất hiếm, rất mạnh.”

“Thứ tốt nhất đấy, tôi nghe nói vậy,” Machiavelli đồng ý.

“Khi tôi kiểm soát được luồng điện của mình trở lại, ngay lập tức thôi thử xem bói cầu trên hòn đảo đó. Tôi thoáng thấy, chỉ loáng thoáng hiện ra rất nhanh hình ảnh Nữ Phù thủy đang đứng dựa vào bức tường trong sân tập thể dục. Bà ta đang tắm nắng, xin ông bình tĩnh nhé. Và rồi - mà tôi biết chuyện này là không thể - bà ta mở choàng mắt ra và ngẩng mặt nhìn lên... và tôi dám cam đoan là bà ta đã nhìn thấy tôi.”

“May mà chuyện đó đã xảy ra,” Machiavelli lăm băm. “Không ai biết sức mạnh của Nữ Phù thủy đến cỡ nào. Rồi sao nữa...?”

“Chất lỏng trong tô bói cầu của tôi đông thành một miếng nước đá cứng ngắt.” The Kid nhìn xuống chỗ ngồi của hành khách, nơi những mảnh vỡ của cái tô nằm bọc trong tờ báo mới ra sáng nay. “Cái tô vỡ tan,” hắn ta nói, một thoáng thất vọng hiện lên trong giọng nói. “Tôi đã giữ cái tô này lâu lắm rồi.” Và rồi giọng hắn ta chợt đanh lại. “Nữ Phù thủy vẫn còn sống, nhưng tôi không thấy con nhân sư đâu cả. Tôi nghĩ chắc Perenelle đã giết mục ta rồi quá,” hắn ta nói, đầy vẻ kinh sợ.

“Chuyện đó cũng có thể xảy ra lắm chứ,” Machiavelli nói chậm rãi. “Nhưng không chắc. Chúng ta đừng lo xa quá. Tất cả những gì chúng ta biết chắc là Nữ Phù thủy vẫn còn sống.”

The Kid hít thở thật sâu. “Tôi tưởng mình có thể đảm đương vụ Perenelle Flamel riêng một mình thôi; giờ thì tôi biết là không thể. Nếu ông có bất cứ ma thuật hay cầu thần chú Âu châu nào, thì đã đến lúc mang hết ra rồi đó.” Billy the Kid cười lớn, nhưng không có chút gì hài hước trong tiếng cười đó cả. “Chúng ta chỉ có một dịp duy nhất này để giết chết Nữ Phù thủy thôi; nếu chúng ta thất bại, chúng ta sẽ không thể rời khỏi hòn đảo Đá ấy mà còn sống đâu.”

Niccolò Machiavelli chợt thấy mình đang gật đầu đồng ý. Y băn khoăn tự hỏi không biết tay người Mỹ này có biết Morrigan cũng đã biến mất rồi không. Nhưng có chuyện the Kid không thể biết được, đó là đúng ngay giây phút luồng

điện dao động dữ dội trên hòn đảo, thì một thứ năng lượng tương tự cũng lung linh sống động ở miền Bắc London. Machiavelli nhanh chóng đọc lướt qua các e-mail y vừa nhận được; tất cả đều báo cáo về một thứ phải là một luồng điện mạnh không thể tưởng tượng đang bùng nổ hồi sinh.

... mạnh hơn bất cứ thứ gì tôi từng gặp phải từ trước tới nay...

... có thể so sánh với luồng điện của các Elder...

... những báo cáo về các luồng điện lóe sáng tự phát trên vùng đất hoang Hamstead Heath và đường Camden, cả trong nghĩa trang Highgate Cemetery...

Thú vị thay, có hai e-mail nhắc đến mùi hương rất dễ nhận ra của bạc hà.

Dấu hiệu đặc trưng của Flamel.

Machiavelli lắc đầu với vẻ ngưỡng mộ. Nhà Giả kim chắc hẳn đã kết nối được với Perenelle. Bói cầu tương đối đơn giản, và nguyên tắc này thường có tác dụng tốt nhất trong những khoảng cách ngắn. Hai người này đã cưới nhau và năm 1350, và đã sống với nhau hơn 650 năm rồi. Sự kết nối giữa họ rất mạnh, và thật hợp lý là họ có thể nối qua mấy ngàn ki-lô-mét. Nhưng bói cầu không thể kích hoạt hai luồng điện của Flamel và Perenelle một cách đầy kịch tích gây ấn tượng sâu sắc như vậy được. Trừ phi... trừ phi Perenelle đang gặp nguy hiểm và Nhà Giả kim phải lấy luồng điện của mình tăng cường cho luồng điện của bà ta. Muxtang cau mày. Nhưng Nicholas đang yếu lắm rồi; quá trình đó chắc hẳn sẽ - đúng ra là phải chắc chắn đã - giết chết ông ta mới phải.

Cặp song sinh!

Niccolò Machiavelli lắc đầu ngao ngán. Ý nghĩ, chắc y đã chậm chạp cùng với tuổi già của mình mất rồi. Đúng là phải được kết nối với cặp song sinh này. Y từng trông thấy chúng làm việc với nhau hồi ở Totre Dame để đánh bại bọn gargoyle. Chắc chắn chúng đã cho Flamel một ít sức mạnh của chúng, và ông ta, đến lượt mình, đã bằng cách nào đó kết nối được với Alcatraz và Perenelle. Đó là lý do tại sao dấu hiệu của luồng điện này quá mạnh.

“Tại sao anh liên lạc với tôi?” Machiavelli bắn khoản thốt lên.

“Ông không phải là cuộc gọi đầu tiên của tôi,” the Kid thú nhận. “Nhưng tôi không bắt liên lạc được với chủ nhân của tôi. Tôi nghĩ tôi nên cảnh cáo cho ông... và tôi hy vọng rằng có thể ông có cách nào đó đánh bại mụ Perenelle Flamel này. Ông đã bao giờ gặp mụ ta chưa?”

“Rồi.” Machiavelli mỉm cười cay đắng, hồi tưởng lại. “Mới một lần. Đã lâu lắm rồi: vào năm 1669. Dee đã mất dấu tích nhà Flamel sau Trận Hỏa hoạn Lớn ở

London, và bọn họ đã bỏ trốn đến lục địa châu Âu. Tôi đang có một kỳ nghỉ ở Sicily thì bất chợt bắt gặp họ, hoàn toàn do tình cờ. Nicholas đang bị ốm, nằm mọp vì ngộ độc thực phẩm, và tôi chắc chắn là thầy thuốc địa phương đã thêm một phần thuốc ngủ nào đó vào thuốc của ông ta. Vì kiêu căng ngạo mạn, tôi đã nghĩ, tôi có thể đánh bại Perenelle trước đã rồi tính đến Nhà Giả kim sau.” Tay người Ý giơ bàn tay trái lên về phía ánh sáng. Một mảng theo sắc lém vẫn có thể thấy rõ vắt ngang từ bên này sang bên kia lớp thịt của y, và có những vết theo khác trên vai và sau lưng y nữa. “Chúng tôi đánh nhau trọn cả ngày - thuật phù thủy của bà ta đấu với pháp thuật và thuật giả kim của tôi...” Giọng nói y kéo dài dần rồi rơi vào im lặng.

“Rồi chuyện gì xảy ra?” Cuối cùng Billy hỏi.

“Năng lượng chúng tôi phòng thích ra đã làm cho ngọn Mount Etna phun trào. Ngày hôm ấy, tôi suýt chết trên hòn đảo đó.”

Billy the Kid hạ ống nhòm, rồi quay lưng về phía vịnh và ngồi xuống một bức tường đá thấp. Hắn ta nhìn chăm chăm vào đôi giày ủng cao-bồi mòn vẹt của mình; lớp da giày đã trầy xước và bị toạc ra, gần như hỏng mọi chỗ. Đã đến lúc mua một đôi mới, nhưng như vậy nghĩa là phải lái xe xuống một người thợ đóng giày hắn ta quen ở New Mexico, ông này vẫn còn làm những đôi giày thường và giày ống theo mẫu mã truyền thống. Billy có vài người bạn ở Albuquerque và Las Cruces, những người khác ở Silver City, nơi hắn ta từng lớn lên, và Fort Summer, nơi hắn ta bị Pat Garret bắn chết.

“Tôi có thể gây dựng một băng nhóm,” hắn ta nói chậm rãi. Hắn mong đợi tay người Ý phản đối và thật ngạc nhiên khi hắn không nghe nói gì cả. “Giống như những ngày xa xưa. Tôi biết một số người bất tử - một hai tên cao-bồi, một người Tây Ban Nha xâm chiếm Trung Mỹ, và hai chiến binh Apache vĩ đại - luôn trung thành với chúng ta. Có lẽ nếu hết thảy chúng ta đều cùng nhau tấn công vào hòn đảo...”

“Đó là một ý tưởng hay, nhưng có thể anh sẽ kết án tử hình các bạn anh mất thôi,” Machiavelli nói. “Có một cách khác mà.” Đường dây nổ lốp bốp. “Có một đạo quân trên hòn đảo - một đạo quân toàn những bọn quái vật. Tôi nghĩ rằng còn hơn cả việc tấn công Perenelle, đơn giản là chúng ta nên đánh thức bọn quái thú đang say ngủ này. Nhiều tên đã ngủ như bị bỏ bùa mê suốt cả tháng nay hay còn hơn thế nữa; chúng sẽ đói... và sẽ đi tìm bữa ăn có máu nóng gần chúng nhất: đó là Quý bà Perenelle.”

Billy the Kid gật đầu, và rồi một ý tưởng chợt ập đến với hắn ta. “Ờ này, nhưng lúc ấy chẳng phải chúng ta cũng đang ở trên hòn đảo đó sao?”

“Tin tôi đi,” Machiavelli nói. “Một khi chúng ta đánh thức đạo quân đang say ngủ kia, chúng ta sẽ không phải đi lang thang đâu đó làm gì. Tôi sẽ gặp anh vào ngày mai lúc 12 giờ 30 phút trưa giờ địa phương, lúc máy bay của tôi hạ cánh. Nếu mọi thứ đúng theo kế hoạch, thì Perenelle sẽ không còn sống để trông thấy ngày đó lại tàn đâu.”

Tiến sĩ John Dee sợ chết khiếp.

Đứng trước hắc, Bastet thở gắt và rùng mình, và Dee nhận ra rằng bà ta cũng đang rất sợ hãi. Và thậm chí như vậy còn khiến hắc hãi hùng hơn.

Trước đây Dee từng biết cảm giác khiếp sợ thế này và hắc luôn luôn đón nhận điều đó. Nỗi sợ hãi đã giữ cho hắc còn sống đến nay, đã thúc đẩy hắc biết bỏ chạy khi những người khác đứng lại chiến đấu và đi đến cái chết. Nhưng đây là một nỗi khiếp đảm không bình thường chút nào; một nỗi kinh tởm sâu tận trong xương, khuấy tung dạ dày, làm sồn gai ốc khiến mồ hôi lạnh của hắc toát ra như tắm. Phần phân tích lạnh lùng trong tâm trí hắc nhận ra rằng đây không phải là nỗi sợ hãi dựa trên lý trí, đây là một thứ mạnh hơn, một thứ nguyên sơ và cổ xưa, một nỗi khủng khiếp nằm sâu trong bờ rìa của hệ thần kinh, phần cổ xưa nhất trong não con người. Đó là sự khiếp sợ đã có ngay từ thời khai thiên lập địa.

Trong suốt cuộc đời dang dăng của mình Dee đã chạm trán với một vài nhân vật kinh tởm nhất trong các Elder, những sinh vật rừng rợn thậm chí không tìm thấy nét gì ang ang gần giống với con người. Việc nghiên cứu cùng các cuộc du hành đây đó của hắc đã dẫn hắc vào một số Vương quốc Bóng tối u ám nhất. Những nơi mà các sinh vật khủng khiếp kinh hoàng lơ lửng bèngh bồng trong những bầu trời màu xanh ngọc lục bảo hoặc những thứ ghê rợn có xúc tu quấn quai trong những vùng biển đỏ quánh như máu. Nhưng hắc chưa bao giờ thấy sợ thế này. Khóe mắt hắc nổ đom đóm và hắc nhận ra mình đang thở rất khó nhọc như thể đang mắc chứng thở quá nhanh. Rất muốn làm hơi thở mình thêm êm ả trở lại, hắc tập trung vào căn nguyên của nỗi sợ hãi này - đó là sinh vật đang sải bước xuống giữa đường phố trống trải của vùng Bắc London.

Hầu như các ngọn đèn đường đều tắt ngấm, và số rất ít còn sáng kia không tỏa thứ ánh sáng rừng rợn lên sinh vật đó, mà phết lên nó những gam màu vàng và đen. Nó đứng cao dễ đến gần hai mét rưỡi, cánh tay lực lưỡng đồ sộ và ở mút đầu cẳng chân là mấy cái móng guốc như móng dê. Những nhánh gác như một cái giá khổng lồ chìa ra làm sau uốn quăn ngược ra phía sau của khung xương sọ, bổ sung vào chiều cao của nó thêm ít nhất là một mét rưỡi nữa. Khấp mình nó phủ những mảng da không chút tương xứng của những con thú đã tuyệt chủng

lâu đời, vì vậy Dee thấy thật khó để xác định đâu là nơi kết thúc của những mảng da và đâu là nơi lớp thịt lông lá của sinh vật ấy bắt đầu. Nằm trên vai trái của nó là một cây gậy dài khoảng một mét tám được đeo gọt từ xương hàm của một con khủng long, bên hông còn lờm chờm một hàm răng nhọn hoắt.

Đây là Cernunnos, Thần Sừng.

Mười lăm ngàn năm trước, một nghệ sĩ thuộc thời đồ đá cũ trong cơn hoảng sợ đã vẽ vội vàng lên một bức tường hang động ở miền tây nước Pháp một hình ảnh của sinh vật này, một hình ảnh không phải người cũng không phải thú, nhưng có cái gì đó lai tạo giữa hai bên. Dee nhận ra rằng có thể hẳn đang trải nghiệm cùng một cảm xúc mà người nghệ sĩ cổ xưa kia đã cảm nhận được. Chỉ mới nhìn thấy thôi đã khiến hẳn cảm thấy mình nhỏ bé, tầm thường, yếu ớt đáng thương làm sao.

Hẳn cứ tưởng Thần Sừng chỉ là một kiểu Elder khác mà thôi - có lẽ thậm chí là một trong các Elder Vĩ đại - nhưng mới hồi sớm, Mars Ultor đã chẳng để lộ ra một cái gì đó như nổi bàng hoàng, một cái gì xem ra khá kinh hãi đó sao. Còn Thần Sừng không phải là Elder. Đó là một thứ cổ hơn, cổ xưa hơn rất nhiều, một sinh vật đã tồn tại chính nơi những bờ rìa của truyện thần thoại.

Cernunnos là một trong các quan nhiếp chính huyền thoại, giống loài đã cai trị hành tinh này từ quá khứ xa xăm, xa đến mức không tưởng tượng nổi. Lần đầu tiên khi Thần Sừng đi vào thế giới này, Yggdrasill chỉ là một hạt giống, Nidhogg và họ hàng xa gần của nó chỉ là một ổ trứng mới nở, và đến tận mấy trăm thiên niên kỷ sau này thì loài người nguyên thủy mới xuất hiện.

Thần Sừng tiến thẳng đến phía trước và ánh sáng quét ngang khuôn mặt lão.

Dee cảm thấy như thể hẳn bị dấm vào dạ dày. Hẳn chuẩn bị nhìn thấy một cái mặt nạ hẳn phải kinh khiếp lắm, nhưng không, sinh vật này thật xinh đẹp. Một vẻ đẹp không tự nhiên, khiến người ta phải bàng hoàng. Làn da trên mặt lão màu đồng thẫm, nhưng trơn mượt và không hề có vết nhăn, như thể được tạc từ đá, đôi mắt hình bầu dục có màu hổ phách sáng lấp lánh trong hai hốc mắt thụt sâu. Khi lão nói, cái miệng với đôi môi đầy đặn hé mở vừa đủ trong khi phần cổ họng thon dài của lão vẫn giữ yên.

“Một Elder và một con người, một con mèo và chủ nhân của nó, và ta tự hỏi không biết cái nào nguy hiểm hơn đây?” Giọng nói của lão khề khàng đến ngạc nhiên, gần như là êm dịu, dù hoàn toàn vô cảm, và dù nghe lão nói tiếng Anh, nhưng Dee chắc chắn là hẳn nghe được trong đầu hẳn tiếng vo vo rì rào của hàng

trăm thứ ngôn ngữ khác rầm rập cất lên cùng một lời. Cernunnos tiến đến gần hơn và rồi uốn cong người xuống đến đầu gối, thoạt tiên nhìn chăm bẵm vào Bastet rồi sau đó mới nhìn xuống Dee. Tay Pháp sư nhìn vào đôi mắt của Thần Sừng: đôi đồng tử là hai khe hở màu đen, nhưng, không như của loài rắn, đôi mắt này chúng nằm ngang, hết như hai đường thẳng đen thui. “Vậy ra ông là Dee.” Những tiếng nói rì rầm xoáy trong đầu Dee.

Tay Pháp sư cúi chào thật sâu, không muốn nhìn vào đôi mắt màu hổ phách ấy nữa, cố gắng kiểm soát nỗi sợ hãi của mình một cách tuyệt vọng. Một mùi ẩm mốc kỳ dị khác thường bao phủ Quan nhiếp chính, thứ mùi của những cánh rừng hoang dã và trái cây hư thối. Dee bị ấn tượng bởi mùi hương ấy và nhận ra rằng có thể có cái gì đó liên quan đến cảm xúc mà hắn đang cảm nhận được. Hắn từng trông thấy những sinh vật tồi tệ hơn, những sinh vật chắc chắn gây bàng hoàng hơn nhiều, vậy thì cái gì nơi Thần Sừng này làm hắn chết khiếp đến vậy chứ? Hắn tập trung vào cây gậy trông thật hiểm ác mà sinh vật cổ xưa này đang khoắc bắt chéo trên vai. Trông giống như xương hàm của loài *sarcosuchus*, một giống cá sấu supercroc xuất xứ từ Kỷ Phấn Trắng, và hắn bắt gặp chính mình đang kinh ngạc sa mà Quan nhiếp chính này già đến thế.

“Chúng tôi vui mừng vì sự hiện diện của ông,” Bastet rít lớn lên. Dee nghĩ hắn nghe được thoáng chấn động trong giọng nói của bà ta.

“Ta không nghĩ vậy đâu,” Cernunnos nói thẳng thừng.

“Chúng tôi...” Bastet mở lời, nhưng thỉnh thoảng một cây gậy khổng lồ vung lên đầu đó khiến bà ta nín bật, hàm răng nhô lên khỏi khung xương sọ họ nhà mèo của bà ta.

“Sinh vật kia: đừng nói với ta kiểu đó nữa. Ta không có mặt ở đây vì quyền lựa chọn của ta. Ông đó.” Cernunnos xoay đôi mắt màu hổ phách sang Dee. “Các chủ nhân Elder của ông đã lần giở ngược trở lại từ thưở ban đầu của thời gian và viện đến một món nợ cổ xưa phát sinh giữa ta với họ. Nếu ta hỗ trợ các người, thì món nợ của ta với họ được xóa sạch. Đó là lý do duy nhất ta có mặt ở đây. Các người cần gì?”

Dee hít một hơi thật sâu. Hắn lại cúi chào, và rồi tự cắn vào phía trong má để ngăn không cho hắn mỉm cười. Một vị Quan nhiếp chính tự đặt mình dưới mệnh lệnh của hắn. Khi nói, hắn vừa ý khi thấy giọng nói mình vững vàng và được kiểm soát. “Ông được bảo phải làm gì?” Hắn mở lời.

“Ta là Cernunnos. Ý tưởng và ký ức của ông là những thứ ta đọc được đây, Pháp sư ạ. Ta biết ông biết gì; ta biết ông từng là gì; ta biết bây giờ ông đang là gì. Nhà Giả kim, Flamel, và bọn trẻ con đang ở với Hiệp sĩ Saracen và Đại thi hào đằng sau pháo đài bằng kim loại tự chế của bọn chúng. Ông muốn ta và bọn Wild Hunt phá một lối vào cho ông chứ gì.” Mặt đầu gương mặt của Quan nhiếp chính vẫn giữ nguyên là một chiếc mặt nạ không vết nhăn, nhưng Dee tưởng tượng có lẽ hẳn nghe được chút gì có vẻ chạm biếm trong giọng nói của Thần Sừng.

Tay Pháp sư lại cúi người một lần nữa, cố kiểm soát ý tưởng một lần nữa của mình. “Đúng vậy.”

Quan nhiếp chính quay cái đầu khổng lồ của lão nhìn vào những bức tường kim loại của bãi đỗ xe cũ. “Phải hứa cái gì với ta,” lão nói như quát. “Bọn nô lệ. Thịt tươi sống.”

Dee nói vội vàng. “Tất nhiên. Ông có thể giữ Flamel, và bất cứ ai khác mà ông muốn. Tôi chỉ cần bọn trẻ và hai trang cuối trong cuốn Codex tới giờ này vẫn còn thuộc sở hữu của Flamel thôi.” Dee lại cúi gập người. Với sức mạnh của Thần Sừng và đạo quân Wild Hunt mà lão chỉ huy, hẳn không thể thất bại được.

“Ta được chỉ thị phải báo với ông điều này,” Cernunnos vừa nói khẽ, vừa hơi nhúc nhích cái đầu, nhìn xuống tay Pháp sư, đôi mắt màu hổ phách lóe sáng trên khuôn mặt tằm tối: “rằng nếu ông thất bại, các chủ nhân Elder của ông sẽ tặng ông cho ta. Một món quà, một báo đáp nhỏ vì đã đánh thức ta khỏi giấc ngủ của mình.” Cái đầu có sừng khổng lồ nghiêng nghiêng, và đôi con người nở rộng biến đôi mắt lão thành màu đen và không thấy đáy. “Ta không có một con thú cưng nào trong nhiều thiên niên kỷ nay. Chúng có khuynh hướng chưa kéo dài được bao lâu thì đã bị biến đổi.”

“Biến đổi ư?” Dee nuốt nước bọt rất khó nhọc.

Một làn sóng thối tha nào là lông, móng, răng và mắt bị ánh đèn làm cho thành vàng khè tràn xuống đường phố, sục sôi tuôn ra khỏi những ngôi nhà, nhảy xuyên qua cửa sổ, đè bẹp riến mấy cái hàng rào, nhô người lên từ mấy đám cỏ rãnh. Những sinh vật có mùi kinh tởm bắn thiu im lặng tụ tập thành một nửa vòng tròn khổng lồ ngay đằng sau Quan nhiếp chính. Chúng có thân hình đồ sộ của những con sói xám... nhưng hết thảy chúng đều có gương mặt người.

“Biến đổi chứ sao,” Cernunnos nói. Không hề động đậy thân người, cái đầu lão xoay theo một góc vừa đủ để xem xét đoàn quân im phăng phắc phía sau

mình, và rồi lão nhìn trở lại Dee. “Ông mạnh lắm. Ông sẽ kéo dài được ít nhất một năm rồi mới phải trở nên thành phần của đạo quân Wild Hunt.”

Palamedes đi vòng quanh Nhà Giả kim. “Xem ông đã làm gì kìa!” Cơn giận đã khiến trọng tâm của anh ta không rõ ràng, làm cho lời anh ta nói hầu như không thể hiểu được. Flamel không quan tâm đến anh ta. Ông quay sang Shakespeare. “Có đường thoát nào không?” Ông điềm nhiên hỏi.

Đại thi hào gật đầu. “Tất nhiên. Có một đường hầm ngay dưới căn nhà chòi này. Nó dẫn lên mặt đất vào một nhà hát không còn sử dụng cách đây khoảng hơn một cây số rưỡi.” Ông ta mỉm cười vắn vẹo. “Tôi tự chọn địa điểm này đó.”

Flamel quay sang Sophie và Josh. “Lấy đồ đạc của tụi cháu. Mình đi; chúng ta có thể thoát được trước khi Thần Sừng đến được đây.” Chưa ai trong nhóm kịp phản đối, Nhà Giả kim đã nắm cánh tay hai đứa nhỏ sinh đôi và chúng lùi về phía căn nhà chòi. Josh giận dữ giữ tay ra khỏi người bất tử, còn Sophie giật mạnh cánh tay thoát ra. Nhà Giả kim định cự lại thì ông chợt nhận ra rằng Palamedes không hề nhúc nhích mà Shakespeare cũng không. Ông quay nhìn người đàn ông thấp bé hơn. “Nhanh đi; ông biết Thần Sừng có khả năng gì mà, và một khi đạo quan Wild Hunt ném được máu, thậm chí lão ta còn khó kiểm soát được chúng nữa là.”

“Ông cứ đi đi,” Shakespeare nói. “Tôi sẽ ở lại đây. Tôi có thể giữ chân chúng và ông có đủ thời giờ để trốn thoát.”

Nicholas lắc đầu. “Điên khùng,” ông nói trong tuyệt vọng. “Ông sẽ không thoát nổi đâu. Cernunnos sẽ tiêu diệt ông mất.”

“Chỉ có thể tiêu diệt được thân xác tôi thôi,” Shakespeare mỉm cười. “Nhưng tên tôi đang và sẽ luôn bất tử. Những lời tôi viết ra không bao giờ bị lãng quên bao lâu loài người còn tồn tại.”

“Và nếu các Elder Đen tối quay trở lại, thì có lẽ sự tồn tại đó chấm dứt sớm hơn ông tưởng đó,” Flamel cáu kỉnh. “Đi với chúng tôi đi,” ông nói, và rồi ông nói thêm rất dịu dàng, “Làm ơn đi mà.”

Nhưng Đại thi hào lắc đầu. Luồng điện của ông ấy nổ ra luồng hơi ấm và nhàn nhạt quanh người, không khí đầy mùi hương chanh. Bộ áo giáp hiện đại nhấp nháy biến thành bộ áo giáp bằng kim loại dát miếng và mắc xích rồi cuối cùng mới ổn định thành bộ giáp chạm khắc công phu và dè dàng thời Trung cổ. Ông ta hoàn toàn bị bao bọc trong lớp kim loại màu vàng sáng ngời, trơn láng và

uốn cong, được thiết kế để làm chệch hướng mọi cú đâm, cú đâm làm chúng trượt ra khỏi đầu gối và cùi chỏ. Ông ta đẩy tấm che mặt trên chiếc mũ bảo hiểm bao sát đầu trở về chỗ cũ, đôi mắt xanh nhạt lóe sáng, mở to đằng sau cặp kính ông ta vẫn thường đeo. “Tôi sẽ ở lại và sát cánh chiến đấu bên nhóm Gabriel Hounds. Họ đã trung thành với tôi hàng mấy thế kỷ rồi; bây giờ tôi sẽ trung thành với họ.” Ông mỉm cười với hàm răng mọc hỗn độn xấu xí trong miệng.

“William...,” Flamel vừa thì thầm, vừa lắc đầu.

“Nhà Giả kim, tôi không đến nỗi hoàn toàn vô tích sự đâu. Tôi đã không thể sống được lâu thế này mà không biết cut ít pháp thuật. Hãy nhớ lại đi, ở giữa lòng của mọi ma thuật là khả năng tưởng tượng... và chưa từng có ai có khả năng tưởng tượng hơn tôi đâu nhé.”

“Đừng mang cái tôi lớn thế chứ,” Palamedes xen vào. “Này Will, đây là một trận đánh mà chúng ta không thể thắng. Chúng ta nên đi, gây dựng lại nhóm và chiến đấu trong một ngày khác. Đi với chúng tôi đi.” Gần như thoáng chút nài xin vương trong giọng nói của Hiệp sĩ Saracen.

Đại thi hào bất tử lắc đầu kiên định. “Tôi sẽ ở lại. Tôi biết mình không thể thắng. Nhưng tôi có thể cầm chân bọn chúng ở đây vài giờ... có lẽ thậm chí đến tận lúc rạng đông. Bọn Wild Hunt không thể chạy ra ngoài trong suốt mấy tiếng đồng hồ dưới ánh mặt trời được.” Ông ta nhìn Nhà Giả kim. “Đây là việc tôi phải làm. Tôi đã phản bội ông một lần rồi; bây giờ hãy cho tôi cơ hội sửa sai.”

Nicholas bước tới siết chặt cánh tay che kín trong bộ giáp với một lực đủ mạnh để làm luồng điện của hai người bùng sáng và kêu xèo xèo. “Shakespeare: thậm chí với những điều hôm nay tôi được biết, tôi vinh dự được đứng lên chiến đấu cùng ông. Nhưng chúng ta hãy làm như Palamedes nói: hãy để chúng tôi chọn trận chiến của chúng tôi. Ông không việc gì phải làm thế này vì tôi đâu.”

“Ồ, nhưng tôi làm việc này không chỉ vì mình ông,” Shakespeare nói. Ông ta hơi quay đầu, liếc xéo hai đứa nhỏ sinh đôi này giờ đứng im lặng. “Tôi làm việc này vì bọn trẻ.” Trong bộ giáp kêu rin rít cọt cọt kẹt, ông ta bước tới gần Sophie và Josh hơn, rồi nhìn vào mặt từng đứa. Bây giờ ông ta đậm mùi hương chanh, hăng hắc và sạch, và hai đứa có thể nhìn thấy chính chúng phản chiếu trên bộ giáp sáng ngời. “Tôi đã chứng kiến sức mạnh của hai đứa nhỏ này. Đây là cặp song sinh huyền thoại, về chuyện này tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Những người trung thành với các Elder đều có bốn phận phải huấn luyện cặp song sinh này, nuôi dưỡng chúng. Sắp tới đây sẽ có lúc bọn trẻ cần dùng đến năng lượng...

quả thật, khi đó chính thế giới này sẽ cần đến chúng.” Bước lùi lại, ông ta lắc đầu, đôi mắt to ướt đầm ẩn sau cặp kính. “Và tôi cũng sẽ làm như vậy đối với Hamlet, con trai yêu dấu đã ra đi của tôi. Đứa con trai sinh đôi. Con bé chị nó đã không bao giờ còn được sống như trước kia kể từ sau cái chết của nó, dù con bé còn sống nhiều năm sau đó. Tôi không có mặt ở đó vào thời điểm ấy để giúp nó, nhưng tôi có thể giúp hai đứa nhỏ này.”

“Ông có thể giúp chúng tôi bằng cách đi khỏi đây với chúng tôi,” Sophie nói nhẹ nhàng. “Tôi biết chuyện gì đang đến.” Cô bé rùng mình khi những hình ảnh lộn xộn tối tăm xuất hiện nơi bờ rìa tâm thức mình.

“Cernunnos và đạo quân Wild Hunt.” Shakespeare gật đầu, và rồi ông ta nhìn quanh tìm nhóm Gabriel Hounds, vài con vẫn còn trong hình dạng chó, dù hầu hết giờ đã mang lột người rồi. “Người sói đánh nhau với người chó. Sẽ là một trận chiến thú vị đây.”

“Chúng tôi cần ông,” Josh năn nỉ.

“Cần tôi á?” Shakespeare trông có vẻ ngạc nhiên. “Tại sao mới được chứ?”

“Ông biết quá nhiều. Ông có thể dạy chúng tôi,” cậu nói nhanh.

Đại thi hào lắc đầu, bộ giáp lấp lánh. Ông ta hạ thấp giọng và nói thẳng với Josh và Sophie. “Nhà Giả kim biết còn nhiều hơn - hơn rất nhiều - những gì tôi biết ấy chứ. Và Sophie đã thâm nhập vào được kiến thức của hàng bao nhiêu năm; cô ấy biết nhiều hơn mình tưởng đấy. Cậu không cần đến tôi đâu. Tôi không thể dạy cậu các pháp thuật cơ bản. Đó là ưu tiên số một của các bạn: nếu các bạn có cơ hội sống sót trong những ngày sắp tới, các bạn cần phải nắm vững được năm ma thuật thuần khiết.”

“Năm lộn ư?” Josh trông có vẻ hoảng hốt. “Tôi tưởng chỉ có bốn yếu tố cơ bản thôi.” Cậu nhìn Sophie. “Không khí và Lửa, rồi đến Nước và Đất.”

“Bốn yếu tố cơ bản thôi sao?” Shakespeare mỉm cười. “Cậu bỏ sót mất Điện từ rồi, pháp thuật thứ năm. Bí ẩn nhất, mạnh mẽ nhất trong hết thảy. Nhưng để nắm vững được nó, trước tiên cậu phải kiểm soát được bốn thứ kia.” Ông ta ngẩng đầu, quay sang Nhà Giả kim và cất cao giọng. “Giờ thì đi đi thôi. Hãy mang bọn trẻ đến với Vua Gilgamesh. Và Nicholas,” ông ta nói thêm với vẻ nghiêm trọng, “hãy cẩn thận. Ông biết ông ấy như thế nào rồi đó.”

“Ông ấy như thế nào ạ?” Josh hỏi ngay, chợt thấy lo lắng.

Đại thi hào hướng đôi mắt màu xanh lơ nhàn nhạt về phía Flamel. “Ông chưa nói gì với bọn trẻ sao?” Ông ta nhìn hai đứa song sinh và rồi thả tấm che

mặt xuống, hoàn tất chiếc mặt nạ trên mặt ông ta. Khi nói tiếp, giọng ông ta nghe như vang vọng từ nơi xa xôi. “Đầu óc cao tượng của ông Vua này đã bị hư hại mất rồi. Ông ấy điên lắm. Hết sức, hết sức điên khùng.”

Josh nhào đến Nhà Giả kim. “Chú chưa bao giờ nói...”

Và rồi một âm thanh ập kín màn đêm. Chính là tiếng kêu rống của một con hươu đực: cổ xưa và nguyên sơ, âm thanh cất lên đầy thú tính dội ra khỏi mấy bức tường kim loại và làm rung chuyển khắp mặt đất, khiến những vũng nước cũng phải rúng động rung rung.

Phản ứng lại, luồng điện của Sophie tự nhiên xuất hiện quanh người cô bé, tự động đúc thành một bộ giáp bảo vệ; luồng điện của Josh nhấp nháy hiện ra như một gợn vàng ánh kim yếu ớt bao phủ đầu và hai bàn tay.

Mùi dầu máy ẩm ướt của chiếc xe hơi gỉ sét và bộ lông ướt nhẹp của nhóm Gabriel Hounds thành linh bị che lấp bởi một mùi hôi thối vô cùng kinh tởm. Ngay lập tức cặp song sinh nhận ra thứ mùi từ một kỳ nghỉ kết hợp với làm việc mà chúng đã trải qua ở Peru: đó là mùi mục nát của rừng, nặng nề với mùi hương phát ngấy của sự thối rữa và ẩm thấp, của cây cối đang hư nát và những bông hoa độc chết người.

Và rồi Cernunnos cùng với đạo quân Wild Hunt rừng rừng mở cuộc tấn công.

Bất chợt Josh nhận ra mình đang cầm thanh Clarent trong hai tay, mặc dầu cậu không nhớ mình đã rút thanh kiếm ra khỏi cái ống đựng bản đồ hồi nào. Phần chuôi kiếm bọc da ẩm và khô trong lòng bàn tay mướt mồ hôi của cậu, và cậu có cảm giác nhột nhột như một con côn trùng nào đó đang bò lết nhit trên da. Món vũ khí cổ xưa kêu lên răng rắc, những lọn khói màu trắng xám cuộn khỏi thanh kiếm trong khi những tinh thể nhỏ li ti ả vào mặt đá chợt lấp lánh ánh sáng đỏ và đen.

Một luồng cảm xúc và ý tưởng hầu như muốn nhấn chìm, áp đảo cậu. Tất cả đều không phải là ý tưởng của cậu, và bởi vì cậu từng xử lý thanh kiếm này trước đây, và đã từng trải nghiệm các cảm xúc của thanh kiếm, nên cậu nghĩ chúng không thuộc về thanh kiếm. Những cảm giác này mới mẻ và lạ lẫm lắm. Cậu cảm thấy... khác lạ: tự tin, sung sức và mạnh mẽ. Và cả giận dữ nữa. Trên hết thấy mọi cảm giác khác, cậu cảm nhận một cơn giận kinh khủng. Cơn giận nung đốt trong vùng lõm thượng vị, khiến cậu đau đớn gấp đôi. Cậu thật sự có thể cảm thấy một sức nóng chảy tràn lên từ dạ dày cậu đi vào ngực và lan xuống hai cánh tay. Bàn tay cậu nóng ran đến mức gần như khó chịu, và rồi làn khói rỉ ra khỏi thanh Clarent bỗng đổi màu, hóa thành một màu đen ánh đỏ đáng sợ. Thanh kiếm giật giật trong bàn tay cậu.

Cơn đau biến mất, và khi vươn thẳng người lên, Josh thấy mình không chút sợ hãi. Tất cả những nỗi kinh sợ của năm ngày qua giờ biến mất sạch.

Cậu nhìn quanh, đánh giá hàng rào phòng thủ và quân số của nhóm bảo vệ. Cậu không biết gì về quy mô của đạo quân họ đối đầu, và màu dầu pháo đài kim loại này được xây dựng rất tốt, nhưng theo bản năng, cậu biết không thể nào giữ vững đến rạng đông được. Nó được thiết kế để chống lại với kẻ tấn công là những con người bình thường. Cậu bất giác ngược nhìn lên, cố gắng phán đoán thời gian bằng vào vị trí của các ngôi sao, nhưng chúng bị khuất dưới những tầng mây nhuộm màu hổ phách... và rồi cậu chợt nhớ rằng mình đang đeo đồng hồ kia mà. Tám giờ hai mươi lăm. Ít ra còn chín tiếng nữa mới đến rạng đông, khi đó bọn Wild Hunt mới rút quân về Vương quốc Bóng tối mông muội của chúng.

Gõ nhẹ nhẹ thanh kiếm đá vào lòng bàn tay trái, cậu nhìn khắp lượt, mắt nheo lại. Cậu sẽ làm thế nào để tấn công vào một nơi thế này? Có lẽ Scathach

biết; có thể Nữ Chiến binh sẽ bảo cho cậu biết chúng tân công dựa vào cái gì và thoát tiên xuất phát ở đâu. Cậu dự đoán rằng các kẻ tấn công sẽ không sử dụng các công cụ bao vây, như vậy việc đột chiếm các bức tường sẽ mất nhiều thời gian và hao phí công sức. Có thể Thần Sừng cần phải tạo ra một kẻ hở...

Và rồi đột nhiên Josh nhận thấy rằng cậu không cần Nữ Chiến binh chỉ dẫn cho cậu nữa. Cậu đã biết, Sophie nói đúng: khi Mars đánh thức cậu, ông ta đã chuyển kiến thức quan sự của ông ta qua cho cậu.

Josh quay sang quan sát Palamedes và Shakespeare. Nhóm Gabriel Hounds đã trèo dọc lên các bức tường kim loại và kết hợp với những người đã ở sẵn trên những bờ công sự trước đó rồi. Tổng cộng có lẽ có chừng một trăm chiến binh, và Josh biết rằng bấy nhiêu không thể đủ được. Tất cả họ đều được trang bị cung và tên, nỏ và giáo mác. Tại sao không có vũ khí hiện đại nhỉ? Cậu bắn khoản tự hỏi. Những người bắn cung đều có một nắm tên trong ống đựng tên của mình, những binh sĩ dùng giáo mỗi người có hai hoặc ba ngọn giáo. Mỗi khi họ bắn hết những mũi tên đi hoặc phóng hết mấy ngọn giáo ra, thì họ trở thành người vô dụng. Họ buộc phải đứng đó và chờ kẻ tấn công ra tay thôi.

Josh phát hiện mình đang quay người ra phía cổng, và tự dừng cậu giơ bàn tay lên, chỉ đầu mũi kiếm vào lối ra vào. Cậu biết rằng phần yếu nhất của bất cứ pháo đài nào đều là cánh cổng của nó. Đôi ôi Josh vặn vẹo lại thành một nụ cười đáng sợ. “Hắn ta sẽ tập trung công kích vào đây,” cậu vừa nói trống không, không nhắm vào ai, vừa nhìn chết trân vào cánh cổng, và một lọn khói màu đen xám cuộn khỏi thanh kiếm, như muốn bày tỏ sự đồng ý với cậu. Đây chính là nơi Thần Sừng cố mở lối.

Vào đúng lúc đó một cú đâm giộng vào những cánh cổng mạnh đến nỗi làm những bức tường rung lên. Những chiếc xe hơi bung ra khỏi chỗ và xô dịch trong cái đồng cao ngều ấy. Lại một cú đánh nữa, như thể có một cái búa đóng cọc nên liên tục, làm rung động cả màn đêm. Đâu đó bên phía tay phải, một chiếc xe hơi ngã lăn kềnh và đổ sầm xuống đất. Kính vỡ loảng xoảng.

Con hươu đực lại gào thét lên lần nữa, một thứ âm thanh ngập đầy năng lượng còn thô nguyên.

Thanh Clarent có vẻ như phản ứng với âm thanh này. Nó giật giật và thậm chí còn lật giở trong lòng bàn tay Josh. Hơi nóng cuộn quanh cổ tay cậu và đột nhiên luồng điện cậu nổ lộp bộp một màu da cam.

“Josh...” Sophie thì thầm.

Josh quay lại nhìn cô chị sinh đôi và thấy cô bé đang nhìn chăm chăm vào hai tay cậu. Cậu nhìn xuống. Một đôi găng sắt đã hiện lên trên bàn tay ngay nơi chỗ cậu giữ chặt thanh kiếm đá. Đôi găng trông như một cặp găng bằng da mềm, chúng ta bị đổi màu và mòn vẹt, lớp da bị cào xước, lốm đốm như dính bùn đất.

Một cú giơng dữ dội đánh vào cánh cổng.

“Chúng ta không đủ quân để giữ vững những bức tường này,” Josh thốt ra những suy nghĩ của mình. Cậu lấy thanh Clarent mà chỉ. “Palamedes và Shakespeare nên mở các cổng ra. Nhóm Gabriel Hounds có thể lần lượt bắn gục từng tên tấn công khi chúng tùm tùm đi vào lối hẹp.”

Flamel bước tới và giơ tay kéo Josh. “Chúng ta cần phải ra khỏi đây.”

Ngay lúc các ngón tay ông chạm ào vai cậu con trai, luồng điện của Josh vụt mạnh lên cao bao quanh lấy cậu, những sợi năng lượng màu vàng bò khắp ngực và cánh tay cậu. Nhà Giả kim rút mạnh tay về và mấy ngón tay ông chùng như muốn phồng. Thanh kiếm đá chớp nhoáng lóe lên màu vàng kim, rồi nhạt dần đi thành một màu đen lốm đốm đỏ đầy đe dọa khi một luồng cảm xúc ập đến khi Josh phải sửng sốt.

Sợ hãi. Một nỗi sợ hãi kinh khủng ám ảnh toàn thân về những sinh vật hình dáng như quái thú và những con người mờ ảo.

Mất mát. Vô số những khuôn mặt, đàn ông, đàn bà và trẻ con, gia đình, bạn bè và xóm giềng. Tất cả đều chết hết.

Giận dữ. Cảm xúc phủ lấp trên hết thảy chính là cơn giận - một cơn thịnh nộ sục sôi, làm tan nát tâm can.

Cậu con trai chậm chậm quay sang nhìn người bất tử. Mắt họ dán vào nhau. Ngay lập tức Josh biết đến những cảm xúc mới mẻ này không có gì liên quan đến thanh kiếm. Cậu đã cầm giữ thanh Clarent trước đây rồi và dần nhận ra bản chất kỳ quặc và kinh tởm trong ký ức và cảm giác của nó. Cậu biết rằng những gì cậu vừa trải nghiệm là những ý nghĩ của Nhà Giả kim. Khi người đàn ông này chạm đến cậu, cậu đã cảm nhận được nỗi sợ hãi, sự mất mát và cơn giận dữ của Flamel, và cũng còn có cái gì khác nữa: chỉ trong một giây thôi, cậu có một cảm giác mơ hồ như những bóng ma về bọn trẻ con... rất nhiều trẻ con, ăn vận quần áo, trang phục của cả chục quốc gia xuyên khắp mấy thế kỷ. Và khi người bất tử rút tay về, vẫn còn đọng lại trong Josh một ấn tượng rằng tất cả bọn trẻ đều là những cặp song sinh.

Josh bước một bước về phía Nhà Giả kim và vươn bàn tay ra, các ngón tay căng xòe. Có lẽ nếu cậu chỉ việc chạm vào ông và giữ thật chặt, thì cuối cùng cậu sẽ có được vài câu trả lời. Cậu sẽ biết được sự thật về người bắt tử Nicholas Flamel.

Nhà Giả kim bước lùi lại cách Josh một bước. Dù môi ông vẫn cong lên thành một nụ cười, nhưng Josh lại trông thấy bàn tay của người đàn ông lớn tuổi nắm chặt thành hai nắm đấm và cậu bắt được một thoáng ánh sáng lóa lên khi các móng tay ông hóa thành màu xanh lá. Hương bạc hà gợn vương trong không khí, nhưng nghe chua chua và đắng đắng.

Một tiếng đổ vỡ loảng xoảng nữa làm rung chuyển bãi đỗ xe và cánh cổng rung lên bần bật trong dàn khung cửa. Kim loại phá ra tiếng rin rít chói tai và kêu rồn rảng khi đạo quân Wild Hunt lao đến ào ào, náo kèn kệt và quào cấu vào các bức tường. Josh ngần ngừ do dự, giằng co không biết nên thúc đẩy một cuộc đối đầu với Nhà Giả kim hay là dồn sức xử lý cuộc tấn công này. Chợt nảy ra trong đầu một điều đã có lần ba cậu nói với cậu. Hồi ấy hai cha con đi trên bờ sông Tennessee và đang bàn về Trận đánh Shiloh thời Nội chiến. “Lúc nào cũng vậy, tốt nhất là mỗi lần chỉ đánh một trận thôi, con trai ạ,” ba nói. “Mình sẽ thắng nhiều hơn nhờ vào cách đó.”

Josh quay người đi chỗ khác. Cậu cần phải nói chuyện với Sophie, kể cho cô bé nghe những gì cậu vừa ném trái, và rồi hai đứa sẽ cùng nhau đương đầu với Flamel. Cậu lao người tới Palamedes. “Chờ đã,” cậu kêu lên, “đừng bắn!”

Nhưng chưa kịp ngăn Palamedes, thì Josh đã nghe giọng trầm trầm của Hiệp sĩ Saracen cất lên, to và rõ vang qua tận bên kia bãi phế liệu.

“Bắn!”

Quân lính bắn cung trên bờ công sự nhất tề bung thả các mũi tên, những mũi tên rú nhẹ nhàng và kêu lên vun vút khi chúng xé gió lao mất hút vào màn đêm.

Josh cắn môi. Họ nên tiết kiệm đạn dược, nhưng cậu phải công nhận Hiệp sĩ Saracen đã biết được chiến thuật của cậu. Thoạt tiên là tên, rồi đến giáo, trong khi những cây nỏ cực mạnh nhưng có tầm ngắn luôn được để dành trong mô hình trận có hàng ngũ siết chặt.

“Giáo,” Hiệp sĩ Saracen hô lên. “Phóng!”

Nhóm Gabriel Hounds từ trên những bờ tường liền phóng xuống những ngọn giáo rất dài có hình phiến lá.

Josh nghiêng nghiêng đầu, lắng nghe, tập trung hết các giác quan đã được nâng cao của mình, nhưng cậu không nghe được âm thanh gì từ bên lực lượng tấn công cả. Có vẻ như không thể tin được, nhưng thật tình, quân Wild Hunt đang di chuyển và chiến đấu trong sự im lặng tuyệt đối.

“Chúng ta phải đi thôi,” Nicholas hồi thúc.

Josh phớt lờ. Rồi cậu nghe tiếng những cái móng lờm chờm và những hàm răng cắn xé vào lớp kim loại, bóc toạc ra một khoảng hàng rào, quật tơi bời vào những chiếc xe hơi đang chết đứng.

“Tên,” Shakespeare hô lên từ một phía khác của bức tường. “Bắn!”

Một cú đập như trời giáng làm rung chuyển cánh cổng.

“Cánh cổng,” Josh hét to, tiếng cậu mạnh mẽ và oai vệ làm sao. “Bọn chúng đang xông qua đường cổng!”

Cả Palamedes và William Shakespeare đều quay người nhìn vào cậu bé con.

Thanh Clarent chiếu sáng rực một màu đen ánh đỏ trong tay cậu khi cậu bé đưa tay chỉ. “Tập trung vào cổng. Đó là nơi bọn chúng sẽ cố sức phá tung.”

Palamedes lắc đầu, nhưng ngay lập tức Đại thi hào bắt đầu di chuyển nhóm Gabriel Hounds theo lệnh cậu tiến về phía cánh cổng.

Thanh Clarent lóe lên mau đỏ tươi, đang giật giật trong tay cậu, và Josh bắt giác tiến một bước, hầu như thể chính thanh kiếm lôi kéo cậu tiến đến gần quân thù hơn.

“Thêm một cú nữa,” cậu lẩm bẩm.

“Thêm một cú nữa,” Dee lầu bầu.

Dee và Bastet đứng lên yên lặng quan sát đạo quân Wild Hunt lao mình vào mấy bức tường kim loại. Không như những con sói bình thường, các sinh vật này chuyển động mà không hề sủa hoặc thậm chí một tiếng gầm gừ cũng không; chỉ có âm thanh duy nhất là tiếng móng vuốt của chúng gõ lách cách trên vỉa hè. Hầu hết đều nhảy cẫng lên bằng cả bốn chân, nhưng một số lại chạy trên hai chân, gập người lại rồi lao tới, và Dee tự hỏi không biết đây có phải là nguồn gốc của truyện thần thoại kể về ma sói không nữa. Những con chó, bọn Gabriel Hounds, luôn luôn bảo vệ loài người; trong khi những con sói của đạo quân Wild Hunt thì lúc nào cũng săn đuổi họ.

Khoảng chừng một trăm con sói nhanh nhẹn hơn đã cào được lối qua hàng rào và leo dọc theo những chiếc xe hơi đang chết thành đồng. Và rồi quân bảo vệ đã xuất hiện ngay nơi bờ công sự. Những mũi tên bay vèo vèo cắm vào hàng thứ nhất của quân Wild Hunt, và ngay khi những mũi tên chạm vào những con sói mặt người, các sinh vật này liền biến đổi. Dee thoáng thấy hình ảnh những con vượn người, những sĩ quan chỉ huy người La Mã, những chiến binh Mông Cổ, người hang động Neanderthal, các sĩ quan Phổ, và những Người Tóc ngắn\* ở Anh... và rồi tất cả đều tan thành bụi bay biến vào không trung.

\* Chỉ những người ủng hộ Nghị viện và chống lại Charles I trong cuộc nội chiến năm 1682 ở Anh.

“Cernunnos chỉ lãng phí quân đội của mình thôi,” Bastet nói gọn lỏn. Mụ ta bước lùi vào bóng tối và hầu như hoàn toàn mất dạng, bó mình trong chiếc áo choàng dài thượt bằng lông vũ đen nhánh.

“Đó là một sự điên cuồng quần trí,” tay Pháp sư buột miệng nói trống, không nhìn bà Elder. Đây là lần đầu tiên bà ta mở miệng kể từ lúc bị Quan chấp chính làm cho xấu hổ, và Dee gần như có thể cảm thấy được cơn thịnh nộ bùng lên trong lòng bà thành những ngọn sóng ngầm. Tay Pháp sư e rằng không có ai - hay cái gì - từng nói với bà Elder này như vậy mà vẫn còn có thể còn sống sót được. Hẳn cũng ý thức được rằng hẳn đã chứng kiến phải nỗi bề mặt của ba ta; Bastet sẽ không bao giờ quên chuyện đó đâu. Từ nơi khóe mắt, hẳn có thể nhìn thấy một cái đầu mèo thật lớn đang quay xuống nhìn hẳn.

“Những tên lính tấn công vào mấy bức tường chỉ là quân trí thôi,” hăn nhanh nhẩu nói thêm, như tự giải thích với chính mình. “Cuộc công kích chủ yếu sẽ xảy ra ở cánh cổng kia kia.” Hăn dừng một chút, rồi nói tiếp. “Tôi cho là không gì có thể làm hại nổi Quan chấp chính đâu nhỉ?”

Đôi mắt Bastet nheo lại chỉ còn hẹp như những lằn rạch. “Lão đang sống,” mụ ta rít lên. “Và vì thế không thể chết được.”

“Tôi nghĩ các Quan chấp chính chỉ có trong truyện kể thôi chứ,” hăn nói nhanh. Dee băn khoăn không biết nữ thần đầu mèo này biết được bao nhiêu về sinh vật kia.

Bà Elder lặng yên một chút rồi mới trả lời. “Từ hồi còn trẻ, tôi đã được dạy rằng ở giữa lòng mọi câu chuyện kể đều có hạt giống của sự thật,” bà ta nói.

Dee thấy thật khó hình dung được nữ thần đầu mèo trông ra sao khi còn trẻ; trong đầu hăn hiện ra một hình ảnh bất ngờ thật ngỡ ngàng của một cô mèo con lông trắng tinh mềm mịn. Có phải đó là Bastet khi còn trẻ - hoặc là khi bà mới sinh, hoặc mới nở, hoặc đã trưởng thành? Có quá nhiều thứ hăn muốn biết. Đôi mắt hăn nheo lại khi hướng qua bên kia con phố nhìn về phía Cernunnos. Và bây giờ ở đây lại có một điều thần bí mới nữa: Quan chấp chính. Dee đã trải qua mấy quãng đời chuyên nghiên cứu truyện thần thoại kể về các Elder. Thi thoảng, hăn tình cờ bắt gặp những mẩu chuyện kể về giống loài huyền bí từng cai trị trái đất này trong quá khứ xa xôi, lâu lắm trước cả khi các Elder Vĩ đại nâng Danu Talis lên khỏi đáy biển. Người ta cho rằng các Elder đã xây dựng đế chế của họ trên những mảng công nghệ rời rạc của Quan chấp chính và thậm chí còn chiếm lấy và định cư ở một số thành phố đã bị nòi giống cổ xưa vứt bỏ. Nhưng làm thế nào một người như thế lại mắc nợ một Elder? Chắc chắn các Quan chấp chính phải có nhiều quyền lực hơn những người dưới quyền họ chứ? Các Elder, ngay cả Thế hệ Kế tiếp, vẫn hoàn toàn có nhiều quyền lực hơn giống người đã từng theo chân họ bước vào thế giới này.

Tay Pháp sư quan sát Quan chấp chính nhấc cây gậy khổng lồ lên và khiến nó như bùng sống dậy bằng một cú đập khủng khiếp vào cánh cửa kim loại trông rất rắn chắc. Âm thanh như tiếng nổ vang lên trong đêm tối và một tiếng rít của những tia lửa nóng sáng phụt vào không trung. Cánh cửa lắc mạnh và kêu kè kệt, khi Cernunnos giật mạnh cây gậy về, đầu gậy đã bóc toạc đi những dải kim loại dài, và để chúng lủng la lủng lẳng ở đó. Sinh vật mang sừng khổng lồ này thả

cây gậy xuống, chụp ngay lấy hai bên cánh cửa bị rách bươm rồi vừa xoắn vặn ra thành từng mảnh, vừa lật ngược lớp kim loại ra từng miếng mỏng như giấy.

Đứng lùi lại, Cernunnos để cho đạo quân Wild Hunt phóng ào qua lỗ hở lớn chồm nham nhở kia. Sinh vật ấy quay người nhìn Dee và Bastet, khuôn mặt xinh đẹp của lão sáng bừng một nụ cười rạng rỡ. “Đã đến giờ ăn tối,” lão nói.

Josh lao người ra, chọn lấy vị trí cậu có thể quan sát được cánh cổng. Cậu trông thấy miếng kim loại u lên thụng vào phía trong, rồi bung toạc, và thoáng thấy - cảm giác lướt qua - một sinh vật khổng lồ có sừng đã xé hàng rào phòng thủ ra từng mảnh bằng đôi bàn tay trần. Thanh Clarent lại giật mạnh trong bàn tay cậu đang nắm chặt, cổ thúc cậu tiến lên, tiến gần hơn đến trận đánh; Josh phải cố ghì người lại mới có thể đứng yên được.

Và rồi đạo quân Wild Hunt xuất hiện.

Chúng thấp bé hơn cậu tưởng, nhưng vẫn to lớn và mập bự hơn bất kỳ con sói nào cậu đã từng trông thấy trước đây. Đằng sau đám lông thú và bụi bẩn, khuôn mặt của chúng đúng là những khuôn mặt người không trật đi đâu được. Những sinh vật hung dữ ấy tràn qua lỗ hổng, giẫm bừa lên nhau, răng và móng vuốt quật lung tung trong lúc chúng lao về phía trước, nhưng những bức tường kim loại chặt hẹp giữ chúng lại khiến chúng như bó chặt cứng vào nhau. Không hề có một tiếng sủa hoặc gầm gừ nào; chỉ có những âm thanh lách kích của móng vuốt và tiếng lách cách của những hàm răng.

“Tên,” Josh thì thầm.

“Bắn!” Palamedes hô lên từ bờ công sự phía tay trái, hầu như cậu có thể nghe rõ.

Một làn sóng những mũi tên đợt thứ hai lao xuống như mưa rơi trên mình đạo quân Wild Hunt. Trong chốc lát các sinh vật chớp nhoáng biến thành những hình dáng chúng đã mặc lấy khi làm con người; các chiến binh miền Soparta, những người Celt sơn màu xanh lơ, bọn Viking và những tay thợ săn cao kều vùng Masai. Rồi lông thú, thịt và xương bỗng chốc tan rã thành bụi đất như đã mục nát rất lâu đời. Các con thú ở phía sau lao lên, nhấp nháy cho đám đá mặt rơi ra khỏi những con mắt vàng khè của chúng và cất tiếng hắt hơi khi bị lớp đá nhuyển này phủ lên mõm.

“Bắn!” Shakespeare hét lên từ phía tay phải.

Một làn sóng thứ ba kết bằng những mũi tên ken dày như những nhát chém phạt thẳng vào bầy sói. Samurai mặc bộ giáp nguyên người, những binh sĩ Gurka\* dữ tợn trong lớp ngực trang ở rừng nhiệt đới, và những giống loài thuộc họ người nguyên thủy đều biến từ sói thành người rồi thành bụi đất chỉ trong một

tích tặc. Các hiệp sĩ thập tự chinh trong lớp áo giáp kim loại và các viên sĩ quan người Đức trong Thế chiến Thứ hai trong quân phục màu xám, những tay lính lê dương Pháp trong bộ quần áo xanh và những tên Vandal\* hung dữ quần lông thú thoáng chốc hóa thành người trước khi tan biến mất. Josh để ý thấy tất cả đều bật cười thật tươi như thể cuối cùng bọn chúng cũng được giải phóng tự do.

\* Người thuộc một dân tộc từng chinh phục xứ Gaul, Tây Ban Nha, La Mã và những vùng ở Bắc Phi trước khi đại bại ở Carthage năm 533.

“Ba loạt đạn đá: nhóm Gabriel Hounds đã hết tên rồi,” Josh thì thầm.

“Chúng ta phải đi ngay thôi,” Flamel cúi kính, đi vòng đến đứng ngay trước mặt Josh.

“Không,” Josh trả lời ngay. “Tụi cháu không rời khỏi đây.”

“Cháu đã đồng ý rằng tốt hơn là chúng ta nên rời khỏi đây mà,” Flamel mở lời. “Chúng ta sẽ chiến đấu với chúng, nhưng không phải hôm nay.”

“Cháu đổi ý rồi,” Josh nói gọn lỏn. Trên một mức độ nào đó - suy nghĩ theo một cách lạnh lùng, thực dụng, đầy lý lẽ - cậu biết rằng tốt hơn là nên bỏ chạy, trốn thoát rồi gây lại nhóm. Cậu đưa mắt tìm Shakespeare, thấy ông ấy đang ở trên một bờ công sự, có nhóm Gabriel Hounds bao quanh. Đại thi hào đã sẵn sàng hy sinh chính ban thân mình, dành thì giờ cho những người khác thoát thân. Việc đó không có chút gì liên quan đến lý lẽ; đó là một quyết định hoàn toàn do cảm tính. Và đôi khi cảm xúc đánh thắng được nhiều trận hơn lý lẽ. Thanh Clarent run rẩy trong bàn tay nắm chặt của cậu và lần đầu tiên Josh bắt được những cảm giác thoáng qua của dòng dõi những chiến binh từng cầm giữ thanh kiếm cổ xưa này, những người đã từng đánh bại những trận xung đột kinh khủng, đã đánh những con quái vật và yêu ma quỷ sứ, đã chiến đấu với những đạo quân thiện chiến. Một số - nhiều là đẳng khác - đã chết. Nhưng không ai bỏ chạy cả. Thanh kiếm đá rì rào như đồng ý trong tâm trí Josh. Đã là một chiến binh thì không bao giờ bỏ chạy.

“Josh...” Cơn tức giận đã len vào giọng nói của Nhà Giả kim.

“Tụi cháu ở lại đây!” Josh cắn cẩu. Cậu quay người nhìn Flamel, và có nét gì đó trên gương mặt và đôi mắt cậu con trai đã buộc Nhà Giả kim phải buộc lùi lại.

“Vậy là cháu tự đặt mình và cả người chị sinh đôi của cháu vào mối nguy hiểm khủng khiếp đó,” Flamel nói lạnh tanh.

“Cháu nghĩ tội cháu đã ở trong mối nguy hiểm khủng khiếp ngay từ lúc tội cháu gặp chú lần kia,” Josh nói. Bất giác, cậu giơ thanh kiếm đang bốc khói lên, đi vài đường trong khoảng không gian giữa hai người, kéo theo hai đường dọn sóng trong không trung. “Tội cháu đã mất mấy ngày vừa qua cùng chú chạy trốn hết nguy hiểm này tới nguy hiểm kia.” Môi cậu kéo giật ngược phía sau làm nhô ra hàm răng đang nghiến chặt. “Cháu nghĩ có lẽ tội cháu nên chạy trốn khỏi chú thì hơn.”

Nhà Giả kim khoanh tay, nhưng Josh vừa kịp người thấy mùi bạc hà đang đẳng một lần nữa. “Chú sẽ vờ như cháu chưa hề nói thế bao giờ.”

“Nhưng cháu đã nói rồi đó. Và ý cháu là như thế.”

“Chỉ là cháu mệt mỏi quá đấy thôi,” Nicholas ôn tồn nói. “Cháu chỉ mới vừa được Đánh thức và chưa có dịp làm quen với việc đó. Có lẽ một chút kiến thức của Mars đã rò rỉ vào người cháu, làm cháu rối tung, và,” ông nói thêm, hất đầu về phía thanh kiếm, “cháu lại đang mang Lưỡi kiếm Hèn nhất kia. Chú biết nó có thể làm được gì, mang đến những giấc mơ ra sao, hứa hẹn những điều thế nào. Thậm chí nó còn làm cho một cậu bé tưởng mình là một người đàn ông nữa kia.” Ông ngưng lại và thở nhanh rồi đổi giọng, ép nổi cay đắng ra khỏi giọng nói mình. “Josh, rõ ràng là không phải chính cháu đang suy nghĩ.”

“Cháu không tán thành,” Josh vặn lại. “Đây mới là lần thứ nhất rõ ràng là chính cháu đang suy nghĩ thì có. Chuyện này - tất cả những chuyện này - là do chúng ta gây ra.” Cậu nhìn qua vai Nhà Giả kim, tập trung vào qd Wild Hunt.

Flamel theo dõi ánh nhìn của Josh và liếc nhìn ra sau lưng mình. “Đúng,” ông chấp nhận. “Nhưng không phải là do cháu gây ra, không phải so Sophie và Josh Newman. Chuyện này xảy ra bởi vì tội cháu là gì, và tội cháu có thể trở thành cái gì. Đây chỉ là một trận đánh trong một cuộc chiến tranh đã diễn ra ác liệt hàng bao nhiêu thiên niên kỷ rồi.”

“Thằng những trận đánh là chiến thắng trong các cuộc chiến tranh,” Josh nói. “Có lần ba cháu đã bảo cháu tốt nhất là mỗi lần nên đánh một trận thôi. Chúng cháu đang đánh một trận này đây.”

“Có lẽ cháu nên hỏi chị cháu xem,” Flamel chống chế.

“Nó không cần hỏi đâu,” Sophie nói khể khàng. Bị kéo vào cuộc cãi vã, cô bé đến đứng đằng sau cậu em mình.

“Vậy cháu cũng tán thành chuyện này sao?” Flamel gặng hỏi.

“Hai mà là một,” Sophie vừa nói, vừa chăm chú nhìn vào mặt Nhà Giả kim. “Chẳng phải tội cháu là như thế sao?”

Josh quay người tập trung vào cuộc tấn công. Nhóm Gabriel Hounds đã phóng những ngọn giáo đi và bắn đến những cây tên nổ cuối cùng. Dây hành lang kim loại giờ dày lên một lớp bụi giả tạo và xoáy tít. Những hình thù mơ hồ chuyển động trong đám mịt mù ấy, nhưng không một tên địch nào vượt qua. Palamedes và Shakespeare đã leo xuống khỏi mấy bờ tường và đang sắp đặt hàng ngũ bọn chó săn quanh lối vào con đường nhỏ. Bất thành linh Josh nhìn lên, nhận ra rằng các bức tường rất dễ bị tấn công và không ngạc nhiên khi trông thấy cái đầu sói thứ nhất hiện ra trên bờ công sự.

“Nếu bây giờ có chuyện không hay xảy đến cho bất cứ ai trong tội cháu,” Flamel nói trong tuyệt vọng, ông quay đi khỏi Josh, dồn sức vào Sophie, “vậy là mọi chuyện chúng ta đã làm, mọi điều chúng ta đã đạt được đều hóa ra con số không hết. Sophie, cháu có những ký ức của Bà Phù thủy. Cháu biết các Elder Đen tối đã từng làm gì đối với loài giống con người trong quá khứ mà. Và nếu họ bắt được cháu và cậu em trai của cháu và giành lại được hai trang trong cuốn Codex, thì họ sẽ làm như vậy, mà còn tồi tệ hơn - tồi tệ hơn rất nhiều - đối với thế giới này.”

Những lời của người bất tử đã khuấy động lên những ký ức đáng kinh sợ trong lòng Sophie, và cô bé nhấp nháy máy xua tan những hình ảnh khủng khiếp về một trái đất bị lụt lội bị tàn phá. Cô bé hít thở sâu và gật đầu. “Nhưng trước khi có thể làm được bất cứ điều gì, các Elder Đen tối phải bắt được tội cháu trước đã.” Cô bé giơ bàn tay trái ra và nó hóa thành một chiếc găng tay bạc cứng ngắc. “Mà tội cháu đâu còn là người bình thường nữa, cũng đâu còn chỉ đơn thuần là con người không thôi,” cô bé nói thêm với vẻ đầy cay đắng.

“Rút hết quân!” Josh hét lớn, và khi cậu quay lại nhìn cô chị mình, cô bé bàng hoàng khi nhìn thấy hai đồng tử cậu đã hóa thành vàng, lốm đốm đen và đỏ hoàn toàn khớp với màu trên thanh kiếm cậu đang cầm. Đôi mắt của Mars đỏ lự, cô bé nhớ lại. Josh giơ tay ra và, trước khi cô bé kịp nói gì, cậu đã nắm lấy tay cô bé. “Chúng ta sẽ rút họ ra phía sau hào,” cậu nói. “Rồi chúng ta sẽ nổi lửa đốt cháy đường hào.”

Sophie hấp háy. Cô bé nhìn thấy Josh, ngoan cường và đỉnh đạc, thanh Clarent chiếu sáng rực trong bàn tay trái, và rồi đôi mắt cô bé lóe bạc khi những ký ức của Bà Phù thủy tuôn tràn và cô bé trông thấy hình ảnh ma quái của Mars

trong bộ áo giáp màu đỏ và vàng kim chồng lên trên cậu em mình. Ông ta cũng mang thanh kiếm trong bàn tay trái.

Josh chợt nhìn thấy Đại thi hào và hít một hơi thật sâu. “Shakespeare!” Mạnh mẽ và uy nghi, tiếng cậu vang rền trong bầu không khí im lặng, và cả Đại thi hào lẫn Palamedes đều ngẩng lên. Josh vẫy tay và chỉ vào mấy bức tường, bây giờ đã xám xịt bởi những con sói đang tràn qua những bức tường có lỗ châu mai. “Rút lui! Trở lại phía sau đường hào!”

Đại thi hào định lắc đầu, nhưng bằng một động tác đơn giản, chàng hiệp sĩ vĩ đại đã chộp lấy ngang hông người đàn ông nhỏ thó và vắt chéo ông ta quai vai mình. Không hề quan tâm đến những cú đá vùng vẫy và chống cự, chàng Hiệp sĩ Saracen quay người và lao trở lại về phía Flamel và cặp song sinh, cùng với nhóm Gabriel Hounds, trong cả hình người và chó, theo sát gót anh ta.

“Làm tốt lắm,” Palamedes nói ngay khi anh ta tiến đến ngang tầm với Josh. “Suýt nữa chúng tôi đã bị giày xéo lên rồi. Cậu đã cứu chúng tôi.” Chàng Hiệp sĩ Saracen gạt Shakespeare ra khỏi vai, đặt ông ta thẳng đứng xuống đất. Anh ta đẩy cái mũ bảo hiểm ra sau và cười toe toét với người bất tử. “Ồ, giá mà ông vẫn còn viết văn, Will; hãy nghĩ xem việc này sẽ hư cấu thành một câu chuyện thế nào đây.” Anh ta nhìn qua Josh. “VẬY ĐÓ. Những người cuối cùng trong nhóm Gabriel Hounds đã ở đây với chúng ta hết rồi. Hãy đốt cháy đường hào đi.”

“Chưa. Hãy để chúng tiến vào gần hơn chút nữa rồi chúng ta hẵng nổi lửa lên,” Josh nói đầy tự tin. “Như thế sẽ ngăn được chúng.” Rồi cậu ngừng lại và nhìn Palamedes khi những nỗi nghi ngờ nổi rõ trên bề mặt ý thức của cậu. “Ý tôi là... sẽ như thế phải không? Ông đã đánh nhau với bọn Wild Hunt bao giờ chưa?”

Chàng hiệp sĩ khổng lồ gật đầu. “Tôi đã từng đánh nhau với chúng. Tôi chưa từng thấy một sinh vật sống nào sẽ vui lòng băng qua lửa cả. Và mặc cho đáng về bên ngoài có thể nào, Cernunnos vẫn là một loài thú dữ mà.”

“Chúng sẽ không băng qua đó được.” Shakespeare với khuôn mặt đỏ lừ quay sang nhìn họ. Cặp kính gập lại trên gương mặt ông ta. “Tôi đã thêm một hai thùng cồn vào dầu. Một ít chất khoáng, thảo mộc và gia vị ngoại lai và vì lý do nào đó các Elder và Thế hệ Kế tiếp cho là rất kinh tởm. Đường hào đã được viền thủy ngân, và tôi cũng đã trộn quặng sắt và các loại ô-xít khác vào chất lỏng này. Thậm chí cả Cernunnos cũng không thể vượt qua những ngọn lửa ấy được.”

“Quan chấp chính đang đến,” Sophie thầm thì, nhưng không ai nghe thấy cô bé nói cả. Cô bé vòng tay ôm lấy người thật chặt để ngăn không cho mình run lên

bần bật. Bà Phù thủy Endor đã từng biết Cernunnos; hiểu biết lão ta, kính sợ lão ta và căm ghét lão ta. Bà Phù thủy đã mất hàng nhiều thế kỷ lòng sục những công nghệ còn sót lại của Quan chấp chính và hủy diệt tất cả một cách có hệ thống, đốt cháy các cuốn sách kim loại, nung chảy các đồ tạo tác, giết chết những tay buôn chuyện chuyên kể đi kể lại các câu chuyện bịa đặt. Bà ta cố hết sức xóa sạch ký ức về những ng từng thống trị trước thời các Elder. Bây giờ những ký ức ấy lại đe dọa và áp đảo Sophie.

Một hình thù quái dị gồm ghiếc chuyển động trong đám bụi đất xoáy tít của đạo quân Wild Hunt còn sót lại, Cernunnos bước ra khỏi lối đi lát kim loại. Sinh vật ấy di chuyển chậm chậm, không có gì vội vã, cây gậy to tướng của lão tựa hồ hững trên bờ vai bên trái. Những tua xoắn như những ngọn lửa trắng bò trườn qua các nhánh gác của lão, phát ra những tia lửa điện từ nhánh này sang nhánh kia, làm cho khuôn mặt đẹp như tượng của lão tằm đắm trong luồng ánh sáng dịu dịu. Đầu nghiêng nghiêng, lão nhếch mép mỉm cười và dang rộng cánh tay. Cái miệng lão mấp máy, những lời nói hình thành tận trong đầu người nghe lại không đồng bộ với cử động của đôi môi, và âm thanh nghe như cả một chục tiếng nói phát ra cùng một lượt. Cặp song sinh nghe lão nói bằng tiếng Anh với đúng chất giọng Boston; trong đầu Flamel thì đó lại là thứ tiếng Pháp thời trai trẻ của ông; Palamedes nghe giọng nói ấy bằng ngôn ngữ du dương nhịp nhàng của vùng sa mạc Babylon; trong khi tai Shakespeare nghe rõ lão nói tiếng Anh thời nữ hoàng Elizabeth. “Ta đến để dự tiệc. Ta đến vì cặp song sinh. Thậm chí ta còn đến đây vì chút tiêu khiển. Ta không bao giờ ý thức được rằng sẽ đến để đón một người bạn cũ cả.” Cernunnos xòe rộng bàn tay phải, và thanh kiếm đá trong tay cầm của Josh lóe lên ngọn lửa màu đỏ đen, làn tro sẫm màu xoắn theo hình tròn ốc bay lên hòa vào bầu không khí đêm. “Cậu có cái gì của ta đấy, cậu bé con. Đưa ta thanh kiếm của ta nào.”

Josh siết chặt nắm tay trên món vũ khí. “Bây giờ nó là của tôi.”

Thần Sừng phá ra cười nhẹ, gần giống như tiếng khúc khích. “Của cậu ư? Cậu không hề biết cậu đang cầm cái gì nữa kia mà.” Cernunnos sải bước tiến đến, bàn chân khổng lồ như chân dê của lão in hằn xuống lớp bùn. Lão ngừng lại ngay nơi bờ rìa đường hào và cánh mũi lão hình hình lên, dấu hiệu đầu tiên của một nét biểu cảm trên gương mặt hoàn hảo của lão.

“Tôi biết đây là cái gì chứ,” Josh nói. Cậu dẫn một bước tiến về phía Thần Sừng. Bây giờ hai người cách nhau khoảng một mét tám đứng bằng với chiều

rộng của đường hào đầy chất lỏng sền sệt đen thui. Josh cầm thanh kiếm bằng cả hai tay, cố giữ nó cân bằng và vững chắc. Món vũ khí rung lên, run rẩy trong nắm tay cậu. Và rồi cậu nhận ra rằng sự dao động đang chạy lên cánh tay cậu, đi dần vào vai cậu theo một nhịp đều đặn... như nhịp đập của trái tim. Khi hơi ấm dễ chịu lan khắp người rồi tụ lại nơi ngực và dạ dày cậu, cậu cảm thấy mình mạnh mẽ và rất tự tin, không sợ hãi điều gì và không sợ hãi một ai. Nếu Cernunnos tấn công, Josh biết cậu có khả năng đánh bại lão. “Đây là Clarent, Thanh kiếm Hỏa công,” cậu nói, giọng vang vọng và ngân nga. “Tôi đã nhìn thấy nó làm gì với Nidhogg. Tôi còn biết nó có thể làm gì cho ông nữa kia.”

“Ta đang bị một cậu bé con thuộc giống người đe dọa đó sao,” Thần Sừng nói với vẻ ngạc nhiên.

Josh bước thẳng đến bờ hào và nhìn trừng trừng vào sinh vật đứng bên kia làn chất lỏng đang xoáy tít. Những mảnh tư tưởng nhảy múa trong tâm trí cậu, những hình ảnh thời Cernunnos đang mang thanh kiếm này.

“Sắp diễn ra một trận chiến,” Josh nói đồng dục. “Và tôi nghĩ tôi sẽ phải cần đến thanh kiếm này.”

Cernunnos mỉm cười. “Nên nhớ, nó còn được gọi là Lưỡi kiếm Hèn nhát,” lão vừa nói, vừa chống cây gậy to tướng của lão xuống đất rồi tựa người vào đó, cái đầu sừng khổng lồ của lão nhô ra phía trước, đôi mắt màu hổ phách nhìn chăm chăm không chớp vào Josh. “Đó là một thứ vũ khí bị nguyên rủa. Tất cả những ai mang nó đều bị nguyên rủa.”

“Ông từng mang nó đó thôi.”

“Chính xác,” Cernunnos nói. “Và nhìn ta xem. Đã từng có lần thế giới này là do ta nắm quyền kiểm soát; bây giờ ta lại đang phải tuân theo mệnh lệnh của một người khác. Thanh kiếm sẽ hủy hoại cậu, thậm chí cuối cùng còn tiêu diệt cậu nữa kia.”

“Có lẽ ông đang nói dối tôi chẳng,” Josh nói giản dị, nhưng sâu tận đâu đó trong tâm trí, cậu iết Quan chấp chính không hề nói dối.

“Tại sao ta phải nói dối cậu chứ?” Cernunnos nói nghe có vẻ bối rối thật sự. “Ta không phải là các Elder mà cũng không phải là Thế hệ Kế tiếp. Ta cần gì phải nói dối giống người?”

Sophie bước tới đứng ngay sau cậu em sinh đôi. Đằng sau lưng cậu, ngón tay cái của cô bé đặt lên hình xăm khắc sâu vào cổ tay cô. Tất cả những gì cô bé phải làm là ấn vào chấm màu đỏ trong đường tròn màu vàng kim và điều đó sẽ

làm bừng sống dậy Ma thuật Lửa của cô bé. Thần Sừng nhìn cô bé, đôi mắt đã dịu bớt vì đồng tử của lão co lại thành hai đường thẳng mỏng dính đen thui. “Chúng ta đã từng gặp nhau,” lão ta nói, thoáng ngạc nhiên hiện lên trong giọng nói, lão nhìn hết người này tới người kia.

Bàng hoàng, hai đứa nhỏ sinh đôi lắc đầu.

“Chúng ta đã từng,” Thần Sừng nằng nặc.

“Tôi nghĩ chúng tôi sẽ nhớ lại xem,” Sophie nói.

“Chính xác là ông không quên đấy chứ,” Josh nói thêm.

“Ta biết cô bé,” Cernunnos nói chắc nịch. “Nhưng đó là chuyện riêng chúng ta sẽ giải quyết sau,” lão ta nói thêm khi Nicholas, theo sau là Palamedes và Shakespeare, vội vã bước đến nhập vào cùng với cặp song sinh. Thần Sừng nhìn lần lượt từng người, bắt đầu từ Nhà Giả kim và cũng kết thúc nơi ông. Rướn thẳng người, lão kéo cây gậy khổng lồ to tướng của lão lên và chĩa nó về phía Flamel. “Bữa chiều,” lão nói, rồi cây gậy di chuyển để chỉ vào Palamedes. “Bữa trưa.” Cây gậy chuyển trở lại qua bên kia ngực Nhà Giả kim để chỉ vào Shakespeare. “Bữa xế.”

“Tôi cảm thấy có vẻ như mình bị xúc phạm,” Đại thi hào cầu nhàu.

Thần Sừng nhìn ông ta. “Và bọn Gabriel Hounds của ông sẽ nhập bọn với đạo quân Wild Hunt; hai phe cánh cổ xưa sẽ được thống nhất lại.” Lão giơ cao cây gậy. Có sự chuyển động trong màn đêm tăm tối đằng sau Quan chấp chính và thành linh những con sói tụ tập lại cùng nhất tề lao tới, quai hàm há ngoác ra.

Sophie nhắm mắt, tập trung, ấn ngón cái vào vòng tròn hình xăm và tạo nên một trái banh lửa nhỏ xíu trong bàn tay mình. Bấu mấy ngón tay vào vai Josh, cô bé kéo cậu ra khỏi bờ rìa của đường hào ngay lúc thả rơi quả cầu vàng đang cháy xuống lớp chất lỏng sền sệt đen ngòm.

Quả cầu rơi tòm trên bề mặt dầu và nổi lên một tích tắc, rồi biến mất hút cùng với tiếng xì xì của làn hơi nước màu trắng trắng.

“Ồ,” cô bé thì thầm. Cô bé cảm thấy như thể phổi mình bị hút sạch không khí, khiến cô bé hụt hơi và thở hỗn hển. Mặc dầu cô bé chỉ mới học được Pháp thuật Lửa ngày hôm trước, nhưng nó đã trở thành một phần của cô bé. Cô bé đã dùng nó mà chiến đấu với Disir và bọn gargoyles, nhưng cô bé nhận ra rằng mình hiểu biết rất ít về các thuộc tính của nó. Còn quá nhiều thứ cô bé cần phải biết thêm nữa.

Đạo quân Wild Hunt lao về phía đường hào. Đột nhiên Josh khụy đầu gối xuống và nhúng thanh Clarent vào chất lỏng sền sệt kia. Đường hào bùng nổ ngay tức khắc, tiếng gầm rú bùng lên cùng với một tiếng trầm vang dùng đục bắn những ngọn lửa đen lính dính nhớp nháp vọt thẳng lên trời. Lực của cú nổ đẩy cả Josh và Sophie ngã ngửa ra phía sau lăn quay trên nền đất bùn - và ở phía bên kia của đường hào, bọn Wild Hunt ngã lộn nhào lên nahu khi chúng cố chạy thoát khỏi ngọn lửa. Một số tiếp tục trượt tới trên nền đất ướt, trong khi một số khác bị đẩy vào lửa bởi sức ép của những thân hình đến từ phía sau. Ngay lập tức chúng biến mất vào lớp tro đen lộn cợn.

“Các người sẽ phải trả giá cho chuyện này!” Cernunnos chìa thẳng cây gậy của lão vào Josh. “Và mi, thằng bé kia... ta sẽ lấy lại thanh kiếm của ta!”

“Để chị thử lại xem,” Sophie búng nhẹ mấy ngón tay và quăng một luồng lửa vàng khè đặc quẹo qua bên kia cây gậy to tướng của Thần Sừng, giờ đã bắt đầu lóe sáng với mùi hôi thối của xương cháy khó chịu đến thất kinh. “Mẹ ông chưa từng dạy cho ông rằng chìa vào người khác là rất bất lịch sự sao?”

Perenelle Flamel bước khỏi thanh ngang cuối cùng của cái thang đã gỉ sét gần hết và ngửa đầu ra sau để nhìn vòng tròn nhỏ xíu của bầu trời xanh nhàn nhạt cao tít tắp phía trên kia. Rồi bà cau mày. Có cái gì trông như một đám mây đang rơi xuống trên bà, đâm thẳng xuống căn hầm dài nổi bề mặt Alcatraz với đường hầm cũ của bọn buôn lậu ở dẫu tận bên dưới hòn đảo. Đám mây ấy vận vẹo và cuộn tròn lại, rồi đông đặc lại thành Juan Manuel de Ayala.

“Quý bà Perenelle đó phải không?” Người thủy thủ hỏi bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha rất trang trọng. “Bà đang làm gì dưới đây vậy?”

“Tôi cũng không rõ là mình muốn làm gì nữa,” Perenelle thú nhận. “Tôi nghĩ có lẽ mình nên viếng thăm Nữ thần Quạ.” Hôm qua - chỉ mới hôm qua thôi sao? - Perenelle và Areop-Enap đã đánh bại được Morrigan, Nữ thần Quạ, và cả đạo quân chim chóc của mụ ta. Lão Nhện đã muốn mang Morrigan làm mồi cho một số trong những loài nhện ăn thịt chim, nhưng Perenelle không chịu và thay vào đó còn yêu cầu bà Elder mang sinh vật đã bị trói bằng những sợi tơ xuống xà-lim không chút ánh sáng nằm chìm sâu dưới lòng đảo.

Thoạt tiên, khi Perenelle thả Areop-Enap ra khỏi nhà tù, bà đã tháo dỡ một mẫu hoa văn rối rắm của những ngọn giáo móc được cắm vào sàn nhà ngập ngựa bùn bên ngoài cánh cửa ra vào. Mỗi đầu giáo đều được vẽ một Lời Quyền năng cổ xưa, tạo ra một rào chắn mà bất kỳ một ai thuộc giống loài Elder đều không thể phá bỏ được. Khi Areop-Enap mang Morrigan đã bị bó chặt vào xà-lim ấy, Perenelle đã rút ra từ ký ức phi thường của bà để tái tạo mẫu hoa văn của các ngọn giáo cắm quanh miệng hang. Sau đó, dùng bùn và vỏ sò, bà đã vẽ lại mẫu hoa văn phức tạp trên đầu dẹt của ngọn giáo, nhốt Morrigan bằng những Lời Quyền năng và những dấu hiệu có từ trước thời của các Elder. Chỉ có một con người mới có thể thả mụ ta ra; một Elder hoặc Thế hệ Kế tiếp thậm chí còn không thể đến gần câu thần chú vô hình và chí tử đã bị yểm bằng một thứ bùa ma thuật cổ xưa.

“Thưa bà,” de Ayala nói vội vã. “Chúng tôi cần phải đưa bà thoát ra khỏi hòn đảo.”

“Tôi biết,” Perenelle nói, môi bà cong lên ghê tởm khi bàn chân ngập ngựa đến tận mắt cá trong lớp bùn thối tha tanh tưởi. “Tôi đang tính tới chuyện đó.

Ông có nhìn thấy Nữ thần Biển nào không?”

“Có cả chục cô tắm nắng trên những tảng đá hướng ra phía biển, và tôi đã trông thấy hai cô khác loanh quanh gần vũng tàu đậu. Tôi không thấy cha của họ, Nereus, đâu cả, dù tôi biết thế nào ông ta cũng ở gần đâu đó.” Bóng ma mơ hồ chảy dài ra khi ông ta khoanh tay ôm chặt quanh người mình. “Họ không thể lên bờ... nhưng ông ta thì có thể đấy. Và ông ta sẽ lên cho xem.”

Perenelle lẹp nhẹp đi khoảng chục bước nữa xuống hành lang. Bà liến lúi nhìn hồn ma, ngạc nhiên. “Tôi không biết chuyện đó nữa kia.”

“Các Nữ thần Biển có thân hình của người phụ nữ nhưng mang những cái đuôi cá. Còn Nereus lại có chân giả. Thịnh thoảng ông ta lên bờ đi vào trong những ngôi làng đánh cá để... để kiếm ăn, hoặc ông ta sẽ bò ra một chiếc thuyền vào đêm hôm và bắt lấy một thủy thủ nào đó thiếu cảnh giác.”

Perenelle dừng lại và nhìn sẫm soi xuống dãy hành lang. Mút đầu kia của đường hầm sẽ đổ ra biển, và chợt thoáng hiện ra trong đầu bà hình ảnh Ông Già Biển bò trườn lên đường hầm tiến về phía bà. Lắc mạnh đầu, xua tan hình ảnh kia, bà bật ngón tay tanh tách và tạo ra một ngọn lửa trắng như ánh nến dài khoảng ba xen-ti-mét lơ lửng trên đầu ngay giữa trán bà. Giống như ngọn đèn trên mũ bảo hiểm của người thợ mỏ, nó tỏa ra ánh sáng màu trắng vàng ra phía trước bà, Perenelle quay lui lại phía de Ayala. “Ông có thể đứng canh chừng giúp tôi, cảnh báo cho tôi khi có ai, hoặc bất cứ cái gì đến được không?”

“Tất nhiên.” Bóng ma gập người lại, cúi người mà không có chân. “Nhưng tại sao bà lại ở đây, thưa bà? Không có cái gì dưới đây ngoại trừ Nữ thần Quạ đâu.”

Nụ cười của Perenelle xua tan bóng tối u ám. “Đó chính là người tôi muốn đến thăm kia mà.”

“Bà đến để lấy làm hả hê đó hả?” Giọng Nữ thần Quạ khàn khàn, nghe gần giống như tiếng the thé của mấy người đàn ông.

“Không,” Perenelle nói với vẻ chân thành. Đứng ngay giữa ô cửa, bà khoanh tay ngang ngực và nhìn ngó kỹ lưỡng vào xà-lim. “Tôi xuống đây để nói chuyện với bà thôi.”

Areop-Enap đã quấn một tấm mạng thành hình tròn đẹp đẽ ngay giữa xà-lim dưới lòng đất. Những sợi tơ dày khoảng bằng ngón tay út của Perenelle, lung linh màu bạc lỏng dưới ánh sáng từ lưỡi lửa lắc lư nháy nhót trên đầu bà. Nữ thần Quạ nằm ngay giữa tấm mạng, hai cánh tay duỗi thẳng, chiếc áo choàng lông vũ màu

đen trải rộng quanh người. Trông như thể mẹ ta đang nghỉ đậu giữa không trung và có thể sà xuống bất cứ lúc nào.

“Bà trông không khỏe lắm,” một lúc sau Perenelle mới nói. Dưới ánh sáng dịu dịu, Perenelle có thể trông thấy làn da thạch vào tuyết hoa của sinh vật này hơi ngả màu xanh lá. Bộ lông vũ đen nhánh khô và nứt nẻ thành những đường dài để lộ nước da xanh xao của nữ thần. Những đồ trang sức bằng bạc dính vào tấm áo choàng đã bị biến màu và sạm đen lại, và dọi dây thắt lưng bằng da nặng nề đeo quanh eo mẹ ta đầm hơi ẩm, những miếng chắn bảo vệ gắn vào đó đã bị xỉn thành một màu xanh lá giống như khuôn mặt mẹ.

Morrigan mỉm cười và dùng đầu lưỡi liếm cặp môi đen của mình. “Và bà thì đã già chỉ trong vòng mấy tiếng đồng hồ kể từ lần cuối cùng chúng ta nói chuyện đấy. Hai chúng ta, tôi và bà, sẽ chết cùng với nhau cả thôi.”

Perenelle chuyển động bàn tay và lưỡi lửa lơ lửng trôi gần về phía Morrigan hơn. Nữ thần Quạ cố vặn vẹo đầu sang một bên, nhưng làm như vậy tấm mạng màu bạc dính dính ấy còn thít chặt vào mẹ hơn. Những hình ảnh phản chiếu chung quanh hiện ra trong đôi mắt đen nhánh của mẹ, làm cho chúng có vẻ như có con người. Thoáng trông như khung xương nhô lên bên dưới lớp da thịt trên mặt mẹ ta.

“Bà trông như đang ốm,” Perenelle nói. “Có lẽ bà sẽ đi trước tôi mất.”

“Những Biểu tượng Ràng buộc đang hủy hoại tôi,” Morrigan cái kình, “nhưng chắc chắn là bà biết chuyện đó mà.”

Perenelle vặn người nhìn vào nét chạm hình vuông uốn éo mà bà đã vẽ lên đầu cái giáo gần đó nhất. “Tôi đâu có biết. Tôi biết chúng đã giam giữ Areop-Enap ở đây, nhưng trái lại bà ta có vẻ như chẳng hề hấn gì.”

“Areop-Enap là một Elder, tôi là Thế hệ Kế tiếp. Làm thế nào bà khám phá ra được những Biểu tượng này?” Morrigan hỏi, và ho khan mấy tiếng. “Nhiều Elder và hầu hết các Thế hệ Kế tiếp tin rằng các Biểu tượng Ràng buộc và Lời Quyền năng chẳng hơn gì truyện thần thoại.”

“Tôi đâu có khám phá ra chúng. Chính ông bạn Dee của bà đã dùng chúng để giam giữ Areop-Enap trong xà-lim này đấy chứ,” Nữ Phù thủy nói.

Đôi môi sẫm màu của Morrigan vặn vẹo kinh tởm. “Dee ấy à? Dee mà biết những Lời cổ xưa đó sao?” Mẹ ta im lặng và rồi chậm chậm gật đầu.

“Bà không tin tôi hả?” Perenelle hỏi.

“Ồ không, trái lại là khác. Tôi tin bà chứ. Tôi nghĩ tôi biết tay Pháp sư người Anh rõ hơn bất kỳ người nào khác còn sống ấy chứ, song càng khám phá ra, tôi càng thấy là mình biết ít quá. Hẳn không bao giờ để lộ cho tôi biết là hẳn có kiến thức cổ xưa này,” mục ta kết thúc.

“Và bây giờ bà đang băn khoăn tự hỏi không biết ai đã dạy cho hẳn,” Perenelle nói thật sắc sảo. “Areop-Enap bảo rằng có người nào đó ủng hộ Dee - một Elder, bà ta nghĩ vậy, nhưng quá quyền lực đến nỗi Lão Nhện cũng không thể trông thấy họ. Nhưng chắc hẳn họ được bảo vệ bởi một câu thần chú kín ẩn phức tạp khó hiểu. Chắc chắn đó chính là các chủ nhân của Dee.”

“Không ai biết chủ nhân Elder của Dee cả.”

Perenelle nhấp nháy mắt ngạc nhiên. “Ngay cả bà cũng vậy sao?”

Hàm răng dài nhẵn trắng hơn của Morrigan cắn cắn lấy đôi môi đen sậm của mục. “Tôi cũng không. Không ai biết, và những ai mà tò mò - Elder, Thế hệ Kế tiếp hoặc con người - đều biến mất cả. Đó là một trong những bí mật vĩ đại... tuy nhiên bí mật lớn hơn là tại sao các chủ nhân của hẳn vẫn tiếp tục bảo vệ hẳn và giữ cho hẳn sống hoài, mặc cho hẳn gây ra quá nhiều thất bại. Hàng bao nhiêu thế kỷ hẳn không sao bắt được bà và chồng bà.” Mục ta ho ra một tràng cười khúc khích ngăn ngụt. “Các Elder không tử tế mà cũng không rộng rãi, và chắc chắn là không dễ tha thứ đâu. Tôi từng biết có lần nòi giống người bị biến thành bụi đất vì đã không cúi người xuống đủ sâu trước mặt họ đấy.”

“Bà có biết Dee định làm gì với mọi thứ sinh vật trên hòn đảo này không?”

Morrigan im lặng nhìn bà chăm chú.

Perenelle mỉm cười. “Có thành vấn đề gì không nếu tôi biết được... đặc biệt là nếu cả hai chúng ta chẳng bao lâu nữa đều sẽ chết cả?”

Nữ thần Quạ cổ gập đầu, nhưng cái đầu của mục dính cứng ngắc. “Dee được chỉ thị là phải quy tụ các sinh vật này lại, nhưng tôi không rõ là hẳn có biết các Elder định làm gì với chúng không.”

“Nhưng bà thì biết,” Perenelle đoán bừa.

“Tôi từng trông thấy những chuyện như thế này diễn ra trước đây, một thời gian rất lâu rồi, thậm chí còn trước cả khi loài người đo được thời gian kia. Đó là một đạo quân, đại loại như thế,” Nữ thần Quạ nói với vẻ mệt mỏi. “Khi đến đúng thời điểm, chúng sẽ được thả ra trên thành phố này.”

Perenelle há hốc miệng vì kinh ngạc. Bà đột nhiên thấy một hình ảnh khắp bầu trời San Francisco đầy những giống ma cà rồng đói rã ruột, khắp công rãnh

nhưng nhúc nhể những loài boggart và người khổng lồ độc ác, cùng với loài quái vật biến peist trong lòng vịnh, Windigo và cluricaun trên đường phố. “Sẽ diễn ra một trận tàn sát.”

“Đó mới là vấn đề,” Morrigan thì thào. “Bà nghĩ làm thế nào loài giống người có thể phản ứng được nếu họ trông thấy lũ quái vật trong truyện hoang đường và thần thoại lại có mặt trên đường phố và bay rợp khắp trời kia chứ?”

“Thật kinh khiếp, không thể tin được.” Perenelle hít sâu vào rồi rùng mình. “Nên văn mình sẽ sụp đổ.”

“Như nó đã từng sụp đổ trước đây,” Morrigan nói một cách thô bạo.

“Và đã vực dậy,” Perenelle nói ngay.

“Nó sẽ không vực dậy một lần nữa đâu. Tôi đã nghe đồn rằng có nhiều sự tụ tập như vậy lắm - các đạo quân, vườn bách thú, chuồng thú, cứ gọi chúng bằng bất cứ cái tên gì bà muốn - trên mọi lục địa. Tôi hình dung chúng sẽ được thả ra trên thế giới này trong cùng một ngày. Quân đội của giống người sẽ chỉ uống công sức cùng vũ khí của mình khi chống lại các sinh vật ấy thôi... và rồi, khi họ kiệt quệ và suy yếu đi, những người mà bà gọi là Elder sẽ quay trở lại trái đất này.” Nữ thần Quạ phá ra cười lớn, rồi tiếng cười vỡ ra thành một tràng ho ngắn nhức nhối. “Đấy, kế hoạch là thế. Tất nhiên rồi, điều này không thể xảy ra được nếu Dee không lấy được hai trang cuối trong cuốn Codex. Không có Lời Hiệu triệu Cuối cùng, người ta không thể lôi kéo các Vương quốc Bóng tối cùng liên kết lại được.” Mụ ta lại ho. “Tôi băn khoăn tự hỏi không biết chủ nhân của Dee dành sẵn cái gì cho hắn nếu hắn thất bại? Một hình phạt rất thảm khốc, chắc chắn vậy rồi,” mụ ta nói thêm với vẻ gần như là hân hoan vui sướng.

“Vậy mà tôi tưởng hắn là bạn của bà chứ?” Perenelle nói, lại đầy ngạc nhiên. “Bà đã làm việc cùng hắn tận mấy thế kỷ rồi kia mà.”

“Nếu được chọn thì không bao giờ,” Morrigan cáu kỉnh. “Các Elder mà Dee phục vụ đã ra lệnh cho tôi phải tuân theo sự sai khiến của hắn.” Mụ ta cố xoay trở trong tấm mạng dính dính ấy, nhưng càng xoay sở, những sợi tơ thít lại, càng siết chặt mụ hơn. “Và tôi nhìn thấy chuyện này sẽ dẫn tôi đến đâu.” Một giọt nước mắt đen lóng lánh đọng nơi khóe mắt mụ ta rồi lăn tròn xuống má. “Hôm nay tôi sẽ chết ở đây, bị hủy hoại bởi những Biểu tượng Ràng buộc này, và tôi sẽ không bao giờ còn được nhìn thấy lại bầu trời nữa.”

Perenelle chăm chú nhìn giọt nước mắt đen chảy xuống khỏi cằm Morrigan. Đúng vào lúc rơi ra khỏi làn da thịt của mụ, nó biến thành một cái lông vũ trắng

như tuyết, bay lơ lửng rồi đậu nhẹ nhàng êm ái xuống nền đất. “Có lẽ Dee sẽ gọi ai đó đến giải cứu bà chẳng.”

“Tôi ngờ là như thế.” Nữ thần Quạ ho khan. “Nếu tôi có chết đi thì cũng chẳng có gì hơn là một chút bất tiện. Chủ nhân Elder của Dee sẽ cho hẳn một tên hầu khác và tôi sẽ bị quên lãng đi thôi.”

“Có vẻ như cả hai chúng ta đều bị tay Pháp sư đó phản bội thì phải,” Perenelle thì thầm. Bà chăm chú nhìn một giọt nước mắt đen khác nữa rơi ra khỏi khuôn mặt của Nữ thần Quạ và uốn éo thành một cái lông vũ trắng toát đúng ngay lúc nó chảy giọt ra khỏi cằm mẹ ta. “Morrigan... tôi ước gì... tôi ước gì mình có thể giúp được bà,” Perenelle thú thật, “nhưng không biết tôi có thể tin bà được không.”

“Tất nhiên là bà không thể tin tôi rồi,” Morrigan trả miếng. “Thả tôi ra bây giờ thì tôi sẽ tiêu diệt bà ngay. Đó là bản chất của tôi mà.” Làn da thịt xanh mướt của mẹ tối sầm lại thành một màu xanh lá ngả sang lơ, rồi những đốm tí xíu bắt ngờ hiện ra trên trán và băng xuống hai bên má mẹ. Mẹ ta bắt đầu quấy đập trong tấm mạng, những cái lông vũ bị bóc toạc ra khỏi tấm áo choàng của mẹ tụ lại thành một đồng nhỏ toàn những chiếc lông trắng tinh trên nền đất ngay dưới chân mẹ. “Đã đến giờ chết...” Đôi mắt mẹ bừng mở lớn, đen thui và trống rỗng, và rồi dần dần, từ từ, chậm chậm, những lọn màu đỏ và vàng xoắn thành hình tròn ốc kéo từ bên này sang bên kia cả khối đen ngòm kia và biến nó thành một màu da cam nhàn nhạt. Thở rất nặng nề, mẹ ta nhắm mắt lại và nằm im lìm.

“Morrigan?” Perenelle thì thào.

Sinh vật ấy không hề nhúc nhích.

“Morrigan?” Perenelle lại hỏi lần nữa. Mặc dù sinh vật này từng là kẻ thù của bà suốt nhiều thế hệ, nhưng bà vẫn cảm thấy bị tác động rất mạnh, thật kinh hoàng khi bà đứng đó và để mặc cho một huyền thoại chết đi.

Đột nhiên, đôi mắt Morrigan mở choàng ra. Không còn màu đen nữa, bây giờ đôi mắt có màu đỏ tươi, một thứ màu của máu, một màu máu tươi nguyên.

“Morrigan...?” Perenelle nháy lùi một bước.

Tiếng nói phát ra từ đôi môi của Nữ thần Quạ hơi khác một chút so với giọng nói thường ngày của bà. Vết tích trọng âm của người Ireland hoặc Scotland có thể nghe thấy rõ ràng. “Morrigan giờ đang ngủ... Tôi là Badb.”

Đôi mắt sinh vật ấy từ từ khép lại, rồi hấp háy mở ra. Bây giờ chúng lại có màu vàng tươi sáng rực.

“Và tôi là Macha.” Trọng âm của người Celt thậm chí còn mạnh hơn, và giọng nói nghe hình như trầm hơn, khàn hơn.

Sinh vật ấy nhắm mắt, và khi mở ra lại, một con mắt đỏ thẫm sáng quắc, còn con kia lại vàng tươi rau rầu. Hai giọng nói phát ra từ cùng một cái miệng, hơi không đồng bộ một chút.

“Chúng tôi là hai người chị của Morrigan.” Đôi mắt đỏ và vàng quay nhìn xuống Nữ Phù thủy. “Chúng ta nói chuyện nào.”

“Tôi tưởng cả hai bà đều đã chết cả rồi chứ,” Perenelle Flamel nói. Bà biết mình sợ hãi, nhưng tất cả những gì bà cảm nhận lại à một cảm giác nhẹ nhõm. Cùng với đôi chút tò mò.

Lưỡi lửa nhảy múa lơ lửng trên đầu bà tỏa ra ánh sáng màu vàng ấm áp lan đến hình thù sẫm tối của Nữ thần Quạ dính cứng trong tấm mạng khổng lồ. Trên khuôn mặt xanh méc phòng rộp kia, một con mắt đỏ và một con mắt vàng nhìn xuống Nữ Phù thủy và khi đôi môi đen thắm động đậy, hai giọng nói cùng cất lên thành một. “Ngủ thôi, có lẽ thế. Chứ không chết.”

Perenelle gật đầu; vấn đề này chẳng có gì bất thường. Bà từng lớn lên trong một thế giới của những hồn ma, bà trông thấy người đã chết mỗi ngày và thường xuyên nói chuyện với họ, song bà biết rằng những tiếng nói phát ra từ miệng Morrigan không phải là tiếng nói của những linh hồn kiểu như thế. Đây lại là chuyện khác. Bà cố nhớ lại xem bà đã biết gì về Nữ thần Quạ. Sinh vật này thuộc Thế hệ Kế tiếp, sinh ra sau biến cố nhấn chìm của Danu Talis. Mụ ta đã định cư trên vùng đất mà một ngày kia được gọi là Ireland và Anh Quốc, rồi nhanh chóng được những người Celt tôn thờ như một vị nữ thần chiến tranh, chết chóc và tàn sát. Cũng như nhiều Elder và Thế hệ Kế tiếp khác, mụ ta là một nữ thần ba ngôi một thể: mụ có ba diện mạo. Một số Elder biến đổi thấy rõ qua từng thời đoạn - Hekate bị mắc lời nguyên nên thay đổi về hình thể bên ngoài từ một cô gái trẻ đến một bà lão già theo từng buổi trong ngày. Những người khác thay đổi theo kỳ trăng hoặc theo mùa, trong khi thậm chí có những nữ thần đơn giản chỉ là một con người với các diện mạo khác nhau. Nhưng theo những gì bà nhớ được thì Macha, Badb và Morrigan là ba sinh vật có ba tính cách khác nhau... chỉ có điểm chung là tất cả họ đều hung dữ và có thể gây ra những chuyện chêt người.

“Khi tôi và Nicholas còn ở Ireland vào thế kỷ mười chín, một người phụ nữ thông thái đã bảo tôi rằng bằng cách nào đó Morrigan đã giết chết cả hai bà rồi.”

“Không hẳn như thế.” Trong tích tắc cả hai con mắt đều đỏ lôm và sinh vật ấy nói bằng một giọng duy nhất. “Chúng tôi không bao giờ là ba; chúng tôi lúc nào cũng là một.”

Perenelle thả cho nét mặt mình bình thản, cẩn thận giữ nguyên vẻ trung dung. “Một thân thể, ba tính cách hả?” Bà hỏi. Rồi bà gật đầu. “Vậy đó là lý do

tại sao ba chị em bà không bao giờ trông thấy nhau.”

“Vào những lúc khác nhau trong tháng, tùy thuộc vào chu kỳ trăng, mỗi người chúng tôi sẽ nắm lấy quyền kiểm soát thân thể này.”

Đôi mắt nhấp nháy màu vàng, giọng nói thay đổi và những góc cạnh của khung xương bên dưới lớp da thịt biến đổi, khiến cho gương mặt khác đi một cách rất tinh tế. “Và có những lần nhất định trong năm người này hoặc người kia trong chúng tôi nắm quyền thống trị. Giữa mùa đông luôn luôn là thời kỳ của tôi.”

Con mắt trái đỏ rực, con mắt phải lại vàng tươi và hai giọng nói xuất hiện trở lại. “Nhưng thân thể này thường nằm dưới quyền kiểm soát của cô em gái chúng tôi, Morrigan.” Sinh vật bắt đầu ho mạnh làm rung lắc tấm mạng, và một thứ chất lỏng đen ngòm sóng sánh động trên đôi môi mụ ta. Hai con mắt đỏ và vàng lung linh hướng về phía mẫu hoa văn của những ngọn giá đằng sau lưng Perenelle. “Nữ Phù thủy, gỡ bùa Biểu tượng Ràng buộc đi... chúng đang hủy hoại chúng tôi, giết chết chúng tôi mất.”

Perenelle ngoái nhìn lui. Bên ngoài miệng hang, mười hai ngọn giáo bằng gỗ trải dài qua tới bên kia dãy hành lang hình thành nên một loạt khóa liên động toàn những hình tam giác và hình vuông. Từ nơi khước mắt mình bà có thể nhìn thấy loáng thoáng ánh sáng đen của một sợi tơ nhện kêu vo vo giữa các đầu giáo bằng kim loại, trên đó bà đã lấy bùn ướt viết nên những Lời Quyền năng cổ xưa.

“Nữ Phù thủy... làm ơn đi. Xin hãy gỡ bỏ câu thần chú,” Nữ thần Quạ thì thào. “Cô em của chúng tôi, Morrigan, biết bà... và kính trọng bà. Cô ấy biết bà rất mạnh mẽ và quyền năng... nhưng không bao giờ hung ác tàn bạo.”

Perenelle bước trở ra dãy hành lang và giật phắt một ngọn giáo ra khỏi lớp bùn, phá bỏ mẫu hoa văn. Tức thì, tiếng kêu vo vo rung rung bà chỉ vừa loáng thoáng nhận thức được liền biến mất ngay và bầu không khí có vị kim loại đắng đắng lại đầy tràn những thứ mùi hương thấy ở một đường hầm nằm dưới lòng đất: muối và bùn tanh hôi, cá thối và rong biển. Nắm chặt ngọn giáo bằng cả hai bàn tay, Nữ Phù thủy trở lại xà-lim. “Đừng có giở trò ma mãnh ở đây,” bà cảnh cáo. Khi bà đem ngọn giáo đến gần Nữ thần Quạ, đầu ngọn giáo bỗng sáng lòà. Rồi ngọn giáo nổ lốp bốp bùng cháy lên, luồng ánh sáng trắng pha đen từ ngọn giáo tuôn chảy thành dòng. Perenelle giở đầu ngọn giáo đang cháy sáng vào đám lông vũ bên dưới tấm mạng, chúng kêu xì xì, bốc khói, rồi cuộn quéo và xoắn tít

lại. Mùi lông cháy thật khó chịu làm cho Perenelle chảy nước mắt và buộc bà lại phải ra khỏi xà-lim.

Đôi mắt của nữ thần hấp háy trong làn khói cuộn cuộn. “Không có giờ trò gì đâu...”

Và rồi một cơn rùng mình chạy lan khắp thân hình đang bị giữ chặt trong tấm mạng và những màu đỏ và vàng tiết xuất ra khỏi đôi mắt ấy, để lại đó một màu đen tuyền và trống rỗng. “Họ nói láo!” Morrigan rít lên chói tai. “Đừng nghe họ!”

Perenelle giơ cao ngọn giáo, chĩa phần đầu kim loại sáng quắc hầu như ngang tầm với khuôn mặt Nữ thần Qua. Ánh sáng trắng pha đen tràn lên nước da nhuộm màu xanh lá kia, nữ thần nhắm nghiền mắt lại và cố nghẹo đầu đi chỗ khác nhưng không được. Khi mục ta mở mắt ra, màu đỏ và vàng của Badb và Macha xuất hiện trở lại. Đôi mắt bắt đầu lập lòe chuyển từ màu này sang màu kia khi hai chị em cùng nói.

“Morrigan đã đánh lừa chúng tôi,” Badb nói.

“Tổng giam chúng tôi, yểm bùa chúng tôi, nguyên rửa chúng tôi...,” Macha nói thêm vào.

“Nó đã dùng một câu thần chú kinh tởm trong thuật gọi hồn mà nó học được từ người tiền nhiệm của Dee để trói buộc linh hồn chúng tôi, bắt chúng tôi làm nô lệ, rồi biến chúng tôi thành hoàn toàn bất lực...”

“Chúng tôi đã bị giam hãm dưới câu yểm bùa ấy hàng mấy thế kỷ nay,” Macha mắt đỏ nói. “Có thể nhìn và nghe được tất cả những gì em gái chúng tôi nhìn và nghe, nhưng không thể làm bất cứ chuyện gì được, không thể nhúc nhích, hành động... gì được cả.”

“Nhưng hiệu ứng ăn mòn của các Biểu tượng Ràng buộc đã nói lỏng cầu thần chú ra và cho phép chúng tôi lấy lại quyền kiểm soát trên phần xương thịt này.”

“Các bà muốn gì?” Perenelle hỏi, rất tò mò, nhưng sao câu chuyện này làm bà thấy lòng mình buồn một cách kỳ lạ.

“Chúng tôi muốn được tự do.” Các giọng nói trộn lẫn với nhau, con mắt bên trái vẫn lóe lên màu đỏ, mắt bên phải nung đốt một màu vàng. “Có thể em gái chúng tôi đã sẵn sàng để hy sinh bản thân mình. Nhưng chúng tôi thì chưa. Có thể em gái chúng tôi làm tôi đòi cho Dee và các Elder. Chúng tôi thì không. Chúng tôi không ở về phe loài người sau biến cố sụp đổ của Danu Talis, nhưng

chúng tôi cũng không chiến đấu chống lại họ. Cuối cùng, loài người thậm chí còn tôn sùng chúng tôi, và sự tôn sùng của họ đã khiến chúng tôi mạnh hơn. Mỗi cuộc chiến tranh họ đánh nhau, mỗi trận chiến thắng hay bại, họ đã nuôi chúng tôi bằng nỗi đau và ký ức của họ. Thậm chí họ còn thương tiếc chúng tôi khi chúng tôi biến mất khỏi Thế giới Con người. Và điều đó còn hơn bất kỳ tình cảm nào mà bạn bè họ hàng của chính chúng tôi đã dành cho chúng tôi. Không ai trong số họ hàng bạn bè chúng tôi quan tâm hoặc phản đối khi Morrigan trói buộc chúng tôi, bắt bớ chúng tôi, yếm bùa chúng tôi. Nữ Phù thủy, chúng tôi không hề hàm ơn cả Elder lẫn Thế hệ Kế tiếp.”

Perenelle cầm đầu cán giáo xuống mặt sàn đầy bùn, giữ cho thân gỗ nằm đúng ngay dưới phần đầu kim loại, rồi tựa lên đó. Con dấu vấy bùn rung động nhẹ nhẹ, như một trái tim đang đập nhịp chậm rãi, hơi ấm phả ra một bên mặt bà, và bà có thể cảm thấy sự rung rung rất nhẹ xuyên suốt chiều dài thân gỗ.

“Xin hãy giải thoát chúng tôi,” Nữ thần Quạ tiếp tục nói với giọng khẩn nài, “và chúng tôi sẽ mang ơn bà.”

“Đó là một đề nghị hấp dẫn,” Perenelle nói. “Nhưng làm thế nào để tôi biết là tôi có thể tin hai bà? Làm thế nào để tôi biết hai bà sẽ không tấn công tôi ngay lúc tôi vừa giải thoát cho hai bà?”

Sinh vật bị giam giữ trong tấm mạng nhện mím cười, đôi môi đen bầm kéo giập ra phía sau để lộ hàm răng dài trắng hơn. “Bởi vì chúng tôi sẽ hứa với bà - lời hứa của một chiến binh, lời hứa không thể phá vỡ được của Nữ thần Quạ,” nữ thần mắt vàng nói ngay.

“Và bởi vì bà có ngọn giáo được chạm khắc bằng nét chạm của Quan chấp chính,” nữ thần mắt đỏ nói thêm.

“Quan chấp chính à?” Perenelle hỏi. Có lẽ bà đã nghe lời nay hai lần trước đây trong cuộc đời dài thăm thẳm của bà.

“Trước khi có các Elder, Mười hai Quan chấp chính đã thống trị hành tinh này.”

“Trước cả khi có các Elder?”

“Thế giới này già hơn và hoang dại hơn bà tưởng đó.” Nữ thần Quạ mím cười. “Già hơn rất nhiều. Hoang dại hơn rất nhiều.”

Perenelle gật đầu. “Tôi luôn tin vào điều đó.” Ý tưởng về các Quan chấp chính rất hứng thú - Nicholas rất thích - nhưng bà tập trung vào những chuyện thực tế hơn. “Bà có thể đưa tôi ra khỏi hòn đảo này không?” Bà bắn khoản thốt

lên. Bàn tay bà nắm chặt ngọn giáo. Tùy thuộc rất nhiều vào câu trả lời của sinh vật ấy.

Sau khi lưỡng lự một hồi, nữ thần nói, “Chúng tôi không thể làm việc đó được. Tuy bà rất nhẹ, nhưng bà lại quá nặng đối với chúng tôi. Trong số chúng tôi, Elder và Thế hệ Kế tiếp, những ai có khả năng bay thì hầu như xương đều rỗng. Chúng tôi không đủ sức đâu.”

Nữ Phù thủy gật đầu và thư giãn một chút. Bà đã biết câu trả lời này rồi; gần hai thế kỷ trước, bà đã tìm thấy một cái tổ của các nữ yêu quái mình người cánh chim thuộc Thế hệ Kế tiếp trên đồi Palatine phía trên Rome ở Ý. Nhờ đó bà đã khám phá ra rằng mặc dù có dáng vẻ hung ác và những móng vuốt chết người, nhưng chúng lại thiếu sức mạnh cơ bắp. Trong lúc Nicholas đi tìm một thanh kiếm và ngọn giáo trong hành lý của hai người, Perenelle đã lấy tấm áo choàng bằng da của bà đập chúng văng lên không trung và rồi dùng ngọn roi kết bằng một nắm rắn mà bà đã bứt ra từ mái tóc của Medusa, để biến các sinh vật ấy thành đá. Nếu Nữ thần Quạ bảo với bà rằng họ có thể mang bà ra khỏi hòn đảo này, chắc hẳn bà sẽ biết là họ nói dối ngay.

“Đúng vào lúc bà tưởng em gái chúng tôi đã chết,” Nữ thần Quạ nói tiếp, “chúng tôi cảm nhận được nỗi tiếc thương, xót xa của bà trước sự ra đi của nó. Hãy giải thoát chúng tôi. Nữ Phù thủy, và khi chúng tôi đang kiểm soát phần thân thể này, chúng tôi sẽ không hành động chống lại bà hay những người của bà. Đó là lời thề của chúng tôi với bà.”

Không như chồng mình, Nicholas, một người thiên về khoa học, Perenelle Flamel lại là con người trực giác. Bà luôn hành động theo bản năng; hiếm khi nào nó quật ngã bà, và nếu bây giờ bà có sai lầm và Nữ thần Quạ tấn công bà, thì bà hy vọng rằng sự kết hợp giữa sức mạnh của bà với ngọn giáo chết người này vẫn có hiệu lực trong việc chống lại sinh vật này.

“Vậy thì hãy hứa đi,” Perenelle đòi.

“Bà đã có lời hứa này rồi đó,” hai người tranh nhau nói ồn ào. “Chúng tôi sẽ không làm hại đến bà. Chúng tôi mắc bà một món nợ danh dự.”

“Hãy nhắm mắt lại,” Perenelle ra lệnh. Bà bước ra phía trước, chìa ngọn giáo vào tấm mạng. Làn khói trắng xám cuốn thành những đường thẳng đứng rồi tấm lưới nhện rít lên và kêu xì xì khi bà ấn mạnh mũi giáo vào những sợi tơ dính dính. Bà cố cắt những sợi tơ này để nới lỏng cho Nữ thần Quạ đang bị trói được thả xuống nhẹ nhàng, nhưng rồi bà chợt nhớ ra rằng đây là một sinh vật hầu như

trơ lì trước sự đau đớn. Nên bà di chuyển ngọn giáo thành một hình chữ X cực lớn và sinh vật ấy đổ nhào xuống đất không kêu một tiếng. Dù đã được giải thoát khỏi tấm mạng, nhưng mụ ta vẫn còn bị trói trong những sợi tơ.

Đôi mắt đỏ và vàng vụt mở ra. “Cẩn thận, Nữ Phù thủy,” Nữ thần Quạ lầu bầu khi Perenelle tiến tới gần, hai tay cầm ngọn giáo. Đôi mắt ắt dán chặt vào lưỡi giáo đang bốc khói. “Một nhát cắt là có thể toi đấy.”

“Tôi sẽ nhớ chuyện đó mà,” Nữ Phù thủy cam đoan trong lúc bà cẩn thận, khéo léo lạng đi cái kén gần như vô hình ấy, rồi lột nó ra và giải thoát cho Nữ thần Quạ.

Sinh vật ấy đứng thẳng lên và phúi đi những sợi tơ dính dính ra khỏi tấm áo ăng da của mình. Rồi mụ ta vươn vai, lớp da kêu răng rắc khi mụ dang rộng cánh tay và cong khuỷu lưng xuống. Cả hai giọng nói tranh nhau. “Ồ, không có gì tốt cho bằng được sống lại.”

“Có nguy cơ là Morrigan sẽ có thể lại xuất hiện không?” Perenelle vừa hỏi, vừa đứng thẳng người lên, tay cầm chặt ngọn giáo. Một chuyển động nhỏ thôi cũng có thể làm cho ngọn giáo ấy giáng xuống Nữ thần Quạ.

Đôi mắt lóe lên từ màu đỏ sang màu vàng, rồi vụt đỏ trở lại. “Chúng tôi sẽ giữ cho em gái của chúng tôi nằm dưới tầm kiểm soát chứ.” Rồi cái đầu ấy bung vòng quanh để nhìn vào cái gì đó qua vai Perenelle.

Ngay khi qua lại, cũng là lúc người phụ nữ thấy bà đang bắn khoản tự hỏi không biết mình có bị rơi vào những cú lừa cũ rích trong sách vở hay không.

Juan Manuel de Ayala lơ lửng đóng khung nơi lối vào xà-lim. Đôi mắt và miệng của hồn mà ấy là những cái lỗ trống hoác, và những sợi linh hồn tinh túy xoắn dài của ông ta chảy trôi vào đường hầm sát đằng sau ông như một lá cờ đang dao động.

“Có chuyện gì vậy?” Perenelle hỏi gần, đột nhiên hiểu được điều gì đó không ổn. Bà vẫy ngọn giáo và bóng ma nhanh chóng đặc lại khi ông ta không nhìn Nữ thần Quạ nữa mà tập trung vào đầu ngọn giáo bằng kim loại đang lóe sáng. “Có rắc rối sao?”

“Nereus đến rồi.” Tiếng nói của hồn ma cao the thé vì kinh sợ. “Ông Già Biển đang ở đây.”

“Ở đâu?” Perenelle hỏi dồn.

“Ở đây!” Bóng ma la lớn, và quay người lại, cánh tay trái của ông ta giơ lên chỉ vào vùng bóng tối u ám. “Ông ta vừa trèo lên khỏi biển ngay mút đầu bên kia

của đường hầm. Ông ta đang đến tìm bà đó!”

Và rồi một mùi hôi thối rất khó chịu của cá chết thối rữa lâu ngày và mỡ cá voi bị ôi thiu cuồn cuộn phả xuống dọc theo chiều dài của đường hầm.

Những ngọn lửa đỏ tươi roi rói bắn phụt ra từng tia, bật tanh tách, kêu rảng rắc gào rú âm ào vọt thẳng lên trời, làn khói chưa đầy dầu đèn ngòm bắn thiêu cuộn lại và xoăn vẩn bay vào bầu khí đêm khắp trên bãi xe. John Dee quay phắt đầu ra sau và hít thở sâu; tất cả những gì hắt ngửi thấy là mùi hôi thối khó chịu của cao-su và dầu đang cháy, hẳn có thể phát hiện là không có chút ma thuật nào trong không khí. “Tôi vào bên trong,” hẳn vừa nói, vừa nhìn Bastet.

“Tôi không khuyên ông như thế đâu,” nữ thần đầu mèo cảnh báo.

“Tại sao không?”

Bà Elder Đen tối nhe răng ra thành một cử chỉ có lẽ được coi là một nụ cười kinh khủng. Mụ ta kéo chiếc áo choàng đen quấn chặt hơn nữa quanh bờ vai hẹp. “Thật là xấu hổ nếu một tên trong đạo quân Wild Hunt nhằm ông với một kẻ địch hoặc là Quan chấp chính kia quyết định biến ông thành một tên trong hàng ngũ của lão. Tối nay lão đã mất nhiều con sói lắm rồi; lão sẽ cần phải có ai thay thế chúng đấy.”

“Tôi hoàn toàn không phải là người không có khả năng tự vệ đâu, thưa bà,” Dee nói. Từ bên dưới chiếc áo khoác, hẳn kéo ra thanh đoản kiếm Excalibur và rào bước ngang qua đường phố trống trơn hướng về phía bãi xe. Hẳn dừng lại nơi những cánh cổng dày cộp. Hầm rảng trên nơi cái gậy của Quan chấp chính đục những lỗ thủng nằm rải rác khắp lớp kim loại nặng nề, và chỗ nào lớp kim loại bị nứt nẻ, thì ở đó nó bị xé toạc ra và quăn tорт lên như một miếng lá nhôm. Dee đưa thanh kiếm gí sát vào chỗ hẳn nghĩ là Quan chấp chính đã động vào lớp kim loại, nhưng không có chuyện gì xảy ra. Nếu Cernunnos dùng năng lực ma thuật thì thanh Excalibur sẽ phản ứng ngay, đằng này thanh kiếm vẫn lạnh và tối. Dee gạt đầu; sinh vật ấy đã dùng sức mạnh vũ phu của mình để xé mở những cánh cổng. Hẳn bắt đầu tự hỏi không biết Cernunnos sở hữu sức mạnh luồng điện hoặc pháp thuật lớn đến cỡ nào lận. Thần thoại kể về các Quan chấp chính - và thậm chí các Elder xuất hiện sớm nhất, các Elder Vĩ đại vẫn còn xuất hiện sau họ - như những người khổng lồ hoặc những con quái vật gớm ghiếc, và đôi khi là cả hai. Nhưng họ không bao giờ được mô tả như là những Pháp sư hay những phù thủy cả. Chính các Elder Vĩ đại mới là những người đầu tiên phát triển những khả năng này.

Dee căn môi ngăn một nụ cười; vì hắn nghi ngờ rằng Cernunnos sở hữu một sức mạnh có rất ít hoặc không hề có yếu tố ma thuật, hắn bắt đầu cảm thấy tự tin hơn. Sinh vật này đã gợi ý rằng là có thể đọc được tâm trí hắn, nhưng có thể là lão ta nói dối thôi. Hắn cô gợi nhớ lại xem Quan chấp chính này chính xác đã nói gì khi lần đầu tiên xuất hiện.

“Ý tưởng và ký ức của ông là những thứ ta đọc được đấy, Pháp sư ạ. Ta biết ông biết gì; ta biết ông từng là gì; ta biết bây giờ ông đang là gì.”

Ồ, điều đó chẳng có nghĩa gì cả. Cernunnos tuyên bố rằng lão ta biết ý nghĩ của Dee nhưng không có gì chứng minh. Dee biết rằng Elder của hắn đã tóm tắt lý lịch hắn cho Quan chấp chính này nghe đó thôi.

“Nhà Giả kim, Flamel, và bọn trẻ con đang ở với Hiệp sĩ Saracen và Đại Thi hào đằng sau pháo đài bằng kim loại tự chế của bọn chúng. Ông muốn ta và bọn Wild Hunt phá một lối vào cho ông chứ gì.”

Cernunnos cũng đâu có tiết lộ được điều gì mới mẻ. Chỉ đơn thuần là lập lại một sự kiện - một sự kiện Dee đã biết rồi - và rồi khẳng định rằng những mệnh lệnh đó lão đã nhận từ Elder. Chỉ là làm ra vẻ như thể lão đang đọc ý nghĩ của Dee vậy.

Tiến sĩ John Dee cười nhẹ. Sinh vật này chắc chắn là cổ xưa, mạnh mẽ và chắc chắn là chết người như chơi. Nhưng đột nhiên, có vẻ như không đáng sợ đến nỗi vậy.

Nắm thanh kiếm trong tay thật chặt, hắn lén qua lối vào dẫn đến một con đường hẹp bằng kim loại. Hắn có thể nghe được tiếng lửa cháy; giờ đã gần hơn nhiều, nổ lách tách và kêu rền rĩ, phết lên những bức tường những bóng tối nhảy múa nhanh như tên hắn. Dee nhận ra rằng cứ mỗi bước đi, hắn lại sủi cuộn lên những đám mây bụi như hạt cám. Bặm chặt môi, hắn rút chiếc khăn tay trắng tinh ra khỏi túi và bặm chặt lên miệng: hắn không muốn hít phải thứ hài cốt nát nghiền như cám sạn của bọn Wild Hunt. Hắn từng là một Pháp sư, một phù thủy, một thầy đồng gọi hồn và một nhà giả kim lâu đời, và hắn có thể dễ dàng hình dung lớp bụi này chất chứa những thuộc tính kinh tởm gì. Chắc chắn hắn không muốn mấy thứ đó xâm nhập vào phổi hắn tí nào.

Hắn bước qua những mũi tên gỗ có đầu bằng đá và những ngọn giáo có hình phiến lá, và phát hiện ra rằng mặt đất rải rác đầy những mũi tên ngắn dùng để bắn nỏ. Cảnh tượng này đưa hắn trở về thời tuổi trẻ của mình. Hắn đã tham dự vào những cuộc bao vây, đã nghiên cứu về chiến tranh tại triều đình thời Elizabeth và

từ những bộ hài cốt bị nát vỡ hãn có thể khẳng định đã diễn ra chuyện gì: quân bảo vệ đã bẫy hầu hết bọn Wild Hunt trong con hẻm hẹp và biến chúng tan thành bụi đất. Nhưng tại sao quân này không chiếm giữ vị trí và tiếp tục bắn xuống bọn tấn công nhi? Hãn bắn khoản tự hỏi. Rồi vừa suy nghĩ, vừa trả lời cho câu hỏi của chính mình, bởi vì đám quân đó đã dùng hết đạn dược, và buộc phải rút về một vị trí phòng thủ tốt hơn. Bên dưới chiếc khăn tay trắng tinh, đôi môi Dee há ra thành một nụ cười rộng ngoác. Lịch sử đã dạy cho hãn rằng một khi đám quân phòng thủ bắt đầu rút lui, thì trận vây hãm xem như đã đến hồi kết thúc. Flamel và những tên khác đã bị mắc bẫy rồi.

Nhờ người ra khỏi con hẻm bằng kim loại, hãn chợt bắt gặp đường hào đang bốc cháy. Đường hào này vây quanh một căn nhà chòi bằng kim loại trông thật tồi tàn nằm ngay giữa trại. Dee vội vã lao tới; hãn biết hàng tá câu thần chú có thể dập tắt lửa, hoặc hãn có thể biến dầu thành cát và dùng một câu thần chú riêng biệt của người Ba Tư để hóa cát thành thủy tinh.

Nhà Giả kim và hai đứa nhỏ song sinh đứng bên phía đối diện với đám lửa, thằng con trai và đứa bé gái đứng gần nhau. Ánh lửa chiếu lên làm cho mái tóc vàng hoe của chúng rực lên hai màu đỏ và vàng ánh kim. Có hai người khác nữa đứng cạnh bên chúng, một tên rất cao và tầm vóc to lớn mặc bộ giáp đen, tên kia thấp bé và mảnh khảnh trong bộ giáp chứng xứng hợp tí nào. Nhóm Gabriel Hounds lông đỏ quạch, trong cả hình dạng người và chó, đứng tụ tập như để bảo vệ cho người đàn ông thấp bé hơn.

Quan chấp chính đứng rõ như in đằng trước những ngọn lửa đang nhảy múa, ánh lửa đùa giỡn trên các nhánh gạc của lão ta, trong khi đằng sau lão đám tàn quân Wild Hunt còn lại đứng kiên nhẫn chờ đợi. Những gương mặt người của mấy con soi dõi theo từng cử động của Dee khi hãn tìm đường băng qua khoảng trống bùn lầy đầy những ổ gà. Không hề nhúc nhích thân mình, Cernunnos vặn đầu nhìn quanh quan sát tay Pháp sư. Đôi mắt Thần Sừng dán chặt vào thanh kiếm đá trên tay hãn, lúc này đã bắt đầu rỉ ra một làn khói màu xanh lơ lạnh lẽo.

“Thanh Excalibur và thanh Clarent cùng xuất hiện tại một nơi,” giọng nói rùng rùng của Cernunnos rì rầm trong khung sọ của Dee. “Đây quả thật là những thời điểm rất quan trọng. Ông có biết lần gần đây nhất hai thanh kiếm này tương ngộ là lúc nào không?”

Dee định nói với lão rằng cả hai thanh kiếm này từng ở Paris mới ngày hôm trước nhưng rồi hãn quyết định không nói bất cứ điều gì chọc tức đến sinh vật

này. Một kế hoạch bẩn thỉu khủng khiếp bắt đầu hình thành nơi sâu thẳm trong vùng tâm thức của hắn, một thứ khó hiểu đến nỗi hắn hầu như e sợ khi phải tập trung vào ý tưởng này - chỉ là phòng khi Cernunnos thật sự có thể đọc được ý nghĩ của hắn. Nhảy vào vị trí bên trái sinh vật này, hắn giữ thanh Excalibur bằng tay phải và khoanh tay ngang ngực. Thanh kiếm màu xanh lơ đang tỏa sáng phết lên phía bên trái khuôn mặt của hắn một thứ sắc màu giá lạnh. “Tôi tin rằng chính là ở đây, ngay tại nước Anh này,” Dee nói. “Khi Arthur tìm thấy Mordred, người cháu ông ta, trên cánh đồng Salisbury Plain. Mordred đã dùng thanh Clarent giết chết của Arthur,” hắn nói thêm.

“Chính ta giết chết Arthur,” Cernunnos nói khẽ. “Rồi cũng giết luôn Mordred. Mà hắn ta là con của Arthur, không phải cháu.” Đầu Thần Sừng ngoái lui nhìn đám cháy. “Ông là một Pháp sư; ta đoán chừng chắc ông có thể dập tắt những ngọn lửa này chứ?”

“Tất nhiên rồi.” Một thứ mùi mới lạ tràn ngập bầu không khí vốn đã hơi hám kinh tởm lắm rồi: mùi trứng thối khó chịu của lưu huỳnh. “Ông có thể băng qua lửa không?” Hắn hỏi, cố tình kiểm tra mức độ quyền năng của Thần Sừng.

“Những ngọn lửa bị đan xoắn lẫn lộn chung vào với kim loại,” Cernunnos nói gọn lỏn.

Dee gật đầu. Bằng kinh nghiệm, hắn biết rằng một số kim loại - đặc biệt là sắt - rất độc đối với các Elder. Và hắn vừa khám phá ra, đối với Quan chấp chính này cũng vậy. Hắn tự hỏi bằng cách nào đó, không biết hai giống loài này có liên hệ gì với nhau không; hắn luôn cho rằng dù họ giống nhau, nhưng vẫn có cách biệt, như các Elder với giống người vậy.

“Tôi có thể dập được đám cháy,” Dee trả lời với vẻ tự tin.

Quan chấp chính chồm người ra phía trước, mùi hương của rừng già chột đậm đặc khi lão nhìn trừng trừng vào ngọn lửa và nhìn tuốt qua phía bên kia. Dee dõi mắt theo hướng nhìn của lão và thấy lão đang dán chặt mắt vào thằng nhỏ, Josh. “Ông có thể giữ cặp song sinh, Pháp sư à, cả mấy trang giấy của ông nữa. Ta khẳng định rằng ba tên người bất tử kia và đám Gabriel Hunt là của ta đấy nhé.”

“Nhất trí,” Dee nói ngay.

“Và thanh Clarent nữa. Ta đòi cả Thanh kiếm Hỏa công ấy nữa.”

“Tất nhiên là ông có thể giữ nó rồi,” Dee nói không chút chần chừ. Hắn cố tình để cho luồng điện của mình tỏa màu vàng và mùi hôi thối quyện bao quanh

hắn, biết rõ làm như vậy có thể che đậy được ý nghĩ của hắn. Hắn không có ý định sẽ tặng cho Cernunnos thanh kiếm ấy đâu. Dee đã trải qua hàng mấy thế kỷ để đi tìm thanh kiếm sinh đôi với thanh Excalibur kia mà, và hắn chưa chuẩn bị sẵn sàng để nhìn thấy thanh kiếm ấy biến mất tăm vào một Vương quốc Bóng tối xa xăm nào đó cùng với Thần Sừng đâu. Kế hoạch tàn bạo của hắn đột nhiên liên kết lại từ những phần riêng lẻ rời rạc. “Tôi rất vinh dự được tự tay tôi trao tặng thanh kiếm ấy cho ông.”

“Tôi sẽ cho phép ông làm chuyện đó,” Quan chấp chính nói, thoáng một chút vẻ ngạo mạn trong giọng nói của lão.

Dee cúi đầu để sinh vật ấy không thấy được vẻ đắc thắng vương trong đôi mắt hắn. Hắn sẽ đứng trước mặt Quan chấp chính này, thanh Excalibur trong bàn tay phải, thanh Clarent trong bàn tay trái. Hắn sẽ cúi mình trước Thần Sừng và bước tới... và rồi bất ngờ thọc sâu cả hai thanh kiếm vào người Cernunnos. Luồng điện lưu huỳnh của tay Pháp sư lóe lên sáng hơn, rõ hơn trong cơn phấn khích này. Việc ấy có cảm giác giống như cái gì nhỉ, liệu hắn sẽ học được gì, sẽ biết được gì sau khi một nhát đâm chết tươi Quan chấp chính?

Ho khùng khục, nước mắt chảy thành dòng, Sophie và Josh cùng với ba người bắt tử bò trườn ra khỏi làn hơi nóng nung đốt kia, thả trượt mình rơi xuống nền đất bùn lầy. Họ an toàn đằng sau bức tường lửa, nhưng họ cũng đã bị mắc bẫy ở đó.

Josh đỡ cô chị gái mình đứng lên. Mái tóc cắt ngang trán của cô bé bị nung đốt thành những lọn tóc quăn queo giòn tan và hai gò má cô bé đỏ ai, cặp chân mày chỉ còn nhỉnh hơn hai đường mờ mờ một chút.

Sophie giơ tay lần theo một đường phía trên mắt Josh. “Chân mày em mất tiêu rồi.”

“Của chị cũng vậy thôi.” Cậu cười toe. Cậu sờ vào hai gò má mình. Cậu cảm thấy mặt mình căng tón, đôi môi khô khốc và nứt nẻ, và cậu bất chợt nhận ra sao mà hai đứa may mắn đến thế. Nếu cậu đứng sát đường hào thêm sáu bảy xen-ti-mét nữa thôi, có lẽ cậu đã bị phỏng nặng rồi. Sophie giơ tay ấn ngón út lên má cậu và cậu ngửi thấy mùi vanilla cùng lúc với một con mắt mẻ thật sự chạm vào làn da như kim châm của cậu. Cậu nắm lấy bàn tay cô chị và nhắc nó ra khỏi mặt cậu; bề mặt ngón tay út của cô bé được phủ một lớp bạc. “Chị không được sử dụng năng lượng của mình,” cậu nói, đầy vẻ quan tâm.

“Đây chỉ là một phương pháp chữa lành đơn giản - nằm sẵn trên tay, Joan gọi nó như thế. Phương pháp này chỉ dùng rất ít hoặc là không dùng đến luồng điện nữa kia. Tụi mình sẽ không bao giờ còn bị đứt tay hay bị bầm tím nữa.” Cô bé mỉm cười.

“Em có cảm giác là tụi mình sẽ cần phải lo lắng về những ths nghiêm trọng hơn là vết đứt tay,” Josh nói. Cậu quay người nhìn xuyên qua bức màn lửa đang cháy rực. Thần Sừng đứng kiên nhẫn ở phía bên kia những ngọn lửa. Cánh tay lão khoanh ngang bộ ngực đồ sộ, và tàn tích đang cháy âm ỉ của cây gậy đang nằm dưới chân lão. Dù hàng trăm quân Wild Hunt đã biến thành bụi đất, ít nhất vẫn còn gấp đôi con số đó còn sống. Hầu hết đều tụ tập thành một hình bán nguyệt ngay đằng say Cernunnos, hoặc ngồi hoặc nằm, những gương mặt người đầy vẻ kinh hoàng nhìn chăm chăm như dán chặt vào chủ nhân của chúng. Josh quay người tròn một vòng. Phần còn lại của đạo quân Wild Hunt đã chiếm lấy vị

trí quanh trại rồi. Họ đã bị bao vây hoàn toàn. “Bọn chúng đang làm gì vậy ta?” Cậu kinh ngạc thốt lên.

“Đang chờ,” Palamedes nói vang rền đằng sau cậu.

Josh quay người lại. “Đang chờ ă?”

“Chúng biết lửa sẽ không cháy lâu được.”

“Bao lâu?”

“Một giờ. Có thể là hai.” Anh ta ngược mặt nhìn trời, ước lượng thời gian. “Có lẽ đến tận nửa đêm, nhưng như vậy chưa đủ lâu.” Anh ta nhún vai. Bộ giáp đen của chàng hiệp sĩ vẫn vện đầy bùn đất và toát ra toàn mùi dầu máy. Cứ mỗi cử động, nó lại kêu cọt két, kẻo kệt. “Chúng tôi xây dựng pháo đài này để tạo sự cách biệt với bên ngoài hơn là để phòng thủ, dù nó giữ chúng ta an toàn trước một số sinh vật không được lành mạnh lắm vẫn hay lui tới vùng đất này. Nhưng nó đâu có được thiết kế để ngăn một thứ như Cernunnos.” Đột nhiên anh ta nhìn xéo qua Sophie khi một ý tưởng chợt đến trong đầu, đôi mắt anh ta long lanh trong ánh lửa phản chiếu. “Cô cậu nắm vững yếu tố Lửa. Liệu có thể giữ ngọn lửa cháy mãi được không?”

“Không,” Josh nói ngay, theo bản năng cậu bước tới đứng ngay trước mặt cô chị. “Thậm chí thử làm cái gì như thế thôi cũng có thể giết chết chị ấy, đốt cháy chị ấy mất.”

Nhà Giả kim gật đầu. “Sophie cần phải giữ cho đám lửa này cháy cho đến bình minh; cô bé không đủ mạnh để làm vậy đâu. Chưa đủ mạnh. Chúng ta cần phải tìm một giải pháp khác.”

“Tôi biết vài câu thần chú...,” Shakespeare buột miệng. “Anh cũng vậy mà, Palamedes. Còn ông thì sao, Nicholas? Cùng nhau làm đi, chắc chắn cả ba chúng ta có thể...” Và rồi Đại Thi hào hát đầu đảo quanh, cánh mũi nở ra, nheo mắt lại.

“Cái gì vậy?” Palamedes vừa hỏi, vừa quay người liếc xuyên qua bức tường lửa.

“Dee,” Shakespeare và Flamel cùng nói một lượt. Đúng vào lúc họ đang nói, hình dáng một người đàn ông thấp bé đứng kế bên Quan chấp chính in rõ trên bức phong nền vàng một màu lưu huỳnh. Hắn đang cầm một thanh kiếm xanh lơ âm ỉ cháy.

“Với thanh Excalibur,” Flamel nói thêm.

Trong lúc nhóm người này đang nhìn chăm chú, tay Pháp sư nhúng thanh Excalibur vào bức tường lửa đang bùng cháy và xoáy cuộn thanh kiếm. Kêu rít

lên xì xì, xèo xèo, thanh kiếm đá chọc thủng đám lửa, và rồi một luồng gió lạnh như nước đá bất ngờ ập xuống khoét thành một cái lỗ tròn vo, như một ô cửa sổ, ngay trong ngọn lửa đang cháy dữ dội. Dee nhìn sát qua khoảng trống và mỉm cười, lửa phản chiếu trên hàm răng hắc, rực đỏ một màu máu tươi. “Tốt, tốt, tốt, chúng ta có gì ở đây vậy? Cậu Shakespeare - người học việc của cả Nhà Giả kim lẫn Pháp sư. Tại sao vậy chứ, đây gần như là một cuộc sum họp gia đình ấy nhỉ. Và Palamedes, Hiệp sĩ Đen, kết hợp trở lại - hầu như thế - với những thanh kiếm từng thống trị và hủy hoại cuộc đời chủ nhân của mình chẳng. Rồi còn cặp song sinh nữa, tất nhiên rồi. Nicholas, ông thật tử tế khi mang hai đứa nhỏ về nhà cho tôi, dù rằng sẽ tiện lợi hơn nhiều nếu chúng ta kết thúc vụ này nơi vùng Bờ Tây. Bây giờ tôi lại phải đưa bọn trẻ quay về Mỹ. Tuy nhiên, bây giờ hãy giao bọn trẻ đi thì chúng ta có thể tránh được rất nhiều chuyện khó chịu kém vui đấy.”

Nhà Giả kim bật cười lớn, dù không có chút hài hước nào trong âm thanh ấy cả. “Ông không quên điều gì cả, phải không John?”

Tay Pháp sư nghiêng nghiêng đầu. “Có vẻ như ông đã bị mắc bẫy ấy nhỉ, Nicholas, đằng sau là những ngọn lửa, và vây quanh là đạo quân Wild Hunt.” Hắc chìa ngón tay cái vào hình thù khổng lồ đang đứng bên cạnh. “Và, đương nhiên rồi, cả Cernunnos nữa. Lần này, không có chuyện trốn thoát đâu nhé. Thậm chí chỉ một mình ông thôi cũng không được.”

“Ba người bắt tử chúng tôi đâu phải là những người không có sức mạnh,” Flamel điềm tĩnh nói. “Liệu ông có thể chống lại tất cả chúng tôi không?”

“Ồ, tôi không cần làm công việc đó đâu,” Dee nói. “Tất cả những gì tôi phải làm là dập tắt đám lửa này. Thậm chí ông còn không thể đánh bại được một Quan chấp chính và đạo quân Wild Hunt nữa kia.”

Josh bước tới, thanh Clarent tỏa ánh sáng đen trong bàn tay trái của cậu, những bóng đen nhảy múa khiến gương mặt cậu trông già dặn hơn lứa tuổi mười lăm của mình. “Còn chúng tôi thì sao? Thật sai lầm khi mọi người quên mất chúng tôi rồi,” cậu căn cẩu. “Ông đã ở Paris. Ông đã trông thấy chúng tôi làm gì với bọn gargyle mà.”

“Và Nidhogg nữa,” Sophie nói thêm, đứng bên cậu em mình.

Thanh Clarent kêu rền rĩ và rồi Josh quật nó vun vút tới trước hướng về phía thanh Excalibur. Hai thanh kiếm gặp nhau trong khoảng trống hình tròn ngay giữa đám lửa, hai lưỡi kiếm sắt bắt chéo nhau thành một tiếng nổ phóng ra những tia lửa đen và xanh lơ.

Và những suy nghĩ của Dee tràn ngập trên Josh.

Sợ hãi. Một nỗi sợ hãi kinh khủng ám ảnh toàn thân về những sinh vật hình dáng như quái thú và những con người mờ mờ ảo ảo.

Mất mát. Vô số những khuôn mặt, đàn ông, đàn bà và trẻ con, gia đình, bạn bè và xóm giềng. Tất cả đều chết hết.

Giận dữ. Cảm xúc phủ lấp trên hết thay chính là cơn giận - một cơn thịnh nộ sục sôi, làm tan nát tâm can.

Đói khát. Một kẻ đói khát kiến thức, đói khát quyền lực không sao thỏa mãn được.

Cernunnos. Thần Sừng. Quan chấp chính. Nằm chết giữa đám bùn lầy trong khi Dee đứng trên lão ta, hai tay đang cầm hai Clarent và Excalibur, hai lưỡi kiếm lấp lóe những ngọn lửa đen pha đỏ và trắng ngả xanh lơ.

Những ý tưởng và cảm xúc ập vào người Josh như những cú đấm. Cậu cảm thấy đầu mình giật bưng bưng cùng với từng hình ảnh một làm người ta phải sửng sốt. Nhưng sốc nhất trong tất cả là cảnh tượng Quan chấp chính đang nằm ngập trong bùn. Dee dự định sẽ giết chết Cernunnos. Nhưng để làm được điều đó hẳn cần phải có thanh Clarent. Và Josh không từ bỏ Thanh kiếm Hỏa công này đâu. Cậu siết chặt tay nắm trên chuôi kiếm và thọc mạnh thanh kiếm và Excalibur, nhưng giống như thọc vào một bức tường bằng đá vậy. Cầm thanh kiếm bằng cả hai tay, ghì chặt trở lại thanh kiếm của Dee một lần nữa, đá kêu lên kèn kẹt và tóe lửa, nhưng nó không hề nhúc nhích động đậy. Ánh sáng phản chiếu biến khuôn mặt Dee thành một cái đầu lâu đang ngoác miệng.

Josh từng thấy Sophie tập trung luồng điện, đã quan sát cô bé định hình luồng điện quanh người mình; cậu cảm nhận được khả năng chữa lành của luồng điện trên da cậu, nhưng cậu không biết cô bé đã làm những thứ ấy như thế nào. Joan đã huấn luyện cô bé. Nhưng cậu thì không ai huấn luyện cả. “Chị...?”

“Chị đây.” Sophie tiến đến bên cậu ngay lập tức.

“Làm thế nào chị...” Cậu lục tìm từ thích hợp. “Làm thế nào chị tập trung vào luồng điện được?”

“Chị không biết. Chị chỉ... Chị cho rằng chỉ là tập trung thật cao độ thôi.”

Josh hít thở thật sâu và cau mày, trán nhăn lại, chân mày châu vào nhau, tập trung hết sức mình.

Chẳng có gì xảy ra cả.

“Nhắm mắt lại,” Sophie nói. “Hình dung thật rõ những gì em muốn thấy nó xảy ra. Hãy bắt đầu với cái gì nhỏ thôi, bé tí xíu...”

Josh gật đầu. Cậu lại hít thở sâu và nhắm nghiền mắt lại. Sophie có thể tập trung luồng điện của cô bé đúng vào một ngón tay út cơ mà, tại sao cậu không thể nào...

Ngay lập tức, cậu cảm nhận có gì đó quặn lên trong dạ dày; rồi dâng lên ngực, lan xuống dọc hai cánh tay, dẫn vào hai bàn tay đang quăn quanh chuôi kiếm. Luồng điện của cậu nổ thành một lớp lằn chớp lóe, chói lòa tỏa sáng xuống thứ vũ khí kia.

Thanh Clarent rền rĩ, một thứ âm thanh hoàn toàn đau đớn khi thanh kiếm đã hóa thành vàng cứng. Đúng ngay lúc nó chạm vào thanh kiếm của Dee, nó liền dập tắt ánh lửa màu trắng ngả sang xanh lơ lạnh lẽo của thanh Excalibur, biến thanh kiếm kia trở lại thành một phiến đá thô trơ.

Josh nhấp nháy mắt ngạc nhiên.

Và luồng điện của cậu lập lánh tan ra.

Ngay tức khắc, ánh lửa vàng kim rực rỡ nhạt nhòa đi, nhường chỗ cho ngọn lửa màu đen ngả sang đỏ thẫm. Thanh Excalibur chọt đánh lửa lên thành một cú nổ phóng ra các tia lửa. Lão đảo và run rẩy, Josh cố gồng chặt nắm tay trên thanh Clarent, nhưng sức mạnh kinh hoàng đã đẩy Dee bay ngược ra phía sau, bùn bắn tung tóe. Rồi hắn trượt ngã ngửa tuốt bên kia khoảnh đất đầy dầu mỡ bắn thiu dơ dáy, còn thanh Excalibur nhào lộn trong không trung rồi rơi xuống, mũi kiếm cắm ngập vào lớp bùn sạt rạt ngay bên đầu hắn.

Phải nỗ lực ghê gớm Josh mới kéo được thanh Clarent trở ra khỏi đám lửa. Ngay lập tức, ô cửa sổ hình tròn trong đám lửa kia bật đóng nghe một tiếng tách. Gương mặt cậu con trai nhợt nhạt như xác chết, những vệt tím bầm xuất hiện bên dưới mắt, nhưng cậu vẫn có thể cười rung lắc cả người với cô chị sinh đôi. “Coi kìa: chẳng có vấn đề gì.”

Sophie giơ tay về phía cậu em trai và đặt tay mình lên vai cậu. Cậu cảm thấy một dòng năng lượng từ luồng điện của cô bé chảy vào người cậu, khiến đôi chân đang lão đảo của cậu vững trở lại.

“Chị tự hỏi không biết tiếp theo Dee sẽ giở trò gì đây nữa?” Cô bé nói.

Một tích tắc sau, sấm sét nổi ầm ầm và dội vng rền rồi chớp giật lóe sáng gần như ngay trên đỉnh đầu. Cơn mưa theo đó ầm ào tuôn xuống xối xả.

Perenelle lộ bì bõm trong đường hầm bùn lầy, hướng trở lại phía cái thang. Một tay cầm ngọn giáo; tay kia kẹp chặt mũi, nhưng bà vẫn có thể cảm nhận được mùi tanh tưởi đến buồn nôn phủ lên lưỡi bà và nếm được nó trong cổ họng mỗi lần bà nuốt nước bọt.

Juan Manuel de Ayala lơ lửng trôi bên cạnh bà, mặt hướng xuống đường hầm. Không có dấu hiệu gì của Nữ thần Quạ cả.

“Ông sợ gì cơ chứ?” Perenelle gặng hỏi. “Ông là một bóng ma; không gì có thể hại được ông.” Rồi bà mỉm cười, giọng bà thật dịu dàng. “Tôi xin lỗi. Tôi không có ý cẩu kính với ông. Tôi biết ông phải nỗ lực đến thế nào mới được đến miệng hang mà thông báo cho tôi biết.”

“Còn dễ hơn việc bà gỡ bỏ câu Thần chú Trói buộc mà,” hồn ma nói. Nhiều nét tinh túy của ông ta đều bị tiêu tan đi, chỉ để lại thoáng chút gương mặt và đường viền quanh đầu lơ lửng trong không trung. Đôi mắt huyền sáng ngời của ông ta bừng sáng trong bóng tối u ám. “Nereus là cơn ác mộng của mọi thủy thủ,” ông ta thừa nhận. “Và tôi không sợ ông ta làm gì tôi; tôi sợ là sợ cho bà, Nữ Phù thủy ạ.”

“Chuyện xấu nhất có thể xảy ra là gì?” Perenelle hỏi nhẹ nhàng. “Cùng lắm ông ta chỉ có thể giết chết tôi thôi. Hay là cố để làm được như vậy.”

Đôi mắt của hồn ma hóa thành chất lỏng. “Ồ, ông ta sẽ không giết chết bà đâu. Không giết chết tức thì. Ông ta sẽ lôi kéo bà xuống một lãnh địa nào đó dưới biển sâu và giữ cho bà sống thêm nhiều thế kỷ nữa. Và khi xong việc, ông ta sẽ biến bà thành một sinh vật biển nào đó - như một con bò biển hay một con cá nước chẳng hạn.”

“Đó chỉ là chuyện kể thôi mà...,” Perenelle mở miệng nói, rồi chợt nín bặt, khi thấy câu nói của bà thật buồn cười làm sao: bà đang chạy trốn xuống một đường hầm nằm sâu trong lòng đất, đi cùng với bà là một bóng ma, dõi theo một nữ thần của người Celt cổ và bị Ông Già Biển bám đuôi. Đến được cuối đường hầm, bà ngẩng cổ nhìn lên. Xa xa phía trên kia, bà có thể thấy một vòng trời xanh ngắt.

Bà xé một dải vải hẹp ra khỏi đường gấu váy đã tơi tả của mình và buộc nó quanh thắt lưng. Nhét ngọn giáo vào đằng sau dải thắt lưng tự chế, bà giơ tay lên

chụp lấy thanh ngang bằng ki loại nhót nhót của cái thang đã gỉ sét lắm rồi.

“Perenelle!” de Ayala gào lên trong lúc ông ta bay đập dòn lên phía trên.

“Bỏ đi sớm thế, Nữ Phù thủy?” Giọng nói kia vang vọng xuống tận dãy hành lang, một âm thanh lỏng quẹt và sôi sùng sục, nghe ùng ục như tiếng súc miệng.

Perenelle xoay người quay người quăng ra một chút ánh sáng xuống đường hầm. Như một trái banh bằng cao-su, đốm sáng nảy ngược lên trần, đập vào một bức tường, rồi rơi xuống đất, và lại nảy lên lần nữa.

Nereus đứng choán hết cả một vùng tối.

Chỉ một tích tắc trước khi ông ta chìa bàn tay có màng ra nghiêng nát đốm sáng ấy, Perenelle đã kịp thoáng thấy được một người đàn ông chắc nịch, trông bình thường đến ngạc nhiên, một cái đầu với mái tóc quăn dày chảy xuống vai, hòa lẫn với chòm râu ngắn xoắn tít thành hai lọn quăn chặt với nhau. Ông ta đang mặc một tấm áo choàng không tay kết bằng những chiếc lá gói lên nhau cùng những sợi tảo biển màu xanh lá, và trong bàn tay trái ông cầm một cái đinh ba bằng đá nhọn hoắt vô cùng hiểm ác. Khi ánh sáng nhòa đi và đường hầm lại ngập trong bóng tối. Perenelle nhận ra rằng Ông Già Biển không có chân. Bên dưới thắt lưng, tám cái chân bạch tuột quăn quại và ngoằn ngoèo bò qua tận bên kia dãy hành lang.

Mùi tanh tươi thối tha của cá ươn bốc mạnh dữ dội, có một thoáng chuyển động và rồi một cái chân đầy giác hút quăn quanh mắt cá chân của Perenelle và thít chặt. Một cái thứ hai, lính dím lầy nhầy, bám vào ống chân bà.

“Ở lại một lát đã chứ,” Nereus nói nghe ùng ục. Một cái chân khác bần quanh đầu gối Perenelle, những cái giác hút cắn sâu vào da chân. Tiếng cười của ông ta nghe như một miếng bọt biển sũng nước ướt rượt đang bị vắt khô kiệt. “Tôi xin mà.”

Josh ngồi xuống, bàng hoàng choáng váng, ngay lúc bức tường lửa bắt đầu lịm dần thành một đám mây hơi nước màu trắng trắng dày đặc bốc lên cuộn cuộn. Cơn mưa khuấy tung đám đất lên thành một lớp bùn dẻo quẹo nhớp nháp trong khi sấm sét vẫn gầm thét ầm ầm liên tục trên đầu. Chớp lóe sáng rực, phết lên mọi thứ một màu trắng như tro và màu đen như gỗ mun.

“Đã đến lúc phải đi rồi,” Palamedes nói dứt khoát, nước mưa chảy tràn trên chiếc nón bảo hiểm. Anh ta quay người nhìn so và Josh, Nicholas và Shakespeare. Tất cả bọn họ đều ướt đầm đìa cả người, mái tóc của cặp sinh đôi dạt sát vào khung xương sọ. “Có lúc phải chiến đấu và có lúc phải bỏ chạy. Một chiến binh giỏi luôn biết khi nào là lúc phải chọn cái này hay cái kia. Chúng ta có thể đứng đây chiến đấu với Dee và Cernunnos và rồi không ai sống sót được cả. Ngoại trừ hai cô cậu, có lẽ thế,” anh ta nói với cặp song sinh. Ánh lửa chiếu màu hổ phách lên nước da nâu sậm của anh ta và trông rất hợp với bộ giáp. “Mặc dù tôi không rõ chất lượng cuộc sống của hai người sẽ như thế nào khi phục vụ cho các Elder Đen tối. Nhưng tôi cũng không biết cô cậu sẽ sống được bao lâu khi họ đã xong việc với cả hai.”

Đám khói cuộn gay gắt chung quanh họ, dày đặc, giả tạo và độc hại, xua họ trở lại phía căn nhà chòi bằng kim loại.

“Will, mang nhóm Gabriel Hounds...”

“Tôi không bỏ chạy đâu,” Đại Thi hào nói ngay tức thì.

“Tôi không yêu cầu ông bỏ chạy,” Palamedes cúi kính. “Tôi muốn ông gây lại nhóm và đừng hy sinh lực lượng của chúng ta một cách không cần thiết.”

“Lực lượng của chúng ta ư?” Nicholas hỏi. “Đừng nói với tôi là Hiệp sĩ Saracen cuối cùng cũng đã chọn về một phe với ai đó nhé?”

“Tạm thời, tôi phải bảo đảm an toàn cho ông,” Palamedes nói. Anh ta quay lại với Đại Thi hào. “Will, đưa nhóm Gabriel Hounds qua đường hầm bên dưới căn chòi. Gabriel,” anh ta gọi. Một người chó to lớn nhất vội vã lao đến. Những vết xăm màu xanh lơ trên hai má anh ta phủ đầy bùn và máu dính lổm đổm, còn mái tóc màu nâu xám chĩa lung tung ra khắp mọi hướng. “Bảo vệ chủ anh. Hãy đưa ông ta ra khỏi London và mang ông ấy đến Great Henge. Chờ tôi ở đó.”

Shakespeare há mồm định cãi nhưng chợt ngậm ngay lại khi bắt gặp ánh mắt của Hiệp sĩ Saracen nhìn trừng trừng ông ta.

Gabriel gật đầu. “Tuân lệnh. Chúng tôi sẽ chờ ở Henge bao lâu?”

“Nếu ngày mai tôi không trở lại trước khi mặt trời lặn, thì hãy đưa Will đến một Vương quốc Bóng tối nào gần đó; Avalon hoặc Lyonesse gì đó, có lẽ thế. Anh cũng sẽ an toàn ở đó.”

Phớt lờ Nhà Giả kim, Gabriel hướng đôi mắt đỏ ngầu nhìn cặp song sinh. “Còn hai mà là một này thì sao?”

Josh và Sophie im lặng chờ Palamedes hít một hơi thật sâu. “Tôi sẽ mang bọn trẻ về lại London.” Anh ta nhìn Nhà Giả kim. “Chúng ta sẽ đưa hai đứa đến nhà vua.”

Hàm răng dữ dằn của người chó lóe sáng khi anh ta cười. “Để họ ở lại với Cernunnos có lẽ còn an toàn hơn.”

Sophie và Josh ngồi ở băng ghế sau của chiếc taxi London và đen và chăm chú quan sát Nhà Giả kim, Shakespeare và Palamedes đang túm tụm với nhau quanh một thùng lửa đốt đầy những khúc gỗ và những miếng vỏ xe đen thui cháy âm ỉ. Nước mưa bốc hơi và kêu xì xì trên ngọn lửa, và khói trắng dày đặc bốc lên từ đám lửa trong đường hào sắp tàn trộn lẫn với đám khói đen đầy dầu mỡ từ trong cái thùng bay ra.

“Em thấy được luồng điện của họ,” Josh lầm bầm, giọng cậu nghe thật yếu ớt. Sự xuất hiện luồng điện không mong đợi đã khiến cậu mệt lử. Một cơn nhức đầu khó chịu nện thình thịch ngay phía trên đôi mắt cậu, cơ bắp nơi cánh tay và bắp chân nóng như thiêu và dạ dày cậu cảm thấy quặn lộn, gần như thể cậu sắp nôn thốc nôn tháo ra. Hai bàn tay cậu như tê liệt vì nắm quá chặt nơi chuôi của thanh Clarent.

Sophie quay người nhìn ra lớp cửa sổ đầy hơi nước. Josh nói đúng: ba người bất tử được kẻ viền bằng những luồng điện mở nhạt - màu xanh ngọc lục bảo của Flamel, và màu ô-liu sẫm hơn của Palamedes gộp với màu vàng chanh nhàn nhạt của Shakespeare.

“Họ đang làm gì vậy?” Josh hỏi.

Sophie nhấn nút cửa sổ, nhưng xe đã ngắt nguồn và những cánh cửa sổ chạy bằng điện không hoạt động được. Cô bé lấy lòng bàn tay lau mặt kính để nhìn rõ hơn, rồi thở đều trở lại. Các luồng điện cả những bất tử sáng bừng, và cô bé có thể cảm thấy dòng năng lượng đang bò trườn như thể sắp sửa nhỏ giọt ra khỏi những

bàn tay của họ giống như một thứ chất lỏng sóng sánh rơi vào thùng. “Nicholas và Palamedes có vẻ như đang truyền năng lượng cho Shakespeare. Đôi môi của Đại Thi hào mấp máy, ông ta đang nói gì đó...” Cánh cửa xe kêu răng rắc khi cô bé mở ra để lắng nghe, mắt nhấp nháy vì những hạt mưa lắc rắc quật vào vùng tối bên trong chiếc xe.

“... khả năng tưởng tượng là chìa khóa, các anh em bất tử ạ,” Shakespeare nói. “Tất cả những gì tôi cần các ông phải làm là tập trung cao độ, để tôi có thể tạo ra một thứ bùa gây phiền phức rất mạnh mẽ.”

“Đó là một sự kết hợp,” Sophie nói với vẻ kinh sợ. Ngay lập tức cô bé ý thức rằng đây là một từ cô chưa bao giờ dùng trong thời gian trước đây, một từ thậm chí cô còn không hiểu nổi.

Josh trườn đến bên cạnh cô chị gái để nhìn kỹ vào màn đêm ướn át. “Một sự kết hợp... kết hợp... là cái gì?”

“Ông ta đang tạo ra thứ gì đó từ hư vô, định hình và làm ra thứ đó đơn giản chỉ bằng tưởng tượng thôi.” Cô bé đẩy cánh cửa mở ra thêm một chút nữa, mặc cho mưa tạt trúng vào mặt mình. Cô bé biết - bởi vì Bà Phù thủy biết - rằng trong tất cả các loại ma thuật, đây là thứ khó khăn gian khổ nhất và hoàn toàn làm kiệt sức người sử dụng, đòi hỏi một kỹ năng và sức tập trung phi thường.

“Làm nhanh đi,” Nhà Giả kim nói qua hàm răng nghiến chặt. “Lửa sắp tắt rồi và tôi không rõ là mình còn bao nhiêu sức lực nữa đây.”

Shakespeare gật đầu. Ông ta thọc sâu hai bàn tay vào cái thùng đang cháy, giọng ông đặc lại, trở thành thứ ngôn ngữ thời nữ hoàng Elizabeth quen thuộc mà cùng với nó ông đã từng lớn lên. “Trước hết, hãy cho chúng tôi những con rắn sông Nile...”

Khói cuộn cuộn và xoắn vặn quanh cái thùng thành linh sôi sục hàng trăm con rắn nhấp nhô. Chúng lơ xô lộn nhào trên nền đất.

“Rắn! Tại sao luôn luôn có rắn kia chứ?” Josh rên rỉ và nhìn đi chỗ khác ngay.

“... những con rắn lốm đốm với cái lưỡi kép...” Shakespeare nói tiếp.

Thêm mấy con rắn nữa tràn cả ra ngoài thùng, quần quai trườn bò quanh chân ba người bất tử. Nhóm Gabriel Hounds im lặng ngoảnh lại, những con mắt đỏ quạch dán chặt vào mấy con rắn.

“Và bây giờ đến mấy con chim gái, con sa giông và rắn thủy tinh\*...,” Shakespeare nói tiếp, giọng ông ta cất cao và chuyển thành một kiểu ê a đều đều,

như thế ông ta đang lặp đi lặp lại một vần thơ. Đầu ông ta ngửa ra sau và đôi mắt khép lại. “... và những con cóc, xấu xí và độc địa,” ông ta nói thêm, giọng ông ta bỗng khản đặc.

\* Thuộc họ thằn lằn rắn.

Các sinh vật từ trong thùng tuôn ra như thác đổ, hàng trăm con nhím mập ú, những con cóc cục mịch, những con sa giông trơn tuột và những con sâu quăn tít.

“... và cuối cùng, những con cú kêu thét âm ỉ...”

Hơn một chục con cú tới tấp bay vọt ra khỏi ngọn lửa như một đám mưa kết bằng những tia lửa.

Thình lình Shakespeare sụm người xuống và có lẽ sẽ ngã nhào nếu Hiệp sĩ Saracen không chụp ông ta kịp. “Đủ rồi,” Palamedes nói.

“Đủ rồi sao?” Đại Thi hào mở choàng mắt nhìn quanh. Họ đang đứng ngập sâu đến mắt cá trong những sinh vật vừa vọt lên từ cái thùng đang cháy. Mặt đất chung quanh họ ken dày những con rắn oằn oại, những con cóc nhảy lừng tưng, những con sa giông cuộn tròn và những con sâu vặn mình ngoe nguẩy. “Vâng, chuyện này vậy là xong rồi.” Ánh chớp lóe lên phía trên đầu khi ông giơ tay ra siết chặt cánh tay Nhà Giả kim và ôm lấy Hiệp sĩ Saracen. “Cám ơn, những người anh em, những người bạn của tôi. Khi nào cả ba chúng ta gặp lại nhau nữa?” Ông ta hỏi.

“Tối mai,” Palamedes nói. “Bây giờ thì đi đi, đi ngay đi.” Anh ta cẩn thận nhấc chân trái lên. Một con rắn đen thui chảy tuột ra khỏi mắt cá anh ta. “Mấy thứ này sẽ kéo dài được bao lâu?” Anh ta hỏi.

“Đủ lâu mà.” Shakespeare mỉm cười. Vén ra khỏi mắt những sợi tóc thẳng tưng lò xo rũ xuống, ông ta giơ cao bàn tay với cặp song sinh đang ngồi trong xe. “Chúng ta chỉ chia tách để rồi gặp lại nhau.”

“Ông đâu có viết như vậy,” Palamedes nói ngay.

“Tôi biết, nhưng ước gì tôi đã viết như vậy.” Rồi, bao quanh bởi những con chó, William Shakespeare chuôi mình xuống bên dưới căn nhà chòi kim loại và biến mất. Gabriel chờ cho đến khi những con chó khác đi hết theo ông ta.

“Giữ ông ất an toàn nhé,” Palamedes kêu lên.

“Tôi sẽ lấy mạng sống mình để bảo vệ ông ấy,” Gabriel nói dịu dàng bằng giọng âm của người Celt. “Tuy nhiên, xin nói tôi nghe xem.” Anh ta hất đầu về đám sinh vật nằm trong bùn. “Những thứ... này...?” Anh ta bỏ lửng câu hỏi nửa chừng.

Nụ cười của Palamedes thật tàn bạo. “Một món quà nhỏ cho đạo quân Wild Hunt thôi ấy mà.”

Gabriel Hounds gật đầu, sau đó cúi khom người xuống và biến đổi thành hình dạng một chú chó khổng lồ rồi mới vặn vẹo đi xuống căn nhà chòi và lẫn mất.

Và rồi, cùng với tiếng rít ré xèo xèo cuối cùng, đám lửa trong đường hào tắt lịm. “Đã đến lúc phải đi rồi,” Flamel nói, cẩn thận mở đường băng qua đám sinh vật Shakespeare vừa phù phép ra. “Tôi đâu biết ông ấy có thể làm được như vậy.”

“Tạo ra chúng hoàn toàn bằng khả năng tưởng tượng thôi,” Palamedes nói. Anh ta giữ cánh cửa và chìa tay mời Nhà Giả kim bước vào băng ghế sau. “Khóa đai an toàn vào,” anh ta nhắc, bộ giáp đen nhấp nháy biến mất. “Sẽ là một chuyến đi dằn xóc dữ lắm đấy.”

Cơn mưa như trút đột ngột tạnh nhanh như khi mới bắt đầu, và rồi những con sói của đạo quân Wild Hunt nhảy xuyên qua làn khói xám.

Một lúc sau, Cernunnos bước sang bên kia đường hào, đám khói xoắn quện quanh mấy nhánh gạc của lão. Quay ngoắt đầu ra sau, lão gầm vang một tràng cười đắc thắng. “Các người nghĩ mình sẽ đi đâu được chứ?” Lão vừa hỏi gằn, vừa sải bước đi về phía chiếc xe hơi. “Làm gì có chuyện thoát thân khỏi Thần Sừng được.”

Giữ chặt thanh ngang kim loại bằng một tay, Perenelle rút ngọn giáo ra và đâm vào một trong mấy cái chân bạch tuộc đang nắm lấy bà. Kim loại chỉ mới vừa chạm đến lớp da lầy nhầy, cái chân đã rút về ngay lập tức, để lại trên da thịt người phụ nữ một loạt những vết giác hút dùm dó. Bà chưa kịp đâm sinh vật ấy thêm một lần nữa, thì hai cái chân kia đã biến mất tằm trong đường hầm tối như hũ nút.

“Nữ Phù thủy, như thế rõ ràng là thô lỗ quá đấy. Suýt nữa bà đã làm tôi bị thương rồi. Chỉ sâu hơn một chút nữa thôi là bà hẳn đã cắt đứt lìa chân tôi ra mất.”

“Ý đồ tôi là thế mà,” Perenelle vừa lăm bắm, vừa nhét ngọn giáo trở lại dây thắt lưng tự tạo và đu người lên.

“Tôi đã bị mất một cái chân trong nhiều thế kỷ rồi. Và phải hết một thời gian dài mới mọc ra được cái mới đấy,” sinh vật nói thêm bằng tiếng Hy Lạp với vẻ dẫn dỗi, trọng âm nghe thật kinh khủng.

Mặc kệ lão ta, Perenelle cứ trèo lên thêm một thanh ngang khác nữa, nhích gần hơn đến vùng ánh sáng. Bà tự hỏi không biết Nereus có lọt qua đường ống thông nhỏ hẹp này nổi không. Mùi hôi thối đến buồn nôn của sinh vật ấy cuộn đến, làm bà chảy cả nước mắt. Bà nuốt nước bọt thật khó khăn trong lúc dạ dày bà phả ứng chống lại. Nghiêng người qua một bên trong lối đi chật hẹp, bà nhìn xuống. Hầu như bà có thể nhận ra cái đầu và hai vai của lão trong ánh sáng mờ mờ từ bên trên hắt xuống; may quá, mọi thứ bên dưới đều chìm khuất trong bóng tối. Lão ta giơ cây đinh ba lên vẫy vẫy. “Có vẻ như bà đã bị mắc bẫy thì phải, Nữ Phù thủy ạ. Bà không thể trèo lên và lấy cái tấm xia rằng đó đâm vào người tôi được. Nhưng bà đâu có ở ngoài tầm với của tôi...”

Perenelle thoáng nhìn thấy mấy cái chân bạch tuộc ngoe nguẩy dưới đáy đường ống khí. Thoạt tiên là một, rồi hai, rồi bốn, bắt đầu ngoằn ngoèo trên đường tiến về phía bà, xoắn, cuộn, dò tìm dọc theo mặt đá ướt đầm như những ngón tay đang bò trườn. “Ông có biết đích thực tôi là ai không?” Bà gắng hỏi bằng tiếng Anh. Bà còn lặp lại câu hỏi này bằng tiếng Hy Lạp cổ.

Nereus nhún vai, một cử động làm hết thấy mấy cái chân khê dao động. “Thú thật là tôi không biết.”

“Vậy tại sao ông lại ở đây?” Perenelle vừa đu mình lên một thanh ngang khác của cái thang đã gỉ sét. Bà cho rằng giọng lão ta nói ghe sao mà giáo điều chán ngắt thế.

“Tôi đang phải trả một món nợ lâu đời đây,” Nereus nói bằng chất giọng sôi ung ục. “Một trong các Elder Vĩ đại đã bảo rằng món nợ trước đây của tôi với họ sẽ được xóa sạch nếu tôi quay về thế giới này, đến hòn đảo này cùng với mấy đứa con gái của tôi. Người ta bảo bản thân tôi sẽ có được bà và còn nói rằng tuy bà chỉ là một tôi tớ trung bình, nhưng có lẽ sau một hai thế kỷ gì đó, biết đâu bà sẽ là một người vợ tốt. Tất cả những gì tôi biết đó là người ta gọi bà là một nữ phù thủy.”

“Nhưng ông có biết nữ phù thủy gì không?” Perenelle hỏi gặng.

Sinh vật ấy cười phá lên. “Ôi, con người ơi, tôi không biết, mà cũng không quan tâm. Vào thời của tôi, từ đó có ý nghĩa lắm. Nữ Phù thủy là một người rất mạnh mẽ, một người ai cũng phải sợ hãi, một người ai cũng phải kính trọng. Nhưng ở đây, vào thời này và trong thế giới này, những lời cổ xưa, những tước hiệu cổ xưa, chẳng có ý nghĩa gì cả. Sao, một pháp sư, theo như tôi từng khám phá ra, lại không gì khác hơn là một người làm trò mua vui cho bọn trẻ con, chỉ là một ai đó biết kéo con thỏ ra khỏi nón thôi.”

Tiếng cười của Perenelle làm bàng hoàng Elder Đen tối đến nỗi ông ta nín bật. “Vậy ông nên biết điều này, Ông Già ạ: tôi không phải là một kẻ làm trò mua vui đâu. Tôi ngạc nhiên sao Elder của ông lại không nói cho ông biết ông đang đối đầu với ai trên hòn đảo này. Mà có thể là không ngạc nhiên đến vậy. Biết đâu chừng nếu ông biết, ông sẽ không dám bắt tay vào cuộc phiêu lưu ngu ngốc này chẳng.” Giọng Perenelle vang vọng xuống đường ống thông khí. “Tôi là con gái thứ bảy của một người cũng là con gái thứ bảy trong gia đình. Tôi đã sống trên trái đất này gần bảy trăm năm nay, và tôi mang trong mình sự thông thái của tuổi tác. Tôi đã được huấn luyện với các thầy phù thủy và pháp sư, những bậc phù thủy và người yểm bùa ưu tú nhất từng sống từ trước đến giờ. Thậm chí hẳn ông sẽ nghe nhắc đến một vài người. Tôi là người học việc của Bà Phù thủy Endor và tôi là học trò của hai nữ phù thủy vĩ đại nhất trong lịch sử: Circe và Medea.”

“Circe sao?” Nereus vọt miệng đầy lo lắng, mấy cái chân rung rung. “Medea à?” Ông ta nói thêm, nghe có vẻ như khốn khổ.

“Vượt trên hết cả mọi thứ khác, ông nên biết về tiếng tăm các vị thầy của tôi mới phải.”

“Mà bà có phải là học trò giỏi không?” Nereus thận trọng điều tra.

“Học trò giỏi nhất. Hãy biết điều này, Ông Già Biển ạ: tôi sẽ không bao giờ là vợ ông hết. Tôi là đã ấy Nhà Giả kim, Nicholas Flamel.”

“Ồ,” lão Elder nói rất dịu dàng.

“Tôi là người bất tử Perenelle Flamel.”

“À - ra đó là nữ phù thủy,” Nereus nói lầm bầm trong miệng.

“Đúng, nữ phù thủy.” Perenelle giật phắt mũi giáo kim loại ra khỏi tường, tập trung luồng điện vào lòng bàn tay và chăm chú nhìn lớp kim loại gỉ sét xoắn lại và quăn lên, rồi ran chảy thành một thứ chất lỏng màu nâu bẩn thỉu. “Hãy để tôi cho ông xem một thủ thuật mà bản thân Circe đã dạy cho tôi nhé.” Mở rộng bàn tay, bà để những giọt kim loại ấy nhỏ xuống lòng bàn tay khum khum của bà. Nhiều khối cầu bé tí ti màu nâu nâu vàng vàng rơi vào vùng bóng tối. Cơn mưa kim loại bị nấu chảy kêu rít ré và xèo xèo khi rắc lên khắp da thịt của Nereus, và không khí đột nhiên đầy mùi cá chiên nồng nặc. Mấy cái chân bạch tuộc quẫy đạp và nện thui thui lên mặt đá khi Ông Già Biển gào rú và kêu thét bằng nhiều thứ ngôn ngữ của người và không phải người. Perenelle búng nhẹ giọt cuối cùng ra khỏi đầu ngón tay bà. Bà dõi mắt nhìn theo giọt nước màu vàng kim ấy khi nó nhỏ thẳng xuống... và đáp ngay giữa trán Nereus, đúng phía trên đầu mũi lão ta. Lần này lão kêu thét lớn đến nỗi Perenelle có thể nghe thật sự một tiếng đập bất ngờ của những đôi cánh khi hàng ngàn con chim biển tụ tập trên hòn đảo vỗ cánh bay vụt vào không trung, gào rú, ầm ĩ gọi nhau.

Nereus biến mất vào vùng bóng tối, mùi cá cháy sát gót lão. “Bà chưa nghe lời cuối cùng của tôi, Nữ Phù thủy Perenelle,” lão ta thốt thức. “Bà sẽ không bao giờ thoát thân mà còn sống!”

Chiến đấu với cơn mệt mỏi tắm đẫm khắp thân mình bà, Perenelle quay người lại cái thang và đu mình lên phía trên. “Đó là những gì mọi người nói thôi,” bà nói thầm. “Nhưng tôi vẫn sống như thường.”

\* \* \*

“Lẽ ra các bà có thể giúp chứ.” Perenelle đang ngồi trên một trong mấy bậc thềm của sân tập thể dục. Bà quay mặt về phía ánh mặt trời buổi chiều để hơi ấm ngấm vào cơ thể và nạp lại luồng điện của bà.

“Tại sao phải thế?” Đạp trên một bậc thềm ở phía dưới và bên phải Perenelle, Nữ thần Quạ trải rộng chiếc áo choàng đen thui ra đằng sau mụ ta và cũng quay mặt về phía ánh mặt trời, đôi mắt mất hút đằng sau cặp kính râm màu

đen phản chiếu. Nước da mụ ta biến thành thạch cao tuyết hoa như trước kia và chỉ còn thoảng đọng lại một chút màu xanh lá, với một ít mụn quanh khóe miệng.

Perenelle cân nhắc một chút rồi gật đầu. Bà không có câu trả lời cho câu hỏi đó. Nereus đâu phải là kẻ thù của họ.

“Đáng lẽ chúng tôi cũng đã bay đi rồi,” Nữ thần Quạ nói mà cái đầu không hề nhúc nhích động đậy.

Perenelle bắt đầu nhận ra được các giọng nói; giọng của Badb hơi dịu hơn chất giọng khàn khàn và nam tính của Macha.

“Tại sao mấy bà không làm như vậy đi?” Perenelle hỏi. Khi cuối cùng bà cũng trèo ra được khỏi đường ống thông gió, người bần thiêu và gần như muốn ngã bệnh vì kiệt sức, bà đã ý thức rằng mình không đủ điều kiện để chiến đấu với Nữ thần Quạ. Bà tưởng sẽ không còn thấy sinh vật ấy trên hòn đảo nữa, nhưng mụ ta vẫn nép mình cạnh lối vào đường ống thông gió bên dưới tháp nước gỉ sét, cẩn thận khâu những cái lông vũ dài đen nhánh vào tấm áo choàng của mụ. “Tại sao mấy bà ở lại?”

Nữ thần Quạ xôn xao. “Chúng tôi đã bị giam hãm bên trong Morrigan quá lâu. Cô em gái chúng tôi đã có cả cuộc đời vui vẻ; giờ đến lượt chúng tôi. Và chúng tôi quả quyết rằng không đâu phẫn khích hơn Atcatraz trong những thời khắc sắp tới.”

Perenelle chống khuỷu tay để nhìn xuống sinh vật ấy. “Phẫn khích? Tôi nghĩ có lẽ chúng ta có hai định nghĩa khác nhau về cụm từ đó chẳng.”

Nữ thần Quạ cử động cái đầu và dịch cái kính sạm xuống mũi bằng duy một ngón tay dài có móng đen thui. Một con mắt đỏ và một con mắt vàng nhấp nháy nhìn người phụ nữ. “Nên nhớ, giống người ạ, chúng tôi là Badb và Macha. Chúng tôi là Nanh ác và Tàn sát. Cô em gái của chúng tôi là Chết chóc. Qua nhiều thiên niên kỷ, chúng tôi đã được đưa đến những chiến trường khắp thế giới, ở đó chúng tôi đánh chén nỗi đau và ký ức của người chết và người sắp chết.” Đôi môi đen thui kéo giập ra sau thành một nụ cười khủng khiếp để lộ hàm răng dài trắng hớn. “Và ngay lúc này đây, hòn đảo này chính xác là nơi chúng tôi cần phải có mặt.” Mụ ta liếm môi. “Tôi nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa sẽ có một bàn tiệc cho chúng tôi đấy!”

Bánh xe quay tròn trong bùn, chiếc taxi nặng nề tròng trành lao thẳng ra phía trước. Sophie thở dốc vì dây an toàn khóa chặt quá, rịt ngược cô bé vào chỗ ngồi. Josh rên rỉ khi cú giật nảy của cậu lan sang dạ dày đang quặn đau.

“Xin lỗi!” Palamedes la lên. “Giữ chặt vào. Chúng nó đang nhào đến đây...”

Nicholas túm lấy miếng cao-su đai quanh cánh cửa và chồm người tới. “Tụi mình đang nhắm thẳng vào chúng nó!” Ông nói, giọng cất cao đầy hốt hoảng.

“Tôi biết.” Hàm răng trắng sáng của Palamedes lóe lên trong vùng tối. “Hình thức tốt nhất của phòng thủ là...”

“... tấn công,” Josh kết thúc.

Những con sói mặt người dồn chặt cứng thành một hàng san sát lao mình vào chiếc xe. Mải lo nhào qua đám cháy hăng còn bốc hơi, chúng không nhìn thấy tấm thảm răn cho tới khi thấy được thì quá trễ. Những con răn ngóc lên như những đầu chấm hỏi, miệng há ra, đầu mõ mạnh... và thế là hàng đầu của đạo quân Wild Hunt tan rã thành bụi đất bắn thiêu, đám đất này nổ tung văng cả lên cửa xe, che kín mít mặt kính. Palamedes bình tĩnh phun nước lên kính và nhấn nút cần gạt trên tấm kính chắn gió, nhưng tất cả những gì anh ta làm được chỉ là biến lớp bụi đất màu xám xịt ấy thành một lớp bụi nhão dẻo quẹo.

Một nhóm ba con sói khổng lồ, to lớn và mập mạp hơn hết thảy mấy con kia, nhảy băng qua đường hào... và lao thẳng lên những con nhím. Những cái lông nhọn hoắt tua tủa dựng đứng lên đâm xuyên qua mấy cẳng chân và bàn chân của lũ sói. Ba con quái thú bể vụn thành bột mà ánh nhìn trên mặt chúng vẫn còn nguyên vẻ kinh ngạc.

Cernunnos gào rú gầm vang khi lão vấp phải một tấm thảm toàn răn với nhím. Răn thì mõ, gai nhím thì đâm vào người lão, nhưng không thấy một hiệu quả hiển nhiên nào. Josh rùng mình và cảm thấy quặn nơi dạ dày khi cậu chăm chú nhìn mấy con răn uốn éo và cuộn quanh cẳng chân to khỏe như những thân cây của Thần Sừng.

Palamedes xoay vòng động cơ chiếc taxi, rồi giật sang số và gầm thét phóng băng qua cây cầu kim loại nhỏ hẹp bắc ngang đường hào, đâm thẳng đầu vào một nhóm ba tên khác trong bọn Wild Hunt. Hai tên biến mất dưới lớp vỏ xe, mớ sạn phun lên như những vòi phun nước, trong khi tên thứ ba nhảy lên mui và lấy bàn

chân đầy móng vuốt lờm chờm nện thùm thụp trên kính. Tấm kính chắn gió bị nứt rạn và Hiệp sĩ Saracen đạp mạnh thắng. Chiếc xe rít lên ken két dừng lại, đẩy con sói văng trượt khỏi mũi xe, bay thẳng vào một cái tổ rắn.

Josh xoay trở trong chỗ ngồi của mình để nhìn thêm mấy tên Wild Hunt khác nữa té nhào khi chúng chạm phải lớp da nhờn của mấy con cóc độc; cậu thấy những tên khác than thành bụi đất khi chúng vấp trượt qua những con sa giông hay là giẫm đạp lên những con sâu. Làn không khí đục ngầu và toàn là sạn vì những cú nổ tung bụi mịn mù. Những con cú từ bầu trời đêm nhào xuống, móng vuốt giương ra, quắp ngang mấy con quái thú, để lại sau gót chúng những đám mây bụi.

“Shakespeare đã tạo ra tất cả những thứ này sao?” Sophie hỏi với vẻ kinh ngạc. Cô bé nhìn trân trân ra phía bên tấm kính chắn gió và có thể nhìn thấy mặt đất trải một lớp thảm với những đồng mấp mô.

“Từng con một,” Palamedes nói một cách tự hào. “Mỗi con đều sinh ra từ trí tưởng tượng và được kích hoạt bởi luồng điện của ông ấy. Và các bạn phải nhớ cho, ông ấy hầu như là tự học cả đấy.” Chàng hiệp sĩ kiếc nhìn qua kính chiếu hậu và bắt gặp ánh mắt của Nhà Giả kim. “Hãy hình dung xem ông ấy sẽ đạt đến mức nào nếu được huấn luyện bài bản kia chứ.”

Nicholas nhún vai khó chịu. “Tôi không thể dạy ông ấy làm thế này được.”

“Dầu sao ông cũng nên công nhận tài năng của ông ấy.”

“Dee!” Josh bật ra tiếng.

“Vâng, Dee đã làm chuyện này,” Palamedes tán thành.

“Không. Dee. Ở ngay đằng trước kia!” Josh hét lên.

Tiến sĩ Dee trườn mình ra khỏi đám khói và đang lỏng lẻo quay tròn thành Excalibur trong bàn tay trái, biến thanh kiếm thành một vòng lửa màu xanh lơ. Bàn tay phải hắt rỉ ra một thứ năng lượng màu vàng. Hắc lao mình chiếm lấy vị trí ngay trước lối vào khoảng đất rào kín, chặn đường họ.

“Cái gì - hắc nghĩ tôi không nở chạy cán ngang lên mình hắc chắc?” Palamedes nói.

Dee chĩa thanh kiếm vào chiếc xe, bắn ra một trái banh năng lượng. Trái banh giộng xuống nền đất ướt đầm, nảy lên một lần nữa, rồi lăn tròn xuống gầm xe. Động cơ bị ngắt nguồn và mọi thiết bị trong xe đều chết cứng, đẩy chiếc xe lao giật lên rồi ngừng lại, tay lái điện bị khóa và hóa ra vô dụng.

Sophie bắt gặp một thoáng chuyển động phía đằng sau hai đứa và quay người lại... đúng vào lúc Quan chấp chính mình phủ đầy rắn nhảy qua những đám mây dày đặc nhuộm màu xám xì xám xịt. “Chuyện này chẳng hay ho gì,” cô bé vừa lẩm bẩm, vừa kéo giắt ống tay áo Josh.

“Thật là tệ,” cậu em sinh đôi của cô gật đầu đồng ý khi cậu trông thấy Quan chấp chính. “Quá tồi tệ.”

“Bây giờ tụi mình làm gì?”

“Lúc nào cũng vậy, tốt nhất là mỗi lần chỉ đánh một trận thôi. Mình sẽ thắng nhiều hơn nhờ vào cách đó.”

“Ai nói vậy?” Sophie hỏi. “Mars hả?”

“Ba nói.”

“Josh!” Nicholas hét lớn.

Josh Newman đẩy mở cánh cửa bên trái, kiểm tra để chắc chắn là không có con rắn nào dưới chân rồi mới nhảy ra. Thanh Clarent rên rỉ ai oán khi cậu mang nó vòng quanh chiếc xe tiến về phía Dee. “Tôi sẽ làm hấn bạn rợn,” cậu la lớn. “Ông có thể khởi động chiếc xe được không?” Cậu hỏi chàng hiệp sĩ.

“Tôi sẽ cố,” Palamedes nói đầy vẻ lo ngại. Anh ta xoay tròn người nhìn Nhà Giả kim. “Pin chết rồi. Ông nạp lại được không?”

“Josh Newman,” Dee nói vui vẻ khi cậu con trai đến gần. “Cậu không thể có một suy nghĩ trung thực về việc đánh nhau với tôi sao?”

Josh phớt lờ. Cầm chặt thanh Clarent, cả hai bàn tay vòng quanh chuôi kiếm, cậu cảm thấy thanh kiếm nằm êm ru trong bàn tay nắm chặt của mình.

Dee cười toe và kiên nhẫn nói tiếp. “Tôi muốn cậu dành ra một giây để suy nghĩ về những gì cậu đang dự tính. Tôi đã trải qua cả đời với thứ vũ khí này; còn cậu có thanh Clarent chỉ mới hơn một ngày là tối đa. Không có cách gì đánh bại được tôi đâu.”

Không hề báo trước, Josh phóng một cú tấn công sắc bén vào Pháp sư. Thanh Clarent thật sự kêu thét lên khi đánh trúng Excalibur, một tiếng kêu rít đặc trưng. Thậm chí, Josh đã không cần ráng nhớ lại những cử động mà Joan và Scatty đã dạy cậu; cậu cứ để thanh kiếm nằm quyền kiểm soát, đâm và thọc, chém và đỡ. Và đâu đó sâu tận trong tâm trí cậu, cậu biết mình đang phân tích mỗi một chuyển động của Dee, để ý đến động tác chân của hấn, cậu biết phải cầm thanh kiếm như thế nào, đôi mắt cậu phải liếc như thế nào ngay trước khi bắt thành linh tấn công.

Thanh Clarent kéo mạnh Josh ra phía trước khi chính nó chém phạt trong không trung. Tất cả những gì cậu con trai có thể làm là giữ cả hai tay luôn bao quanh chuôi kiếm. Giống như cố giữ một con chó đang nhào tới trước: một con chó điên cuồng, dữ dội.

Và trong tích tắc, Josh chợt có một ý tưởng buồn cười rằng thật sự thanh Clarent đang sống và đối ngẫu nghịch.

“Sophie!” Nicholas gầm lên.

Nhưng cô bé không nghe. Cô bé chỉ tập trung vào cậu em trai của mình. Sophie đẩy cánh cửa bên phải mở ra và leo khỏi xe, luồng điện của cô bé bắn ra những tia lửa ngay lúc bàn chân chạm đất, bọc cô bé trong một hiện thân phản chiếu ý hệt bộ giáp mà cô bé từng thấy Joan mặc. Không như Josh, cô bé không có vũ khí, nhưng cô bé đã được huấn luyện ma thuật Không khí và Lửa. Cô gái nhỏ thận trọng hạ xuống những rào cản Joan Arc đã đặt ra để bảo vệ cô bé khỏi những ký ức của Bà Phù thủy Endor. Ngay lúc này, cô bé cần phải biết mọi thứ mà Bà Phù thủy đã biết về Quan chấp chính Cernunnos.

Những lời đồn đại, những mẩu chuyện rời rạc, những câu chuyện thầm thì rỉ tai nhau.

Lão từng rất xin đẹp. Một người khổng lồ; tầm vóc cao lớn, kiêu hãnh và ngạo mạn. Một nhà khoa học được kính trọng. Thoạt tiên lão làm thí nghiệm trên mọi thứ, rồi sau đó, khi điều này bị ngăn cấm, thì lão lại thực hiện trên chính bản thân lão. Cuối cùng, lão trở nên góm guốc, xuất hiện những khúc xương nhô lên trên xương sọ, những ngón chân dính lại thành móng guốc dày cộp. Chỉ còn khuôn mặt là giữ nguyên như một lời nhắc nhở ghê tởm đến vẻ đẹp trước đây của lão. Thời gian trôi qua thật khó hiểu đã tàn phá trí tuệ vĩ đại của lão, và bây giờ lão chẳng còn gì ngoài một con quái thú. Cổ xưa, mạnh mẽ, vẫn còn giữ được khả năng có thể giáng con người thành loài sói, lão đang cư ngụ ở một Vương quốc Bóng tối xa xăm nơi có những khu rừng già mục nát ẩm ướt, âm khí nặng nề...

Không con thú nào thích lửa, Sophie lập luận, và nếu Vị quan chấp chính đã sống trong một vùng rừng rậm ẩm ướt, có thể lão ta sẽ sợ lửa. Cô bé cảm thấy một cơn sợ hãi thoáng qua rất nhanh - chuyện gì xảy ra nếu ngọn lửa của cô bé một lần nữa lại khiến cô bé thất vọng? - nhưng cô bé gạt phăng ý tưởng đó đi. Lần này ma thuật của cô bé sẽ không làm cô bé thất vọng. Chỉ một tích tắc khi cô bé ấn ngón tay vào vết xăm, gọi Pháp luật Lửa lên, cô bé đã dùng một phần nhỏ luồng điện của mình để kích hoạt Pháp thuật Không khí.

Một cơn lốc xoáy xuất hiện quanh Quan chấp chính. Dấu vết tàn dư của bọn Wild Hunt, mọi hạt bụi và cát sạn đều xoắn tít lên chung quanh Cernunnos thành một tấm mền đặc nghệt kêu vo vo liên tục. Không nhìn thấy gì, miệng và mũi đầy những bụi đất, sinh vật ấy vượt mặt mình. Sau đó Sophie ấn ngón tay cái lên vết xăm hình tròn và nhóm lửa vào đám mây bụi kia. Chỉ một tích tắc trước khi ngã

nhào xuống đất bất tỉnh, cô bé còn kịp nghe tiếng thét của Thần Sừng. Đó là thứ âm thanh khủng khiếp nhất cô bé từng nghe.

\* \* \*

“Josh,” Dee hỗn hển, liều mạng đỡ những cú dữ dội thật sự làm tê rần cánh tay hẳn. “Có rất nhiều chuyện cậu không biết. Rất nhiều điều tôi có thể nói cho cậu nghe. Những câu hỏi tôi có thể trả lời.”

“Có nhiều thứ tôi đã biết về ông rồi, Pháp sư ạ.” Những tia lửa màu trắng ngả xanh và đen pha đỏ nổ bung ra mỗi lần hai thanh kiếm sinh đôi chạm vào nhau, trút xuống trên hai tay kiếm những vết bỏng. Mặt Josh lổm đổm những dấu đen, và bộ đồ vét vốn đã bị hư hỏng của Dee bây giờ thùng rất nhiều lỗ. “Ông. Đang. Nghĩ. Đến. Việc. Giết. Quan. Chấp. Chính.” Cứ mỗi từ Josh lại bỏ một nhát kiếm.

“Cậu từng cầm đến thanh Clarent,” Dee thốt lên. “Đã từng ném trái sức mạnh của nó. Cậu biết nó có thể làm gì. Hãy nghĩ đi: giết Quan chấp chính kia thì cậu sẽ trải nghiệm được bao nhiêu thiên niên kỷ kiến thức, có đến hàng trăm thiên niên kỷ ấy chứ. Cậu sẽ biết lịch sử của thế giới ngay từ thời khởi nguyên. Và không chỉ thế giới này thôi đâu. Mà là vô số thế giới.”

Đột nhiên, một cú nổ ghê gớm tỏa sức nóng dữ dội nồng nặc mùi hương vanilla đổ ụp trên hai người và đẩy cả hai khuyu gối xuống. Dee đang ở vị trí đối diện với Quan chấp chính liền bật ngửa ra sau, hai tay bùm lấy mặt, mắt chóa lên vì ánh sáng. Josh ngã lăn tròn, kịp nhìn thấy Thần Sừng bị nhấn chìm trong những ngọn lửa vàng ánh kim xen lẫn màu xanh lá và rồi nhìn thấy cô chị gái mình ngã xuống đất bất tỉnh. Hốt hoảng vì sợ hãi, cậu cuộn mình lăn qua bàn tay và đầu gối - và chợt phát hiện ra thanh Excalibur đang nằm trong vũng bùn ngay bên bàn tay phải của mình. Những ngón tay của cậu ngay lập tức khép vòng quanh chuôi kiếm ấy và một cơn đau nhói phóng vọt lên đến tận bàn tay trái nơi cậu đang cầm thanh Clarent. Cậu cố thả Lưỡi kiếm Hèn nhát ra, nhưng không thể - nó dính vào lòng bàn tay, niêm cứng ngắc vào bàn tay cậu đang nắm chặt. Máu đỏ tươi rỉ ra giữa các kẽ ngón tay. Cậu rút mạnh tay ra khỏi thanh Excalibur, tức thì cơn đau buốt nơi bàn tay trái nhạt ngay. Lồm cồm bò lên, cậu lấy lưỡi của thanh Clarent kê vào đuôi của Excalibur, búng nhẹ thanh kiếm ấy đi, rồi chạy vòng qua chiếc xe đến với cô chị gái mình.

Dee bò lồm ngồm, chớp mắt mạnh cho những dư ảnh lóa sáng bay ra khỏi mắt. Hẳn trông thấy Josh hất thanh Excalibur quay tròn trong không trung, đôi

theo nó rơi tõm vào mớ tàn dư nhộp nháp trong đường hào đang bốc hơi. Nó nổi lênh bênh trên bề mặt dầu sóng sánh đen ngòm chỉ trong tích tắc; rồi lớp dầu ấy sủi bong bóng dữ dội và thanh kiếm chìm lìm.

Josh quỳ sụp xuống, đầy kinh hãi. Cậu ôm Sophie vào người và nhắc cô bé đưa vào băng ghế sau vừa đúng lúc động cơ cất tiếng khùng khục khởi động. Nicholas Flamel trông như người bị ốm ngã nhào vào xe, hai bàn tay ông chảy ròng ròng những đường chỉ năng lượng màu xanh lá mà ông dùng để nạp điện cho chiếc xe.

John Dee buộc phải nhào mình tránh lối khi chiếc xe gào rú phóng xuống con hẻm hẹp, tất cả cửa vẫn để mở đập phần phật, và nghiêng nát dưới bánh xe nào là tên với giáo. Tay Pháp sư cố gắng hết sức tập trung tư tưởng và gom dồn năng lượng để chặn chiếc xe lại, nhưng hắn đã kiệt quệ cả về thể lực lẫn tinh thần. Đẩy bật người đứng lên, hắn còn kịp dõi mắt theo nhìn Quan chấp chính đâm sầm xuống đất và lăn qua lăn lại trên lớp bùn lầy nhầy láp nháp, cố dập tắt những ngọn lửa đang nhảy múa và bập bùng cháy trên lớp lông phủ khắp người lão. Chỉ còn một dùm quân Wild Hunt còn sống sót trong cuộc tấn công, và hai tên trong số đó biến tan thành bụi đất khi bị Cernunnos vô tình nghiêng phải.

Tiếng kim loại kêu lên rin rít, chiếc taxi đen quệt vào cánh cổng bị xé toạc, những tia lửa văng ra từ thanh chắn bùn và những cánh cửa để mở, rồi nó lạng lách phóng lên con phố ướt đầm và gào thét lao vào màn đêm. Đèn thẳng lóe sáng một màu đỏ rực; chiếc xe ôm vòng góc phố và biến mất.

Đứng giấu mình khuất trong bóng tối, Bastet rút chiếc điện thoại di động mỏng dính ra khỏi túi và nhấn một phím gọi tắt. Mụ ta được trả lời ngay sau hồi chuông đầu tiên. “Dee thất bại rồi,” mụ nói gọn lỏn, và kết thúc cuộc gọi.

Chiếc taxi chạy ầm ầm băng qua vạch giảm tốc khiến Sophie tỉnh dậy. Cô bé hoàn toàn không định hướng được, và phải mất một lúc lâu mới nhòa dần đi những gì thoát tiên cô bé nghĩ là những mảnh chắp vá của giấc mơ, rồi từ từ nhận thức rõ đó đúng là ký ức thật. Cô bé vẫn có thể nghe trong đầu mình tiếng Cernunnos kêu thét, và trong khoảnh khắc, thực sự có cảm giác tiếc xót cho sinh vật ấy. Chầm chậm và cứng nhắc chuyển sang tư thế ngồi, cô bé nhìn quanh. Josh đang nằm thụp trong ghế bên cạnh cô bé, thở nặng nhọc, mặt đen sạm và những chỗ bị những tia lửa bắn vào bây giờ nổi bong nước lên. Nhà Giả kim ngồi trong bóng tối, tựa vào cửa sổ ngó chòng chọc vào màn đêm. Nghe tiếng cô bé cựa quậy, ông quay đầu lại, đôi mắt mệt mỏi rồi phản chiếu ánh đèn thành phố.

“Chú mong là cháu ngủ lâu thêm chút nữa ấy chứ,” ông nói bình thản.

“Chúng ta đang ở đâu đây ạ?” Cô bé hỏi một cách khó khăn. Miệng và môi khô queo, và cô bé tưởng rằng mình có thể cảm nhận từng hạt bụi cám của bọn Wild Hunt trên đầu lưỡi.

Flamel trao cho cô bé chai nước. “Chúng ta đang trên đường đến Millbank.” Ông khẽ gõ ngón tay lên cửa sổ và cô bé nhìn ra. “Chúng ta vừa phóng vọt qua Tòa nhà Nghị viện Anh đó.”

Qua ô cửa sổ sau xe, Sophie thoáng thấy một tòa nhà của Nghị viện Anh được thắp sáng trông thật tráng lệ. Ánh sáng phủ lên tòa nhà một vẻ ngoài ấm áp, gần như đến từ một thế giới phi hiện thực.

“Cháu thấy trong người thế nào?” Nicholas hỏi.

“Mệt rồi,” cô bé thú nhận.

“Chú không ngạc nhiên sau từng ấy chuyện cháu vừa làm. Cháu phải biết rằng những gì cháu làm hôm nay là độc nhất vô nhị trong lịch sử loài người: cháu đã đánh bại một Quan chấp chính.”

Cô bé nuốt thêm một ngụm nước nữa. “Cháu có giết chết lão không vậy?”

“Không đâu,” Flamel nói, và tự sâu thẳm trong lòng mình Sophie cảm thấy như trút được một gánh nặng. “Tuy nhiên chú dám nói cháu có thể gây ra chuyện như thế lắm nếu cháu được huấn luyện đầy đủ...” Nhà Giả kim ngưng một lát, rồi nói thêm, “Một khi cháu được huấn luyện, chú nghĩ không có bất cứ chuyện gì cháu - hay là em trai cháu - không thể làm được cả.”

“Chú Nicholas,” Sophie nói, bỗng thấy thật buồn. “Cháu không muốn được huấn luyện đầu. Cháu chỉ muốn về nhà. Cháu chán ngấy tất cả những chuyện này, cứ phải trốn chạy và đánh nhau. Cháu chán ngấy cảm giác như muốn bệnh, của những cơn nhức đầu liên miên, những cơn đau nhói trong mắt và trong tai, với mớ rối nùi trong dạ dày cháu.” Cô bé thấy mình muốn khóc, nên lấy tay xoa mặt. Bây giờ cô bé phải ráng không được khóc. “Khi nào tụi cháu mới có thể về nhà hả chú?”

Một sự im lặng kéo dài, và cuối cùng khi Flamel trả lời, trọng âm của ông bỗng hóa nên phức tạp, tiếng Pháp của tổ tiên ông có thể nghe rõ rành rành. “Chú hy vọng là chú có thể đưa tụi cháu trở về Mỹ sớm - thậm chí có lẽ ngay trong ngày mai. Nhưng tụi cháu không thể về nhà. Bây giờ thì chưa thể.”

“Vậy thì khi nào? Tụi cháu đâu thể chạy trốn và ẩn nấp mãi được. Ba mẹ cháu hỏi, cháu trả lời thế nào đây?” Cô bé giơ tay ra và chăm chú nhìn một lớp bạc láng mượt như mảnh gương soi hình thành trên da thịt mềm mại của mình. “Tụi cháu nói với ba mẹ thế nào về cái thứ này đây.”

“Tụi cháu đừng nói,” Nicholas nói một cách đơn giản. “Nhưng biết đâu chừng tụi cháu sẽ không phải nói gì hết. Mọi chuyện chuyển biến nhanh quá, Sophie à.” Trọng âm của ông khiến tên cô bé nghe như tên người nước ngoài. “Nhanh hơn chú hình dung hoặc đoán trước. Mọi chuyện đang quay lại từ đầu. Các Elder Đen tối có vẻ như đã từ bỏ mọi sự thận trọng trong cơn tuyệt vọng của họ để làm sao bắt hai đứa tụi cháu và lấy cho được hai trang trong cuốn Codex. Hãy xem những gì họ đã làm: thả Nidhogg, đạo quân Wild Hunt và thậm chí cả Quan chấp chính Cernunnos vào thế giới này. Những sinh vật ấy đã không còn xuất hiện trên trái đất này hàng bao nhiêu thế kỷ nay rồi. Suốt mấy thế hệ qua họ đã muốn bắt sống chứ và Perenelle vì kiến thức của tụi chú về cuốn Codex và vì cặp song sinh; bây giờ họ lại muốn tụi chú phải chết kia. Họ không còn cần tụi chú nữa, bởi vì họ gần như đã chiếm được trọn Cuốn sách và họ đã biết cháu và cậu em trai của cháu đúng là cặp song sinh đã được tiên tri.” Nicholas thở hắt ra, âm thanh của một sức lực đã kiệt quệ. “Chú đã từng nghĩ chúng ta có tối đa một tháng - một tháng trước khi câu thần chú bắt tử hết linh nghiệm rồi chú và Perenelle sẽ tan rã trong tuổi già tàn úa. Chú chưa bao giờ nghĩ đến điều đó. Hơn hai tuần nữa sẽ là ngày Litha: ngày Hạ chí\*. Đó là một ngày vô cùng trọng đại; một ngày mà các Vương quốc Bóng tối tiến sát đến thế giới này. Chú tin rằng rồi tất cả sẽ qua đi, bằng cách này hay các khác.”

\* Ngày 24 tháng Sáu dương lịch, lúc mặt trời ở xa xích đạo nhất về phía Bắc.

“Chú có ý gì vậy, tất cả qua đi là sao ạ?” Sophie hỏi, nghe người ớn lạnh.

“Mọi thứ sẽ thay đổi.”

“Mọi thứ đã thay đổi rồi,” cô bé nói ngay, nỗi sợ hãi khiến cô bé giận dữ. Josh cựa quậy trong giấc ngủ nhưng không thức. “Đối với chú tất cả là bình thường. Chú sống trong một thế giới của quái thú và các sinh vật cùng với những câu chuyện cổ tích, chuyện thần tiên. Nhưng cháu và Josh thì không. Hoặc là chưa từng,” cô bé chữa lại. “Chưa từng cho tới khi chú và vợ chú chọn đứng tại cháu...”

“Ồ, Sophie,” Nicholas nói rất dịu dàng. “Chuyện này đâu có liên quan gì đến chú và Perenelle.” Ông cười khẽ với chính mình. “Cháu và em trai cháu đã được chọn từ lâu lắm rồi kia mà.” Ông chồm người ra phía trước, đôi mắt sáng lên trong bóng tối. “Hai đứa tụi cháu là bạc và vàng, là mặt trăng và mặt trời. Tụi cháu mang trong mình những gene di truyền của cặp song sinh nguyên thủy đã chiến đấu trên Danu Talis mười thiên niên kỷ trước. Sophie, cháu và em trai cháu là dòng dõi của các thần linh.”

“Bà có thể gọi ai đó đến giúp được không?” Juan Manuel de Ayala hỏi.

“Tôi không chắc là sẽ có ai.” Perenelle đang tựa vào thanh chắn bằng gỗ gần như ngay phía trên tấm biển đón chào khách đến tham quan hòn đảo.

NHÀ LAO HOA KỲ

KHU VỰC ĐẢO ALCATRAZ 4,85 HEC-TA

CÁCH BẾN TÀU VẬN TẢI 2.414 MÉT

CHỈ TÀU THUYỀN CỦA CHÍNH PHỦ

MỚI ĐƯỢC PHÉP VÀO

MỌI PHƯƠNG TIỆN KHÁC

PHẢI GIỮ KHOẢNG CÁCH 183 MÉT

KHÔNG AI ĐƯỢC PHÉP LÊN BỜ

MÀ KHÔNG CÓ GIẤY PHÉP

Phía trên tấm biển, hàng chữ Người Indian Đón chào Quý khách đã bị một lớp sơn đỏ trát đè lên và bên dưới đó là hàng chữ Đất của Người Indian với cỡ chữ lớn hơn bằng mực đỏ nay đã bạc phếch. Bà biết mấy hàng chữ này đã được vẽ lên đó từ năm 1969 khi Phong trào Người Indian chiếm cứ hòn đảo này.

Nữ Phù thủy đã dùng thời gian còn lại của buổi chiều để đi khắp hòn đảo một cách có hệ thống, tìm xem có đường nào trốn thoát được không. Không có thuyền bè gì cả, dù có rất nhiều củi và gỗ, và bà cân nhắc ngay đến việc làm một cái bè, dùng khăn và chăn mền trong xà-lim trưng bày để buộc củi vào với nhau. Vào năm 1962, người ta cho rằng đã có ba tù nhân trốn thoát bằng cách tự làm một cái bè cho họ. Nhưng Perenelle biết rằng không gì có thể đi qua được Nereus và những cô con gái tàn ác của lão. Từ vị trí ở tầng hai trên chiếc cầu tàu phía trên hiệu sách, Perenelle có thể nhìn thấy mấy cái đầu của Nữ thần Biển trời lên thụp xuống trong làn nước ngay phía trước mặt bà, mái tóc dài nổi lênh bênh đằng sau hết như đám rong biển. Từ xa có thể trông chúng giống những con hải cẩu, nhưng những sinh vật này không hề động đậy và nhìn chăm chăm vào bà bằng những con mắt không hề chớp. Đôi khi bà bắt gặp thoáng một hàm răng lởm chởm khi chúng nhai những con cá hăng còn đang ngoe nguẩy. Chắc chắn chúng đã nghe thấy những gì bà đã làm cho cha chúng.

Bà tìm được quần áo trong lúc đi một vòng trên đảo và thế là bây giờ bà đang mặc một chiếc quần bằng vải thô dành cho người tù cùng với một chiếc áo sơ-mi, cả hai đều có kích cỡ lớn hơn bà đến hai số là ít và bị cào xước hết cả. Bộ quần áo nằm trong phòng trưng bày từng chào đón nhiều khách hàng đến tham quan hòn đảo. Tuy nhiên kể từ khi công ty của Dee tiếp quản, không có khách tham quan nào đến Alcatraz suốt mấy tháng qua. Perenelle tìm thấy nhiều xà-lim được trang trí bằng những dụng cụ và những đồ vật trước kia từng là của người tù. Đi thăm dò khắp các xà-lim, bà còn tìm thấy một chiếc áo khoác đen treo trên một cái mắc áo và bà đã lấy nó. Dù có mùi meo mốc và hơi ẩm, nhưng nó vẫn ấm hơn nhiều so với chiếc áo đầm bằng lụa mỏng bà đang mặc, và như vậy có nghĩa là bà không cần phải tiêu hao năng lượng của mình để giữ ấm nữa. Bà không tìm được chút thức ăn nào nhưng đã thấy một cái tách bằng kim loại dơ bẩn nằm trong góc nhà bếp và khi đi tìm chỗ rửa, bà đã phát hiện ra có nhiều ao nước mưa rải rác quanh hòn đảo. Nước hơi nhuộm chút vị muối, nhưng không nhiều đến độ làm bà cảm thấy khó chịu.

Khi chiều dần buông, cũng là lúc cuối cùng bà kết thúc một vòng khám phá của mình ngay trên cầu tàu, nơi tất cả mọi hành khách - tù nhân và khách du lịch - đến Alcatraz bắt đầu và kết thúc cuộc hành trình của họ. Bà phát hiện thấy mấy dãy bậc thang phía bên trái hiệu sách dẫn lên tới tầng hai, và bà trèo lên. Bây giờ, chồm người trên thanh chắn, bà nhìn ra những con sóng. Thành phố gần đến mức như muốn trêu người, chỉ còn cách khoảng hai cây số rưỡi. Perenelle đã lớn lên tại một vùng bờ biển lạnh lẽo tây bắc nước Pháp, ở Brittany. Bà là một tay bơi cừ khôi và rất thích nước, nhưng bơi trong làn nước luôn thay đổi và lạnh buốt của vịnh lại là một vấn đề khác - thậm chí cả khi không có Nereus và mấy cô con gái của lão tức trực sẵn. Bà ý thức rằng lẽ ra bà nên học bay hồi ha vợ chồng ở Ấn Độ trong thời Đế chế Mughal\*.

\* Triều đại Hồi giáo Mông Cổ từng thống trị Ấn Độ thời kỳ 1526 - 1857.

Nước vỗ vào cầu tàu, làm bắn tung những tia nước màu trắng bạc vào không trung... và hồn ma của de Ayala hiện ra những giọt nước lấp lánh.

“Chắc phải có người nào ở San Francisco mà bà có thể gọi nhờ giúp đỡ chứ,” hồn ma nói. “Một người bất tử nào đó, có lẽ vậy?”

Perenelle lắc đầu. “Tôi và Nicholas sống rất khép kín, không giao du với ai. Hãy nhớ rằng phần lớn những người bất tử đều là người phục vụ hoặc thậm chí là nô lệ của các Elder Đen tối.”

“Chắc chắn không phải mọi người bất tử đều chịu ơn một Elder nào đó,” de Ayala nói.

“Không phải tất cả,” bà nhất trí. “Chúng tôi đâu có vậy; Saint Germain cũng không mà Joan cũng không. Tôi đã nghe đồn có những người khác cũng giống như chúng tôi.”

“Mà có thể có một vài trong số những người đó đang sống ở San Francisco chứ?” Ông ta cứ năn nì.

“Đó là một thành phố lớn. Những người bất tử thích những thành phố lớn có dân số thay đổi liên miên, đó là nơi dễ dàng để mai danh ẩn tính. Vậy thì, đúng đó, chắc là có.”

Hồn ma di chuyển loanh quanh rồi lơ lửng bên tay trái bà. “Nếu bà đi ngang qua một người bất tử trên đường phố, liệu bà có nhận ra người này không?”

“Có chứ.” Perenelle mỉm cười. “Nicholas thì chịu thua.”

Hồn mà trở tới ngay trước mặt Nữ Phù thủy. “Vậy nếu bà không hề liên lạc với ai cùng thuộc nhóm người như bà ở thành phố này, thì làm sao Dee tìm ra bà được?”

Perenelle nhún vai. “Đó thật là một câu hỏi hay, phải không nào? Chúng tôi luôn cẩn thận một cách khác thường, nhưng Dee có gián điệp ở khắp nơi, và sớm muộn gì, hẳn cũng tìm thấy chúng tôi. Thật tình, tôi ngạc nhiên không hiểu tại sao chúng tôi có thể ẩn náu ở San Francisco này lâu đến thế.”

“Bộ bà không có người bạn nào trong thành phố sao?” Bóng ma dồn ép.

“Chúng tôi quen biết vài người,” Perenelle nói, “nhưng không nhiều, và cũng không thân lắm.” Vén mớ tóc màu bạc lòa xòa trên mặt ra, bà liếc lên người thủy thủ đã chết. Trong ráng chiều, de Ayala hầu như hoàn toàn tàng hình, chỉ một vài nét chập chờn trong không khí, thấp thoáng đôi mắt trong treo để lộ ra vị trí của ông. “Ông làm hồn ma thế này bao lâu rồi?” Bà hỏi.

“Hơn hai trăm năm...”

“Và trong suốt thời gian đó ông có bao giờ ước ao được bất tử không?” Bà hỏi.

“Tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó,” bóng ma nói chậm rãi. “Có nhiều lần tôi ước gì mình còn sống. Vào những ngày khi sương mù cuộn cuộn băng qua vịnh, hoặc là gió quét những bụi nước bay vào không trung, tôi đã ước mong mình có được một thân thể thực sự để trải nghiệm được những cảm giác ấy. Nhưng tôi không chắc là mình lại thích làm người bất tử.”

“Bất tử là một lời nguyền,” Perenelle nói chắc nịch. “Đó là nỗi đau buồn xé ruột xé gan. Ông không thể gần gũi với người khác. Chính sự hiện diện của chúng tôi là một mối nguy hiểm cho họ. Dee đã san bằng toàn bộ các thành phố để cố bắt chúng tôi cho kỳ được, đã gây ra nạn cháy và đói kém, thậm chí cả những trận động đất khi hấn lòng sức để chặn bắt chúng tôi. Và vì thế tôi và Nicholas đã phải dùng cả cuộc đời chúng tôi để bỏ chạy, để ẩn nấp, trốn tránh lẫn lút trong bóng tối.”

“Bà không muốn bỏ chạy hả?” Bóng ma hỏi.

“Lẽ ra chúng tôi phải dừng lại và chiến đấu,” Perenelle vừa nói vừa gật đầu. Tựa cánh tay trên thanh chắn bằng gỗ, bà cúi nhìn qua bến tàu đậu. Không gian mờ mờ, và trong phút chốc, bà thoáng thấy rất nhanh vô số những hình thù mặc trang phục và quân phục thời quá khứ, đang tụ tập trên bến tàu. Nữ Phù thủy tập trung lại và những hồn ma Atcatraz liền biến mất. “Lẽ ra chúng tôi phải chiến đấu. Lẽ ra chúng tôi đã có thể ngăn chặn Dee. Chúng tôi có một cơ hội ở New Mexico vào năm 1945, và hai mươi năm trước, năm 1923, ở Tokyo, hấn đã phải phó mặc mình trong tay chúng tôi, yếu ớt gần như muốn chết theo cơn động đất hấn đã gây nên.”

“Vậy sao bà lại không?” de Ayala ngạc nhiên thốt lên.

Perenelle xem xét lưng bàn tay mình, nhìn những vết nhăn mới và những đường gân nổi lên trên làn da từng rất trơn láng. Những đường gân của tuổi già có màu xanh lá ngả sang xanh lơ giờ đã thấy rõ ràng bên dưới làn da; nơi mà mới hôm qua chúng chưa hề xuất hiện. “Bởi vì Nicholas bảo rằng rồi thì chúng tôi cũng chẳng giỏi hơn Dee cùng những loại người như hấn được.”

“Và bà không đồng ý chứ?”

“Ông đã bao giờ nghe đến một tay người Ý có tên là Niccolò Machiavelli chưa?” Perenelle hỏi.

“Chưa từng.”

“Một đầu óc lỗi lạc, xảo quyệt, tàn nhẫn và bây giờ thật đáng buồn - ngạc nhiên thì đúng hơn - là y đang làm việc cho các Elder Đen tối,” Nữ Phù thủy nói. “Nhưng nhiều năm trước, y đã nêu ra một ý thế này, nếu bạn làm tổn thương ai đó, vậy thì hãy làm cho việc đó trở nên trầm trọng đến nỗi sự báo thù của anh ta không còn làm cho bạn sợ hãi.”

“Ông ta nói nghe có vẻ như không phải là người tệ nhị nhĩ,” de Ayala nói.

“Y không thể nhị. Nhưng y nói đúng đấy. Ba thế kỷ trước, người bắt tử Temujin đã đề nghị tống giam Dee vào một Vương quốc Bóng tối xa xăm nào đó vĩnh viễn. Lẽ ra chúng tôi nên chấp nhận lời đề nghị đó mới phải.”

“Và bà muốn vậy?” de Ayala hỏi.

“Đúng, tôi rất muốn tống giam hắn trong Vương quốc Bóng tối Đế chế Mông Cổ của Temujin.”

“Nhưng chồng bà lại bảo đừng phải không?”

“Nicholas bảo chúng tôi có nhiệm vụ bảo vệ cuốn Codex và tìm cho được cặp song sinh đã được tiên đoán, chứ không có nhiệm vụ gây chiến với các Elder Đen tối. Nhưng tôi sẽ không phủ nhận rằng thật là dễ chịu hơn nhiều nếu không có Dee cứ luôn bám theo chúng tôi. Chúng tôi đã có một cơ hội ở Tokyo để tước đi quyền lực của hắn, ký ức của hắn, thậm chí còn có thể cả sự bất tử của hắn nữa. Chắc hẳn lúc đó hắn sẽ không còn là mối đe dọa cho chúng tôi nữa. Lẽ ra chúng tôi nên làm như thế.”

“Nhưng việc đó có ngăn chặn được các Elder Đen tối không?” Hồn ma hỏi.

Perenelle cân nhắc một chút. “Chắc hẳn là sẽ gây bất tiện cho họ, làm họ chậm lại một chút, nhưng không, việc đó làm sao mà ngăn chặn họ được.”

“Cả hai vợ chồng bà có thể nào hoàn toàn viễn mất được không?”

Nụ cười của Perenelle đầy cay đắng. “Có lẽ không. Chúng tôi kết thúc ở đâu không quan trọng là, sẽ đến một lúc nào đó chúng tôi phải đi tiếp thôi. Sớm hay muộn gì, chúng tôi cũng phải đi.” Bà thở dài. “Chúng tôi đã ở quá lâu trong San Francisco. Thậm chí người phụ nữ chủ tiệm cà-phê ở bên kia đường đối diện với tiệm sách của chúng tôi cũng đã bắt đầu có ý kiến về làn da không có vết nhăn của tôi.” Perenelle phá ra cười. “Chắc hẳn bà ấy sẽ nghĩ tôi chích Botox cho mà xem.” Bà đưa hai bàn tay lên ngang mặt và xem xét chúng một cách tỉ mỉ. “Tôi băn khoăn tự hỏi không biết bà ấy sẽ nói gì nếu bà ấy nhìn thấy tôi bây giờ đây nhỉ?”

“Người phụ nữ ấy có phải là một người bạn không?” de Ayala hỏi ngay. “Bà ấy có thể giúp đỡ không?”

“Bà ấy là một người quen biết thôi, không phải bạn. Và bà ấy là một con người bình thường. Cố giải thích với bà ấy thậm chí chỉ là một phần rất nhỏ thôi cũng không thể được đâu,” Perenelle nói, “mà không được, tôi sẽ không nhờ bà ấy. Làm như vậy chỉ đưa bà ấy vào vòng nguy hiểm thôi.”

“Nghĩ đi, quý bà, suy nghĩ đi: phải có một ai đó mà bà có thể gọi nhờ giúp đỡ chứ,” de Ayala nằng nặc một cách quyết liệt. “Một Elder thân thiện với chính nghĩa của bà, một người bất tử không về phe với các Elder Đen tối ấy? Hãy cho tôi một cái tên. Tôi sẽ đi tìm họ. Bà sung sức và mạnh mẽ, nhưng thậm chí bằng chính sức mình bà còn không thể chống cự nổi với con nhân sư, Ông Già Biển và các con quái thú trong xà-lim. Và người đã gọi những con ruồi đến đây sáng nay, bất kể họ là ai thì chắc chắn họ đang cố làm chuyện gì đó, một chuyện thậm chí còn chết người hơn nữa.”

“Tôi biết điều đó,” Perenelle rầu rĩ nói. Nữ Phù thủy nhìn chăm chăm vào các Nữ thần Biển đang trôi lên sục xuống trên làn nước biển và để mặc tư tưởng của bà lang thang. Chắc chắn phải có những người bất tử ở San Francisco - thật vậy, bà biết là có; mới hồi sớm nay bà thực sự bắt gặp một cảm giác thoáng qua về một cậu con trai có đôi mắt chết người trông còn rất trẻ đang nhìn bà trân trân. Cậu ta đang dùng một cái tô bói cầu để theo dõi bà. Nữ Phù thủy nhếch môi cười; cậu ta sẽ không còn dùng cái tô đó được nữa rồi. Tuy vậy, có cái gì đó nơi cậu ta, cái gì đó hoang dã và chết người trong cách thức cậu ta di chuyển và quan sát bà đã gọi co bà nhớ đến...

“Có một người,” bà chợt thốt lên. “Cô ấy sống ở đây hàng mấy thập kỷ rồi; tôi đánh cược là cô ấy sẽ biết mọi Thế hệ Kế tiếp và Elder trong thành phố này. Cô ấy sẽ biết chúng ta có thể tin được ai.”

“Hãy để tôi đến với người này,” de Ayala nói. “Tôi có thể bảo cô ta là bà đang ở đâu.”

“Ồ, cô ấy không có ở San Francisco bây giờ đâu.” Perenelle mỉm cười. “Nhưng chuyện đó không quan trọng.”

Bóng ma trông có vẻ bối rối. “Vậy thì bà sẽ liên lạc với cô ấy bằng cách nào?”

“Tôi sẽ bói cầu.”

“Bà sẽ gọi ai vậy?” Hồn ma hỏi, hơi tò mò.

“Nữ Chiến binh: Scathach Bóng tối.”

Chiếc taxi đẩy những vết sẹo và móp méo phóng xuống Millbank, xẹt ngang Tòa nhà Nghị viện Anh rồi dừng lại nơi một cột đèn giao thông và ngay lập tức, một người lang thang đầu bù tóc rối râu ria bờm xờm quẩn mình trong cả mấy lớp quần áo lèn người ra khỏi hàng rào chắn bằng kim loại và vội vã đến bên chiếc xe. Nhúng ống lặn vào một cái thùng nhựa màu xanh lơ, ông ta lặn cái ống từ bên này qua bên kia tấm kính chắn gió đã nứt nẻ của chiếc taxi và kéo rê nó qua qua lại lại ba lần thật nhanh tay, tẩy sạch đi vết bùn và lớp bụi của bọn Wild Hunt đọng lại trên mặt kính một cách thành thạo. Palamedes quay hạ tấm kính cửa sổ xuống và thò tay đưa ra cho ông già ấy đồng hai bảng tiền keng. “Có vẻ như đêm nay cả hai chúng ta đều làm việc trễ, ông già nhỉ. Ông khỏe chứ?”

“Ấm và khô cùng với thức ăn đầy bụng, Pally. Tôi còn đòi hỏi gì hơn nữa chứ? Không cần gì nữa, thật sự là vậy. Ngoại trừ có lẽ là một con chó. Tôi thích có một con chó.” Giọng ông ta cất cao và rơi vào một giai điệu ngân nga kỳ lạ. Người lang thang khịt khịt hít mạnh, mũi nhăn lên với vẻ ghê tởm. “Dừng lại xem! Có cái gì bốc mùi ghê quá. Tôi nghĩ chắc ông đã cán phải cái gì đó. Đánh cược là nó dính vào gầm xe rồi. Tốt nhất là tẩy sạch nó đi, bằng không ông sẽ không rước được nhiều khách đâu.” Ông ta cười lớn, nghe như có chất lỏng ục ục trong ngực ông. Ông ta hấp háy mắt như người bị cận thị, thỉnh thoảng nhận ra rằng có hành khách ngồi ở băng sau của chiếc taxi. “Ấy chết, tôi không nhìn thấy họ ngồi đó.” Ông ta cúi sát người xuống Palamedes và nói giọng khàn khàn nhưng là một lời thì thầm nghe rất rõ, “Cứ cho là họ không nhạy cảm với mùi.”

“Ồ, họ biết đó là cái gì mà, ổn thôi,” Palamedes nói nhẹ nhàng. Đèn tín hiệu đổi sang màu xanh lá và anh ta kiểm tra kính chiếu hậu, nhưng không có gì đằng sau nên anh ta cứ đậu nguyên nơi giao lộ, để máy xe chạy không. “Đó là tàn dư của bọn Wild Hunt. Hoặc chí ít cũng là cái thứ đó không nhanh đủ kịp tránh đường cho xe tôi chạy qua.”

“Bọn Wild Hunt hả?” Người lang thang cào ngón tay cái lên cạnh kính, quét một chút bụi bám và đưa lên miệng. Cái lưỡi hồng hồng thè ra khỏi mớ râu ria rối bù, nếm nếm. “Ông dính một chút của người Hittite, trộn lẫn với một tên La Mã và một chút của bọn Magyar\*.” Ông ta phun ra phì cười. “Tên quái dị có sừng vẫn tưởng lão là bậc thầy của bọn đi săn chứ?”

\* Hittite: người ở cùng Anatolia (Tiểu Á) trong thiên niên kỷ thứ hai trước công nguyên, Magyar: người Hung-ga-ry.

“Vẫn vậy.”

“Chẳng bao giờ ưa nổi lão ta,” người lang thang nói gọn lỏn. “Lão thế nào?”

“Bị cháy, lần cuối cùng tôi nhìn thấy lão là thế.”

Người lang thang giơ bàn tay lên cánh cửa đầy sẹo phía bên tài xế. “Sẽ không đến nổi vàng rộm đâu.” Ông ta cười toe và nháy mắt. “Tôi biết một bãi phế liệu ngon lành, có thể tìm được ở đó một hai cánh cửa không dùng đến.”

“Bãi phế liệu đâu còn nữa,” Palamedes thản nhiên nói. “Cernunnos và bọn Wild Hunt vừa đến viếng thăm cách đây một hai tiếng đồng hồ. Khi chúng tôi rời khỏi đó thì Cernunnos đang bị đốt cháy ngay giữa bãi đất ấy. Tôi e rằng có thể lão ta sẽ đoán được chúng tôi đến tìm ông ấy chẳng,” Palamedes khê khàng nói tiếp, ánh đèn giao thông vừa đổi lượt đã phết lên mặt anh ta một màu đỏ rực, làm cho tròng trắng trong mắt cũng hóa thành đỏ thẫm.

“Lão ta chỉ toàn là hăm dọa âm ỉ thôi, lão sẽ không làm gì đâu,” người đàn ông cười khúc khích, rồi thỉnh lình bỗng nghiêm mặt. “Lão ta sợ tôi, anh biết mà.”

“Tay Pháp sư người Anh, Dee ấy, hẳn đang đi cùng với lão ta,” Palamedes nói thêm.

Hàm răng hoàn hảo đến ngạc nhiên của người lang thang hiện rõ trong một nụ cười kỳ lạ. “Cả hẳn cũng sợ tôi.” Rồi nụ cười ấy nhạt dần đi. “Nhưng hẳn cũng đủ ngu ngốc để không biết điều đó.” Thọc cái ông lặn vào thùng, ông ta đi trở lại hàng rào chắn và nhét đồ nghề của ông ta bên dưới một bụi rậm. “Thời buổi này thật khó để kiếm được một cái ống lặn ngon lành,” ông ta vừa nói, vừa quay lại chiếc xe. “Phải mất biết bao lâu chúng mới thuần tay được.” Ông ta kéo mở cánh cửa sau xe và nhìn ngắm soi vào bên trong. “Bây giờ, để xem chúng ta có cái gì đây?”

Ánh đèn bên trong chớp nháy khi người lang thang mở cửa, làm Josh choàng tỉnh, mở hé hé nhìn rồi che mắt lại. Cậu ngồi lên, giật nảy mình khi trông thấy một kẻ lang thang không nhà cửa trông thật rách rưới và bẩn thỉu đang trèo vào xe. “Chuyện gì vậy? Ông là... là... ai?” Cậu cầu nhàu.

Người lang thang quay đôi mắt màu xanh lơ đầy vẻ ngạc nhiên sang cậu con trai rồi cau mày. “Tôi là... tôi là...” Ông ta nhìn Sophie. “Cô có biết tôi là ai không?” Khi cô bé lắc đầu, ông ta liền quay sang Nhà Giả kim, đang ngồi trong

bóng tối. “Trông ông có vẻ như một người hiểu biết. Xin hỏi ông lại một lần nữa, tôi là ai?” Ông ta hỏi gần.

“Ông là Vua Gilgamesh,” Nicholas Flamel nói nhẹ nhàng. “Ông là người bất tử già nhất thế giới.”

Người lang thang chèn vào giữa Sophie và Josh, mỉm cười vui vẻ. “Chính tôi là thế đó.” Ông ta thở ra. “Tôi là Vua.”

Ánh đèn đổi sang màu xanh và chiếc taxi rồ máy chạy đi. Đằng sau họ, đồng hồ Big Ben gõ mười hai giờ đêm.

Khiếp đảm, nhức nhối và mệt rũ rời, Sophie cố hết sức từ từ dịch ra xa người lang thang kia. Ông ta chen vào giữa hai đứa nhỏ song sinh và cô bé có thể cảm thấy sự ẩm ướt lạnh lẽo thấm từ bộ áo khoác ngoài của ông ta sang chiếc quần jeans của cô bé và lan lên tận cánh tay trái của cô. Bên phía đối diện cô bé để ý thấy cậu em trai mình cũng dịch lần lần ra, và từ nơi khóe mắt, cô bé có thể thấy rằng Nicholas đang nép mình sát vào vùng tối phía sau. Cô bé quan sát thấy ông giơ bàn tay phải lên và làm như vô tình đặt nó ngang qua miệng, che nửa khuôn mặt dưới của ông, khiến cô bé có cảm giác là ông đang cố giấu mình khỏi ông già kia.

“Ồ, nhưng điều này không ổn tí nào.” Gilgamesh rướn người lên và thả mình rơi phịch xuống cái ghế xếp nhỏ ngay trước mặt hai đứa nhỏ. “Bây giờ tôi có thể nhìn rõ hai bạn rồi.” Ông vỗ tay nhẹ nhẹ. “VẬY ở đây chúng ta có gì nào?”

Những ngọn đèn đường màu da cam sáng trưng và đèn pha của những chiếc xe hơi chạy ngang qua chốc chốc lại rọi sáng vào bên trong chiếc taxi. Nghiêng đầu qua một bên Sophie tập trung vào người đàn ông không nhà không cửa này, các giác quan đã được nâng cao của cô bé bắt được mọi chi tiết. Chắc chắn đây không thể là người đàn ông mà hai đứa đã phải mất công sức đến London để gặp, một người bất tử có tên là Gilgamesh, người già nhất hành tinh. Nicholas gọi ông ta là vua, Palamedes nói ông ta mất trí; trông ông ta không giống gì hai loại người đó cả, chỉ là một ông lão sống lang thang không làm hại ai đang mặc quá nhiều quần áo và đã đến lúc cần phải cắt tóc cạo râu cho gọn gàng. Nhưng nếu mấy ngày gần đây đã dạy cho cô bé mọi chuyện, thì thật là không có ai đúng với vẻ ngoài của họ cả.

“Tốt, chuyện này thật là vui,” Gilgamesh vừa nói, vừa gập bàn tay vào vạt áo. Ông ta mỉm cười sung sướng. Ông ta nói tiếng Anh có pha chút trọng âm mơ hồ, ngờ ngợ của vùng Trung Đông. “Tôi luôn nói rằng khi thức dậy vào buổi sáng bạn không bao giờ biết ngày hôm ấy sẽ kết thúc như thế nào. Tôi thích như vậy: điều đó cứ giữ cho bạn trẻ hoài.”

“VẬY ông bao nhiêu tuổi ạ?” Josh buột miệng hỏi ngay.

“Già rồi,” Gilgamesh nói đơn giản, và toét miệng cười. “Già hơn vẻ ngoài của tôi, nhưng lại già không bằng những gì tôi cảm nhận được.”

Những hình ảnh ngẫu nhiên lung linh trong đầu Sophie. Đây là những ký ức của Bà Phù thủy. Joan Arc đã dạy cô bé làm thế nào để phớt lờ chúng đi và gạt bỏ những giọng nói và tiếng ồn kêu vo vo liên miên mà cô bé nghe trong đầu mình, nhưng lần này Sophie đã cố tình gỡ sự bảo vệ ấy xuống...

Gilgamesh, trẻ mãi không già và không hề thay đổi.

Gilgamesh, ngoan cường và kiêu hãnh, một nhà cai trị, trong trang phục của cả chục thời đại và nhiều nền văn minh: của người Sumer và người sinh sống ở vùng Lưỡng Hà Akkad, của người Babylon, Ai Cập, Hy Lạp và La Mã, và rồi đến người cổ châu Âu và người Anh chuyên mặc áo da và lông thú...

Chiến binh Gilgamesh, lãnh đạo người Celt và Viking, người Nga thời Trung cổ và rợ Hung trong trận chiến chống con người và bọn yêu quái.

Bậc thầy Gilgamesh, trong chiếc áo thụng màu trắng trơn của một tu sĩ, gậy sồi và tầm gửi cầm trong tay.

Đôi mắt Sophie lấp lánh ánh bạc và cô bé thì thầm bằng giọng khàn khàn. “Ông là Thời Thượng cổ.”

Gilgamesh hít thở sâu. “Lâu lắm rồi không còn ai gọi tôi như vậy,” ông ta nói rất chậm rãi. “Ai bảo cô thế?” Hầu như nghe trong giọng ông thoáng một chút sợ hãi.

Cô con gái lắc đầu. “Tôi mới vừa biết thôi.”

Josh mỉm cười. “Ông có sống lâu bằng các kim tự tháp không?”

“Lâu hơn chứ, lâu hơn nhiều, rất nhiều,” Gilgamesh hờ hững nói.

“Tuổi của vị vua này đo bằng thiên niên kỷ chứ không phải bằng thế kỷ thì phải,” từ băng ghế trước, Palamedes nói ướm chừng.

Sophie cho rằng Gilgamesh không cao hơn Josh mấy, nhưng lớp quần áo bao bọc dày cộp của ông ta - áo khoác mặc chồng lên áo khoác, mấy lớp lông cừu, mấy lớp áo thun và mấy lớp áo tẩm dài tay có nón trùm đầu - khiến ông trông có vẻ to lớn, và cả đồng tóc tai bù xù râu ria lởm xởm của ông làm cho ông trông như một ông già. Quan sát gần ông ta, cố nhìn xuyên qua bên kia lớp râu tóc, Sophie phát hiện rằng ông ta gợi cho cô bé nhớ đến ba mình, với vầng trán cao, chiếc mũi dài và đôi mắt sáng màu xanh lơ trên một gương mặt rám nắng. Cô bé nghĩ trông ông ta cũng trạc tuổi ba: đâu đó khoảng bốn mươi bốn mươi sáu.

Họ chạy ngang qua một cửa tiệm đèn đuốc sáng trưng. Ánh đèn ở cửa tiệm chiếu vào bên trong chiếc taxi một thứ ánh sáng trắng ngả sang vàng nhạt, và

Sophie cũng nhận ra rằng những gì mà thoát tiên cô bé tưởng là những miếng vá dơ bẩn và bạc màu trên mớ quần áo của vị vua này chính là những biểu tượng kỳ quặc và đường nét của những chữ viết được viết lên lớp vải bằng một loại bút dạ màu đen. Liền nhìn, cô bé nhận ra mấy chữ ấy trông như những chữ hình nêm\* và những chữ tượng hình của Ai Cập, và những gì mới trông cô bé cho là những vết rách hoặc đường chỉ xước trong vải lại là những mũi khâu lờm chờm vừa dày vừa dài trông gần giống như chữ viết sơ khai. Cô bé chắc chắn những bảng đất sét cổ mình đã nhìn thấy trong công trình nghiên cứu của ba mẹ hoàn toàn giống với những vết xước trên lớp quần áo này.

\* Loại chữ giống như chữ Ba Tư xưa.

Sophie ý thức rằng ông lão đang nhìn cô bé và cậu em trai, đôi mắt sáng quắc màu xanh lơ đưa từ mặt cô bé sang mặt Josh rồi quay trở lại, khi ông ta tập trung, những đường nhăn trên trán và hai bên cánh mũi ông ta hằn xuống sâu hơn. Và thậm chí ông ta chưa nói ra, cô bé đã biết ông ta sắp nói gì.

“Tôi biết các bạn.”

Sophie liếc nhìn sang cậu em. Thần Sừng cũng đã nói chính xác những lời ấy. Josh bắt gặp ánh nhìn, liền mím chặt môi và lắc đầu nhẹ, đó là dấu hiệu hai đứa đã dùng rất nhiều lần khi chúng cùng lớn lên bên nhau. Cậu đang bảo cô bé đừng nói gì hết. “Ông đã gặp chúng tôi ở đâu?” Cậu hỏi.

Gilgamesh chống cùi chỏ lên đầu gối và chồm người ra phía trước. Áp hai lòng bàn tay vào nhau, ngón tay duỗi thẳng, ông ta ấn hai ngón trỏ vào nhân trung và chăm chăm nhìn hai đứa. “Chúng ta đã gặp nhau lâu lắm rồi,” cuối cùng ông nói, “khi chúng ta còn trẻ, rất trẻ, còn rất trẻ.” Rồi đôi mắt màu xanh lơ của ông ta tối sầm. “Không, không đúng. Tôi đã trông thấy hai người chiến đấu và ngã xuống...” Giọng ông ta nghẹn lại và bất chợt đôi mắt long lanh ngấn nước. Giọng ông ta thô ráp vì đau đớn. “Tôi thấy cả hai đều đã chết rồi.”

Sophie và Josh nhìn nhau, giật mình hoảng hốt, nhưng Flamel động đậy trong bóng tối, chặn trước câu nói của hai đứa. “Ký ức của vị vua này thường không chính xác,” ông nói nhanh. “Đừng tin mọi lời ông ấy nói.” Ông nói nghe có vẻ như một lời cảnh báo.

“Ông nhìn thấy chúng tôi chết à?” Sophie hỏi, không quan tâm đến Flamel. Những lời của Gilgamesh đã đánh thức những sợi tơ ký ức, nhưng ngay khi cô bé cố tập trung vào chúng, chúng lại trôi tuột và nhạt nhòa đi.

“Bầu trời rỉ ra những giọt lửa. Đại dương sôi sục và mặt đất bị xé ra thành từng mảnh...,” Gilgamesh nói bằng một tiếng thì thào mất hút.

“Chuyện này xảy ra khi nào?” Josh hỏi ngay, cố lấy được nhiều thông tin hơn.

“Vào thời trước khi có thời gian, thời trước khi có lịch sử.”

“Mọi chuyện vị vua này nói không thể có chuyện nào chính xác được,” Flamel lạnh lùng nói, giọng nói chột nghe thật lớn trong bầu không khí im lặng trong chiếc taxi. Giọng Pháp của ông đầy trọng âm, như thể ông cố nén xuống. “Chú không chắc bộ não con người của ông ấy được thiết kế để chứa và cất giữ nổi những thứ tương đương với mười thiên niên kỷ kiến thức. Hoàng đế thường lẫn lộn lung tung.”

Sophie chìa tay qua chỗ bên kia và siết tay cậu em trai. Khi cậu nhìn cô bé, lần này đến lượt cô bé bặm môi và lắc đầu, bảo cậu đừng nói gì hết. Cô bé muốn có thời gian thăm dò ký ức và ý nghĩ của Bà Phù thủy. Có gì đó ngay nơi bờ rìa tâm thức của cô bé, một thứ gì tối tăm và xấu xa, một thứ liên quan đến Gilgamesh và cặp song sinh. Cô bé thấy cậu em gật đầu, một chút động đậy nơi đầu cậu, và rồi cậu nhìn ngược trở lại người lang thang. “VẬY... ông đã mười ngàn tuổi rồi sao?” Cậu nói với vẻ thận trọng.

“Hầu hết mọi người đều cười khi họ nghe nói như vậy,” Gilgamesh nói. “Nhưng các người thì không. Sao vậy?”

Josh cười toe. “Trong một hai ngày gần đây, tôi đã được một huyền thoại bị chôn vùi đánh thức, đã bị giữ khỏi lưng một con rồng và đã chiến đấu với Thần Sừng. Tôi đã đến một Vương quốc Bóng tối và trông thấy một cái cây to lớn như thế giới này. Tôi đã quan sát con người ta biến thành sói và chó, đã thấy một người phụ nữ có cái đầu mèo... hoặc có lẽ đó là một con mèo có thân hình của một người phụ nữ. Vì thế, thật tình, một người đàn ông mười ngàn năm tuổi thật ra cũng phải là quá kỳ lạ. Và quả thật, có lẽ ông là người trông có vẻ bình thường nhất trong tất cả những người chúng tôi từng gặp. Không có ý làm mất lòng ông đâu ạ,” cậu nói thêm rất nhanh.

“Không hề gì.” Gilgamesh gật đầu. “Có lẽ tôi hơn mười ngàn tuổi rồi.” Rồi giọng ông thay đổi, chột nghe có vẻ mệt mỏi. “Hay có thể tôi chỉ là một lão già điên khùng lú lẫn. Nhiều người gọi tôi như thế. Dù tất cả họ đều chết cả rồi.” Ông ta toét miệng cười, rồi uốn éo trong chỗ ngồi và gõ vào tấm kính ngăn trong chiếc taxi. “Chúng ta đi đâu thế này Pally?”

Hiệp sĩ Saracen giờ là một hình dáng lơ mờ trong bóng tối u ám. “Ừ thì, trước hết chúng tôi muốn gặp ông...”

Gilgamesh mỉm cười vui vẻ.

“... và rồi tôi muốn đưa mấy người này ra khỏi quần đảo. Tôi đang đưa họ đến Henge đây.”

“Henge?” Người lang thang vừa hỏi, vừa cau mày. “Tôi có biết chỗ đó không?”

“Stonehenge đó,” từ trong bóng tối Flamel nói vọng ra. “Ông biết chứ sao không; ông đã giúp xây dựng nó cơ mà.”

Đôi mắt sáng màu xanh lơ của Gilgamesh tối sầm. Ông ta liếc nhìn về phía Nhà Giả kim, nhìn sầm soi vào bóng tối. “Tôi sao? Tôi không nhớ.”

“Cách đây đã lâu lắm rồi,” Flamel lẩm bẩm. “Tôi nghĩ ông đã bắt đầu dựng đứng mấy phiến đá ấy lên chắc phải đến hơn bốn ngàn năm trước.”

“Ồ không, phải lâu hơn thế,” Gilgamesh chột nói, tươi tỉnh hẳn ra. “Tôi bắt đầu thực hiện việc đó ít nhất trước đó một ngàn năm nữa. Và nơi chốn ấy thật cổ xưa thế mà...” Giọng ông kéo dài rồi bỏ lửng và ông nhìn Sophie rồi nhìn Josh. Sau đó ông lại quay sang Palamedes. “Mà tại sao chúng ta lại đến đó?”

“Chúng tôi đang cố kích hoạt một trong những đường tuyến và mấy người kia ra khỏi đất nước này.”

Gilgamesh gật đầu. “Đường tuyến. Đúng, có nhiều đường tuyến ở Salisbury lắm. Một trong những lý do tôi đã dựng những cổng tuyến ở đó là như vậy. Mà tại sao chúng ta lại muốn đưa họ ra khỏi đất nước này?”

“Bởi vì hai đứa trẻ này là mặt trời và mặt trăng,” Flamel nói, “với luồng điện tinh khiết vàng và bạc. Và các Elder Đen tối sẵn lòng bọn trẻ ráo riết quá, mới ngay nửa đêm nay họ đã mang Quan chấp chính trở lại trái đất này. Hai ngày trước Nidhogg đã tung hoành khắp Paris. Ông biết điều đó có nghĩa là gì rồi.”

Có gì đó thay đổi trong giọng nói của nhà vua. Nghe bỗng lạnh lùng và thiết thực. “Họ đã không còn thận trọng. Điều đó có nghĩa là đã đến hồi kết. Và chẳng bao lâu nữa.”

“Lại đến một lần nữa,” Nicholas Flamel nói. Ông chồm người ra phía trước, và ánh sáng màu hổ phách lan khắp khuôn mặt ông, biến khuôn mặt ấy thành màu sắc của những tấm giấy da cũ kỹ; vùng bóng tối làm nổi bật lên những nếp nhăn vắt ngang trán ông và nhấn mạnh rõ hai túi mắt ông. “Ông có thể giúp ngăn chặn chuyện này.”

“Nhà Giả kim!” Đôi mắt Gilgamesh mở lớn và ông ta rít lên đầy vẻ hoảng hốt. “Palamedes! Các người làm cái gì vậy?” Ông ta hét to, tiếng cao éo và sắc lẹm. “Cacsnf đã lừa dối ta!”

Và bất thành linh, một con dao dài lưỡi đen nhánh hiện ra trong bàn tay người lang thang. Con dao lóa sáng dưới ánh đèn khi Gilgamesh vung tay đâm thẳng về phía ngực Nhà Giả kim.

Bắn thiêu và xốc xếch, quần áo rách thùng và lấm lem, đầu tóc rối bù, Tiến sĩ John Dee đâm đầu xuống con phố trống hoác, nép mình vào bóng tối khi mấy chiếc xe cứu hỏa, xe cảnh sát và xe cứu thương phóng vụt qua, còi báo động gào rú. Một loạt các vụ nổ ầm ầm thấp sáng khoảng trời đêm tối đen ngay phía sau hắn khi những hộp gas nhỏ bắt lửa bốc cháy. Bầu không khí đêm tháng Sáu mát lạnh tràn ngập mùi cao-su và dầu máy cháy khét lẹt, mùi kim loại bị nung đốt, và kính bị nấu chảy.

Khi Flamel và mấy người kia đã trốn thoát trong chiếc xe chạy mất hút, Dee liền lao đến đường hào, đâm mình trong lớp bùn ngập đến bụng và chồm người thọc cánh tay trái vào thứ nước đặc quánh đầy dầu nơi thanh Excalibur đã chìm xuống. Đường hào sâu hơn hắn tưởng và đã nuốt cánh tay hắn ngập gần đến vai. Chất lỏng bên trong sóng sánh và vẫn còn ấm ở những chỗ bị đốt cháy, những bong bóng đầy chất độc nổ ra ngay dưới mũi hắn, khiến hắn phát buồn nôn và thấy hơi nhức đầu. Đôi mắt hắn ngửa dờ dội. Hắn dò dẫm khắp chung quanh, điên cuồng tìm kiếm, nhưng không chạm được cái gì cả. Hắn có thể nghe thấy tiếng còi báo động xa xa; chắc hắn khắp vùng Bắc London đều có thể nhìn thấy đường hào đang bốc lửa, và chắc hẳn đã có rất nhiều cuộc gọi điện thoại cho các dịch vụ khẩn cấp. Thọc sâu các ngón tay phải vào lớp đất bùn mềm xốp, hắn giữ thật chặt trong lúc từ trên bờ nhào người cúi xuống sâu hơn nữa, một bên mặt hắn thật sự đã chạm dính vào thứ chất lỏng kia. Nó ở đâu nhỉ? Hắn sẽ không rời khỏi đây mà không có thanh kiếm. Cuối cùng, các ngón tay hắn khép lại trên một thanh đá trơn nhẵn lạnh lạnh. Phải nỗ lực ghê gớm mới có thể rút thanh Excalibur ra khỏi thứ chất lỏng đặc quánh ấy. Thanh kiếm rút lên khỏi bùn phát ra một tiếng bụp. Lăn tròn qua lưng mình, hắn ôm sát thanh kiếm vào ngực. Dù mệt đến kiệt sức, Dee vẫn nạp luồng điện vào lòng bàn tay và cọ xát luồng năng lượng màu vàng khắp mặt đá, lau sạch đi những thứ bắn thiêu kinh tởm.

Lồm cồm đứng dậy, hắn nhìn quanh. Nhưng không thấy bóng dáng của Thần Sừng, hoặc bọn Wild Hunt đâu cả. Số còn lại trong bầy thú mà Shakespeare đã tạo ra - rắn, nhím, và sa giông - đang từ từ nhấp nháy tan ra, hết như bong bóng nổ, để lại những đường viền như muội bồ hóng trong không khí. Bãi đỗ xe giờ là một đồng đồ nát, đầy những đám lửa nho nhỏ đang cháy dờ khắp nơi, và từ

bên dưới căn nhà chòi khói đen dâng lên cuồn cuộn. Đám cháy bùng lên bên trong nhà. Đâu đó bên phải bức tường làm bằng những chiếc xe chồng chất lên có tiếng cọt két kéo kẹt đầy đe dọa, rồi tất cả lắc lư và đồng loạt đổ sầm xuống đất thành một vụn nổ kim loại khổng lồ. Tiếng kim loại và mảnh kính vỡ vang rền trong không trung.

Dee quay người lao vọt ra đường phố. Hắn vô cùng ngạc nhiên khi thấy Bastet cùng với chiếc xe chở hắn và mục ta đến đây giờ đã biến mất.

Hắn đã bị bỏ rơi. Hơn thế nữa, hắn thật sự chỉ có một mình.

Dee cay đắng ý thức rằng hắn lại làm các chủ nhân Elder Đen tối của hắn thất vọng nữa rồi. Và hắn rất rõ những gì sẽ xảy đến với hắn. Chắc chắn Bastet đã báo cáo lần thất bại này của hắn. Đôi môi hắn xoắn vặn thành một nụ cười đáng sợ. Rồi sẽ sớm đến ngày hắn phải làm gì đó với sinh vật đầu mèo kia. Nhưng không phải bây giờ, đúng ra là chưa. Hắn đã thất bại, nhưng tất cả chưa mất hết, chưa mất cho tới khi chủ nhân của hắn lấy lại món quà bất tử, và trước khi chủ nhân của hắn có thể khiến hắn trở lại bình thường, chắc hẳn ông ta sẽ phải chạm đến người hắn, đặt cả hai bàn tay ông ta trên người hắn. Điều đó có nghĩa hoặc là chủ nhân của hắn sẽ phải ra khỏi Vương quốc Bóng tối, hoặc là có ai đó - hay thứ gì đó - sẽ được phái đến để bắt Dee và lôi hắn về để chịu xét xử.

Nhưng chuyện đó sẽ không xảy ra ngay tức khắc được. Các Elder nhận thức về thời gian rất khác với nòi giống người; sẽ phải mất một ngày, có thể là hai, để tổ chức việc bắt bớ. Và vẫn còn có nhiều việc có thể xảy ra trong thời gian ít ỏi hiếm hoi ấy.

Thậm chí trong giờ đen tối u ám nhất cuộc đời, Tiến sĩ John Dee không bao giờ chịu chấp nhận bị đánh bại, và hắn luôn luôn chiến thắng trong giây phút cuối cùng. Nếu hắn bắt được cặp song sinh và tìm được những trang sách bị mất, thì hắn tự tin là hắn có thể tự cứu mạng mình.

London vẫn là thành phố của hắn. Công ty hắn, Enoch Enterprise, có văn phòng ở Canary Wharf. Hắn có một mái nhà ở đây - thật ra là hơn một cái - và hắn có một nguồn nhân lực mà hắn có thể triệu hồi được: những tay đây đó, những tên nô lệ, những bạn đồng minh và bọn lính đánh thuê.

Sự ngu dại luôn kiến Dee giận dữ; đặc biệt là sự ngu dại của chính hắn. Hắn đã quá sợ, quá kính nể sự hiện diện của Bastet và vẻ ngoài của Quan chấp chính cùng bọn Wild Hunt; hắn đã thiếu phòng bị chính đáng. Trong các cơ hội trước đây, nhà Flamel thoát thân được là nhờ kết hợp giữa yếu tố may mắn, hoàn cảnh

hoặc là kỹ năng cũng như sức mạnh của họ. Nhưng Dee không bao giờ tự xét quy trách nhiệm về chính mình. Lần này lại khác. Đây hoàn toàn là do lỗi của hắn. Hắn đã đánh giá thấp cặp song sinh.

Ánh đèn màu xanh lơ và màu trắng quét lấp loáng trên những ngôi nhà đã đóng kín hết các cửa, và tay Pháp sư hụp người cúi xuống thật nhanh sau một bức tường khi một loạt ba chiếc xe cảnh sát hú hét chạy ngang qua.

Hắn biết đứa con gái đã được huấn luyện ít nhất là hai ma thuật - Không khí và Lửa - và con bé đã trình diễn kỹ năng và dùng khí phi thường trong lúc đương đầu với Quan chấp chính. Nhưng nếu đứa con gái nguy hiểm, vậy thì thằng con trai... đúng, thằng con trai ấy còn gấp đôi thế. Thằng bé là một điều bí ẩn. Mới vừa được Đánh thức, không được huấn luyện bất kỳ một ma thuật cơ bản nào, vậy mà thằng bé sử dụng thanh Clarent như thể nó sinh ra để làm việc đó, và chiến đấu với một kỹ năng vượt xa hắn. Và lẽ ra đó phải là điều không thể xảy ra được.

Tay Pháp sư lắc đầu. Hắn biết bí mật cơ bản của bốn Thanh kiếm Quyền lực; hắn biết chúng ta làm gì đối với những con người bình thường. Những thanh kiếm quý quýet và ra đòn chí tử, gần như là kẻ khát máu tự bản chất. Chúng xông vào thì thăm về những chiến thắng phải đến, chúng ám chỉ những bí mật vượt xa khả năng tưởng tượng và ước hẹn những quyền lực tối thượng. Tất cả những gì con người phải làm là cứ sử dụng thứ vũ khí ấy... và cùng lúc đó, thanh kiếm uống lấy ký ức của con người, tiêu thụ mọi cảm xúc cả họ trước khi cuối cùng nó ngốn ngấu đến luồng điện của họ. Vào giai đoạn đó con người quên ăn uống. Người mạnh nhất sống được trong vòng một tháng; hầu hết đều không kéo dài nổi mười ngày. Những pháp sư như hắn phải mất hàng bao nhiêu thập kỷ chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi họ đi đến quyết định chạm tới những thứ vũ khí bằng đá lạnh lẽo ấy; phải mất hàng bao nhiêu tháng trời ăn kiêng và tập luyện trước khi họ học kỹ thuật rèn các luồng điện của mình thành những găng tay bảo vệ. Thế mà, những thanh kiếm ấy vẫn còn quá mạnh đến nỗi nhiều pháp sư và phù thủy đã không chống chọi nổi với chúng.

Vậy làm sao mà thằng bé lại có thể sử dụng thanh Clarent được kia chứ?

Và làm thế nào thằng bé biết rằng Dee có ý định giết chết Quan chấp chính?

Tay Pháp sư cắt ngang một con hẻm hẹp đầy rác rưởi và lần xuống một con phố vắng vẻ. Hắn ấn bàn tay vào bên hông mình, cảm nhận được hơi ấm của thanh Excalibur bên dưới lớp áo khoác dơ bẩn của hắn. Cả bốn thanh kiếm đều

rất giống nhau, dù mỗi cái là độc nhất vô nhị trong những tính cách thậm chí hẳn không tài nào hiểu kịp. Excalibur nổi tiếng nhất trong hết thảy mấy thanh kiếm, tuy nó không phải là thanh kiếm mạnh mẽ nhất, nhưng nó lại có những thuộc tính mà các thanh kiếm kia không có. Chúi đầu vào một con hẻm vắng ngắt khác, John Dee rút thanh kiếm ra từ bên dưới làn áo khoác và đặt nó trên đất ngay nơi bàn chân hắn. Móng ngón tay út của hắn lóe lên màu vàng, và mùi lưu huỳnh mất hút giữa những rác rưởi hôi thối khi hắn lấy ngón tay chạm nhẹ vào lưỡi kiếm và thì thầm, “Clarent.”

Thanh kiếm đá rung lên bần bật, rồi âm ỉ rung lên và từ từ xoay xoay, lưỡi kiếm chỉ hướng nam. Excalibur luôn luôn chỉ về phía người anh em sinh đôi của nó. Dee chớp lấy món vũ khí và vội vã lên đường.

Tay Pháp sư trải qua nhiều thế kỷ sưu tập những Thanh kiếm Quyền lực. Hẳn đã có ba trong bốn rồi, và hẳn vừa tiến đến vô cùng gần cơ hội bổ sung thanh Clarent vào bộ sưu tập của hắn. Không một Elder nào mà cũng không một Thế hệ Kế tiếp nào được miễn trừ khỏi sức quyến rũ của các Thanh kiếm ấy cả. Người ta nói rằng Mars Ultor đã mang cả hai thanh Excalibur lẫn Clarent trong những vỏ bao đồng bộ đeo chéo sau lưng ông ta. Trước khi mang hai thanh kiếm song sinh ấy, ông ta đã là một nhà vô địch của loài người; sau đó, ông ta trở thành một tên quỷ dữ. Và nếu hai thanh kiếm này đã làm suy đồi một Elder như vậy, thế thì số phận nào dành cho một thằng bé loài người chưa được huấn luyện này? Mỗi lần thằng con trai sử dụng thanh kiếm ấy, là mỗi lần thanh kiếm chìm thằng bé sâu hơn dưới tầm kiểm soát của nó. Và Dee sẽ luôn có thể tìm thấy thằng bé, miễn là thằng bé còn mang thanh kiếm bên mình.

Machiavelli ngồi lại trên chiếc ghế và tập trung vào chiếc lớn nhất trong số những màn hình LCD có độ nét cao đặt trên khoảng tường trước mặt. Y đang xem tin tức qua dịch vụ vệ tinh Sky News của Anh Quốc. Những hàng tí lúc hai giờ sáng cho thấy một vụ cháy dữ dội khắp một khu công xưởng. Hàng chữ lúc nhúc bên dưới chân màn hình thông báo rằng đám cháy phát từ một bãi đỗ xe ở Bắc London. Vào thời của mình, Machiavelli đã từng trông thấy nhiều công sự nằm trong các lâu đài đủ để nhận ra được thiết kế của nó, dù cái này được làm bằng những chiếc xe hơi chứ không phải là những phiến đá. Nét phác màu đen của một đường hào vẫn có thể thấy rất rõ, khói xám cuộn lên từ rãnh hào ấy.

Machiavelli cười nhảu khi hấn với tay lấy bộ điều khiển từ xa và bấm âm lượng lớn lên. Địa điểm cá biệt này nghe có vẻ rất quen. Trên một màn hình riêng lẻ, y kích hoạt các dữ liệu đã được mã hóa của các Elder, Thế hệ Kế tiếp và người bất tử và gõ vào một địa điểm ở Bắc London. Hai cái tên vụt nhảy ra: Palamedes, Hiệp sĩ Saracen, và Đại Thi hào, William Shakespeare.

Machiavelli đọc lướt qua cả hai hồ sơ: Shakespeare từng là người học việc của Dee trong nhiều năm, cho tới khi ông ta quay trở lại chống tay Pháp sư này. Ông ta là người bất tử, mặc dù làm thế nào để ông ta trở nên bất tử vẫn là một bí mật, vì chẳng ai biết đến việc ông ta kết giao với các Elder. Palamedes lại là một điều bí ẩn khác. Một tay chiến binh cự phách của Babylon, anh ta chiến đấu bên vua Arthur và đã có mặt ở đó vào giai đoạn chót, khi nhà vua bị giết chết. Một lần nữa, không có ghi chép gì liên quan đến việc ai làm cho anh thành bất tử, và theo truyền thống, Hiệp sĩ Saracen lúc nào cũng trung lập trong những cuộc chiến tranh giữa các Elder và các Elder Đen tối.

Machiavelli chưa bao giờ gặp ai trong hai người bất tử này, nhưng y biết nhiều về họ trong suốt mấy thế hệ và nóng lòng mong được gặp Đại Thi hào. Machiavelli luôn băn khoăn tự hỏi không biết Shakespeare và Palamedes khởi đầu đã gặp nhau như thế nào, lúc nào và ở đâu. Theo các hồ sơ của y, cuộc gặp gỡ đầu tiên của họ được ghi nhận là ở London, vào thế kỷ thứ mười chín, nhưng Machiavelli ngờ rằng họ đã quen biết nhau rất lâu trước đó; có một số chứng cứ cho thấy rằng Đại Thi hào bắt đầu viết một phần của Othello cho Palamedes từ hồi đầu thế kỷ mười bảy. Shakespeare đã quay lại London một lúc nào đó giữa

thể kỷ mười chín trong vài trò một người nhặt ve chai, một người buôn bán quần áo cũ. Ít nhất có sáu mươi tên nhãi nhép đi chân đất làm việc cho ông ta, ngủ trên tầng gác mái kho hàng của ông ta ở ngoài bến tàu, rồi ban ngày ra ngoài lùng sục vải vóc, quần áo vứt bỏ đi ở khắp hang cùng ngõ hẻm trong thành phố. Có một báo cáo của cảnh sát trong hồ sơ nêu rằng kho hàng đó bị tình nghi cất giấu hàng hóa đánh cắp, và đã bị khám xét đột xuất ít nhất là hai lần. Hiệp sĩ Saracen đã từng ở London vào cùng thời điểm ấy, kiếm sống như một diễn viên trong các nhà hát ở West End. Anh ta chuyên về những đoạn độc thoại trong các vở kịch của Shakespeare.

Machiavelli xem xét tấm hình đầy hạt của người đàn ông được nhận dạng là William Shakespeare. Chụp bằng ống kính lấy ảnh từ xa, tấm ảnh cho thấy phần nào một người đàn ông trông rất bình thường mặc bộ đồ bảo hộ lao động màu xanh lơ bạc thếp, đang cúi người xuống động cơ một chiếc xe hơi, đồ nghề rải rác chỗ này chỗ kia, còn phụ tùng xe hơi đặt ở dưới chân. Có thể nhìn thấy hai con chó trên nền ảnh, và thuật chụp ảnh thế nào đó lại làm cho cả hai con chó đều có những con mắt đỏ rực. Tấm hình thứ hai chất lượng cao hơn. Trong tấm ảnh là một người đàn ông nước da sậm đứng tựa người bên hông một chiếc taxi London bóng loáng, đang uống trà trong một tách giấy màu trắng. Tay lái của chiếc London Eye có thể thấy ngay trên nền ảnh.

Giọng nói của một nam phóng viên tràn ngập căn phòng. “... làm tình làm tội trong suốt hai giờ qua trong bãi đỗ xe. Vào lúc này đây, không có ai được đưa ra khỏi hiện trường, và cảnh sát không hy vọng là sẽ tìm thấy người nào. Các viên chức đã bày tỏ sự lo âu bởi vì có một khối lượng rất lớn các chất liệu dễ bắt lửa trong khu vực, và lính cứu hỏa đang phải dùng những thiết bị thở để tiến vào bãi đất. Người ta sợ rằng nếu những vỏ xe chất đồng kia bén lửa phát cháy, chúng sẽ thải ra các chất khí độc hại. Tuy nhiên, lại có vài nguồn tin an ủi hơn, cho rằng ở vùng đổ nát tồi tệ này của London, phần lớn nhà cửa đều bị bỏ hoang và vô chủ...”

Machiavelli nhấn vào nút Chặn tiếng. Ngửa người ra sau trong chiếc ghế bọc da, y luồn hai bàn tay vuốt mái tóc trắng cắt sát rạt của mình, trong thỉnh lặng phăng phắc, nghe được cả tiếng tóc sè sè nhè nhẹ. Vậy thì, Dee đã giết được Nhà Giả kim và bắt được hai đứa nhỏ sinh đôi chưa vậy cà?

Người phóng viên xuất hiện trên màn ảnh đang cầm một nhúm gì đó trông như những đầu mũi tên bằng đá lửa, và Machiavelli suýt ngã ra khỏi ghế trong

lúc vội vàng bật âm thanh lên.

“... và thấy lỳ lợ là người ta đã tìm thấy hàng trăm những thứ trông như những mũi tên bằng đá lửa.” Máy quay lia khắp chung quanh cho thấy những mũi tên bị gãy và những ngọn giáo rải rác khắp mặt đất. Machiavelli nhận ra những mũi tên dùng để bắn nỏ.

Tốt, nếu Dee đã bắt được cặp song sinh, thì không còn cần phải chiến đấu nữa.

Điện thoại di động của Machiavelli kêu vo vo, làm y giật nảy mình. Rút điện thoại từ trong túi áo ra, y nhìn chăm bẵm vào màn hình, ngay tức khắc nhận ra dãy số quá dài và mã vùng không ở đâu có được. Y hít thở sâu trước khi trả lời. “Vâng ạ?”

“Dee thất bại rồi.” Tiếng nói Elder của Machiavelli chỉ nhỉnh hơn một tiếng thì ào ào nhẩy ra. Ông ta nói bằng tiếng Ai Cập thời kỳ sau, một ngôn ngữ được dùng ở Tân Vương quốc hơn ba ngàn năm trước.

Machiavelli trả lời bằng giọng Ý thời trai trẻ của y. “Tôi đang xem tin tức. Tôi nhìn thấy có một đám cháy ở London; tôi biết địa điểm đó có liên quan đến ai người bất tử trung lập. Tôi cho rằng có liên kết nào đó giữa hai sự việc này.”

“Flamel và cặp song sinh đã ở đó. Bọn chúng trốn thoát cả rồi.”

“Trông có vẻ như địa điểm ấy được bảo vệ chặt chẽ lắm; chương trình truyền hình đang trưng ra những chứng cứ là có một trận đánh nhau - những mũi tên, ngọn giáo và tên bắn nỏ. Có lẽ chúng ta nên cho tay Pháp sư người Anh này nhiều nguồn thông tin hơn,” Machiavelli thận trọng gợi ý.

“Bastet cũng ở đó.”

Machiavelli giữ cho khuôn mặt không có biểu cảm gì; y coi thường mục nữ thần có cái đầu mèo này nhưng biết mục ta rất thân với chủ nhân Elder của y.

“Và Cernunnos được giao nhiệm vụ giúp đỡ tay Pháp sư.”

Machiavelli từ từ dợm đứng lên. “Quan chấp chính à?” Y vừa hỏi, vừa cố hết sức giữ cho giọng nói không bị sốc.

“Và Quan chấp chính kia đã mang theo đạo quân Wild Hunt. Tôi không cho phép chuyện này xảy ra; không ai trong chúng tôi ủng hộ ai cả. Chúng tôi không muốn Quan chấp chính này trở lại thế giới.”

“Ai đã làm vậy?”

“Những người kia,” tiếng nói trả lời cụt ngủn. “Các chủ nhân của Dee và những người phụ trợ. Chuyện này có thể ảnh hưởng đến lợi thế của chúng ta; bây

giờ thì tay Pháp sư đã thất bại, chắc họ phải ra lệnh hủy diệt hắn.”

Machiavelli đặt điện thoại xuống bàn và nhấn vào nút Loa ngoài. Kéo thẳng lại chiếc áo vét nguyên bộ, y khoanh tay trước ngực và nhìn vào bức tường để ti-vi và những màn hình máy vi tính. Hầu hết các kênh tin tức đều bắt đầu chiếu hình ảnh của đám cháy ở Bắc London. “Dee không ngốc đâu, ắt hẳn hắn phải biết rằng hắn đang gặp nguy hiểm.”

“Hắn biết.”

Machiavelli tự đặt mình vào vị trí của Dee, tự hỏi không biết y sẽ làm gì nếu vai trò này đổi ngược lại. “Hắn biết hắn phải bắt cho kỳ được cặp song sinh và lấy lại được những trang sách kia,” y nói một cách dứt khoát. “Đây là cách duy nhất để được các Elder của hắn chiếu cố trở lại. Hắn sẽ phải liều mạng. Và những kẻ liều mạng thường làm những việc ngu ngốc.”

Người phóng viên nói chuyện với một người đàn ông để râu có vẻ dễ bị kích động, đang giơ lên một đầu mũi giáo và vung vẩy lung tung.

“Ông muốn tôi làm gì?” Machiavelli nói.

“Anh có cách nào giúp tôi phát hiện vị trí của Flamel và cặp song sinh trước khi Dee ra tay không?”

“Tôi không thấy làm thế nào...,” Machiavelli buột miệng.

“Tại sao Flamel lại ở London? Tại sao lại liều lĩnh đưa cặp song sinh đi vào giữa lòng đế chế của Dee? Chúng ta biết hắn đang cố huấn luyện cặp song sinh. Vậy thì, ai - trong số những Elder, Thế hệ Kế tiếp hoặc người bất tử - mà hắn ta có thể lên kế hoạch để có một cuộc gặp gỡ?”

“Có thể có ai đó.” Machiavelli hấp háy mắt đầy ngạc nhiên. Không dời mắt theo màn hình ti-vi nữa, y nói tiếp, “Tôi là người đứng đầu dịch vụ bí mật ở Pháp. Làm sao tôi biết được đến mức ai đang ở London?” Y cảm thấy hài lòng vì giọng nói của mình vẫn giữ được vẻ trung dung và bình thản.

“Chắc chắn thông tin này phải có trong cơ sở dữ liệu của anh chứ?” Giọng nói trong điện thoại cất tiếng hỏi, và tay người Ý chắc chắn mình có thể nghe được cả nụ cười trong lời đề nghị này.

“Cơ sở dữ liệu của tôi ư?” Y thận trọng hỏi.

“Đúng vậy, cơ sở dữ liệu bí mật của anh đó.”

Machiavelli thờ dãi. “Rõ ràng chuyện đó đâu có gì bí mật. Ông biết bao nhiêu về chuyện này?” Y ngạc nhiên thốt lên.

“Tay Pháp sư biết,” giọng nói cất lời, “và hẳn nói lại cho các chủ nhân của hẳn... và tôi... ừ thì, cứ coi như là tôi biết được chuyện này từ họ.”

Machiavelli cẩn thận giữ khuôn mặt mình trung dung, phòng khi chủ nhân của y có thể nhìn thấy y thật. Y luôn biết về các bè phái khác nhau trong nội bộ các Elder Đen tối. Y không ngạc nhiên. Các Elder Đen tối đã từng là những kẻ cai trị, và nơi đâu có những người cai trị, ở đó luôn có những người châu chực, bày mưu sấp kế, vạch kế hoạch để nắm quyền chi phối. Đây là một loại chính trị mà Machiavelli đã thấu hiểu và thực khá xuất sắc.

Tay người Ý ngồi xuống và để các ngón tay trên bàn phím máy tính. “Ông muốn biết gì?” Y hỏi cùng với một tiếng thở dài.

“London thuộc về tay Pháp sư. Nhưng Flamel lại có hai mà ột, và cả hai đều đã được Đánh thức. Đứa con gái biết pháp thuật Không khí và Lửa, còn thằng bé trai lại chẳng biết gì. Vậy thì có ai, ở London, tinh thông về các ma thuật cơ bản và, quan trọng hơn hết là, sẽ có đủ cảm thông với Flamel và chính nghĩa của hẳn ta mà đồng ý huấn luyện cặp song sinh?”

“Chắc chắn ông có phương tiện khác để biết được chuyện này, phải không?” Machiavelli hỏi, các ngón tay di chuyển trên bàn phím cực mỏng.

“Tất nhiên.”

Machiavelli hiểu rồi. Elder của y không muốn người khác biết ông ta đang tìm kiếm thông tin. Xuất hiện trên màn hình là những cái tên, một số còn có những tấm hình đính kèm: đó là các Elder ở London kiểm soát một hay nhiều ma thuật cơ bản. “Có mười hai Elder ở London,” y nói, “và tất cả đều trung thành với chúng ta.”

“Còn Thế hệ Kế tiếp thì sao?”

Mười sáu cái tên hiện ra trên màn hình. Machiavelli kiểm tra thông tin về lòng trung thành của họ và một lần nữa lại lắc đầu. “Tất cả đều trung thành với chúng ta,” y lặp lại. “Ít người thuộc phe chúng ta lại chọn sống ở Anh, tuy có một số ở Scotland và một ở Ireland.”

“Thử tìm những người bất tử xem.”

Các ngón tay của Machiavelli nhảy cách quãng trên các phím và một nửa màn hình xuất hiện những cái tên. “Có người bất tử sống rải rác khắp nước Anh, xứ Wales và Scotland...,” y nói, những ngón tay di chuyển trên bàn phím khi y thu hẹp khả năng tìm kiếm, “nhưng ở London chỉ có năm.”

“Ai vậy?”

“Shakespeare và Palamedes...”

“Shakespeare biến mất rồi mà, và có lẽ đã chết trong đám cháy rồi,” chủ nhân của Machiavelli nói ngay, “còn Palamedes thì người ta có thấy đi cùng với Nhà Giả kim. Không ai trong hai người này tinh thông được một ma thuật cơ bản nào cả. Còn ai nữa?”

“Baybars the Mamluk...”

“Bạn của Palamedes nhưng không phải là bạn của chúng ta. Hẳn không có kiến thức gì về ma thuật cơ bản đâu.”

“Virginia Dare...”

“Nguy hiểm, chết chóc và không trung thành với ai ngoài chính bà ta. Chủ nhân của bà ta đã chết; tôi tin rằng có thể bà ta đã giết chết ông ấy. Bà ta là Bà chủ của thuật Không khí, nhưng bà ta không thích Flamel và đã từng chiến đấu bên cạnh Dee trong quá khứ. Flamel sẽ không đến với bà ta đâu.”

Machiavelli nhìn cái tên cuối cùng nhấp nháy trên màn hình. “Và rồi còn có Gilgamesh.”

“Nhà vua,” tiếng nói kia thờ dãi, “người biết tất cả các ma thuật, nhưng lại không có năng lượng để sử dụng chúng. Đương nhiên.”

“Lòng trung thành của ông ta nghiêng về phe nào? Machiavelli ngạc nhiên thốt lên. Tên ông ta không liên kết với Elder nào cả.”

“Pháp sư Abraham, người tạo ra cuốn Codex, chịu trách nhiệm về sự bất tử của Gilgamesh. Tôi tin rằng quá trình này có thiếu sót gì đó. Nó phá vỡ tâm trí ông ta, và nhiều thế kỷ đã khiến ông ta vừa điên khùng vừa đấng trí. Ông ta có thể dạy cho cặp song sinh, song cũng có thể ông ta rất dễ dàng từ chối. Anh có địa chỉ không?”

“Không có chỗ ở nhất định,” Machiavelli nói. “Có vẻ như ông ta sống trên đường phố. Ở đây tôi có một ghi chú rằng thường tìm thấy ông ta ngủ trong công viên gần Đài tưởng niệm Buxton, ngay duwois bóng Tòa nhà Nghị viện Anh. Nếu Flamel và cặp song sinh đã có mặt nơi bãi đỗ xe ở Bắc London, họ sẽ phải mất một thời gian để băng ngang qua thành phố.”

“Gián điệp của tôi báo cáo rằng chiếc xe màu đen ấy đã rời địa điểm với tốc độ rất cao.”

Machiavelli nhìn lên tấm hình chụp Palamedes đang đứng bên cạnh một chiếc taxi London màu đen. Y cuộn xuống cho tới khi thấy được bảng số xe. “Thủ đô nước Anh có nhiều xe cộ và các camera quan sát hơn bất kỳ thành phố

nào khác ở châu Âu,” y nói với vẻ lơ đãng. “Thậm chí còn nhiều hơn Paris. Tuy nhiên, họ cũng dùng hệ thống giám sát lưu thông như chúng tôi dùng ở đây.” Hai trong số các màn hình tắt đen thui, và rồi những đường kẻ ngăn mặt mã bắt đầu hiện ra khi Machiavelli bẻ khóa xâm nhập vào các camera giao thông của London. “Đúng là cùng một phần mềm.”

Tay người Ý dừng lại trên một tấm bản đồ độ phân giải cao của London, tìm thấy đài tưởng niệm Buxton ở vườn Victoria Tower nằm bên cạnh Tòa nhà Nghị viện Anh và rồi định vị chính xác những cột đèn giao thông gần nhất. Sáu mươi giây sau y đang nhìn vào hình ảnh thu trực tiếp từ camera giao thông. Chăm chú nhìn mã tính giờ, y bắt đầu cho nó chạy ngược: 2:05... 2:04... 2:03... Xe cộ thưa thớt và y tăng tốc tấm bảng số, cho nó nhảy lùi về từng quãng-năm-phút một. Mã tính giờ trở ngược về 00:01 trước khi cuối cùng y tìm thấy được thứ y muốn tìm. Một chiếc taxi màu đen ngừng lại nơi cột đèn gần như đối diện ngay với đài tưởng niệm và một người đàn ông lang thang lê bước ra khỏi công viên để lau chùi các cửa sổ xe. Chiếc taxi vẫn đậu nơi cột đèn giao thông dù đèn đã đổi màu từ đỏ qua xanh. Rồi chính người đàn ông lang thang đó trèo vào phía sau xe và chiếc xe lao đi.

“Tôi thấy ông ta rồi,” y nói. “Họ đang đi về hướng tây phía đường A302.”

“Họ đi đâu vậy?” Chủ nhân của Machiavelli hỏi gần, “Tôi muốn biết họ đi đâu.”

“Cho tôi một phút...” Sử dụng các mã truy cập bất hợp pháp, Machiavelli nhảy từ camera giao thông này sang camera giao thông khác, lần theo dấu vết chiếc taxi nhờ vào bảng số xe của nó xuyên quảng trường Parliament, quảng trường Trafalgar, vào Piccadilly và lên đường A4. “Ông ta đang hướng ra ngoài London,” cuối cùng y nói.

“Theo hướng nào?”

“Hướng tây, trên đường A4.”

“Họ đang đi đâu?” Elder càu nhàu. “Tại sao họ lại rời London? Chắc chắn nếu họ cố thuyết phục Gilgamesh dạy hai đứa sinh đôi một trong mấy thứ pháp thuật cơ bản thì họ có thể thực hiện việc đó trong một ngôi nhà an toàn ở trong thành phố này chứ?”

Machiavelli tăng độ phân giải trên tấm bản đồ, tìm kiếm những địa danh có ý nghĩa trên tuyến đường họ đi. “Stonehenge,” y nói bất chợt. “Tôi đánh cuộc là

họ đang đi đến Stonehenge. Ông ta đang hướng đến những đường tuyến ở Salisbury Plain,” y tuyên bố đầy tự tin.

“Những cổng tuyến này đã chết ngủ hàng mấy thế kỷ nay rồi,” Elder nói. “Cứ cho là ông ta chọn đúng một cổng tuyến đi, vẫn cần phải có một luồng điện mạnh mẽ ghê lắm mới kích hoạt được.”

“Mà Gilgamesh lại không có luồng điện,” Machiavelli nói rất khê. “Nhà Giả kim phải làm chuyện đó một mình. Nhưng đó là một chuyện điên khùng; trong tình trạng ngày càng yếu đi của hãn ta, nỗ lực này sẽ đốt cháy sạch luồng điện của hãn ta và làm hãn ta cháy rụi chỉ trong vài giây.”

“Việc đó có thể vừa đủ thời gian để mở cổng tuyến và đẩy hai đứa nhỏ song sinh xuyên qua,” Elder Đen tối nói.

Machiavelli nhìn lên màn hình, theo dõi chiếc taxi đen khi nó chạy xuống đường A4, thấm đẫm một màu vàng dưới ánh đèn natri mạnh mẽ. “Chẳng lẽ Nicholas Flamel hy sinh bản thân mình ch cặp song sinh ư?” Y ngạc nhiên thốt lên.

“Hãn ta có tin - tin thật sự - rằng đây là cặp song sinh thực không?”

“Có. Dee cũng tin điều đó, và tôi cũng vậy.”

“Vậy thì chắc chắn hãn ta sẽ hy sinh chính bản thân mình để cứu chúng.”

“Có một lựa chọn khác,” Machiavelli nói. “Hãn ta không thể nhờ cặp song sinh mở cổng tuyến được sao? Chúng tôi biết luồng điện của hai đứa nhỏ mạnh mẽ lắm.”

Một khoảng im lặng dài ở đầu dây bên kia. Tay người Ý nghe nhiều đoạn ma quái trong bài hát, hết như âm thanh của một chiếc radio vọng từ xa xăm. Nhưng bài hát là một hành khúc điệu ballad của người Sparta. “Cổng tuyến trên Salisbury dẫn ra Bờ Tây của nước Mỹ, phía bắc của San Francisco.”

“Chắc hẳn tôi đã nói với ông điều đó rồi,” Machiavelli nói.

“Chúng tôi sẽ có kế hoạch thích hợp,” Elder nói.

“Vâng, chính xác chuyện đó có ý nghĩa gì...,” Machiavelli vừa mở lời, nhưng điện thoại đã tắt ngúm.

Bàn tay phải của Josh tung ra, những ngón tay khóa cổ tay của Gilgamesh. Cậu siết chặt rồi vặn hết mấy ngón tay cùng một lúc và con dao rơi khỏi tay nhà vua, cắm phập đầu nhọn của nó vào lớp thảm cao-su trải trên sàn xe. Sophie cúi giật nó lên.

“Ê,” Palamedes la lên khi thấy có chấn động bất ngờ. “chuyện gì xảy ra ở đằng sau đó?”

“Không có gì,” Flamel trả lời ngay, trước khi Josh hoặc Sophie kịp nói gì. “Mọi chuyện đang trong tầm kiểm soát.”

Gilgamesh ngồi trở lại vào chỗ, ôm lấy cổ tay đỏ ửng, nhìn trừng trừng Nhà Giả kim. Ông ta nhìn cao dao trong tay Sophie. “Tôi muốn lấy cái đó lại.”

Phốt lờ ông ta, cô bé chuyển con dao qua cho cậu em trai, cậu lại đưa nó cho Nicholas. Toàn thân cô bé run run vì cơn sốc vừa xảy ra... và cũng còn vì điều khác nữa: sợ hãi. Trước nay cô bé chưa hề thấy Josh hành động như thế bao giờ. Thậm chí với các giác quan đã được nâng cao của mình, cô bé chỉ vừa vặn kịp ghi nhận là Gilgamesh có một con dao trong tay, nhưng rồi Josh đã ra tay, tước vũ khí của ông ta gọn ơ mà không hề nói một lời hoặc thậm chí còn không nhom người ra khỏi chỗ. Co hai chân lên ngực, cô bé vòng hai cánh tay ôm lấy chân và tựa cằm lên đầu gối. “Ông có muốn kể cho chúng tôi nghe tất cả những chuyện ấy là gì không?” Cô bé thản nhiên hỏi.

“Cho tôi một lúc đã,” Gilgamesh nói dứt khoát, nhìn chòng chọc vào Flamel. “Nhưng tôi biết có cái gì đó về các người, cái gì đó rất quen thuộc.” Ông ta nhăn mũi. “Lẽ ra phải nhận ra cái mùi hôi thối khó chịu của ông chứ.” Ông ta hít vào. “Vẫn là mùi bạc hà hay là ông đổi sang một mùi khác thích hợp hơn?”

Cả hai đứa nhỏ sinh đôi tự động hít hít trong không khí nhưng không nghe được gì hết.

“Vẫn là mùi bạc hà,” Nhà Giả kim nói khẽ khàng.

“Tôi thấy hai người biết nhau thì phải,” Josh nói.

“Chúng tôi đã gặp nhau suốt nhiều năm,” Nicholas nhất trí. Ông nhìn nhà vua. “Perenelle nhờ tôi gửi lời chào ông đó.”

Ánh đèn giao thông chảy xuống khuôn mặt của Gilgamesh khi ông ta quay sang nhìn cặp song sinh. “Tôi biết là trước đây tôi đã từng gặp các người,” ông ta

căn cầu.

“Cả đời mình, chúng tôi chưa bao giờ trông thấy ông,” Josh nói một cách chân thành.

“Thật đó, chúng tôi chưa hề,” Sophie tán thành.

Một ánh nhìn bối rối thoáng qua trên gương mặt người bất tử; rồi ông ta lắc đầu. “Không, các người nói dối rồi. Các người là người Mỹ. Chúng ta đã gặp nhau trước đây rồi. Cả hai người.” Ông ta lần lượt chỉ vào từng đứa nhỏ. “Cả hai người đều ủng hộ nhà Flamel. Lúc đó các người đang cố giết chết tôi.”

“Không phải cặp song sinh này,” Nicholas nói tỉnh bơ. “Mà không phải chúng tôi cố giết chết ông. Chúng tôi cố cứu ông thì có.”

“VẬY chắc là tôi không muốn được cứu rồi,” Gilgamesh nói với vẻ dẫn dắt. Ông ta cúi gập đầu xuống để mái tóc phủ lên trán, che phủ cả hai mắt. Rồi ông ta nhìn chăm soi vào hai đứa nhỏ sinh đôi. “Vàng và bạc, hử?”

Hai đứa gật đầu.

“Cặp song sinh huyền thoại?”

“Chúng tôi nghe bảo vậy.” Josh mỉm cười. Cậu liếc xéo qua cô chị gái và thấy cô gật đầu; cô bé biết câu mà cậu bé định hỏi. Cô bé tập trung vào Nhà Giả kim khi Josh nói, quan sát xem phản ứng của ông, nhưng vẻ mặt ông y hệt như một cái mặt nạ, và những đèn đường đang vụt qua biến khuôn mặt ấy thành những nét u ám và đáng sợ. Em trai cô chồm người về phía Gilgamesh. “Ông có nhớ ông đã gặp cặp sinh đôi người Mỹ kia lúc nào không?”

“Đương nhiên.” Nhà vua cau mày. “Sao, chỉ mới hồi tháng trước thôi mà...” Giọng ông ta kéo dài rồi bỏ lửng. Khi ông ta nói trở lại, giọng ông ta chất chứa một nỗi mất mát kinh khủng. “Không. Không phải tháng trước, hay năm trước, hoặc thậm chí là thập kỷ trước. Mà là...” Ánh mắt ông ta để mặc cho nó trôi đi và ông ta quay sang nhìn Nhà Giả kim. “Khi nào vậy?”

Hai đứa nhỏ song sinh cùng quay sang Flamel.

“Năm 1945,” ông nói gọn lỏn.

“Và ở Mỹ chứ?” Gilgamesh hỏi. “Nói tôi nghe xem đúng là ở Mỹ mà.”

“Ở New Mexico.”

Nhà vua vỗ tay. “Ít ra tôi cũng nói đúng. Chuyện gì xảy ra cho cặp cuối cùng đó?” Đột nhiên ông ta hỏi Flamel.

Nhà Giả kim im lặng.

“Cháu nghĩ tụi cháu cũng muốn được nghe câu trả lời,” Sophie nói lạnh băng, đôi mắt lấp lánh bạc. “Tụi cháu biết có cặp song sinh khác nữa mà.”

“Nhiều cặp song sinh khác nữa,” Josh nói thêm.

“Chuyện gì xảy đến với họ?” Sophie hỏi gần. Đầu đó sâu thẳm trong tâm trí cô bé, cô bé nghĩ mình đã biết câu trả lời rồi, nhưng cô bé muốn nghe chính Flamel nói ra.

“có những cặp song sinh khác trong quá khứ,” cuối cùng Nicholas thừa nhận. “Nhưng họ không phải là cặp song sinh đích thực.”

“Và tất cả họ đều chết cả!” Josh nói, giọng khản đặc vì giận dữ. Hương cam tràn ngập bên trong chiếc taxi, nhưng mùi hương nghe hơi chua chua, đắng đắng.

“Không, không phải tất cả,” Flamel đớp chát. “Một số là thế, nhưng một số vẫn tiếp tục sống cho đến tuổi già. Kể cả cặp song sinh cuối cùng.”

“Và chuyện gì xảy đến cho những người không thể sống sót?” Sophie hỏi liền.

“Một số đã bị tổn hại trong quá trình Đánh thức.”

“Bị tổn hại?” Cô bé chọn đúng từ đó, nhất quyết không để ông xoay sở tránh né.

Nhà Giả kim thở dài. “Bất cứ ai cũng có thể được Đánh thức. Nhưng không có hai người phản ứng với quá trình theo cùng một cách. Một số không đủ mạnh để xử lý sự tràn ngập cảm xúc. Một số rơi vào hôn mê, một số khác trở nên chìm đắm trong những giấc mơ hoặc không thể đương đầu với thế giới thực, hoặc nhân cách bị phân hóa và phải sống những ngày còn lại trong những viện tâm thần.”

Sophie chột run bản cả người. Theo tự nhiên, cô bé cảm thấy như muốn phát bệnh vì những gì Flamel đang nói. Thậm chí cả vì cách thức ông thuật lại - lạnh lùng, vô cảm - khiến cô bé thấy kinh hãi. Bây giờ cô bé biết rằng nỗi ngờ vực của Josh là đúng: Nhà Giả kim là người không tin cậy được. Khi Nicholas Flamel mang hai đứa đến để Bà Phù thủy Endor Đánh thức chúng, ông đã hoàn toàn ý thức hậu quả khủng khiếp nếu việc Đánh thức bị thất bại. Nhưng ông vẫn quyết tâm làm đến cùng.

Josh trượt người ra khỏi chỗ, chuyển qua ngồi gần cô chị gái cậu hơn, vòng tay ôm lấy chị, giữ cô thật chặt. Cậu không thể nói gì. Cậu biết rằng cậu sắp sửa, sắp sửa một cách đầy nguy hiểm, nện một cú vào Nhà Giả kim.

“Có bao nhiêu cặp song sinh khác lận, Flamel?” Gilgamesh hỏi. “Ông đã sống trên trái đất này hơn sáu trăm bảy mươi năm. Mỗi thế kỷ có một cặp hả?”

Hay là hai? Hay là ba? Có bao nhiêu mạng sống ông đã tiêu diệt trong lúc cố tìm ra cặp song sinh huyền thoại?”

“Quá nhiều,” Nhà Giả kim thì thầm. Ông ngồi vào bóng tối trở lại, và những ánh đèn giao thông vẽ phết lên đôi mắt ướt của ông một màu vàng lưu huỳnh. “Tôi đã quên đi khuôn mặt của cha tôi và giọng nói của mẹ tôi, nhưng tôi nhớ tên và nhớ mặt từng cặp song sinh một, và không ngày nào trôi qua mà tôi không nghĩ đến họ và tiếc xót cho những mất mát của họ.” Và rồi bàn tay ông đang cầm con dao lưỡi đen bất thành linh thọc ra khỏi vùng tối tăm u ám chĩa thẳng vào Sophie và Josh. “Nhưng mọi lỗi lầm tôi phạm phải, mọi việc Đánh thức bị thất bại, dần dần và kiên vững đã dẫn tôi đến với hai người này, cặp song sinh huyền thoại đích thực. Và lần này, tôi không còn nghi ngờ gì nữa.” Giọng ông cất cao, khàn khàn và thô ráp. “Và nếu hai đứa được huấn luyện các pháp thuật cơ bản, thì chúng có thể chiến đấu chống lại các Elder Đen tối. Chúng sẽ cho thế giới này một cơ hội sống còn trong trận chiến đấu sắp đến. Và rồi tất cả những người đã chết và những cuộc đời phải hy sinh đều sẽ không đến nỗi hoài công vô ích.” Ông nhào người tới trước, ló ra khỏi vùng bóng và nhìn trừng trừng vào Gilgamesh. “Ông sẽ huấn luyện chúng chứ? Ông có chịu giúp chúng chiến đấu với các Elder Đen tối không? Ông sẽ đồng ý dạy chúng Phát thuật Nước, phải không nào?”

“Tại sao tôi phải làm thế?” Gilgamesh hỏi một cách đơn sơ.

“Ông có thể giúp giải cứu thế giới.”

“Trước đây tôi đã giải cứu thế giới rồi. Không ai biết ơn cả. Và ngày nay đáng dấp của nó còn tệ hại hơn bao giờ hết.”

Nụ cười của Nhà Giả kim trở nên hoang dã. “Hãy huấn luyện chúng đi. Hãy làm cho chúng trở nên mạnh mẽ. Chúng ta sẽ lấy lại cuốn Codex từ tay Dee và các Elder Đen tối của hắn và ghép hai trang cuối vào. Tôi sẽ giao lại Cuốn sách cho hai đứa sinh đôi: ông biết trong Cuốn sách của Abraham có những câu thần chú có thể biến thế giới này thành thiên đường mà.”

Nhà vua chồm đến gần cặp song sinh hơn. “Và trong cuốn Codex cũng có những câu thần chú có thể biến thế giới này thành tro xỉ,” ông ta lơ đãng nói. Ngón tay ông ta bắt đầu chuyển động, vừa lần lượt chỉ vào từng đứa nhỏ, ông ta vừa lặp lại vần thơ cổ. ““Và người bất tử phải huấn luyện cho người không bất tử và hai mà là một, phải trở thành một là tất cả.” Ông ta ngồi xuống lại. “Một để giải cứu thế giới, một để hủy diệt. Nhưng đứa nào mới được chứ?”

Ký ức của Bà Phù thủy đập vào suy nghĩ của Sophie, những hình ảnh ngẫu nhiên rỉ qua tâm thức của cô bé.

Một cơn sóng triều dâng lao vọt qua vùng phong cảnh tươi tốt sum sê, đâm sầm sập vào một cánh rừng, cuốn phăng đi mọi thứ trước khi nó...

Một hành núi lửa tiếp nối nhau phun lên, giạt xé toang những mảng phong cảnh, biến khơi tung bọt trắng xóa nóng hừng hực kháng cự lại dòng nham thạch mà đen nhuộm đỏ...

Bầu trời sục sôi với những đám mây chất chứa bao cơn bão tố, những giọt nước mưa đen thẫm quyện lẫn với sạn xám, những bông hoa tuyết vấy đầy muội bồ hóng...

“Tôi không có tài nhìn xa thấy trước,” Flamel cau kinh. “Nhưng chuyện này tôi biết chắc chắn là thực: nếu cặp song sinh này không được huấn luyện và không thể tự bảo vệ mình, thì các Elder Đen tối sẽ bắt lấy chúng, biến chúng thành nô lệ và tận dụng những luồng điện mạnh không thể tưởng của chúng để mở cánh cổng dẫn vào các Vương quốc Bóng tối. Các Elder Đen tối chưa có được lời Hiệu triệu Cuối cùng trong cuốn Codex, nhưng một khi đã chiếm lấy những trang sách ấy, thì một lần nữa họ sẽ có thể đòi lại trái đất này.”

“Thậm chí không có cuốn Codex, các Elder Đen tối vẫn có thể khởi sự quá trình này nếu họ có cặp song sinh,” Gilgamesh nói, giọng bình tĩnh và điềm đạm. “Lời Hiệu triệu Cuối cùng được thiết kế để mở toang tất cả các cánh cửa dẫn vào các Vương quốc Bóng tối cùng một lúc.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra sau đó ạ?” Josh hỏi, phá vỡ bầu không khí im lặng theo sau. Cậu ấn hai bàn tay vào ngực, sờ vào bên dưới chiếc áo thun, nơi cậu mang hai trang giấy cậu đã xé ra từ Cuốn sách của Abraham.

“Không còn gì sau đó hết, không còn gì đối với hai người hoặc đối với bất kỳ một con người nào.”

Palamedes im lặng lái xe đã gần mười phút, và rồi Gilgamesh đăng hăng và nói, “Tôi sẽ huấn luyện các người Pháp thuật Nước với một điều kiện.”

“Điều gì...” Josh mở lời.

“Nhất trí,” Sophie ngắt ngang. Cô bé quay người nhìn cậu em trai mình. “Bất kể đó là điều kiện gì.”

“Khi tất cả mọi chuyện này qua đi, và nếu chúng ta còn sống sót, thì tôi muốn hai người hứa rằng các người sẽ trở lại đây trả cho tôi Cuốn sách của Abraham,” nhà vua nói với hai đứa nhỏ.

Josh định hỏi thêm một câu nữa, nhưng Sophie siết các ngón tay cậu chặt hết sức mình. “Chúng tôi sẽ trở lại, nếu chúng tôi có thể.”

“Ở ngay trang đầu của cuốn Codex có một câu thần chú.” Nhà vua nhắm mắt lại và ngửa đầu ra sau. Lời nói của ông ta chính xác đến từng chữ, giọng ông ta chỉ nhỉnh hơn tiếng thì thầm một chút. “Tôi đã đứng bên vai của Abraham và chăm chú nhìn ông ấy chuyển hóa dòng chữ ấy. Đó là công thức bằng lời ban cho người ta sự bất tử. Hãy mang trang đó đến cho tôi.”

“Tại sao vậy à?” Josh hỏi, đầy bối rối. “Ông đã là người bất tử rồi mà.”

Gilgamesh mở choàng mắt nhìn Sophie, và cô bé độ nhiên hiểu ra tại sao ông lại muốn Cuốn sách đó. “Nhà vua muốn tạo ra công thức ngược,” cô bé nói rất nhẹ nhàng. “Ông ta muốn trở lại thành người không bất tử.”

Gilgamesh cúi mình. “Tôi muốn sống nốt cuộc đời mình và thanh thản chết. Tôi muốn được thật sự làm người một lần nữa. Tôi muốn được sống bình thường.”

Ngồi đối diện với ông ta, Sophie Newman gật đầu trong sự im lặng nhất trí hoàn toàn.

Mặc dù được mặt trời buổi chiều muộn sưởi ấm trên mặt, song Perenelle vẫn cảm thấy ớn lạnh. “Cô nói sao, cô không ở chung với Nicholas và bọn trẻ hả?” Bà hỏi với vẻ hốt hoảng, chăm chú nhìn trừng trừng vào chiếc đĩa trệt bằng kim loại đựng đầy thứ nước bắn nhàn nhạt. Một phần trong luồng điện màu trắng của bà bò trườn qua bề mặt chất lỏng.

Đôi mắt to, xanh màu cỏ, trợn căng và không hề nhấp nháy, nhìn chòng chọc vào làn nước. “Chúng tôi bị chia ra mất rồi.” Dù chỉ vừa đủ nghe, nhưng tiếng nói của Scathach nghe có vẻ khốn khổ. “Tôi gặp một chút phiền phức,” cô thú nhận, tâm trạng bối rối làm trọng âm tiếng Celt của cô không rõ ràng.

Nữ Phù thủy đang ngồi dựa lưng vào những phiến đá ấm áp của ngọn hải đăng ở Alcatraz, chăm chăm nhìn vào thứ chất lỏng ngay trước mặt bà. Hít một hơi thật sâu, bà ngẩng đầu lên nhìn thành phố bên kia vịnh. Nhận thức rõ rằng Nicholas và bọn trẻ đang trong tình trạng không được ai bảo vệ khiến trái tim bà cứ nện thùm thụp. Khi bà nói chuyện với ông lúc này, bà cứ ngỡ rằng Scathach đang ở đó, loanh quanh đâu phía trong, nhưng bà có phần xao lãng khi nói chuyện với William Shakespeare và rồi bọn vetala. Bà lại cúi xuống lần nữa. Scathach đã bước lui khỏi bề mặt phản chiếu nào đó đang chứa hình ảnh và Perenelle có thể nhìn thấy gương mặt cô rõ hơn. Có một loạt bốn đường cào xước dài giống như dấu cào của một thứ móng vuốt trên trán Scatty, và một bên gò má trông như bị tím bầm. “Một chút phiền phức ư. Cô ổn không vậy?” Bà hỏi. Bà lo lắng cố xác định xem chuyện mà Bóng tối gọi là phiền phức có thể là chuyện gì.

Hàm răng mà cà rồng của Bóng tối hiện ra khi cô ấy cười một cách hoang dã chẳng giống con người chút nào. “Không có gì tôi không xử lý được mà.”

Perenelle biết bà cần phải giữ bình tĩnh và tập trung luồng điện của mình. Bà đang dồn hết tâm trí vào việc bói cầu và giữ kết nối với Scathach đến nỗi các khả năng bảo vệ khác đều bị bỏ qua, và bà có thể trông thấy những chuyển động lung linh của các bóng ma ở Alcatraz trong không trung chung quanh bà. Vì càng lúc các lớp màu sắc có chức năng bảo vệ nhạt đi khỏi luồng điện của bà, nên các hồn ma bắt đầu tụ tập chung quanh, quấy rối bà, làm bà mất kết nối với Nữ Chiến binh. “Scathach, nói tôi nghe xem,” bà điềm tĩnh nói, nhìn chăm chú hơn nữa vào làn nước, “Nicholas và hai đứa nhỏ sinh đôi đâu rồi?”

Mái tóc đỏ rực của Bóng tối trời lên. “London.”

“Tôi biết chuyện đó rồi. Tôi vừa nói chuyện với ông ấy hồi nãy.” Perenelle chọn đúng thời điểm, chen vào ngay quãng ngắn ngủi một chút trong giọng nói của Chiến binh. “Nhưng... rồi sao nữa?”

“À, tôi nghĩ họ vẫn còn ở London.”

“Nghĩ thôi sao!” Nữ Phù thủy hít một hơi thật sâu để kiềm chế một làn sóng giận dữ đang bao trùm lấy bà. Cơn chấn động của làn ánh sáng màu trắng làm bề mặt nước xoắn lại và hình ảnh bị gợn sóng lẫn tăn và vỡ bung ra. Bà buộc phải chờ cho tới khi hình ảnh xuất hiện bình thường trở lại. “Đã xảy ra chuyện gì? Nói tôi nghe hết mọi chuyện cô biết được đi nào.”

“Có một vài đoạn tường thuật trên các kênh tin tức về sự náo động kỳ quặc trong thành phố tối hôm qua...”

“Tối hôm qua à?” Perenelle hỏi, đầy bối rối. “Bây giờ là mấy giờ? Ngày thứ mấy?”

“Bây giờ đang là thứ Ba ở Paris này đây. Hơn hai giờ sáng một chút.”

Perenelle làm một bài toán, lý giải sự khác nhau về giờ giấc: hiện thời vẫn còn là thứ Hai ở Bờ Tây, và bây giờ khoảng năm giờ chiều. “Sự náo động kỳ quặc đó thuộc loại gì vậy?” Bà hỏi tiếp.

“Sky News tường thuật một trận bão tố có sấm sét và một trận mưa cuộn cuộn như trút đã đổ xuống một vùng rất nhỏ của Bắc London. Còn Euronews và France lại dẫn một câu chuyện về một đám cháy khổng lồ trong một bãi đỗ xe vô chủ, cũng ở Bắc London.”

“Bây nhiêu đó chưa nói lên được cái gì cả,” Perenelle nói, dù theo bản năng, bà biết cách này cách khác, chuyện đó có liên quan đến Nicholas và hai đứa nhỏ song sinh.

Ở đầu bên kia của bờ Đại Tây Dương, Scatty lắc đầu. “Người ta tìm thấy khắp trong bãi đất đang cháy những đầu mũi tên có gắn đá lửa, những ngọn giáo bằng đồng thiếc và những mũi tên bắn nỏ. Một trong những phóng viên tin tức còn chìa ra cả một nắm đầu mũi tên đưa vào camera. Trông chúng mới cáu. Một số nhà lịch sử xác định thời đại của chúng là hồi thời kỳ Đồ Đá Mới, nhưng lại nói những ngọn giáo bằng đồng thiếc thuộc thời La Mã và những mũi tên bắn nỏ thuộc thời Trung cổ. Ông ta tuyên bố chúng là đồ thiệt hết.”

“Có một trận đánh nhau,” Perenelle nói cộc lốc. “Ai dính líu vào vậy cà?”

“Không thể khẳng định được, nhưng bà biết được là họ còn sống bên trong hoặc loanh quanh chỗ này chỗ kia ở thành phố đó.”

Perenelle biết quá rõ là khác. Rất nhiều những sinh vật cư ngụ trên Quần đảo Anh, được thu hút về đó bởi rất nhiều đường tuyến và các Vương quốc Bóng tối. Và hầu hết đều trung thành với các Elder Đen tối.

“Có tìm thấy xác chết nào ở bãi đỗ xe đó không?” Bà hỏi thẳng thừng. Nếu có chuyện gì xảy đến cho Nicholas hoặc là hai đứa nhỏ song sinh, bà sẽ xé tan cái thành phố ấy ra thành từng mảnh để tìm Dee cho được. Người thợ săn sẽ phát hiện ra những gì trông giống như thứ ông ta đang săn. Và bà đã có hơn sáu trăm năm kiến thức phù thủy để tận dụng.

“Bãi đỗ xe không người ở. Có cái gì trông giống như một đường hào đầy dầu máy đã bén lửa, và mọi thứ đều bị bao phủ bởi một lớp tro xám xịt rất dày.”

“Tro á hả?” Perenelle cau mày. “Cô có biết cái gì để lại thứ đó không?”

“Có nhiều sinh vật biến thành tro khi chúng bị giết đi,” Scatty chậm rãi nói.

“Kể cả người bất tử,” Perenelle nói thêm.

“Tôi không tin Nicholas bị giết chết đâu,” Scatty nói liền.

“Tôi cũng vậy,” Nữ Phù thủy thì thầm. Bà sẽ biết ngay tức khắc nếu có chuyện gì không hay xảy ra cho ông, bà sẽ cảm nhận được điều đó.

“Bà có thể cố liên lạc với ông ấy được không?” Scatty hỏi.

“Tôi có thể cố, nhưng nếu ông ấy đang trên đường trốn chạy thì...”

“Bà cứ tìm tôi.” Chiến binh mỉm cười. “Dù bà đã làm tôi giật nảy mình.” Lúc này Chiến binh đứng trước một tấm gương soi trong phòng tắm, đang thoa kem khử trùng vào những vết đứt, thì mặt kính như bị phủ sương mờ, rồi dần dần rõ trở lại để lộ ra Perenelle Flamel. Suýt tí nữa thì Scatty đã cho nguyên ngón tay vào mắt mình rồi.

Perenelle đã có ý tưởng thử bói cầu khi bà bắt gặp người bất tử với cái tên Anasazi lúc này đang theo dõi dò xét bà. Bà đã chọn nơi ấm nhất trên hòn đảo, nơi những phiến đá màu trắng của ngọn hải đăng được nung dưới ánh mặt trời. Lấy một cái đĩa nông đổ đầy nước vào, bà ngồi xuống và để cho ánh mặt trời buổi chiều nạp vào luồng điện của mình. Rồi bà nhờ de Ayala ngăn không cho các hồn ma khác của Alcatraz đến gần bà trong lúc bà hạ hết mọi rào chắn bảo vệ xuống. Bà cũng nhờ ông ta báo cho bà biết nếu Nữ thần Quạ có tiến đến gần. Perenelle hoàn toàn không tin được sinh vật ấy.

Tạo được kết nối với Bóng tối chứng tỏ việc này dễ dàng một cách đáng ngạc nhiên. Perenelle đã quen biết Scathach từ nhiều thế hệ. Bà có thể mừng rỡ tưởng tượng mọi thứ về cô ấy: mái tóc đỏ rực và đôi mắt xanh sáng, khuôn mặt tròn và những chấm tàn nhang trên chiếc mũi thẳng. Móng tay luôn lởm chởm vì bị nhấm nhá. Cô ta trông như một đứa con gái nhỏ khoảng chừng mười bảy tuổi; thực ra cô ta đã hơn hai ngàn năm trăm tuổi và là nhà chiến thuật cao quý nhất thế giới. Cô ta đã huấn luyện hầu hết các chiến binh vĩ đại cùng các anh hùng của huyền thoại và đã cứu mạng sống của nhà Flamel nhiều lần. Họ rất quý mến nhau. Mặc dù Bóng tối lớn hơn bà trên một ngàn tám trăm năm, nhưng Perenelle cứ nghĩ nếu cô ta không là con gái thì chắc chắn cũng là một đứa cháu. “Nói tôi nghe những gì đã xảy ra nào, Scatty,” Perenelle gắng hỏi.

“Nicholas và hai đứa nhỏ thoát thân chạy đến London. Ông ấy mang cặp sinh đôi đến gặp Gilgamesh.”

Perenelle gật đầu. “Tôi biết chuyện đó. Nicholas đã nói với tôi. Ông ấy còn nói rằng cả hai đứa sinh đôi đã được Đánh thức,” bà nói thêm.

“Cả hai đứa,” Scatty nhất trí. “Đứa con gái đã được huấn luyện hai pháp thuật cơ bản, nhưng thằng con trai chưa được huấn luyện gì hết. Tuy nhiên, nó lại có thanh Clarent.”

“Thanh Clarent,” Perenelle lẩm bẩm. Bà đã từng quan sát chồng bà nhận chìm thanh kiếm cổ xưa ấy vào thanh rầm đờ trên cửa sổ nhà họ trên đường Rue du Montmorency. Bà muốn phá hủy thanh kiếm ấy đi; nhưng ông không chịu. Ông cãi lý rằng thanh kiếm ấy còn già hơn nền văn minh và họ không có quyền phá bỏ nó; ông cũng thuyết phục là dù sao đi chăng nữa, có lẽ không thể nào làm hại đến thanh kiếm đó được đâu.

“Vậy bây giờ cô đang ở đâu?” Perenelle hỏi.

“Paris.” Nét mặt của Scathach nổi rõ rồi lại mờ mờ nhòe nhòe. “Đó là một câu chuyện rất dài. Đa phần lại khá chán. Đặc biệt là lúc tôi bị Dagon kéo xuống sông Seine...”

“Cô bị kéo xuống sông Seine!” Nicholas đã không kể cho bà nghe chuyện đó.

Scatty gật đầu. “Chuyện đó xảy ra ngay sau khi tôi được cứu khỏi Nidhogg, lúc ấy đang tung hoành khắp đường phố Paris.”

Perenelle nhìn chăm chăm vào cái miệng của bà đang há hốc. Cuối cùng, bà nói, “Vậy Nicholas và hai đứa sinh đôi ở đâu trong lúc tất cả những chuyện ấy

xảy ra?”

“Họ là những người đuổi theo Nidhogg khắp đường phố và giải cứu tôi đó.”

Nữ Phù thủy nhấp nháy mắt ngạc nhiên. “Nghe không giống Nicholas của tôi tí nào.”

“Tôi nghĩ đúng hơn là hai đứa nhỏ sinh đôi đã làm chuyện đó,” Scathach nói. “Đặc biệt là thằng con trai, Josh ấy. Nó đã cứu mạng tôi, tôi nghĩ nó đã giết chết con rồng ấy.”

“Và sau đó cô bị ngã xuống sông.” Perenelle nói.

“Tôi bị kéo xuống chứ,” Scathach chỉnh lại ngay lập tức. “Dagon đã vọt lên như một con cá sấu và chộp lấy tôi.”

“Chẳng phải cô đã từng có lần đánh nhau với hắn ta và một bầy cá người Potamoi trên Đảo Capri sao?”

Hàm răng ma cà rồng hoang dã của Scatty lại lóe lên lần nữa. “Bây giờ mới thấy hồi đó là một ngày hên.” Rồi nụ cười của cô ta biến mất. “Dù sao chẳng nữa, chuyện này cho thấy là hắn ta đã làm việc với Machiavelli ở Paris.”

“Tôi nghe nói tay người Ý ấy đã ở Paris.” Perenelle gật đầu.

“Đứng đầu một dịch vụ bí mật hay gì gì đó. Tôi bị nửa tỉnh nửa mê trong lúc Dagon kéo tôi xuống nước. Nhưng dòng sông Seine quá lạnh đến nỗi cơn sốc đó làm tôi tỉnh hẳn. Chúng tôi đánh nhau hàng mấy giờ liền trong khi làn nước cứ kéo tôi xuôi dòng. Thật là một cuộc chiến gay go nhất mà tôi từng gặp phải, Dagon ở đúng trong môi trường của mình còn những cú đâm của tôi thì lại bí nước làm giảm đi nhiều sức lực.”

“Tôi thấy hắn ta có thể cào xước da cô được kìa.”

“Những cú hên thôi,” Scatty khịt mũi, xua chúng đi. “Tôi bỏ hắn ta đâu đó quanh Les Damps, và phải mất hai ngày tôi mới trở về thành phố được.”

“Bây giờ cô an toàn chưa?”

“Tôi đang ở với Joan.” Bóng tối mỉm cười. “Và cũng với cả Saint-Germain nữa.” Cô ta cười rộng ngoác. “Họ cười nhau rồi!”

Cô thụt đầu ra sau mà một khuôn mặt thứ hai nổi rõ trong làn nước, đôi mắt to màu xám nổi trội hẳn trên gương mặt hết như một thằng bé trai. “Quý bà Flamel.”

“Joan!” Perenelle mỉm cười. Nếu bà xem Scatty là một người cháu gái, thì Joan là đứa con gái bà chưa bao giờ có. “Cuối cùng cô đã cưới Francis?”

“Vâng, chúng tôi cứ gặp nhau suốt nhiều thế kỷ. Đã đến lúc rồi.”

“Đúng vậy. Joan, thật vui khi gặp cô,” Perenelle nói tiếp. “Tôi chỉ ước sao cuộc đời này diễn ra trong hoàn cảnh tốt hơn.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” Joan Arc nói. “Đây quả là thời kỳ kinh khủng. Đặc biệt là đối với Nicholas và bọn trẻ.”

“Hai đứa có phải là cặp song sinh huyền thoại không?” Perenelle hỏi, tò mò muốn nghe bạn bè bà nghĩ gì.

“Tôi tin chắc điều đó,” Joan Arc nói ngay. “Luồng điện của cô bé gái mạnh hơn và thuần khiết hơn của tôi nữa đó.”

“Cô có thể đi London không?” Nữ Phù thủy hỏi.

Khuôn mặt nhỏ bé trong làn nước mờ đi khi người phụ nữ ở bên kia trái đất lắc đầu. “Không thể được. Machiavelli kiểm soát Paris, và y đã khóa chặt thành phố này, tuyên bố có vấn đề về an ninh quốc gia. Biên giới đóng cửa. Tất cả mọi chuyến bay, tàu phà và xe lửa đang bị giám sát chặt chẽ, và chắc chắn bọn chúng đã có những bản mô tả về chúng tôi - về Scatty thì chắc chắn là có rồi. Cảnh sát ở khắp nơi; họ chặn người ngay trên đường phố, đòi xem giấy tờ nhận dạng, và lệnh giới nghiêm vào lúc chín giờ tối đã bắt đầu có hiệu lực. Cảnh sát đã tung ra đoạn băng đầy những hạt lấy từ camera an ninh ghi hình Nicholas, cặp song sinh, Scatty và tôi ở ngay trước nhà thờ Notre Dame.”

Perenelle lắc đầu. “Tôi muốn biết mấy người đang làm gì trước ngôi thánh đường ấy được không?”

“Chiến đấu với bọn gargoyle,” Joan nói nhẹ nhàng.

“Tôi biết là tôi không nên hỏi, nhưng tôi lo cho Nicholas và hai đứa nhỏ. Tôi biết khả năng định hướng của Nicholas, họ có thể bị lạc mất. Má gián điệp của Dee lại ở khắp nơi,” Perenelle nói thêm với vẻ thật khốn khổ. “Chắc chắn hẳn sẽ biết ngay khi họ vừa tới cho xem.”

“Ồ, đừng lo, Francis đã thu xếp cho Palamedes đón họ rồi. Anh ấy đang bảo vệ họ. Anh ấ tốt lắm,” Joan làm bà vững tâm.

Perenelle gật đầu đồng ý. “Không ai tốt như Bóng tối cả.”

“Đúng, không ai,” Joan đồng tình. “Bây giờ bà đang ở đâu, thưa bà?”

“Bị giam giữ ở Atcatraz. Và tôi đang gặp rắc rối,” bà thú nhận.

Khuôn mặt Scathach chen vào bên cạnh cô bạn mình. “Loại rắc rối gì vậy?”

“Các xà-lim đầy những loài quỷ sứ, biến khơi đầy những Nữ thần Biển. Nereus canh giữ mặt nước và một con nhân sư cứ lang thang trong các dãy hành lang. Loại rắc rối như thế đó.”

Nụ cười của Joan Arc bừng sáng. “Sao, nếu bà đang gặp rắc rối, thì chúng tôi phải giúp bà chứ!”

“Tôi e rằng điều đó không thể,” Perenelle nói.

“A, nhưng thưa quý bà, lâu lắm rồi bà là người dạy tôi rằng không thể là một từ hoàn toàn vô nghĩa kia mà.”

Perenelle mỉm cười. “Tôi đã nói như vậy thật. Scatty, cô có biết người nào ở San Francisco có thể giúp tôi được không? Tôi cần phải thoát khỏi hòn đảo. Tôi cần phải đến với Nicholas.”

“Không có người nào tôi tin cậy cả. Có thể có một số học trò của tôi...”

“Đúng,” Perenelle cắt ngang. “Tôi không muốn gây nguy hiểm cho bất kỳ con người nào đâu. Ý tôi là các Elder trung thành với chúng ta ấy, hoặc có bất cứ Thế hệ Kế tiếp nào không?”

Scatty suy xét hồi lâu, rồi chậm chậm lắc đầu. “Không có người tôi tin cậy cả,” cô ta lặp lại. Cô quay đầu lắng nghe một cuộc nói chuyện ở phía đằng sau mình, và khi nhìn trở lại, nụ cười hoang dã của cô bừng sáng. “Chúng tôi có một kế hoạch. Hay đúng hơn là, Francis có một kế hoạch. Bà có thể kiên trì chờ thêm một chút nữa được không? Chúng tôi sẽ lên đường.”

“Chúng tôi ư? Chúng tôi là những ai?” Perenelle hỏi.

“Tôi và Joan. Chúng tôi sẽ đến Atcatraz.”

“Làm sao hai người có thể đến đây trong khi thậm chí còn không thể đi London?” Perenelle buột miệng, nhưng rồi làn nước rùng một cái và rung rung rồi bất thành linh vô số hồn ma ở Atcatraz nhô lên quanh bà, kêu la âm ỉ và khóc rống đòi được chú ý. Cuộc kết nối bị đứt đoạn.

Tiến sĩ John Dee đứng trước ô cửa sổ rất lớn gắn kính dày ở một trong những tầng cao nhất của tòa nhà Canary Wharf Tower, trụ sở chính của công ty Enoch Enterprises ở London. Hóp một ngụm từ tách trà thảo mộc bốc khói, hắn chăm chú nhìn những tia sáng bình minh đầu tiên xuất hiện nơi chân trời phía đông.

Tắm rửa sạch sẽ, tóc vuốt ngược, mặc bộ vét ba mảnh đặt may màu xám, hắn trông không giống chút gì với tên cầu bơ cầu bất bần thủ đã đến phòng điện thoại công cộng ở bãi đậu xe cách đây chưa đầy một giờ. Tay Pháp sư đã rất cẩn thận để tránh các camera, và một câu thần chú thôi miên đơn giản đã tập trung sự chú ý của nhân viên gác cổng vào những ô vuông màu trắng và đen của trò ô chữ trên tờ báo của ông ta. Cho dù là rất muốn, người đàn ông kia hắn là không thể nào rời khỏi mấy cái ô đó mà nhìn ra chỗ khác được. Nép sát vào vùng bóng tối trong bãi đậu xe trống trơn, Dee lần theo đường vào thang máy dành riêng và dùng mã an toàn của hắn - 13071527 - để đi thẳng lên dãy phòng ở trên mái bằng.

Công ty Enoch Enterprises của Dee chiếm nguyên một tầng của Canary Wharf Tower, tòa nhà cao nhất nước Anh, nằm ngay giữa khu tài chính của London. Hắn có những văn phòng giống nhau rải rác khắp thế giới, và dù chỉ họa hoằn lắm hắn mới đến kiểm tra những chỗ ấy, nhưng ở mỗi nơi, Pháp sư đều trang bị một bồ đồ dùng riêng rất xa hoa. Gắn cố định vào từng căn phòng là một tủ sắt cao chỉ mở ra theo dấu tay của Dee và có hệ thống quét võng mạc. Tủ dùng để đựng quần áo, tiền mặt với đủ loại tiền, thẻ tín dụng và các hộ chiếu khác nhau dưới hơn một chục tên khác nhau. Trong quá khứ, hắn đã từng bị mắc kẹt mà không có đến một đồng xu dính túi và cũng không có quần áo để thay nên hắn đã thề sẽ không bao giờ cho phép chuyện đó lặp lại một lần nào nữa.

Chỉ khi đứng dưới vòi sen nóng, mặc cho nước cuốn đi những chất bẩn và những thứ đen đui khỏi thân mình, lúc đó hắn mới có thời gian để cân nhắc chọn lựa. Hắn phải thừa nhận rằng các chọn lựa đều bị giới hạn cực kỳ.

Hắn có thể tìm Nhà Giả kim, giết chết ông ta, lấy lại những trang giấy bị mất và chiếm được cặp song sinh.

Hoặc là hắn chạy trốn.

Hắn có thể chạy thoát khỏi nước Anh bằng một hộ chiếu giả và ẩn nấp trong một nơi xa xôi tách biệt, và sống hết phần còn lại của đời hắn trong sợ hãi, không thể dùng luồng điện của mình để phòng việc đó có thể làm lộ vị trí của hắn, lúc nào cũng phải ngoái nhìn ra đằng sau, lúc nào cũng phải chờ đợi một trong những chủ nhân của hắn đến đặt tay lên người. Ngay lúc họ chạm vào da thịt trần trụi của hắn, câu thần chú bất tử sẽ bị phá bỏ và hắn sẽ già đi và gục chết. Hoặc có thể hắn sẽ giữ như lời đã báo trước: trả hắn về với trạng thái không bất tử và cho phép một cuộc đời gần năm trăm năm làm héo hon tàn lụi cơ thể tự nhiên của hắn... rồi sau đó làm cho hắn bất tử trở lại đúng vào những giây phút cuối cùng của tuổi già tốt độ. Dee rung mình. Đó sẽ là tình trạng dở sống dở chết.

Bước ra khỏi vòi sen, hắn xoa bàn tay khắp tấm gương đọng hơi nước và nhìn trừng trừng vào hình phản chiếu của hắn trong mặt kính. Có phải hắn tượng tượng không, hay là có những nếp nhăn mới trên trán và dọc hai bên khóe mắt thật? Hắn đã trải qua nhiều thế kỷ chạy đông dài - chạy trốn khỏi nguy hiểm hoặc là truy đuổi theo Nhà Giả kim và những kẻ như ông ta. Hắn đã lẩn lút và ẩn nấp, thu mình co rúm trong tâm trạng sợ hãi các chủ nhân Elder của hắn, đã tuân theo mệnh lệnh của họ một cách mù quáng, không một chút thắc mắc. Hơi nước ngưng tụ chảy xuống mặt gương, khiến hắn trông như đang khóc. Nhưng lâu lắm rồi Pháp sư không còn khóc nữa; lần cuối cùng hắn để rơi nước mắt là khi Nicholas, cậu con trai mới sinh của hắn, chết vào năm 1597.

Hắn sẽ không bỏ chạy nữa.

Việc nghiên cứu ma thuật và thuật phù thủy đã dạy cho tay Pháp sư rằng thế giới này đầy rẫy những khả năng vô giới hạn, và những năm tháng dành ra để tìm tòi về thuật giả kim với Flamel đã cho hắn thấy rằng không có gì - ngay cả vật chất - là cố định và không thể thay đổi. Mọi thứ đều có thể tận dụng. Hắn đã sống một cuộc đời dài thăm thẳm hiến mình cho việc làm thay đổi thế giới, theo chiều hướng tốt hơn bằng cách trao trả nó về cho các Elder Đen tối. Ngoài mặt đó là một nhiệm vụ bất khả thi, những người có tiếng nói dàn xếp bí mật chống lại hắn, nhưng qua bao nhiêu thế kỷ hắn vẫn gần như là thành công, cho tới tận bây giờ khi các Elder đã ở tư thế sẵn sàng trở lại trái đất này.

Tình trạng của hắn hiện giờ không còn chút hy vọng và vô cùng nguy hiểm, nhưng hắn có thể sửa chữa được. Chiếc chìa khóa dành cho sự sống còn của chính hắn thật đơn giản: hắn phải tìm cho được Flamel.

Hắn nhanh chóng mặc quần áo vào, tận hưởng cảm giác có được quần áo sạch sẽ, và tự pha cho mình tách trà, rồi đi đến ô cửa này đây mà nhìn ra khắp thành phố đang đặt dưới quyền kiểm soát của hắn. Đứng trước cửa sổ, chăm chăm nhìn sang bên kia những con phố ngổn ngang, hắn nhận ra tính chất tàn ác dã man của nhiệm vụ trước mắt; hắn không có chút khái niệm nào về việc Nhà Giả kim đã mang bọn trẻ đi đâu.

Hắn có những bọng tay chân - cả con người lẫn không phải con người - ở London. Thế hệ Kế tiếp và những tên lính đánh thuê bất tử đang ở trên đường phố. Tất cả đều đã có bản mô tả mới nhất về Nhà Giả kim và hai đứa nhỏ, rồi thì hắn sẽ bổ sung Palamedes và Đại Thi hào vào bản danh sách đó. Hắn sẽ có gấp hai - không, gấp ba - phần thưởng. Chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi có ai đó chột bắt gặp cái nhóm nhỏ này.

Nhưng hắn không có thời gian.

Chiếc điện thoại di động của Dee kêu o o trong túi áo trên ngực, rồi cất lên vài ô nhịp của đoạn nhạc dạo trong phim The X-Files. Hắn nhăn mặt; chột thấy đoạn nhạc đó dường như chẳng còn vui vẻ gì nữa. Hắn đặt tách trà xuống, moi chiếc điện thoại từ trong túi áo bên trong ra và ghì chặt nó trong nắm tay rồi mới nhìn vào màn hình. Đó là một dãy số mà hắn đang mong đợi, dãy số luôn luôn thay đổi và dài chẳng thể có được. Hắn ngạc nhiên sao đến bây giờ họ mới liên lạc với hắn; có lẽ họ đợi hắn báo cáo chẳng. Ngón tay hắn do dự trên nút Trả lời, hắn biết rằng ngay khi hắn nhấn vào đó, các Elder sẽ biết ngay vị trí của hắn. Hắn e rằng mình chỉ còn sống thêm một thời gian đủ để uống xong tách trà này thôi.

Tiến sĩ John Dee bỏ chiếc điện thoại trở lại vào túi áo, không trả lời và cầm chiếc tách lên.

Rồi, một giây sau, hắn kéo giật chiếc điện thoại ấy trở ra và bấm gọi một dãy số từ trong ký ức. Cuộc gọi của hắn được trả lời ngay sau tín hiệu chuông thứ nhất. “Tôi cần giúp đỡ.”

\* \* \*

Niccolò Machiavelli như muốn nhảy nhồm ra khỏi ghế. “Giúp đỡ?” Y nói, không ý thức trượt sang giọng Ý.

“Giúp đỡ,” Dee cũng nói cùng một ngôn ngữ ấy. “Chắc ông đã nghe biết về chút khó khăn của tôi rồi.”

“Tôi đang xem tin tức về một đám cháy ở London,” Machiavelli thận trọng nói với Dee, ý thức rằng mọi lời hăn nói có thể bị ghi âm. “Tôi cho rằng ông có dính líu vào.”

“Flamel và đồng bọn đã bỏ chạy trên một chiếc xe hơi,” Dee nói tiếp. “Tôi cần phải tìm chân bọn chúng lại.”

“Vậy hóa ra ông vẫn còn truy đuổi bọn chúng?” Machiavelli nói.

“Cho tới khi tôi chết,” tay Pháp sư nói. “Một cái chết có thể đến sớm hơn mong muốn của tôi,” hăn nói thêm. “Nhưng tôi đã bị bắt thề phải thực hiện nhiệm vụ cho các chủ nhân của tôi. Ông hiểu nhiệm vụ là gì chứ, Machiavelli, phải không?”

Tay người Ý gật đầu. “Tôi hiểu.” Y ngồi lại vào ghế. “Ông muốn tôi làm gì?” Y liếc nhìn chiếc đồng hồ treo tường. Bây giờ là 5 giờ 45 sáng ở Paris. “Xin biết rằng tôi sẽ bay sang San Francisco trong một vài giờ nữa.”

“Tôi cần ông gọi một cuộc điện thoại, thế thôi.”

Machiavelli vẫn giữ im lặng, chưa sẵn lòng nhận giúp. Y biết rằng cuộc nói chuyện này có thể rất nguy hiểm. Chủ nhân của y và của Dee vì lý do này khác có đối kháng với nhau, nhưng cả hai đều muốn một thứ: sự trở lại của các Elder Đen tối trên trái đất này. Và Machiavelli biết chắc hăn y được xem là người hỗ trợ chuyện đó bằng mọi cách có thể. Một khi các Elder Đen tối đã trở lại, thì cuộc đấu tranh quyền lực thật sự để giành quyền kiểm soát hành tinh này sẽ diễn ra. Một cách tự nhiên, y hy vọng chủ nhân của y và những người đi theo ông ta sẽ chiến thắng, nhưng nếu các chủ nhân của Dee nắm quyền kiểm soát, thì có lẽ thật ích lợi khi có Dee làm đồng minh. Machiavelli cười toe và xoa hai bàn tay vào nhau; ý đồ của y gợi nhắc y nhớ lại những ngày cũ tốt đẹp ở Borgias.

“Là người đứng đầu dịch vụ bí mật của nước Pháp,” Dee nói tiếp, “ông hăn phải có nhiều đầu mối liên lạc với các tổ chức tương ứng của ông ở nước Anh.”

“Tất nhiên.” Y vừa gật đầu, chợt đoán được những gì Dee định nhờ. “Hãy để tôi liên lạc với họ,” y nói nhanh. “Tôi sẽ thông tin cho họ về những tên khủng bố đã tấn công Paris giờ đây đang ở London. Tôi chắc chắn nhà cầm quyền Anh sẽ hành động nhanh chóng để đóng cửa các phi trường và ga xe lửa.”

“Chúng ta cũng cần đến các chốt chặn và trạm kiểm soát nữa.”

“Chuyện đó thì có thể được.” Machiavelli cười tủm tỉm. “Tôi sẽ gọi điện thoại ngay bây giờ.”

Dee ho nhẹ. “Tôi mắc nợ ông.”

“Tôi biết mà.” Machiavelli cười rộng miệng.

“Vậy thì, cho tôi một ân huệ cuối,” Dee nói. “Ông có thể trì hoãn khoan thông báo cho các Elder của chúng ta về vị trí của tôi được không? Cho tôi một ngày cuối cùng này để tôi đi tìm Nhà Giả kim.”

Machiavelli chần chừ; rồi y nói, “Tôi sẽ không nói với Elder của ông,” y nói, “và ông biết tôi là một người luôn giữ lời hứa.”

“Tôi biết.”

“Ông có một ngày cuối cùng,” tay người Ý mở lời, nhưng Dee đã dập máy rồi. Machiavelli ngồi lại và gõ nhẹ nhẹ chiếc điện thoại lên môi. Sau đó y bắt đầu bấm một dãy số. Y đã hứa với tay Pháp sư kia rằng y sẽ không thông báo cho Elder của hắn; nhưng chắc chắn chủ nhân Elder của chính Machiavelli thì rất muốn biết.

\* \* \*

Ở London, những dải ánh sáng màu hồng và da cam rạch xuyên qua những dải màu tím và màu đen xuất hiện trên đường chân trời. Pháp sư nhìn bầu trời trên trên không chớp mắt, đôi mắt xám bắt được những màu sắc ấy, chăm chú quan sát trong khi tách trà lạnh dần trong bàn tay. Hắn biết rằng nếu không tìm thấy được Nhà Giả kim và cặp song sinh, thì đây có thể là bình minh cuối cùng mà từ trước tới giờ hắn từng được chiêm ngấm.

Một khi mặt trời đã lặn, nhiệt độ hạ xuống rất nhanh, đồng thời cơn gió vút mạnh qua vịnh San Francisco nghe thật rét buốt và đượm nồng mùi muối. Từ chỗ của mình trong tháp canh bên bến tàu, Perenelle chồm người xuống hòn đảo. Mặc dù bà đang mặc mấy lớp quần áo và đã gom hết tất cả mấy tấm mền trong các xà-lim để quấn quanh người, bà vẫn thấy lạnh cóng. Những ngón tay và ngón chân tê cứng đến nỗi bà mất hết cảm giác, và thật sự là bà đang cắn chặt vào một cái mền đầy năm mốc để giữ cho hai hàm răng không gõ lập cập vào nhau.

Bà không dám sử dụng luồng điện của mình để sưởi ấm - con nhân sư đã thoát ra khỏi hầm mộ bằng giá của nó và đang đi lang vãng trên hòn đảo.

Perenelle đang đứng trước cái kén của Areop-Enap tìm kiếm xem có dấu hiệu cử động nào không vì bà ngửi thấy mùi hương đặc trưng của sinh vật này trong bầu không khí đầy muối, một sự pha trộn giữa mùi xạ răn và sư tử cùng với một lớp lông ẩm mốc. Một tích tắc sau, de Ayala nhấp nháy hiện ra trước mắt bà.

“Tôi biết,” bà nói trước cả khi ông ta kịp cất tiếng. “Tất cả đã sẵn sàng rồi phải không?”

“Vâng,” hồn ma nói ngắn gọn. “Nhưng chúng ta đã thử trước khi...”

Nụ cười Perenelle bừng sáng. “Con nhân sư mạnh mẽ, và kinh khủng... nhưng không thông minh sáng dạ lắm đâu.” Bà quấn tấm mền quanh vai chặt hơn và rung mình vì cơn giá lạnh. “Bây giờ nó đang ở đâu?”

“Đi tới đi lui khắp mấy bờ tường trong Khu nhà ở của Cai ngục. Có lẽ thoáng mùi hương của bà còn phảng phất quanh đó. Xin lỗi tôi không có ý bất nhã đâu, thưa quý bà,” ông ta nói thêm liền.

“Không hề gì. Đó là một trong những lý do tôi đã chọn ở ngoài trời tối nay. Tôi hy vọng rằng cơn gió mạnh này sẽ thổi mọi mùi hương của tôi đi.”

“Đó là một kế hoạch hay,” de Ayala tán thành.

“Và sinh vật ấy trông như thế nào?” Nữ Phù thủy bắn khoản thốt lên. Bà vỗ nhẹ vào cái kén của Areop-Enap, rồi quày quả bước đi.

Hồn ma mỉm cười hài lòng. “Không được vui lắm.”

Con nhân sư nhấc một bàn chân to tướng lên và cẩn thận đặt nó xuống, co rúm người lại khi một cảm giác lạ lùng nhất - sự đau đớn - bắn vọt lên cẳng chân nó. Nó chưa hề bị thương trong ba thế kỷ nay. Bất kỳ vết thương nào cũng lành

ngay, những vết đứt và vết bầm tím đều nhanh chóng nhạt đi, nhưng ký ức về một lòng kiêu hãnh bị tổn thương sẽ không bao giờ phai mờ.

Nó đã bị thua. Bởi một giống người.

Ngoài cổ thon thả ra phía sau, nó hít một hơi thật sâu và cái lưỡi chẽ đầu dài nhằng đen lầy thè ra khỏi đôi môi như của người. Cái lưỡi đông đưa, nếm nếm không khí. Và kìa có rồi: một thoáng thôi, một lượng rất nhỏ của một nòi giống người. Nhưng tòa nhà này không có mái và mở thẳng ra ngoài trời, những cơn gió biển ào vào gột tẩy liên miên, mà dấu vết lại rất mờ nhạt. Một giống người thuộc phái nữ đã ở chỗ này. Sinh vật ấy đập vào một cánh cửa sổ. Ngay ở đây nhưng không phải mới tức thì. Một cái lưỡi chẽ đầu nếm nếm vào mấy viên gạch. Đúng là ả đã đặt bàn tay vào đây. Cái đầu nó quay về phía một lỗ hổng thật lớn trong bức tường. Và rồi cái giống người kia biến mất vào ban đêm.

Khuôn mặt người xinh đẹp của con nhân sư nhăn nhó có vẻ khó chịu. Xếp đôi cánh đại bàng rách bươm sát vào người, mụ ta chui qua ngôi nhà đổ nát và bước vào bóng đêm mát lạnh.

Nó không sao cảm nhận được luồng điện của giống người này. Mà cũng không ngửi thấy mùi da thịt của ả.

Song Nữ Phù thủy chắc chắn phải còn trên hòn đảo này; hẳn bà ta không thể trốn thoát đi đâu được. Con nhân sư đã trông thấy các Nữ thần Biển trong làn nước và đã ngửi thấy mùi tanh tưởi của Ông Già Biển vương vẩn trong không khí. Nó đã bắt gặp Nữ thần Quạ đậu trên nóc ngọn hải đăng như một thứ dụng cụ chỉ hướng gió gớm ghiếc, và mặc dầu con nhân sư đã gọi to mụ ta bằng mọi thứ ngôn ngữ, kể cả ngôn ngữ đã không còn dùng của Danu Talis, sinh vật kia cũng không trả lời. Con nhân sư vô tình không biết; một số Thế hệ Kế tiếp, như bản thân nó, thích bóng đêm; một số khác thích sống dưới ánh mặt trời. Nữ thần Quạ khi ấy có lẽ đang ngủ.

Mặc cho tầm vóc to lớn, con nhân sư vẫn đi rất nhanh xuống bến tàu, những cái móng vuốt gỗ lách cách trên nền đá. Và ở đây nó bắt được thoang thoảng một chút mùi hương rất mờ nhạt của nòi giống người, mùi của muối và thịt.

Và rồi mụ trông thấy ả ta.

Một cử động, một dáng dấp, một thoáng tóc dài và một chiếc áo đầm đang bay dập dờn.

Từ một điểm thuận lợi ở trên cao trong tháp canh, Perenelle quan sát con nhân sư lao theo bóng ma của vợ người cai ngục đã chết lâu lắm rồi.

Khuôn mặt thoáng gọn lên của de Ayala hiện ra trong đêm, chỉ nhỉnh hơn sự nhiễu loạn trong không khí một chút. “Những bóng ma của Atcatraz đều đã ở đúng chỗ. Họ sẽ dẫn con nhân sư đi xa mút qua đầu bên kia của hòn đảo và giữ cho nó luôn bận rộn ở đó từ giờ cho đến hết đêm. Bây giờ hãy nghỉ ngơi đi, thưa quý bà; nếu được, xin cứ nghỉ. Ai biết ngày mai sẽ mang đến điều gì kia chứ?”

“Anh đang đưa chúng ta đi đâu đây?” Nicholas hỏi nhẹ nhàng. “Tại sao lại rời đường chính?”

“Có rắc rối,” Palamedes thản nhiên nói. Anh ta nghiêng kính chiếu hậu để nhìn vào băng ghế sau của chiếc taxi.

Chỉ mình Nhà Giả kim còn thức. Cặp sinh đôi đổ người ra phía trước, được dây đai an toàn giữ vào chỗ, trong khi Gilgamesh nằm cuộn tròn dưới sàn, co quắp và nói lầm bầm bằng tiếng của người Sumer. Nicholas nhìn vào đôi mắt sâu có màu nâu in trong chiếc gương.

“Tôi biết có gì đó không ổn khi xe cộ đông nghẹt,” hiệp sĩ nói tiếp. “Rồi tôi nghĩ có lẽ là một tai nạn chẳng.”

Họ đang chạy theo những vòng rẽ ngoặt có vẻ tùy tiện, hướng xuống những con đường nhỏ vùng nông thôn, những hàng rào xanh um tươi tốt quét vào hông xe. “Tất cả những đường lớn đều bị chặn; cảnh sát khám xét từng chiếc xe một.”

“Dee đó,” Flamel thì thào. Không bấm đai an toàn của mình, ông trượt người vào ghế xếp ngay sau tài xế, vặn mình để nhìn vào chàng hiệp sĩ qua tấm chắn bằng kính. “Chúng ta phải đến được Stonehenge,” ông nói. “Đó là con đường duy nhất của chúng ta để ra khỏi đất nước này.”

“Có những cổng tuyến khác nữa mà. Tôi có thể đưa ông đến Holyhead ở xứ Wales, và ông có thể đi phà đến Ireland. Newgrange vẫn còn kích hoạt được,” Palamedes gợi ý.

“Không ai biết Newgrange dẫn đến đâu,” Nicholas nói dứt khoát. “Còn đường tuyến ở Salisbury sẽ đưa tôi đến ngay phía bắc San Francisco.”

Chàng hiệp sĩ rẽ xuống một con đường có ghi chữ ĐẤT RIÊNG và dừng lại trước một cánh cổng bằng gỗ có năm thanh. Cứ để máy xe nổ, anh ta bước ra khỏi xe và đẩy then cổng. Flamel bước xuống phụ với anh ta, và cả hai người dồn sức đẩy cánh cổng mở ra. Còn đường mòn có nhiều vết lún dẫn xuống một nhà kho bằng gỗ thô sơ xiêu vẹo. “Tôi biết người chủ đây này,” Palamedes nói gọn lỏn. “Chúng ta sẽ nấp tạm ở đây cho tới khi mọi thứ lắng xuống chút đã.”

Flamel giơ tay nắm lấy cánh tay của Palamedes. Thoáng mùi đinh hương ủa đến bất chợt và Nhà Giả kim rụt mạnh mấy ngón tay ra khỏi da thịt của chàng hiệp sĩ giờ đã cứng lại và trông hệt như kim loại. “Chúng ta cần phải đến được

Stonehenge.” Nhà Giả kim phác một cử chỉ hướng về phía con đường họ vừa rời khỏi. “Có thể chúng ta còn cách đó chưa đầy hai ba cây số.”

“Chúng ta đang ở rất gần,” Palamedes đồng ý. “Tại sao phải vội vã, Nhà Giả kim?”

“Tôi phải trở về với Perenelle.” Ông bước ra trước mặt chàng hiệp sĩ, buộc anh ta phải dừng lại. Nhìn tôi đây Saracen. Anh thấy gì? Ông giơ hai bàn tay mình cao lên; những đường gân xanh giờ thấy thật rõ, và có những đốm nâu của tuổi già rải rác khắp da thịt ông. Ngửa đầu phía sau, ông phờ ra cái cổ nhẵn gấp nếp của mình. “Tôi đang gần kề cái chết lắm rồi, Palamedes,” Nhà Giả kim nói một cách đơn giản. “Tôi không còn bao nhiêu thời gian nữa, và khi tôi chết, tôi muốn ở bên cạnh Perenelle yêu dấu của tôi. Anh đã yêu một lần rồi, Palamedes. Anh phải hiểu điều đó.”

Chàng hiệp sĩ thở dài rồi gật đầu. “Hãy đánh thức hai đứa nhỏ sinh đôi cùng với Gilgamesh dậy và đi vào nhà kho. Ông ấy đã đồng ý huấn luyện bọn trẻ Pháp thuật Nước. Nếu ông ấy nhớ và nếu ông ấy chịu làm điều đó, xong rồi thì chúng ta sẽ tiếp tục đi về phía Stonehenge. Chắc chắn tôi có thể tìm ra một con đường bằng GSP\* mà.” Anh ta giơ tay nắm lấy cánh tay Flamel. “Hãy nhớ, Nicholas. Một khi ông ấy khởi sự quá trình này, luồng điện của cặp song sinh sẽ sáng rực lên, và rồi mọi người - và mọi thứ - đều sẽ biết hai đứa đang ở đâu.”

\*Global Positioning System: Hệ thống Định vị Toàn cầu.

Đúng 10 giờ 20 phút sáng, trễ năm phút so với giờ khởi hành đã lên lịch, chiếc máy bay Boeing 747 của hãng Air France cất cánh rời khỏi phi trường Charles de Galle, hướng đến San Francisco.

Niccolò Machiavelli ổn định trong ghế ngồi và chỉnh chiếc đồng hồ đeo tay lùi lại chín tiếng trở về 1 giờ 20 phút sáng, đan hai bàn tay vào nhau đặt trên vùng dạ dày, nhắm mắt lại và tận hưởng niềm khoái trá hiếm có của một thời gian không bị ai quấy rầy. Trong mười một tiếng và mười lăm phút sắp tới, y sẽ không nhận điện thoại, e-mail, hoặc fax của ai cả. Bất kể có cơn khủng hoảng nào phát sinh, chắc hẳn sẽ có một ai khác xử lý. Miệng y nở nụ cười: chuyện này giống như một đợt nghỉ ngơi ngắn vậy, và đã rất lâu rồi - thật vậy, để có đến hơn hai thế kỷ - kể từ khi y có một kỳ nghỉ ngơi đúng đắn. Đợt đi nghỉ gần đây nhất của y, ở Ai Cập vào năm 1798, đã bị hỏng mất khi bị Napoléon đánh chiếm. Nụ cười của Machiavelli nhạt đi trong lúc y nhẹ nhàng lắc đầu. Y đã làm quân sư cho kế hoạch của Napoléon về một “liên bang những dân tộc tự do” cùng Bộ luật Napoléon, và cuối cùng nếu những người trên hòn đảo Corisca chịu tiếp tục nghe lời ông ta, thì nước Pháp chắc hẳn đã thống trị toàn châu Âu, Bắc Phi và vùng Trung Đông rồi. Machiavelli thậm chí còn lập kế hoạch chi tiết cho một cuộc xâm chiếm châu Mỹ bằng đường biển và tràn xuống qua ngả Canada.

“Mời dùng thức uống, thưa ông?”

Machiavelli mở bừng mắt và thấy một người phục vụ trên chuyến bay trông có vẻ buồn tẻ mỉm cười với y. Y lắc đầu. “Cảm ơn. Không. Và xin đừng quấy rầy tôi nữa trong suốt chuyến bay này.”

Người phụ nữ gật đầu. “Ông có muốn được đánh thức để dùng bữa trưa hoặc tối không ạ?”

“Không, cảm ơn. Tôi đang có chế độ ăn kiêng đặc biệt,” y nói.

“Nếu ông cho chúng tôi biết trước, hẳn chúng tôi có thể chuẩn bị cho ông một bữa ăn thích hợp...”

Machiavelli giơ đứng một bàn tay với những ngón thon dài. “Tôi hoàn toàn khỏe. Cảm ơn,” y nói dứt khoát, đôi mắt rời khỏi khuôn mặt người phụ nữ, bỏ qua không quan tâm đến cô ta nữa.

“Tôi sẽ báo cho những người khác biết.” Người phục vụ bước đi để chăm sóc ba hành khách ngồi trong khoang doanh nhân. Mùi đậm đặc của cà-phê mới pha và bánh mì mới nướng tràn ngập không khí, và tay người Ý nhắm mắt cố nhớ lại xem thức ăn thật sự - đúng ra là thức ăn tươi - có vị như thế nào. Một trong những tác dụng phụ của món quà bất tử là cảm giác ngon bị giảm rõ rệt. Những người bất tử vẫn cần phải ăn, nhưng chỉ với mục đích để nạp năng lượng như một nguồn nhiên liệu thôi. Hầu hết thức ăn đều vô vị trừ những món có nhiều gia vị quá nồng hoặc quá ngọt. Y tự hỏi không biết Flamel, đã trở nên bất tử nhờ vào chính mình chứ không phải qua tay một Elder, có phải chịu cùng một tác dụng phụ này không.

Và việc liên tưởng đến Nicholas khiến y tập trung vào Perenelle.

Elder của Dee đã nói khá rõ: “Đừng cố gắng bắt giữ hoặc bỏ tù Perenelle làm gì. Không được chuyện trò, không được mặc cả hoặc cố tranh luận đàm phán với bà ta. Phải giết chết bà ta ngay khi vừa trông thấy. Hãy nhớ Nữ Phù thủy còn nguy hiểm hơn Nhà Giả kim gấp bội.”

Machiavelli đã tự học để trở thành bậc thầy của cả hai loại ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể. Y biết khi nào người ta đang nói dối; y có thể đọc được điều đó được đôi mắt họ; những cử động nhỏ nhất của đôi bàn tay nắm chặt của họ, những ngón tay vắn vẹo và bàn chân gõ nhịp. Cho dù y không thể nhìn thấy họ được, cả mấy cuộc đời lắng nghe các vị hoàng đế, nhà vua, hoàng thân quốc thích, các chính trị gia và bọn trộm cắp đã dạy y rằng thường thường không phải những gì người ta nói ra, mà chính là những gì người ta không nói mới tiết lộ được sự thật.

Các Elder của Dee đã cảnh báo rằng Nữ Phù thủy còn nguy hiểm hơn Nhà Giả kim gấp bội. Họ không chỉ ra chính xác như thế nào... nhưng như thế là họ đã tiết lộ rằng họ sợ bà ta. Mà tại sao? Y băn khoăn tự hỏi. Bà ta là một người bất tử: mạnh mẽ, đúng; nguy hiểm, chắc chắn; nhưng tại sao lại khiến cho các Elder phải e dè sợ hãi?

Nghiêng đầu, Machiavelli nhìn qua khung cửa sổ hình bầu dục. Chiếc 747 đã vượt lên khỏi những đám mây và bay vào bầu trời xanh ngắt trông thật đẹp mắt và y để cho ý nghĩ của mình đi lang thang, hồi tưởng lại những nhà lãnh đạo y đã từng phục vụ và từng thao túng qua các thời kỳ. Không như Dee, hẳn trở nên nổi tiếng là người của Nữ hoàng Elizabeth và là người cố vấn rất công khai, y lại luôn hoạt động phía sau sân khấu nói bóng gió xa gần, gợi ý, để cho những người

khác hưởng công trạng từ những ý tưởng của hẳn. Hành động đó lúc nào cũng tốt hơn - đúng ra là an toàn hơn - thoát khỏi mọi giám sát. Có một câu nói của người Celt mà y đặc biệt ưa thích: Đối với luật pháp, tốt hơn là nên tồn tại mà không ai biết. Y luôn hình dung rằng Perenelle có chút gì giống y, vui vẻ tránh mặt và để chồng bà ta hưởng tất cả công trạng. Mọi người ở châu Âu đều biết đến cái tên Nicholas Flamel. Mà thậm chí ít ai biết có sự tồn tại của Perenelle. Tay người Ý bất giác gật đầu; bà ta là sức mạnh ẩn sau chồng.

Machiavelli đã lưu giữ một hồ sơ về gia đình Flamel trong nhiều thế kỷ. Những ghi chú xưa nhất được ghi trên giấy da với những bức vẽ được tô màu rất đẹp; rồi đến loại giấy dày làm bằng tay với những phác họa vẽ bằng bút mực, và sau đó một chút, là giấy với những hình chụp được tô màu. Những hồ sơ gần đây nhất là những tấm hình và những đoạn băng kỹ thuật số có độ phân giải cao. Y đã cất giữ tất cả những ghi chú từ trước đến nay về Nhà Giả kim và vợ ông ta, nhưng mọi thông tin cũng đã được đưa vào máy chuyên dụng để quét lại và nhập vào cơ sở dữ liệu đã được mã hóa của y. Thông tin về Nicholas ít ỏi đến nản lòng, và một phần rất, rất ít được dành cho Nữ Phù thủy. Quá nhiều điều về bà là ẩn số. Thậm chí còn có ý kiến nêu trong một báo cáo của người Pháp vào thế kỷ thứ mười bốn cho rằng bà ta đã là một bà góa trước khi cưới Nicholas. Và khi Nhà Giả kim mất, trong di chúc của mình, ông đã để lại mọi thứ cho cháu trai của Perenelle, một người đàn ông có tên là Perrier. Machiavelli ngờ rằng - dù y không có chứng cứ gì để củng cố giả thuyết của mình - có thể Perrier là một người con trong cuộc hôn nhân lần thứ nhất của bà. Perrier nhận quyền sở hữu tất cả mọi giấy tờ và của cải của Nhà Giả kim... và biến mất một cách đơn giản khỏi lịch sử. Nhiều thế kỷ sau, có hai người tự cho là con cháu của gia đình Perrier xuất hiện ở Paris, họ liền bị Hồng y Giáo chỉ Richelieu bắt giữ ngay. Đức Hồng y đã buộc phải thả họ khi ông nhận ra rằng họ không biết chút gì về bậc tiền bối nổi tiếng của mình và chẳng sở hữu cuốn sách hoặc văn bản nào của ông ta cả.

Perenelle là một điều bí ẩn.

Machiavelli đã tiêu cả một gia tài để chi trả cho các tay gián điệp, nhân viên thư viện, sử gia, và những nhà nghiên cứu để tra cứu về người phụ nữ bí ẩn này, nhưng những thông tin về bà mà người ta tìm ra được thậm chí lại ít ỏi đến mức đáng ngạc nhiên. Và khi y chiến đấu mặt đối mặt với bà ở Sicily năm 1669, thì y mới khám phá ra rằng bà đã đạt đến một sức mạnh phi thường - hầu như siêu phàm. Nhờ vào hơn một thế kỷ học hỏi, y đã chiến đấu với bà ta bằng cách dùng

một sự kết hợp giữa ma thuật với các câu thần chú trong thuật giả kim từ khắp mọi nơi trên địa cầu. Còn bà đã chống trả tất cả những thứ ấy bằng một màn trình diễn thuật phù thủy khiến y phải hoang mang ngơ ngác. Đến buổi chiều, y đã mệt lử, luồng điện của y đã cạn kiệt đến mức nguy hiểm, nhưng Perenelle trông vẫn tươi tỉnh và đỉnh đạc. Nếu ngọn Mount Etna không phun trào làm trận chiến phải ngưng lại, y tin rằng chắc bà ta phải tiêu diệt y mất, hoặc là làm cho luồng điện của y bốc cháy tự phát và thiêu rụi thân mình y. Chỉ sau đó y mới biết được rằng chính năng lượng cả hai phóng thích ra hẳn đã khiến ngọn núi lửa ấy phun trào.

Niccolò Machiavelli đắp một tấm mền len mềm mại quanh hai vai và nhấn nút để nhẹ nhàng chuyển chỗ ngồi thoải mái của y thành một chiếc giường dài một mét tám. Nằm trở lại, y nhắm mắt và hít thở sâu. Y sẽ xem xét vấn đề về Nữ Phù thủy trong vài giờ tới, nhưng có một điều đã rõ như ban ngày: Perenelle làm cho các Elder Đen tối sợ hãi. Và người ta thường chỉ sợ những ai có thể tiêu diệt được họ. Một ý nghĩ cuối cùng lớn vồn nơi bờ rìa tâm thức y: Perenelle Flamel là ai - hay đúng hơn, là cái gì - vậy cà?

Chiếc taxi rơi vào một cái ổ gà và xóc nảy mạnh khiến hai đứa nhỏ sinh đôi thức dậy. “Xin lỗi,” Palamedes vui vẻ gọi với ra đằng sau.

Cử động một cách cứng nhắc, cánh tay và cổ đau buốt, cả Josh và Sophie hai đứa đều đuổi thẳng người ra. Josh tự động lùa bàn tay vào mái tóc như tổ quạ của cậu, vừa ngáp miệng rộng hoác vừa liếc nhìn cửa sổ, mắt hấp háy dưới ánh mặt trời. “Đây là Stonehenge phải không ạ?” Cậu hỏi, nhìn chăm soi ra cánh đồng cỏ cao điểm lấm tấm những bông hoa dại. Rồi thực tại đập vào mắt và cậu tự trả lời câu hỏi của mình, giọng hốt hoảng. “Đây không phải là Stonehenge.” Xoay vặn người, cậu nhìn qua Nhà Giả kim và hỏi gặng, “Chú đưa tụi cháu đi đâu vậy?”

“Mọi thứ đều trong tầm kiểm soát,” Palamedes từ phía trước nói vọng xuống. “Có các trạm kiểm soát của cảnh sát trên đường chính. Chúng ta chỉ phải theo đường vòng một chút.”

Sophie nhấn vào một cái nút và tấm kính cửa sổ chạy bằng điện rền rền hạ xuống, cuộn mùi cỏ vào xe. Cô bé hắt hơi, và khi xoang mũi đã thông thoáng, cô bé nhận ra rằng mình có thể phân biệt mùi hương của riêng từng bông hoa dại. Nhoài đầu ra cửa sổ, cô bé ngửa mặt về phía mặt trời và bầu trời xanh ngắt không gợn chút mây. Mở mắt ra, cô bé thấy một cánh bướm thuộc họ bướm giáp màu đỏ rực chấp chới bay ngang mặt mình. “Chúng ta đang ở đâu vậy chú?” Cô bé hỏi Nicholas.

“Chú cũng không rõ,” ông điềm tĩnh thừa nhận. “Palamedes biết nơi này. Hình như đâu đó gần Stonehenge thì phải.”

Chiếc xe rung lắc dữ dội, rồi Gilgamesh từ từ bừng tỉnh và quơ vào thức dậy. Nằm trên sàn xe, ông ta ngáp hết cỡ và đuổi căng người, rồi bật ngồi lên và nhìn ra cửa sổ, nheo mắt dưới ánh sáng chói chang. “Lâu rồi tôi chưa ra vùng nông thôn,” ông ta vui vẻ nói. Ông ta nhìn hai đứa nhỏ sinh đôi và cau mày. “Chào.”

“Xin chào,” Josh và Sophie đồng thanh nói.

“Đã có ai nói với hai người là sự giống nhau của hai người đủ để làm thành một cặp sinh đôi chưa?” Ông ta nói tiếp, ngồi xếp bằng trên sàn xe. Ông ta nhấp nháy mắt và cau mày. “Hai người là một cặp song sinh,” ông ta nói thật chậm.

“Hai người là cặp song sinh huyền thoại. Mà tại sao hai người được gọi là cặp song sinh huyền thoại chứ?” Ông ta hỏi đột ngột.

Hai đứa nhỏ nhìn nhau và cùng lắc đầu, bối rối.

Gilgamesh nghiêng đầu nhìn lên Nhà Giả kim và vẻ mặt ông ta chua chát. “Ông thì tôi biết. Ông thì tôi sẽ không bao giờ quên được.” Ông ta quay trở lại hai cặp sinh đôi. “Ông ấy đã cố giết tôi bằng được, hai người biết chuyện đó chưa?” Ông ta cau mày. “Nhưng hai người biết chuyện đó mà, lúc ấy hai người đang có mặt ở đó mà.”

Hai đứa nhỏ lắc đầu. “Chúng tôi đâu có ở đó ạ,” Sophie nói nhẹ nhàng.

“Không có ở đó hả?” Nhà vua rách rưới ngồi trở lại xuống sàn xe và lấy hai tay ôm đầu, ép thật chặt. “À, nhưng hai người phải tha thứ cho một lão già. Tôi đã sống lâu... lâu lắm rồi, quá lâu, rất lâu, và tôi nhớ quá nhiều thứ, mà thậm chí những thứ tôi quên còn nhiều hơn những gì tôi nhớ được. Tôi có những ký ức cùng những giấc mơ mà chúng cứ lẫn lộn và quện chặt vào nhau. Quá nhiều những tư tưởng xoay lòng vòng trong đầu tôi.” Ông ta co rúm người, hầu như thể đang trải qua một cơn đau đốn dữ dội, và khi nói, giọng ông không có gì ngoài một nỗi buồn mất mát. “Đôi khi thật khó để thuật lại chúng một cách tách bạch, thật khó để biết những gì là sự thật và những gì chỉ là do tôi tưởng tượng ra.” Ông ta cho tay vào tầng tầng lớp lớp những chiếc áo khoác và kéo ra một xấp giấy kết vào nhau bằng dây nhợ. “Tôi cứ viết hết ra,” ông ta nói nhanh. “Đó là cách để tôi nhớ.” Ông ta lấy ngón tay cái lật giở qua mấy trang giấy. Có những mảnh lấy từ mấy cuốn sổ tay, những trang bìa xé ra từ sách, những miếng báo hàng ngày, thực đơn và khăn trải bàn của nhà hàng, giấy da dê dày cộp, thậm chí những mảnh da thuộc cùng những miếng đồng nát mỏng dính và cả vỏ cây nữa. Tất cả đều được cắt hoặc xé răng cưa lổn nhổn cho có cùng một kích thước và đặc nghệt những chữ nguệch ngoạc rất nhỏ. Ông ta lần lượt nhìn sát vào từng đứa nhỏ. “Một ngày nào đó tôi sẽ viết về hai người, để tôi sẽ luôn nhớ đến hai người.” Ông ta nhìn Flamel trừng trừng. “Và tôi cũng sẽ viết về ông, Nhà Giả kim ơi, để tôi không bao giờ quên ông.”

Thình lình Sophie nhấp nháy và hình ảnh trước mắt cô bé vỡ tan thành những giọt lệ đọng trong đôi mắt. Hai giọt bạc tròn vo lăn xuống má.

Nhà vua từ từ quỳ xuống trước cô bé và rồi, dịu dàng cẩn thận, giơ ngón trỏ quệt vào chất lỏng bạc ấy. Hai giọt nước mắt vắn vẹo và cong gò lên như thủy ngân trên móng tay ông ta. Tập trung mãnh liệt, ông ta chà hai giọt nước mắt giữa

ngón trỏ và ngón cái. Khi ông ngược nhìn lên, trong đôi mắt ông ta không còn chút dấu hiệu nào của sự bối rối, không còn chút nghi ngờ vẩn vương trên nét mặt. “Cô có biết bao lâu rồi kể từ khi có ai đó từng rơi một giọt lệ khóc cho Vua Gilgamesh không?” Giọng ông ta mạnh mẽ và uy nghi, và thoáng một chút trọng âm khi ông ta nói ra tên và tước vị của mình. “Ồ, nhưng đó là thời trước lặn kìa, thời trước cả thời gian, thời trước cả lịch sử.” Giọt bạc đọng lại trong lòng bàn tay ông ta và ông ta khép bàn tay lại như một nắm đấm, giữ những giọt nước mắt lại. “Hồi ấy, có một cô gái đã nhỏ những giọt lệ bằng bạc, người ấy đã khóc cho một vị hoàng tử của cả vùng, người ấy đã khóc cho ta, và cho thế giới mà cô ấy sắp phá hủy.” Ông ta ngược nhìn Sophie, đôi mắt màu xanh lơ mở to và không hề chớp. “Cô gái, tại sao cô khóc cho ta?”

Nghẹn ngào không nói được, Sophie lắc đầu. Josh vòng cánh tay ôm lấy cô chị gái mình.

“Nói tôi nghe xem nào,” Gilgamesh năn nỉ.

Cô bé nuốt nước bọt một cách khó khăn và lại lắc đầu.

“Làm ơn đi được không? Tôi muốn biết mà.”

Sophie hít sâu và rùng mình, khi nói, giọng cô bé chỉ vừa vắn là một tiếng thì thầm. “Tôi mang ký ức của Bà Phù thủy Endor trong người. Tôi phải dùng hết thời gian của tôi cố gắng xua tan các ý tưởng đó và phớt lờ chúng đi... nhưng ông đang ở đây, ráng nhớ lại cuộc đời của chính ông, viết ra suy nghĩ của ông để đừng quên. Tôi chợt nhận ra không biết mọi chuyện sẽ như thế nào nếu mình không biết, không nhớ.”

“Đúng vậy,” Gilgamesh tán thành. “Con người chúng ta những không gì hơn là tổng hợp những ký ức của chính mình.” Nhà vua ngồi lên dựa trở lại vào cánh cửa, hai cẳng chân duỗi thẳng ra trước mặt. Ông nhìn mớ giấy để trong lòng mình, rồi rút ra một đút viết chì và bắt đầu cầm cúi viết.

Nhà Giả kim chồm người tới trước, và trong chốc lát, như thể ông ta sắp sửa đặt bàn tay mình lên vai nhà vua. Nhưng rồi ông rút tay về và dịu dàng hỏi, “Bây giờ ông đang muốn ghi nhớ chuyện gì vậy, Gilgamesh?”

Nhà vua đè ngón trỏ vào trang giấy, xoa giọt nước mắt bạc vào đó. “Ghi nhớ cái ngày có một người quan tâm đến tôi đủ để có thể nhỏ cho tôi một giọt lệ.”

“Cuối đường rồi.” Palamedes đạp thắng và chiếc taxi trượt bánh xe dừng lại ngay trước nhà kho. Một đám mây bụi từ mặt đất khô rang bay tung lên, cuộn vòng quanh mấy cánh cửa sổ. Gilgamesh lập tức đẩy mở cửa xe và bước ra bầu khí buổi sáng yên tĩnh, quay mặt về phía mặt trời và giang rộng cánh tay. Cặp song sinh theo sau ông ta, hai đứa móc từ trong túi ra cặp kính mát rẻ tiền mà Nhà Giả kim đã mua cho.

Flamel là người cuối cùng ra khỏi xe, ông quay người nhìn sang chàng hiệp sĩ, lúc này vẫn chưa tắt máy hay xuống xe gì cả. “Anh không định ở lại à?”

“Tôi sẽ vào ngôi làng gần đây nhất,” Palamedes nói. “Chọn mua ít thức ăn, nước uống và dò la xem có thể phát hiện chuyện gì đang xảy ra không.” Hiệp sĩ Saracen thả ánh mắt trôi về phía nhà vua và hạ giọng. “Cẩn thận nghe. Ông biết ông ấy có thể trở tay nhanh thế nào rồi đó.”

Nhà Giả kim xoay chiếc gương bên hông xe một chút, là lệch một góc để có thể trông thấy Gilgamesh và hai đứa sinh đôi đang khảo sát nhà kho. Căn nhà nằm giữa một cánh đồng cỏ. Những bức tường cũ kỹ và bị cỏ che lấp kín mít được làm bằng những thanh gỗ đen nhánh lắp sát vào nhau rồi lấy bùn đắp lên. Những cánh cửa được làm trong thời gian gần đây hơn, và ông đoán có lẽ chúng mới được lắp vào đâu đó trong thế kỷ mười chín. Bây giờ cả hai đều xiên lệch, cánh cửa bên phải chỉ còn dính vào một cái bản lề bằng da thuộc. Chân của cả hai cánh cửa đều mục nát thành từng mảng lởm chởm do thời tiết và do mấy con thú gặm cào.

“Thằng nhỏ sẽ vào trong trước hết cho mà xem,” Palamedes vừa nói, vừa nhìn qua vai Nhà Giả kim.

Flamel im lặng gật đầu.

“Ông cũng cần phải cẩn thận với nó,” Palamedes khuyên. “Phải tách nó ra khỏi thanh kiếm kia đi.”

Nicholas điều chỉnh tấm gương một chút nữa. Ông trông thấy Josh rút phẳng thanh Clarent ra khỏi ống giấy dùng để đựng bản đồ và lòn người bước vào căn nhà, một chút sau đó thì người chị sinh đôi của cậu bước theo và rồi đến nhà vua. “Thằng bé cần có một món vũ khí,” Nhà Giả kim nói, “nó cần có cái gì đó để tự bảo vệ mình.”

“Thật đáng xấu hổ khi lại dùng chính thứ vũ khí đó. Có nhiều thanh kiếm khác mà. Chúng không quá nguy hiểm như vậy, không quá khao khát như cái thứ đó.”

“Tôi sẽ lấy lại thanh kiếm khi thằng bé học được một phép thuật cơ bản,” Flamel nói.

Palamedes cắn nhai. “Ông cứ thử. Tôi không biết ông có làm được không.” Anh ta sang số. “Tốt nhất là tôi đi cái đã. Tôi sẽ trở về ngay.”

“Ở đây an toàn không?” Flamel vừa hỏi chàng hiệp sĩ, vừa nhìn quanh khắp lượt. Cánh đồng được bao bọc ởi những cây sồi lâu năm thân cong vòng vèo; không có dấu hiệu nào cho thấy có nhà cửa gần đó hay đường dây điện nào.

“Không có gì hết á,” Palamedes nói kèm theo một nụ cười rộng hoác. “Shakespeare là chủ đất, và mọi thứ chung quanh đều cách đây nhiều dặm. Ông ấy có tài sản trên khắp nước Anh.” Chàng hiệp sĩ gõ nhẹ vào bộ phận định vị qua vệ tinh được gắn vào tấm kính chắn gió nứt nẻ nhiều đường. “Chúng tôi đã nhờ người nhập tất cả vào đây này; đó là cách tôi có thể mang lại cho ông sự an toàn.”

Nicholas lắc đầu. “Tôi không bao giờ hình dung Will là một nhà đầu tư bất động sản, nhưng đồng thời tôi cũng không bao giờ tưởng tượng nổi ông ấy là một thợ cơ khí xe hơi.”

Chàng hiệp sĩ gật đầu. “Ông ấy - và vẫn là - một nghệ sĩ. Ông ấy đóng nhiều vai. Tôi biết ông ấy bắt đầu mua bất động sản hồi thế kỷ mười sáu, từ khi ông ấy còn đang viết lặn kìa. Lúc nào ông ấy cũng nói rằng mình kiếm được nhiều tiền từ bất động sản hơn là từ những vở kịch. Nhưng ông không muốn tin một nửa những gì ông ấy nói đâu; ông ấy có thể là một tay nói dối khủng khiếp.” Palamedes thả lỏng tay gas và quay bánh lái, chiếc taxi to tướng màu đen cuộn thành một nửa vòng tròn, Flamel đi dọc theo cánh cửa sổ để mở. “Từ ngoài đường không thể trông thấy căn nhà này được, và tôi sẽ khóa cổng ngay sau khi ra khỏi.” Chàng hiệp sĩ liếc xéo sang Flamel, rồi hất mạnh cầm về phía nhà kho hư nát. “Lần gần đây nhất khi gặp nhà vua, có thật là ông cố giết ông ta không vậy?”

Nicholas lắc đầu. “Mặc cho anh nghĩ về tôi thế nào, Ngài Hiệp sĩ, nhưng tôi không phải là tên giết người. Vào năm 1945, tôi và Perenelle đang làm việc ở Alamogordo, New Mexico. Rõ ràng, đó là công việc hoàn hảo đối với một nhà giả kim. Mặc dù công việc của chúng tôi được xếp vào loại bí mật hàng đầu,

nhưng Gilgamesh bằng cách nào không biết đã phát hiện ra chúng tôi đang lên kế hoạch gì.”

“Mà ông bà đang lên kế hoạch gì mới được chứ?” Palamedes hỏi, có vẻ bối rối.

“Làm nổ quả bom nguyên tử đầu tiên. Gilgamesh muốn đứng bên dưới khi quả bom nổ. Ông ta cho rằng đó là cách duy nhất khiến ông ta có thể chết thật.”

Khuôn mặt đầy đặn của Hiệp sĩ Saracen nhăn lại có vẻ thông cảm. “Chuyện gì đã xảy ra với ông ta?” Anh ta hỏi khẽ khàng.

“Perenelle nhờ người nhốt ông ta trong viện tâm thần để bảo vệ ông ta. Ông ta ở đó mười năm cho tới khi chúng tôi nghĩ rằng có lẽ đã đủ an toàn để thả ông ta ra được rồi.”

Palamedes lẩm bẩm. “Chẳng trách sao ông ta ghét hai ông bà thế,” anh ta nói. Và Nhà Giả kim chưa kịp trả lời gì, anh ta đã quay động cơ và lái xe đi mất, để lại một đám bụi mù.

“Quả thật là chẳng trách,” Nicholas lẩm bẩm. Ông đợi đến khi lớp bụi lắng xuống rồi mới quay người hướng về phía căn nhà. Ông hy vọng Gilgamesh không nhớ mọi thứ - đặc biệt là đoạn ông ấy bị nhốt - cho tới sau khi ông ấy dạy cho bọn trẻ pháp thuật cơ bản thứ ba xong xuôi đâu vào đấy. Một ý nghĩ chợt ập đến khi ông lòn người qua ô cửa của căn nhà: giả dụ trong tình trạng tâm trí ông ta khi nhớ khi quên thế này, thậm chí không biết nhà vua có nhớ được Pháp thuật Nước cổ xưa không đây nữa?

Josh thận trọng tỉ mỉ xem xét nhà kho, thanh Clarent nằm êm ru và nhín khe trong bàn tay cậu, những tinh thể thạch anh nhỏ xíu trong lưỡi kiếm đá mờ đục và bất động. Cậu nhón chân nhích lần từng bước tiến tới, chợt phát hiện ra mình có khả năng ý thức sâu sắc thế nào về môi trường xung quanh. Dù biết trước nay mình chưa hề đến đây bao giờ, vì thế không thể có một cái nhìn thoáng qua về những sắp xếp bên trong nhà kho, nhưng cậu cũng hoàn toàn biết chắc rằng cậu có thể nhắm mắt và vẫn định vị được không gian.

Nhà kho ẩm áp và ngột ngạt, nồng nặc mùi cỏ khô lâu năm và cỏ héo, có tiếng kêu sột soạt trong mấy góc nhà do những sinh vật gì đó không nhìn thấy được, những con bồ câu kêu gù gù trên những thanh rui mè bên dưới nóc nhà và Josh có thể nghe rõ ràng tiếng vo ve từ một cái tổ ong bắp cày thật lớn xây sát trong góc cao. Các máy móc nông cụ được cất ở đây và bị bỏ không; Josh nghĩ cậu nhận ra được một cái cày kiểu cũ, và đồng lù bù còn lại của một chiếc máy kéo, mấy cái vỏ xe nổi u nần của nó mục nát thành những dải đen thui. Miếng kim loại nào cũng bị phủ những lớp gỉ sét màu nâu đỏ dày cộp. Những sọt gỗ và mấy cái thùng rỗng nằm rải rác khắp nơi, và một cái bàn thợ xù xì - không gì hơn là hai miếng ván đặt nằm trên những khối bê tông - được dựng sát tường. Hai tấm ván bị cong oằn và quần tón lên ở cả hai đầu. Một cái khung xe đạp màu đen nhét dưới cái bàn thợ ấy, hầu như không còn thấy được gì đằng sau mớ cỏ và cây tầm ma phủ dày đặc.

“Nơi này đã không được dùng đến trong nhiều năm rồi,” Josh nói. Cậu đang đứng ngay giữa nhà kho, vừa nói vừa quay tròn một vòng. Cậu chuôi thanh Clarent xuống sàn nhà dơ bẩn lên giữa hai bàn chân mình và khoanh tay ngang ngực. “Thật an toàn.”

Gilgamesh tha thẩn khắp nơi, từ từ lột bỏ bớt từng lớp áo ra, thả tất cả xuống nền đằng sau ông ta. Bên dưới gần ấy lớp áo khoác và những lớp lông cừu, ông ta mặc một bộ đồ có lẽ là những gì còn sót lại của một bộ trang phục lịch sự sang trọng khi xưa. Chiếc áo khoác kẻ sọc bóng lưỡng vì mòn, và chiếc quần cùng bộ với đầu gối mỏng dính và đũng quần bóng láng. Nhà vua mặc một chiếc áo sơ-mi bẩn thỉu không có cổ bên dưới chiếc áo khoác ấy. Phần còn lại của một chiếc

khăn quàng cổ đan bằng len rách tả tơi quấn quanh cổ ông ta. “Tôi thích những nơi thế này,” ông tuyên bố.

“Tôi cũng thích những nơi cũ kỹ,” Josh nói, “nhưng có cái gì ở nơi thế này để mà thích ạ?”

Nhà vua dang rộng cánh tay. “Cậu nhìn thấy gì nào?”

Josh nhăn mặt. “Một mớ đồ tạp nhạp. Máy kéo gỉ sét, cái cày gãy, xe đạp cũ mèm.”

“À... nhưng tôi lại nhìn thấy một cái máy kéo có lần dùng để cày bừa cả cánh đồng này. Tôi nhìn thấy cái cày mà nó từng kéo đi. Tôi nhìn thấy một chiếc xe đạp được cẩn thận đặt vào một nơi an toàn bên dưới một cái bàn.”

Josh lại chậm chậm quay người, nhìn mọi thứ một lần nữa.

“Tôi nhìn thấy những thứ này và thắc mắc về cuộc sống của người đã cất giữ chiếc máy kéo và cái cày quý giá cẩn thận đến thế trong nhà kho này để tránh tác động của thời tiết, và đã đặt chiếc xe đạp của họ dưới một cái bàn tự làm ở nhà.”

“Tại sao ông lại thắc mắc ạ?” Josh hỏi. “Tại sao điều đó lại đến nỗi quan trọng như vậy?”

“Bởi vì có ai đó phải nhớ chứ,” Gilgamesh gắt lên, đột nhiên phát cáu. “Phải có ai đó nhớ đến người đã cỡi chiếc xe đạp này và đã lái chiếc máy kéo kia, người đã trồng trọt trên cánh đồng, người đã được sinh ra, rồi đã sống và đã chết, người đã yêu thương, đã cười và đã khóc, người đã rùng mình vì lạnh và đã đổ mồ hôi dưới nắng mặt trời.” Ông ta lại đi tới đi lui quanh nhà kho, sờ mó từng vật một, cho tới khi lòng bàn tay ông đỏ lôm toàn gỉ sét. “Chỉ khi không còn ai nhớ tới thì đó mới là khi bạn thật sự không còn. Đó mới là cái chết thật sự.”

“Vậy thì ông sẽ luôn được người ta nhớ đến, Gilgamesh,” Sophie êm ả nói. Cô bé đang ngồi trên một cái thùng lật ngược lại, chăm chú quan sát nhà vua một cách kỹ lưỡng. “Thiên Anh Hùng Ca về Gilgamesh ngày nay vẫn còn được in ra để bán cơ mà.”

Nhà vua dừng lại, đầu nghiêng sang một bên, cân nhắc. “Cứ giả sử đó là sự thật.” Ông cười toe và lau hai bàn tay vào quần mình, để lại những vệt đỏ lôm trên nền vải đã phai màu. “Tôi đã đọc cuốn sách đó một lần. Không thích chút nào. Chỉ có một số là sự thật, và họ bỏ qua mất nhiều phần hay.”

Nhà vua đẩy cánh cửa đóng sập lại, không cho ánh mặt trời chiếu vào. “Hai người có thể viết phiên bản của riêng mình,” ông ta đề nghị. “Kể ra câu chuyện của hai người, những câu chuyện có thật.”

Nhà vua phá ra cười, âm thanh trầm trầm rền vang khiến mấy con bồ câu vỗ cánh phần phật từ trên những thanh rui mè. “Mà ai sẽ tin tôi hử, Nhà Giả kim? Nếu tôi định viết chỉ một nửa những gì tôi biết thôi, tôi sẽ bị nhốt...” Giọng ông ta kéo dài ra và đôi mắt tối sầm.

Nicholas nhanh chóng bước tới và cúi chào thật sâu, một cử chỉ lịch sự nhã nhặn thời xưa. Ông biết ông phải kiểm soát tình hình trước khi Gilgamesh be nhỡ lại quá nhiều. “Tâu bệ hạ, ngài sẽ giữ lời hứa và dạy cho cặp song sinh Ma thuật Nước phải không thưa ngài?”

Vẫn trừng trừng nhìn vào Flamel, nhà vua chậm chậm gật đầu. “Ta sẽ làm chuyện đó.”

Flamel đứng thẳng trở lại, nhưng khi đó cặp sinh đôi đã kịp thấy vẻ đắc thắng trên khuôn mặt hẹp của ông. “Sophie đã được huấn luyện Không khí và Lửa. Josh thì chưa có gì cả, vì thế thằng bé không biết điều gì chờ đợi mình,” ông thông báo.

Josh bước tới. “Xin cứ bảo tôi phải làm gì,” cậu nói với vẻ tha thiết, đôi mắt sáng lên đầy vẻ phấn khích. Cậu cười toe với cô chị sinh đôi. “Một lần nữa chúng tôi sẽ bắt đầu trở thành một cặp song sinh thật,” cậu tuyên bố.

Sophie mỉm cười. “Đây không phải là một cuộc độ sức đâu ạ.”

“Có thể đối với cô thì không!”

Gilgamesh chọn một cái thùng và đặt nó xuống đất cạnh Sophie. “Đến ngồi kế bên chị cậu đi.”

“Ông muốn tôi giúp gì không?” Flamel hỏi, tựa lưng vào cánh cửa, hai bàn tay đút vào túi sau của chiếc quần jeans.

“Đừng nói gì cả và đừng làm gì cả ngoại trừ việc tránh đường cho tôi,” Gilgamesh gắt. Ông ta xem xét Nhà Giả kim, đôi mắt màu xanh lơ của ông ta lóe sáng. “Và khi xong chuyện này, tôi và ông sẽ có một cuộc nói chuyện nho nhỏ... về thập kỷ mà tôi bị tổng giam. Chúng ta đã đến lúc phải tính sổ rồi.”

Nicholas Flamel gật đầu, gương mặt không hề gợn lên chút cảm xúc gì. “Quá trình này,” ông nói, “sẽ kích hoạt luồng điện của cặp song sinh chứ?”

Nhà vua nghiêng đầu suy nghĩ. “Có thể. Mà tại sao lại hỏi vậy?”

“Luồng điện của bọn trẻ sẽ có vai trò như một thứ đèn hiệu. Ai biết chúng sẽ thu hút cái gì đến chứ.”

Gilgamesh gật đầu. “Để tôi xem mình có thể làm gì. Có nhiều cách để dạy mà.” Nhà vua thả người bệt xuống đất ngồi xếp bằng ngay trước mặt hai đứa nhỏ

sinh đôi và chà xát hai bàn tay vào nhau thật mạnh. “Bây giờ, chúng ta bắt đầu từ đâu đây?” Ông ta nói.

Đột nhiên Josh nhận ra rằng hai đứa đang giao phó bản thân cho một người lang thang điên khùng đôi khi lú lẫn quên cả tên mình. Làm sao người đàn ông này có thể nhớ một pháp thuật lâu đời được chứ? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu đang lúc giữa chừng ông ta quên mất quá trình này đi? “Trước nay ông đã làm thế này bao giờ chưa ạ?” Cậu hỏi, nỗi lo lắng tăng dần.

Nhà vua giơ tay nắm lấy bàn tay phải của Sophie và bàn tay trái của Josh và nhìn hai đứa một cách nghiêm túc. “Chỉ mới một lần. Và có kết cuộc không tốt lắm.”

“Đã xảy ra chuyện gì ạ?” Josh cố rút bàn tay ra khỏi tay người bắt tử, nhưng Gilgamesh nắm rịt thật chặt, da thịt ông khô queo nhám nhit như một miếng vỏ cây.

“Anh ta đã làm cả thế giới này lộn lộn. Bây giờ, nhắm mắt lại đi,” nhà vua ra lệnh.

Sophie nhắm tịt mắt lại ngay, nhưng Josh vẫn mở. Cậu nhìn chăm chăm vào nhà vua. Người đàn ông này quay đầu nhìn cậu, và thỉnh thoảng đôi mắt sáng màu xanh lơ không hề chớp kia dường như hóa ra thật khổng lồ trong đầu cậu và Josh cảm thấy một cơn chóng mặt xoắn vặn đến buồn nôn. Cậu cảm thấy như thể cậu đang rơi về phía trước... rơi xuống... rồi ngay tức thì lại bay vút lên. Cậu nhắm nghiền mắt lại cố ngăn cảm giác buồn nôn, nhưng cậu vẫn có thể thấy đôi mắt màu xanh lơ khổng lồ của nhà vua cháy bừng trong vòng vờn mạc mình, ngày càng lớn ra, lớn ra. Những sợi chỉ màu trắng bắt đầu uốn éo và cuộn quanh đôi mắt. Gọi cho cậu nhớ về... về... về... tầng tầng lớp lớp những đám mây.

Giọng Gilgamesh trầm vang. “Bây giờ, hãy nghĩ đến...”

“Nước.”

Josh mở bừng mắt.

Một hành tinh khổng lồ màu xanh lơ bay lơ lửng trong không gian mênh mông. Những đám mây trắng xoáy tít trên bề mặt hành tinh ấy; nước đá lấp lánh trong những cái lỗ cũng trên bề mặt ấy

Và rồi cậu nhìn thấy mình đang rơi xuống, đang lao mình về phía hành tinh này, bổ nhào vào mặt biển khơi nhuộm màu xanh lơ tươi sáng. Mạnh mẽ và uy nghi, giọng Gilgamesh trầm vang và âm ỉ chung quanh cậu, nâng lên hạ xuống như những con sóng trong lòng đại dương.

“Người ta nói rằng Pháp thuật Không khí hoặc Lửa hoặc ngay cả Đất là ma thuật mạnh mẽ nhất trong hết thảy. Nhưng tất cả đều sai. Pháp thuật Nước vượt trội hơn tất cả những thứ khác, vì nước vừa trao ban sự sống lại vừa mang đến sự chết.”

Nín lặng, không thể nào nhúc nhích, thậm chí là quay đầu cũng không, Josh rơi qua những đám mây và chăm chú nhìn trong lúc thế giới này nở rộng ra, những vùng đất rộng bao la xuất hiện, dù cậu không nhận được đó là chỗ nào. Cậu lao tới một đốm đỏ rực ở chân trời, những đám mây đen và dày đặc phía trên, cậu bay cao qua những vùng biển xanh màu cỏ đang nổi sóng.

Những ngọn núi lửa. Hơn cả chục ngọn núi trải dài dọc theo đường bờ biển gồ ghề lởm chởm, những con quái vật phun lửa và đá tan chảy vào bầu khí quyển. Các vùng biển gầm thét và tung bọt chung quanh bờ đá nóng đỏ hừng hực.

“Nước có thể dập tắt lửa. Thậm chí cả dung nham nóng chảy từ lòng hành tinh cũng không thể chống chọi nổi.”

Khi lớp dung nham đánh vào vùng nước biển đang nện thui âm ỉ, nó ngụp đi thành một cú nổ dày đặc khói. Cảnh tượng hơi nước đen kịt của lớp magma đông cứng lại hiện ra trong những đợt sóng.

Josh đang bay liệng một lần nữa, chỉ nghe được âm thanh duy nhất giọng thành thịch như nhịp tim đập trong giọng nói của nhà vua, mạnh mẽ song rất dịu dàng, như tiếng đập của sóng ru vỗ nhịp nhàng vào bờ biển xa xăm. Cậu con trai nhô cao khỏi vòng lửa, hướng sang phía đông, bay về phía mặt trời mọc. Những

đám mây tụ tập bên dưới cậu; những búi mây nhường bước cho mấy quả banh mịn như lông tơ càng lúc càng dày lên từng cụm và rồi bung nở ra thành một dải rộng những đám mây bão trộn khuấy đục ngầu.

“Không có nước, không có sự sống...”

Josh ngã xuyên qua những đám mây. Ánh chớp lóe lên trong im lặng quanh người cậu, cạ cơn mưa cuộn cuộn như thác dội trút ầm ào xuống những cánh rừng nguyên thủy xanh ngát tươi tốt sum suê, ở đó phủ kín mặt đất là những thân cây cao vời vợi và những cây dương xỉ to lớn không thể tưởng.

Cảnh quang lại thay đổi nữa, những hình ảnh đang đưa lung linh càng lúc càng nhanh hơn. Cậu bay vút qua bên kia vùng hoang mạc khô cằn quanh quẽ nơi những đụn cát nhấp nhô khắp mọi hướng. Một đốm màu sắc đơn độc kéo cậu xuống, xuống, xuống về phía một ốc đảo, đám cây xanh mơn mớn đầy sức sống tụ tập quanh một ao nước lấp la lấp lánh.

“Loài những có thể sống sót với rất ít thực phẩm nhưng không thể sống nổi nếu không có nước.”

Josh nhô lên và rơi xuống một dòng sông hùng vĩ cắt xuyên ngang những ngọn đồi cao lởm chởm. Rải rác lấm tấm dọc theo bờ sông uốn lượn là những khu nhà ở bé xíu, được thắp sáng bằng những ngọn lửa lập lòe nổi rõ trong bóng tối âm u. Phóng đi thật thấp dọc theo chiều dài con sông, cậu ý thức rằng thời gian đang lao đi vùn vụt. Nhiều thập kỷ, rồi thế kỷ, trôi qua tương đương với từng tích tắc một. Giông bão quét sang tận bên kia những dãy núi, mưa gió làm chúng mòn đi, khiến chúng mềm ra, làm chúng tiêu hao. Những túp lều bằng rơm giờ thay đổi thành những căn nhà bằng đất, bằng gỗ, bằng đá; rồi xuất hiện những ngôi nhà bằng nhiều lớp đá chồng lên nhau, một bức tường vây phủ quanh tất cả; một lâu đài hiện ra và tan thành mây khói, thay thế bằng một ngôi làng lớn hơn, rồi một thị trấn tầm thường làm bằng gỗ và đá; rồi một thành phố mọc lên, đá cẩm thạch bóng loáng và những cánh cửa sổ bằng kính chớp nháy dưới ánh sáng và cuối cùng mới biến đổi thành một thủ phủ hết như ngày nay với những lớp kính và kim loại.

“Loài người luôn luôn xây dựng thành phố của mình trên các bờ sông và ven biển.”

Dòng sông mở ra thành đại dương bao la mênh mông. Mặt trời quét những vệt sáng khắp bầu trời, chuyển động hầu như quá nhanh không thể nhìn thấy được khi thời gian vùn vụt lao đi.

“Nước là mạch giao thông chính của họ.”

Những con thuyền xuôi trên mặt nước, thoát tiên là những chiếc xuồng, rồi đến thuyền có mái chèo, rồi tàu thủy với những cánh buồm căng phồng trong gió lộng, và cuối cùng là những tàu biển chở khách rộn thênh thang và những con tàu chở dầu cực lớn.

“... là nguồn cung ứng thực phẩm cho họ...”

Một đội tàu nhỏ gồm những chiếc tàu đánh cá kéo những mẻ lưới khổng lồ lên khỏi đại dương.

“... và cũng là ngày phán quyết cuối cùng của họ.”

Đại dương, to lớn và dậy sóng, màu sắc thâm tím lại, đập liên hồi vào những ngôi làng ven biển bị cô lập. Nước biển tràn ngập vào những con thuyền, cuốn phăng đi những cây cầu, để lại sự tàn phá theo sát sau mỗi vết chân.

“Không gì chống chọi nổi với sức mạnh của nước...”

Một bức tường nước menh mông cuộn xuống một con đường trong thành phố hiện đại, tràn ngập vào nhà cửa, cuốn phăng những chiếc xe hơi.

Đột nhiên, Josh bay thẳng lên, trái đất rơi tuột bên dưới cậu và giọng nói nhà vua nhạt nhòa thành một lời thì thào, như tiếng rầm rì của cơn sóng vỗ vào bãi cát.

“Chính nước mang sự sống đến trái đất. Mà cũng chính nước suýt nữa đã phá hủy trái đất.”

Josh nhìn xuống hành tinh màu xanh lơ ấy. Đây mới là thế giới mà cậu nhận thức được. Cậu trông thấy hình dạng của những lục địa và quốc gia, đường cong của Bắc và Nam châu Mỹ, đường uốn éo của châu Phi. Nhưng rồi bất chợt cậu nhận ra có điều gì đó không ổn nơi những nét phác thảo của mặt đất. Chúng không giống như những gì cậu đã nhớ được từ lớp học địa lý của mình. Có vẻ như chúng rộng hơn, ranh giới phân định kém rõ ràng hơn. Vịnh Mexico trông có vẻ nhỉnh hơn, Vịnh California hoàn toàn biến mất và vùng Caribbean rõ ràng là bé xiu. Cậu không thể nhìn thấy hình dáng dễ nhận ra của nước Ý trong vùng Địa Trung Hải, và quần đảo Ireland cùng với Vương quốc Anh chỉ còn là một mớ chẳng ra hình thù gì.

Và trong lúc cậu đang chăm chú quan sát, màu xanh lơ của biển bắt đầu thẩm lan lên mặt đất, dìm mặt đất xuống và lênh láng chảy tràn khắp...

Cậu rơi xuống nước, lọt thỏm vào giữa khoảng xanh lơ kia.

Rồi Gilgamesh chớp mắt và quay nhìn chỗ khác.

Còn cả hai đứa nhỏ song sinh thì chột choàng tỉnh.

Francis, hay còn gọi là Comte de Saint-Germain, xoay người trong chiếc ghế của tài xế để ngoái lui nhìn Scathach. “Mà cô không nhìn thấy được thật hả?”

Scathach chồm người tới trước chen giữa Saint-Germain và Joan, đang ngồi nơi ghế dành cho hành khách, và cô chăm chăm nhìn vào tấm kính chắn gió. Ngay trước mặt cô là mặt chính đã bị hư hại của đại Vương cung thánh đường Notre Dame. Những cái miệng máng xối hình thú hay mặt người mình thú và những bức tượng kỳ dị pha trộn giữa thực tế với tưởng tượng từng trang trí mặt tiền của công trình xây dựng cổ xưa này giờ đây nằm chình ình trên sân trước của nhà thờ thành một đồng gạch đá vụn chỉ đáng bỏ đi. Những nhóm người đến từ các học viện trên khắp nước Pháp, vây quanh bởi các tình nguyện viên và các sinh viên, đang đi loanh quanh trước ngôi thánh đường, cố ráp những mảnh vụn của đá trở lại với nhau. Tất cả những miếng đá hơi lớn đều có những mảnh dán nho nhỏ ghi số trên đó.

“Chúng ta đang kiếm cái gì vậy?” Cô ta hỏi.

Saint-Germain tựa cả hai tay trên vô-lăng của chiếc Renault đen và hất chiếc cầm nhọn chỉ về phía trung tâm của quảng trường trải đá. “Có thật các cô không nhìn thấy cột ánh sáng màu vàng kim mờ mờ kia chẳng?”

Scathach nheo theo đôi mắt xanh màu cỏ của mình, quay đầu từ bên này qua bên kia, tìm kiếm, rồi cuối cùng nói, “Không.”

Bá tước nhìn vợ mình.

“Không,” Joan Arc nói.

“Đằng kia kìa,” Saint-Germain nằng nặc.

“Tôi không nghi ngờ gì về chuyện đó,” Scathach nói liền. “Có điều là tôi không thấy được thôi.”

“Nhưng tôi thấy được,” Saint-Germain trầm ngâm nói lớn. “Bây giờ, đó là một điều bí ẩn,” ông ta nói với vẻ hài lòng. “Tôi cứ cho rằng mọi người đều có thể nhìn thấy nó chứ.”

Joan giơ tay ra, những ngón tay cứng như sắt nắm chặt cánh tay chồng và siết mạnh để bảo ông ta im lặng. “Anh có thể giải đáp sau đi. Ngay bây giờ mình cần phải đi mà.”

“Ồ, nhất định rồi.” Bá tước phủi mái tóc đen dài ra khỏi trán và rồi chỉ tay ra giữa quảng trường. “Hai đường tuyến kết nối Bồ Tây của Mỹ với Paris. Cả hai đều cổ xưa không thể tưởng, và một cái - quả đúng là cái này - đi vòng quanh quả địa cầu, kết nối tất cả những nơi nguyên sơ đây năng lượng vào với nhau.” Ông ta nghiêng tấm kính chiếu hậu để nhìn Scathach. “Khi cô, Nicholas và cặp song sinh đến, các người đã đi trong đường tuyến kết thúc tại nhà thờ xây sâu với hai dãy cột Sacré-Coeur ở vùng Montmartre. Về mặt lý thuyết, đường tuyến này không hoạt động, nhưng rõ ràng Bà Phù thủy Endor đã có đủ năng lượng để kích hoạt nó.”

“Francis,” Joan la lên, “chúng ta không có thì giờ cho một bài học lịch sử đâu.”

“Vâng, vâng, vâng. Đúng vậy, còn một đường khác, một đường tuyến mạnh mẽ hơn nhiều thì lại ở đây, ngay tại Điểm Zero bên ngoài Notre Dame nằm giữa trung tâm thành phố.”

“Điểm Zero à?” Scathach hỏi.

“Điểm Zero,” bá tước vừa lặp lại, vừa chỉ về phía ngôi thánh đường. “Chính ngay giữa lòng Paris; nơi này thật đặc biệt trong suốt nhiều thiên niên kỷ. Đây là điểm khởi đầu để đo mọi khoảng cách từ các nơi đến Paris.”

“Tôi thường băn khoăn tự hỏi không biết tại sao địa điểm đặc biệt này lại được chọn,” Joan nói. “Vậy chắc không phải là một chọn lựa tình cờ hoặc ngẫu nhiên gì đó đâu nhỉ?”

“Hầu như không. Con người tôn kính nơi đây từ trước khi người La Mã đến. Họ luôn bị thu hút đến những nơi thế này và các nơi tương tự khác. Có lẽ, từ sâu thẳm trong gene di truyền của mình, người ta luôn nhớ rằng ở đây có một cổng tuyến. Gần như ngay trong mỗi thành phố thủ đô trên thế giới đều có Điểm Zero hoặc Ki-lô-mét Zero. Và gần như luôn luôn có các cổng tuyến ở gần đâu đó. Có một lần tôi đã dùng chúng để du hành khắp quả địa cầu này.”

Joan ngược nhìn chồng. Dù họ đã quen biết nhau qua nhiều thế kỷ, nhưng chỉ mới cưới nhau đây thôi, và cô nhận ra rằng vẫn có nhiều thứ cô không biết về anh. Cô chỉ tay về phía ngôi thánh đường. “Anh nhìn thấy gì nào?”

“Anh nhìn thấy một cột ánh sáng màu vàng kim chiếu thẳng lên trời.”

Joan nheo mắt nhìn vào ánh mặt trời đầu buổi chiều, nhưng cô không thấy gì cả. Mắt cô chạm phải một ánh lóe đỏ rực qua vai mình khi Scathach cũng lắc đầu. “Mấy cái cột này: chúng lúc nào cũng màu vàng kim hả?”

“Không phải lúc nào cũng vậy: hoặc là vàng kim hoặc là bạc. Trong những chuyến đi vào vùng Viễn Đông, tôi còn nhìn thấy những đường xoắn ốc màu bạc. Đã từng có lần, trước khi con người cổ xưa nào đó đánh mất khả năng nhìn thấy một cách tổ tường, tôi tin rằng chắc hẳn người ta đã nhận diện các cổng tuyến bằng cách đơn giản là nhìn lên bầu trời để tìm ra những đường ánh sáng màu vàng kim hoặc ánh bạc.” Ông ta quay người nhìn Scathach. “Các Elder có thể nhìn thấy các cổng tuyến không?”

Scathach nhún vai. “Tôi không biết nữa,” cô ta nói thẳng thừng. “Tôi thì không thể, và trước khi anh hỏi, tôi chưa từng nghe ai nói bất cứ Thế hệ Kế tiếp nào có thể nhìn thấy một trong hai loại ấy.” Người phụ nữ trông còn rất trẻ xốc lại ba-lô trên vai mình, rồi kéo tấm khăn che đầu rộng bản màu đen xuống trán, hoàn toàn che mọi dấu vết về mái tóc đỏ rực của cô ta. Hai thanh kiếm ngắn cùng bộ của cô ta được quấn trong một lớp mền trong buộc chặt vắt ngang qua nắp ba-lô. “Vậy chúng ta làm gì bây giờ?”

Bá tước nhìn đồng hồ. “Cổng tuyến này sẽ được kích hoạt chính xác vào một giờ bốn mươi lăm chiều, giờ chính Ngọ trên khắp Paris - đó là lúc mặt trời ở ngay vị trí thiên đỉnh.”

“Tôi biết chính Ngọ nghĩa là gì rồi,” Scathach lầm bầm.

“Hãy đi thẳng đến Điểm Zero và đứng đó. Chìm sâu vào những viên đá cuội hai người sẽ tìm thấy một vòng tròn bao quanh một pháo hoa mặt trời nhỏ xíu. Vòng tròn này chia thành hai phần. Hãy bảo đảm là cả hai người phải đặt một bàn chân vào mỗi phần. Tôi sẽ không việc còn lại,” Saint-Germain nói. “Một khi cổng tuyến được kích hoạt, tôi sẽ đưa hai người lên đường.”

“Còn những tên hiến binh?” Joan vừa hỏi, vừa đeo lên vai cái ba-lô hợp màu với bộ đồ. Cô mang thanh kiếm của mình trong một ống giấy dày trước đây dùng để đựng một cái trụ ba chân dùng cho máy chụp hình.

“Anh cũng sẽ chăm sóc họ luôn,” Francis cười toe, để lộ hàm răng vắn vẹo. “Hãy ở trong xe cho tới khi nào hai người nhìn thấy tay cảnh sát ấy nói chuyện với tôi, rồi hăng đi. Và mặc kệ chuyện gì xảy ra, đừng dừng lại cho tới khi hai người đến được Điểm Zero. Rồi chờ ở đó.”

“Rồi sao nữa?” Scatty hăng hỏi. Cô ta ghét phải sử dụng các cổng tuyến. Chúng luôn luôn làm cho cô có cảm giác say sóng.

Bá tước nhún vai. “Ừ, nếu mọi chuyện tiến hành theo đúng kế hoạch, hai người sẽ đến Bờ Tây của Mỹ ngay tức thì.”

“Còn nếu không?” Scatty hốt hoảng hỏi ngay lúc Saint-Germain bước xuống khỏi xe. “Chuyện gì sẽ xảy ra nếu mọi thứ không tiến hành theo đúng kế hoạch chứ: chúng tôi sẽ kết thúc ở đâu?”

“Ai biết được?” Francis vung tay. “Những công tuyến là năng lượng mặt trời hay năng lượng mặt trăng, tùy thuộc vào chúng chạy theo chiều nào. Tôi cho rằng lúc nào cũng có thể xảy ra khả năng là nếu có chuyện không ổn, cô sẽ hiện ra ngay giữa lòng mặt trời hoặc ở bên phía tăm tối của mặt trăng. Đường này chạy từ đông sang tây, vì thế đây là một đường mặt trời,” ông ta nói thêm, rồi mỉm cười. “Cô sẽ ổn mà.” Ông ta vòng tay ôm lấy Joan, siết cô thật chặt, rồi hôn nhẹ lên hai bên má cô và thì thầm gì đó vào tai cô. Sau đó, ông ta xoay người trong ghế ngồi của mình để nhìn Nữ Chiến binh. “An toàn nhé. Hãy đưa Perenelle ra khỏi hòn đảo và liên lạc với tôi. Tôi sẽ đến đón hai người.” Bá tước bước ra khỏi xe, đút hai tay vào túi chiếc áo khoác bằng da màu đen và thông thả đi qua mặt người hiến binh đứng gần đó nhất.

Joan quay người nhìn cô bạn mình. “Cô phải lấy lại vẻ ngoài của mình đi,” cô nói.

“Vẻ ngoài gì?” Scatty hỏi một cách ngây thơ, đôi mắt xanh lấp lánh.

“Tôi gọi đó là vẻ mặt chiến đấu. Lần đầu tôi nhìn thấy là ngay khi cô cứu tôi ra khỏi đám cháy. Có cái gì đó nơi khuôn mặt cô, nó... nhọn ra.” Cô đưa tay ra sau và lấy một ngón tay di dọc theo má Scathach. Như thể da thịt cô ta dính chặt vào xương, định rõ khung xương sọ bên dưới. Những chấm tàn nhang trông như những giọt máu nổi rõ trên làn da xanh xao.

“Đó là nét thừa kế chất ma cà rồng của tôi đó.” Bóng tối cười toe, hàm răng hoang dã dài nhằng trong miệng cô ta. “Nó xảy ra cho gia đình đông đúc của tôi khi chúng tôi bị kích động. Một vài loài hút máu không kiểm soát được sự thay đổi này và nó làm họ thay đổi hoàn toàn, biến họ thành những con quỷ.”

“Cô bị kích động vì sắp bước vào trận chiến hả?” Joan dịu dàng hỏi.

Scatty gật đầu, vui vẻ. “Tôi cảm thấy phấn khích khi được giải cứu người bạn yêu dấu nhất của chúng ta.”

“Sẽ không dễ dàng đâu. Bà ấy bị giam trên một hòn đảo đầy bọn quỷ sứ.”

“Bọn chúng thì sao nào? Cô là Jeanne d’Arc huyền thoại, còn tôi là Bóng tối. Thứ gì có thể chống lại chúng ta kia chứ?”

“Một con nhân sư thì sao?” Joan gợi ý.

“Chúng không quá gay go đâu,” Scatty nói nhẹ nhàng. “Trước đây tôi đã chiến đấu với con nhân sư và bà mẹ hoảng kinh của mẹ ta.”

“Ai thắng?” Joan hỏi, kiềm nén một nụ cười.

“Cô nghĩ là ai nào?” Scatty thốt lên, rồi tự chữa lại. “Ừ thì, thật ra là, tôi đã bỏ chạy...”

Ngồi dựa lưng vào bức tường của nhà kho, cẳng chân duỗi thẳng ra, hai đứa nhỏ song sinh chăm chú quan sát Nhà Giả kim và Gilgamesh đang bàn cãi ngoài kia. Nhà Giả kim đứng yên, im lặng; còn nhà vua thì khoa tay múa chân dữ dội.

“Họ đang nói tiếng gì vậy?” Josh hỏi. “Âm thanh hầu như nghe rất quen.”

“Tiếng Do Thái cổ,” Sophie nói ngay không suy nghĩ.

Josh gật đầu. Cậu đối tư thế để dựa vào tường thoải mái hơn. “Chị biết không, em nghĩ...” Cậu chầm chậm mở lời, cố tìm những từ thích hợp qua một khoảng không trống rỗng trong đầu. “Em nghĩ thật còn hơn cả...” Cậu nhún vai. “Em không iết. Hơn cả ngoạn mục.”

“Những gì em nhìn thấy thì chị cũng thấy mà,” Sophie nói kèm theo một nụ cười mệt mỏi. “Em đừng gọi những hình ảnh ấy là ngoạn mục có được không?”

Cậu lại nhún vai. “Thật là thú vị. Nhưng em không cảm thấy có chút gì khác lạ. Em tưởng... em không biết nữa, em tưởng là sau khi học được một trong những pháp thuật, em sẽ cảm thấy... mạnh hơn, có lẽ thế. Mà thậm chí không biết tội mình sẽ sử dụng ma thuật Nước như thế nào?” Cậu vừa hỏi, vừa giữ hai cánh tay thẳng ra đằng trước. “Tội mình có phải làm cái gì đó với luồng điện của mình và nghĩ về những không? Tội mình có nên thử không?”

“Bản năng thôi. Em sẽ biết phải làm gì khi đến đúng thời điểm.” Sophie giơ tay đẩy cánh tay cậu em trai xuống. “Không sử dụng luồng điện được đâu,” cô bé nhắc cậu, “việc đó sẽ làm lộ vị trí của mình đó. Đây là cái thứ ba trong số các pháp thuật cơ bản chị đã học,” cô bé nói, “và em nói đúng, pháp thuật này không ngoạn mục, nhưng cũng không giống như hai pháp thuật kia. Chị không cảm thấy mạnh hơn hoặc nhanh hơn hoặc cái gì đó như khi chị học Không khí và Lửa. Nhưng đúng là chị cảm thấy...” Cô bé dừng lại, tìm từ thích hợp. “Khang khác.”

“Khang khác?” Cậu nhìn người chị sinh đôi. “Chị trông chẳng có gì khác trước cả, ngoại trừ mắt chị hóa bạc. Khi đó trông chị dễ sợ lắm.”

Sophie gật đầu. Cô bé biết cậu có ý nói gì; cô bé từng nhìn thấy đôi mắt cậu em mình hóa thành hai chiếc đĩa dẹt bằng vàng và điều đó thật khủng khiếp. Ngửa đầu ra sau dựa vào mặt gỗ láng mượt, cô bé nhắm mắt lại. “Em có nhớ khi em được tháo bột nơi cánh tay hồi năm ngoái không?”

Josh càu nhàu. “Không bao giờ quên.” Cậu đã bị gãy cánh tay trong một cú truy cản bóng không đúng cách vào mùa hè trước và đã phải bó bột hết ba tháng.

“Em đã nói gì khi được tháo bột ra?”

Bất giác Josh giơ bàn tay trái lên quay nửa vòng, nắm các ngón tay lại thành một nắm đấm. Việc bó bột làm cậu phát tức không chịu nổi; có quá nhiều thứ cậu không làm sao được vì nó, kể cả việc thắt dây giày. “Em nói em cảm thấy trở lại chính mình.”

“Đó chính là cảm giác mà chị đang có.” Sophie mở mắt nhìn cậu em trai mình. “Với mỗi thứ pháp thuật chị học, chị cảm thấy con người mình ngày càng hoàn thiện hơn. Như thế đó là những phần trong chị đã lạc mất suốt cả cuộc đời và bây giờ chị được nên nguyên vẹn trở lại, hết mảnh này đến mảnh khác.”

Josh cố cười, nhưng âm thanh lại nghe như run rẩy. “Em cho rằng đến lúc chị học pháp thuật cuối cùng thì chị sẽ không cần em nữa.”

Sophie đưa tay siết lấy cánh tay cậu em trai. “Đừng có ngốc thế chứ. Em là em sinh đôi của chị. Tụi mình hai mà là một kia mà.”

“Một là tất cả,” cậu nói tròn câu.

“Chị thắc mắc không biết điều đó có nghĩa là gì,” Sophie thì thầm.

“Em có cảm giác là mình sẽ khám phá ra thôi - dù muốn hay không,” Josh nói.

Saint-Germain là một ngôi sao nhạc rock, nổi tiếng khắp châu Âu, nên viên cảnh sát trẻ này nhận ra ông ngay. Anh ta bước tới, giơ tay chào và rồi cởi chiếc găng bằng da ra khi bá tước đưa tay bắt. Đằng sau tấm kính mờ như hun khói trong chiếc xe, hai người phụ nữ - Thế hệ Kế tiếp và người bất tử - chăm chú quan sát Francis bắt tay người đàn ông và rồi khéo léo lái xoay người anh ta để anh ta day mặt khỏi con đường.

“Đi thôi.” Joan bình thản mở cánh cửa xe và trườn vào bầu không khí ẩm áp buổi xế trưa. Một tích tắc sau, Scathach theo cùng, nhẹ nhàng đóng cánh cửa sau lưng mình. Bên nhau hai người phụ nữ trông rất trẻ đi tản bộ về phía ngôi thánh đường. Hai người đi sát qua Francis và người hiến binh đủ để nghe một phần của câu chuyện.

“... một điều hổ thẹn, một bi kịch quốc qua. Tôi nghĩ nên tổ chức một buổi hòa nhạc để quyên góp tiền giúp cho việc sửa chữa ngôi thánh đường này...”

“Tôi sẽ đến xem,” người hiến binh nói ngay.

“Đương nhiên rồi, nhất định là tôi sẽ miễn phí vé vào cửa cho những nhân viên cảnh sát, cứu thương, cứu hỏa can đảm của chúng ta chứ.”

Joan và Scathach cúi lòn người dưới dải băng của cảnh sát giăng đang bay phần phật và bắt đầu bước qua những đồng đá. Nhiều miếng gạch đá vụn đã nát bầy thành bụi đất, nhưng một số những mảnh vỡ lớn hơn vẫn lưu giữ hình ảnh ma quái về dáng vóc trước đây của chúng khi cặp song sinh chưa phóng ra pháp thuật cơ bản. Scatty nhìn thấy dấu vết của móng vuốt và mỏ, của những cái sừng cong lượn và những cái đuôi quấn xoắn. Một quả banh bằng đá nằm sát cạnh một bàn tay mòn vẹt theo gió mưa. Cô liếc qua Joan và cả hai người phụ nữ quay nhìn mặt tiền ngôi thánh đường. Sự phá hủy lên đến mức độ không thể tin được: từng mảng lớn của công trình xây dựng đã bị văng mất, bị đập vụn hoặc bị giật phăng đi, trông như thể tất cả đã bị tấn công bởi một quả cầu phá bê-tông.

“Cả bao nhiêu năm trong đời, chưa bao giờ tôi nhìn thấy bất cứ thứ gì như thế này,” Scathach lẩm bẩm, “và việc đó chỉ liên quan đến hai nguồn sức mạnh thôi.”

“Và chỉ mới một đứa sinh đôi có được những năng lực đó thôi nhé,” Joan nhắc cô ta.

“Cô có thể tưởng tượng chuyện gì sẽ xảy ra nếu cả hai đứa nhỏ đều sở hữu những pháp thuật cơ bản kia chứ?”

“Hai đứa sẽ có năng lượng phá hủy cả thế giới này hay tái tạo lại nó,” Joan nói.

“Và đó là lời tiên tri đã loan báo,” Scathach nói một cách đơn sơ.

“Ê, hai cô kia! Cả hai cô đấy. Dừng lại tại chỗ.”

Một giọng nói phát ra ngay trên đầu hai người.

“Dừng lại. Dừng lại ngay tại chỗ.” Giọng nói thứ hai phát ra từ phía sau họ.

“Cứ đi đi,” Scatty nói khẽ.

Joan liếc ra phía sau lưng và nhìn thấy viên cảnh sát trẻ cố gỡ mình thoát khỏi nắm tay của Francis kẹp chặt như gọng kìm. Đột nhiên, bá tước buông tay ra làm người đàn ông ấy ngã nhào xuống đất. Khi cố đỡ anh ta đứng dậy, Francis giẫm lên lai chiếc áo khoác dài màu đen của chính mình, trượt chân ngã chổng lên đầu người đàn ông, ghì chặt anh ta xuống đất.

“Hai người kia. Các người không có bốn phận gì ở đây.” Một viện sĩ đầu cạo trọc, râu ria bờm xờm tuổi trung niên đang nằm trên mặt đất, cố ráp những mảnh vỡ bé xíu của chiếc cánh đại bàng lại với nhau, vụt nhảy dựng lên trước mặt hai cô gái. Ông ta bước tới, vẫy vẫy một cái bìa kẹp hồ sơ. “Các cô đang giẫm lên những vật tạo tác lịch sử vô giá đấy.”

“Tôi không rõ là chúng ta có thể gây thiệt hại thêm cho những thứ này không nếu chúng ta cố thêm một chút.” Không hề để lỡ nhịp chân, Scatty chớp lấy cái bìa hồ sơ giật phắt khỏi bàn tay đang nắm chặt của người đàn ông và xé toạc nó ra làm hai để như đó chỉ là một tờ giấy bình thường. Cô ta quăng hai mảnh bìa xuống chân mình. Người đàn ông nhìn hai mảnh rời trước kia từng là cái bìa kẹp hồ sơ của ông ta đang nằm chổng chơ dưới đất, rồi quay người bỏ chạy, vừa la hét om sòm.

“Rất tinh nhanh, rất khéo léo,” Joan nói.

“Rất hiệu quả,” Scatty nói, và sải bước đến Điểm Zero.

Điểm Zero nằm giữa quảng trường. Chìm vào những viên đá cuội là một hình tròn bằng đá xám phẳng dẹt, được chia thành bốn phần. Giữa trung tâm là một vòng tròn đá có màu sáng hơn với một thiết kế pháo hoa mặt trời cắt sâu vào mặt đá. Pháo hoa mặt trời có tám cánh xò ra từ tâm điểm, dấu hai cánh trong số đó đã bị mòn đến láng mướt do vô số những bàn chân đi qua và những ngón tay chà xát vào. Hàng chữ Điểm Zero của Những Tuyến đường trong nước Pháp

được khắc vào lớp đá phía ngoài. Có thừa khoảng trống cho Scathach và Joan đứng đầu lưng vào nhau trong vòng tròn, mỗi bàn chân giẫm lên một phần.

“Bây giờ đến chuyện gì xảy...,” Scathach nói.

“... Ra đây không biết?” Scathach nói dứt câu.

Rồi cô ta nhắm nghiền mắt lại, một bàn tay ấn vào dạ dày còn bàn tay kia đưa lên miệng và quỳ thụp xuống. Scathach có cảm giác như cả thế giới chao nghiêng và cố gắng chống lại thôi thúc muốn nôn thốc nôn tháo ra, cho tới khi cô đột nhiên nhận ra mình đang quỳ trên nền đất xốp. Đôi mắt vẫn nhắm nghiền, cô vỗ nhẹ xuống mặt đất và cảm nhận từng cọng cỏ dài bên dưới ngón tay. Rồi hai cánh tay mạnh mẽ kéo cô đứng dậy và hai bàn tay mát lạnh bụm lên mặt cô. Scathach mở bừng mắt vừa đúng lúc nhìn thấy khuôn mặt Joan đang nhích dần xa khỏi mặt mình. Một nụ cười nở ra trên khóe miệng thanh tú của cô gái Pháp.

“Cô cảm thấy thế nào?” Joan hỏi bằng tiếng Pháp.

“Say sóng.”

“VẬY là cô sẽ sống,” Joan cười phá lên. “Tôi thường nói với quân lính của tôi rằng nếu họ có thể cảm nhận sự đau đớn, tức là họ vẫn đang còn sống.”

“Tôi cược là họ rất yêu mến cô,” Scatty càu nhàu.

“Quả đúng vậy, tất cả họ đều yêu mến tôi,” Joan nói.

“VẬY là chúng ta không rơi trúng vào mặt trời.” Scathach vươn thẳng người và nhìn quanh. “Chúng ta làm được rồi,” cô thở một hơi dài. “Ồ, thật là thoải mái khi về nhà.”

“Nhà á hả?” Joan hỏi?

“Tôi đã sống trên vùng Bờ Tây này lâu lắm rồi; hơn mọi nơi khác, tôi xem San Francisco là nhà của mình. Đã có lần người ta bảo rằng tôi sẽ chết trong một sa mạc, vì thế tôi luôn chọn sống trên các vùng bờ biển.”

Hai người phụ nữ đang đứng trên triền một ngọn núi thoải thoải. Sau bầu không khí ẩm ướt nhuốm mùi ô nhiễm của Paris, làn gió lạnh mang vị ngọt ngào, đậm đặc mùi cây cỏ, và mặc dầu khi họ rời Paris một tích tắc trước đây trời đã là đầu giờ chiều, nhưng ở vùng Bờ Tây nước Mỹ mặt trời vẫn chưa mọc. “Mấy giờ rồi cà?” Scatty bắn khoản thốt lên.

Joan kiểm tra đồng hồ rồi lấy lại giờ. “Bây giờ là năm giờ kém năm sáng.” Cô ta hất đầu về hướng đông, nơi khoảng trời đang bắt đầu le lói ánh sáng màu tím tím, trong khi cả vùng trời trên đầu hai người vẫn đen thui, lốm đốm những vì sao xa tít tắp mịt mờ. Làn sương mù màu trắng xám dần trải xa xa tít dưới chân

núi. “Mặt trời sẽ mọc trong khoảng một tiếng đồng hồ nữa.” Cô gái Pháp quay người nhìn lên sườn núi mờ mờ chỉ vừa đủ thấy nổi lên trong vùng bóng tối u ám. “VẬY đây là núi Mount Tamalpais. Tôi cứ tưởng nó phải... lớn hơn chứ.”

“Chào mừng đến với Mount Tam,” Scatty nói làm hàm răng trắng lóa lên, “một trong những địa điểm yêu thích nhất của tôi ở nước Mỹ.” Cô chỉ vào màn sương dày đặc. “Chúng ta đang ở cách San Francisco và Atcatraz khoảng mười bốn cây số về hướng bắc.” Bóng tối xốc lại cái ba-lô trên lưng mình cho có cảm giác thoải mái hơn. “Chúng ta có thể chạy bộ...”

“Chạy bộ sao!” Joan cười lớn. “Điều cuối cùng Francis nói với tôi vừa mới đây và có thể cô sẽ muốn chạy bộ vào thành phố đó. Chúng ta sẽ thuê một chiếc xe hơi,” cô nói dứt khoát.

“Thật ra là không xa lắm...,” Scatty cãi lại, và rồi ngừng bật.

Ngay phía trước họ, một hình thù to lớn di chuyển trong sương mù, làm cho làn sương cuộn xoắn và uốn éo. “Joan...,” cô cất tiếng.

Nhiều hình thù chuyển động hơn nữa, và ngay lập tức làn sương mù tách ra như một bức màn bị xé toạc để lộ ra một bầy voi răng mấu có bộ lông quăn tít đang đi sượt qua chân núi. Rồi Chiến binh bắt gặp hai con mèo răng cong như cây kiếm của lính kỵ binh đang nằm dài trong đám cỏ cao, chăm chú quan sát bầy thú kia, hai cái đuôi mút đầu có màu đen đang cuộn rúm lại tròn vo.

Joan vẫn đang nhìn lên rặng núi. Cô rút chiếc điện thoại di động ra khỏi túi và nhấn nút gọi nhanh. “Tôi sẽ báo ngay cho Francis biết là chúng ta đã đến...” Cô đưa điện thoại lên tai và rồi kiểm tra lại màn hình. “Ồ, không có tín hiệu. Scatty, phải mất bao lâu chúng ta mới đến được...?” Vẻ bàng hoàng trên khuôn mặt cô bạn khiến cô quay phắt người lại kịp nhìn thấy những gì cô bạn đang nhìn chăm bẳm.

Phải mất một lúc để đôi mắt của Joan điều chỉnh được với quy mô toàn bộ của bầy voi răng mấu lúc này đang di chuyển chậm chậm xuyên qua làn sương ban sớm trước buổi rạng đông. Một gợn chuyển động khiến cô chú ý và cô ngược mắt nhìn: lơ lửng trong im lặng và vượt cao khỏi những luồng không khí nóng không thể nhìn thấy được, một loạt ba con kền kền khoang cổ\* khổng lồ vút bay lên ngay phía trên đầu.

\*Kền kền to ở vùng núi phía nam California, đầu và cổ trơ trụi, sải cánh khoảng ba mét, có nguy cơ tuyệt chủng.

“Scathach?” Joan thở ra thành một tiếng thì thào đầy kinh khiếp. “Chúng ta đang ở đâu đây?”

“Không phải ở đâu, mà là lúc nào.” Khuôn mặt Bóng tối trở nên nhọn hoắt và hiểm ác, đôi mắt lấp lánh một màu xanh lá và đầy vẻ tàn nhẫn. “Mấy cái cống tuyến. Tôi ghét chúng.” Một trong những con mèo khổng lồ ngẩng đầu nhìn theo hướng có tiếng nói và há miệng ngáp rộng ngoác, lóe sáng một hàm răng dài có đến hai tấc. Chiến binh nhìn chăm chăm trả lại khiến con mèo phải ngoảnh đi. “Có lẽ chúng ta đang ở trên ngọn Mount Tamalpais thật, nhưng đây không phải là thế kỷ hai mươi mốt.” Cô chỉ tay đánh thành một vòng về phía bọn voi răng mấu, cạp và kền kền khoang cổ. “Tôi biết đây là mấy thứ gì: chúng là những con thú có kích thước cực kỳ lớn. Và chúng thuộc Kỷ Pleistocene.”

“Làm sao... làm sao chúng ta quay trở lại... đúng thời của chúng ta bây giờ?” Joan thì thào, vẻ bối rối lộ rõ.

“Không được đâu,” Scathach nói cứng cỏi. “Chúng ta bị mắc bẫy rồi.”

Những ý nghĩ đầu tiên của Joan hướng về Nữ Phù thủy. “Rồi còn Perenelle thì sao?” Cô bắt đầu khóc. “Bà ấy đang mong mỏi chúng ta. Bà ấy đang chờ chúng ta đến.”

Scatty vòng tay ôm Joan và siết thật chặt. “Có thể bà ấy sẽ phải đợi chờ lâu đó,” cô ta nói dứt khoát. “Jeanne, chúng ta đã đi lùi lại phải đến một triệu năm. Nữ Phù thủy đành phải ở một mình rồi.”

“Chúng ta cũng vậy thôi,” Joan nức nở.

“Không hẳn vậy đây.” Scatty cười toe. “Chúng ta còn có nhau mà.”

“Chúng ta sẽ làm gì?” Cô gái nước Pháp bất tử thắc mắc, giận dữ quệt nước mắt đi.

“Sẽ làm những gì chúng ta vẫn luôn làm: chúng ta sẽ vượt qua và sẽ sống.”

“Còn Perenelle thì sao?” Joan hỏi.

Nhưng Scathach không có câu trả lời nào cho câu hỏi đó cả.

Billy the Kid liếc nhìn tấm ảnh đen trắng trong lòng bàn tay mình, ghi nhớ về vẻ nghiêm khắc của Machiavelli vào đầu hăn ta. Mái tóc trắng cắt ngắn rất dễ nhận ra, hăn ta khẳng định như thế. Nhét tấm ảnh vào túi sau của chiếc quần jeans, hăn ta khoanh tay trước bộ ngực ồm tong và quan sát những hành khách đầu tiên xuất hiện nơi khu sảnh dành cho khách đến của Phi trường Quốc tế Francisco.

Những người khách du lịch rất dễ nhận diện; họ mặc trang phục bình thường quần jeans hoặc quần soọc với áo thun, hầu hết những xe đẩy hành lý chất đống rất nhiều va-li đầy nhóc quần áo mà chẳng bao giờ họ mặc tới. Rồi đến những doanh nhân mặc bộ vét nhả nhận, hoặc quần đi với những chiếc áo khoác thể thao, mang những chiếc cặp đựng tài liệu hay kéo những chiếc túi du lịch nhỏ đựng đủ đồ dùng cho những chuyến đi xa ngắn ngày, sải bước một cách có chủ định hăn hỏi, kiểm tra điện thoại di động của họ đâu vào đấy, bộ tai nghe Bluetooth lung lẳng bên tai. Billy đặc biệt chú ý đến những đại gia đình: cha mẹ hay ông bà lớn tuổi đến đón những đứa cháu, những cô cậu còn rất trẻ - có lẽ là sinh viên - trở về với cha mẹ họ, những cặp vợ chồng đoàn tụ. Có nhiều nước mắt, tiếng reo vui mừng, nụ cười và những cái bắt tay. Billy tự hỏi không biết cảm giác như thế nào khi gặp gỡ như vậy, bước vào khu sảnh dành cho khách đến trong một phi trường và quét khắp một lượt trên các khuôn mặt, biết rõ là bạn cần tìm một ai đó hiện hữu thật sự đang rất muốn gặp bạn - một ông bố hay một bà mẹ, một người anh chị em ruột, thậm chí một người bạn, một ai đó mà với họ bạn đã chia sẻ một lịch sử và một thời quá khứ đã qua.

Hăn ta không có ai cả. Không có bất cứ ai suốt một thời gian dài. Thậm chí trong cuộc sống tự nhiên của hăn ta, hăn ta cũng có rất ít bạn bè, và hầu hết bọn chúng đều cô giết chết hăn. Chỉ là không ai thành công.

Cuối cùng, cao ráo và thanh lịch trong bộ vét màu đen cắt rất khéo, đeo chéo ngang qua vai một chiếc cặp đựng máy tính bằng da, người đàn ông tóc trắng trong tấm hình đã bước vào sảnh đợi. Billy cắn vào bên trong má mình để nhịn cười: có lẽ tại một phi trường châu Âu nào đó Machiavelli sẽ đi qua mà không ai để ý, nhưng ở đây, giữa tất cả những sắc màu và quần áo bình thường, ông ta thật khác biệt. Cho dù là Billy chưa từng nhìn thấy tấm hình kia, hăn ta chắc hăn vẫn

biết được đây là người bất tử châu Âu. Hắn ta quan sát Machiavelli đeo cặp kính râu đen thui và quét một vòng vào đám đông, và dù hắn ta không đưa ra một dấu hiệu nhận dạng nào, nhưng tay người Ý vẫn quay người hướng về phía Billy. Anh chàng người Mỹ băn khoăn không biết mình có nên bắt tay hay không. Nhiều người bất tử rất miễn cưỡng khi phải chạm đến những con người bình thường, và đặc biệt là những người bất tử khác. Dù hắn ta đã gặp tay Pháp sư người Anh một vài lần, nhưng Billy chưa thấy Dee cởi chiếc găng tay xám xịt của hắn ra bao giờ.

Machiavelli chìa tay ra.

Billy mỉm cười, nhanh nhẹn chà lòng bàn tay vào ống quần jeans và đến lượt mình chìa bàn tay ra. “Làm sao ông biết được chính là tôi đây?” Hắn ta hỏi bằng thứ tiếng Pháp tầm tã. Bàn tay của người Ý siết chặt, da thịt ông ta mát lạnh và khô.

“Tôi thường chỉ hành động theo chiếc mũi của mình,” Machiavelli trả lời cũng bằng ngôn ngữ đó, và rồi chuyển sang một thứ tiếng Anh không có trọng âm. Y hít thở một hơi sâu. “Nghe thoang thoảng mùi ớt bột rất cay của vùng Cayenne, tôi tin như thế.”

“Đúng vậy đó,” Billy tán thành. Hắn ta cố hít thở để bắt được mùi của tay người Ý, nhưng tất cả những gì hắn ta có thể ngửi thấy là vô số mùi hương của phi trường này - thật kỳ lạ - mùi hương thoang thoảng rất nhẹ mà mọi chàng cao bồi đều liên tưởng đến nước con rắn chuông.

“Và tất nhiên là tôi đã tìm kiếm thông tin trực tuyến về anh,” Machiavelli nói thêm cùng với một nụ cười gượng gạo. “Anh trông vẫn rất giống với tấm hình nổi tiếng ấy. Dù sao, cũng thật tò mò; anh đã biết tôi ngay khi tôi bước qua cửa. Tôi có thể cảm thấy ánh mắt của anh trên người tôi kia mà.”

“Tôi biết tôi đang tìm kiếm ai.”

Hai hàng chân mày của Machiavelli nhướng lên như một câu hỏi ngấm ngầm. Y đẩy cặp kính râu lên vầng trán cao của mình, đôi mắt xám lóe lên khi y nhìn xuống. Ít nhất y cao hơn tay người Mỹ này đến một cái đầu. “Tôi vô cùng cẩn thận để đảm bảo là không có hình mình xuất hiện trực tuyến hoặc được in ra kia mà.”

“Những chủ nhân của chúng ta đã gọi cái này cho tôi.” Billy rút tấm hình ra khỏi túi sau và chìa ra. Machiavelli nhìn tấm hình, rồi nụ cười thoáng qua làm khóe miệng y nhếch lên một chút. Cả hai đều biết điều này có ý nghĩa gì. Các Elder Đen tối đang theo dõi Machiavelli... mà như vậy có nghĩa là họ cũng đang

theo dõi Billy. Nhìn vào mắt của tay người Ý, hẳn ta nói, “Cái gì cũng có mục đích của nó. Có thể ông sẽ tìm thấy một công dụng khác ở đây.”

Đầu Machiavelli hơi cúi xuống khi thả cặp kính râu trở lại trên chiếc mũi dài của y. “Chắc chắn tôi sẽ làm như thế.” Cả hai đều biết rằng tay người Ý trở lại Paris, y sẽ làm mọi cách trong phạm vi quyền lực của mình để phát hiện ra ai đã chụp tấm ảnh này.

Anh chàng người Mỹ nhìn vào chiếc túi duy nhất trong tay Machiavelli. “Tất cả hành lý của ông đó sao?”

“Đúng. Tôi đã sắp xếp mọi thứ vào trong một cái va-li lớn hơn, nhưng rồi nhận ra rằng tôi đâu có ở đây lâu đến nỗi có thể dùng hết thậm chí cả mười bộ quần áo mà tôi định mang theo. Vì thế tôi để lại hết và chỉ mang một vài đôi vớ và trang phục lót để thay đổi thôi. Và tất nhiên là cái máy tính xách tay của tôi nữa chứ.”

Hai người đàn ông làm thành một đôi cọc cạch hướng về lối ra, Machiavelli trong bộ vét đen may đo vừa vặn, còn Billy lại mặc một chiếc áo sơ-mi vải bông chéo bạc thếp, quần jeans mòn vẹt và đôi giày ống tồi tàn. Dù phi trường đông nghẹt người, nhưng không ai đi gần đủ để chạm sườn qua họ, mà trái lại đám đông luôn vô tình tách ra ngay phía trước họ.

“Và đây chỉ là một chuyến đi-ra-đi-vào chớp nhoáng thôi sao?” Billy hỏi.

“Tôi hy vọng chuyến bay đầu tiên còn vé để tôi có thể về nhà trên chuyến đó.” Machiavelli mỉm cười.

“Tôi ngưỡng mộ sự tự tin của ông,” anh chàng người Mỹ nói, giữ giọng mình trung dung, “tôi chỉ có ý kiến là cơ thể bà Flamel không dễ gì bị đánh bại đâu.” Hẳn ta rút cặp kính hiệu Ray Bans xưa cũ ra khỏi túi áo sơ-mi khi họ bước vào ánh nắng đầu buổi chiều rực rỡ.

“Mọi thứ đã sẵn sàng chưa?” Machiavelli hỏi khi họ đi vào vùng tối lờ mờ của nhà đậu xe.

Billy giật mạnh chiếc chìa khóa xe ra khỏi túi. “Tôi đã thuê một chiếc tàu. Đang neo đậu chờ chúng ta ở Cầu tàu số Ba mươi chín.” Hẳn ta nín bật, chợt nhận ra rằng tay người Ý không còn đứng cạnh mình nữa. Hẳn ta quay người, chìa khóa chiếc Thunderbird màu đỏ chói đang nằm trong tay, vừa ngoái lui thì thấy ngay tay người Ý đang nhìn chăm chăm chiếc xe hơi mui di động với vẻ đầy ngưỡng mộ, một sự choáng ngợp cả về màu sắc lẫn kiểu dáng giữa những chiếc xe hơi bình thường khác.

“Xe Thunderbird mui di động của năm một ngàn chín trăm năm mươi chín - không, đúng ra phải là một ngàn chín trăm sáu mươi,” muxtang chữa lại. Y ra một bàn tay từ bên này sang bên kia ca-pô rồi rà đến mấy ngọn đèn. “Lộng lẫy.”

Billy cười toe. Hắn chuẩn bị tư tưởng để đón nhận cảm giác không ưa Niccolò Machiavelli, nhưng tay người Ý vừa xóa sạch vết hằn nhỏ ấy trong định kiến của hắn ta. “Đó là niềm tự hào và vui sướng của tôi.”

Người bắt tử đi vòng quanh chiếc xe, cúi rạp người xuống xem xét bánh xe và ống xả. “Thế nên có vẻ là: mọi thứ đều trông như hàng chính hãng ấy nhỉ.”

“Mọi thứ đều như thế,” Billy nói với vẻ tự hào. “Tôi đã thay ống xả hai lần, nhưng bảo đảm những đồ thay thế phải là từ một kiểu giống hết.” Hắn ta bước vào xe và chờ đợi trong lúc Machiavelli tự đẩy cửa vào. “Tôi đoán ông là một tài xế của chiếc Lamborghini, hoặc là một chiếc Alfa Romeo, có lẽ thế.”

“Ferarri, có thể, nhưng Alfa thì không bao giờ.”

“Ông sở hữu nhiều xe hơi lắm hả?” Billy hỏi.

“Không có cái nào. Tôi có một công ty về xe hơi và một người tài xế. Tôi không lái,” tay người Ý thừa nhận.

“Không lái hay không lái được?”

“Tôi không thích lái xe. Tôi thực sự là một anh lái xe rất tồi,” y thú nhận kèm theo một nụ cười gượng gạo. “Nhưng mà này, tôi đã từng học lái xe ba bánh.”

“Đó là khi nào?” Billy hỏi.

“Năm 1885.”

“Tôi chết năm 1881.” Billy lắc đầu. “Tôi không thể tưởng tượng không thể lái xe thì thế nào,” hắn ta lăm bắm khi ra khỏi bãi đậu xe. “Giống như không thể cưỡi ngựa.” Hắn ta nhấn chân ga, chiếc xe lao tới và len vào dòng xe cộ đông đúc của phi trường. “Ông có muốn ăn chút gì không?” Hắn ta nói. “Có vài nhà hàng Pháp và Ý khá ngon...”

Machiavelli lắc đầu. “Tôi không đói. Trừ phi anh muốn dùng.”

“Mấy ngày nay tôi ăn không được nhiều,” Bill thừa nhận.

Điện thoại của Machiavelli kêu một tiếng phình. “Xin lỗi.” Y rút chiếc điện thoại mỏng dính và nhìn chăm chăm vào màn hình. “A,” y vui vẻ nói.

“Tin vui hả?” Billy hỏi.

Machiavelli ngồi lại vào chỗ và cười toe. “Hôm qua tôi đã đặt một cái bẫy; nó đã bung ra một hai tiếng đồng hồ trước rồi.”

Billy liếc xéo qua nhưng vẫn im lặng.

“Ngay lúc tôi khám phá ra vợ Nhà Giả kim đang bị giam giữ ở San Francisco, tôi đã biết rằng hoặc chính ông ta hoặc một vài đồng minh của ông ta sẽ cố lên đường quay trở về đây. Họ có hai lựa chọn: chuyển bay mà tôi vừa đáp xuống, hoặc cố gắng ở Notre Dame.”

“Tôi đoán là ông đã làm gì đó nơi cổng tuyến này.” Billy ngoác miệng cười. “Nghe có vẻ giống như những thứ tôi vẫn thường làm.”

“Cổng tuyến tại Điểm Zero đã được kích hoạt. Đơn giản tôi chỉ phủ lên những phiến lá kia một chất pha chế hóa học làm từ xương voi ma-mút trưởng thành - xương từ Kỷ Pleistocene - và bồi thêm một câu thần chú Lôi cuốn vào hỗn hợp đó.”

Ánh đèn giao thông chuyển sang màu đỏ và Billy dừng xe. Cài thắt tay, hắn ta xoay người trong chỗ mình để nhìn vào tay người Ý với vẻ gì như kính sợ. “Vậy bất kể ai sử dụng cổng tuyến...”

“... đều bị kéo lùi về thời gian của Kỷ Pleistocene.”

“Đó là hồi nào?” Billy hỏi. “Tôi chẳng bao giờ được ăn học nhiều.”

“Đâu đó giữa thời điểm tám triệu với mười một ngàn năm trăm năm trước, có lẽ thế.” Machiavelli mỉm cười.

“Ồ, ông giỏi quá.” Billy lắc đầu. “Vậy, ông có biết ai kích hoạt cổng tuyến không?”

“Một camera an ninh đã được gắn vào địa điểm ấy cách đây hai mươi bốn tiếng đồng hồ.” Machiavelli giơ điện thoại lên, cho thấy một hình ảnh hai người phụ nữ đứng đầu lưng vào nhau ngay giữa quảng trường rải đá. “Tôi không biết cô gái nhỏ nhắn hơn là ai,” Machiavelli nói, “nhưng người bên trái là Scathach.”

“Bóng tối à?” Billy thì thầm, chồm người tới trước để nhìn vào màn hình. “Nữ Chiến binh đó hả?” Hắn ta trông có vẻ không mấy ấn tượng. “Tôi tưởng cô ta phải cao hơn chứ.”

“Ai cũng tưởng vậy,” Machiavelli nói. “Đó thường là sai lầm đầu tiên của họ.”

Tiếng còi xe inh ỏi đằng sau chiếc Thunderbird khi đèn đã đổi màu, và có ai đó la í ới.

Machiavelli liếc sang anh chàng bất tử người Mỹ với vẻ tò mò, tự hỏi không biết anh ta phản ứng thế nào. Nhưng Billy the Kid đã chế ngự được tính khí nổi

tiếng của mình từ nhiều thập kỷ trước. Anh ta giờ tay lên vẫy vẫy trong không trung như một lời xin lỗi, rồi lái xe đi.

“Vì vậy, với Bóng tối trong bức ảnh, tôi cho rằng công việc của chúng ta dễ dàng hơn nhiều.”

“Rất nhiều là khác,” Machiavelli tán thành. “Tôi có chút nghi ngờ rằng bằng cách nào đó có thể bà ta đã đào bới khắp Atcatraz và phá hỏng bữa tiệc chẳng.”

“Ồ, chuyện đó sẽ không xảy ra bây giờ đâu.” Billy cười miệng rộng hoác, rồi bỗng nghiêm mặt. “Dưới chỗ ngồi của mình ông sẽ tìm thấy một bì thư. Trong đó có chứa bản in của một e-mail tôi nhận được từ công ty Enoch Enterprises đầu khoảng chiều hôm qua, cho phép chúng ta lên bờ vào Atcatraz. Hiện nay công ty của Dee đang sở hữu hòn đảo này. Ông cũng sẽ tìm thấy một tấm ảnh đính kèm vào một e-mail nặc danh vừa đến sáng nay. Tôi đoán là gửi cho ông. Vì chẳng có nghĩa lý gì với tôi cả.”

Machiavelli giũ ra hai trang giấy. Trên tiêu đề thư của công ty Enoch Enterprises là một tài liệu dài trông có vẻ mang tính pháp lý cho phép người cầm nó được lên hòn đảo và thực hiện việc “nghiên cứu lịch sử”. Được ký tên bởi John Dee, Tiến sĩ. Trang thứ hai là một bức hình màu độ phân giải cao chụp những hình ảnh trên bức tường của một kim tự tháp Ai Cập.

“Ông có biết cái đó nghĩa là gì không?” Billy hỏi.

Machiavelli xoay ngang trang giấy. “Hình này chụp kim tự tháp của Unas, người trị vì Ai Cập trên bốn ngàn năm trước,” y nói từ tốn. Một chiếc móng tay được cắt giữa hoàn hảo lần theo một đường kẻ của những chữ viết tượng hình. “Những thứ này thường được gọi là những Văn bản Kim tự tháp; ngày nay chúng ta gọi chúng là Cuốn sách Tử thần.” Y gõ nhẹ vào tấm ảnh và cười khẽ. “Tôi tin đây là công thức của mật khẩu dùng trong việc đánh thức tất cả các sinh vật đang ngủ trên hòn đảo.” Y chuồi các trang giấy vào bì thư trở lại và nhìn người đàn ông trẻ hơn mình. “Hãy ra Atcatraz. Đã đến lúc phải giết chết Perenelle Flamel.”

Tiến sĩ John Dee xem tấm danh thiếp trong bàn tay mình. Tấm thiếp đẹp một cách khác thường, màu mực ánh bạc dập nổi trên tấm giấy dày làm bằng tay từ giẻ rách. Hắn lật qua lật lại, không có ghi tên trên tấm thiếp, chỉ có sự miêu tả được cách điệu hóa của một con hươu đực với những nhánh gạc hoa mỹ được viền bằng một vòng tròn hai nét. Chờm người tới trước, hắn nhấn vào nút liên lạc nội bộ. “Mời quý ông ấy vào; tôi sẽ tiếp ông ấy ngay.”

Cửa căn phòng hắn mở ra gần như ngay khi câu nói vừa dứt, và một anh thư ký trông có vẻ bồn chồn xuất hiện, dẫn theo một người đàn ông cao ráo có khuôn mặt nhọn hoắt vào phòng. “Ông Hunter, thưa ngài.”

“Nhưng các cuộc điện thoại của tôi,” Dee nói gay gắt. “Tôi không muốn bị quấy rầy trong bất cứ tình huống nào.”

“Vâng, thưa ông. Chỉ vậy thôi ạ, thưa ông?”

“Chỉ vậy thôi. Bảo nhân viên có thể ra về ngay bây giờ.” Dee đã đòi mọi người phải ở lại thêm sau giờ làm việc bình thường.

“Vâng, thưa ông. Cám ơn ông, thưa ông. Ngày mai ông sẽ ở đây chứ ạ?”

Dee nhìn dõi theo người thư ký đang chạy lăng xăng. Tay Pháp sư biết toàn bộ văn phòng này đều lo sốt vó lên vì hắn xuất hiện bất thành linh. Có tin đồn lan đi khắp nơi rằng hắn sẽ đóng cửa chi nhánh London của công ty Enoch Enterprises. Cho nên dù bây giờ đã mười giờ tối, vẫn không ai có một tiếng than phiền nào vì phải ở lại trễ.

“Mời ngồi, Ông Hunter.” Dee chỉ vào chiếc ghế thấp bằng kim loại bọc da đặt trước mặt. Còn hắn vẫn ngồi đằng sau cái bàn bằng cẩm thạch đen trũi bóng loáng của mình, cẩn thận quan sát người mới đến. Có cái gì đó không ổn với anh ta, tay Pháp sư khẳng định. Những chỗ bằng phẳng và góc cạnh của khuôn mặt anh ta không hòa hợp cân đối; đôi mắt anh ta hơi to quá, mỗi con mắt có một màu khác nhau và miệng anh ta lại hơi quá thấp và rất rộng. Hầu như thể anh ta được tạo ra bởi ai đó đã lâu chưa từng thấy một con người nào. Anh ta mặc một bộ vét sọc màu xanh lơ nhạt, nhưng chiếc quần đúng là hơi quá ngắn và cho thấy thấp thoáng lớp da chân trắng hơn ngay trên đôi vớ đen, trong khi ống tay áo ngoài của anh ta lại dài xuống tận các khớp đốt ngón tay. Đôi giày của anh ta bẩn thỉu, bện đầy bùn đất.

Hunter gập người ngồi vào ghế, cử động vụng về và cứng nhắc, như thể không biết phải làm gì với tay chân thừa thãi.

Dee chạm nhẹ mấy ngón tay của hắn lên thanh Excalibur đang để dựa dưới gầm bàn. Hắn cũng biết năm sáu câu thần chú về luồng điện và khiến nó bùng sống dậy. Và rồi, chỉ còn một vấn đề duy nhất thôi, đó là phải tẩy bụi đất nơi tấm thảm. Có khả năng chiếc ghế cũng sẽ tan chảy ra.

“Làm sao anh biết tôi ở đây?” Dee chợt hỏi. “Hiếm khi nào tôi ghé thăm văn phòng này. Mà bây giờ lại là buổi tối, hơi trễ đối với một cuộc gặp gỡ.”

Người đàn ông cao ngều có khuôn mặt xanh xao định cười, nhưng thay vào đó anh ta lại uốn éo đôi môi một cách kỳ cục. “Chủ nhân của tôi biết ông đang ở trong thành phố. Ông ấy đoán là thế nào ông cũng sẽ đến văn phòng này vì ở đây ông có thể truy cập vào mạng thông tin liên lạc của mình.” Người đàn ông nói tiếng Anh với độ chính xác rõ ràng và nhanh, nhưng giọng cao lại the thé đến nỗi khiến mọi thứ nghe có vẻ yếu ớt một cách buồn cười.

“Ông không thể nói thẳng ra được sao?” Dee gắt. Hắn đã mệt và thời gian đang cạn dần. Mặc cho nhiều tiếng đồng hồ chặn đường và vô số những trạm kiểm soát của cảnh sát, nhưng vẫn không có dấu vết gì của Flamel và bọn trẻ. Chính phủ Anh đang chịu áp lực đi đến việc phải tháo gỡ các trạm kiểm soát. Hiện thời tất cả các con đường ra vào thành phố này vẫn đang bị khóa chặt, và bản thân London đang trong tình trạng bế tắc.

“Ông đã có một cuộc họp với chủ nhân của tôi vào khuya đêm qua,” người đàn ông xanh xao nói. “Cuộc họp đã kết thúc trước khi đạt được một kết luận thỏa mãn hai bên, vì tình hình hoàn toàn ngoài tầm kiểm soát của ông.”

Tay Pháp sư đứng dậy và đi vòng quanh bàn làm việc. Hắn đang cầm thanh Excalibur trong bàn tay phải, gõ nhẹ lưỡi kiếm đá lên bàn tay trái mình. Người đàn ông đang ngồi không tỏ phản ứng gì. “Ông là gì?” Dee hỏi, có vẻ tò mò. Hắn đã đi đến kết luận là sinh vật này hoàn toàn không tự nhiên và thậm chí có khả năng không phải là con người. Quỳ xuống trên một đầu gối, hắn nhìn chăm bẵm vào gương mặt của người đàn ông, nhìn vào đôi mắt không cùng màu. Một con mắt màu xanh lá và một con mắt màu xám. “Anh là một tulpa, một Golem, simulacrum hay là homunculus?”

“Tôi là một Thoughtform,” nhân dáng ấy nói, và mỉm cười. Miệng hắn ta đầy những chiếc răng hươu. “Do Cernunnos tạo ra.”

Dee giật lùi người trở lại đúng lúc nhân dáng ấy biến hình. Cơ thể vẫn giữ nguyên là một của một người đàn ông cao ráo ăn mặc kỳ cục, nhưng cái đầu đã thay đổi, trở nên xinh đẹp và không còn giống đầu người nữa, ngay khi những nhánh gạc khổng lồ nhô ra. Cái miệng của Thần Sừng cử động thành một nụ cười mơ hồ nhất và đôi mắt với đồng tử hẹp giãn ra và co lại. “Hãy khóa cửa lại, Tiến sĩ; ông không muốn bất cứ người nào bước vào bây giờ chứ.”

Tránh xa sinh vật này, giữ cho thanh Excalibur luôn ở giữa hai người, Dee đi vòng khóa cửa nghe một tiếng tách. Những gì Cernunnos vừa làm thật phi thường. Sử dụng khả năng tưởng tượng và sức mạnh ý chí của chính mình, Quan chấp chính đã tạo ra một tạo vật hoàn toàn từ luồng điện của lão. Tạo vật không hoàn hảo, nhưng cũng tạm được. Dee biết rằng giống người thật sự không bao giờ trông giống hết nhau nữa là, và cho dù ai đó để ý thấy có gì không ổn trong dáng vẻ của người đàn ông này, thì chắc hẳn họ sẽ chỉ quay đi, cảm thấy có đôi chút bối rối thôi.

“Thật ấn tượng,” Dee nói. “Tôi cứ tưởng rằng ông đang điều khiển Thoughtform này từ xa ấy chứ?”

“Vượt xa những gì ông có thể hình dung,” Cernunnos nói.

“Tôi đã từng đi đến kết luận rằng ông chẳng có chút tinh thông nào về ma thuật cả,” Dee vừa thú nhận, vừa quay về bàn làm việc của mình. Tấm danh thiếp ánh bạc khác thường đang từ từ bốc hơi, những lọn khói màu trắng nhờ nhờ trôi giạt đi như bị hút vào người đàn ông có cái đầu hươu đực đang ngồi nơi cạnh đối diện của chiếc bàn làm việc.

“Không phải ma thuật, chỉ là chút công nghệ của Quan chấp chính thôi,” Cernunnos nói một cách giản dị. “Anh sẽ thấy hai thứ đó không thể phân biệt được.”

“Tôi cho rằng ông ở đây là có lý do,” Dee nói, “chứ không phải chỉ để trình diễn công... công nghệ này thôi.”

Con hươu đực gật đầu, mỉm cười tươi rói. “Tôi biết Flamel, Gilgamesh, Palamedes và cặp song sinh đang ở đâu.”

“Ngay lúc này sao?”

“Ngay lúc này chứ sao,” sinh vật ấy gật đầu tán thành. “Chỉ cách đây một giờ thôi.”

“Nói đi tôi nghe nào,” Dee tra gặng rồi nói thêm, “làm ơn.”

Quan chấp chính giơ bàn tay phải lên. Dee để ý thấy lão có một bàn tay với quá nhiều ngón. “Các điều khoản của tôi vẫn giữ nguyên như cũ, Pháp sư à. Tôi muốn Flamel, Gilgamesh và Palamedes phải còn sống. Và tôi muốn có thanh Clarent.”

“Nhất trí,” Dee nói ngay không chần chừ. “Tất cả là của ông. Cứ nói cho tôi biết bọn chúng đang ở đâu là được.”

“Và tôi muốn cả thanh Excalibur nữa.”

Ngay lúc đó ắt hẳn tay Pháp sư sẽ hứa cho sinh vật này bất cứ thứ gì. “Được luôn. Chính tôi sẽ đặt nó vào tay ông, ngay khi Flamel chết. Có bao nhiêu người khác nữa ở cùng bọn chúng?” Hẳn hỏi một cách hăm hở.

“Không có ai hết.”

“Không có ai hết? Còn bọn Gabriel Hounds thì sao?”

“Bọn Ratchet và chủ nhân của chúng, Đại Thi hào, đã biến đâu mất rồi. Nhà Giả kim, tên hiệp sĩ và nhà vua đi chung với hai đứa nhỏ sinh đôi.”

“Làm thế nào ông tìm được bọn chúng vậy?” Dee hỏi. Hẳn phải thừa nhận là hẳn thấy rất ấn tượng. “Tôi đã tìm kiếm bọn chúng khắp mọi nơi.”

Sinh vật ấy lại biến đổi khi đang đứng, những nhánh sừng co thắt vào trở lại thành khung xương sọ. Xuất hiện một cái đầu với nét mặt tinh tế khác với cái đầu trước đó của lão một cách đáng sợ. “Tôi quay lại pháo đài kim loại của bọn chúng, và rồi đơn giản là tôi lần theo mùi hương của bọn chúng thôi.”

“Ông lần theo mùi hương bọn chúng xuyên khắp thành phố này bằng cách ngửi thôi sao?” Dee thấy rằng đây là một kỳ công thậm chí còn đáng ngạc nhiên hơn việc kiểm soát Thoughtform. Hẳn cố kiềm chế một nụ cười trước hình ảnh bất chợt hiện ra mô tả một Thần Sừng chạy trên bốn chân xuyên qua làn xe cộ, người người hít hít sau một chiếc xe hơi.

“Công nghệ của Quan chấp chính ấy mà. Bản thân nó là một điều rất đơn giản,” Thoughtform nói. “Bây giờ, nếu ông cùng đi ngay với tôi, tôi sẽ cố gắng sắp xếp để ông có một cảm xúc...”

“Thoughtform thật ấn tượng,” tay Pháp sư nói với vẻ chân thành, “nhưng nếu ông định đi lại giữa giống người, thật sự ông cần phải điều chỉnh giọng nói một chút. Và cả quần áo nữa.”

“Điều đó chẳng thành vấn đề gì mấy,” sinh vật ấy nói. “Chẳng bao lâu giống người sẽ đâu còn nữa.”

Perenelle Flamel thật thất vọng.

Nép mình trong tháp canh nơi bà đã nghỉ qua đêm, Nữ Phù thủy cứ hy vọng hão huyền rằng có một chiếc thuyền nhỏ nào đó trong số những chiếc đang đi lại rải rác khắp vùng vịnh kia thành hình xoay hướng đi về phía hòn đảo này, và Scatty cùng với Joan sẽ cập bờ.

Nhưng cả một ngày trôi qua, bà chẳng thấy họ đâu hết.

Bà chắc chắn rằng họ đang cố gắng, và bà biết chỉ có một thứ gì đó khủng khiếp lắm mới có thể ngăn cản họ. Nhưng bà cũng có chút giận hờn với chính bản thân mình vì đã hy vọng nhiều quá.

“Tàu đang đến!” Giọng nói của de Ayala thầm thì đằng sau tai trái của bà, làm bà giật mình.

“Juan!” Bà gắt lên. “Ông làm tôi chết mất!” Bà chạy đến bên rìa tháp canh, cảm thấy một làn sóng nhẹ nhõm lan khắp người, cùng với một chút nhói lòng vì thấy thật có lỗi khi đã nở nghi ngờ những người bạn của bà. Khuôn mặt Nữ Phù thủy vỡ ra thành nụ cười dữ tợn; với Joan Arc và Scathach Bóng tối bên cạnh, không gì - không một thứ gì, thậm chí cả con nhân sư và Ông Già Biển - sẽ có thể chống chọi lại bà.

Những đôi cánh đen không lồ vỗ đập kêu tanh tách, và bà quan sát thấy Nữ thần Quạ bay liệng theo hình xoắn ốc lao xuống nóc ngọn hải đăng và nhẹ nhàng lơ lửng trên cầu tàu hầu như ngay phía dưới bà. Perenelle cau mày; sinh vật này đang nghĩ gì vậy? Mụ không biết Scathach có thể sẽ quăng mụ ta cho các Nữ thần Biển, những loài không quá cầu kỳ về những thức ăn của chúng hay sao chứ.

Bà vừa định đứng dậy và trèo khỏi tháp thì khuôn mặt de Ayala không hoàn chỉnh hiện ra trước mắt bà. Đôi mắt của hồn ma mở lớn đầy vẻ hoảng hốt. “Thấp xuống. Hạ thấp người xuống.”

Perenelle nằm bẹp người sát xuống sàn. Bà nghe tiếng nổ lập bập phát ra từ động cơ mô-tô của chiếc thuyền có gắn máy ngoài và tiếng cạo kèn kẹt của gỗ nghiêng gỗ khi con tàu va mạnh vào bến. Và rồi một giọng nói cất lên. Tiếng một người đàn ông.

“Quý bà, thật là vinh dự khi thấy bà ở đây.”

Có cái gì đó trong giọng nói này, cái gì đó quen thuộc khiếp... Perenelle trườn mình đến cạnh tháp canh và ngó xuống. Gần như ngay bên dưới bà, tay người Ý bất tử Niccolò Machiavelli đang cúi chào Nữ thần Quạ thật sâu. Nữ Phù thủy nhận ra người đàn ông trẻ trèo ra khỏi chiếc thuyền là người bất tử bà đã gặp đang theo dõi bà vào ngày hôm trước.

Machiavelli đứng thẳng người lại và giơ lên một phong bì. “Tôi có những chỉ thị từ chủ nhân Elder của chúng ta. Chúng ta sắp đánh thức đội quân đang ngủ và giết chết Nữ Phù thủy. Bà ta đâu rồi?” Y hỏi dồn.

Nụ cười của Nữ thần Quạ sao mà tàn ác quá thế. “Để tôi chỉ cho.”

Cặp song sinh đang ngủ, và giấc mơ của hai đứa giống hệt nhau.

Chúng mơ thấy mưa và nước chảy ào ào, những thác nước vút cao, những con sóng cuộn cuộn menh mông và một trận lũ lụt từng có lần đầu như phá hủy cả trái đất.

Những giấc mơ khiến chúng co rúm người và lằm bằm khi ngủ, lằm bằm nói thầm bằng đủ thứ tiếng, và có khi, cả Sophie và Josh đều đồng thanh kêu gọi mẹ bằng thứ tiếng mà Gilgamesh nhận ra là tiếng Ai Cập Cổ, một ngôn ngữ lần đầu tiên được nói cách đây hơn năm ngàn năm trước.

Hơn một chục lần trong suốt cả quãng ngày dài, Nicholas Flamel cứ muốn đánh thức hai đứa nhỏ sinh đôi, nhưng Gilgamesh và Palamedes đứng canh cho hai đứa. Nhà vua kéo một cái thùng lại ngồi gần bên Josh; chàng hiệp sĩ ngồi chồm hồm trên một cái hộp rách cạnh Sophie. Hai người đàn ông rạch một cái bảng vuông trên nền đất và liên tục chơi những ván cờ đam với những con cờ bằng đá và hạt của mấy thứ quả, hiếm khi cất tiếng nói gì ngoại trừ khi tính điểm bằng những mẫu que gậy.

Lần đầu tiên Flamel tiến đến gần cặp song sinh, hai người đàn ông ngược nhìn lên, nét ngờ vực giống hệt nhau hiện trên khuôn mặt họ. “Cứ để bọn trẻ yên đó. Tụi nhỏ cần phải ngủ,” Gilgamesh nói dứt khoát. “Pháp thuật Nước là độc nhất vô nhị. Không như những pháp thuật khác đến từ bên ngoài - những câu thần chú có thể được học thuộc lòng, một luồng điện có thể được nạp vào và định hình - còn sức mạnh của ma thuật Nước đến từ bên trong. Hết thảy chúng ta là những sinh vật sống nhờ nước. Đây là thứ ma thuật chúng ta đã sinh ra cùng với nó. Tôi đã làm bùng tình kiến thức nằm sâu trong tế bào của hai đứa, trong gene di truyền của hai đứa. Bây giờ cơ thể của chúng cần phải thích nghi, điều chỉnh và hấp thu những gì hai đứa vừa học được. Đánh thức chúng bây giờ sẽ chỉ là một việc làm quá nguy hiểm mà thôi.”

Flamel khoanh tay nhìn xuống cặp song sinh đang ngủ. “Mà chúng ta phải ngồi đây, chờ đợi trong bao lâu mới được chứ?”

“Cả ngày và cả đêm, nếu chúng ta cần phải thế,” Gilgamesh gắt.

“Dee đang xé đất nước này thành từng mảnh để truy lùng chúng ta, Perenelle của tôi đang bị giam giữ trên một hòn đảo đầy bọn quỷ sứ. Chúng ta

không thể cứ...” Flamel nổi giận.

“Ồ vâng chúng ta có thể. Và chúng ta sẽ hành động mà.” Palamedes từ từ đứng thẳng hết mức, vượt cao hơn hẳn Nhà Giả kim. Một vẻ ghê tởm hiện lên nơi khuôn mặt anh ta, và những vết thẹo bên dưới mắt sáng màu nổi lên trên làn da sạm của anh ta. “Ông đã bảo với tôi rằng ông không giết người kia mà.”

“Tôi không giết người!”

“Ừ, thì tôi giết.”

“Anh đe dọa tôi đó hả?”

“Ừ,” chàng hiệp sĩ nói đơn giản. “Sự nóng vội và ngu ngốc đã gây ra cái chết cho nhiều nạn nhân hơn bất cứ thứ vũ khí nào. Ông phải nghe lời nhà vua chứ. Đánh thức cặp song sinh bây giờ là ông giết chết bọn trẻ đó.” Anh ta dừng một chút và rồi nói thêm đầy vẻ cay đắng. “Hệt như cách ông đã giết những người khác trước hai đứa trẻ này vậy.” Anh ta quay đầu nhìn xuống Sophie và Josh. “Có bao giờ ông bắn khoản tự hỏi biết đâu một cặp nào đó đã chết lại có thể là cặp song sinh huyền thoại, và chính sự hau háu háms lợi của ông đã gây ra cái chết cho họ hoặc là tác nhân cho sự điên khùng của họ không?”

“Không một ngày nào qua đi mà tôi không nghĩ đến họ,” Flamel nói với vẻ chân thành.

Hiệp sĩ Saracen ngồi xuống và nhìn chăm chăm vào bàn cờ rạch vào nền đất. Anh ta di chuyển một con cờ, rồi nhìn lên trở lại và nói rất khể khàng. “Và nếu ông bước tới gần thêm một bước, tôi sẽ giết ông.”

Nhà Giả kim chắc chắn là anh ta đang có ý định như vậy thật.

Flamel trải qua gần như là cả ngày trong chiếc taxi, nghe tin tức trên radio, nhảy từ kênh này sang kênh khác, tìm xem có manh mối gì về những chuyện đang xảy ra không. Sự suy diễn chạy vòng vo trong khi các chương trình trò chuyện với người nổi tiếng và hộp thư bạn nghe đài lại đầy những lý thuyết kỳ quặc nhất. Tuy nhiên cũng có một tin tức thật. Được những đồng nghiệp thuộc nhà cầm quyền Pháp cảnh báo về mối đe dọa khủng bố lớn, nhà cầm quyền Anh đã đóng cửa tất cả mọi trường và hải cảng. Có những trạm kiểm soát trên mọi trục đường chính, và cảnh sát khuyên người ta không nên ra ngoài trừ phi có việc thật sự cần thiết. Nicholas luôn biết rằng các Elder Đen tối rất mạnh và có tay chân ở mọi cấp bậc trong xã hội loài người, nhưng đây là sự biểu dương quyền lực rõ ràng nhất mà ông từng thấy.

Khi buổi trưa trôi qua và buổi chiều dần đến, Nhà Giả kim lang thang khắp cánh đồng cỏ cao vây quanh nhà kho, uống chai nước Palamedes đã mua trong thị trấn gần đó. Thường thường, Nhà Giả kim là người kiên nhẫn nhất - thuật giả kim tự chính bản thân của nó là một quá trình chậm chạp và lâu dài - nhưng sự trì hoãn này thật làm tức điên lên. Stonehenge chỉ cách đây khoảng một ki-lô-mét rưỡi, và bên trong vòng tròn đứt quãng tạo thành từ những phiến đá dựng đứng là một cổng tuyến nối thẳng đến ngọn Mount Tamalpais. Flamel ý thức rằng ông không còn sở hữu sức mạnh để mở cổng tuyến này, nhưng cặp sinh đôi thì có. Ông chắc chắn bọn trẻ sẽ hăm hở trở về nhà như ông. Rồi ông có thể bắt đầu việc giải cứu Perenelle. Ông sẽ giải thoát cho bà hoặc cùng chết với bà. Mà cho dù là ông thành công và đưa được Perry ra khỏi hòn đảo, thì ông vẫn tin rằng họ chẳng còn gì để làm ngoại trừ cái chết.

Nhà Giả kim dừng lại trước một trong những cây sồi cổ xưa làm ranh giới cho cánh đồng này và dựa lưng vào đó, ngửa mặt nhìn chăm chăm vào bầu trời xuyên qua lớp lá dày bao phủ bên trên, rồi ngồi thụp xuống mặt đất khô cứng. Ông giơ cả hai tay ra ánh sáng: đúng là bàn tay gân guốc của một ông già. Ông chải ngón tay vào da đầu và trông thấy những món tóc nhỏ gồm những sợi ngắn ngắn bạc thếch dưới ánh mặt trời. Các khớp đốt ngón tay của ông phình ra và cứng nhắc, và mỗi lần đứng lên hay ngồi xuống, ông lại cảm thấy một cơn đau nhói bên hông. Tuổi già đang bủa chụp xuống người ông. Kể từ thứ Năm tuần trước, khi Dee bước vào tiệm sách của ông, đến nay chắc hẳn ông đã già đi cả một thập kỷ rồi, dù ông chợt thấy hình như phải già đến gấp hai lần như vậy. Ông đã sử dụng luồng điện của mình quá nhiều mà không để nó kịp nạp lại khiến quá trình già càng tăng tốc nhanh hơn. Các mức năng lượng của ông suy yếu một cách nguy hiểm, và ông đang ý thức rằng nếu ông cứ thường xuyên sử dụng luồng điện của mình thì một mối nguy hiểm rất thật sẽ xuất hiện, đó là ông sẽ bốc cháy tự phát mất thôi.

Không có cuốn Codex, cả ông và Perenelle đều sẽ chết. Khóe môi Nhà Giả kim nhếch lên thành một nụ cười gượng gạo. Cuốn sách của Abraham đang ở với Dee và các chủ nhân của hắn, có khả năng là họ không chịu trả lại đâu. Nicholas đuổi thẳng chân, nhắm mắt và quay mặt về phía mặt trời, để sự ấm áp của mặt trời ôm choàng lấy ông. Ông sắp chết rồi. Không phải một ngày nào đó, không phải tại một thời điểm mơ hồ nào đó trong tương lai - ông sẽ chết rất nhanh thôi. Và rồi thì chuyện gì sẽ xảy đến cho hai đứa nhỏ sinh đôi? Sophie còn phải học

thêm hai ma thuật nữa, Josh vẫn còn đến bốn; ai sẽ tiếp tục việc huấn luyện chúng đây? Nếu bọn trẻ vượt qua được tình trạng khó khăn hiện nay của chúng và sống sót, ông biết ông cần phải quyết định trước khi thần chết đòi ông trình diện. Liệu Saint-Germain có vui lòng làm cố vấn cho hai đứa nhỏ không? Ông tự hỏi - dù ông không chắc mình có hoàn toàn tin cậy nơi bá tước được không. Có lẽ còn một ai đó ở Mỹ mà ông có thể nhờ được, biết đâu có một pháp sư người Mỹ chính gốc nào đó có thể...

Con kiệt quệ đến tận xương tủy cùng với sức nóng và sự yên tĩnh của ngày hôm ấy khiến Nhà Giả kim buồn ngủ. Hai hàng mi ông chớp nhẹ, rồi dần dần khép lại, và ông rơi vào giấc ngủ khi đang ngồi tựa vào thân cây sồi.

Nhà Giả kim mơ về Perenelle.

Đó là ngày đám cưới của họ - ngày 18 tháng Tám năm 1350 - và vị tu sĩ đã tuyên bố họ là vợ chồng. Nhà Giả kim run rẩy trong giấc ngủ của mình; đây là một giấc mơ cũ, một cơn ác mộng từng ám ảnh ông hàng đêm trong suốt nhiều thế kỷ và ông biết cả những gì sắp diễn ra tiếp theo.

Nicholas và ỏ quay người khỏi bàn thờ để đối diện với toàn cảnh nhà thờ bên dưới hàng ghế giáo dân và thấy rằng tòa nhà bằng đá nhỏ bé kia đã chật ních người. Khi hai ông bà bước xuống lối đi giữa hai dãy ghế, cả hai đều phát hiện ra rằng nhà thờ đầy những cặp song sinh - trai và gái, tuổi thiếu niên, những thanh niên nam nữ - tất cả đều tóc vàng và mắt xanh lơ. Hết thấy họ đều trông giống như Sophie và Josh Newman. Và hết thấy họ đều có cùng một vẻ kinh hoàng và ghê tởm trên gương mặt.

Nicholas giật mình tỉnh dậy. Ông luôn bị đánh thức vào đúng thời điểm ấy.

Nhà Giả kim vẫn ngồi im bất động, để cho nhịp tim đang nện thùm thụp của ông dịu xuống bớt. Ông giật mình khám phá ra màn đêm đang dần buông. Không khí mát lạnh và khô ráo phủ lên lớp da rịn mồ hôi của ông. Những chiếc lá phía trên đầu xào xạc thì thầm, mùi hương của rừng nặng trĩu và ngọt ngào một cách giả tạo...

Điều đó không ổn. Lẽ ra màn đêm phải có mùi cây cỏ, nhưng mùi hương của những cánh rừng nguyên sơ đến từ đâu thế này?

Một nhánh cây gãy tách rơi xuống cánh tay trái ông, những chiếc lá khô kêu lại xào xạc đâu đó phía bên phải và Nhà Giả kim nhận ra có cái gì đó đang chuyển động xuyên qua cánh đồng tiến thẳng về phía nhà kho.

“Nữ Phù thủy đang ở trong xà-lim của Khối nhà D,” Nữ thần Quạ nói. “Lối này.” Mụ đứng lùi lại và nhường cho Machiavelli và Billy the Kid đi trước mình. Rồi mụ quay đầu nhìn ngoái lại đằng sau, hướng lên tháp canh, hai con mắt đỏ và vàng sáng bừng lên trên làn da xanh xao. Mụ nhướn cặp lông mày mỏng như nét bút chì, đôi môi nhếch lên cười rất nhẹ và rồi mụ thả cặp kính râm xuống mặt. Nữ thần Quạ kéo cao tấm áo choàng bằng lông vũ đen thui lên trên vai và sải bước theo sau hai người bắt tử kia, gót giày ống gỗ lộp cộp trên những phiến đá ẩm ướt.

“Chuyện gì vừa xảy ra vậy?” de Ayala hỏi, lòng dạ rối tung.

“Một món nợ phải trả thôi mà,” Perenelle nói khẽ, đôi mắt bà dõi theo sinh vật ấy khi mụ ta biến mất ngay bên dưới tháp canh. “Không thể đòi hỏi và ngoài sự mong đợi,” bà nói thêm kèm theo một nụ cười. Nữ Phù thủy túm lấy ngọn giáo của bà, quần tẩm mền quanh vai và trèo xuống cái thang bằng kim loại dẫn lên cầu tàu. Bà hít thở thật sâu; thoang thoang mùi răn của Machiavelli và mùi hương của người bạn đồng hành của y - mùi ớt của bột - vương trong không khí. Bà sẽ không quên mấy cái mùi này.

“Bà nên chờ chờ tới khi chúng vào đến mấy xà-lim bên dưới đã rồi hẵng trở hướng tàu” de Ayala vừa nói, vừa hiện ra bên cạnh bà. Bây giờ ông ta đang mặc trang phục trang trọng hơn của một đại úy trong quân đội hải quân Tây Ban Nha. “Hãy nhớ lúc chúng thiếu cảnh giác. Luồng điện của bà có mạnh không?”

“Mạnh như chưa bao giờ, tôi tin thế. Sao ông hỏi vậy?”

“Có mạnh đủ để mang nguyên trần nhà úp chụp xuống đầu chúng không?”

Perenelle tựa lên ngọn giáo và nhìn chăm chăm vào tòa nhà đã bị khí biển làm cho hư hại. “Vâng, vâng, tôi có thể làm như thế,” bà thận trọng nói. Cơn gió từ biển thổi vào ném mấy sợi tóc vắt ngang mặt bà. Bà vén chúng đi, chợt nhận ra có nhiều sợi bạc hơn sợi đen. “Tôi cần phải giữ gìn luồng điện của mình, nhưng tôi cam đoan là tôi có thể tìm ra một câu thần chú để ăn hết lớp bê-tông và kim loại gia cố...”

Hồn ma xoay hai bàn tay với vẻ vui sướng. “Tất nhiên là tất cả các linh hồn ở Atcatraz đều hỗ trợ bà, thưa quý bà. Bà có cần gì cứ bảo chúng tôi.”

“Cám ơn ông, Juan. Họ giúp thế đủ rồi.” Perenelle dõi theo ba người kia, di chuyển nhẹ nhàng trên đôi giày tã tời của bà. Bà ngừng lại noi góc một tòa nhà và nhìn kỹ chung quanh. Nữ thần Quạ và những người bất tử đã biến mất.

De Ayala trời lên. “Còn thứ nước đá bà dùng để chống lại con nhân sư nữa? Thứ đó sẽ có kết quả đó; nếu niềm toàn bộ dây hành lang trong nước đá đông cứng thì sao?”

“Có lẽ đó chỉ là một chút mưu mẹo nhỏ thôi,” Nữ Phù thủy vừa thú thật, vừa quay người hướng trở lại về phía bến tàu một cách quả quyết, băng ngang qua hiệu sách. Một nụ cười tinh quái làm khoe miệng bà nhếch lên. “Tuy nhiên, tôi có thể làm một việc chắc chắn sẽ khiến bọn chúng khó chịu đây.”

“Việc gì vậy?” de Ayala hăm hở hỏi.

Perenelle chỉ bằng ngọn giáo gỗ. “Tôi sẽ đánh cắp chiếc tàu của bọn chúng.” Hồn ma trông thất vọng đến nỗi lần đầu tiên trong bấy nhiêu ngày Nữ Phù thủy bật cười thành tiếng.

Ánh sáng màu xanh bạc hà lóe lên xuyên qua mấy bức tường xiên lệch cong oằn của nhà kho, những đường những vạch sáng chói lòa chiếu thành từng chùm tia đồng nhất thấp sáng khắp không gian bên trong.

Nổi rõ lên trên nền sáng ấy, với những nhánh gác khổng lồ, là Quan chấp chính, Cernunnos. Bóng của những cái đầu sói nhảy múa trên những bức tường.

Sophie thét lớn và thức dậy, lớp áo giáp bạc chói lọi nhấp nháy hiện ra quanh người cô bé khi luồng điện của cô bé lấp lánh trên da thịt. Đôi mắt Josh vụt mở và cậu tung người đứng thẳng dậy, bàn tay trái tự động giơ ra nắm lấy thanh Clarent. Thanh kiếm đá kêu vo vo và phát ra tiếng xì xì khi các ngón tay cậu khép quanh chuôi kiếm, lưỡi kiếm kêu lộp bộp, màu sắc óng ánh chạy dọc chiều dài thanh kiếm.

Bộ giáp màu đen láng bóng của Palamedes cũng bao phủ khắp người anh ta, kéo thanh gươm to bản khổng lồ ra khỏi vai mình, anh ta liền nhảy vào vị trí ngay phía trước cặp song sinh. Gilgamesh lảng lảng nhào tới và rút thanh kiếm shamshir lưỡi cong khỏi đai lưng của chàng hiệp sĩ. “Nhà Giả kim đâu?” Palamedes hỏi gần.

“Tôi có thể ngửi thấy mùi bạc hà,” Sophie vừa nói ngay, vừa hít thở sâu. Mùi hương rất dễ nhận ra ấy lan khắp bầu không khí đêm. Cô bé ý thức trái tim mình đang nhen thui thui, nhưng cho dù cô bé có biết chuyện gì bên ngoài kia, cô bé cũng không sợ hãi. Hai chị em đã từng đánh bại Quan chấp chính một lần rồi, mà đó là trước khi cả hai có được Pháp thuật Nước lặn kia.

“Ánh sáng này cùng màu với luồng điện của chú Nicholas,” Josh nói thêm. “Chắc chú ấy ở bên ngoài.”

“Chúng ta cần phải thoát ra,” Palamedes vội vã nói, “chúng ta không thể bị mắc bẫy ở đây được.” Anh ta quay người và lao mình vào một bức tường. Gỗ mục bị bật ra văng thành từng mảnh, cả người anh ta đâm sầm ra cánh đồng.

“Đi!” Gilgamesh vừa la lên, vừa nắm lấy cánh tay Sophie và đẩy cô bé qua khe hở lờm chờm ngay đằng trước ông ta. “Josh, đi nào!”

Josh quay người lao theo vừa lúc cánh cửa nhà kho bị xé toạc ra khỏi mấy cái bản lề. Cernunnos cúi đầu nhìn lom khom vào nhà kho, chỉ những nhánh gác khổng lồ của lão mới ngăn cản không cho lão đi qua ngưỡng cửa. Khuôn mặt

xinh đẹp ấy mỉm cười rồi tiếng nói kêu vo vo và rung lên trong đầu Josh. “Vây là chúng ta gặp nhau lại rồi, cậu bé. Ta đến đòi thanh kiếm của ta đây.”

“Tôi không nghĩ vậy đâu,” Josh nói qua hai hàm răng nghiến chặt.

“Ta lại nghĩ thế đấy. Và ta đã chuẩn bị kỹ cho lần này rồi.” Cernunnos kéo giật cánh tay phải của lão ra sau, và Josh trông thấy trong tay Thần Sừng có một cây cung bắn tên. Josh nghe một tiếng tưng của dây cung và cậu chột bắt được thoáng một mũi tên lóe lên bay vòng cung xuyên không khí thẳng về phía cậu.

Thanh Clarent chuyển động, vọt lên và lao qua người Josh, lưỡi kiếm bẹt ra ngay trên tim cậu.

Khi chạm vào lưỡi kiếm đá, mũi tên đầu bằng xương vỡ ra từng mảnh không làm hại cậu được nữa, nhưng tạo một lực đủ mạnh để đẩy cậu con trai loạn choạng bước lùi ra sau. Cernunnos kêu rống lên đầy thất vọng. Lão tra một mũi tên khác và bắn ngay.

Thanh Clarent xoay chuyển trong tay Josh, lưỡi kiếm reo lên nghe u u khi nó chệ mũi tên này ra làm hai.

Hai con trong đám sói mặt người đẩy Thần Sừng qua và len vào nhà kho. Chúng tách ra và tiến tới Josh từ hai phía, cậu bước lùi cho đến khi cẳng chân đụng chiếc máy kéo cổ xưa. Cậu không còn đường lùi nữa. Trụ bàn chân thật vững, giữ thanh kiếm bằng cả hai tay ngay trước mặt mình, cậu đứng quan sát hai con sói trong đạo quân Wild Hunt bò về phía cậu, và nhìn thấy Quan chấp chính đã sẵn sàng cho một mũi tên nữa.

“Cậu nhanh đến thế nào lận, hờ cậu bé con?” Cernunnos rống lên. Lão ta hét lên một lời khó hiểu ngay khi thả mũi tên đi và hai con sói cùng lao vào một lượt, quai hàm há rộng.

Gilgamesh đã lao vào vùng bóng tối, thanh kiếm Ba Tư lưỡi cong chém vào không khí kêu lên rin rít. Con sói thứ nhất thậm chí còn không thềm nhìn đến người bất tử, nhưng ngay khi lưỡi thép lạnh chạm vào da nó, nó liền tan ra thành bụi đất.

Con sói thứ hai phóng vọt đến Josh. Thanh Clarent chuyển động, đâm hướng ra ngoài, và sinh vật ấy nổ tan thành bụi cám. “Gilgamesh!” Josh la lớn. “Cẩn thận!”

Nhưng mũi tên của Quan chấp chính đã ghim trúng người bất tử, cắm cao trên phía ngực một chút, lực đẩy khiến ông ta quay tròn, rồi ném ông ta ngã phịch xuống đất, Cernunnos chớp lấy một mũi tên khác, nhắm vào nhà vua và bắn.

Tiếng thét của Sophie thật khủng khiếp: nỗi sợ hãi và mất mát cùng với cơn thịnh nộ quyện chặt thành một âm thanh. Giật tay ra khỏi Hiệp sĩ Saracen, cô bé chui người trở lại qua bức tường bể, luồng điện bạc đông cứng lại và cô bé tung người nhảy úp lên đầu ông ta. Mũi tên của Cernunnos cắm vào ngay giữa lưng cô bé, cái đầu bằng đá lửa của mũi tên vỡ tan thành bột rơi trên bộ giáp của cô bé, nhưng lực của cú va chạm làm cô bé mất tập trung và luồng điện của cô bé nhạt dần rồi tan ra, để lại cô bé không gì bảo vệ.

Quan chấp chính quăng cây cung qua một bên; lão không còn mũi tên nào. Rồi lão bắt đầu bóc toạc mặt tiền nhà kho ra từng mảnh bằng đôi tay khổng lồ, vừa gặm thét, kêu rống, vừa giẫm đạp trong một cơn thịnh nộ hả hê.

Sophie quỳ bên cạnh Gilgamesh, nâng đầu ông ta lên khỏi sàn và ôm vào lòng. Josh chen người vào giữa Thần Sừng với cô chị gái cậu. Cậu trụ chắc bàn chân và toàn thân cậu tự động chuyển vào một thể trận: trọng lượng hơi chuyển sang một bên, thanh kiếm trong cả hai tay, dựng đứng lên trước ngực. Cậu nhận ra một cảm giác an lành bất ngờ ngự trị trong lòng cậu, và cậu biết rằng không gì liên quan đến thanh kiếm đang kêu o o xì xì trong lòng bàn tay cậu. Đó là sự nhận thức không chọn lựa mà cũng không quyết định. Chỉ có duy nhất một thứ cậu có thể làm: cậu sẽ đứng lên đánh nhau với Quan chấp chính, và cậu sẵn sàng chết để bảo vệ chị gái mình.

Môi Gilgamesh mấp máy, và Sophie cúi đầu xuống lắng nghe lời ông nói. “Nước,” ông ta thều thào, hơi thở ông phả ra làm ấm cả khuôn mặt cô bé.

“Tôi không còn miếng nào,” cô bé nói mà muốn khóc. Cô bé biết mình nên làm cái gì đó, nhưng cô bé không nghĩ ra được, không thể tập trung được. Tất cả những gì cô bé có thể thấy là người đàn ông lớn tuổi này nằm trong tay mình, mũi tên màu đen khủng khiếp cắm trên ngực ông ta. Cô bé muốn giúp ông; chỉ là không biết phải làm thế nào.

Đôi môi nhà vua nhúc nhích thành một nụ cười đau đớn. “Không phải để uống,” ông ta ré lên. “Nước: vũ khí tối thượng.”

Cô bé chưa kịp phản ứng, Quan chấp chính đã xé nát toàn bộ mặt tiền nhà kho. Cô bé xoay người vòng quanh, và qua lỗ hổng cô bé có thể nhìn thấy những gì đang diễn ra bên ngoài. Nicholas đang đánh nhau với tiến sĩ John Dee, lúc ấy đang quần mình trong sắc vàng của làn khói có mùi lưu huỳnh. Dee chiến đấu với một cây roi năng lượng dài màu vàng bùng trong khi Nhà Giả kim cố giữ mình trong khoảng cách an toàn bằng một ngọn giáo ánh sáng toàn một màu xanh lá.

Còn Palamedes bị số Wild Hunt sống sót vây quanh, những con soi khổng lồ cứ lao vào tấp dớp và quào cẩu anh ta, đe dọa áp đảo còn anh ta đang lấy thanh trường kiếm chém phạt túi bụi.

“Josh.” Sophie bình tĩnh. “Nhà vua nói tụi mình nên dùng nước.”

“Nước hả?” Cậu em sinh đôi liếc xuống. “Nhưng em đâu có biết làm thế nào để...”

“Nhớ chị đã nói gì về bản năng không?” Cô bé đưa thẳng bàn tay phải lên và cậu em sinh đôi chìa tay trái của mình xuống nắm lấy bàn tay cô.

Cernunnos đã đánh đổ sập hoàn toàn mặt phía trước của căn nhà và rút ra khỏi đai lưng lão một cây gậy đầu bằng đá trông thật dã man. “Cậu không thể bảo vệ được chính mình và cô gái nhỏ kia đâu,” lão lầm bầm.

“Tôi chỉ cần bảo vệ được cô gái ấy thôi,” Josh thì thào.

Cernunnos bước tới một bước... và rồi mặt đất mở ra bên dưới lão. Những gì vừa mới là mặt đất khô queo giờ biến thành một bãi lầy lính dính, nuốt chửng mắt cá chân lão. Nước, sóng sánh và đục ngầu, sủi bọt lên từ bên dưới mặt đất. Một mạch nước nhỏ tí xíu phun thành một vết nứt, và rồi cả phần đất nứt ra và đột nhiên rã thành một đồng chèm chẹp nhớp nhúa. Quan chấp chính lão đảo bước tới, cây gậy tuột ra khỏi tay lão. Một mảng đất khác biến thành đầm lầy lỏng lẻo và sinh vật ấy bị lún xuống tới đầu gối, rồi tới hông. Bây giờ im lặng một cách hãi hùng, đôi mắt hình bầu dục màu hổ phách của lão dán chặt vào cặp song sinh, lóe lên sự căm ghét tột độ, Cernunnos chống hai bàn tay to bè của lão xuống đất và cố nhấc mình lên khỏi đó.

“Sai lầm,” Josh thì thầm.

Mặt đất chung quanh hai bàn tay Quan chấp chính hóa lỏng ra.

“Tụi mình chỉ cần thêm một chút nước nữa thôi,” Sophie ào ào.

Josh thật sự cảm thấy nước dâng tràn trên mặt đất khô rang, cảm nghiệm được sức mạnh của nước khi nó tìm đường phun thẳng lên, như có một lực nén không thể tưởng ẩn sâu bên dưới, nước cắt lát qua lớp bùn, nghiền nát lớp đất, đẩy hết lớp đã và rễ cây ra phía trước.

Quan chấp chính tru tréo và gằm rống lên khi lão bị lún bùn ngập đến ngực, tầm vóc khổng lồ của lão cứ ngày càng chìm sâu hơn vào lòng đất. Hai bàn tay của sinh vật ấy đập liên hồi vào lớp đất nhầy nhụa, làm đất bắn tung tóe khắp nơi. Lão cố quơ quào tìm thấy một điểm tựa, nhưng chẳng có gì ngoài bùn với bùn. Một cái bong bóng vỡ ra đằng sau lão, một cục đá văng lên trên lớp bề mặt của

vũng bùn, một cục đá khác rồi một cục đá thứ ba. Và bất thành linh, một thứ bùn màu đen nâu dính lớp nhớp phun thẳng lên đổ ào xuống phủ lấy sinh vật ấy thật bẩn thỉu, nã liên hồi vào mình lão toàn là những khúc rễ cây và đá cục. Một lổm bùn lún xuống thành hình tròn mở hẳn ra quanh Cernunnos và Quan chấp chính bị nuốt chửng, bùn chảy xối xả xuống đầu lão, cho tới khi chỉ còn ló lên mấy cái chóp gạc của lão.

Sophie giật tay mình ra khỏi tay cậu em trai và xòe những ngón tay màu bạc kim loại ra. Một ngọn lửa nóng rực chiếu sáng trên vòng tròn lầy lội kia, trong thoáng chốc làn hơi nóng rất nung mặt đất đến khô khốc.

“Tui mình làm được rồi,” Josh cười lớn. “Tui mình làm được rồi! Em có thể cảm nhận được năng lượng chảy khắp người mình. Pháp thuật Nước thật là,” cậu nói đầy kinh ngạc.

“Josh, ra khỏi đó. Đi giúp họ đi.” Sophie ra lệnh, khuôn mặt chỉ còn toàn một màu sắc nhợt nhạt khi luồng điện của cô bé xả hết ra.

“Còn chị thì sao?”

“Cứ làm đi,” cô bé gắt lên, đôi mắt lấp lánh bạc.

“Chị không phải là bà chủ của em.” Cậu cười toét miệng.

“Ồ, chính là thế đấy chứ.” Cô bé mỉm cười và giơ tay lên siết chặt mấy ngón tay cậu. “Hãy nhớ lại đi, chị lớn hơn mà.”

Mỉm cười, Josh quay người phóng ra cánh đồng, thanh Clarent kêu xì xèo phía trước cậu, rẽ đường đi về phía Palamedes. Một phần cậu muốn giúp Nhà Giả kim, nhưng sâu thẳm trong bản năng mách bảo rằng giải cứu chàng hiệp sĩ trước tiên sẽ là việc làm khôn ngoan hơn, hai chiến binh phải hơn một chứ.

Gilgamesh nắm chặt các ngón tay Sophie. “Cô phải đi ngay,” ông ta nói bằng một giọng thì thào khàn đặc. “Đi ra khỏi đây.”

“Tôi sẽ không bỏ ông đâu. Ông bị thương rồi.”

“Cô sẽ không bao giờ bỏ tôi,” nhà vua nói, “cô sẽ sống mãi trong ký ức của tôi.” Đột nhiên ông ta chụp lấy mũi tên ló ra khỏi ngực mình, rút mạnh nó ra và vứt đi. “Còn cái này, à há, nó chỉ làm tôi chậm một chút thôi, phải hơn thế này mới giết được tôi kìa. Cô đi đi, đi ngay đi. Luồng điện của cô, của Nhà Giả kim và của tap Pháp sư sẽ kêu réo mời gọi mọi thứ xấu xa trong đất nước này. Và cũng có thể là cả nhà chức trách nữa.” Đôi mắt ông lung linh trước ánh sáng màu xanh lá và vàng chiếu sáng rực từ mấy thứ vũ khí của hai người bất tử. “Tôi chắc chắn cách đây mấy cây số người ta vẫn có thể nhìn thấy thứ ánh sáng này.” Nhà

vua siết bàn tay Sophie. “Hãy biết điều này: nếu chúng ta gặp lại nhau, có thể tôi không nhớ, thì hãy đưa cái này cho tôi. Nó sẽ nhắc tôi nhớ đến một cô gái bé bỏng đã nhỏ một giọt lệ xót thương cho một nhà vua đã không còn nữa. Đi đi. Đi tới cổng tuyến.”

“Nhưng tôi không biết cổng tuyến ở đâu,” Sophie nói.

“Nhà Giả kim biết...” Ông ta quay người nhìn Flamel, và Sophie dõi theo ánh mắt ông ta. Ngay lúc đó luồng điện của Flamel nhấp nháy lịm đi cùng lúc ông gục người xuống đất. Dee hét lên đăc hắc và thu ngọn roi màu vàng kêu tanh tách trở lại nhằm thẳng vào đầu ông.

Từ nơi khoe mắt, Josh nhìn thấy luồng điện của Nhà Giả kim lịm tắt và cậu quay ngoắt lại vừa kịp lúc thấy ông ngã xuống.

Và cậu biết cậu đã đi quá xa không thể đến bên ông kịp nữa.

Câu xoay tròn người và thanh Clarent chém phạt một con sói một mắt bắn thiêu tan thành bụi, và rồi, lấy gót chân làm trụ như thể cậu đang ném một cái đĩa nhựa, cậu quăng thanh kiếm vào Dee. Lưỡi kiếm kêu lên như một con mèo ngay khi nó xé xuyên không khí, mặt đá lóe sáng một màu đen đỏ. Tay Pháp sư nhìn thấy thanh kiếm vào giây cuối cùng. Ngọn roi trong tay hắn trở thành một cái khiên tròn và thanh Clarent đánh vào ngay giữa cái khiên thành một cú nổ phóng xạ ra những tia lửa đen và vàng hất mạnh Pháp sư xuống đất. Luồng điện của hắn nứt ra, rồi tắt ngấm. Và hắn không dậy được nữa.

Một con sói có khuôn mặt trẻ con nhảy vào Josh, hai hàm răng nó há ra, và cậu kêu ré lên đau đớn khi hàm nó sượt trúng cánh tay cậu. Ngay lập tức, con sói nổ tan tành thành bụi đất. Sophie phúi muội bò hóng đen thui ra khỏi lưỡi kiếm shamshir bằng kim loại mà Gilgamesh đã đưa cho cô bé. “Lấy xe, chúng ta ra khỏi đây.”

Josh chần chừ, phân vân giữa việc lấy lại thanh Clarent với việc chạy đến chiếc xe. Những đôi cánh vỗ đập phía trên đầu và một sinh vật giống con chuột có sáu chân cao nhòng thả mình trong bầu trời đêm, móng vuốt xòe rộng hướng về phía Sophie. Tiếng rít đầy vẻ đắc thắng hóa thành một tiếng ùng ục ngay lúc lưỡi kiếm sắt xia thẳng lên, biến nó thành mớ cát lợn cợn. “Làm ngay đi, Josh!” Sophie nói gọn, rồi nhổ bụi đất ra khỏi miệng mình.

Cậu em sinh đôi quay người chạy về hướng chiếc xe. Màn đêm trở nên sống động bởi một mớ tạp âm: tiếng hú, tiếng ăng ăng và tiếng sữa ran. Những bàn chân móng guốc khua lách cách trên nền đất cứng. Những tiếng ồn ào ngày càng lớn hơn, gần hơn.

Palamedes vẫn để chìa khóa nơi bộ phận đánh lửa trong xe. Josh trượt mình vào ghế tài xế, hít thở sâu và vặn chìa khóa, cậu nhấn ga. Hai con sói biến mất dưới bánh xe phụt ra một đám bụi. Một con khác nhảy lên nắp ca-bô, nhưng cậu giật mạnh tay lái và nó trượt nhào, để lại những dấu vuốt dài trên mặt kim loại.

Cậu cán qua một con sói đen trũi như than đang bò trườn lên phía Sophie và đập thẳng. “Thưa và gọi taxi ạ?”

Nhưng Sophie không trèo vào. “Đến chỗ Palamedes,” cô bé gắt. Chạy theo chiếc xe, cô bé lấy thanh kiếm kim loại chém phạt lung tung để mở đường đi xuyên qua mấy con sói trong bọn Wild Hunt cho tới khi đến được chỗ Hiệp sĩ Sacaren, lúc này đang đứng trong một lớp bụi đất đen ngòm ngập đến mắt cá chân.

“Vào đi, vào đi!” Josh la lên.

Palamedes vắn người mở cửa xe, đẩy Sophie vào trước, rồi anh ta nhảy vào phía băng sau của chiếc taxi. Josh quay tay lái tròn tránh thoát ra khỏi đó. Cậu chạy tới và thẳng lại bên Nicholas, đang nằm bất động trên đất. Sophie nhào người ra khỏi băng sau của chiếc xe, nắm lấy vai ông và cố lôi mạnh ông vào xe, nhưng ông nặng quá thể. Palamedes giơ tay ra và dù đang trong tình trạng kiệt sức và yếu là người, nhưng anh ta vẫn kéo lê Nhà Giả kim bằng chỉ một tay.

Sophie lấy lòng bàn tay đập chạn chát vào tấm kính chắn. “Đi, Josh, đi đi!”

“Em phải lấy thanh Clarent.”

“Nhìn đằng sau kia!” cô bé hét lên.

Trong kính chiếu hậu, Josh có thể thấy cánh đồng giờ toàn những con quái vật. Chúng trông như là một phần của bọn Wild Hunt, nhưng những con sói này đen thui, mặt mày hung ác và trông gần giống khi. Chạy theo chúng là những con mèo mun với những con mắt lóe đỏ rực.

“Chúng là cái quái gì vậy?” Josh hét lên.

“Những đồng loại của bọn Wild Hunt từ khắp mọi nơi trên đất nước này,” Palamedes mệt mỏi nói.

Josh liếc vào đám cỏ cao nơi cậu biết thanh Clarent đang nằm đó và quyết định. Chỉ mất có một giây để lấy được nó... nhưng làm như vậy là gây nguy hiểm cho mọi người. Ngay khi cậu nhấn ga phóng lên, cậu nhận ra rằng Josh Newman trước đây chắc hẳn sẽ đặt nhu cầu của mình lên trên sự an toàn của những người khác và đi tìm thanh kiếm ấy ngay. Cậu đã thay đổi. Có lẽ điều này có liên quan đến pháp thuật cậu đã học được, nhưng cậu không chắc. Những trải nghiệm trong mấy ngày vừa qua đã dạy cậu biết điều gì là quan trọng.

Sophie nhào người ra cửa sổ, gom hết toàn bộ sức mạnh mà cô bé không ý thức là mình đang sở hữu, và ấn ngón tay cái vào vòng tròn trên cổ tay mình. Một

đường lửa thẳng như tên bắn đượm hương vanilla dữ dội cháy sáng rực thành những ngọn lửa dài đến gần hai mét, buộc các sinh vật kia phải dừng lại.

“Tôi phải làm gì đây?” Josh la lên. “Tôi lái xe đi đâu?” Một cánh cổng bằng gỗ xuất hiện ngay nơi đèn trước của chiếc xe. Josh giữ chắc tay lái, khum vai xuống và phóng xe xuyên thẳng vào đó, đâm nó vỡ ra thành từng mảnh. Một khúc gỗ bắn tách văng ngược trở lui và chọc thủng một lỗ trên tấm kính chắn gió.

Palamedes chụp lấy Nhà Giả kim và không biết làm gì khác hơn là nhè nhẹ lắc đầu. Đôi mắt Flamel nứt mở hé hé và đôi môi ông mấp máy, nhưng không thốt ra câu thanh nào. “Chúng ta đi đâu đây?” chàng hiệp sĩ hỏi gặng.

“Stonehage,” Flamel lầm bầm trong miệng.

“Vâng, vâng, tôi biết rồi. Ở chỗ nào, cụ thể kia chứ?”

“Ngay giữa lòng khu vực Henge,” Nhà Giả kim thì thào, đầu buông lỏng. Sophie trông thấy có nhiều đường rách dài nơi quần áo ông do ngọn roi của Dee cắt vào. Lớp da bên dưới bong rộp và rướm máu. Tập trung chú ý chuyển chút tàn dư trong luồng điện của mình vào đầu ngón trỏ, Sophie di ngón tay dọc theo những vết đứt sâu sâu, bịt kín lại và chữa lành vết thương.

“Gilgamesh đâu?” Palamedes hỏi.

“Ông ấy bị thương. Ông ấy bảo tôi đi; ông ấy cứ bắt tôi phải đi.” Giọng Sophie ghen lại. “Tôi đâu có muốn.”

Hiệp sĩ Sacaren mỉm cười khoan dung. “Ông ấy không thể nào bị giết chết đâu,” anh ta nói.

“Tôi lái xe đi đâu đây?” Từ trên băng ghế trước, Josh lại kêu lên lần nữa.

“Cứ theo hướng dẫn của tôi,” Palamedes vừa nói, vừa chồm người tới trước. “Rẽ trái. Bám theo những con đường ngoại ô, không có xe cộ...”

Con đường phía sau họ đột nhiên thấp sáng trưng với những ánh đèn xanh và trắng. Đèn pha chớp nháy và còi báo động hú vang. “Cảnh sát,” Josh buột miệng một cách không cần thiết.

“Cứ đi đi,” Palamedes ra lệnh. “Có thể nào cũng không ngừng lại.” Anh ta nhìn các xe cảnh sát qua cửa sổ sau xe và quay sang Sophie. “Cô có thể làm được gì bây giờ?”

Sophie lắc đầu. “Tôi chẳng còn gì hết trơn.” Cô bé nhấc bàn tay lên. Bàn tay run rẩy và nặng trĩu, những lọn khói nhỏ xíu cuộn khói mấy đầu ngón tay.

“Có ba chiếc xe cảnh sát đang gần sát chúng ta kìa,” từ ghế trước, Josh hét lớn ra sau. “Làm cái gì đi chứ!”

“Cậu làm cái gì đi thì có,” Palamedes nói. “Sophie không còn chút sức lực nào. Tất cả tùy thuộc vào cậu đó, Josh.”

“Tôi đang lái xe mà,” cậu cãi lại.

“Nghĩ cái gì đó đi,” chàng hiệp sĩ gắt.

“Tôi phải làm cái gì kia chứ?” cậu hỏi gấp gáp.

“Nghĩ đến mưa đi,” Sophie cắn nhả.

Josh nhấn chân ga xuống sàn xe, chiếc taxi gầm rú lao xuống con đường, đồng hồ vận tốc chỉ mức một trăm bốn mươi lăm cây số giờ. Mưa. Được thôi, hai đứa đã từng sống ở Chicago, New York, Seattle và San Francisco. Cậu biết tất cả về mưa. Cậu con trai hình dung mưa từ trên trời rơi xuống: những giọt mưa tròn trịa chen nhau khít rịt, mưa xối xả như trút, mưa trong mùa hè đầy sương mù, mưa trong mùa đông rét mướt.

“Chẳng có gì xảy ra hết vậy,” cậu kêu lên.

Ngay tức khắc, một cơn mưa cuộn cuộn như thác đổ ập xuống con đường trước mặt họ, dội ào ào từ một đám mây mà mới một tích tắc trước không hề có ở đó. Chiếc xe cảnh sát gần nhất cán phải một vũng nước và trượt bánh quay ngang qua một bên, và chiếc thứ hai đâm sầm vào cánh cửa phía sau của chiếc trước. Một cái lốp xe nổ tung. Chiếc thứ ba đâm vào đuôi xe thứ hai và trượt nằm ngang vắt chéo ngoe từ bên này qua bên kia đường, hoàn toàn chặn bít lối bằng một mớ kim loại rối rắm lộn xộn. Còi báo động tắt lịm biến thành tiếng quác quác.

“Làm giỏi lắm,” Palamedes khen ngợi.

“Bây giờ đi đâu nữa?”

Chàng hiệp sĩ chỉ tay. “Đằng kia.”

Josh cúi đầu nhìn bên trái. Stonehenge nhỏ hơn cậu tưởng, và con đường cặp sát một cách đáng ngạc nhiên gần như khít rịt vào những hòn đá đứng sừng sững kia.

“Dừng đây đi. Chúng ta nhảy ra và chạy,” Palamedes nói.

“Dừng ở đâu?” Josh vừa hỏi, vừa nhìn quanh.

“Ngay đây!”

Josh đạp thắng gấp và chiếc xe trượt bánh đổ xịch lại. Palamedes nhảy ra khỏi xe, anh ta vắt Nhà Giả kim ngang vai không chút khách sáo. “Theo tôi,” chàng hiệp sĩ la lớn. Thanh kiếm to bản của anh ta chém quật vào một hàng rào bằng kim loại biến nó những mảnh rách tả tơi.

Josh chộp lấy thanh kiếm Ba Tư và vòng cánh tay quanh người cô chị gái mình đang cố gắng tỉnh lại, ôm chặt lấy cô bé khi họ phóng xuống bãi cỏ lao về

phía vòng đá đứng dựng.

“Và bất kể hai đứa làm gì,” Hiệp sĩ Sacaren la lên, “đừng ngoái nhìn lui.”

Cả Sophie và Josh đều ngoái đầu nhìn lui.

“Ông biết bà ta là ai?” Bill the Kid vừa hỏi vừa nghiêng đầu và tiếng nói phát ra nơi khóe miệng hằn ta. Hắn ta nhìn vào lưng người phụ nữ mà bọn chúng đang đi theo, qua dãy hành lang bằng đá kim loại.

Machiavelli gật đầu. “Thỉnh thoảng chúng tôi gặp nhau khi có việc,” y nói kín đáo. “Bà ta là Nữ thần Quạ, một người thuộc Thế hệ Kế tiếp.”

Đầu người đàn bà xoay tròn như đầu một con cú để nhìn hai người đàn ông. Đôi mắt bà ta giấu đằng sau cặp kính râm phản chiếu úp sát hai mắt. “Sao mà thánh giác của tôi tốt thế.”

Billy cười toe. Hắn ta bước nhanh tới trước hai bước và đi bên cạnh người phụ nữ khoác áo lông đen. Hắn ta chìa tay ra. “William Bonney, thưa quý bà. Hầu hết mọi người cứ gọi tôi là Billy.”

Nữ thần Quạ nhìn bàn tay rồi mỉm cười, mấy cái răng cửa dài quá khổ nhún lên đôi môi đen bầm. “Đừng chạm vào tôi. Tôi cần đó.”

Billy không lấy gì làm phiền hà. “Tôi đã là người bắt tử khá lâu rồi, hơn một trăm hai mươi sáu năm một chút, mà quả thật, tôi chưa từng thấy được nhiều Elder và Thế hệ Kế tiếp. Chắc chắn không ai như bà...”

“William,” Machiavelli điềm đạm nói, “tôi nghĩ anh nên dừng lại đừng làm phiền Nữ thần Quạ nữa.”

“Tôi có làm phiền bạn ấy đâu ạ, tôi chỉ hỏi...”

“Anh là người bắt tử, William, chứ không phải là người không thể bị tấn công đâu nhé.” Machiavelli mỉm cười. “Morrigan được tôn kính trong các vùng đất của người Celt như một nữ thần chết chóc. Chừng đó đủ cho thấy bản chất của bà ấy.” Đột nhiên y nín bặt. “Đó là cái gì vậy?”

Bàn tay Billy the Kid thọc tay vào dưới lớp áo khoác và rút ra một con dao găm dài gần bốn tấc. Nét mặt thay đổi hẳn, ngay lập tức trở nên cứng đờ. “Cái gì?”

Machiavelli giơ bàn tay lên, có ý bảo anh chàng người Mỹ im lặng. Đầu nghiêng nghiêng, y tập trung hết sức. “Nghe như...”

“... có tiếng động cơ nổ ngoài chỗ con thuyền!” Billy the Kid vụt chạy đi. Machiavelli liếc nhanh qua Nữ thần Quạ thoáng nghi ngờ và quay người phóng trở lại xuống hành lang.

Ít phút sau con nhân sư lượn nhẹ qua góc nhà. Mụ ta chột trông thấy Nữ thần Quạ và dừng lại, hai người phụ nữ cúi chào nhau thật lịch sự. Họ có họ hàng xa thông qua một mạng lưới phức tạp các mối quan hệ của Elder. “Tôi nghĩ mình nghe cái gì đó,” con nhân sư nói.

“Họ cũng nghe như thế.” Nụ cười của Nữ thần Quạ thật man rợ.

Nicholas không bao giờ học lái, nhưng cuối cùng cách đây mười năm Perenelle lại bắt đầu học, và sau sáu tuần học lái, bà đã đậu ngay lần thi đầu tiên. Họ chưa bao giờ mua một chiếc xe, nhưng Perenelle không hề quên một bài học nào. Bà chỉ mất vài phút để tìm ra cách kiểm soát chiếc thuyền máy nhỏ màu vàng chói này. Bà vặn chìa khóa cắm nơi bộ phận đánh lửa rồi đẩy van tiết lưu, và con thuyền có động cơ gắn ngoài tung bọt trắng xóa. Xoay bánh lái, bà đẩy van tiết lưu lên chút nữa và chiếc thuyền gầm rú rời khỏi Đào Atcatraz, để lại một đường nước trắng xóa hình chữ V ngay sát đằng sau.

Khuôn mặt de Ayala đông lại thành một khối từ màn bụi nước phun lún phún ở đầu mũi thuyền. “Tôi tưởng bà sẽ chiến đấu chứ.”

“Chiến đấu là phương sách cuối cùng,” bà la lớn át đi tiếng gió và tiếng gầm rú của động cơ. “Nếu Scathach và Joan tham gia cùng với tôi, ắt hẳn khi đó tôi sẽ chống cự được con nhân sư và hai tay bắt tử kia. Nhưng có một mình tôi thì không được đâu.”

“Còn Thần Nhện thì sao?”

“Areop-Enap có thể tự lo cho mình mà,” Perenelle nói. “Hy vọng lớn nhất của bọn họ là không có mặt trên hòn đảo khi bà ta thức dậy. Bà ta sẽ cảm thấy đói, và Lão Nhện phàm ăn ghê lắm.”

Một tiếng la ới ới từ đằng xa khiến bà quay lại. Machiavelli và bạn đồng hành của y đang đứng trên cầu tàu. Tay người Ý đứng yên, còn người đàn ông nhỏ thó hơn đang vẫy lia lịa hai cánh tay, ánh mặt trời phản chiếu làm lóa sáng con dao trong tay hắn ta.

“Họ sẽ không dùng đến pháp thuật của họ chứ?” de Ayala hỏi.

“Pháp thuật thật sự không có tác dụng đối với dòng nước đang chảy đâu.” Perenelle cười toe.

“E là tôi phải để bà lại đây thôi, thưa quý bà. Tôi cần phải quay trở lại hòn đảo.” Khuôn mặt của hồn ma bắt đầu tan ra thành bụi nước.

“Cảm ơn, Juan, vì tất cả những gì ông đã làm,” Perenelle nói một cách chân thành bằng tiếng Tây Ban Nha trang trọng. “Tôi nợ ông.”

“Bao giờ bà trở lại Atcatraz?”

Perenelle ngoái người ra phía sau nhìn nhà tù. Ý thức rằng bây giờ những xà lim đang giữ trong lòng chúng một bộ sưu tập đáng sợ, bà nghĩ bản thân hòn đảo trông gần giống như một con quái thú đang yên ngủ. “Tôi sẽ trở lại.” Hẳn phải có ai đó alfm gì đạo quân này trước khi chúng được đánh thức chứ. “Tôi sẽ quay lại. Và sớm thôi.” bà hứa.

“Tôi sẽ chờ,” de Ayala nói, rồi biến mất.

Perenelle bẻ góc con thuyền hướng về phía trụ cầu và nhả van tiết lưu. Một niềm vui sướng lan tỏa khắp khuôn mặt bà. Bà được tự do rồi.

Niccolò Machiavelli hít thở sâu và tự trầm tĩnh lại. Cơn giận sẽ làm mờ đi khả năng phán đoán, và ngay bây giờ y cần phải suy nghĩ thật rõ ràng. Hẳn đã đánh giá thấp Nữ Phù thủy, và bà ta đã khiến y phải trả giá cho sai lầm ấy. Điều này không thể tha thứ được. Y đã được phái đến Atcatraz để giết Perenelle và y đã thất bại. Cả chủ nhân của y lẫn chủ nhân của Dee sẽ không vui, tuy nhiên y có cảm giác rằng bản thân Dee sẽ không quá bức bối. Tay Pháp sư người Anh có thể còn hả hê nữa là khác.

Mặc dầu khá gồm Nữ Phù thủy, nhưng Machiavelli thật sự muốn đánh nhau một trận với người phụ nữ ấy. Y không bao giờ tha thứ cho bà ta vì đã đánh bại y trên ngọn Mount Etna và qua nhiều thế kỷ hẳn đã tốn kém cả một gia tài để thu nhập các câu thần chú, bùa phép và thuật phù thủy để hòng tiêu diệt bà ta. Y kiên quyết báo thù. Vậy mà bà ta đã lừa được y. Không dùng đến một chút phép thuật, hoặc một chút luồng điện nào. Nhưng chỉ bằng sự láu cá khôn lanh... và đó được xem là bài học nhớ đời của y.

“Ngăn bà ta lại,” Bill hét. “Làm cái gì đó đi chứ!”

“Anh có im đi một lúc được không?” y nạt anh chàng người Mỹ. Y rút điện thoại di động ra. “Tôi phải báo cáo và thật sự tôi không mong chuyện này tí nào. Người ta không bao giờ nên là người mang tin xấu đến.”

Và rồi, ở bên kia vịnh, Ông Già Biển bất ngờ xuất hiện trên mặt nước, ngay phía trước chiếc thuyền. Những lúc tu bạch tuộc quấn chặt quanh con thuyền nhỏ, khiến nó lắc mạnh và dừng sừng lại. Perenelle văng đầu mất, có vẻ như bị cú dừng đột ngột ném ngược ra đằng sau.

Machiavelli cho điện thoại vào túi trở lại; có lẽ cuối cùng hẳn y cũng có được một tin tốt lành nào đó để mà báo cáo chứ.

Giọng Nereus vang vang trên khắp mặt nước, những lời của lão ta ngân rung vượt lên những ngọn sóng. “Tôi biết chúng ta sẽ gặp lại nhau mà, Nữ Phù thủy.” Machiavelli và Billy chăm chú quan sát khi Elder góm guốc kia trôi lên khỏi mặt biển và ngòi chòm hồm vắt ngang qua mũi thuyền, mấy cái cẳng chân quăn quại. Gỗ kê cọn kẹt và nứt ra, tấm kính chắn gió nhỏ bị vỡ vụn và trọng lượng của sinh vật ấy ở phía trước mũi thuyền làm cho phần đuôi thuyền chĩa thẳng đứng lên khỏi lớp sóng, động cơ gắn ngoài của nó vẫn tiếp tục rền rĩ dữ dội.

Lấy tay che mắt, Machiavelli quan sát thấy Nữ Phù thủy đứng vụt dậy. Bà ta đang cầm một ngọn giáo gỗ khá dài bằng cả hai tay. Ánh mặt trời nhấp nháy một màu vàng ánh kim loang loáng trên thứ vũ khí ấy, rạch một đường khói trắng trong không trung. Y trông thấy bà ta đâm một lần, hai lần, ba lần vào cẳng chân sinh vật kia rồi mớ quơ tròn ngọn giáo thọc mạnh vào ngực Nereus. Nước phun lên, phun ra những tia nước cao chói vót, khi Ông Già Biển tuyệt vọng bò toài ra khỏi lưỡi giáo, Elder kia ngã nhào ra khỏi mũi thuyền và biến mất dưới lớp lớp sóng nước, như một vụ nổ sủi đầy bọt bong bóng. Con thuyền ổn định trở lại trên mặt nước, động cơ khuấy tung bọt lên và bắn nước văng tung tóe, rồi lại phóng vọt tiến lên. Ba cái cẳng chân dài nhằng vẫn còn đang ngó ngoáy vặn vẹo bị tuột khỏi chiếc thuyền máy và trôi giạt trên mặt sóng nhấp nhô. Toàn bộ cuộc so tài diễn ra trong vòng chưa đầy một phút.

Machiavelli thở dài và lại rút điện thoại ra. Sau cùng thì y chẳng có tin tức gì tốt để báo cáo; có phải ngày hôm nay càng lúc càng tồi tệ không? Một thoáng bóng tối che ngang phía trên đầu và y ngược nhìn lên vừa kịp trông thấy hình dáng khổng lồ của Nữ thần Quạ bay ngang qua. Mụ ta bay vút lên cao, tấm áo choàng đen giang rộng như đôi cánh, rồi bổ nhào xuống gọn ơ phía sau chiếc thuyền máy màu vàng kia.

Tay người Ý chột mím cười. Tất nhiên rồi, đơn giản là Nữ thần Quạ sẽ kéo Nữ Phù thủy ra khỏi chiếc thuyền rồi Ông Già Biển có thể đánh chén được một bữa ngon lành. Nụ cười của y nhạt ngay khi y nhìn rõ hai người phụ nữ - Thế hệ Kế tiếp và người bất tử - ôm lấy nhau. Ngay lúc họ quay người đưa tay vẫy vẫy hòn đảo sau lưng, khuôn mặt y chột biến thành một chiếc mặt nạ dữ tợn đầy sát khí.

“Tôi tưởng Nữ thần Quạ thuộc phe chúng ta chứ,” Billy the Kid nói nghe như ai oán.

“Trong những ngày này, có vẻ như không thể tin bất cứ ai được,” Niccolò Machiavelli vừa nhận xét, vừa quay người quày quả bỏ đi.

Đạo quân Wild Hunt phóng ra khắp vùng đồng bằng Salisbury Plain.

Những sinh vật mà Sophie và Josh chỉ mới thoáng thấy lúc này giờ đã đến gần hơn. Một số đã có thể nhận diện được: những con chó đen và những con sói xám, những con mèo khổng lồ mắt đỏ ngầu, những con gấu đồ sộ, những con lợn lòi đực nanh cong vòng, những con dê, con hươu đực và ngựa. Một số khác cùng bọn với loài Hunt: những dáng vẻ giống hình thù con người được chạm khắc vào đá; những sinh vật da khô như vỏ cây, tóc như lá cây và chân cẳng khẳng khiu như những nhánh cây phóng tiếp theo sau chúng. Sophie và Josh nhận ra có nhiều bọn Genii Cucullati hơn, Bọn Trùm Đầu ấu; hai đứa nhìn thấy nhóm cucubuth dao đầu cạo nhẵn thín tay cầm những khúc dây xích, và những tên kỵ sĩ La Mã mặc những bộ giáp vẩy bắn đổi màu và giẻ sét ăn mòn. Những chiến binh mang hình xăm khắp người mặc áo lông thú và những sĩ quan chỉ huy người La Mã trong những bộ giáp nứt gãy đi khắp khiêng phía sau bọn Dearg Due tóc đỏ. Và đang chạy giữa đám quái thú ấy là những con người trông hoàn toàn bình thường, mang kiếm, dao và giáo mác, Josh thấy đây mới là nhóm đáng sợ nhất trong hết thảy.

Cặp song sinh nhìn sang Stonehenge tối lờ mờ, không mấy rõ ràng trong màn đêm, và biết rằng hai đứa sẽ không sao kịp đến đó được. “Chúng ta sẽ phải dừng lại chiến đấu,” Josh nói hỗn hển, phân tích tình hình và những lựa chọn đầy giới hạn của bọn họ. “Tôi còn chút ít năng lượng... Có lẽ tôi có thể gọi thêm một ít mưa nữa...”

Một tiếng hú the thé vang vọng khắp Salisbury Plain. Đầu Josh cúi xuống và cậu trông thấy một chuyển động ở bên phải - một nhóm khác nữa đang di chuyển đến để kết liễu cả nhóm mất thôi. “Rắc rối to,” cậu khẳng định.

“Trái lại là khác,” Palamedes cười toe. “Nhìn lại xem.”

Và rồi Josh nhận ra dáng người đi đầu nhóm. “Shakespeare!”

Đại Thi hào dẫn nhóm Gabriel Hounds len vào từng góc ngách. Nhóm Rachel được huấn luyện kỹ tràn vào đạo quân ô hợp kia, bắt chúng phải dừng sừng hẳn lại. Những ngọn giáo bằng sắt và những thanh kiếm bằng kim loại lóe sáng lên trong đêm và một màn bụi nữa nhanh chóng tung lên khắp cánh đồng.

William Shakespeare, mặc bộ giáp nguyên người hiện đại của cảnh sát và chiếc nón bảo hiểm có tấm kính che mặt, bước ngang hàng với Palamedes. “Gặp nhau thú vị nhỉ,” ông nói.

“Tôi tưởng là tôi đã nói với ông đừng chờ cho đến sau khi mặt trời lặn chứ,” Hiệp sĩ Saraceh nói.

“Ồ, mọi việc sẽ đến cho ai biết chờ đợi.” Shakespeare nói. “Mà anh biết có thể nào tôi cũng không bao giờ nghe lời anh kia mà,” Đại Thi hào nói thêm với một nụ cười bền lên. “Hơn nữa, bằng vào việc không có gì di chuyển trên đường, tôi đoán thế nào anh cũng phải tìm một chỗ để ẩn nấp cho tới khi trời tối.”

Palamedes ném phịch Nhà Giả kim đang bất tỉnh xuống đất và bắt đầu vỗ vào má Flamel. “Dậy đi, Flamel. Dậy đi. Chúng ta cần phải biết hòn đá nào.”

Đôi mắt màu nhạt của Nicholas nhấp nháy mở ra. “Đến Phiến đá Bệ thờ,” ông thều thào nghe khản đặc.

Gabriel xuất hiện trong bóng đêm. Da thịt trơn tru của anh ta vẫn vẹn những muội bồ hóng. Bồ hóng phủ cả trên tóc. “Chỉ là bọn chúng quá nhiều, cứ mỗi phút lại càng đến đông hơn,” anh ta nói hỗn hển. “Chúng tôi không giữ bọn chúng nổi đâu.”

Josh chỉ tay về phía vòng tròn do những hòn đá xếp thành. “Kéo mọi người trở lại Stonehenge.” Cảm giác yên lành cậu đã từng cảm thấy lúc này giờ lại tràn ngập lấy cậu. Không còn quyết định nào khác. Một lần nữa tất cả những gì cậu phải làm là đứng lên chiến đấu. Cậu phải bảo vệ cô chị gái cậu cho đến cùng. Ấn bàn tay vào ngực, cậu cảm giác hai trang của cuốn Codex kêu sột soạt bên dưới làn áo. Có lẽ đã đến lúc phải thủ tiêu chúng, tuy cậu hoàn toàn không rõ phải làm thế nào. Có lẽ nên ăn chúng đi. “Mọi người quay trở lại,” cậu la lớn. “Chúng ta sẽ mở đợt kháng cự cuối cùng ở đó.”

“Việc đó không cần thiết đâu,” Shakespeare gắt lên. “Bọn Wild Hunt và những sinh vật khác có mặt ở đây là vì cậu và chị gái của cậu, chúng bị thu hút bằng mùi hương luồng điện của cậu và phần thưởng to lớn của Dee đang treo trên đầu hai người. Vì thế tất cả những gì chúng ta phải làm là tách rời khỏi hai người ra. Palamedes, Gabriel,” Đại Thi hào ra lệnh. “Dùng kế hoãn binh.”

Hiệp sĩ Saracen gật đầu. Bộ giáp lồi lõm của anh ta hình thành và sắp xếp trở lại khắp người anh ta, hóa nên trơn láng, đen và phản chiếu lấp lánh. Năm chặt thanh trường kiếm khổng lồ bằng cả hai tay, anh ta lao người về phía bọn sói và bọn mèo đen. Gabriel dẫn nhóm Ratchet sát theo phía sau anh ta.

Shakespeare giúp Nhà Giả kim và Josh ôm Sophie dựng đứng lên, và cả bốn theo đường giữa hai cột sa thạch cao đi vào giữa lòng Stonehenge.

Đúng ngay lúc Josh bước vào vòng tròn ấy, cậu cảm nhận được tiếng kêu vo vo của năng lượng cổ xưa. Tiếng kêu đó nhắc cậu nhớ đến những cảm giác cậu đã nếm trải khi cầm thanh Clarent trong tay mình, cảm thấy như có tiếng nói ngay nơi bờ rìa của thính giác cậu. Cậu nhìn quanh, nhưng thật khó để nhận ra hình thù của những hòn đá trong đêm tối thế này.

“Nơi này tính đến nay đã bao nhiêu tuổi rồi ạ?” cậu hỏi.

“Chỗ già nhất có lẽ đến năm ngàn năm tuổi, nhưng có thể còn già hơn thế,” Shakespeare đáp. Thành linh ông ta va vào một hòn đá nằm ềnh trên đất. “Đây đúng là Phiến đá Bệ thờ,” ông ta nói với Nhà Giả kim.

Nicholas Flamel nằm mọp người trên hòn đá ấy, hơi thở nặng nề, một bàn tay ấn vào ngực mình. “Định hướng giúp tôi với,” ông khò khè. “Hướng nào là hướng bắc?”

Theo bản năng, cả Shakespeare và Josh đều ngược lên nhìn bầu trời, tìm sao Bắc cực.

Một con mèo đen khổng lồ nhảy qua cánh cổng, há ngoác miệng, chân xòe móng vuốt lao thẳng vào Nhà Giả kim. Flamel dựng hai tay lên đỡ và những cái vuốt sắc như dao cào vào lòng bàn tay ông; liền sau đó cây dùi cui cùn sắt của Shakespeare đập liên hồi, đánh sinh vật ấy văng vào không trung. Con mèo đâm sầm xuống hòn đá lớn kia và tan thành bụi. “Như kim loại, đá là chất độc đối với bọn chúng,” Đại Thi hào nói ngay. “Chúng không thể chạm vào mấy thứ này; đó

là lý do tại sao chúng không nhảy xổ vào chúng ta. Nhà Giả kim, nếu ông muốn làm gì, thì ông cần phải làm ngay bây giờ đi.” Ông ta chỉ tay. “Hướng này là hướng bắc nè.”

“Tìm một trilithon thật hoàn hảo ở vị trí thứ ba phía bên trái,” Flamel thều thào.

“Cái gì vị trí thứ ba ạ?” Josh hỏi, rất lúng túng.

“Trilithon. Hai hòn đá dựng đứng đỡ một hòn nằm ngang bên trên,” Shakespeare giải thích. “Tiếng Hy Lạp của ‘ba hòn đá’ ấy mà.”

“Giúp tôi với,” Nicholas nói.

Shakespeare nắm lấy tay Nhà Giả kim và dìu ông đến hai hòn đá khổng lồ dựng đứng. Len vào khe hẹp giữa hai hòn đá, Nicholas đặt hai tay hai bên, với cao hết sức mình, rồi dặng chân rộng cho tới khi thân mình ông làm thành một hình chữ X ngay giữa hai hòn đá.

Bầu khí đêm lạnh lẽo thoang thoảng mùi hương bạc hà.

Ngay sau lưng Nhà Giả kim, một con gấu vô cùng to lớn giương mấy cái vuốt ra quào quào rạch rạch phía trên đầu ông. Nhưng Hiệp sĩ Saracen kéo giật ngược sinh vật ấy ra sau rồi quăng nó thẳng vào nhóm Gabriel Hounds. Cả nhóm đồng loạt nhảy xổ vào, miệng hú vang hoang dại. Bụi đất cuồn cuộn bốc lên.

Một nhóm ba con sói phóng thẳng vào Flamel. Josh đánh cựa một con bằng thanh kiếm shamshie và Gabriel hạ gục một con khác. Josh chém phạt xuống con thứ ba và nó tránh được cú chém ấy, nhưng khi tránh được lưỡi kiếm, nó lại chạm lướt qua hòn đá đứng - và liền tan thành bột nhuyễn.

Đột nhiên Josh nhận ra rằng nhóm Gabriel Hounds chỉ còn chưa đầy một dúm sống sót và họ đang bị dồn lúi vào vòng đá dựng đứng. Một kỵ sĩ không đầu cưỡi trên một con ngựa chỉ còn là một bộ xương từ đằng sau phóng lên, đập móng guốc trúng vào một trong số những con chó còn lại, xô nó đổ sầm xuống một hòn đá. Con chó liền tan biến ngay, chỉ để lại duy một đường viền bằng bụi trong không trung.

“Nhà Giả kim,” Shakespeare cảnh báo, “làm cái gì đi chứ.”

Nicholas ngồi thụp xuống đất. “Tôi không làm nổi.”

“Chú có chắc đây đúng là cổng tuyến không?” Josh hỏi.

“Chắc. Chú không còn gì hết.” Ông ngược nhìn lên cặp song sinh và trong thoáng chốc Josh nghĩ mình vừa thấy có gì đó trong ánh mắt của người bất tử này. “Sophie, Josh, hai đứa phải làm việc này thôi.”

“Đứa con gái kiệt sức lắm rồi,” Đại Thi hào nói ngay. “Sử dụng luồng điện sẽ làm con bé bùng cháy mất.”

Nicholas nhào người nắm lấy bàn tay Josh, kéo cậu ra phía trước. “VẬY thì phải là cháu thôi.”

“Cháu hả? Nhưng mà cháu...”

“Cháu là người duy nhất có luồng điện có thể làm chuyện này.”

“Còn lựa chọn nào khác không?” Josh hỏi. Cậu có cảm tưởng rõ ràng rằng đây là một kế hoạch mà Nhà Giả kim đã vạch ra ngay từ đầu. Flamel không bao giờ có đủ năng lượng để kích hoạt công tuyến.

“Không còn đâu.” Nhà Giả kim chỉ vào những sinh vật đang kéo đến ngay phía ngoài những hòn đá. Rồi ông chỉ tay lên trên. Một ngọn đèn pha đang lia khắp cảnh vật phía trước bọn họ. Hai ánh đèn khác ngay phía sau. “Trực thăng cảnh sát,” ông nói. “Họ sẽ đến đây trong ít phút nữa thôi.”

Josh đưa cho Flamel thanh gươm shamshir trầy xước và lưỡi hơi cong cong. “Cháu phải làm gì?”

“Đứng ngay chính giữa đưa cánh tay lên trời và dang rộng căng chân ra. Hãy hình dung luồng điện của cháu đang chảy ra khỏi thân thể mình hướng thẳng vào mấy hòn đá. Chừng đó là đủ để kích hoạt chúng.”

“Mà phải làm nhanh lên đi,” Shakespeare nói. Nhóm Gabriel Hounds chỉ còn chưa đến một chục, còn Palamedes giờ đã bị cắt đường và đang bị bọn bogman bao vây, chúng liên tục vụt những con dao găm bọc đá lửa vào người anh ta làm bộ giáp của anh ta kêu chan chát và tóe lửa. Những con soi và mèo lại lảng vảng ngay bên ngoài vòng đá.

“Để cháu giúp thẳng em cháu,” Sophie thều thào.

“Không được,” Shakespeare nói. “Nguy hiểm lắm.”

Luồng điện của Josh chợt bốc hơi ngay khi cậu ấn người vào giữa mấy hòn đá, hơi tỏa ra khỏi da thịt cậu biến thành một làn khói màu vàng. Dang tay ra, cậu đặt lòng bàn tay mình thẳng bẹt lên mặt sa thạch nhẵn thín và mùi hương cam thơm phức ngày càng đượm nồng hơn.

Mùi hương làm cho bọn sinh vật ngoài vòng đá điên cuồng dữ tợn. Chúng càng nỗ lực gấp đôi để bắt cho được hai đứa nhỏ sinh đôi. Shakespeare và Gabriel chốt giữ hai vị trí hai bên hòn đá, cố gắng hết sức để ngăn không cho chúng đến gần Josh.

Josh đuổi người cho bàn chân trái chạm một hòn đá dựng, và ngay khi bàn chân phải chạm vào hòn đá dựng kia, thì âm thanh mà cậu nghe trong đầu lúc mới bước vào vòng tròn xưa cổ ấy mới thật trong trẻo rõ ràng. Đột nhiên cậu nhận ra rằng sao mà âm thanh đó quen thuộc đến thế. Tất cả đều là một cung giọng duy nhất - cung giọng của thanh Clarent và Excalibur đã được nên hình nên dạng từ cùng một loại đá lửa giống như những hòn đá to lớn màu xanh lơ từng tạo nên tổng thể vòng tròn cổ xưa này. Cậu nhìn thấy những gương mặt cả người lẫn không phải người, và một số lại là sự pha trộn kinh khủng của cả hai, của những người sáng tạo nguyên thủy nên vùng Henge này. Không phải tuổi thọ của Stonehenge là năm ngàn năm đâu; phải hơn thế, hơn nhiều, hơn rất nhiều nữa kia. Cậu thoáng thấy bóng Cernunnos, ngồi sáng và xinh đẹp, không có sừng, mặc toàn trắng, đang đứng trong tâm vòng đá, giơ cao một thanh kiếm tầm thường đơn giản bằng cả hai tay.

Nhưng trong khi cột đá bên trái Josh kê tanh tách và chiếu ra ánh sáng vàng rực, thì cột đá bên phải lại vẫn tối om.

Flamel chém lên một con lợn lòi đục xông vào vòng tròn. Ông quay người sang Sophie. “Cháu phải giúp cậu ấy thôi.”

Cô bé gái quá kiệt quệ chỉ vừa đủ sức để đứng vững. Cô bé nhìn Nhà Giả kim, cố sắp xếp từng lời trong đầu mình. “Nhưng Will bảo rằng nếu cháu còn sử dụng luồng điện của mình nwuax, cháu có thể bùng cháy thành ngọn lửa đó.”

“Nhưng nếu cổng tuyến không mở, thì tất cả chúng ta chết hết,” Flamel cầu nhàu. Nắm lấy vai Sophie, ông đẩy cô bé tới hòn đá. Cô bé bước loạng choạng trên mặt đất gồ ghề, vấp chân và ngã chúi xuống, cánh tay sải rộng... và mấy đầu ngón tay cô bé lướt qua phiến đá. Mùi hương vanilla tràn ngập, và rồi hòn đá ấy chợt sáng bùng lên. Làn sương mù màu bạc dùng đục cuộn xoắn bốc lên khỏi hòn đá và rồi thắp sáng hòn đá ấy từ bên trong, cho tới khi mấy cột đá của trilithon đều rực rực màu bạc và vàng ánh kim, riêng hòn đá nằm ngang phía trên lại bùng sáng màu cam.

Đang là buổi tối trên vùng đồng bằng Salisbury Plain, nhưng giữa những hòn đá, hiện ra một sườn đồi tràn ngập ánh nắng chói chang.

Josh nhìn chăm bẵm vào cảnh tượng ấy mà lòng đầy kinh ngạc. Cậu thật sự có thể ngửi thấy mùi cỏ và cây xanh, cảm nhận được sức sống mùa hè trên da mặt mình và nếm được thoang thoảng rất nhẹ vị muối trong không khí. Cậu quay đầu

lại; đằng sau cậu là bóng đêm, những ngôi sao cao típ tắp trên các tầng trời; trong khi phía trước cậu lại là ban ngày. “Ở đâu đây?” cậu thều thào.

“Mount Tamalpais,” Flamel nói với vẻ chắc chắn. Kéo Sophie đứng dậy, ông dìu cô bé đi về phía khoảng trống và ánh sáng. Ngay khi mấy đầu ngón tay của cô bé rời khỏi, cột đá liền nhật đi ngay.

“Đi nào,” Shakespeare nói. “Đi ngay đi...”

“Bảo Palamedes...”

“Tôi biết rồi. Ra khỏi đây đi. Ngay đi.”

“Thật là một vở kịch mà tụi cháu ắt hẳn vừa vãn tuồng!” Nhà Giả kim vừa nói, vừa vòng tay ngang eo Josh, kéo cặp sinh đôi đang đứng giữa những hòn đá chiếu sáng rực bước vào phong cảnh cỏ cây ngút ngàn ở phía bên kia trái đất.

“Tôi không bao giờ thích viết ra những bi kịch,” William Shakespeare thì thầm.

Ánh sáng màu vàng óng ánh lịm dần ngay lúc bàn tay Josh rút ra, và mùi hương cam cùng hương vanilla tan biến mất, thay thế bằng mùi xạ thơm của Gabriel và duy nhất một Ratchet còn sống sót.

Đạo quân Wild Hunt và Thế hệ Kế tiếp, những người bất tử và những kẻ tấn công con người ngay lập tức nhật nhòa vào bóng đêm trở lại, không còn để lại gì đằng sau chúng ngoại trừ bụi đất, những cánh đồng xanh ngát ngập ngựa trong đồng cỏ nát hỗn độn lầy lội. Palamedes lão đảo bước ra khỏi bóng đêm. Bộ giáp của anh ta bị trầy xước và nứt mẻ, thanh gươm to bản dềnh dàng nứt tách ra làm hai. Tình trạng kiệt sức làm tiếng nói của anh ta có trọng âm không rõ ràng. “Chúng ta cần phải ra khỏi đây trước khi cảnh sát đến.”

“Tôi biết một nơi,” Shakespeare nói. “Gần đây lắm, một nhà kho thời vua Edward II được bảo quản tới mức hoàn hảo.”

Palamedes siết chặt bả vai Đại Thi hào. “Tôi e rằng chẳng được bảo quản hoàn hảo gì mấy đâu.”

“Mount Tam,” Nicholas Flamel vừa nói, vừa khuyu đầu gối xuống, hít thở vào đầy phổi bầu không khí ẩm áp. “San Francisco.”

Hoa mắt choáng váng và mất phương hướng, Josh bò lồm cồm và nhìn quanh quất. Tuy ánh mặt trời vẫn còn rực rỡ trên triền núi, nhưng những dải sương mù xoắn vặn đã trườn mình ra xa dưới hai bên sườn.

Sophie ngồi thu mình bên cạnh cậu em trai. Da cô trắng nhợt nhạt, đôi mắt sâu thụt lún vào trong, mái tóc vàng hoe nhờn nhợt và dính bết vào da đầu. “Em thấy thế nào?”

“Chắc cũng tệ như chị thôi, em cho là thế.” cậu đáp.

Sophie từ từ đứng dậy và đỡ cậu em sinh đôi lên. “Tụi mình đang ở đâu vậy cà?” Cô bé vừa hỏi, vừa nhìn quanh khắp lượt. Nhưng không có điểm mốc nào để cô bé nhận định cả.

“Bắc San Francisco, em tin chắc vậy,” cậu nói.

Một hình thù chuyển động phía bên dưới bọn họ, làm làn sương mù cuộn tấy lên thành những dợn cong lớn cuốn giạt ra hai bên. Cả ba người quay mặt lại hình dáng đó, hoàn toàn ý thức rằng nếu đó là kẻ thù thì họ không còn chút sức lực nào mà chiến đấu nữa. Họ quá mệt đến nỗi thậm chí có muốn bỏ chạy cũng không chạy nổi.

Perenelle Flamel xuất hiện, trông rất đỉnh đạc và thanh tú dù bà đang mặc chiếc áo khoác đen dơ bẩn bên ngoài một áo sơ-mi và quần dài bằng vải thô. “Tôi đã chờ ở đây hàng bao lâu rồi đấy nhé,” bà kêu lớn, nụ cười mở rộng trên khuôn mặt khi bà sải bước lên sườn dốc.

Nữ Phù thủy choàng tay ôm lấy hai đứa nhỏ sinh đôi, siết chúng thật chặt. “Ồ, nhưng thật mừng khi trông thấy hai cháu an toàn và khỏe mạnh. Cô lo quá đi mất.” Bà sờ vào những vết thâm tím trên gò má Sophie, sờ vào một vết xước trên trán Josh, những vết đứt trên cánh tay cậu nữa. Cả hai đứa nhỏ đều cảm thấy sức nóng bò râm ran khắp người, và quả thật Josh quan sát thấy những vết thâm trên da thịt cô chị mình nhạt hẳn đi.

“Thật mừng được trở lại,” Josh nói.

Sophie gạt đầu tán thành. “Thật vui khi gặp lại cô, Perry.”

Nicholas vòng cánh tay ôm vợ, giữ chặt lấy bà một lúc như rất lâu chưa gặp. Rồi ông bước lùi lại, bàn tay đặt lên vai bà, và nhìn bà kỹ lưỡng. “Mình trông khỏe đó,” ông nói.

“Thú thật đi, trông tôi già đi thì có,” bà nói. Rồi đôi mắt màu xanh lá của bà lướt trên khuôn mặt ông, để ý những đường nhăn mới và những vết nhăn hằn sâu vào da ông. Ngón tay trỏ của bà kéo theo một luồng điện trắng tinh xoa lên vô số những chỗ đứt và bầm tím, chữa chúng lành lặn. “Có thể nào cũng không già bằng mình. Mà mình trẻ hơn tôi cả một thập kỷ đó nhé,” bà nhắc, “dù sao thì hôm nay” - bà mỉm cười - “lần đầu tiên trong ngần ấy năm chung sống, mình trông có vẻ già hơn tôi đấy.”

“Một ngày qua thật là thú vị,” Flamel thừa nhận. “Nhưng làm thế nào mình lại đến đây được? Lần gần đây nhất khi chúng ta nói chuyện, mình đang là một tù nhân của Atcatraz kia mà?”

“Bây giờ tôi có thể tuyên bố rằng tôi là một trong số rất ít tù nhân đã trốn thoát khỏi hòn đảo Đá ấy.” Đan bàn tay vào tay ông, bà đi cùng với ông xuống núi băng qua làn sương mù đầu buổi chiều, hai đứa nhỏ song sinh theo sau chỉ cách một bước. “Mình phải rất tự hào về tôi mới đúng, Nicholas ạ,” bà nói. “Tôi đã lái xe đến đây, tất cả tự mình tôi đến đây.”

“Thì lúc nào tôi chẳng tự hào về mình.” Ông dừng lại một chút. “Nhưng chúng ta đâu có xe hơi.”

“Tôi mượn được một chiếc Thunderbird có mui di động khá đẹp mà tôi đã tìm thấy nơi trụ cầu. Tôi biết sắp tới đây chủ nhân chiếc xe đó sẽ chẳng còn cơ hội nào dùng đến nó cả.”

Tiến sĩ John Dee nằm trên thảm cỏ êm ái ngửa mặt nhìn thẳng lên bầu trời đêm, quan sát những đốm sáng màu vàng kim và màu bạc lịm dần trên trời và người thấy, thậm chí từ khoảng cách thế này, thoang thoang mùi hương vanilla và hương cam. Mấy chiếc trực thăng của cảnh sát đang kêu rền trong không trung, cả còi báo động hú vang khắp mọi nẻo đường.

Vậy là cặp song sinh cùng với Flamel đã trốn thoát nữa rồi.

Và đã mang theo cùng với bọn họ cuộc sống của hắn, tương lai của hắn. Hắn vừa sống sót qua một cơn hiểm nghèo kể từ cuộc tấn công bị thất bại đêm hôm trước; còn bây giờ hắn sống mà như đã chết rồi.

Tay Pháp sư từ từ ngỗi lên, nâng nhẹ cánh tay phải. Cảm giác tê cứng từ đầu ngón tay suốt đến vai, ngay chỗ thanh Clarent giáng và một cú mạnh hết cỡ. Hắn nghĩ có thể đã bị gãy.

Clarent.

Hắn nhìn thấy thẳng bé ném thanh kiếm đi... nhưng không thấy nó nhạt lên lại. Dee lặn mình trong bùn lầy và phát hiện ra thanh kiếm đang nằm trên mặt đất sát bên người hắn. Nhẹ nhàng, gần như cung kính, hắn nhắc thanh kiếm lên khỏi lớp bùn bẩn và rồi nằm xuống đất trở lại, thanh kiếm đặt ngang ngực hắn, hai tay bắt chéo lên chuôi kiếm.

Hắn đã lùng sục truy tìm kiếm thứ vũ khí này suốt năm trăm năm. Một cuộc truy tìm đã đưa hắn đi khắp thế giới, xông vào cả những Vương quốc Bóng tối. Hắn phá ra cười, âm thanh rít lên the thé, hầu như rơi vào một trạng thái cuồng loạn. Vậy là cuối cùng hắn đã tìm được thanh kiếm gần như ngay nơi điểm khởi đầu. Một trong những nơi đầu tiên hắn tìm kiếm thanh kiếm này là bên dưới Phiến đá Bệ thờ ở Stonehenge; lúc ấy hắn mới mười lăm tuổi, thời vua Henry VIII đang trị vì.

Vẫn nằm trên đất, Dee luồn tay phải vào bên dưới lớp áo khoác của hắn và kéo thanh Excalibur ra, cầm trong tay. Khi hắn giơ cả hai thứ vũ khí này lên cao. Hai thanh kiếm chuyển động trong bàn tay đang nắm chặt của hắn, giật giật lao vào nhau, hai chuôi kiếm tròn tròn quay vòng vòng, hai lưỡi kiếm tỏa khói nhẹ nhẹ. Một cơn lạnh buốt như băng giá lan khắp một bên người hắn, còn bên kia chảy tràn một luồng hơi ấm như muốn nung đốt. Luồng điện hắn nổ bóp sáng

bềnh, hơi bốc ra khỏi da thịt thành những tua xoắn dài thượt màu vàng vàng, và hẳn cảm thấy những chỗ đau nhức của hẳn dịu hẳn xuống và những vết tím bầm lành lại dần. Pháp sư đưa hai thanh kiếm đến gần nhau, bắt hai lưỡi kiếm chéo lên nhau.

Và rồi đột nhiên chúng nảy bật vào nhau, như thể bị nam châm hút. Hẳn cố kéo chúng ra, nhưng chúng cứ chuôi vào nhau, luồn khít cái này vào cái kia, rồi kêu tanh tách và tan chảy ra, lưỡi với lưỡi, chuôi với chuôi, tạo thành một thanh kiếm trông khá bình thường, làn khói xám xám rỉ ra.

Một dáng người lê bước ra khỏi vùng tối, một ông già mặc lên người cả đồng áo khoác. Ánh sáng vàng vọt nhảy múa trên mái tóc bù xù và chòm râu nhếch nhác, và đôi mắt sáng màu xanh lơ của ông già có vẻ bờ ngỡ, xa xôi. Ông nhìn thanh kiếm, dồn hết tâm trí, tập trung, hồi tưởng. Ông già giơ ra một ngón tay run rẩy đập đập vào thanh kiếm lạnh ngắt, và rồi những giọt nước mắt ràn rụa doanh đầy trong mắt ông ta. “Hai mà là một,” ông lầm bầm, “một là tất cả.” Và rồi Thời Thượng cổ quay người, lê bước chân hòa mình chìm dần vào đêm tối.

Hết quyển ba

\* \* \*

Chú thích của tác giả về Stonehenge và điểm Zero

Trời vào đêm khi Sophie và Josh đến được nơi một vòng tròn hình thành từ những hòn đá dựng đứng từ thời tiền sử trên vùng đồng bằng Salisbury Plain, nước Anh, và đứa nhỏ chỉ thoáng nhìn thấy được những gì còn sót lại của một di tích từng một thời rất quan trọng, là một trong những địa danh khảo cổ dễ nhận diện nhất trên thế giới.

Stonehenge được dựng lên trong ba giai đoạn khác biệt khá hợp lý. Những gì còn lại ngày nay là tàn tích đã sụp đổ của tất cả các chặng đường đã qua. Mặc dầu có chứng cứ nêu lên rằng con người đã sinh sống khắp chung quanh khu vực Salisbury Plain (vào thời ấy chắc hẳn đây là những cánh rừng) vào khoảng tám ngàn năm trước. Bằng cách sử dụng những nhánh gạc của hươu nai, đá và các công cụ bằng gỗ, những nhà xây dựng đầu tiên đã nạo vét ra một vòng xuyên khổng lồ rộng khoảng một mét tám và đường kính gần một trăm mét. Ngay giữa tâm đào sâu khoảng hai mét so với mặt đất. Một vòng cung để mở và hai hòn đá nhô lên như hai cây cột cổng. Chỉ còn sót lại một trong những hòn đá ấy: Phiến đá Sát tế.

Giai đoạn tiếp theo bắt đầu cách đây khoảng năm ngàn năm. Người ta không thấy được những gì còn sót lại trong giai đoạn này, nhưng chứng cứ khảo cổ cho thấy một cấu trúc bằng gỗ được dựng lên bên trên trong vòng tròn này. Những mảnh gốm vỡ và xương cháy xém đã được tìm thấy ở đây, và có ý kiến cho rằng Stonehenge chắc hẳn là một nơi dùng để cử hành lễ an táng hoặc có thể là nơi tế lễ gì đó.

Hơn một ngàn năm đó, Stonehenge được mở rộng, sửa chữa và thay đổi. Những hòn đá lớn còn sót lại ngày nay được xác định niên đại thời kỳ xây dựng ban đầu.

Người ta ước đoán có đến tám mươi cột đá xanh xám được dựng lên giữa vòng tròn. Những cái cột này hình thành nên hai nửa vòng tròn, cái này nằm bên trong cái kia. Mỗi một hòn đá khổng lồ này cân nặng ít nhất bốn tấn, và được khai thác ở một nơi trong dãy núi Preseli thuộc xứ Wales, cách đó gần bốn trăm cây số. Chỉ riêng việc vận chuyển những khối đá khổng lồ băng qua vùng nông thôn cây cối rậm rạp, qua núi cao sông sâu, đã là một kỳ tích phi thường và chứng tỏ Stonehenge quan trọng đến thế nào đối với những người cổ xưa đã dựng nên nó. Phiến đá Bệ thờ đồ sộ mà Flamel đã nằm lên đúng ra từng là một khối đá dựng đứng. Nặng đến sáu tấn.

Khoảng thời gian này, lối vào được mở rộng ra, và lúc mặt trời mọc - đặc biệt vào buổi sáng hạ chí - ắt hẳn ánh sáng đã chiếu những bóng dài chĩa sâu vào đến tận tâm vòng tròn này. Vào lúc mặt trời lặn vào những ngày giữa mùa đông, mặt trời hẳn sẽ chìm xuống giữa những khối đá.

Thậm chí trẻ hơn, có lẽ hơn bốn ngàn năm trước đó một chút nữa, một vòng tròn gồm ba mươi khối đá có hình nón được dựng thẳng đứng. Đây lại là một kỳ tích phi thường khác. Mỗi một khối đá đứng ấy nặng khoảng hai mươi lăm tấn. Những khối đá được mang đến từ một mỏ đá cách Stonehenge hơn ba mươi hai cây số về hướng bắc và được cắt, đánh bóng và tạo hình cẩn thận. Bên trong vòng tròn này có năm trilithon được sắp xếp thành hai nửa vòng tròn, khối nhỏ nhất nằm mút hai đầu xa nhất và khối lớn nhất nằm ở giữa. Bộ trilithon “nhỏ nhất” có chiều cao là sáu mét.

Qua nhiều thế kỷ, địa danh này đã bị bỏ quên và rơi vào tình trạng lộn xộn. Theo tự nhiên, những yếu tố cấu tạo và trọng lượng đáng kể của những khối đá đã kéo một số chìm vào lòng đất, và dần dần thứ tự và cách sắp đặt của vòng tròn trở nên rối rắm và không còn tồn tại y nguyên như thuở ban đầu nữa.

Stonehenge thu hút nhiều sự quan tâm, ngoạn mục và bí ẩn, mặc dù đã trải qua hàng bao nhiêu thế kỷ tìm tòi và nghiên cứu, chúng ta vẫn không biết nơi này dùng để làm gì. Là một nơi cử hành lễ an táng hoặc, theo như nhiều ý kiến, là một nơi thờ cúng? Ngày nay vị trí này được kết hợp với druidism, tôn giáo cổ đại ở Anh của người Celt cổ, và dù người ta chắc chắn rằng những người Celt đã sử dụng nơi này, cùng với nhiều vòng đá khác và những di tích rải rác ở vùng nông thôn, nhưng họ không phải là những người tạo dựng nên chúng. Có vô số những truyện hoang đường và thần thoại đã gắn kết với địa danh này; thậm chí người ta còn kết nối ở đây với chu kỳ của Merlin và Arthur\*.

\* Merlin: thầy phù thủy, nhà tiên tri và người cố vấn của vua Arthur.

Một trong những ngạc nhiên gây sốc nhất mà người ta đã khám phá ra khi tham quan Stonehenge chính là con đường sao mà quá gần với di tích cổ xưa này. Đường A344 - con đường mà cuối cùng Josh đã bỏ lại chiếc xe - chạy gần sát rạt vào một vòng tròn nguyên thủy năm ngàn năm tuổi, gần đến lạ lùng.

Ngày nay, Stonehenge là một Di sản Thế giới.

Điểm Zero cũng có thật.

Ngay giữa trung tâm Paris, nước Pháp, nằm trên quảng trường trước mặt Thánh đường Notre Dame và chính xác hết như đã mô tả trong cuốn Nữ Phù thủy. Ẩn sâu vào những viên đá cuội là một vòng tròn kết hợp bởi bốn múi. Khắc trên bốn múi này là hàng chữ POINT ZERP DES ROUTES DE FRANCE\*\*. Ngay giữa vòng tròn là một thiết kế có hình hoa mặt trời với tám cánh từ tâm tỏa ra.

\*\* Tạm dịch là “Điểm Zero của Những Tuyến đường trong nước Pháp”

Có những vị trí Điểm Zero hoặc Ki-lô-mét Zero trong nhiều thành phố trên thế giới, và đây là những điểm mà người ta lấy làm căn cứ để đo tất cả những khoảng cách trong thành phố hoặc từ thành phố đến các thành phố khác. Một số là những phiến đá đặt sâu xuống đất, trong khi một số khác lại có thể là những tấm bia hoặc đài kỷ niệm.

Không ai khuyến khích bạn đứng trên phiến đá này ở Paris vào buổi chính Ngọ - bạn đã biết chuyện gì đã xảy đến cho Scathach và Joan rồi đó!

\* \* \*

Giới thiệu tập tiếp theo

The Necromancer - Kẻ chiêu hồn

Bí mật của Nicholas Flamel bất tử

Quyển bốn

Tôi thấy sợ.

Không phải cho bản thân tôi, nhưng cho những người tôi để lại sau lưng mình: Perenelle và cặp song sinh. Tôi cam đành chấp nhận rằng chúng tôi sẽ không thể nào giành lại kịp Cuốn Codex để cứu vợ tôi. Có lẽ tôi chỉ còn đúng một tuần lễ, chắc chắn không thể hơn hai tuần được, rồi thì tuổi sẽ đến đòi mạng tôi; còn Perenelle khả năng có thể sẽ kéo dài được gần hai tuần.

Tôi không muốn chết. Tôi đã sống trên trái đất này sáu trăm bảy mươi sáu năm, và vẫn còn quá nhiều tôi chưa từng làm, quá nhiều việc tôi ước ao mình vẫn còn thời gian để thực hiện.

Dù vậy, tôi thấy mình được an ủi, vì tôi đã sống đủ lâu để tìm được cặp song sinh huyền thoại, và tự hào rằng tôi đã khởi đầu việc huấn luyện hai đứa những pháp thuật cơ bản. Sophie đã tinh thông được ba, Josh chỉ mới có một, nhưng nó lại bộc lộ các kỹ năng khác, và lòng can đảm của nó thật phi thường.

Chúng tôi trở về tới San Francisco, đã bỏ Dee lại ngay giữa lòng London. Tôi hy vọng đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp hẳn. Tuy nhiên, tôi thật lo lắng vì Machiavelli đang ở đây, trong thành phố này. Perenelle đã đánh bẫy y và tên bạn đồng hành của y trên Atcatraz cùng với những con quái thú khác, nhưng tôi không rõ hòn đảo Đá ấy có thể cầm giữ trong bao lâu một kẻ như tay người Ý bất tử kia.

Và cả tôi lẫn Perenelle đều đồng ý rằng Atcatraz là một mối đe dọa mà chúng tôi phải đương đầu bao lâu chúng tôi còn có thể. Chỉ mỗi việc ý thức rằng các xà-lim đang chứa đầy những bọn quỷ sứ cũng đủ làm người ta thấy kinh khiếp. Mặc dù vậy, lo lắng hơn nữa là tin tức cho biết Scathach và Joan Arc đã biến đâu mất. Lẽ ra cổng tuyến ở Notre Dame phải đưa họ đến ngọn Mount Tamalpals, nhưng họ chưa bao giờ đặt chân lên đó. Francis điên cuồng vì lo lắng, nhưng tôi có nhắc cậu ấy rằng Scathach đã trên hai ngàn rưỡi tuổi, và cô ấy là chiến binh tối thượng.

Mối quan tâm thật sự của tôi nằm ở hai đứa nhỏ sinh đôi. Tôi không rõ bọn trẻ suy nghĩ thế nào về tôi nữa. Tôi luôn ý thức rằng Josh đang chất chứa trong lòng nó những nghi ngại về tôi, nhưng bây giờ tôi lại đang có cảm giác là bọn trẻ vừa sợ hãi vừa mất lòng tin cậy khi hai đứa đã khám phá ra những phần nhỏ trong lịch sử cuộc đời tôi mà tôi thích được che giấu đi thì hơn. Tôi không tự hào về một số việc tôi đã làm, nhưng tôi không tiếc gì cả. Tôi làm những gì phải làm để

bảo toàn sự sống còn của toàn nhân loại, và nếu được chọn lựa, tôi sẵn sàng lặp lại tất cả những điều ấy một lần nữa.

Hai đứa nhỏ song sinh đã trở về nhà di tị nó ở Pacific Heights. Tôi sẽ để cho bọn trẻ một hoặc hai ngày nghỉ ngơi và hồi phục sức khỏe. Rồi chúng tôi sẽ lại bắt đầu. Việc huấn luyện cần phải được hoàn tất; hai đứa nhỏ cần phải được chuẩn bị sẵn sàng khi các Elder Đen tối quay trở lại.

Bởi vì ngày đó hầu như đang lơ lửng lơ lửng chừng ngay trên mỗi người chúng tôi.

Trích từ Nhật ký của Nicholas Flamel, Nhà Giả kim

Viết vào hôm nay, thứ Ba, ngày 5 tháng Sáu,  
tại San Francisco, thành phố đã cứu mang tôi

\* \* \*

Lời tri ân

Để nói được lời tri ân hết mọi người, có lẽ phải viết ra một danh sách còn dài hơn cả quyển sách này. Quyển Nữ Phù thủy không thể ra mắt bạn đọc nếu không có sự giúp đỡ, hỗ trợ, hướng dẫn, động viên và thông hiểu của rất nhiều người.

Đặc biệt và cụ thể, là:

Beverly Horowitz, Krista và Colleen Fellingham ở Delacorte Press

Và

Barry Krost ở BKM và Frank Weimann ở The Literary Group

Rồi đến những người khác nữa đã làm cho quyển sách này được chấp nhận:

Claudette Sutherland và Michael Carrol

Những người đã giúp câu chuyện dễ đọc hơn:

Patrick Kavanagh, Libby Lavella và Sarah Baczewski

Những người đã khiến cho tác phẩm trở nên thật thú vị:

Simon và Wendy Wells, Hans và Suzanne Zimmer, Kelli Bixler, Kristofer Updike và Richard Thompson

Kindle Kobo Vietnam

[www.facebook.com/groups/yeukindlevietnam](http://www.facebook.com/groups/yeukindlevietnam)

HẾT

# Table of Contents

[Lời dẫn](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)  
[Chương 32](#)  
[Chương 33](#)  
[Chương 34](#)  
[Chương 35](#)  
[Chương 36](#)  
[Chương 37](#)  
[Chương 38](#)  
[Chương 39](#)  
[Chương 40](#)  
[Chương 41](#)  
[Chương 42](#)  
[Chương 43](#)  
[Chương 44](#)  
[Chương 45](#)  
[Chương 46](#)  
[Chương 47](#)  
[Chương 48](#)  
[Chương 49](#)  
[Chương 50](#)  
[Chương 51](#)  
[Chương 52](#)  
[Chương 53](#)  
[Chương 54](#)  
[Chương 55](#)  
[Chương 56](#)  
[Chương 57](#)  
[Chương 58](#)  
[Chương 59](#)  
[Chương 60](#)  
[Chương 61](#)  
[Chương 62](#)  
[Chương 63](#)  
[Chương 64](#)

[Chương 65](#)

[Chương 66](#)

[Chương 67](#)

[Chương 68](#)

[Chương 69](#)

[Chương 70](#)

[Lời bạt](#)